

UNDERSTANDING HUMAN RIGHTS

MANUAL ON HUMAN RIGHTS EDUCATION

Human Rights
of the Child

Religious
Freedom

Human Rights
of Women

Freedom of
Expression

Prohibition of
Torture

Right to
Democracy

Freedom of
Poverty

Human Rights in
Armed Conflict

Fair Trial

Freedom of
the Media

Human Security

Development

Right to
Education

Human Dignity

Non-
Discrimination

Right to Health

Right to Work

Rule of Law



intermedia



TÌM HIỂU VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VỀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

Chủ biên: Wolfgang Benedek
(Tài liệu dịch)

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI 2008

Chỉ đạo thực hiện:

Tổ chức thực hiện:

ĐẶNG DŨNG CHÍ

NGUYỄN THỊ THANH HẢI

NGUYỄN THỊ BẢO

TRẦN THỊ HỒNG HẠNH

Biên dịch:

PHẠM PHƯƠNG ĐÔNG

TRƯƠNG HỒ HẢI

HOÀNG MAI HƯƠNG

TRẦN THỊ THU HƯƠNG

LÊ HỒNG PHÚC

Hiệu đính:

NGUYỄN THỊ THANH HẢI

TRẦN THỊ THU HƯƠNG

**Tài liệu của Mạng lưới an ninh con người
dựa trên sáng kiến của Bộ Ngoại giao Áo.
Bản quyền đã được đăng ký.**

Xuất bản ở Bỉ

ISBN 90-5095-574-6

Intersentia N.V.

Groenstraat 31

B-2640 Mortsel (Antwerpen)

Phone: +32 3 680 15 50

Fax: +32 3 658 71 21

Xuất bản ở Đức

ISBN 3-8305-1192-2

BWV Berliner Wissenschafts-Verlag

Axel-Springer-Straße 54 b

D-10117 Berlin

Phone: +49 30 84 17 70-0

Fax: +49 30 84 17 70-21

Xuất bản ở Áo

ISBN 3-7083-0371-7

Neuer Wissenschaftlicher Verlag GmbH Argentinierstrae
42/6, A-1040 Wien

Số điện thoại: +43 1 535 61 03-22

Fax: +43 1 535 61 03-25

e-mail: office@nwv.at

Geidorfgürtel 20, A-8010 Graz

e-mail: office@nwv.at

Trang chủ: www.nwv.at

© NWV Neuer Wissenschaftlicher Verlag, Wien- Graz 2006

Impressum

Được quỹ Hợp tác Phát triển Áo và Liên bộ về Giáo dục,
Khoa học và Văn hóa Áo xuất bản.

Chủ biên lần xuất bản thứ 2

Wolfgang Benedek

© 2006, Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người
và dân chủ châu Âu (ETC), Graz

Trình bày

JANTSCHER Werberaum

www.jantscher.at

In ấn

Börsedruck GesmbH

Liesinger Flur-Gasse 8

1230 Wien



LỜI GIỚI THIỆU

Quyền con người là một nội dung lớn của thế giới ngày nay. Để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, mỗi quốc gia cần phải thường xuyên chú trọng giáo dục quyền con người.

Là thành viên của các công ước quốc tế về quyền con người, Nhà nước Việt Nam luôn nỗ lực thực hiện các cam kết của mình; đồng thời chủ động hợp tác với các quốc gia và các tổ chức quốc tế trong nhiều hoạt động trên lĩnh vực quyền con người. Những năm qua, các hình thức phổ cập về quyền con người luôn được đẩy mạnh. Bên cạnh việc giảng dạy môn học quyền con người trong trường học, nhiều cơ quan nhà nước, nhiều tổ chức thuộc hệ thống chính trị và cơ quan khoa học đã phối hợp với các tổ chức quốc tế và quốc gia mở các khoá tập huấn về quyền con người cho các đối tượng khác nhau. Nhận thức về quyền con người, do đó, đã ngày càng được nâng cao.

Cuốn sách "*Tìm hiểu về quyền con người*" mà bạn đọc đang có trong tay, được các chuyên gia hàng đầu của tổ chức Mạng lưới an ninh con người, do Wolfgang Benedek là chủ biên, được Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu (ETC), ấn hành tại thành phố Graz (Áo), năm 2006. Cuốn sách được biên soạn công phu, bao quát những vấn đề cơ bản nhất về quyền con người: Lịch sử hình thành, phát triển quyền con người, cơ chế bảo đảm quyền con người ở các khu

vực... Cuốn sách đặc biệt tập trung vào một số quyền con người chủ yếu, nhằm giúp người đọc nắm được những nội dung chính của các quyền này. Cuốn sách được biên soạn theo phương pháp giáo dục tiên tiến, vì thế nó là một công cụ tốt có thể góp phần vào việc giáo dục và nghiên cứu về quyền con người ở nước ta hiện nay.

Khi sử dụng Tài liệu, xin bạn đọc lưu ý về sự chính xác của một số tư liệu và sự kiện, nhất là cách nhìn ở một đôi chỗ không phù hợp với quan điểm của chúng ta. Tuy nhiên, trên tinh thần cầu thị, hợp tác và thái độ phê phán, chúng ta trân trọng nỗ lực của các tác giả và coi đây là một tập tài liệu tham khảo bổ ích trên lĩnh vực còn nhiều quan điểm khác biệt này.

Để có tập tài liệu này, chúng tôi bày tỏ lời cảm ơn tới Đại sứ quán Cộng hoà Áo tại Việt Nam đã cung cấp tài liệu và tài chính; đặc biệt xin cảm ơn cá nhân Ngài Đại sứ - Tiến sĩ Johannes Peterlik, đã quan tâm, tạo điều kiện để cuốn sách sớm được hoàn thành và ra mắt bạn đọc.

Trong quá trình dịch thuật, mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự phê bình, góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

VIỆN NGHIÊN CỨU QUYỀN CON NGƯỜI

LỜI TỰA



Giáo dục quyền con người là trọng tâm vững chắc trong chính sách đối ngoại của Áo và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cá nhân tôi. Bởi lẽ, để có được một cuộc sống an toàn và có thể hoạch định trước

tương lai - mục tiêu lớn nhất của chúng ta - đòi hỏi các nhà chức trách phải bảo đảm quyền con người cũng như sự nhận thức - sự tự ý thức - của mỗi cá nhân về các quyền của mình.

Nhiệm vụ của giáo dục quyền con người là giải thích cho mọi người về các quyền và tự do căn bản của họ, đồng thời nâng cao nhận thức của các nhà chức trách về ý nghĩa và nghĩa vụ phải tôn trọng các quyền con người - nền tảng của an ninh nhân loại. Thông qua các biện pháp có tính định hướng, con người sẽ hiểu rõ hơn về các quyền của mình, từ đó có thể chủ động đấu tranh cho quyền lợi của chính mình cũng như của người khác.

Vấn đề cốt lõi của chương trình an ninh nhân loại là tạo điều kiện để mỗi người được sống trong sự tôn trọng, được giải phóng khỏi sự lo sợ và cùng quẫn. Nhiệm vụ cụ thể mà tất cả các nhà hoạch định chính sách trong nước và quốc tế cần có nghĩa vụ thực hiện là bảo vệ con người trước mọi hành vi vi phạm quyền con người và các tự do căn bản của họ, đồng thời tạo mọi điều kiện để việc đàn áp, sự chuyên quyền hay bóc lột con người không có cơ hội được diễn ra.

Xuất phát từ hoài bão này mà Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu (ETC) tại Graz đã được Bộ Châu Âu và Quốc tế Liên bang giao nhiệm vụ biên soạn cuốn tài

liệu “*Tìm hiểu về quyền con người*” trong khuôn khổ nhiệm kỳ nước Áo nắm giữ vai trò Chủ tịch “Mạng lưới an ninh nhân loại” năm 2003.

Tài liệu này có ý nghĩa như một sợi chỉ đỏ cho công tác nhân quyền cụ thể tại Áo và trên toàn thế giới. Các chính trị gia, các thẩm phán, các nhà quân sự, cán bộ làm công tác quản lý cũng như những người có trách nhiệm trong lĩnh vực giáo dục, giáo viên và cả những người làm công tác xã hội cũng như các nhân viên làm việc tại các tổ chức phi chính phủ cần ý thức rõ về trách nhiệm của mình cũng như cần nhạy cảm hơn đối với ý nghĩa của quyền con người. Ở đây, việc tham gia đấu tranh chống mọi hình thức vi phạm quyền con người cũng như bạo lực với phụ nữ và trẻ em đóng một vai trò đặc biệt quan trọng. Sự phân biệt đối xử hoặc các hành vi không tôn trọng phẩm giá của con người không được phép có chỗ trú chân trong xã hội chúng ta.

Việc giáo dục quyền con người là một nhiệm vụ quan trọng trong công cuộc hòa bình. Nó là một công việc thiết yếu, giúp hiểu rõ và cảm thông các vấn đề khác, giúp phân tích những sự đối lập không có thực và chỉ ra những cái chung nhằm xây dựng cầu nối và cuối cùng là tạo ra các mối quan hệ thẳng thắn giữa người với người và giữa các cộng đồng với nhau mà trong đó mỗi người đều có thể tự do bày tỏ quan điểm cá nhân của mình.

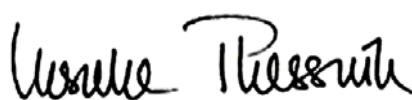
Tôi rất vui mừng vì cuốn tài liệu này ngày càng được quảng bá rộng rãi trên trường quốc tế, một phần nhờ có sự hợp tác của chúng tôi với các tổ chức trong khu vực và quốc tế. Khi trao đổi với các đồng nghiệp ở các quốc gia khác, tôi thường chủ động nêu ra các vấn đề về quyền con người và đề nghị hợp tác trong việc thúc đẩy quyền con

người thông qua việc sử dụng tập tài liệu “***Tìm hiểu về quyền con người***”. Hiện nay, tài liệu đã được dịch sang hơn mười thứ tiếng và được sử dụng ở nhiều quốc gia và khu vực, đặc biệt là qua các cuộc hội thảo “đào tạo giảng viên kiêm chức” về quyền con người.

Cuốn tài liệu đã góp phần quan trọng trong việc khẳng định một cách sâu sắc hơn ý tưởng về quyền con người. Chúng tôi đã nhận được nhiều thông tin phản hồi tích cực từ những người sử dụng cuốn sách trên khắp thế giới. Báo cáo năm 2006 của “Liên hiệp các nền văn minh” đã đánh giá cao cuốn sách, coi đây là một sáng kiến cụ thể và thành công trong việc thúc đẩy đối thoại đa văn hóa. Báo cáo cũng đưa ra lời khuyên mọi người nên sử dụng cuốn sách.

Lần xuất bản thứ hai được xây dựng dựa trên các kinh nghiệm sử dụng cuốn sách từ trước đến nay, nó mô tả một công cụ đào tạo về quyền con

người mang tính thực tiễn và rất gần gũi với thực tế. Tôi rất vui mừng vì lần xuất bản thứ hai này cuốn sách cũng được dịch sang tiếng Đức, và tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, cuốn sách sẽ góp phần giúp chúng ta vượt qua những thách thức đặt ra trước mắt trên lĩnh vực quyền con người. Tôi xin chân thành cảm ơn Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu đã nỗ lực hết mình trong quá trình biên tập và xuất bản cuốn sách này. Tôi cũng rất vui mừng chào đón các sự hợp tác tiếp theo trong việc quảng bá và sử dụng cuốn sách giáo dục về quyền con người này.



.....

TS. Ursula Plassnik

Bộ trưởng Bộ Châu Âu và Quốc tế

LỜI CẢM ƠN

Được Bộ Ngoại giao Áo giao phó, một nhóm chuyên gia của Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu dưới sự chỉ đạo của Wolfgang Benedek và Minna Nikolova đã biên soạn đề lần đầu tiên xuất bản cuốn tài liệu **“Tìm hiểu về quyền con người”** vào năm 2002/2003. Hai cuộc hội nghị chuyên gia do Bộ Ngoại giao Áo chủ trì đã tập hợp được một số lượng lớn các chuyên gia về giáo dục quyền con người và các nhà hoạt động thực tiễn của các quốc gia thành viên thuộc Mạng lưới an ninh con người. Họ là những người đã có đóng góp cho nỗ lực giáo dục quyền con người liên văn hóa, liên thế hệ, tiên phong và mới mẻ thực sự này. Ấn phẩm này, lần đầu tiên ra mắt nhân Hội nghị Bộ trưởng các quốc gia thành viên Mạng lưới an ninh con người tại Graz vào ngày 08-10 tháng 5 năm 2003.

Tài liệu đã nhận được sự hỗ trợ rộng rãi và sự ủng hộ nhiệt tình. Chỉ trong 3 năm, tài liệu đã được dịch ra 11 ngôn ngữ khác nhau. Hỗ trợ cho các bản dịch này là thành viên của Mạng lưới an ninh con người, cụ thể là Bộ Ngoại giao của Mali cùng với UNDP Mali và Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người Mali đã hỗ trợ bản dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp, Bộ Ngoại giao Chi Lê hỗ trợ bản dịch bằng tiếng Tây Ban Nha, Bộ Ngoại giao Thái Lan hỗ trợ bản dịch và xuất bản bằng tiếng Thái. Bộ Ngoại giao Áo đã hỗ trợ xuất bản bằng tiếng Nga do ODIHR/OSCE và Nhà xuất bản Croatia dịch dưới sự đảm nhận của Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo quyền con người và dân chủ cho công dân tại Trường Đại học Zagreb. Bản dịch và xuất bản bằng tiếng Serbia do Bộ Dân tộc thiểu số Serbia và Montenegro hỗ trợ với sự phối hợp của Bộ Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Áo và Trung tâm Quyền con người Belgrade. Chương trình quyền con người Phần Lan ở Prishtina, Kosovo đã hỗ trợ dịch và xuất bản bằng tiếng Albani. Ấn phẩm

bằng tiếng Trung Quốc được xuất bản với sự hỗ trợ của Viện Raoul Wallenberg về quyền con người và Luật Nhân đạo, Thụy Điển và Viện Luật pháp thuộc Học viện Khoa học xã hội Trung Quốc. Cuối cùng, bản dịch bằng tiếng Ả Rập đã được tổ chức UNESCO ở Paris cung cấp. Hầu hết các bản dịch này đều có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu ở Graz tại địa chỉ: <http://www.manual.etc-graz.at>.

Những phát triển mới và sự khuyến khích ủng hộ đối với lần xuất bản đầu tiên đã đặt ra nhu cầu cần có sự cập nhật và sửa đổi lần hai với sự đóng góp của một số chuyên gia.

Xin đặc biệt gửi lời cảm ơn tới các tác giả và cá nhân sau đây đã có đóng góp cho nội dung cuốn tài liệu trong cả hai lần xuất bản:

Giới thiệu hệ thống quyền con người:

Wolfgang Benedek, Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu (ETC) và Trường Đại học Graz

Cảm tra tán: Minna Nikolova-Kress, ETC Graz, Renate Kicker, ETC và Trường Đại học Graz

Tự do khỏi nghèo đói: Alpa Vora và Minar Pimple, YUVA Mumbai, Anke Sembacher, ETC Graz

Không phân biệt đối xử: Eva Schöfer, Klaus Starl và Anke Sembacher, ETC Graz

Quyền về sức khỏe: Kathleen Modrowski, PDHRE, New York, Gerd Oberleitner, Trường Đại học Graz

Quyền phụ nữ: Susana Chiarotti, PDHRE/CLADEM, Anke Sembacher, ETC Graz

Pháp quyền và xét xử công bằng: Leo Zwaak, SIM Utrecht và Hatice Senem Ozyavuz, Angelika Kleewein, Catrin Pekari và Klaus Kapuy, Trường Đại học Graz

Tự do tôn giáo: Verena Lahousen, ETC Graz, Yvonne Schmidt và Otto König, Trường Đại học Graz

Quyền được giáo dục: Wolfgang Benedek, Trường Đại học Graz, Petra Sulovska, ETC Graz
Quyền Trẻ em: Helmut Sax, BIM Vienna, Claudia Pekari, ETC Graz

Quyền con người trong xung đột vũ trang: Alexandra Boivin và Antoine A. Bouvier, ICRC Geneva, Anke Sembacher, ETC Graz

Quyền được làm việc: Angelika Kleewein và Klaus Kapuy, Trường Đại học Graz, Martin Ölz, ILO, Geneva

Tự do biểu đạt và tự do trong thông tin: Wolfgang Benedek, ETC và Trường Đại học Graz

Quyền dân chủ: Satya Das, John Humphrey Center Edmonton, Christoph Weritsch và Angelika Kleewein, ETC Graz, Minna Nikolova-Kress, ETC Graz, Catrin Pekari và Christian Pippan, Trường Đại học Graz

Các nguồn tài liệu bổ sung: Angelika Heiling, Evelin Kammerer, Angelika Kleewein, Gerlinde Kohlroser, Verena Lahousen, Claudia Pekari, Ursula Prinzl và Petra Sulovska, ETC Graz

Lưu ý chung về phương pháp giáo dục quyền con người: Claudia Pekari và Barbara Schmiedl, ETC Graz

Các hoạt động chọn lọc: Claudia Pekari, Barbara Schmiedl và Verena Lahousen, ETC Graz

Trợ lý nghiên cứu: Klaus Kapuy, Trường Đại học Graz, Ursula Prinzl và Maddalena Vivona, ETC Graz

Đọc và sửa bản in: Elisabeth Ernst-McNeil và Suzanne Marlow, Trường Đại học Graz, Angelika Heiling, ETC Graz

Ý tưởng thiết kế: Markus Garger, Robert Schrotthofer và Wolfgang Gosch, Kontrapart Graz và Gerhard Kress (trang bìa)

Biên tập và điều phối dự án cho lần xuất bản đầu tiên: Wolfgang Benedek và Minna Nikolova, ETC Graz

Biên tập và điều phối cho lần xuất bản thứ hai: Wolfgang Benedek

Trợ lý điều phối cho lần xuất bản thứ hai: Gerlinde Kohlroser, ETC Graz

Trợ lý biên tập cho lần xuất bản thứ hai:

Matthias C. Kettemann, Trường Đại học Graz

Chúng tôi đặc biệt muốn cảm ơn những đóng góp quan trọng của Mạng lưới phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người để chuẩn bị cho lần xuất bản đầu tiên của cuốn tài liệu.

Đặc biệt, chúng tôi muốn gửi lời biết ơn chân thành đến các chuyên gia, cố vấn, bạn bè và các cơ quan sau đây vì sự hỗ trợ không ngừng, ý kiến đóng góp và những gợi ý hữu ích và xác đáng nhằm hoàn thiện cuốn tài liệu: Shulamith Koenig - Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người - New York, Adama Samassekou và nhóm tham gia của Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người - Mali, Manuela Rusz và nhóm tham gia của Viện Pháp luật quốc tế và quan hệ quốc tế của Đại học Graz, Anton Kok - Trung tâm Quyền con người của Trường Đại học Pretoria, Yannis Ktistakis - Tổ chức Quyền con người Marangopoulos - Athens, Debra Long và Barbara Bernath, - Hội liên hiệp ngăn ngừa tra tấn (APT) - Geneva, Manfred Nowak - Viện Quyền con người Ludwig Boltzmann (BIM) - Vienna, Monique Prindezis - CIFEDHOP - Geneva, Liên đoàn chống phi báng - New York, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế - Geneva.

Cuối cùng, chúng tôi xin cảm ơn Vụ Quyền con người của Bộ Ngoại giao Áo, đặc biệt là Georg Mautner-Markhof và Ursula Werther-Pietsch, Stefan Scholz, Georg Heindl, Eva Schöfer và Engelbert Theuermann.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Từ trước đến nay, nhất là sau khi trở thành thành viên các công ước về quyền con người, Nhà nước Việt Nam đã rất coi trọng việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về quyền con người. Giáo dục quyền con người đã được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú và sáng tạo, nhờ đó đã không ngừng nâng cao nhận thức của xã hội về quyền con người.

Trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Thực hiện chủ trương trên, việc hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các quốc gia và tổ chức quốc tế trên các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quyền con người ngày càng được đẩy mạnh. Trên tinh thần ấy, Viện nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia tổ chức dịch cuốn sách "*Tìm hiểu quyền con người*", nhằm có thêm một cái nhìn đa chiều về vấn đề quyền con người.

Nhà xuất bản Tư pháp trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn sách này, nhằm cung cấp một tài liệu tham khảo, phục vụ công tác nghiên cứu và giáo dục về quyền con người ở nước ta hiện nay.

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

Ý tưởng về cuốn tài liệu giáo dục quyền con người dành cho mọi người là một đóng góp cụ thể trong hoạt động của Mạng lưới an ninh con người trong thời kỳ nước Áo nắm vị trí chủ tịch do đại diện đến từ Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu-Graz nắm giữ. Được sự uỷ nhiệm của Bộ Ngoại giao Áo, nhóm tham gia của Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu đã xây dựng khung khái niệm và soạn thảo cuốn tài liệu này.

Cuốn sách “*Tìm hiểu về quyền con người*” được coi là một công cụ hỗ trợ cho cả người học và người dạy ở các quốc gia trong và ngoài Mạng lưới an ninh con người về giáo dục và nỗ lực học tập quyền con người trong các môi trường văn hóa khác nhau, coi đó là một chiến lược nhằm nâng cao an ninh con người. Như mục đích đặt ra, tài liệu này có thể được coi là điểm khởi đầu hữu ích để nhận thức quyền và những sai lầm của con người, để đào tạo cho các giảng viên trong tương lai và để mở ra một diễn đàn thảo luận về giao lưu và nhận thức giữa các nền văn hóa.

Cuốn sách là một tập hợp các vấn đề lý thuyết được chọn lọc, có tính đến tính nhạy cảm thông qua thực tiễn, đồng thời cung cấp cả nội dung về xây dựng kỹ năng và hình thành quan điểm. Hàng loạt chủ đề được đề cập tới với mục đích chính là khuyến khích việc tìm kiếm cơ sở chung, chia sẻ quan điểm của con người cũng như thể hiện các vấn đề gây tranh cãi từ quan điểm nhạy cảm về văn hóa.

Tài liệu gồm ba phần chính: phần giới thiệu chung về các vấn đề cơ bản của quyền con người, phần chọn lọc chuyên biệt về “các vấn đề cốt lõi” được thể hiện dưới hình thức các chuyên đề để hiểu rõ chức năng của quyền con người trong đời sống hàng ngày, và phần thứ ba được gọi là “phần nguồn tài liệu bổ sung”, phần này gồm

thông tin hữu ích về các thể chế, các tài liệu tham khảo liên quan để đọc thêm và các nguồn tài liệu trực tuyến.

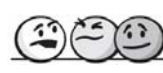
Để giúp người đọc dễ dàng định hướng hơn, các ký hiệu sau đây sẽ trợ giúp bạn:

 - Điều cần biết

 - Kinh nghiệm hay

 - Câu hỏi thảo luận

 - Các hoạt động chọn lọc

 - Quan điểm liên văn hóa
và các vấn đề gây tranh cãi

 - Để biết thêm thông tin,
cần tham khảo

Tài liệu này có thể được sử dụng bởi nhiều đối tượng theo các mục đích khác nhau. Với kết cấu bài giảng linh hoạt và thân thiện cho người sử dụng, chúng tôi hy vọng rằng, tài liệu sẽ được cả giảng viên và người học sử dụng hiệu quả và thiết thực.

Nếu như bạn muốn tìm hiểu phần giới thiệu chung về các khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của quyền con người, bạn có thể tham khảo phần mở đầu của cuốn tài liệu. Nếu bạn muốn tìm hiểu các ví dụ minh họa về các vấn đề quyền con người cụ thể, được coi là chìa khóa để có được an ninh con người, thì có thể bắt đầu khám phá đó ở phần “Điều nên biết” của các bài. Nếu bạn muốn có sự phân tích sâu sắc và có hệ thống hơn về các quyền con người cụ thể, có thể tham khảo phần

“Điều cần biết” của các bài. Và nếu bạn quan tâm tới việc khám phá và giảng dạy các vấn đề quyền con người thông qua các phương pháp đổi mới về giáo dục quyền con người cho vị thành niên và người lớn, bạn có thể tham khảo phần “Các hoạt động chọn lọc” trong các bài. Ngoài ra, có thể xem thêm phần lưu ý chung về phương pháp giáo dục quyền con người.

Tài liệu được xây dựng theo hướng mở và chỉ tập trung đề cập một số vấn đề chọn lọc cốt yếu. Chúng tôi khuyến khích bạn tiếp tục hoàn thiện bằng các ví dụ và câu chuyện, câu hỏi và kinh nghiệm từ chính bối cảnh địa phương bạn.

Chính vì vậy, Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ đã mở phần thông tin phản hồi trên trang web của mình, trong đó có sẵn các phiên bản ngôn ngữ khác nhau. Chúng tôi cũng đã đưa ra các bài thuyết trình bằng Power Point

của tất cả các chuyên đề lên trang web để các bạn có thể tải về. Ngoài ra, các nguồn tài liệu bổ sung cũng có thể được tìm thấy ở tất cả các module với các tài liệu giảng dạy và cập nhật hữu ích tại địa chỉ <http://www.manual.etc-graz.at>.

Chúng tôi sẵn sàng tiếp nhận các thông tin phản hồi đến địa chỉ office@etc-graz.at, vì điều này sẽ giúp chúng tôi bổ sung thêm thông tin, với mong muốn để cuốn tài liệu sẽ thực sự hữu ích cho người học, các nhà giáo dục và các giảng viên từ các nền văn hóa khác nhau và với các trình độ hiểu biết khác nhau về quyền con người.

Chúc các bạn có hứng thú khi đọc cuốn tài liệu này và hãy cùng đóng góp để hoàn thiện nó, để bổ sung các kinh nghiệm về các vấn đề quan tâm của cộng đồng của bạn, và để khuyến khích nhiều người hơn nữa đọc và hiểu thêm thực tế sôi động và cuốn hút không ngừng của quyền con người.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ACHR - Công ước châu Mỹ về quyền con người	CRA - Cơ quan điều chỉnh về truyền thông
ACHPR - Hiến chương châu Phi về con người và quyền con người	CRC - Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em
ACP - Các nước châu Phi, Caribe và Thái Bình Dương	CRIN - Mạng thông tin về quyền trẻ em
ADL - Liên đoàn chống phi báng	CSW - Ủy ban về địa vị phụ nữ
AI - Tổ chức Ân xá quốc tế	CSCE - Hội nghị về An ninh và hợp tác châu Âu
AIDS/HIV - Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải/Vi rút làm suy giảm miễn dịch ở người	CWC - Tổ chức về quan tâm tới trẻ em làm việc
ALRC - Trung tâm Thông tin pháp lý châu Á	DGLI - Tổng vụ trưởng về các vấn đề pháp lý
ANC - Đại hội quốc gia châu Phi	ECHO - Văn phòng nhân đạo Cộng đồng châu Âu
APT - Hội liên hiệp ngăn ngừa tra tấn	ECHR - Công ước châu Âu về Bảo vệ quyền con người và các tự do cơ bản
ASEF - Quỹ Á-Âu	ECOSOC - Hội đồng Kinh tế và xã hội
AU - Liên minh châu Phi	ECPAT - Tổ chức chấm dứt nạn mại dâm, tranh ảnh khiêu dâm và buôn bán trẻ em
ASEM - Hội nghị hợp tác Á-Âu	EFA - Giáo dục cho tất cả mọi người
BIM - Viện Quyền con người Ludwig Boltzman, Vienna, Áo	ENAR - Mạng lưới châu Âu về chống phân biệt chủng tộc
CCW - Công ước về ngăn cấm và hạn chế sử dụng một số loại vũ khí thông thường	ENOC - Mạng lưới Thanh tra châu Âu về trẻ em
CDDRL - Trung tâm Dân chủ, phát triển và pháp quyền	EPZ - Khu chế xuất
CEDAW - Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ	ETC - Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu, Graz, Áo
CERD - Ủy ban về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc	EU - Liên minh châu Âu
CESCR - Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa	EUMC - Trung tâm giám sát châu Âu về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa bài ngoại
CHR - Ủy ban quyền con người	EURONET - Mạng lưới trẻ em châu Âu
CIM - Ủy ban liên Mỹ về phụ nữ	FAO - Tổ chức nông lương FARE - Bóng đá để chống phân biệt chủng tộc ở châu Âu
CJ - Ban Hội thẩm công dân	FDC - Liên minh tự do không bị nợ nần
CLADEM - Ủy ban châu Mỹ La tinh và Caribe về bảo vệ các quyền của phụ nữ	FGM - Cắt bỏ âm đạo
CoE - Hội đồng châu Âu	FIFA - Liên đoàn Bóng đá thế giới
CONGO - Hội nghị của các Tổ chức phi chính phủ có quan hệ tư vấn với Liên hiệp quốc	FLO - Tổ chức về nhãn hiệu thương mại công bằng
CPT - Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn	FWCW - Hội nghị Thế giới lần thứ tư về phụ nữ
	GA - Đại Hội đồng Liên hiệp quốc
	GATS - Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ
	GC - Thỏa thuận toàn cầu

GDP - Tổng sản phẩm quốc nội
GPF - Diễn đàn chính trị toàn cầu

HDR - Báo cáo Phát triển con người của UNDP
HIPC - Các nước nghèo mắc nợ chồng chất
HR - Quyền con người
HRC - Hội đồng quyền con người
HREL - Giáo dục và học tập quyền con người
HSN - Mạng lưới an ninh con người

ICC - Tòa Hình sự quốc tế
ICCPR - Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
ICERD - Công ước Quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc
ICESCR - Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa
ICPD - Hội nghị Quốc tế về dân số và phát triển
ICRC - Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế
ICTR - Tòa Hình sự quốc tế dành cho Rwanda
ICTY - Tòa Hình sự quốc tế dành cho Nam Tư cũ
ICVA - Hội đồng các tổ chức tình nguyện quốc tế
IDB - Ngân hàng Phát triển liên Mỹ
IDEA - Viện Dân chủ và trợ giúp bầu cử quốc tế
IEC - Ủy ban hành pháp quốc tế
IFEX - Giao lưu Quốc tế về tự do biểu đạt
IHL - Luật Nhân đạo quốc tế
IIDH - Viện Quyền con người liên Mỹ
IJC - Ủy ban Luật gia quốc tế
ILO - Tổ chức Lao động quốc tế
IMF - Quỹ Tiền tệ quốc tế
IPA - Hội liên hiệp các Nhà xuất bản quốc tế
IPEC - Chương trình xoá bỏ lao động trẻ em quốc tế
IPI - Viện Báo chí quốc tế

MDGs - Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
MNCs - Các tập đoàn xuyên quốc gia
MSF - Médecins sans Frontières (Bác sĩ ngoài biên giới)
MPs - Các thành viên của nghị viện

NGO - Tổ chức phi chính phủ
NPA - Kế hoạch hành động quốc gia

OAS - Tổ chức các nước châu Mỹ
OAU - Tổ chức Thống nhất châu Phi
OCHA - Văn phòng Liên hiệp quốc về điều phối các vấn đề nhân đạo
ODIHR - Văn phòng Thể chế dân chủ và quyền con người
OECD - Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế
OHCHR - Văn phòng Cao ủy (Liên hiệp quốc) về quyền con người
OIC - Tổ chức Hội nghị đạo Hồi
OMCT - Tổ chức Thế giới về chống tra tấn
OSCE - Tổ chức vì An ninh và hợp tác ở châu Âu

PAHO - Tổ chức Y tế liên Mỹ
PDHRE - Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người
PLCPD - Ủy ban các nhà lập pháp Philippine về Liên hiệp tổ chức dân số và phát triển
PRODEC - Chương trình phát triển giáo dục 10 năm
PRSPs - Chiến lược xóa đói giảm nghèo

SAPs - Các Chương trình điều chỉnh cấu trúc của Ngân hàng thế giới
SARS - Hội chứng hô hấp cấp tính nặng
SEE - Đông Nam Âu
SEEMO - Tổ chức phương tiện truyền thông Đông Nam Âu
SIM - Viện Quyền con người Netherlands, Utrecht, Netherlands

TASO - Tổ chức Hỗ trợ AIDS
TM - Y học cổ truyền
TNCs - Các công ty xuyên quốc gia
TRIPs - Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
UDHR - Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
UEFA - Liên đoàn bóng đá châu Âu

UNCAT - Công ước Liên hiệp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục

UNCED - Hội nghị Liên hiệp quốc về môi trường và phát triển

UNDP - Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc

UNESCO - Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc

UNEP - Chương trình môi trường Liên hiệp quốc

UNICEF - Quỹ trẻ em Liên hiệp quốc

UNMIK - Phái đoàn Liên hiệp quốc ở Kosovo

UNMISSET - Phái đoàn Liên hiệp quốc về hỗ trợ Đông Timor

UNTAET - Quản lý chuyển tiếp của Liên hiệp quốc ở Đông Timor

VOICE - Tổ chức Tình nguyện hợp tác trong các tình huống khẩn cấp

WB - Ngân hàng thế giới

WCAR - Hội nghị thế giới chống chủ nghĩa chủng tộc, phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bài ngoại và các hình thức liên quan đến chủ nghĩa không khoan dung

WCRP - Hội nghị thế giới về tôn giáo và hòa bình

WFIRC - Hiệp hội hội đồng liên giáo thế giới

WFP - Chương trình lương thực thế giới của Liên hiệp quốc

WHO - Tổ chức Y tế thế giới

WMA - Hội liên hiệp Y tế thế giới

WSIS - Cuộc gặp thượng đỉnh thế giới về xã hội thông tin

WSSD - Cuộc gặp thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững

WTO - Tổ chức Thương mại thế giới

WUK Kinderkultur - Werkstätten und Kulturhaus Kinderkultur

YAP - Kế hoạch hành động quyền của thanh niên

CÁC NỘI DUNG CHÍNH

Lời nói đầu

Lời cảm ơn

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Danh mục các từ viết tắt

I. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG QUYỀN CON NGƯỜI

II. CÁC CHUYÊN ĐỀ CHỌN LỌC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

A. Cẩm tra tấn

B. Thoát nghèo

C. Không phân biệt đối xử

D. Quyền về sức khỏe

E. Quyền con người của phụ nữ

F. Pháp quyền và xét xử công bằng

G. Tự do tôn giáo

H. Quyền giáo dục

I. Quyền trẻ em

J. Quyền con người trong xung đột vũ trang

K. Quyền làm việc

L. Tự do biểu đạt và tự do thông tin

M. Quyền dân chủ

III. CÁC NGUỒN TÀI LIỆU BỔ SUNG

- Cuộc đấu tranh không ngừng trên toàn cầu quyền con người - Niên biểu sự kiện
- Giới thiệu các tài liệu về quyền con người
- Các nguồn tài liệu về giáo dục quyền con người
- Các địa chỉ liên lạc hữu ích
- Mạng lưới an ninh con người - Các tổ chức phi chính phủ
- Lưu ý chung về phương pháp giáo dục quyền con người
- Tuyên ngôn Graz về các nguyên tắc giáo dục quyền con người và an ninh con người
- Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
- Bảng chú giải thuật ngữ
- Bảng chú dẫn

NỘI DUNG CHI TIẾT

Lời nói đầu
Lời cảm ơn
Hướng dẫn sử dụng tài liệu
Danh mục các từ viết tắt
Các nội dung chính
Nội dung chi tiết

I. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG QUYỀN CON NGƯỜI

Lời nói đầu của Shulamith Koenig
A. Tìm hiểu về quyền con người

B. Quyền con người và an ninh con người

C. Lịch sử và triết học về quyền con người

D. Khái niệm và bản chất của quyền con người

E. Các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người

F. Quá trình thực hiện các văn kiện phổ quát về quyền con người

G. Quyền con người và xã hội dân sự

H. Các hệ thống khu vực về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người

I. Châu Âu - Các văn kiện châu Âu về quyền con người - 1. Hệ thống quyền con người của Hội đồng châu Âu - a. Tổng quan - Các cơ quan, tổ chức về quyền con người châu Âu - b. Tòa án châu Âu về quyền con người - 2. Hệ thống quyền con người của Tổ chức vì an ninh và hợp tác châu Âu (OSCE) - 3. Chính sách về quyền con người của Liên minh châu Âu.
II. Châu Mỹ - Hệ thống liên Mỹ về quyền con người

III. Châu Phi - Hệ thống quyền con người châu Phi

IV. Các khu vực khác

- I. Thẩm quyền pháp lý phổ quát và vấn đề miễn trừ
J. Thẩm quyền hình sự quốc tế
K. Sáng kiến về quyền con người ở các thành phố
L. Các cơ hội và thử thách toàn cầu về quyền con người
M. Tài liệu tham khảo

II. CÁC CHUYÊN ĐỀ CHỌN LỌC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

A. CẤM TRA TẤN

Câu chuyện minh họa

“Vấn đề của Ông Selmouni”

Điều cần biết

1. Một thế giới không có tra tấn - Cấm tra tấn và an ninh con người. 2. Định nghĩa và miêu tả vấn đề - Tra tấn là gì? - Các hình thức tra tấn - tra tấn được thực hiện như thế - Động cơ của tra tấn - Tại sao tra tấn được sử dụng? - Nạn nhân và người phạm tội tra tấn, đối xử vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm - 3. Tiếp cận liên văn hóa và những vấn đề tranh cãi - 4. Quá trình thực hiện và giám sát: Quá trình phát triển gần đây nhất.

Điều nên biết

1. Kinh nghiệm tốt - Ủy ban cố vấn về quyền con người của Áo - Hoạt động của các tổ chức quốc tế - Báo cáo viên đặc biệt về tra tấn: mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động

- Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và đối xử, trừng phạt vô nhân đạo hay hạ nhục (CPT) - Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGOs) - Chương trình 12 điểm về ngăn ngừa tra tấn - Quy tắc đạo đức - 2. *Các xu hướng* - 3. *Niên biểu sự kiện*.

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Tra tấn những kẻ khủng bố?

Hoạt động II: Chiến dịch chống tra tấn.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

B. THOÁT NGHÈO

Câu chuyện minh họa

“Đang chết dần vì đói trong một mảnh đất thặng dư”

Điều cần biết

1. *Giới thiệu* - Nghèo và an ninh con người
- 2. *Định nghĩa và mô tả vấn đề khái niệm nghèo*: Định nghĩa về đói nghèo - Các cấp độ của nghèo - Các nhóm dễ bị ảnh hưởng bởi nghèo - Tại sao nghèo vẫn tồn tại dai dẳng - 3. *Quan điểm liên văn hóa và các vấn đề gây tranh luận* - Nghèo tương đối và nghèo tuyệt đối - Sự loại trừ về mặt xã hội - 4. *Thực hiện và giám sát* - Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ - Các cơ quan điều ước giám sát nghèo - Báo cáo viên đặc biệt và các chuyên gia độc lập.

Điều nên biết

1. *Kinh nghiệm tốt*: Người nghèo được tiếp cận ngân hàng - Sáng kiến 20 - 20 của Mali - Báo cáo chiến lược giảm nghèo (PRSPs) - Nước của chúng ta không để bán - Một tương lai bền vững - Thoát đói - Công bằng về kinh tế - Hiệp định Contonou - 2. *Các xu thế* - Các quốc gia đã đi đúng hướng chưa? - 3. *Niên biểu sự kiện*.

Các hoạt động lựa chọn

Hoạt động I: Thế giới trong một ngôi làng.

Hoạt động II: Chiến dịch hành động.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

C. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Câu chuyện minh họa

“E.S. “Nigger” Brown Stand”: Vụ việc về CERD

Điều cần biết

1. *“Phân biệt đối xử - Cuộc đấu tranh liên tục và không có hồi kết vì sự bình đẳng”* - Phân biệt đối xử và an ninh con người - 2. *Định nghĩa và mô tả vấn đề* - Thái độ hay hành động - Chủ thể của sự phân biệt đối xử - Nhà nước và cá nhân - Phân biệt đối xử - Chủ nghĩa chủng tộc - Bài ngoại - Không khoan dung và định kiến liên quan - Các chuẩn mực quốc tế - 3. *Quan điểm liên văn hóa và các vấn đề gây tranh cãi* - 4. *Thực hiện và giám sát* - Chúng ta có thể làm gì?

Điều nên biết

1. *Kinh nghiệm tốt* - Bộ luật ứng xử tự nguyện trong khu vực tư nhân - Các điều khoản chống phân biệt trong các hợp đồng mua sắm nhà nước - Liên minh các thành phố quốc tế về chống Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc - Chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong Liên đoàn Bóng đá châu Âu - Xoá bỏ chế độ biệt chủng tộc Apartheid - 2. *Xu hướng* - Mối quan hệ giữa nghèo đói và Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc/Bài ngoại - Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trên mạng Internet - Islamophobia: Hậu quả của ngày 11 tháng 9 năm 2001 - 3. *Niên biểu sự kiện*.

Các hoạt động lựa chọn

Hoạt động I: Tất cả mọi người sinh ra là bình đẳng.

Hoạt động II: Đoán xem ai sẽ đến ăn tối.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

D. QUYỀN VỀ SỨC KHOẺ

Câu chuyện minh họa

“Câu chuyện của Maryam”

Điều cần biết

1. Các quyền con người về sức khỏe trong một bối cảnh rộng hơn - An ninh con người và sức khỏe - 2. Định nghĩa và mô tả vấn đề - Sức khỏe và quyền con người - Tính sẵn có, tính có thể tiếp cận, tính có thể được chấp nhận và tính chất lượng - Không phân biệt đối xử - Quyền được hưởng lợi từ sự tiến bộ của khoa học - Toàn cầu hóa và quyền con người về sức khỏe - Sức khỏe và môi trường - 3. Quan điểm liên văn hóa và các vấn đề gây tranh luận - 4. Thực hiện và giám sát - Tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người về sức khỏe - Những giới hạn của quyền con người về sức khỏe - Các cơ chế giám sát.

Điều nên biết

1. Kinh nghiệm tốt - Phòng chống HIV/AIDS - Bồi thẩm của công dân và chính sách sức khỏe cộng đồng - Lời thề Malicounda - Sổ lưu niệm - 2. Xu hướng - Các chiến lược kết hợp quyền con người và phát triển y tế - 3. Số liệu thống kê - 4. Niên biểu sự kiện.

Các hoạt động lựa chọn

Hoạt động I: Hình dung “một tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh về thể xác, tinh thần và xã hội”.

Hoạt động II: Vẽ sơ đồ để hiện thực hoá quyền con người về sức khỏe.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

E. QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHỤ NỮ

Câu chuyện minh họa

“Trường hợp có thật: Câu chuyện về Maria Da Penha Maia Fernandes”

Điều cần biết

1. Quyền con người của phụ nữ - Giới và quan điểm sai lầm phổ biến về quyền con người của phụ nữ - An ninh con người và phụ nữ - 2. Định nghĩa và mô tả vấn đề - Nhìn lại lịch sử - Phụ nữ và nghèo - Phụ nữ và sức khỏe - Phụ nữ và bạo lực - Phụ nữ và xung đột vũ trang - Phụ nữ và các nguồn tài nguyên thiên nhiên - Trẻ em gái - 3. Quan điểm liên văn hóa và những vấn đề gây tranh cãi - 4. Thực hiện và giám sát.

Điều nên biết

1. Kinh nghiệm tốt - 2. Các xu hướng - 3. Niên biểu sự kiện.

Các hoạt động lựa chọn

Hoạt động I: Diễn giải CEDAW.

Hoạt động II: Ngôn ngữ cử chỉ của nam và nữ.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

F. PHÁP QUYỀN VÀ XÉT XỬ CÔNG BẰNG

Câu chuyện minh họa

“Giám giữ và xét xử ông A”

Điều cần biết

1. Giới thiệu - Pháp quyền - Lịch sử phát triển của pháp quyền - Pháp quyền, xét xử công bằng và an ninh cho mọi người - Xét xử công bằng là nhân tố quan trọng của pháp quyền - 2. Định nghĩa và mô tả việc xét xử công bằng - Các quyền tối thiểu của bị cáo - Các điều khoản quan trọng nhất về pháp quyền và xét xử công bằng - Bình đẳng trước pháp luật và Tòa án - Tiếp cận với khắc phục tư pháp công bằng, hiệu quả - Độc lập và không thiên vị - Tòa án công khai - Quyền được coi là vô tội - Quyền được xét xử đúng thời hạn - Quyền được bào chữa hay thông qua luật sư và quyền được xét xử chỉ khi có sự hiện diện của bản thân - Quyền gọi và kiểm tra hoặc quyền

kiểm tra nhân chứng - Quyền yêu cầu trợ giúp miễn phí của phiên dịch - Nguyên tắc không áp dụng hồi tố (“nulla poena sine lege”) - Quyền được trả tiền để bảo lãnh tại ngoại - 3. *Quan điểm liên văn hóa và các vấn đề gây tranh luận* - 4. *Thực hiện và giám sát.*

Điều nên biết

1. *Kinh nghiệm tốt* - Trợ giúp phát triển để thành lập một hệ thống tư pháp làm đúng chức năng - Văn phòng thể chế dân chủ và quyền con người (ODIHR) - OSCE - Nghị quyết về tôn trọng và tăng cường tính độc lập của cơ quan tư pháp (châu Phi) - 2. *Xu hướng* - Tòa án quốc tế - Trung gian hòa giải và phân xử - Tăng cường các vụ xét xử công khai - (Tái) thiết pháp quyền ở các xã hội hậu khủng hoảng và hậu xung đột - 3. *Niên biểu sự kiện.*

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Được nghe hay không được nghe?

Hoạt động II: Bạn có thể bảo vệ những người đó không?

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

G. TỰ DO TÔN GIÁO

Câu chuyện minh họa

“Tù nhân lương tâm, ông Mahrami”

Điều cần biết

1. *Tự do tôn giáo: Vẫn phải đi một chặng đường dài* - Các quyền tự do tôn giáo và an ninh con người - 2. *Định nghĩa và mô tả vấn đề* - Tôn giáo là gì? - Tín ngưỡng là gì? - Các quyền tự do Tôn giáo là gì? - Các tiêu chuẩn Quốc tế - Nguyên tắc không phân biệt đối xử - Giáo dục - Bày tỏ lòng tin - Các giới hạn của các quyền tự do tôn giáo - 3. *Quan điểm liên văn hóa và các vấn đề gây tranh cãi* - Nhà nước và lòng tin - Bội

giáo - Tự do lựa chọn và thay đổi lòng tin - Gia nhập đạo - Quyền được phổ biến tín ngưỡng - Kích động căm thù tôn giáo và tự do diễn đạt - Từ chối nhập ngũ vì nghĩ rằng điều đó trái với đạo lý - 4. *Quá trình thực hiện và giám sát* - Các biện pháp phòng ngừa và chiến lược tương lai - Chúng ta có thể làm gì?

Điều nên biết

1. *Kinh nghiệm tốt* - Cuộc đối thoại của những người có tín ngưỡng khác nhau về Thuyết đa nguyên Tôn giáo - “Các Tôn giáo vì hòa bình” qua giáo dục - 2. *Các xu hướng* - Các hệ thống thờ cúng, các giáo phái, và các phong trào Tôn giáo mới - Phụ nữ và lòng tin - Chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và các ảnh hưởng của nó - 3. *Niên biểu sự kiện.*

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Những lời nói gây tổn thương.

Hoạt động II: Lòng tin của tôi và người hàng xóm của tôi.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

H. QUYỀN GIÁO DỤC

Câu chuyện minh họa

“Câu chuyện của Maya”

Điều cần biết

1. *Giới thiệu* - Tại sao cần có quyền giáo dục? - Giáo dục và an ninh con người - Sự phát triển Lịch sử - 2. *Định nghĩa và mô tả vấn đề* - Nội dung của quyền được giáo dục và các nghĩa vụ đối với nhà nước - Tính sẵn có - Tính có thể tiếp cận được - Tính có thể chấp nhận được - Tính có thể thích nghi được - 3. *Quan điểm liên văn hóa và các vấn đề gây tranh cãi* - Các nhóm thiệt thòi trong tiếp cận quyền được giáo dục - Quyền con người ở các trường học - 4. *Quá trình*

thực hiện và giám sát - Các vấn đề của quá trình thực hiện.

Điều nên biết

1. *Kinh nghiệm tốt* - 2. *Các xu hướng* - Thương mại hóa giáo dục - Phát triển hướng tới giáo dục cho mọi người - Các kết quả hỗn hợp - 3. *Niên biểu sự kiện*.

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Hãy hành động.

Hoạt động II: Mô hình hình thoi.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

I. QUYỀN TRẺ EM

Câu chuyện minh họa

“Ngược đãi thể xác trẻ em” - “Trẻ em bị ảnh hưởng của xung đột vũ trang”

Điều cần biết

1. *Đấu tranh bảo vệ quyền trẻ em* - Quyền Trẻ em và an ninh con người/Trẻ em - 2. *Định nghĩa và mô tả vấn đề* - Bản chất và nội dung của quyền con người của trẻ em - Các khái niệm chính về hiệp định về các quyền của trẻ em - Tổng kết: Tại sao sử dụng cách tiếp cận dựa trên các quyền của trẻ em? - 3. *Quan điểm liên văn hóa và các vấn đề gây tranh cãi* - 4. *Quá trình thực hiện và giám sát*.

Điều nên biết

1. *Kinh nghiệm tốt* - Kết nối mọi người - Mọi người có các quyền/là quyền - Đào tạo cho cuộc sống hàng ngày cùng với “báo cáo bóng” của tổ chức phi chính phủ và “Các liên minh Quốc gia” về quá trình thực hiện CRC của quốc gia - 2. *Các xu hướng* - sự kiện và con số - Thông tin thống kê về quyền trẻ em - 3. *Niên biểu sự kiện*.

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Hội nghị bàn tròn về hành động giảm lao động trẻ em.

Hoạt động II: Sự sao lãng của cha mẹ và hành động đối xử tàn nhẫn.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

J. QUYỀN CON NGƯỜI TRONG XUNG ĐỘT VŨ TRANG

Câu chuyện minh họa

“Những hồi ức của một sỹ quan ở Việt Nam”

Điều cần biết

1. *Thậm chí các cuộc chiến tranh cũng có các giới hạn* - IHL và an ninh con người - Các nguồn gốc của IHL - IHL là Luật Quốc tế - IHL và quyền con người - IHL áp dụng khi nào? - 2. *Định nghĩa và mô tả về các quyền được bảo vệ* - Các quy định cơ bản của Luật Nhân đạo quốc tế trong xung đột vũ trang là gì? IHL bảo vệ cái gì và như thế nào? - Ai phải tôn trọng Luật Nhân đạo quốc tế? - 3. *Quan điểm liên văn hóa và các vấn đề gây tranh cãi* - Tầm quan trọng của nhận thức văn hóa - Các quan điểm mâu thuẫn về tính có thể áp dụng được của IHL - 4. *Quá trình thực hiện và giám sát* - Các biện pháp ngăn ngừa - Các biện pháp giám sát sự tuân thủ - Các biện pháp hà khắc.

Điều nên biết

1. *Kinh nghiệm tốt* - Bảo vệ những thường dân - Bảo vệ các tù nhân - Khôi phục lại các mối quan hệ gia đình - Đòi lời về biểu tượng - Các nguyên tắc hoạt động của hành động nhân đạo - Các nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Chữ thập đỏ và Phong trào của Hội Lưỡi liềm đỏ - 3. *Các xu hướng* - Cẩm mìn sát thương - Một vài con số về trợ giúp của ICRC trong năm 2001 - 3. *Niên biểu sự kiện* - Các văn kiện chính thức của IHL và các văn kiện liên quan khác.

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Tại sao phải tôn trọng IHL?

Hoạt động II: Đạo đức của hành động nhân đạo.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

K. QUYỀN LÀM VIỆC

Câu chuyện minh họa

“Các điều kiện làm việc kinh hoàng ở các Khu vực Mậu dịch tự do”

Điều cần biết

1. *Thế giới việc làm trong thế kỷ 21* - Việc làm và an ninh con người - Nhìn lại lịch sử - 2. *Định nghĩa và mô tả vấn đề* - Luật Lao động quốc tế: Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) - 3. *Quyền con người liên quan tới việc làm trong Bộ luật Quốc tế về quyền con người* - Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) - Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị (ICCPR) - Có các loại chế độ nô lệ nào tồn tại ngày nay hay không? - Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) - 4. *Tiếp cận liên văn hóa và các vấn đề gây tranh cãi* - Câu chuyện ngụ ngôn: người đánh cá - 5. *Quá trình thực hiện và giám sát*.

Điều nên biết

1. *Kinh nghiệm tốt* - Chương trình Quốc tế về xóa bỏ lao động trẻ em (IPEC) - Bộ quy tắc ứng xử về giải quyết vấn đề lao động của công ty và quyền con người - Nhận hiệu các hạng mục - Khế ước toàn cầu - 2. *Các xu hướng* - Các khu chế xuất - Sự suy giảm của công đoàn - Tăng tính lưu động quốc tế: di cư lao động - Thất nghiệp ở thanh niên - HIV/AIDS trong thế giới việc làm.

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Phụ nữ - Trẻ em - Việc làm!?

Hoạt động II: Công bằng kinh tế.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

L. TỰ DO BIỂU ĐẠT VÀ TỰ DO THÔNG TIN

Các câu truyện minh họa

“Chỉ có yên lặng mới bảo vệ được bạn” -

“Đe dọa các nhà báo ở Balkans”

Điều cần biết

1. *Mối liên quan giữa quá khứ và hiện tại* - An ninh con người, Tự do biểu đạt và tự do thông tin - Những thử thách cũ và mới - 2. *Nội dung và các thách thức* - Các yếu tố chính của tự do biểu đạt - Các vi phạm về quyền, các mối đe dọa và rủi ro - Những hạn chế pháp lý về quyền - 3. *Quá trình thực hiện và giám sát* - Vai trò của các Hội nghề nghiệp và Tổ chức phi chính phủ khác - 4. *Quan điểm liên văn hóa*.

Điều nên biết

1. *Vai trò của tự do thông tin trong xã hội dân chủ* - 2. *Thông tin đại chúng và các Nhóm thiểu số* - 3. *Tự do thông tin và phát triển kinh tế* - 4. *Tuyên truyền chiến tranh và biện hộ cho lòng căm thù* - 5. *Kinh nghiệm tốt* - 6. *Tự do thông tin và giáo dục quyền con người* - 7. *Các xu hướng* - Phương tiện truyền thông đại chúng và mạng toàn cầu - Hướng tới các xã hội tri thức ở phương Nam.

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Trang đầu.

Hoạt động II: Ảnh hưởng của mạng Internet.

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

M. QUYỀN DÂN CHỦ

Các câu truyện minh họa

“Phát triển nền dân chủ ở Đông Timo - Công lý và hòa giải - Thách thức trước mắt”

Điều cần biết

1. Dân chủ đang nổi lên? - Dân chủ và an ninh con người - 2. Định nghĩa và mô tả vấn đề - Dân chủ là gì và dân chủ đã phát triển như thế nào? - Các yếu tố chính của nền dân chủ hiện đại - Các lý thuyết về nền dân chủ - Các hình thức của dân chủ - Các hình thức dân chủ trong thực tế - 3. Tiếp cận văn hóa và các vấn đề gây tranh cãi - Cuộc tranh luận về “Các giá trị châu Á” - Thử thách dân chủ trong Thế giới Hồi giáo - Một vài quan điểm cần tiếp tục suy nghĩ - 4. Quá trình thực hiện và giám sát.

Điều nên biết

1. Kinh nghiệm tốt - Trên con đường hướng tới dân chủ - 2. Các xu hướng - Các nền dân chủ nổi lên - Sự tham gia chính trị của phụ nữ - Phụ nữ trong Nghị viện - Dân chủ Online - Toàn cầu hóa và dân chủ - Thiếu hụt dân chủ trong các Tổ chức Quốc tế, Công ty đa quốc gia và Tổ chức phi chính phủ.

Các hoạt động chọn lọc

Hoạt động I: Tham gia chiến dịch.

Hoạt động II: Một chiếc tháp trong cộng đồng của chúng ta?

Tài liệu tham khảo và thông tin bổ sung

III. CÁC NGUỒN TÀI LIỆU BỔ SUNG

- A. Cuộc đấu tranh không ngừng trên toàn cầu quyền con người - Niên biểu sự kiện
- B. Tài liệu đề xuất về quyền con người
Tuyển chọn sách
Thông tin về các tình hình quyền con người
- C. Các nguồn tài liệu về giáo dục quyền con người

Quyền con người

Thông tin cơ sở

Sách và các tài liệu giáo dục

- Trẻ em

- Vị thành niên

- Người lớn

Giáo dục quyền con người trên mạng Internet

- Tài liệu giáo dục

- Các thư viện trực tuyến

D. Các địa chỉ liên lạc hữu ích

Các Tổ chức Quốc tế

Các Tổ chức trong khu vực

Các Tổ chức phi chính phủ

Các chương trình Thạc sĩ về quyền con người

E. Mạng lưới an ninh con người - Các tổ chức phi chính phủ

F. Các lưu ý chung về phương pháp giáo dục quyền con người

GIỚI THIỆU

Hoạch định Chương trình đào tạo quyền con người

Các hoạt động

G. Tuyên ngôn Graz về các nguyên tắc giáo dục quyền con người và an ninh con người

H. Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

I. Bảng chú giải thuật ngữ

I. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG QUYỀN CON NGƯỜI

**NHÂN PHẨM
QUYỀN CON NGƯỜI
GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
AN NINH CON NGƯỜI**

“Văn hóa quyền con người có được sức mạnh lớn nhất từ những mong muốn hiểu biết của mỗi cá nhân. Trách nhiệm bảo vệ quyền con người là thuộc về các nhà nước. Nhưng chính những hiểu biết, tôn trọng và mong muốn về quyền con người của mỗi cá nhân là điều mang lại kết cấu và sức bật hàng ngày cho quyền con người”.

Sérgio Vieira De Mello, Cao ủy quyền con người Liên hiệp quốc. 2003.

TIẾP THU KIẾN THỨC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH MÀ TẤT CẢ CHÚNG TA PHẢI ĐI THEO

Lời nói đầu của Shulamith Koenig

Tài liệu cung cấp kiến thức tuyệt vời mà bạn đang có trong tay đưa ra một khuôn khổ hy vọng tạo đường cho cả phụ nữ và nam giới đạt được mong muốn lâu dài của con người về công bằng kinh tế và xã hội. Tính không thể chia cắt và mối quan hệ lẫn nhau của các quyền con người được chứng thực trong các trang viết này là điều cốt yếu nhằm coi nhận thức về quyền con người như một phương cách sống.

Khi đồng hành cùng những trang viết của nhiều người trên khắp thế giới này, cùng chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức với họ, bạn sẽ hiểu về ý nghĩa đạo đức và chính trị của quyền con người và về cách thức chúng được pháp luật kiên quyết bảo vệ. Ngoài ra, một trách nhiệm quan trọng sẽ được đặt lên vai bạn để trở thành một người thầy thông thái và người giám sát về quyền con người ngay tại gia đình bạn, ở hàng xóm, và trong tổ chức của bạn. Và khi nghiên cứu các mối liên kết của các quy phạm và tiêu chuẩn của quyền con người liên quan tới việc bảo vệ và thúc đẩy phẩm giá con người, bạn sẽ tham gia cùng những người đang học cách sống tôn trọng người khác và tin tưởng rằng mình sẽ trở thành một tác nhân của việc thay đổi....

Mọi người vốn đã biết về quyền con người - mỗi chúng ta đều biết khi xuất hiện bất công thì công lý là cách thể hiện cơ bản của quyền con người một cách tự nhiên. Tất cả chúng ta đều muốn tránh bị hạ nhục nhưng thường khi sợ bị hạ nhục, chúng ta lại làm hạ nhục người khác. Cái vòng xấu xa này có thể bị phá vỡ, nếu mọi người học được cách tin tưởng và tôn trọng người khác, nội bộ hóa và xã hội hóa quyền con người được coi như một phương cách. Cần hiểu rằng, quyền con

người kêu gọi sự tôn trọng lẫn nhau và tất cả các xung đột phải do quyền con người định hướng và giải quyết.

Nếu được biết đến và yêu cầu thì khuôn khổ quyền con người là một hướng dẫn tối thượng để phác họa then chốt và là công cụ mạnh mẽ cho hành động chống lại sự tan rã của xã hội hiện tại, chống nghèo đói và tính không khoan dung phổ biến khắp thế giới. Quyền con người chính là công bằng và không phân biệt đối xử. Chúng ta sống trong một thế giới, nơi mà hệ thống gia trưởng là phổ biến, nơi mà bất công vẫn còn tồn tại, và nơi mà phụ nữ cũng như nam giới đều phải đánh đổi quyền bình đẳng của họ cho sự sinh tồn.

Trong tay bạn đang có phép màu quyền con người do Liên hiệp quốc tạo ra. Đây là một món quà nhân đạo do các quốc gia trao tặng và cam kết thực hiện. Đáng buồn thay, khi có hàng triệu người sinh ra và mất đi mà không hề biết rằng họ là những chủ nhân của quyền con người, và do đó, không thể kêu gọi các Chính phủ của họ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ. Đúng hơn là chúng ta muốn nói rằng lạm dụng sự không hiểu biết là một vi phạm quyền con người.

Cuốn sách này hướng tới việc loại bỏ sự vi phạm quyền con người và các vi phạm khác cũng như sự thiếu hiểu biết về quyền con người. Từng giọt, từng giọt... từng bước, từng bước... - làm cho mọi người biết, tiếp thu và xã hội hóa sự phát triển của quyền con người và bảo đảm việc hiện thực hoá các quyền cho tất cả mọi người.

Khi bạn tham gia vào cuộc hành trình này, hãy cố gắng suy nghĩ về quyền con người như đôi bờ

của một con sông, mà ở đó, cuộc sống là dòng chảy tự do. Khi lũ lụt xảy ra, những người có hiểu biết về quyền con người sẽ đứng lên củng cố bờ sông để bảo vệ cộng đồng của mình. Chúng ta không có lựa chọn nào khác.

Shulamith Koenig, người giành được Giải thưởng - Phong trào nhân dân về quyền con người của Liên hiệp quốc năm 2003, là Chủ tịch sáng lập của PDHRE tìm hiểu quyền con người của mọi người (www.pdhre.org).

A. TÌM HIỂU VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Khát vọng bảo vệ nhân phẩm của tất cả con người là cốt lõi của khái niệm quyền con người. Nó coi cá nhân con người là trọng tâm của sự quan tâm. Nó dựa trên một hệ thống giá trị toàn cầu phổ biến nhằm cống hiến cho sự linh thiêng của cuộc sống và tạo ra một khuôn khổ để xây dựng hệ thống quyền con người, được các quy phạm và tiêu chuẩn quốc tế bảo vệ. Trong suốt thế kỷ XX, quyền con người đã phát triển như một khuôn khổ đạo đức, chính trị, pháp lý và như một hướng dẫn nhằm phát triển một thế giới tự do khỏi sợ hãi và tự do làm điều mong muốn.

Điều 1 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) đã được Liên hiệp quốc thông qua vào năm 1948 đề cập đến các trụ cột chính của hệ thống quyền con người, ví dụ: tự do, bình đẳng và đoàn kết. Tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo cũng như tự do quan điểm và tự do biểu đạt đều được quyền con người bảo vệ. Tương tự như vậy, quyền con người cũng bảo đảm sự bình đẳng, chẳng hạn như bảo vệ quyền bình đẳng chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử trong hưởng thụ tất cả các quyền con người, bao gồm quyền bình đẳng đầy đủ giữa nam và nữ. Sự đoàn kết thể hiện trong các quyền kinh tế và xã hội, như quyền được hưởng an ninh xã hội, được trả công, và có một mức sống đủ, quyền về sức khỏe và tiếp cận giáo dục là một phần không thể thiếu trong khuôn khổ quyền con người.

“Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền. Họ... cần đối xử với nhau trong tình bác ái”

Điều 1 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. 1948.

Các quyền này thuộc về 5 chủ đề chính là các quyền về chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa, được ghi nhận pháp lý trong hai Công ước

có quan hệ tương đương cùng với UDHR để hình thành nên Bộ luật về quyền con người.

“Tất cả các quyền con người dành cho mọi người”

là khẩu hiệu của *Hội nghị thế giới Vienna về quyền con người* vào năm 1993. Quyền con người trao quyền cho các cá nhân cũng như các cộng đồng, nhằm tìm kiếm sự biến đổi xã hội, hướng tới việc thực hiện đầy đủ tất cả các quyền con người. Các xung đột cần phải được giải quyết trong hòa bình theo nguyên tắc pháp quyền và trong khuôn khổ quyền con người.

Tuy nhiên, các quyền con người có thể gây cản trở lẫn nhau, chúng bị giới hạn bởi các quyền và tự do của người khác hay bởi các yêu cầu về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ (Điều 29 của UDHR). Quyền con người của những người khác cần được tôn trọng chứ không chỉ khoan dung. Quyền con người không được sử dụng để vi phạm quyền của người khác (Điều 30 của UDHR). Do vậy, tất cả các xung đột phải được giải quyết mà vẫn phải tôn trọng quyền con người kể cả vào những lúc khẩn cấp và trong trường hợp cần áp đặt một vài hạn chế.

Do đó, mọi người, phụ nữ, nam giới, thanh niên và trẻ em cần biết và hiểu các quyền con người vì chúng liên quan tới các mối quan tâm và nguyện vọng của mình. Điều này chỉ có thể đạt được thông qua giáo dục và học tập quyền con người một cách chính quy hay không chính quy. Tìm hiểu các nguyên tắc và thủ tục về quyền con người, sẽ khuyến khích mọi người tham gia vào các quyết định cho cuộc sống, công việc của mình, hướng tới giải quyết xung đột và gìn giữ hòa bình theo định hướng quyền con người và là một chiến lược rõ ràng lấy phát triển con người, xã hội và kinh tế làm trung tâm.

“Kh«ng cã bÊt kú mét côm tỗ nưo trong lÞch sữ gÇn ®©y cña loai ng-êi l¹i cã nhiöu ®Æc quyên ®Ó chÐu tr, ch nhiöu vụ g, nh v, c ®Þnh mÖnh cña con ng-êi h-n [côm tỗ] “Quyên con ng-êi”... - Mãn quü tÆng vũ ®¹i nhÊt cña t-t-êng cæ ®iön lén ®--ng ®¹i lư kh,i niÖm vò quyên con ng-êi. Thùc vÿy h-n bÊt kú thø ng«n ng÷ ®¹o ®øc nưo kh,c cã gi, trÞ ®èi vớ chöng ta trong lÞch sữ lóc bÊy giê, [lư] ng«n ng÷ cña quyên con ng-êi...”.

Upendra Baxi. 1994. C,c sai lçm v« nh«n ®¹o vụ quyên con ng-êi.

Giáo dục và tìm hiểu quyền con người (HRE) cần phải được tất cả các chủ thể, các bên tham gia, được xã hội dân sự cũng như các chính phủ và các công ty xuyên quốc gia cùng thực hiện. Thông qua hiểu biết về quyền con người, chân lý “văn hoá quyền con người” sẽ được phát triển dựa trên sự tôn trọng, bảo vệ, thực hiện, tuân thủ và thực hành quyền con người.

Quyên được giáo dục về quyền con người xuất phát từ Điều 26 của UDHR, trong đó quy định “mọi người có quyền được giáo dục. [...] Giáo dục cần hướng tới việc phát triển đầy đủ nhân cách con người và tăng cường sự tôn trọng quyền con người và các tự do cơ bản...”.

 Quyền được giáo dục.

Nghị quyết số 49/184 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc ngày 23/12/1994 tuyên bố thực hiện Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hiệp quốc trong khuôn khổ kế hoạch hành động của Thập kỷ giáo dục quyền con người giai đoạn 1995 - 2004 (Tài liệu Liên hiệp quốc số A/51/506, Add. 1 ngày 12/12/1996).

Vào ngày 10 tháng 12 năm 2004, Tổng thư ký Liên hiệp quốc đã tuyên bố Chương trình toàn cầu về Giáo dục quyền con người (UNGA Res. 59/113A), được thực hiện theo các kế hoạch hành động thông qua ba năm một lần. Kế hoạch hành động trong giai đoạn đầu (2005 - 2007) của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người (UN Doc. A/59/525/Rev. 1 - 2 tháng 3

năm 2005) tập trung vào các hệ thống trường tiểu học và trung học cơ sở.

Nhà vận động chính đảng sau sáng kiến này là Shulamith Koenig, người sáng lập Thập kỷ giáo dục quyền con người toàn dân (PDHRE), với mục đích hướng tới không gì khác ngoài tầm nhìn lâu dài trong việc làm cho mọi người trên hành tinh của chúng ta có thể tiếp cận được quyền con người, “để mọi người biết về quyền con người và biết đưa ra đòi hỏi về quyền con người”. Theo đó, mục tiêu của giáo dục quyền con người là “Hiểu biết quyền con người cho toàn thế giới”. Hay, theo lời của Nelson Mandela: để “phát triển một nền văn hóa chính trị mới dựa trên quyền con người”.

Đối với các phương pháp giáo dục quyền con người:

 Lưu ý chung về phương pháp giáo dục quyền con người

“Giáo dục, tìm hiểu và đối thoại về quyền con người phải gợi lên tư tưởng quan trọng và phân tích có hệ thống từ lăng kính giới về các vấn đề liên quan đến chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa trong khuôn khổ quyền con người”.

Shulamith Koenig, PDHRE

 Nghị quyết số 49/184 của Đại hội đồng ngày 23/12/ 1994, thông báo về Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hiệp quốc HRE nêu rõ: “...Giáo dục quyền con người không chỉ đề cập tới quy định thông tin mà còn cần thiết lập một quá trình phát triển lâu dài toàn

diện để mọi người ở mọi trình độ phát triển và ở mọi tầng lớp xã hội đều học hỏi cách tôn trọng nhân phẩm của người khác và các biện pháp và phương pháp bảo đảm sự tôn trọng đó trong mọi xã hội”.

Kế hoạch hành động của Thập kỷ Liên hiệp quốc về giáo dục quyền con người (1995 - 2004)

nhấn mạnh rằng: “...*Giáo dục quyền con người được định nghĩa là các nỗ lực về đào tạo, phổ biến, và thông tin nhằm tạo lập nền văn hóa toàn cầu về quyền con người thông qua truyền đạt kiến thức, các kỹ năng, hình thành các thái độ và hướng tới:*

(a) Tăng cường tôn trọng quyền con người và các tự do cơ bản;

(b) Phát triển đầy đủ nhân cách con người và ý thức về nhân phẩm;

(c) Tăng cường hiểu biết, khoan dung, bình đẳng giới và tình hữu nghị giữa các dân tộc, người bản địa và các nhóm chủng tộc, quốc gia, đạo đức, tôn giáo và ngôn ngữ...”

Kế hoạch hành động trong giai đoạn đầu (2005 - 2007) của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người

Chiến lược thực hiện theo 4 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Phân tích tình hình hiện tại của giáo dục quyền con người (HRE)

Giai đoạn 2: Thiết lập các ưu tiên và phát triển chiến lược thực hiện quốc gia

Giai đoạn 3: Quá trình thực hiện và giám sát

Giai đoạn 4: Đánh giá

“Giáo dục quyền con người là tất cả quá trình học hỏi để phát triển kiến thức, kỹ năng và các giá trị của quyền con người, nhằm thúc đẩy sự công bằng, khoan dung, nhân phẩm, cũng như tôn trọng các quyền và nhân phẩm của người khác”.

Nancy Flowers,

Trung tâm quyền con người
của Trường Đại học Minnesota.

B. QUYỀN CON NGƯỜI VÀ AN NINH CON NGƯỜI

Các vi phạm nghiêm trọng nhất đến nhân phẩm con người, đặc biệt là từ trải nghiệm của nạn thảm sát trong Chiến tranh thế giới thứ hai là lý do dẫn đến sự ra đời của UDHR. Cá nhân con người được coi là trọng tâm. Lời mở đầu của Tuyên ngôn đề cập tới “*tự do khỏi sự sợ hãi và tự do làm điều mong muốn*”. Khái niệm về an ninh con người có cách tiếp cận vốn có tương tự.

Tại cuộc *Hội thảo quốc tế về an ninh con người và giáo dục quyền con người* ở Graz vào tháng 7 năm 2000, an ninh con người được tuyên bố là hướng tới bảo vệ quyền con người, chẳng hạn bằng cách ngăn ngừa các xung đột và bằng cách đề cập tới các nguyên nhân sâu xa của tình trạng mất an ninh và tính dễ bị tổn thương. Chiến lược an ninh con người có mục đích thiết lập nền văn hóa chính trị toàn cầu dựa trên quyền con người. Trong bối cảnh này, giáo dục quyền con người là một chiến lược hướng tới an ninh con người, vì nó trao quyền cho mọi người để tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề của họ trên cơ sở hệ thống giá trị toàn cầu phổ biến và cách tiếp cận hướng tới luật lệ và dựa trên quyền thay vì cách tiếp cận hướng tới quyền lực. An ninh con người được tăng cường trong xã hội theo cách phân quyền, bắt đầu từ các nhu cầu cơ bản của con người, của phụ nữ cũng như nam giới, ví dụ như từ an ninh cá nhân, nghèo đói, phân biệt đối xử, công bằng xã hội và dân chủ. Tự do không bị bóc lột hay tham nhũng bắt đầu khi mọi người không còn chấp nhận việc vi phạm các quyền của họ.

“Hầu hết các mối đe dọa đối với an ninh con người biểu lộ một chiều hướng quyền con người trực tiếp hay gián tiếp”.

**Cuộc gặp Bộ trưởng lần thứ II
về Mạng lưới an ninh con người.**
Lucerne. Tháng 5 năm 2000.

Các thể chế xã hội dân sự (chẳng hạn như *Tổ chức minh bạch quốc tế*) hỗ trợ quá trình giải phóng này dựa trên hiểu biết về quyền con người.

“Quyền con người quy định một cơ sở mà phát triển con người và an ninh con người có thể được duy trì”.

**Cuộc gặp Bộ trưởng lần thứ IV
về Mạng lưới an ninh con người.**
Santiago de Chile. Tháng 7 năm 2002.

Có vài mối liên hệ giữa quyền con người và an ninh con người. “An ninh” dưới hình thức an ninh cá nhân (ví dụ như bảo vệ khỏi bị bắt giữ vô cớ), an ninh xã hội (ví dụ, điều khoản về các nhu cầu cơ bản như an ninh lương thực) và an ninh quốc tế (quyền được sống trong một trật tự thế giới an ninh) là phù hợp với các quyền con người đang tồn tại. “Các chính sách an ninh phải được lồng ghép chặt chẽ hơn nhiều vào chiến lược thúc đẩy quyền con người, dân chủ và phát triển. Luật Quyền con người, Luật Nhân đạo, và Luật Tị nạn đã đưa ra khuôn khổ có tính quy phạm trong đó cách tiếp cận an ninh con người được coi là cơ bản”. (Nguồn: Bộ Ngoại giao và Thương mại Quốc tế, Canada. 1999. *An ninh con người: An toàn cho mọi người trong một thế giới đang biến đổi*).

Các vi phạm về quyền con người cho thấy sự đe dọa tới an ninh con người, và do đó, chúng được sử dụng như những chỉ số trong các cơ chế cảnh báo sớm để ngăn ngừa xung đột. Tuy nhiên, quyền con người cũng có vai trò trong quản lý xung đột, biến đổi xung đột và xây dựng hòa bình sau xung đột. Giáo dục quyền con người thông qua chuyển giao kiến thức, xây dựng kỹ năng và hình thành quan điểm được coi là nền tảng của một nền văn hóa đích thực về phòng ngừa.

“[An ninh con người], về bản chất, là một nỗ lực để xây dựng một xã hội toàn cầu nơi mà an ninh cá nhân được coi là trung tâm của các ưu tiên quốc tế [...], nơi các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người và pháp quyền được cải thiện và kết lại thành một mạng lưới chặt chẽ để bảo vệ cá nhân...”.

Lloyd Axworthy,

nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Canada

Bên cạnh việc trở thành một công cụ thiết yếu để ngăn ngừa xung đột, quyền con người còn là cơ sở chủ đạo trong quản lý nhà nước và dân chủ. Chúng tạo ra một nền tảng để giải quyết các vấn đề xã hội và toàn cầu, thông qua việc tham gia tích cực của người dân, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. “Xây dựng cơ chế quản lý” gồm hai hình thức xây dựng nâng cao năng lực, đó là: “xây dựng nhà nước” và “phát triển xã hội”. Xây dựng nhà nước quy định về “an ninh dân chủ”, được coi là hình thức tốt nhất trong các nỗ lực để phục hồi và tái kiến thiết sau các xung đột. “Phát triển xã hội bao gồm giáo dục dựa trên quyền con người ở diện rộng, để trao quyền giúp mọi người biết đòi hỏi các quyền của mình và thể hiện việc tôn trọng quyền của người khác” (Walther Lichem, PDHRE).

“Thế giới có thể không bao giờ ở trong tình trạng hòa bình trừ khi mọi người có an ninh trong cuộc sống hàng ngày của mình”.

UNDP. 1994. Báo cáo phát triển con người. 1994.

Tuyên ngôn Graz về các nguyên tắc giáo dục quyền con người và an ninh con người đã được Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 5 của Mạng lưới an ninh con người thông qua tại Graz vào ngày 10/5/2003 nhằm hướng tới việc củng cố an ninh con người thông qua giáo dục quyền con người, bắt đầu từ quyền được biết các quyền con người, tới việc nhận biết được trách nhiệm của tất cả các bên liên quan đến giáo dục quyền con người và nhận cuốn sách “Tìm hiểu về quyền con người” - cuốn sách mà sẽ được dịch, phân phối và sử dụng rộng rãi.

Tuyên ngôn Graz cũng nói rõ rằng, quyền con người và an ninh con người gắn bó chặt chẽ, vì quá trình thúc đẩy và thực hiện quyền con người là một mục tiêu và một phần không thể thiếu của an ninh con người (Điều 1).

 **Tuyên ngôn Graz trong Các tài liệu bổ sung, III.**

Ủy ban về an ninh con người được thành lập vào năm 2001 do Sadako Ogata (nguyên Cao ủy Liên hiệp quốc về người tị nạn) và Amartya Sen (Người đoạt giải Nobel về Kinh tế) đồng chủ tịch, cùng với Viện quyền con người liên Mỹ và Trường Đại học vì hòa bình, đã tổ chức một cuộc hội thảo về mối quan hệ giữa quyền con người và an ninh con người tại San Jose, Costa Rica vào 12/2001, làm rõ *“Tuyên ngôn về quyền con người như một phần thiết yếu của an ninh con người”* (<http://www.humansecuritychs.org/doc/sanjosedec.html>). Báo cáo về “an ninh con người hiện nay” do đồng Chủ tịch Sadako Ogata và Amartya Sen xây dựng đề cập tới một số quan ngại về quyền con người. Theo Bertrand G. Ramcharan, nguyên Cao ủy Liên hiệp quốc về quyền con người, chính các quy phạm quốc tế và quyền con người đã xác định nên ý nghĩa của an ninh con người.

“Biện hộ vì lợi ích an ninh quốc gia, từng bước hình thành và kiên quyết đi theo tầm nhìn thiên cận về chủ quyền quốc gia sẽ dẫn tới việc cắt bỏ mối quan tâm đến lợi ích về an ninh con người của các nạn nhân, cho dù, thật mỉa mai, chính an ninh con người - không chỉ của tập thể là quan trọng mà còn của cá nhân - cũng dẫn tới an ninh cho quốc gia”.

Louise Arbour,

Cao ủy Liên hiệp quốc về quyền con người. 2005.

“Ngày nay có quá nhiều nhà hoạt động quốc tế đang theo đuổi các chính sách dựa trên sự sợ hãi, nghĩa rằng họ có thể tăng cường an ninh. Nhưng an ninh thật sự không thể được xây dựng

chỉ trên một nền tảng như thế. An ninh thật sự phải được dựa trên các nguyên tắc quyền con người đã được chứng minh”.

Sérgio Vieira de Mello,

Cao uỷ Liên hiệp quốc về quyền con người. 2003.

Điều 3 của UDHR và Điều 9 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị cũng bảo vệ quyền tự do và an ninh của con người, đặc biệt là quyền tự do khỏi sự sợ hãi. Ngoài ra, Điều 22 của UDHR và Điều 9 của Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa thừa nhận quyền được hưởng an ninh xã hội, cùng với các quyền kinh tế và xã hội, tương tự như quyền được làm điều mong muốn. Mỗi quan hệ giữa toàn cầu hóa và an ninh con người được giải quyết trong Báo cáo Thiên niên kỷ của Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kofi Annan năm 2000. Báo cáo cũng đưa ra sự phân biệt giữa tự do khỏi sự sợ hãi và tự do làm điều mong muốn trên cơ sở phân biệt với bốn tự do cơ bản mà Tổng thống Mỹ Roosevelt đã tuyên bố từ năm 1940 trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ hai như một quan điểm về trật tự sau chiến tranh. Báo cáo của Tổng thư ký Liên hiệp quốc, “về tự do rộng rãi” năm 2005 tập trung vào việc làm thế nào để “hoàn thiện tam giác ba vấn đề: phát triển, tự do và hòa bình” (đoạn 12).

Cuộc đấu tranh chống lại nghèo đói và đấu tranh cho các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cũng có liên quan tới an ninh, giống như cuộc đấu tranh vì tự do chính trị và các tự do cơ bản. Quyền này không thể tách khỏi quyền kia, chúng phụ thuộc lẫn nhau, liên quan lẫn nhau và không thể chia cắt (~~Tự do~~ *Tự do khỏi nghèo đói, quyền về sức khoẻ, quyền làm việc*). Trong “Tài liệu kết quả” của cuộc gặp thượng đỉnh năm 2005, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đã yêu cầu xây dựng định nghĩa về an ninh con người.

Theo Báo cáo phát triển con người năm 2000 của UNDP, quyền con người và phát triển con người có chung tầm nhìn và mục đích. Các *chỉ số phát*

triển con người được sử dụng trong Báo cáo phát triển con người của UNDP gồm một số chỉ số như tiếp cận giáo dục, an ninh lương thực, các dịch vụ y tế, bình đẳng giới, và tham gia chính trị đều liên quan trực tiếp với quyền con người. Tóm lại, các khái niệm về an ninh con người, quyền con người và phát triển con người là trùng khớp, củng cố lẫn nhau và phụ thuộc lẫn nhau.

“Theo đó, chúng ta sẽ không có sự phát triển nếu không có an ninh, chúng ta sẽ không có được an ninh nếu không có sự phát triển, và chúng ta sẽ không có cả hai nếu không tôn trọng quyền con người...”.

Kofi Annan,

Tổng thư ký Liên hiệp quốc. 2005.

UNESCO tập trung vào an ninh con người, chú ý ngang bằng tới các vấn đề về bạo lực và phát triển, đồng thời thể hiện nguyện vọng từ cách tiếp cận khu vực hướng tới an ninh con người.

“Báo cáo về an ninh con người” đã được xuất bản theo chỉ đạo của Andrew Mack vào năm 2005 đề cập đến các mối đe dọa tới an ninh con người, báo cáo này sẽ tiếp tục công bố hàng năm. Nó thể hiện mối quan hệ giữa xung đột và quản trị dân chủ, chứng minh rằng sự gia tăng các chính phủ dân chủ trên khắp thế giới sẽ làm giảm bớt các xung đột bạo lực.

C. LỊCH SỬ VÀ TRIẾT HỌC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Ý tưởng về nhân phẩm con người đã có từ xa xưa trong lịch sử của nhân loại, dưới các hình thức khác nhau, trong tất cả các nền văn hóa và tôn giáo. Ví dụ, có thể thấy những giá trị cao quý phù hợp với con người trong triết học châu Phi của “ubuntu” hay việc bảo vệ người nước ngoài trong Đạo Hồi. “Quy tắc vàng” về yêu cầu mọi người cần đối xử với người khác như đối xử với chính mình tồn tại trong tất cả các tôn giáo lớn. Điều này cũng tương tự với trách nhiệm của xã hội về quan tâm tới người nghèo, vì các khái niệm cơ bản về công bằng xã hội. Tuy nhiên, ý tưởng về “quyền con người” là kết quả của tư tưởng triết học thời hiện đại, không chỉ dựa trên triết học của chủ nghĩa duy lý và thời đại khai sáng, chủ nghĩa tự do và dân chủ, mà còn dựa trên chủ nghĩa xã hội. Mặc dù, khái niệm về quyền con người hiện đại chủ yếu bắt nguồn từ châu Âu, cần khẳng định rằng, khái niệm tự do và công bằng xã hội - những khái niệm cơ bản của quyền con người, nằm trong tất cả mọi nền văn hóa. Dưới sự lãnh đạo của Eleanor Roosevelt, René Cassin và Joseph Malik, Liên hiệp quốc đã soạn thảo nên bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, trong đó, 80 đại diện đến từ phương Nam và phương Bắc đã cùng nhau đưa ra các ý tưởng và ngôn ngữ cho Tuyên ngôn. Quyền con người đã trở thành một khái niệm rộng khắp thế giới có ảnh hưởng mạnh từ phương Đông tới phương Nam, đó là khái niệm về các quyền văn hóa, kinh tế và xã hội, quyền tự quyết và quyền phát triển, quyền tự do không bị phân biệt chủng tộc và Apartheid.

Trong khi, về phương diện lịch sử, công dân trở thành những người được hưởng lợi đầu tiên từ việc quyền con người được Hiến pháp bảo vệ nhờ kết quả của cuộc đấu tranh cho các quyền tự do tối thiểu và các quyền kinh tế và xã hội, thì người nước ngoài chỉ trở thành những người nắm

giữ quyền trong các trường hợp hiếm hoi hay trên cơ sở các hiệp định song phương. Họ cần được chính nhà nước mình bảo vệ thông qua các đại diện của quốc gia ở nước ngoài.

*Nhân phẩm con người
theo khái niệm của châu Phi:*

*“Tôi là một con người
vì đôi mắt bạn nhìn tôi là một...”.*

Tục ngữ châu Phi, Mali.

Để phát triển các quy định về bảo vệ người ngoại quốc, Luật Nhân đạo có vai trò quan trọng hơn nhiều. Luật này hướng tới việc thiết lập các quy định cơ bản trong việc đối xử với những binh lính kẻ thù và cả những thường dân trong xung đột vũ trang (*quyền con người trong xung đột vũ trang*). Các nội dung đầu tiên của quyền con người quốc tế thực sự có thể được tìm thấy trong các Hiệp định về Quyền tự do tôn giáo, Công ước Westphalia năm 1648 và việc cấm chế độ chiếm hữu nô lệ như tuyên ngôn về việc buôn bán nô lệ của Quốc hội Vienna vào năm 1815, việc sáng lập Xã hội chống chế độ chiếm hữu nô lệ Mỹ vào năm 1833 và Công ước quốc tế về chống chế độ chiếm hữu nô lệ năm 1926. Bảo vệ các quyền của dân tộc thiểu số cũng có một lịch sử lâu dài và là vấn đề lớn trong Hiệp định hòa bình Versailles năm 1919 và của Hội quốc liên được sáng lập cùng năm đó (*Cuộc đấu tranh không ngừng vì quyền con người toàn cầu ở Phần III, Tài liệu bổ sung*).

“Những chân lý sau đây đã được chúng tôi công nhận như những sự thật hiển nhiên là tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng; tạo hóa đã cho họ các quyền không thể thay thế được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do, và

quyền mưu cầu hạnh phúc. Để bảo vệ những quyền này, các chính phủ, do chính con người thiết lập nên có được quyền lực chính đáng xuất phát từ sự đồng thuận của nhân dân”

Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ năm 1776.

Xuất phát từ Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ và tuyên ngôn của Virginia Bill về các quyền của năm 1776, Cách mạng Pháp đã tuyên bố các quyền con người và quyền công dân vào năm 1789. Các quyền được hợp lại theo phạm trù tự do, bình đẳng và đoàn kết, và được tập hợp trong Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu năm 2000.

“Trước tiên là tự do ngôn luận và tự do biểu đạt - ở mọi nơi trên thế giới. Thứ hai đó là tự do thờ Thần theo cách của riêng mình - ở mọi nơi trên thế giới. Thứ ba là tự do làm điều mình muốn - đã được giải thích theo nghĩa quốc tế là tìm hiểu kinh tế sẽ bảo đảm cuộc sống hòa bình khỏe mạnh cho người dân của mọi quốc gia - mọi nơi trên thế giới. Thứ tư là tự do khỏi sợ hãi...”

Franklin D. Roosevelt,

Tổng thống thứ 32 của Hoa Kỳ năm 1941.

Tuy nhiên, khái niệm quyền con người phổ biến cho tất cả loài người mới được các nước chấp nhận sau nỗi kinh hoàng của Chiến tranh Thế giới lần II khi 48 quốc gia với 8 nước xã hội chủ nghĩa và Nam Phi bỏ phiếu trắng đã nhất trí thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, trở thành một phần không thể thiếu của hệ thống Liên hiệp quốc. Kể từ đó, Liên hiệp quốc đã lên tới 191 thành viên nhưng không một quốc gia nào thực sự nghi ngờ tuyên ngôn này, nhờ đó đến nay phần lớn nội dung của tuyên ngôn đã trở thành tập quán luật quốc tế về quyền con người, dựa trên sự chia sẻ các giá trị chung đã được nhất trí theo khuôn khổ của Liên hiệp quốc, trong đó bao gồm các yếu tố hình thành nên đạo đức toàn cầu. Các nhà triết học như Jean-Jacques Rousseau,

Voltaire và John Stuart Mill đã tranh luận về sự tồn tại của quyền con người. “Các lý thuyết về khổ ước” thịnh hành đã trao quyền thay vì sự trung thành với quyền lực thống trị, trong khi đó, với cách tiếp cận theo thuyết chủ nghĩa thế giới của mình, Immanuel Kant đã yêu cầu một số quyền nhất định cho “công dân thế giới”. Trong Dự án quốc tế về “đạo đức toàn cầu”, Klaus Kung thấy rằng, tất cả các tôn giáo lớn đều chia sẻ các giá trị cốt lõi chung tương ứng với các quyền con người cơ bản.

 **Tự do tín ngưỡng/Tự do tôn giáo.**

“Đạo đức trách nhiệm” (Hans Jonas) và “đạo đức toàn cầu trong việc hỗ trợ quyền con người” (George Ulrich) đã được đưa ra để đương đầu với những thách thức của quá trình toàn cầu hóa.

Cuộc tranh luận về giữa việc ưu tiên cho tính phổ biến của một số quyền nhất định với thuyết tương đối về văn hoá đã được đề cập tới trong hai cuộc hội nghị quốc tế về quyền con người thế giới lần lượt ở Teheran và Vienna. Hội nghị ở Teheran vào năm 1968 nói rõ rằng, tất cả các quyền con người là không thể phân chia và phụ thuộc lẫn nhau. Hội nghị ở Vienna năm 1993 cũng nhất trí rằng “trong khi phải luôn ghi nhớ tính đặc thù về dân tộc, khu vực và bối cảnh khác nhau về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, đều có nghĩa vụ thúc đẩy và bảo vệ tất cả các quyền con người và tự do căn bản”.

(Bản Tuyên ngôn Vienna và Chương trình hành động 1993, đoạn 5).

 **Tự do tín ngưỡng/Tự do tôn giáo.**

D. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA QUYỀN CON NGƯỜI

Ngày nay, quyền con người được thừa nhận là một khái niệm toàn cầu như được ghi nhận trong tuyên bố của Hội nghị Thế giới Vienna về quyền con người năm 1993 và các nghị quyết của Liên hiệp quốc đã được thông qua nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày ra đời của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1998. Những người hoài nghi về tính phổ biến của quyền con người cần ghi nhớ rằng, các nước đa dạng về mặt địa lý như Trung Quốc, Lebanon hay Chilê nằm trong số các nước đã giúp soạn thảo khái niệm này vào nửa cuối những năm 40 của thế kỷ XX. Kể từ đó, ngày càng có nhiều quốc gia bày tỏ sự ủng hộ của mình với Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và đã phê chuẩn Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) cũng như Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội (ICESCR) được dựa trên nền tảng của Tuyên ngôn. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) đã được 182 quốc gia phê chuẩn mặc dù còn nhiều bảo lưu. Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em có 192 quốc gia thành viên.

Điểm bắt đầu của khái niệm về quyền con người là khái niệm về *phẩm giá vốn có của tất cả các thành viên trong gia đình nhân loại* như được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới và các công ước năm 1966. Các công ước này cũng ghi nhận ý tưởng về con người tự do trong việc hưởng quyền tự do khỏi sự sợ hãi, tự do làm điều mong muốn và được hưởng các quyền bình đẳng và không thể chuyển nhượng. Theo đó, quyền con người mang tính phổ quát và không thể chuyển nhượng, có nghĩa là chúng được áp dụng ở khắp nơi và không thể lấy đi. Như Tổng thư ký Liên hiệp quốc Boutros-Ghali đã nói trong Hội nghị Thế giới Vienna về quyền con người vào năm 1993: “*quyền con người là các quyền bẩm sinh*”.

Các quyền con người là không thể chia cắt và phụ thuộc lẫn nhau. Các chiều hướng hay phạm trù nhân quyền khác nhau có thể được phân biệt theo các quyền dân sự và chính trị như là quyền tự do bày tỏ và các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa chẳng hạn như quyền an sinh xã hội là quyền “được thực hiện dần dần” xuất phát từ thực tế là chúng đặt ra các nghĩa vụ tài chính cho quốc gia. Trước đây, một số quốc gia hay nhóm các quốc gia cụ thể như là các quốc gia xã hội chủ nghĩa đã ưu tiên các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa hơn là các quyền dân sự và chính trị, trong khi Hoa Kỳ và các quốc gia thành viên của Hội đồng châu Âu lại thể hiện sự ưu tiên các quyền công dân và chính trị hơn. Tuy nhiên, tại Hội nghị Quốc tế về quyền con người ở Teheran vào năm 1968 cũng như tại Hội nghị Quốc tế về quyền con người ở Vienna vào năm 1993, cuộc tranh luận không có ý nghĩa này đã được giải quyết bởi việc công nhận cả hai phạm trù hay xu hướng về quyền con người này là quan trọng như nhau. Tại hội nghị Teheran vào năm 1968, hai nhóm quyền này được ghi nhận là không thể chia cắt và phụ thuộc lẫn nhau vì sự hưởng thụ đầy đủ các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa dường như là không thể nếu như không có các quyền dân sự, chính trị và ngược lại.

Vào những năm 1980, một nhóm các quyền con người nữa đã được ghi nhận là quyền được hưởng hòa bình, quyền phát triển, và quyền được sống trong một môi trường khỏe mạnh. Những quyền này tạo ra một khuôn khổ cần thiết kể cả khi có sự đồng ý của cá nhân đó cho việc hưởng thụ đầy đủ tất cả các quyền khác. Tuy nhiên, dường như không có điều kiện nào coi nhóm quyền con người là tiền đề cho một phạm trù khác. Nhóm quyền thứ ba là sự thể hiện tốt nhất tính thống nhất của các quyền, vì chúng đòi hỏi

phải có hợp tác quốc tế và hướng tới việc xây dựng cộng đồng. Cần có sự phân biệt giữa quyền con người với “các quyền của động vật” và “các quyền của các sinh vật khác trái đất” được các nhóm quan tâm nào đó truyền bá.

Trong khi quyền con người là quyền của tất cả cá nhân, cho dù họ có quyền công dân của một nước cụ thể nào hay không, quyền công dân là các quyền cơ bản được đặc biệt bảo đảm cho các công dân của một quốc gia cụ thể, ví dụ như quyền bầu cử và được bầu cử hay được quyền tiếp cận với các dịch vụ công cộng tại một quốc gia nào đó.

Cũng cần phân biệt quyền con người các quyền thiểu số, tức là quyền của các thành viên trong một nhóm với các đặc điểm khác biệt về dân tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ. Tự bản thân họ hay trong cộng đồng với các thành viên khác của nhóm, họ có quyền con người về hưởng nền văn hóa riêng của mình, được bày tỏ hay thực hiện tôn giáo của riêng mình hay để sử dụng ngôn ngữ của riêng mình (Điều 27 của ICCPR). Các quy định cụ thể hơn nữa được ghi nhận trong Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc về quyền của nhóm thiểu số năm 1993 và trong các văn kiện về quyền con người trong khu vực châu Âu.

Cần đặc biệt lưu ý đến quyền của người bản xứ. Kể từ năm 1982, Nhóm công tác của Liên hiệp quốc về người bản xứ đã thảo luận về cách thức để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người cho người bản xứ, đặc biệt là vấn đề liên quan đến mối quan hệ đối với đất đai của họ.



Tuyên ngôn về quyền của người bản xứ đã được soạn thảo nhưng vẫn chưa được thông qua, trong khi ILO đã xem xét lại bản tuyên ngôn trước đó và đã thông qua *Công ước số 169* về “*Người dân bản xứ và các bộ lạc ở các quốc gia độc lập*” vào năm 1989. Vào năm 2001,

Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về quyền con người và các tự do cơ bản của người bản xứ đã được bổ nhiệm. Tiếp theo đề xuất tại Hội nghị thế giới về quyền con người tại Vienna năm 1993, “*Diễn đàn thường trực về các vấn đề của người bản xứ*” đã được sáng lập vào năm 2000 trực thuộc ECOSOC với cuộc họp đầu tiên vào năm 2002. Ủy ban về quyền con người và quyền dân tộc của châu Phi cũng đã thành lập Nhóm công tác về vấn đề người bản xứ.

Trong khuôn khổ của UNESCO, Công ước về bảo vệ và thúc đẩy tính đa dạng trong biểu đạt văn hóa vào năm 2005 và Công ước về bảo vệ di sản văn hóa vô hình năm 2003 là các công ước nhằm bổ sung các quyền con người và quyền của nhóm người thiểu số trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa.

Ngày nay, khái niệm quyền con người được chia sẻ ở cấp độ toàn cầu và nhờ đó được coi như một nền tảng cho các quốc gia của cộng đồng quốc tế, các tổ chức quốc tế và các phong trào xã hội, tất cả đều với tư cách là thành viên của xã hội quốc tế. Quyền con người cũng có thể là một phương tiện mà mọi người có thể sử dụng như một công cụ để biến đổi xã hội. Do đó, khái niệm quyền con người gắn bó chặt chẽ với khái niệm về dân chủ (~~Đ~~ *Quyền được hưởng dân chủ*). Các yêu cầu của Liên minh châu Âu và Hội đồng châu Âu khi tiếp nhận các thành viên mới đều theo cùng một hướng. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào kiến thức và hiểu biết về quyền con người của chính người dân và việc sẵn sàng sử dụng những kiến thức này của họ như một công cụ cho sự thay đổi mà quyền con người có thể có được thông qua sự biến đổi hiệu quả này.

Khái niệm quyền con người truyền thống đã bị những người theo xu hướng nữ quyền phê bình vì không hoàn toàn phản ánh được bình đẳng giữa nam và nữ và vì sự thiếu nhạy cảm về giới. Các

Hội nghị thế giới về phụ nữ và sự ra đời của Công ước Liên hiệp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ đã đưa ra đóng góp về cách tiếp cận nhạy cảm giới đối với quyền con người của phụ nữ. Điều này cũng được phản ánh trong Bản tuyên ngôn Liên hiệp quốc về việc sử dụng bạo lực đối với phụ nữ.

Quyền con người của phụ nữ

Điều quan trọng cần lưu ý là các văn kiện về quyền con người thể hiện một khái niệm xã hội và chính trị mới bằng cách thừa nhận hợp pháp phụ nữ như những con người hoàn toàn bình đẳng.

Một số quốc gia cũng chỉ rõ các đặc thù về lịch sử, tôn giáo và văn hóa của họ khi tranh luận rằng, có một số quyền con người nhất định không thể áp dụng vào đất nước họ theo cùng cách với các nước khác. Tuyên ngôn và Chương trình hành động của Hội nghị Thế giới ở Vienna đã

thừa nhận sự tồn tại của các phương pháp tiếp cận khác nhau đối với việc thực hiện quyền con người, dựa trên các yếu tố của lịch sử, tôn giáo và văn hóa, nhưng đồng thời cũng đã khẳng định trách nhiệm của tất cả các quốc gia trong việc thực hiện các quyền con người. Do đó, việc tồn tại những khác biệt về tôn giáo và văn hóa không được sử dụng như một cái cớ để không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế về quyền con người. Tuy nhiên, bối cảnh văn hóa cũng nên được xem xét. Cuộc đối thoại giữa các nền văn minh đang diễn ra trong Liên hiệp quốc có mục đích nhận biết giá trị tích cực của các nền văn minh khác nhau mà không đưa ra một cái cớ để không phải đối mặt với các trách nhiệm quyền con người. Một trong những vấn đề khó khăn nhất chính là vị trí của người phụ nữ trong nền văn hóa nào đó, có thể dẫn tới các vi phạm quyền con người nghiêm trọng, cần phải được coi là một phần của bất kỳ chương trình nghị sự đối thoại nào.

E. CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Lịch sử gần đây của quá trình thiết lập chuẩn mực ở cấp độ toàn cầu được bắt đầu bằng Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua vào ngày 10 tháng 12 năm 1948 sau Chiến tranh Thế giới thứ hai - thời điểm các vi phạm quyền con người diễn ra với quy mô lớn hơn bao giờ hết. Việc ngăn ngừa và trừng phạt tội diệt chủng chống lại người Do Thái trong nạn thảm sát là nội dung của “*Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội ác diệt chủng*”, đã được thông qua một ngày trước UDHR.

Để chuyển các cam kết có trong UDHR thành các trách nhiệm có ràng buộc pháp lý, Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc đã soạn thảo hai công ước, một về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), và một về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR). Do *Chiến tranh lạnh* nên đến năm 1966 hai công ước mới được thông qua và có hiệu lực vào năm 1976 sau khi đã được 35 nước phê chuẩn. Đến ngày 01/01/2006, lần lượt ICCPR đã có 155 thành viên và ICESCR đã có 152 thành viên. ICESCR được thông qua lần đầu tiên thể hiện sự ưu tiên của các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của phần lớn các nước chủ nghĩa xã hội và các nước đang phát triển mới trong Liên hiệp quốc.

Trong thập kỷ 60 của thế kỷ XX, cuộc đấu tranh chống lại nạn phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa Apartheid đã trở thành vấn đề hàng đầu và dẫn đến sự ra đời của hai công ước chống lại nạn phân biệt chủng tộc và ngăn chặn chủ nghĩa Apartheid. Các công ước khác như Công ước về xóa bỏ mọi các hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, Công ước về xóa bỏ tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử tàn bạo, hạ nhục và vô nhân đạo và Công ước về quyền của trẻ em đã lần lượt được thông qua. Các công ước này đã làm rõ thêm và làm cụ thể hơn các quy định trong hai công ước năm 1966 hoặc hướng sự chú ý đặc

biệt đến nhu cầu của một nhóm đối tượng cụ thể. Trong trường hợp Công ước năm 1979 của phụ nữ, “vấn đề bảo lưu”, một vấn đề chung xảy ra với các điều ước về quyền con người, được coi là một hiện tượng đặc biệt do nhiều quốc gia Hồi giáo muốn hạn chế các quyền của phụ nữ bằng cách này.

Tổng quan về các Công ước quyền con người quan trọng nhất của Liên hiệp quốc



- Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (1948)
- Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (1966)
- Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966)
- Công ước về việc ngăn cấm và trừng phạt tội diệt chủng (1948)
- Công ước về chống tra tấn và trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục (1984)
- Công ước quốc tế về việc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (1965)
- Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (1979)
- Công ước về Quyền trẻ em (1989)

Theo nguyên tắc không phân biệt đối xử, các quốc gia phải tôn trọng và bảo đảm quyền con người cho tất cả mọi cá nhân trong lãnh thổ của mình mà không bị bất cứ hình thức phân biệt đối xử nào liên quan đến chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hay quan điểm khác, nguồn gốc xã hội và dân tộc, tài sản, dòng dõi và các địa vị khác (Điều 2 của ICCPR và ICESCR). Thêm vào đó, Nghị định thư bổ sung

số 12 của Công ước châu Âu về quyền con người quy định về quyền không bị phân biệt đối xử bởi bất cứ tổ chức, công nào.

 *Không phân biệt đối xử.*

Tuy nhiên, cũng có trường hợp ngoại lệ và việc sử dụng các điều khoản thu hồi trở lại. Trong trường hợp khẩn cấp chung đe dọa đến sự tồn vong của một quốc gia, quốc gia đó có thể xoá bỏ nghĩa vụ bắt buộc của mình, nếu như tình trạng khẩn cấp được chính thức công bố và các biện pháp vẫn được duy trì một cách nghiêm túc trong giới hạn cho phép do hoàn cảnh yêu cầu. Các biện pháp phải được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử (Điều 4 (1) của ICCPR). Các quốc gia thành viên khác cần phải được thông báo về tình trạng này thông qua Tổng thư ký Liên hiệp quốc. Tuy nhiên, có một số điều khoản cụ thể không được phép có bất kỳ sự hạn chế nào quyền được sống, cấm tra tấn và nô dịch, không áp dụng hồi tố đối với tội phạm hình sự hay quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 4 (2) của ICCPR). Do đó, các quyền này được gọi là quyền bất khả xâm phạm. Các điều khoản liên quan đến tình trạng khẩn cấp có mối liên quan nhiều hơn đến cuộc chiến chống khủng bố. Các điều khoản tương tự như vậy cũng được ghi nhận trong Công ước châu Âu về quyền con người (Điều 15). Ủy ban công ước về các quyền

dân sự và chính trị đã làm rõ nghĩa vụ của quốc gia trong Khuyến nghị chung (Số 29, 2001) về “*tình trạng khẩn cấp*” (Điều 4) và Ủy ban liên Mỹ về quyền con người và Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu đã thông qua báo cáo và hướng dẫn về vấn đề “*chủ nghĩa khủng bố và quyền con người*”.

Một số quyền cho phép cái gọi là “*các điều khoản thu hồi*” tức là cho phép hạn chế một số quyền nhất định nếu điều này là cần thiết cho an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khoẻ cộng đồng hoặc đạo đức, hay quyền lợi và sự tự do của người khác. Tình trạng này xuất hiện trong những trường hợp có liên quan đến quyền tự do đi lại, tự do di rời khỏi một nước, quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo của một người bao gồm cả quyền biểu lộ tín ngưỡng hay niềm tin, tự do biểu đạt hay thông tin, tự do hội họp và lập hội.

Những hạn chế này phải được quy định trong pháp luật, có nghĩa là chúng phải được Quốc hội thông qua. Các cơ quan giải thích các văn kiện pháp lý có nghĩa vụ kiểm soát để tránh tình trạng áp dụng sai các điều khoản này. Kết quả là, đã có vài vụ việc đưa ra Tòa án quyền con người châu Âu và Ủy ban liên Mỹ và Tòa án liên quan đến việc áp dụng các quyền lực khẩn cấp hay các điều khoản thu hồi.

F. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC VĂN KIẾN PHỔ QUÁT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Quốc gia có trách nhiệm phải tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người. Trong nhiều trường hợp, thực hiện có nghĩa là quốc gia và các cơ quan chức năng phải tôn trọng các quyền đã được công nhận như tôn trọng quyền riêng tư cá nhân hay quyền tự do biểu đạt. Điều này là rất đúng đối với các quyền dân sự và chính trị, trong khi việc thực thi các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá là một hoạt động mang tính tích cực của quốc gia, chẳng hạn như cấp hay cung cấp các dịch vụ nhất định về giáo dục, y tế và bảo đảm các điều kiện sống tối thiểu. Trong bối cảnh này, cần lưu ý đến năng lực của quốc gia. Ví dụ, Điều 13 của ICESCR ghi nhận quyền được học tập của mọi cá nhân. Tuy nhiên, quy định này chỉ ra cụ thể là chỉ có giáo dục tiểu học mới được miễn phí. Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông phải luôn sẵn có và dễ tiếp cận cho tất cả mọi người nhưng giáo dục miễn phí ở các cấp này cần thực hiện dần dần. Quan niệm về thực hiện dần dần theo năng lực được áp dụng đối với một số quyền kinh tế, văn hoá và xã hội.

Trách nhiệm bảo vệ yêu cầu quốc gia phải ngăn chặn bạo lực và các vi phạm quyền con người khác của nhân dân trong lãnh thổ của họ. Theo đó, quyền con người cũng mang tính “*chiều ngang*”, từ đó dẫn tới một vấn đề quan trọng trong kỷ nguyên toàn cầu hoá là trách nhiệm xã hội của các tập đoàn xuyên quốc gia.

Bước phát triển tiến bộ khác là sự gia tăng mối quan tâm đến việc ngăn ngừa vi phạm quyền con người bằng các biện pháp mang tính cấu trúc như thể chế quốc gia hay bằng cách đưa yếu tố quyền con người vào các hoạt động gìn giữ hoà bình. Mục tiêu ngăn ngừa cũng là điều ưu tiên trong cách tiếp cận an ninh con người đối với quyền con người.

B. Quyền con người và an ninh con người.

Quyền con người trước tiên cần phải được thực thi ở cấp quốc gia. Tuy nhiên, có thể có nhiều trở ngại như thiếu “*sự quản lý điều hành hiệu quả*”, đó là nạn tham nhũng và quản lý hành chính hay tư pháp kém hiệu quả. Để đảm bảo cho quốc gia thực hiện được các nghĩa vụ của mình, cơ chế giám sát quốc tế về các hoạt động của quốc gia đã được thiết lập cho hầu hết các công ước về quyền con người quốc tế. Cơ chế giám sát này có thể có nhiều hình thức khác nhau. Hệ thống báo cáo theo quy định của nhiều công ước quốc tế. Thủ tục này yêu cầu các quốc gia phải báo cáo định kỳ về hoạt động bảo vệ quyền con người của họ. Thông thường, một Ủy ban các chuyên gia sẽ xem xét báo cáo và đưa ra các khuyến nghị làm cách thức tăng cường việc thực hiện quyền con người. Ủy ban cũng có thể đưa ra “*các khuyến nghị chung*” để việc giải thích rõ hơn nội dung công ước. Trong một số ít trường hợp, chẳng hạn như Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) có một nghị định thư bổ sung trao quyền cho Ủy ban về các quyền chính trị và dân sự được phép tiếp nhận các kháng thư cá nhân từ những người bị vi phạm quyền con người. Tuy nhiên, điều này chỉ có thể áp dụng cho những người sống ở các quốc gia đã phê chuẩn nghị định thư bổ sung. Một số công ước khác cũng có các điều khoản về thủ tục khiếu kiện quốc gia nhưng điều này rất hiếm khi xảy ra. Thủ tục tư pháp chỉ có trong Công ước châu Âu và Công ước liên Mỹ về quyền con người thông qua Toà án châu Âu hay Toà án liên Mỹ về quyền con người với thẩm quyền ra quyết định mang tính ràng buộc đối với các quốc gia. Toà án châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc cũng sẽ được thành lập sau khi quy chế của Toà án này chính thức có hiệu lực.

Bên cạnh các thủ tục thành lập theo các văn kiện về quyền con người như các công ước về quyền con người, còn có cơ chế liên quan đến **“các thủ tục dựa trên hiến chương”**- là thủ tục được xây dựng trên cơ sở Hiến chương của Liên hiệp quốc nhằm giải quyết các vi phạm về quyền con người trên toàn thế giới. Một trong số các thủ tục đó là Nghị quyết 1235 do Hội đồng Kinh tế, xã hội Liên hiệp quốc (ECOSOC) thông qua năm 1967, để cho phép Ủy ban quyền con người giải quyết các vụ vi phạm quyền con người rộng khắp và mang tính hệ thống trên toàn thế giới, theo thủ tục công khai.

Một thủ tục khác được gọi là Thủ tục kín 1503 dựa trên Nghị quyết ECOSOC 1503 thông qua vào năm 1970 cho phép gửi các đơn kiện lên văn phòng Cao uỷ Liên hiệp quốc về quyền con người ở Geneva. Các đơn này sau đó sẽ được một nhóm chuyên gia của Tiểu ban về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người xem xét. Thủ tục này chủ yếu áp dụng cho các hành vi vi phạm rộng rãi về quyền con người. Tình hình nhân quyền ở một quốc gia nhất định cũng có thể được Hội đồng quyền con người gồm 47 thành viên đưa ra thảo luận. Hội đồng quyền con người ra đời thay thế cho Ủy ban quyền con người vào năm 2006, do kết quả của cuộc cải cách Liên hiệp quốc nhằm củng cố cơ quan chủ chốt của Liên hiệp quốc về quyền con người.

Các hoạt động của Ủy ban quyền con người và các cơ quan chuyên gia tiểu ban, của các thủ tục đặc biệt như các hoạt động của Báo cáo viên đặc biệt và đại diện của Ủy ban quyền con người hoặc của Tổng thư ký Liên hiệp quốc về các vấn đề quyền con người đóng vai trò ngày càng quan trọng. Các cơ quan này đã bổ nhiệm vị trí *“báo cáo viên về tình hình nhân quyền của từng quốc gia”* như đại diện đặc biệt về Bosnia và Herzegovina và Cộng hoà liên bang Nam Tư, Báo cáo viên đặc biệt về Afghanistan, Sudan hoặc Haiti và vị trí *“Báo cáo viên đặc biệt chuyên trách”* như là Báo cáo viên đặc biệt về tra

tấn hoặc bạo lực đối với phụ nữ. Tất cả có gần 40 thủ tục đặc biệt như vậy để thu thập thông tin theo lĩnh vực hoạt động ở từng quốc gia hoặc trên toàn thế giới. Các thủ tục này thể hiện sự gia tăng của tính tích cực của Liên hiệp quốc, đồng thời cung cấp một cơ chế theo dõi và giám sát trong trường hợp ở đó không có các thủ tục thực hiện hoặc các thủ tục đó không có hiệu quả. Đó là các trường hợp liên quan đến Tuyên ngôn về những người bảo vệ nhân quyền hay một số các quyền kinh tế, xã hội như quyền được tiếp cận giáo dục, quyền có lương thực, quyền có nhà ở thoả đáng, quyền được chăm sóc sức khoẻ, hưởng các chính sách về điều chỉnh cơ cấu và các khoản nợ nước ngoài. Ngoài ra còn có *“các chuyên gia độc lập”* về quyền phát triển và *“các nhóm công tác”* ví dụ như nhóm công tác về cưỡng bức mất tính. Trong năm 2006, Hội đồng quyền con người đảm đương tất cả các chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm thay cho Ủy ban quyền con người.

Ngoài ra, Cao uỷ nhân quyền Liên hiệp quốc cũng tăng cường thiết lập nhiệm vụ cho văn phòng Cao uỷ tại các quốc gia có vấn đề về quyền con người. Các nhiệm vụ này đã được thiết lập ở các quốc gia như Afghanistan, Bosnia-Herzegovina, Campuchia, Colombia, Guatemala, Haiti, Kosovo, Montenegro, Serbia, Sierra Leone, v.v... để tập hợp thông tin và thúc đẩy các tiêu chuẩn về quyền con người, chẳng hạn như tư vấn cho quá trình cải cách pháp luật hoặc tham gia vào công việc của cộng đồng quốc tế.

Hoạt động của các cơ quan đặc biệt này vừa nhằm mục đích bảo vệ, vừa nhằm mục đích thúc đẩy. Các cơ quan này nâng cao nhận thức của người dân về quyền con người và tham gia vào tất cả các hoạt động để đưa ra giải pháp dựa trên cơ sở quyền con người. Thực sự, thúc đẩy quyền con người là một nhiệm vụ có ý nghĩa rất to lớn không thể thực hiện bởi riêng một mình các cơ quan hay thể chế quốc tế. Thúc đẩy quyền con người, trước hết, có nghĩa là làm cho con người nhận thức được quyền con

người, để họ biết được các quyền của mình và hướng dẫn mọi người cách thức sử dụng các quyền đó một cách tốt nhất. Để đạt được mục đích này, cần có sự tham gia của nhiều bên, trong đó có các trường đại học, ngành giáo dục nói chung và cả các tổ chức phi chính phủ.

Ở cấp độ quốc gia, Liên hiệp quốc khuyến nghị việc thành lập “*cơ quan quốc gia*” về thúc đẩy

và bảo vệ quyền con người như là cơ quan thanh tra hay Ủy ban quốc gia về quyền con người. Để đạt được mục đích này, Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua một số nguyên tắc về thẩm quyền và trách nhiệm, bảo đảm tính độc lập và đa dạng và về các biện pháp hoạt động (Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hiệp quốc về Cơ quan quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, số 48/134 ngày 10 tháng 12 năm 1993).

G. QUYỀN CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ



Vì sự phát triển của hệ thống quyền con người, tác động của xã hội dân sự do các tổ chức phi chính phủ đại diện là vấn đề hết sức quan trọng. Các tổ chức phi chính phủ dựa trên cơ sở quyền tự do lập hội được quy định tại Điều 22 của ICCPR. Các tổ chức này là những thành tố chủ chốt trong một xã hội dân sự vì việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Ở Liên hiệp quốc, các tổ chức phi chính phủ được phát triển dưới dạng “*luơng tri toàn thế giới*”. Họ thường theo đuổi việc bảo vệ các lợi ích nhất định như tự do biểu đạt và tự do thông tin (Điều 19) hoặc ngăn cấm tra tấn hay các hình thức đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục (Hiệp hội ngăn cấm tra tấn, APT). Các tổ chức phi chính phủ như Tổ chức Ân xá quốc tế sử dụng các thủ tục đặc biệt như “*toà án hoạt động khẩn cấp*” nhằm gây áp lực lên các chính phủ. Chiến lược “*huy động sự xấu hổ*” với sự giúp đỡ của các phương tiện truyền thông độc lập có thể rất hiệu quả.

Các tổ chức phi chính phủ như Hội liên hiệp quốc tế Helsinki (IHF), Nhóm khủng hoảng quốc tế (ICG) hay Tổ chức quan sát nhân quyền đã có ảnh hưởng đến các chính phủ và cộng đồng quốc tế thông qua các bản báo cáo có chất lượng nhờ có sự giám sát và tìm hiểu thực tế. Một cách tiếp cận khác rất có hiệu quả của các tổ chức phi chính phủ là soạn thảo “*báo cáo bóng*” song song với báo cáo chính thức của quốc gia tới các cơ quan giám sát quốc tế về quyền con người.

Theo một nghị quyết của Đại hội đồng Liên hiệp quốc năm 1998, Tuyên ngôn về những người bảo vệ quyền con người, nhân dân và các tổ chức phi chính phủ hoạt động vì quyền con người được trao quyền tự do cần thiết để hoạt động và được bảo vệ chống lại ngược đãi dưới bất kỳ hình thức nào. Một số quốc gia đôi khi không thiện chí với các tổ chức như Tổ chức Ân xá quốc tế hay Ủy

ban Helsinki. Trên thế giới đã có trường hợp các nhà hoạt động vì quyền con người bị bắt giữ do những hoạt động của họ. Quốc gia đã không chỉ có nghĩa vụ phải bảo vệ các nhà hoạt động này khỏi những người đại diện cho họ, chẳng hạn như cảnh sát, mà còn bảo vệ khỏi các nhóm bạo lực nắm giữ pháp luật trong tay.

Tổng thư ký Liên hiệp quốc đã bổ nhiệm một *đại diện đặc biệt* về vấn đề những người bảo vệ quyền con người nhằm hỗ trợ việc thực thi tuyên ngôn Liên hiệp quốc về vấn đề này.



Các tổ chức phi chính phủ cũng đóng vai trò quan trọng trong *giáo dục và học tập về quyền con người* (HREL), bằng cách xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức tập huấn và biên soạn tài liệu thông qua sự phối hợp với Liên hiệp quốc, UNESCO, Hội đồng châu Âu hay các tổ chức liên chính phủ khác. Trên cấp độ toàn cầu, Thập kỷ giáo dục quyền con người (PDHRE) theo sáng kiến của Liên hiệp quốc đã được thông qua và vươn tới phía Nam nhờ đó đã hỗ trợ cho sự ra đời của các cơ quan về giáo dục quyền con người khu vực, như Ấn Độ, Ac-hen-tina và Mali. Trong lĩnh vực đào tạo chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và hành vi phân biệt đối xử, Liên đoàn chống phi bạo (ADL) đã hoạt động trên toàn cầu.

Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ có vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh vì quyền bình đẳng cho phụ nữ và bảo vệ các quyền của họ. UNIFEM, CLADEM hay WIDE, tất cả đều coi trọng vấn đề giáo dục và đào tạo quyền con người trong chương trình nghị sự của họ nhằm trao quyền cho phụ nữ để vượt qua trở ngại và đạt tới sự bình đẳng và không phân biệt cao nhất.

Ở châu Phi, các tổ chức phi chính phủ hợp mặt thường xuyên trước khoá họp của Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc, tham gia vào các khoá họp và cùng nhau tổ chức các hoạt động đào tạo. Trung tâm đào tạo châu Âu của tổ chức phi chính phủ của Áo và Trung tâm Nghiên cứu dân chủ và quyền con người (ETC) đã hợp tác với nhiều Trung tâm quyền con người ở Đông Nam châu Âu để tổ chức các chương trình giáo dục và đào tạo cấp khu vực và quốc gia.

Mạng lưới quyền con người Balkan (BHRN) đã tổ chức các hoạt động chia sẻ thông tin và phối hợp cho các tổ chức phi chính phủ về quyền con người.

Các tổ chức xã hội dân sự giúp tăng cường tiếng nói cho những người không có quyền lực về kinh tế và chính trị. Trong các chiến dịch theo chủ đề liên quan đến thương mại, bạo lực với phụ nữ, quyền con người và vi phạm về môi trường, có thể kể ra một số xã hội dân sự quốc tế đã thu hút sự chú ý của thế giới về sự đe dọa tới an ninh con người.

Các tổ chức phi chính phủ có thể trao quyền và huy động các tổ chức xã hội dân sự trong nước họ thông qua giáo dục, dựa trên các quyền nhằm củng cố sự tham gia của công dân vào quá trình kinh tế, chính trị và bảo đảm rằng sự sắp xếp của các cơ quan đó là phù hợp với nhu cầu của con người.

(Nguồn: **An ninh con người Tháng 11. 2003.** Ủy ban an ninh con người, 88)

H. CÁC HỆ THỐNG KHU VỰC VỀ BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI 🤔!?

Bên cạnh các công cụ bảo vệ quyền con người trên toàn cầu còn có một số hệ thống bảo vệ quyền con người mang tính khu vực đã được phát triển. Chúng thường cung cấp các tiêu chuẩn về quyền lợi và việc thi hành các quyền này cao hơn. Lợi thế của các hệ thống địa phương là khả năng xác định các đơn kiện một cách hữu hiệu hơn. Khi đưa ra các tòa án, các quyết định ràng buộc với bồi thường có thể được đưa ra, và nhìn chung, sự giới thiệu của Ủy ban quyền con người cũng được các địa phương đặc biệt coi trọng. Chúng có thể mang đến không chỉ “những vụ việc dẫn đầu” cho việc giải thích và làm rõ các điều khoản bảo vệ quyền con người, mà còn có trách nhiệm trong các luật thuộc quốc gia nhằm làm cho nó phù hợp với các quy định về quyền con người quốc tế. Ngoài ra, các hệ thống khu vực có xu hướng gần gũi hơn với các quan niệm về văn hóa và tín ngưỡng nếu như có những lý do thích hợp dành cho chúng.

I. CHÂU ÂU

Hệ thống quyền con người châu Âu có ba bậc lần lượt là: Hệ thống của Ủy ban châu Âu (hiện tại có 46 thành viên), của Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (55 thành viên) và của Liên minh châu Âu (hiện tại có 25 thành viên).

Hệ thống vì quyền con người của châu Âu là hệ thống mang tính khu vực phức tạp nhất. Nó được phát triển do phản ứng lại với việc vi phạm quyền con người sâu sắc diễn ra trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Quyền con người, quy tắc luật pháp và nền dân chủ đa nguyên là đặc điểm nhận dạng của hệ thống pháp luật châu Âu.

Các văn kiện châu Âu về quyền con người



- Công ước về bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản (1950) và 14 Nghị định thư bổ sung
- Hiến chương Xã hội châu Âu (1961) sửa đổi năm 1991 và 1996 và các Nghị định thư bổ sung năm 1988 và 1995
- Công ước châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và các hình thức đối xử hạ nhục và phi nhân tính khác (1987)
- Đạo luật cuối cùng của Helsinki (1975) và chu trình tiếp theo của CSCE/OSCE với Hiến chương Paris về châu Âu mới (1990)
- Hiến chương châu Âu về các ngôn ngữ khu vực và thiểu số (1992)
- Công ước Khung về bảo vệ các quốc gia thiểu số (1994)
- Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu (2000)

1. Hệ thống quyền con người của Hội đồng châu Âu

a. Tổng quan

Công cụ chính là **Công ước châu Âu về quyền con người** năm 1950 và 13 nghị định thư bổ sung trong đó quan trọng nhất là Nghị định thư số 6 và 13 (chưa có hiệu lực) về việc bãi bỏ án tử hình. Đây chính là điểm khác biệt giữa cách tiếp cận quyền con người của châu Âu và cách tiếp cận của Mỹ và Nghị định thư số 11, với Nghị định thư này, Ủy ban châu Âu về quyền con người và Tòa án châu Âu về quyền con người đã được thay thế bằng Tòa án thường trực châu Âu về

quyền con người. ECHR chủ yếu bao gồm các quyền dân sự và chính trị.

Hiến chương xã hội châu Âu năm 1961 ra đời nhằm bổ sung thêm các quyền về kinh tế và xã hội nhưng vẫn không đạt được tầm quan trọng như ECHR. Ngay từ đầu nó đã phải gánh chịu hệ thống thực thi yếu kém và không hiệu quả. Tuy nhiên, cùng với sự quan tâm ngày càng tăng đến các vấn đề kinh tế và xã hội ở mức toàn cầu, từ những năm 1980, Hiến chương xã hội châu Âu đã được chú ý hơn và Hiến chương đã được sửa đổi hai lần vào năm 1988 và 1995, đến nay cũng đã có khả năng cho phép khiếu kiện tập thể theo một nghị định thư bổ sung.

Bước đột phá lớn là sự ra đời của Công ước châu Âu về ngăn ngừa tra tấn, trừng phạt và đối xử vô nhân đạo, hạ nhục năm 1987. Công ước này đã thiết lập Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn, trừng phạt và đối xử phi nhân đạo hay hạ nhục. Ủy ban đã gửi các phái đoàn đến tất cả các nước thành viên của Công ước nhằm thực hiện các chuyến viếng thăm thường xuyên hoặc đặc biệt đến tất cả các nơi giam giữ. Theo đó, tính logic của hệ thống là ở hiệu quả phòng ngừa đối nghịch lại với việc bảo vệ sau khi sự việc đã xảy ra, một nhiệm vụ vẫn đang được đảm nhiệm bởi Ủy ban châu Âu về quyền con người và tòa án của nó. Vào tháng 12/2002, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đã thông qua nghị định thư bổ sung của công ước chống tra tấn nhằm đưa ra một cơ chế hoạt động tương tự ở cấp độ toàn cầu.

 **Cấm tra tấn.**

Công ước khung châu Âu về bảo vệ các dân tộc thiểu số (1995) đã được soạn thảo sau Hội nghị thượng đỉnh của Hội đồng châu Âu tại Vienna năm 1993 như là hành động ứng phó những vấn đề nảy sinh liên quan đến quyền của dân tộc thiểu số ở châu Âu. Hiện tượng này là kết quả của sự tan rã của Liên bang Xô viết và nước Cộng hòa xã hội Nam Tư, và rộng hơn là kết quả

của quá trình tự quyết ở châu Âu vào những năm 90 của thế kỷ XX. Theo Công ước, các quốc gia phải bảo vệ các quyền cá nhân của thành viên của các dân tộc thiểu số, nhưng cũng phải tạo điều kiện cho phép các dân tộc thiểu số có thể duy trì và phát triển nền văn hóa và bản sắc của họ. Tuy nhiên, cơ chế thi hành lại giới hạn ở hệ thống báo cáo và một Ủy ban chuyên gia để xem xét các báo cáo.

Hội đồng châu Âu năm 1999 cũng thiết lập một “*Ủy viên Hội đồng quyền con người*”. Người này cung cấp thông tin về các hoạt động của mình trong một báo cáo hàng năm. Thêm vào đó, có một hệ thống giám sát kín về hoạt động của các thành viên ở các khu vực khác nhau về việc thực hiện quyền con người trên các lĩnh vực khác nhau. Đó là trách nhiệm của Hội đồng Bộ trưởng trên cơ sở các báo cáo do ban thư ký chuẩn bị.

Các cơ quan, tổ chức về quyền con người châu Âu **Hội đồng châu Âu:**

- Tòa án châu Âu về quyền con người (Tòa án riêng biệt năm 1998)
- Ủy ban châu Âu về các quyền xã hội (sửa đổi năm 1999)
- Ủy ban châu Âu về việc ngăn ngừa tra tấn hay các hành vi đối xử vô nhân đạo hay hạ nhục khác (CPT, 1989)
- Ủy ban cố vấn của Công ước khung về các dân tộc thiểu số (1998)
- Ủy ban châu Âu về chủ nghĩa chủng tộc và thiếu khoan dung (ECRI, 1993)
- Ủy viên châu Âu về quyền con người (1999)
- Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu

OSCE:

- Văn phòng Thể chế dân chủ và quyền con người (ODIHR, 1990)
- Cao ủy về các dân tộc thiểu số (OSCE, 1992)
- Đại diện về Quyền tự do thông tin (OSCE, 1997)

Liên minh châu Âu:

- Toà án Công lý châu Âu
- Trung tâm giám sát châu Âu về phân biệt chủng tộc và nạn bài ngoại (EUMC, 1998)
- Cơ quan châu Âu về các quyền cơ bản (2007)

b. Toà án châu Âu về quyền con người

Công cụ chính bảo vệ quyền con người ở châu Âu là Toà án quyền con người châu Âu đặt tại Strasbourg. Ngày nay, thẩm quyền bắt buộc của Toà án này được tất cả các nước thành viên của Hội đồng châu Âu ghi nhận. Toà có số lượng thẩm phán bằng số lượng quốc gia thành viên của Hội đồng châu Âu. Trong từng vụ việc, sẽ có một người nắm giữ vị trí “thẩm phán quốc gia” để tham gia hỗ trợ tìm hiểu pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, khi được bổ nhiệm các thẩm phán chỉ làm việc với tư cách cá nhân.

Để đơn kiện được chấp nhận cần phải có đầy đủ bốn điều kiện tiên quyết chính:

- a. Có sự vi phạm một quyền được ECHR và các nghị định thư bổ sung bảo vệ;
- b. Người thưa kiện là nạn nhân của sự vi phạm này;
- c. Không còn một biện pháp hữu hiệu trong nước nào nữa;
- d. Đơn kiện được thực hiện dưới sáu tháng sau khi các biện pháp trong nước đã hết.

Nếu được chấp nhận thì một Hội đồng gồm 7 thẩm phán sẽ xem xét nội dung của vụ việc. Phán quyết của Hội đồng sẽ là phán quyết cuối cùng nếu như vụ việc không được coi là có vai trò đặc biệt quan trọng hoặc biểu hiện một vấn đề mới liên quan đến quyền tài phán. Trong trường hợp Hội đồng Thẩm phán không đưa ra được quyết định thì vụ việc sẽ được kháng cáo tại hội đồng mở rộng gồm có 17 thẩm phán. Các phán quyết là mang tính ràng buộc và cũng phải bồi thường

thiệt hại nếu có. Việc giám sát thực hiện phán quyết là nhiệm vụ của Ủy ban Bộ trưởng.

Hiện tại, vấn đề chính của hệ thống này là số lượng kháng thư nhận được rất lớn. Số đơn đã tăng từ 1.000 năm 1999 lên hơn 44.000 năm 2004 gây ra sự quá tải cho cả hệ thống. Nghị định thư số 14 đã được thông qua nhằm giải quyết vấn đề này.

2. Hệ thống quyền con người của Tổ chức vì An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE)



Tổ chức vì An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE) là một tổ chức rất đặc biệt thay thế cho Hội nghị An ninh và Hợp tác châu Âu năm 1994. Cơ quan này không có điều lệ pháp lý và cũng không có tư cách pháp lý quốc tế, các tuyên bố hay đề xuất của nó chỉ mang tính chất chính trị chứ không mang tính chất ràng buộc về pháp lý đối với các thành viên. Tuy nhiên, hàng loạt các quy định được thông qua bởi các hội nghị hay các cuộc gặp gỡ chuyên gia tiếp theo và được giám sát bởi Hội đồng đại biểu của các nước thành viên và thường xuyên tổ chức các hội nghị tiếp theo là một cơ chế giám sát khá thành công. “Tiến trình Helsinki” đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình hợp tác xây dựng giữa phương Tây và phương Đông trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh và tạo điều kiện cho sự hợp tác của một châu Âu mở rộng gồm 55 nước.

Với chủ đề về “yếu tố con người”, OSCE đảm nhiệm nhiều hoạt động trong lĩnh vực quyền con người nói chung và quyền của nhóm thiểu số nói riêng.

Các hoạt động này cũng đóng vai trò quan trọng trong nhiều nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực khác nhau như trong trường hợp của Bosnia và Herzegovina hoặc Serbia và Montenegro cũng như là vấn đề của Kosovo. Vì mục đích này,

OSCE có một bộ phận phụ trách vấn đề quyền con người và đã tuyển dụng các viên chức về quyền con người trên cả nước nhằm giám sát và báo cáo về tình hình quyền con người cũng như thúc đẩy việc thực hiện quyền con người và trợ giúp bảo vệ trong một số vụ việc nhất định. OSCE cũng trợ giúp Cơ quan nhân quyền quốc gia của các nước - nơi tổ chức này thực hiện nhiệm vụ thanh tra như ở Bosnia và Herzegovina hoặc ở Kosovo.

Nhiều cơ chế đặc biệt đã được xây dựng dưới hình thức như Cao ủy về các dân tộc thiểu số và Đại diện về quyền tự do thông tin ( *Quyền tự do biểu đạt và quyền tự do ngôn luận*). Các cơ quan này có văn phòng luân lượt ở La Haye và Vienna. Cao ủy về các dân tộc thiểu số được coi là phương tiện ngăn ngừa xung đột với nhiệm vụ giải quyết các vấn đề liên quan đến mâu thuẫn sắc tộc ở giai đoạn sớm nhất có thể. OSCE đóng vai trò trong việc giám sát các cuộc bầu cử dân chủ ở một số nước châu Âu khi chuyển đổi sang các nền dân chủ đa nguyên. Quá trình dân chủ hóa và thúc đẩy quyền con người được hỗ trợ bởi Văn phòng Thể chế cộng hòa và quyền con người, trụ sở đặt tại Warsaw. OSCE cũng đóng vai trò quan trọng trong dàn xếp tranh chấp và hàn gắn hậu quả sau tranh chấp ở châu Âu.

3. Chính sách về quyền con người của Liên minh châu Âu

Cộng đồng Kinh tế châu Âu lúc mới thành lập năm 1957 không quan tâm đến các vấn đề chính trị như quyền con người. Việc hòa nhập chính trị theo hướng một Liên minh châu Âu thống nhất kể từ những năm 80 của thế kỷ XX đã tạo điều kiện để dân chủ và quyền con người trở thành quan niệm cơ bản trong các vấn đề pháp lý chung của châu Âu. Toà án công lý châu Âu đóng vai trò quan trọng là xây dựng thẩm quyền pháp lý về quyền con người xuất phát từ “*truyền thống hiến pháp chung của các quốc gia thành viên*” và các công ước quốc tế mà quốc gia đó là thành

viên, trong đó, đáng chú ý là Công ước châu Âu về quyền con người. Một số quyền con người đã được xây dựng như là các nguyên tắc chung của luật cộng đồng, ví dụ, quyền sở hữu, quyền tự do hội họp và tự do tín ngưỡng hay nguyên tắc bình đẳng - một nguyên tắc rất quan trọng trong luật pháp của cộng đồng châu Âu.

Kể từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Cộng đồng châu Âu đã xây dựng chính sách về quyền con người liên quan đến các nước thứ ba. Chính sách này được thể hiện ở chuẩn mực Copenhagen về việc thừa nhận các quốc gia mới ở Đông Nam châu Âu. Điều 6 và 7 của Công ước Liên minh châu Âu 1995 đề cập rõ ràng đến Công ước châu Âu năm 1950 với dự đoán cho rằng Liên minh châu Âu sẽ gia nhập công ước này với vai trò là một thành viên.

Năm 2000, Hội nghị về soạn thảo Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu đã được tiến hành và Hiến chương được hội nghị thượng đỉnh Nice thông qua trong năm 2000. Hiện tại, Hiến chương này là văn bản về quyền con người hiện đại nhất ở châu Âu. Nó đưa ra các quy định về các quyền về kinh tế, xã hội cũng như văn hóa tương tự như UDHR. Đến nay, Hiến chương này không phải là văn bản có tính ràng buộc về pháp lý. Tuy nhiên, do Hiến chương đưa ra một số nghĩa vụ về quyền con người vốn là một bộ phận của nhiều công ước quốc tế khác nhau, mà các thành viên của Liên minh châu Âu là các bên tham gia nên Hiến chương có thể được hiểu như là một lời giải thích hay làm rõ nghĩa cho các quy định ràng buộc đó. Kể từ năm 1995, Liên minh châu Âu còn có cả các điều khoản về quyền con người trong các hiệp định song phương của mình như “*Hiệp định hợp tác và bền vững*”, Hiệp định Cotonou hay Hiệp định Euromed. Mặc dù, Hiến pháp châu Âu mới, là văn bản mang lại giá trị ràng buộc cho Hiến chương châu Âu về các quyền con người cơ bản, vẫn chưa có hiệu lực, nhưng sự tập trung nhiều

hơn vào quyền con người có thể có được bằng các phương thức khác.

Liên minh châu Âu đã đưa ra chính sách về quyền con người cả trong các mối quan hệ đối nội cũng như quan hệ quốc tế của tổ chức này và coi đó là một phần của chính sách chung về an ninh và ngoại giao. Báo cáo hàng năm về quyền con người do Hội đồng của Liên minh châu Âu công bố phản ánh tầm quan trọng của chính sách này đối với Liên minh châu Âu nói chung. Hội đồng đưa ra các tuyên bố công khai nhưng cũng rất năng động, ở phía hậu trường trong một số vụ việc theo định hướng *“ngoại giao về quyền con người”* và cùng với Ủy ban châu Âu tiến hành *“đối thoại nhân quyền”* với một số nước như Trung Quốc và Iran. Nghị viện châu Âu đóng vai trò đi đầu trong việc tiếp tục đề cao vấn đề quyền con người trong chương trình nghị sự của EU và cũng công bố báo cáo thường niên về quyền con người. Về sáng kiến, viện trợ tài chính cho dự án của các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực dân chủ và quyền con người xuất phát từ sáng kiến châu Âu về dân chủ và quyền con người do Tổ chức hỗ trợ châu Âu phát động thay mặt cho Ủy ban châu Âu - là nơi đưa ra các chiến lược chính trị. Cuộc đấu tranh chống lại nạn tra tấn và án tử hình hay chiến dịch vì Tòa án Hình sự Quốc tế được nhấn mạnh đặc biệt.

Trung tâm Giám sát nạn phân biệt chủng tộc và nạn bài ngoại của Liên minh châu Âu (EUMC) do EU sáng lập tại Vienna năm 1998 nhằm giải quyết tình trạng gia tăng của vấn đề phân biệt chủng tộc và nạn bài ngoại đang gia tăng ở châu Âu, giám sát tình hình và thúc đẩy các hoạt động chống lại nạn phân biệt chủng tộc và nạn bài ngoại. Cơ quan châu Âu về các quyền cơ bản sẽ được thành lập ở Vienna năm 2007 để giám sát việc thực hiện quyền con người theo Hiến chương châu Âu. Căn cứ vào công việc của EUMC, cơ quan này sẽ thu thập dữ liệu và cung cấp các báo cáo về hiện trạng quyền con người

theo yêu cầu, do đó, sẽ hỗ trợ cho các chính sách về quyền con người của Liên minh châu Âu.

Năm 1998, Điều 13 của Hiến chương đã được phát triển thành điều ước của Cộng đồng châu Âu để trao quyền cho cộng đồng nhằm chống lại nạn phân biệt đối xử về chủng tộc, nguồn gốc sắc tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, tuổi tác, người tàn tật và định hướng giới tính. Năm 2000, Hội đồng đã thông qua Chỉ thị 2000/43/EC về việc thi hành nguyên tắc đối xử công bằng liên quan đến nguồn gốc chủng tộc nói chung và sắc tộc nói riêng, trong lĩnh vực tuyển dụng, tiếp cận với giáo dục, đào tạo và tiếp cận với các lợi ích của xã hội - lĩnh vực được áp dụng cho cả khu vực công và tư nhân trên toàn EU.

Tương tự, Liên minh châu Âu cũng chú trọng đặc biệt đến vấn đề bình đẳng. Theo Điều 141 của Điều ước về cộng đồng châu Âu, các quốc gia thành viên phải áp dụng nguyên tắc *“trả lương công bằng cho cả nam giới và nữ giới”* và phải thông qua các biện pháp mang *bình đẳng về cơ hội*. Thêm vào đó, nguyên tắc này cũng được tiếp tục phát triển trong các quy định và chỉ thị giống như chỉ thị về cập nhật vấn đề đối xử bình đẳng số 2002/73/EC..

 Không phân biệt đối xử.

II. CHÂU MỸ

Hệ thống liên Mỹ về quyền con người được bắt đầu từ Tuyên ngôn châu Mỹ về các quyền và nghĩa vụ của con người được thông qua năm 1948 cùng với Hiến chương của Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS). Ủy ban liên Mỹ về quyền con người do OAS sáng lập năm 1959 với 7 thành viên là cơ quan chính của hệ thống.

Công ước châu Mỹ về quyền con người được thông qua năm 1969, đến năm 1978 chính thức có hiệu lực, sau đó được bổ sung bằng hai nghị định thư bổ sung, một về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và một về xoá bỏ án tử hình. Nước Mỹ không phải là thành viên của Công

ước mặc dù Ủy ban của Công ước này đặt văn phòng tại Washington. Công ước cũng đưa ra quy định về Tòa án liên Mỹ về quyền con người. Tòa án này được thành lập năm 1979, đặt trụ sở tại Costa Rica cùng với “Viện liên Mỹ về quyền con người”.

Trong số các văn kiện pháp lý về quyền của phụ nữ Công ước Liên châu Mỹ về việc ngăn ngừa, trừng phạt và xoá bỏ bạo lực với phụ nữ (Công ước Belem do Para) có hiệu lực năm 1995 có ý nghĩa quan trọng nhất. Công ước đã được 31/34 thành viên của OAS thông qua. Theo Công ước này, các báo cáo quốc gia thường niên được nộp lên Ủy ban liên châu Mỹ về phụ nữ - Ủy ban được thành lập từ năm 1928. Ngoài ra, còn có một vị trí Báo cáo viên đặc biệt về quyền của phụ nữ (từ năm 1994).

 Quyền của phụ nữ.

Hệ thống liên Mỹ về quyền con người

- Tuyên ngôn châu Mỹ về quyền và nghĩa vụ của con người (1948)
- Ủy ban Nhân quyền liên Mỹ (1959)
- Công ước châu Mỹ về quyền con người (1969/1978)
- Nghị định thư bổ sung về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (1988)
- Nghị định thư bổ sung về xoá bỏ án tử hình (1990)
- Tòa án liên Mỹ về quyền con người (1979/1984)
- Ủy ban liên Mỹ vì phụ nữ (1928)
- Công ước châu Mỹ về việc ngăn ngừa, trừng phạt và xoá bỏ các vi phạm đối với phụ nữ (1994)

Các cá nhân, nhóm hay các tổ chức phi chính phủ có thể khiếu kiện dưới hình thức “đơn kiến

ngợi” lên Ủy ban liên Mỹ về quyền con người với yêu cầu thông tin về các biện pháp về quyền con người đã được thực hiện. Tòa án liên Mỹ không thể giải quyết các đơn kiện trực tiếp mà phải thông qua Ủy ban cơ quan có quyền quyết định vụ việc nào được đưa lên Tòa án. Theo cách này, trước đây Tòa án không phải nhận nhiều vụ việc nhưng hiện nay điều này đã thay đổi. Tòa án có thể đưa ra ý kiến tư vấn, chẳng hạn như giải thích Công ước. Cũng như Ủy ban, Tòa án có 7 thành viên và làm việc trên nguyên tắc không thường trực.

Ủy ban cũng có thể thực hiện các cuộc thanh tra tại hiện trường và đưa ra các báo cáo đặc biệt về vấn đề có liên quan. Một số tổ chức phi chính phủ trợ giúp cho các nạn nhân của các vi phạm quyền con người cũng có thể yêu cầu Ủy ban liên Mỹ về quyền con người đưa các vụ việc ra Tòa án.

III. CHÂU PHI

Hệ thống bảo vệ quyền con người của châu Phi được thiết lập từ năm 1981 với việc thông qua Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc. Hiến chương có hiệu lực từ năm 1986. Hiến chương thành lập Ủy ban châu Phi về quyền con người bao gồm 11 thành viên, đặt trụ sở ở Banjul, Gambia. Ngày nay, tất cả 53 quốc gia thành viên của Liên minh châu Phi (AU), tổ chức thay thế cho OAU từ năm 2001 đều đã phê chuẩn Hiến chương châu Phi. Hiến chương là sự tiếp bước hướng tiếp cận của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, thống nhất tất cả các nhóm quyền trong một văn kiện. Lời nói đầu của Hiến chương đề cập đến “Giá trị của nền văn minh châu Phi” với mục đích chỉ ra quan niệm về quyền con người và quyền của các dân tộc châu Phi. Hơn thế nữa, Hiến chương đã quy định trách nhiệm của cá nhân như là trách nhiệm đối với gia đình và xã hội, tuy nhiên, những điều này không phù hợp lắm với thực tế.

Hệ thống quyền con người châu Phi

- Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc (1981, có hiệu lực năm 1986)
- Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc (1987)
- Nghị định thư thành lập Tòa án quyền con người và quyền các dân tộc châu Phi (1997, có hiệu lực năm 2003)
- Nghị định thư về Quyền phụ nữ (2003, có hiệu lực năm 2005)
- Hiến chương châu Phi về các quyền và trợ cấp cho trẻ em (1990, có hiệu lực năm 1999)

Ủy ban không chỉ có nhiệm vụ thúc đẩy quyền con người mà còn có thể nhận kháng thư của các quốc gia (mặc dù điều này cho đến nay vẫn chưa xảy ra) và các cá nhân hay các nhóm. Tuy nhiên, Ủy ban không thể đưa ra các quyết định mang tính ràng buộc về pháp lý. Đó là lý do vì sao Nghị định thư thuộc Hiến chương về thành lập Tòa án quyền con người và quyền của các dân tộc châu Phi đã được thông qua và chính thức có hiệu lực năm 2003. Cơ quan này chỉ có thể nhận đơn kiện thông qua Ủy ban giống như Hệ thống liên Mỹ. Tòa án chỉ có thể nhận đơn của các cá nhân trực tiếp nếu như quốc gia có một thông báo đặc biệt về trường hợp đó. Đến nay, điều này là một ngoại lệ. Tuy nhiên, đến năm 2004, Hội đồng nguyên thủ quốc gia và chính phủ đã quyết định sáp nhập Tòa án này với Tòa án của Liên minh châu Phi nhằm tạo ra một công cụ pháp lý mới khi tất cả các biện pháp cần thiết cho hoạt động của Tòa án quyền con người được thực hiện.

Việc giám sát thường xuyên tình hình quyền con người được thực hiện trên cơ sở xem xét báo cáo quốc gia do Ủy ban thực hiện, nhưng Ủy ban không tiến hành thường xuyên và không tốt lắm.

Thực hiện theo Liên hiệp quốc, Ủy ban đã bổ nhiệm một Báo cáo viên đặc biệt về bắt giữ vô cớ, thủ tục chiếu lệ và không qua xét xử, về nhà

tù và điều kiện giam giữ, về các quyền của phụ nữ, về người bảo vệ quyền con người và về quyền tự do biểu đạt.

Ủy ban cũng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm sự thật và hoạt động xúc tiến và tổ chức các hoạt động đặc biệt theo từng vụ việc cụ thể. Chẳng hạn như là sau khi xét xử 9 thành viên của Phong trào Giải thoát Dân tộc Ogoni năm 1995 và các phiên toà xét xử không công bằng của họ. Một phần quan trọng trong đa hoạt động của Ủy ban bắt nguồn từ các tổ chức phi chính phủ châu Phi và các khu vực khác - các tổ chức này được cho phép tham gia vào tất cả các cuộc họp công khai của Ủy ban. Họ thường đưa ra các vụ vi phạm và hỗ trợ công việc cho Ủy ban và Báo cáo viên đặc biệt của họ. Một điều quan trọng nữa là các chính phủ phải làm cho Hiến chương được áp dụng trực tiếp ngay trong hệ thống luật pháp quốc gia của họ. Điều này đã xảy ra, ví dụ như trong trường hợp của Nigeria với kết quả là các tổ chức phi chính phủ của Nigeria như “*Dự án Quyền hiến định*” đã thành công trong việc đưa các vụ vi phạm hiến chương ra Tòa án Nigeria.

Sau khi Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em năm 1989 ra đời, Hiến chương châu Phi về quyền và phúc lợi trẻ em cũng được thông qua. Tuy nhiên, đến năm 1999, Hiến chương mới có hiệu lực và năm 2005 có 35 nước châu Phi phê chuẩn. Hiến chương đã dự báo việc thành lập Ủy ban các chuyên gia về quyền và phúc lợi cho trẻ em châu Phi, Ủy ban này họp mặt ít nhất một lần trong một năm. Trong khi quá trình phê chuẩn văn kiện này diễn ra chậm, thì chưa thể thấy được liệu công ước và Ủy ban của nó có mang lại kết quả tốt đẹp hay không.

IV. CÁC KHU VỰC KHÁC

Đối với các nước Hồi giáo, cần phải đề cập đến “*Tuyên ngôn Cairo về quyền con người ở các nước Hồi giáo*” năm 1990 do các bộ trưởng Bộ

Ngoại giao của *Tổ chức Hội nghị Hồi giáo* soạn thảo nhưng chưa bao giờ chính thức được thông qua. Tất cả các quyền đề cập trong Tuyên ngôn này đều theo luật của đạo Hồi (Sharia).

Thêm vào đó, Hiến chương Ả Rập về quyền con người đã được các chuyên gia về quyền con người A-Rập soạn thảo và được Hội đồng Liên đoàn các nước A-Rập thông qua vào năm 1994 nhưng chưa có hiệu lực vì chưa đủ quốc gia phê chuẩn.

Ở châu Á, mặc dù đã có nhiều nỗ lực được thực hiện nhưng vẫn chưa thể thông qua được một văn kiện về quyền con người mang tính khu vực hay thành lập một Ủy ban châu Á về quyền con người, chủ yếu là do sự đa dạng trong khu vực này. Tuy nhiên, có nhiều nỗ lực về hội nhập khu vực như khối ASEAN, một tổ chức có khả năng sẽ dẫn đầu trong việc thành lập Ủy ban quyền con người châu Á trong tương lai. Trên mức độ xã

hội văn minh, hơn 200 tổ chức phi chính phủ dưới sự lãnh đạo của Trung tâm Nguồn luật châu Á ở Hồng Kông, nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập của UDHR năm 1998 đã soạn thảo *“Hiến chương châu Á về quyền con người”*, được coi như là một *“Hiến chương của các dân tộc”*. Ngoài ra còn có diễn đàn Á - Âu giữa Liên minh châu Âu và 10 nước ASEM về quyền con người đến nay đã có 4 phiên họp. Một diễn đàn tương tự cũng tồn tại giữa Liên minh châu Âu và Trung Quốc.

Là một hiệp định liên khu vực, Hiệp định Hợp tác Cotonou giữa 78 nước đến từ châu Phi, Caribe và các nước khu vực châu Á Thái Bình Dương và 15 thành viên của Liên minh châu Âu năm 2000, trong Điều 9 (2) phát biểu như sau: *“tôn trọng quyền con người, nguyên tắc dân chủ và nhà nước pháp quyền [...] là những yếu tố cần thiết của hiệp định này”*.

I. THẨM QUYỀN PHÁP LÝ PHỔ QUÁT VÀ VẤN ĐỀ MIỄN TRỪ



Cuộc đấu tranh chống lại việc miễn trừ và trách nhiệm giải trình đang là một vấn đề quan ngại trên toàn cầu. Vấn đề quan tâm chủ yếu là việc phòng ngừa tội phạm vi phạm nghiêm trọng các quyền con người và pháp luật nhân đạo để nó không tiếp tục xảy ra. Trao quyền miễn trừ cho những người vi phạm quyền con người là một thực tế diễn ra trên khắp thế giới nhằm thuyết phục những người nắm quyền phân dân chủ trao quyền lực lên các chính phủ bầu cử theo thể thức cộng hoà. Cần tránh sự nhầm lẫn giữa miễn trừ với “đặc xá” - một hình thức áp dụng cho một số ít bị can sau khi chiến tranh hay chế độ cai trị thay đổi. Miễn trừ đi ngược lại với nguyên tắc trách nhiệm giải trình, một vấn đề đang ngày càng được thực hiện ở cả cấp quốc gia và quốc tế, ví dụ như, trong việc thành lập các Toà án Hình sự quốc tế chung và đặc biệt.

Nhằm ngăn ngừa nạn vi phạm quyền con người, một số công ước quốc tế như Công ước Liên hiệp quốc chống tra tấn năm 1984, quy định về thẩm quyền pháp lý phổ quát đối với những kẻ phạm tội. Trong trường hợp của Pinochet Augusto, cựu độc tài Chilê, vào năm 1998 một thẩm phán Tây Ban Nha đã yêu cầu dẫn độ ông ta từ Anh. Yêu cầu này đã được thông qua bởi Thượng viện Anh nhưng không được thực hiện do điều kiện sức

khỏe của ông này. Nguyên tắc thực thi thẩm quyền pháp lý phổ quát được áp dụng ở ICC và ở cấp quốc gia. Charles Taylor, cựu lãnh đạo Sierra Leone, lần đầu tiên đã được cho phép rời đến Nigeria nhưng vào tháng 3 năm 2006 đã bị buộc phải quay về nước và phải ra toà. Ông ta sẽ bị xét xử ở Toà án đặc biệt cho Sierra Leone, trong một phiên họp đặc biệt tại Hague.

Các hình thức thiết lập tính trách nhiệm khác mà không cần dẫn đến việc trừng phạt người vi phạm là “*Hoà giải và Ủy ban sự thật*”, được thành lập ở Nam Phi và nhiều nước khác, như là một hình thức công lý không báo thù. Chúng cho các nạn nhân cơ hội ít nhất là được biết sự thật và xã hội để có thêm bài học trong quá khứ.

Trong trường hợp của Argentina, Ủy ban liên Mỹ về quyền con người đã phát hiện ra rằng, luật đặc xá trao quyền miễn tội đã vi phạm các quyền bảo vệ công lý và xét xử công bằng. Đã có một chiến dịch quốc tế chống lại miễn trừ trong đó các tổ chức phi chính phủ địa phương đóng vai trò lớn. Cuối cùng, đến năm 1998, luật đặc xá này đã được dỡ bỏ.

J. THẨM QUYỀN HÌNH SỰ QUỐC TẾ



Theo quy chế về Toà án Hình sự Quốc tế (ICC) thông qua ở Rome năm 1998 và có hiệu lực năm 2002, ICC đã được thành lập ở Hague với vai trò là một toà án. Toà có thẩm quyền xét xử tội diệt chủng, các tội chống lại loài người *“được thực hiện như là một phần của các cuộc tấn công mang tính hệ thống trực tiếp chống lại nền văn minh nhân loại”*, bao gồm các vụ cưỡng bức, nô lệ tình dục, ép buộc mang thai hay bất kỳ hình thức bạo lực tình dục nào khác (*các quyền của phụ nữ*), cưỡng bức mất tích hay các hành động vô nhân đạo gây nên những đau đớn lớn như gây thương tổn nghiêm trọng về tinh thần và thể chất, tội phạm chiến tranh, và trong tương lai, bao gồm cả tội xâm lược.

Toà án Hình sự Quốc tế về Yugoslavia cũ (ICTY) do Hội đồng bảo an thành lập năm 1993 ở Hague như là một Toà án lâm thời nhằm giải quyết các vụ vi phạm quyền con người và luật nhân đạo nghiêm trọng trong khu vực Nam Tư cũ. Theo đó, trách nhiệm của Toà án bao gồm các vụ vi phạm Công ước Geneva năm 1949 về bảo vệ các nạn nhân của xung đột vũ trang, các tội phạm chống lại loài người như giết người, tra tấn, cưỡng hiếp hay các hành động vô nhân đạo khác gây ra trong các cuộc xung đột vũ trang và tội diệt chủng. Kết quả của nạn diệt chủng Rwandan năm 1994 là Toà án Hình sự Quốc tế về Rwanda (ICTR) đã được thành lập ở

Arusha, Tanxania. Toà án đặc biệt về vấn đề Sierra Leone bắt đầu hoạt động năm 2002 với sự kết hợp với Ủy ban Sự thật và Hoà giải, cơ quan đã kết thúc nhiệm kỳ vào thời điểm đó. Trong trường hợp của Campuchia, việc thực thi một hiệp định giữa Liên hiệp quốc và Chính phủ Campuchia về Toà án Hình sự Chiến tranh năm 2003 đã bị hoãn lại. Sự thành lập toà án dự kiến sẽ diễn ra trong năm 2006.

Giống như ICTY và ICTR, việc thực thi quyền lực của ICC bổ sung cho việc thực thi công lý của quốc gia. Chỉ khi một quốc gia không sẵn sàng hoặc không thể xét xử kẻ phạm tội thì ICC mới tiếp nhận vụ việc. Tất cả các toà án dựa trên nguyên tắc trách nhiệm mỗi cá nhân bất kể tội chính thức của người bị buộc tội là gì.

Toà án đặc biệt bán quốc tế đối với Sierra Leone điều tra tội giết người, cưỡng bức, nô lệ tình dục, cưỡng hiếp, tội huỷ diệt, khủng bố, nô lệ, cướp bóc và đốt nhà. Toà án chỉ xét xử các cá nhân phải chịu trách nhiệm lớn nhất trong việc gây ra thương đau cho người dân ở Sierra Leone. Người ta mong đợi rằng, việc này sẽ thúc đẩy hoà giải quốc gia, thông qua một cơ chế xét xử và do đó mang lại hoà bình dài lâu.

K. SÁNG KIẾN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở CÁC THÀNH PHỐ



Các chương trình thúc đẩy quyền con người ở cấp quốc gia là một hướng tiếp cận mới, nhằm sử dụng khuôn khổ về quyền con người như là một định hướng cho phát triển kinh tế và xã hội. Với sáng kiến PDHRE - Phong trào giáo dục quyền con người cho người dân - nhằm sử dụng giáo dục quyền con người như là một chiến lược cho sự phát triển xã hội, một số thành phố như Rosario (Argentina), Thies (Senegal), Bongo (Ghana), Kati, Kayes và Timbuktu (Mali), Môngole (Nam Phi), Nagpur (India), Dinapur (Bangladesh), Bucuy Municipality (Philippines), Porto Alegre (Brazil), các thành phố Graz (Áo) và Edmonton (Canada) đã tuyên bố các thành phố này là “*thành phố vì quyền con người*” hay “*cộng đồng vì quyền con người*”.

Một sáng kiến nữa cũng được áp dụng ở Barcelona, tại đó, với sự phối hợp của thành phố Saint Denis, “*Hiến chương châu Âu về việc bảo vệ quyền con người trong thành phố*” đã được xây dựng năm 1998 và đến năm 2003 đã được hơn 300 thành phố chủ yếu thuộc khu vực Địa Trung Hải ký kết. Hiến chương bao gồm nhiều quy định về nghĩa vụ chính trị dựa trên quyền con người quốc tế, ví dụ như quyền của người nhập cư, và khuyến khích việc thành lập các cơ quan và các thủ tục địa phương cho việc bảo vệ quyền con người như cơ quan thanh tra, các Hội đồng quyền con người hay bảng cân đối các quyền con người. Trong các cuộc họp thường kỳ, giống như Venice (2003) và Nuremberg (2005), các kinh nghiệm tốt về quyền con người được đưa ra trao đổi giữa các thành phố và cộng đồng thành viên.

“Liên minh quốc tế các thành phố chống nạn phân biệt chủng tộc” do UNESCO phát động đề

cập đến các vấn đề liên quan đến phân biệt chủng tộc và nạn bài ngoại trong các thành phố nhằm hỗ trợ các thành phố này quan tâm hơn đến sự đa dạng văn hoá ngày càng tăng của cư dân của mình. Trên cấp độ khu vực, “Liên minh các thành phố chống phân biệt chủng tộc của châu Âu” ra đời vào năm 2004 (tham khảo: <http://www.unesco.org/shs/citiesagainstracism>). Một số thành phố cũng có Ủy ban quyền con người và các thanh tra viên hay các cơ quan khác hoạt động trong lĩnh vực ngăn ngừa và khắc phục các hành động vi phạm quyền con người.

Chiến lược thúc đẩy quyền con người trong cộng đồng bắt đầu ở cấp địa phương đã mang lại nhiều lợi ích trong việc giải quyết các vấn đề về quyền con người trong cuộc sống hàng ngày. Biện pháp do PDHRE gợi ý đã được áp dụng thành công trong thực tế, bắt đầu bằng cách cùng nhau xây dựng một bảng đánh giá và xác định đối với việc thực hiện quyền con người và vi phạm quyền con người trong thành phố, dẫn đến việc chuyển chiến lược thành một chương trình hành động. Trong quá trình này, người dân được tham gia đánh giá pháp luật, các chính sách về sử dụng các nguồn lực trong thành phố. Họ lập kế hoạch nhằm tăng cường việc hiện thực hoá quyền con người trong thành phố. Cùng với các nhà chức trách, họ cam kết rằng tất cả các quyết định, chính sách và chiến lược nên được định hướng bằng quyền con người.

Vì mục đích này, sáng kiến này đã theo đuổi cách tiếp cận chính thể luận đối với quyền con người, có nghĩa là tất cả các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá, bao gồm cả quan điểm về giới đã được xem xét một cách tổng thể. Nhằm làm cho mọi người nhận thức được các

quyền con người, học tập và đào tạo là các hoạt động quan trọng nhất, bao gồm cả chương trình “tập huấn giảng viên kiêm chức” dành cho các giáo viên, nhân viên hành chính, cảnh sát, nhân viên y tế và xã hội, lãnh đạo các hiệp hội lân cận và các tổ chức phi chính phủ. Một hệ thống giám sát do Ủy ban chỉ đạo lãnh đạo với sự tham gia của tất cả các ban ngành trong xã hội sẽ giám sát quá trình lâu dài (xem: <http://www.pdhre.org>).

Ở cấp độ quốc tế, hiệp hội các thành phố quyền con người đã được thành lập. Hiệp hội này sẽ giám sát các biện pháp tự kiểm soát cần thiết và tính nghiêm túc trong nỗ lực của các thành viên. Chiến dịch quyền con người toàn cầu đã được PDHRE phát động với sự hỗ trợ của UNDP, với sự tham gia của các dự án địa phương.



Ví dụ về thành phố quyền con người Nagpur, Ấn Độ

Giai đoạn 1 (tháng 1 đến tháng 6 năm 1999):

Xác định vấn đề và người tham gia

Giai đoạn 2 (tháng 7 năm 1999 đến tháng 6 năm 2000):

Hoạt động hoà giải với sự trợ giúp của nhóm công tác

Giai đoạn 3 (tháng 7 năm 2000 đến tháng 12 năm 2002):

Hoạt động xây dựng năng lực và đào tạo;
Huy động cộng đồng trong các khu vực ổ chuột v.v.



Ví dụ về thành phố quyền con người Kati, Mali

Tháng 4 năm 2000:

Bắt đầu khởi xướng

Tháng 2 năm 2001:

Tổng hội các nhà hoạch định chiến lược: thành lập Ủy ban định hướng, phối hợp và văn phòng hoạt động

Tháng 12 năm 2001:

Thành lập Hội đồng Cố vấn gồm các chuyên gia 2002/2003:

Xây dựng tài liệu và tổ chức hội thảo tập huấn về giáo dục quyền con người



Ví dụ về thành phố quyền con người Graz, Áo

Graz, Áo

Tháng 12 năm 2000:

Thông báo của Ngoại trưởng Áo, bà Ferrero-Waldner tại Đại hội Thiên niên kỷ Liên hiệp quốc

Tháng 2 năm 2001:

Hội đồng thành phố Graz ra quyết định tán thành

Tháng 5 năm 2001:

Lễ khai mạc chính thức tại Trường Đại học Graz với sự có mặt của Bà Shulamith Koenig

Tháng 6 năm 2002:

Với sự giúp đỡ của hơn 100 cá nhân và tổ chức, chương trình hành động tóm tắt và dự thảo đã được trình bày tại Tòa thị chính thành phố Graz.

Tháng 10 năm 2003:

Hội nghị về các kết quả của giai đoạn thực hiện đầu tiên

Năm 2005:

Thông báo tham gia vào các Liên minh châu Âu về Thành phố chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Năm 2006:

Thành lập Ban cố vấn quyền con người, phát động giải thưởng quyền con người thành phố

Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu tại Graz, là cơ quan điều phối cũng đưa ra các chương trình giáo dục và đào tạo quyền con người.

L. CÁC CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TOÀN CẦU VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Sau vài thập kỷ xây dựng tiêu chuẩn thành công, thách thức chủ yếu của quyền con người chính là việc thực hiện các cam kết đã đưa ra. Một số biện pháp mới đang được đưa ra để tăng cường việc thực hiện quyền con người cả ở mức độ địa phương, quốc gia lẫn quốc tế. Một trong số những biện pháp đó là thái độ tích cực hơn của cộng đồng quốc tế, bao gồm cả thái độ của các viên chức về quyền con người trong các sứ mệnh quốc tế và thể chế hóa việc xem xét các mối quan ngại về quyền con người trong từng lĩnh vực, nhằm mang lại hiệu quả về phòng ngừa. Việc cải cách hệ thống quyền con người Liên hiệp quốc thông qua việc thay thế Ủy ban quyền con người bằng Hội đồng nhân quyền cần dẫn tới những kết quả quan trọng trong việc tăng cường các thể chế về quyền con người.

Tôn trọng quyền con người cũng được tăng cường ở địa phương và quốc gia thông qua việc nâng cao năng lực về quyền con người cho các thể chế ở cấp địa phương, ví dụ như các thành phố về quyền con người và việc thành lập các cơ quan quốc gia về thúc đẩy và giám sát quyền con người, trong đó có các tổ chức phi chính phủ - cơ quan đại diện cho xã hội dân sự đóng một vai trò hết sức quan trọng. Tuy nhiên, vẫn còn một số lĩnh vực đòi hỏi tiếp tục quá trình xây dựng chuẩn mực như có thể thấy từ các hoạt động đang tiến hành ở Liên hiệp quốc như: xây dựng công ước dành cho những người khuyết tật, công ước về bảo vệ khỏi việc bị cưỡng bức mất tích, nghị định thư không bắt buộc về khiếu kiện liên quan đến các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội, các văn kiện pháp lý đề cập đến các vấn đề quyền con người liên quan tới công nghệ sinh học và kỹ thuật gen, buôn bán các bộ phận của cơ thể người, đa dạng văn hóa, v.v.

Cùng lúc đó, đối với các quyền con người đã được ghi nhận thì được làm cho rõ ràng hơn bằng

cách tập trung vào “các quyền cốt lõi” như cách tiếp cận của ILO. Có thể nhận thấy những thử thách mới khi xem xét kỹ hơn mối quan hệ giữa quyền con người và luật nhân đạo, giống như “các tiêu chuẩn cơ bản về nhân đạo” ( Quyền con người trong xung đột vũ trang).

Điều tương tự cũng xảy ra trong mối quan hệ giữa quyền con người và luật tị nạn, tồn tại ở cả cấp độ ngăn ngừa các vấn đề tị nạn lẫn ở cấp độ quay trở về của người tị nạn. Ở cả hai trường hợp, tình hình quyền con người ở quốc gia của người tị nạn mang tính quyết định. Điều này đặt ra vấn đề rộng hơn về quyền con người và ngăn chặn các cuộc xung đột cũng như vấn đề tái hoà nhập và tái thiết sau xung đột - những lĩnh vực đòi hỏi phải được thực hiện dựa trên cơ sở quyền con người và pháp quyền.

 Pháp quyền và quyền dân chủ.

Trách nhiệm giải trình đối với các vi phạm quyền con người và tôn trọng quyền con người đã trở thành mối quan ngại toàn cầu không chỉ đối với các cá nhân mà còn cả các thể chế phi nhà nước khác như là tập đoàn xuyên quốc gia (TNC), và các tổ chức liên chính phủ như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) hay Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Theo đó, vấn đề bồi thường thiệt hại sau các vi phạm quyền con người một cách rộng khắp và có hệ thống đã trở thành vấn đề được quan tâm. Tiểu ban về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người của Liên hiệp quốc đã soạn thảo bản “Các quy phạm về trách nhiệm của các tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp kinh doanh khác”.

Theo đề xuất của Tổng thư ký Liên hiệp quốc, Kofi Annan, Thỏa thuận toàn cầu được giới thiệu vào tháng 7 năm 2000 như là một bước tiếp cận

mới trong quá trình toàn cầu hóa. Các công ty tham gia chấp nhận 10 nguyên tắc cơ bản trong các lĩnh vực về quyền con người, tiêu chuẩn lao động, môi trường và chống tham nhũng và tham gia vào một cuộc đối thoại định hướng kết quả về các vấn đề toàn cầu, ví dụ như vai trò của doanh nghiệp ở các khu vực xung đột.

 *Quyền được làm việc.*

Một thách thức lớn đặt ra là làm thế nào để duy trì các tiêu chuẩn về quyền con người khi đấu tranh chống lại việc gia tăng mối đe dọa về khủng bố. Không một cá nhân nào được sống ngoài vòng pháp luật hay bị tước mất các quyền con người, đồng thời, cũng cần phải tăng cường việc bảo vệ các quyền cho nạn nhân của các hành động tội phạm hay khủng bố. Hội đồng châu Âu đã thông qua “Các hướng dẫn về quyền con người và đấu tranh chống khủng bố” và về “Bảo vệ các nạn nhân của hành động khủng bố” để giải quyết những thử thách mới này. Tổng thư ký Liên hiệp quốc và Cao ủy quyền con người Liên hiệp quốc nêu rõ rằng, bảo vệ quyền con người phải là một phần của cuộc đấu tranh chống khủng bố.

M. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alfredson, Gundumur và các tác giả khác. 1999. *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người*. Oslo: Nhà xuất bản Trường Đại học Scandinavian.

Alston, Philip (chủ biên). 1999. *Liên minh châu Âu và quyền con người*. Oxford: Nhà xuất bản Trường Đại học Oxford.

Andreopoulos, George J. và Richard Pierre Claude (chủ biên). 1997. *Giáo dục quyền con người trong thế kỷ 21*. Philadelphia: Nhà xuất bản Trường Đại học Pennsylvania.

An-Na'im, Abdullahi Ahmed (chủ biên). 1992. *Quyền con người theo cách tiếp cận xuyên văn hoá*. Tìm kiếm sự đồng thuận. Philadelphia: Nhà xuất bản Trường Đại học Pennsylvania.

Arbour, Louise. 2005. *Quyền được sống và trách nhiệm bảo vệ trong thế giới hiện đại*. Boston, 9 tháng 12 năm, tại địa chỉ: http://www.jfklibrary.net/forum_nuremberg_arbour_remarks.html

“Tôi tin rằng không có sự mất cân đối nào giữa bảo vệ quyền con người và chống chủ nghĩa khủng bố. Bảo vệ quyền con người không phải là mâu thuẫn với đấu tranh chống khủng bố: trái lại, tầm nhìn đạo đức của quyền con người - tôn trọng sâu sắc nhân phẩm của mỗi người - là một trong những vũ khí mạnh nhất để chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Nếu thỏa hiệp trong bảo vệ quyền con người không đạt được thì sẽ tạo ra chiến thắng cho những kẻ khủng bố mà tự chúng không thể đạt được. Do vậy, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người cũng như tuân thủ nghiêm ngặt luật nhân đạo quốc tế nên là trung tâm của các chiến lược chống khủng bố.”

(Tổng thư ký Liên hiệp quốc, Kofi Annan. 2003. Xem:

<http://www.un.org/News/Press/docs/2003/sgsm8885.doc.htm>)

Quỹ Á - Âu (ASEF). 2000. *Hội Nghị ASEM về quyền con người không chính thức lần thứ ba*. Singapore.

Bayefsky, Anne F. 2002. *Làm cách nào để gửi kháng thư lên Hệ thống Điều ước về quyền con người Liên hiệp quốc*. New York: Các nhà xuất bản xuyên quốc gia.

Baxi, Upendra. 1994. *Những sai lầm vô nhân đạo và quyền con người: Các bài luận độc đáo*. Delhi: Nhà xuất bản Har-Anand.

Baxi, Upendra. 2002. *Tương lai của quyền con người*. Oxford: Nhà xuất bản Trường Đại học Oxford.

Benedek, Wolfgang (chủ biên). 1999. *Quyền con người ở Bosnia và Herzegovina, Lý thuyết và Thực tiễn*. The Hague: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Benedek, Wolfgang, Esther M. Kisaakye và Gerd Oberleitner (chủ biên.). 2002. *Quyền con người của Phụ nữ: Các văn kiện Quốc tế và Kinh nghiệm của châu Phi*. Luân Đôn: Zed Books.

- Benedek, Wolfgang và Alice Yotopoulos-Maranopoulos (chủ biên).** 2003. *Các biện pháp chống khủng bố và quyền con người*. Leiden: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.
- Benedek, Wolfgang, Koen de Feyter và Fabrizio Marel-la (chủ biên).** 2003. *Toàn cầu hóa kinh tế và quyền con người*. Cambridge: Nhà xuất bản Trường Đại học Cambridge.
- Binder, Johannes.** 2001. *Yếu tố con người của OSCE: Từ khuyến nghị đến thực hiện*. Vienna: Verlag Österreich.
- Buergenthal, Thomas, Diana Shelton và David Stewart.** 2002. *Khái quát về quyền con người quốc tế*. Hiệu chỉnh lần thứ 3. St. Paul: Tổ chức Tây Phương.
- Buergenthal, Thomas và Diana Shelton.** 1995. *Bảo vệ quyền con người ở các nước châu Mỹ - Các vụ việc và tài liệu*. Hiệu chỉnh lần thứ 4. Hiệu chỉnh. Kehl: Engel.
- Cassese, Antonio.** 2001. *Luật hình sự Quốc tế. Bình luận quy chế Rome về Tòa Hình sự Quốc tế*. Oxford: Nhà xuất bản Trường Đại học Oxford.
- Ủy ban an ninh con người.** 2003. *An ninh con người ngày nay, Bảo vệ và trao quyền cho nhân dân*. New York: Nhà xuất bản Trường Đại học Oxford.
- Hội đồng Liên minh châu Âu.** 1999. *Báo cáo quyền con người hàng năm*. Brussels: Các cộng đồng châu Âu.
- Davidson, Scott. J.** 1997. *Hệ thống quyền con người liên Mỹ*. Aldershot: Công ty xuất bản Ashgate.
- De Feyter, Koen.** 2005. *Quyền con người. Công bằng xã hội trong thời kỳ thị trường*. London: Zed Books.
- Sở Ngoại giao và Thương mại Quốc tế. Canada.** 1999. *An ninh con người: An toàn cho mọi người trong một thế giới đang thay đổi*. Xem tại: <http://www.cpsindia.org/globalhumansecurity/changin-g-world.htm>.
- Donnelly, Jack.** 2003. *Quyền con người toàn cầu phổ biến trong lý luận và thực tiễn*. Xuất bản lần thứ 2. Ithaca: Nhà xuất bản Trường Đại học Cornell.
- Drinan, Robert F.** 2001. *Phát huy sự hổ thẹn, một quan điểm thế giới về quyền con người*. New Haven: Nhà xuất bản Trường Đại học Yale.
- Evans, D. Malcolm và Rachel Murray.** 2002. *Hiến chương châu Phi quyền con người và quyền của các dân tộc. Hệ thống trong thực tiễn, 1986-2000*. Cambridge: Nhà xuất bản Trường Đại học Cambridge.
- Forsythe, David P.** 2000. *Quyền con người trong quan hệ Quốc tế*. Cambridge: Nhà xuất bản Trường Đại học Cambridge.
- Freeman, Michael.** 2002. *Quyền con người*. Oxford: Nhà xuất bản Chính trị.
- Garcia, Ramirez.** 2001. *El Futuro del Sistema Interamericano de Protección de los Derechos Humanos*. Trong sách của Garcia Ramirez, S. (chủ biên). La jurisprudencia de la Corte Interamericana de Derechos Humanos. México D. F.: Universidad Nacional Autónoma de México. p. 1118-1144.
- Ghai, Yash.** 1999. *Quyền con người, công bằng xã hội và toàn cầu hóa*. Trong sách của: Bell, D.; Bauer, J. (chủ biên.). Thử thách Đông Á về quyền con người. Cambridge: Nhà xuất bản Trường Đại học Cambridge.
- Ghai, Yash.** 1998. *Quyền con người và giá trị châu Á*. Tạp chí luật công pháp (tập 9/3). pp. 168-182.
- Gomien, Donna.** 2005. *Giới thiệu vắn tắt về Công ước châu Âu về quyền con người*. Xuất bản lần thứ 3. Strasbourg: Hội đồng châu Âu.
- Hanski, Raija và Markku Suksi chủ biên.** 1999. *Giáo trình giới thiệu về bảo vệ quyền con người quốc tế*. Xuất bản lần thứ 2. Turko/Abo: Viện Quyền con người. Trường Đại học Abo Akademi.
- Jones, John R.W.D.** 2000. *Thực tiễn của các tòa xét xử hình sự quốc tế đối với Nam Tư cũ và Rwanda*. Xuất bản lần thứ 2. Irvington-on-Hudson/NY: Nhà xuất bản xuyên quốc gia.
- Mack, Andrew (chủ biên).** 2005. *Báo cáo an ninh con người*. Trung tâm an ninh con người, Trường Đại học British Columbia. Oxford: Nhà xuất bản Trường Đại học Oxford.
- Maddex, Robert. L.** 2000. *Bách khoa toàn thư Quốc tế về quyền con người*. Washington: Nhà xuất bản Quốc hội.
- McRae, Rob và Don Hubert (chủ biên).** 2001. *An ninh con người và thuật ngoại giao mới, Bảo vệ con người, tăng cường Hòa bình*. Montreal: Nhà xuất bản Trường Đại học McGill-Queen.
- Newman, Edward và Oliver P. Richmond (chủ biên).** 2001. *Liên hiệp quốc và an ninh con người*. New York: Palgrave.
- Nowak, Manfred** 2003. *Giới thiệu cơ chế quyền con người Quốc tế*. Leiden: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.
- Văn phòng Cao ủy quyền con người.** 1998. *Các vấn kiện quyền con người cơ bản*. Xuất bản lần thứ 3. Geneva: OHCHR.
- OSCE.** 2000. *Sổ tay OSCE*. Vienna: OSCE.

Ramcharan, Bertrand G. 2002. *Quyền con người và an ninh con người*. The Hague: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Báo cáo của Ủy ban Quốc tế về can thiệp và chủ quyền quốc gia. 2001. *Trách nhiệm bảo vệ*. Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc tế. Ottawa, tại: <http://www.idrc.ca>.

Robertson, Geoffrey. 2002. *Tội ác chống lại loài người. Đấu tranh Công bằng Toàn cầu*. Luân Đôn: Penguin.

Sicilianos, Lino-Alexander và Christiane Bourloy-annis-Vrailas, (chủ biên). 2001. *Ngăn ngừa các Vi phạm quyền con người*. The Hague: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Smith, Rhona. 2003. *Giáo trình về quyền con người Quốc tế*. Oxford: Nhà xuất bản Trường Đại học Oxford.

Steiner, Henry J. và Philip Alston. 2000. *Quyền con người Quốc tế trong Bối cảnh, Pháp luật, Chính trị, Đạo đức, Văn bản, và Tài liệu*. Xuất bản lần thứ 2. New York: Nhà xuất bản Trường Đại học Oxford.

Symonides, Janusz và Vladimir Volodin (chủ biên). 2001. *Hướng dẫn quyền con người, các thể chế, tiêu chuẩn, thủ tục*. Pa-ri: UNESCO.

Symonides, Janusz (chủ biên). 2000. *Quyền con người: Khái niệm và các Tiêu chuẩn*. Ashgate: UNESCO.

Todorovic, Mirjana (chủ biên). 2003. *Văn hóa quyền con người*. Belgrade: Trung tâm quyền con người.

Ulrich, George. 2006. *Hướng tới một lý thuyết đạo đức toàn cầu trong việc hỗ trợ quyền con người*, trong sách của: Wolfgang Benedek, Koen de Feyter, Fabrizio Marella (chủ biên.). 2006, Toàn cầu hóa Kinh tế và quyền con người. Cambridge: Nhà xuất bản Trường Đại học Cambridge, sắp tới.

Umozurike, U. Oji. 1997. *Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc*. The Hague: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Đại hội đồng Liên hiệp quốc. 2005. *Trong khuôn khổ tự do mở rộng hơn: hướng tới phát triển, An ninh và quyền con người cho tất cả mọi người*. Báo cáo của Tổng thư ký. tại địa chỉ: <http://www.un.org/largerfreedom/contents.htm>

Welch Jr., Claude E. 2000. *Các Tổ chức phi chính phủ và quyền con người: Lời hứa và Sự thực hiện*. Philadelphia: Nhà xuất bản Trường Đại học Pennsylvania.

Willems, Peter (chủ biên). 1996. *Lương tri của Thế giới, Ảnh hưởng của các Tổ chức phi chính phủ trong Hệ thống Liên hiệp quốc*. London: Hurst.

 **III.B. Tài liệu đề xuất về quyền con người.**

TÀI LIỆU VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG:

Mạng lưới quyền con người Balkan (BHRN), [http://www.balkan-rights.net/Bảng chủ dẫn.html](http://www.balkan-rights.net/Bảng%20chủ%20dẫn.html).

Hội đồng châu Âu. 2002. *Hướng dẫn về quyền con người và Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố*. tại địa chỉ: [http://www.coe.int/T/E/Human_rights/h-inf\(2002\)8eng.pdf](http://www.coe.int/T/E/Human_rights/h-inf(2002)8eng.pdf).

Hội đồng châu Âu. Các hướng dẫn về bảo vệ nạn nhân của các hành động khủng bố. 2005. Tại địa chỉ: <http://www.icj.org/IMG/pdf/GLCDDH.pdf>.

Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo quyền con người và dân chủ châu Âu: <http://www.etc-graz.at>.

Tuyên ngôn Graz về các nguyên tắc giáo dục quyền con người và an ninh con người, Cuộc họp Bộ trưởng lần thứ 5, Graz, ngày 10 tháng 5 năm 2003, tại địa chỉ: <http://www.etc-graz.at/human-security/declaration/declaration.pdf>.

Mạng lưới an ninh con người: <http://www.humansecuritynetwork.org>.

Trung tâm an ninh con người: <http://www.humansecuritycentre.org>.

Mạng lưới các Trung tâm quyền con người ở Đông Nam châu Âu (SEE-HRCNet): <http://www.see-hrc.net>.

UNESCO: <http://www.unesco.org>.

Liên hiệp quốc. Dự thảo Tuyên ngôn về quyền con người của người bản xứ. <http://www.cwis.org/drft9329.html>.

Liên hiệp quốc. 2005. *Tài liệu về kết quả của Hội nghị thượng đỉnh thế giới. Tài liệu Liên hiệp quốc.* A/RES/60/1 of 16 September 2005.

Liên hiệp quốc. Tuyên ngôn Liên hiệp quốc về quyền của các nhóm thiểu số (1993), tại địa chỉ: <http://www1.umn.edu/humanrts/instate/d5drm.htm>

II. CÁC CHUYÊN ĐỀ CHỌN LỌC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

TÍNH PHỔ QUÁT

TÍNH BÌNH ĐẲNG

TÍNH KHÔNG THỂ CHIA TÁCH VÀ TÍNH PHỤ THUỘC LẦN NHAU

“Cộng đồng Quốc tế vừa ra khỏi thời kỳ xây dựng cam kết. Đến nay, cần phải chuyển sang thời kỳ thực hiện, do đó cần huy động ý chí và các nguồn lực cần thiết để thực hiện những điều đã hứa”

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc. 2001.

CẨM TRA TẤN

**TÔN TRỌNG PHẨM GIÁ CỦA CON NGƯỜI VÀ
QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM CỦA MỖI CÁ NHÂN**

“Không ai bị tra tấn hay bị đối xử, xử phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm”
Điều 5, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. 1948.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Khoảng 9 giờ sáng, ngày 25 tháng 01 năm 1991 tôi bị bắt trên phố. Lúc đó, không có chuyện gì xảy ra cả... Tôi bị đưa đến đồn cảnh sát Bobigny. Tôi bị đưa vào tầng 1, ở đó có khoảng 8 người đang chờ sẵn và bắt đầu đánh tôi. Tôi khụy chân xuống. Một cảnh sát túm tóc và giật tôi lên. Một cảnh sát khác đánh liên tiếp vào đầu tôi bằng một vật giống như là chiếc gậy bóng chày. Một người khác thì đá và đâm vào lưng tôi. Sự tra tấn này tiếp tục kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ...

Ngày 26 tháng 11 năm 1991, tôi lại bị một vài viên cảnh sát khác phỏng vấn - ba hay bốn người vào các thời điểm khác nhau trong ngày... Những lúc đó, họ giật tóc tôi, đâm tôi và đánh tôi bằng roi...

Họ tiếp tục hành hung tôi đến 01 giờ sáng. Tôi nghĩ là việc tra tấn này bắt đầu từ lúc 7 giờ chiều hôm trước. Có lúc họ bắt tôi đi ra một hành lang dài, ở đó có một người cảnh sát có thể là chịu trách nhiệm chính, túm lấy tóc tôi và bắt tôi chạy dọc theo cái hành lang dài đó trong khi những người khác đứng hai bên hành lang và đâm tôi... Sau đó tôi bị đưa vào phòng và bị dọa sẽ thiêu cháy nếu tôi không chịu nói. Khi tôi từ chối nói, họ thiêu tôi bằng 2 cái đèn hàn được gắn vào hai chai ga nhỏ màu xanh. Họ bắt tôi ngồi xuống và đặt 2 chiếc đèn hàn cách đôi chân trần của tôi khoảng 1m. Đồng thời, họ tiếp tục đánh tôi. Tiếp sau đó, họ khua ống tiêm trước mặt tôi và dọa sẽ tiêm tôi. Thấy vậy, tôi vạch tay áo ra và nói “cứ tiếp tục đi, tao thách chúng mày đấy”. Tôi đoán rằng bọn chúng sẽ không dám thực hiện hành động này...

Những viên cảnh sát này để tôi lại một mình khoảng 15 phút, sau đó một trong số họ nói, “chắc là mày thích bị đóng đinh”. Họ giữ lấy tôi, tụt quần của tôi và một trong số họ chọc một chiếc gậy vào hậu môn của tôi.

Khi nhớ lại cảnh này, ông Selmouni đã bật khóc.

Tôi biết là điều tôi vừa nói là rất nghiêm trọng nhưng đó là toàn bộ sự thật. Tôi thực sự đã phải chịu đựng những cực hình đó...

Sau khi xem xét các tình tiết và chứng cứ của vụ án Selmouni kiện nước Pháp, Tòa án châu Âu về Nhân quyền đã nhất trí đưa ra quyết định ngày 28 tháng 7 năm 1999 rằng đã có sự vi phạm Điều 3 của Công ước châu Âu về quyền con người và các tự do cơ bản.

(Nguồn: **Tòa án châu Âu về nhân quyền. 1999.** Vụ Selmouni kiện nước Pháp. Phán quyết ngày 28 tháng 7 năm 1999. Strasbourg).



Câu hỏi thảo luận

1. Bạn xác định những chuyện đã xảy ra với ông Selmouni như thế nào? Câu chuyện này gợi lên cho bạn những suy nghĩ gì?
2. Theo bạn, chúng ta nên làm gì để ngăn chặn những sự việc tương tự có thể xảy ra? Bạn có biết cơ chế ngăn ngừa nào đang được áp dụng ở cấp địa phương, khu vực hay quốc tế không?
3. Theo bạn, xã hội ủng hộ và hỗ trợ những nạn nhân như ông Selmouni như thế nào?
4. Bạn có thay đổi ý kiến của mình không nếu như bạn biết rằng ông Selmouni là một tội phạm buôn bán ma túy? Tại sao?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. THẾ GIỚI KHÔNG CÓ TRA TẤN

Đến đầu thế kỷ XXI, một thế giới không có tra tấn và việc đối xử phi nhân tính, hạ nhục vẫn chỉ là một khát vọng chưa bao giờ được thực hiện đầy đủ. Các tổ chức về quyền con người và các phương tiện truyền thông liên tiếp thông báo về các vụ việc tra tấn và ngược đãi và cố gắng nâng cao nhận thức cả về mặt chuẩn mực được thừa nhận rộng rãi, cũng như sự tuân thủ ở các quốc gia khác nhau.

Rất nhiều hình thức ngược đãi nghiêm trọng có liên quan đến các xã hội và các quốc gia nơi mà vi phạm quyền con người xảy ra thường ngày. Đáng ngạc nhiên là tra tấn diễn ra ở 2/3 các quốc gia trên thế giới, bao gồm cả những nước công nghiệp phát triển và văn minh. Điều này ngược lại với quan niệm phổ biến cho rằng hiện tượng tra tấn ngược đãi thường chỉ xảy ra ở những xã hội nghèo và “kém văn minh”. Mặc dù việc tra tấn và các hình thức ngược đãi khác nhau tồn tại trên khắp thế giới nhưng tình trạng và các biện pháp áp dụng thì không giống nhau.

Cấm tra tấn là một quy phạm tuyệt đối được tái khẳng định trong rất nhiều điều ước quốc tế và khu vực về quyền con người. Nó thuộc nhóm các quyền con người được coi là không thể bị tước đoạt, tức là có giá trị trong mọi hoàn cảnh và không được phép vi phạm trong bất cứ tình huống nào. Tra tấn và ngược đãi cũng bị cấm trong luật tập quán quốc tế. Tuy nhiên, trái với những quy định này, việc tra tấn và ngược đãi vẫn tồn tại. Tra tấn và đối xử phi nhân tính hay hạ nhục vẫn xảy ra thường xuyên và liên tục; chúng xảy ra với những người bị tước mất quyền tự do, với những người thuộc các nhóm sắc tộc, xã hội và văn hoá khác nhau, xảy ra với cả người trẻ lẫn người già, xảy ra với phụ nữ và nam giới.

Không ai được miễn trừ khỏi tra tấn, ai cũng có thể trở thành nạn nhân.

Trong một thời gian dài, tra tấn và việc đối xử hạ nhục, phi nhân tính được coi là đặc điểm chỉ có ở thời kỳ chiến tranh và nô lệ, còn sự xuất hiện của nó trong thời gian hoà bình thì thường bị bỏ qua. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ hơn các trường hợp tra tấn và ngược đãi ngày nay thì thấy rằng các hình thức ngược đãi nghiêm trọng không chỉ thuộc về quá khứ. Theo thời gian, khi loài người ngày càng tiến bộ và phát triển, những biện pháp tra tấn hung bạo từ thời cổ đại bị thay thế dần bằng những biện pháp tinh vi và tàn bạo không kém. Và tác động của nó thì vẫn chưa thay đổi; tra tấn và các hình thức ngược đãi tiếp tục là một hành động đến vi phạm nghiêm trọng quyền con người và là sự đe dọa đến an ninh con người. Chúng tác động thể chất và tâm lý của con người, do đó cần nỗ lực rất lớn để ngăn chặn sự xuất hiện của tra tấn ngay từ đầu.

Sự phát triển hiện nay, đặc biệt là trong lĩnh vực luật pháp quốc tế và lĩnh vực thông tin đã nâng cao nhận thức của công chúng về vấn đề tra tấn và các hình thức ngược đãi, làm cho công chúng trên toàn thế giới quan tâm hơn đến vấn đề này. Các tổ chức chính phủ và phi chính phủ cũng bắt đầu nhận ra và giải quyết không chỉ hậu quả của các hình thức ngược đãi mà còn xác định những nguyên nhân cố hữu của chúng. Nhiều tiêu chuẩn quốc tế rõ ràng về việc bảo vệ và ngăn ngừa tra tấn đã được thiết lập và thừa nhận rộng rãi. Thêm vào đó, một loạt các cơ quan thẩm tra, theo dõi và giám sát ở cả cấp quốc gia và quốc tế đã được thành lập, nhằm bảo vệ các quy định về ngăn ngừa và quyền không thể bị tước đoạt về nghiêm cấm tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân tính hay hạ nhục.

Cấm tra tấn và an ninh con người

Tra tấn và ngược đãi là những hình thức vi phạm nghiêm trọng đến quyền con người và đe dọa trực tiếp đến an ninh của mỗi người. Do vậy, bảo vệ cuộc sống của con người và giữ gìn sự toàn vẹn về tâm lý và thể chất của con người là mục tiêu của an ninh con người. Việc cấm hoàn toàn tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử tàn ác, hạ nhục, vô nhân đạo là điều cơ bản đối với tất cả các hành động về an ninh con người. Hiển nhiên, việc nâng cao nhận thức về quyền con người thông qua giáo dục, học hỏi quyền con người kết hợp với cải thiện khung pháp lý về cấm và ngăn chặn tra tấn và ngược đãi là những biện pháp cần làm đầu tiên để đem lại an ninh và hạnh phúc cho con người. Thêm vào đó, cải thiện tình hình thực thi các chuẩn mực về quyền con người cũng là một nhân tố quan trọng trong chiến lược chung về nâng cao an ninh con người. Quy chế của Tòa án Hình sự quốc tế, cơ quan được Mạng lưới an ninh con người hết sức thúc đẩy đã ghi nhận tra tấn là một tội ác chống lại loài người, do đó cần đặt sự quan tâm đặc biệt vào bảo vệ cuộc sống của con người và an ninh con người.

*“Việc con người tra tấn con người
quá là tàn ác không thể tả xiết”.*

Henry Miller

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MIÊU TẢ VẤN ĐỀ

Tra tấn là gì? 

Việc xác định các vi phạm quyền con người như tra tấn và ngược đãi theo cách được chấp nhận một cách rộng rãi luôn luôn là một thử thách lớn, mặc dù việc xử phạt và nghiêm cấm được thừa nhận là một quy phạm tập quán trong luật quốc tế, tức là quy phạm áp dụng ở tất cả mọi nơi. Các quy định quốc tế về nghiêm cấm tuyệt đối tra tấn được hình thành trong nhiều văn bản pháp lý

quốc tế - vẫn chưa đủ mạnh để ngăn ngừa được sự tồn tại của nạn tra tấn. Dường như vẫn luôn có sự chậm trễ về mặt khái niệm dẫn tới khoảng cách trong việc giải thích để các nhà chức trách địa phương chấp nhận những luật lệ quốc tế này về nguyên tắc.

Định nghĩa pháp lý về tra tấn đã đưa ra và được tất cả các thành viên của Công ước Liên hiệp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo khác (UNCAT) năm 1984 (được thông qua và mở để ký kết, phê chuẩn và gia nhập bởi Nghị quyết số 39/46 ngày 10 tháng 12 năm 1984 Đại hội đồng; có hiệu lực ngày 26 tháng 6 năm 1987) ghi nhận. Điều 1 của Công ước định nghĩa tra tấn là:

“... bất kỳ hành vi nào gây ra đau đớn và đau khổ nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần mà chủ ý áp dụng với một người, nhằm lấy thông tin hay lời tự thú từ người đó hay một người thứ ba; để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người thứ ba gây ra hay bị nghi ngờ gây ra; hoặc để hăm dọa hay cưỡng bức người đó hay người thứ ba; hoặc vì bất kỳ một lý do nào liên quan đến sự phân biệt đối xử do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách hay sự xúi giục hay với sự đồng tình, ưng thuận của một công chức tiến hành. Khái niệm tra tấn không bao gồm những đau đớn gây đau khổ do hậu quả tất nhiên hay ngẫu nhiên của các trừng phạt hợp pháp”.

Theo UNCAT khái niệm tra tấn gồm những yếu tố sau:

- Một hành động cố ý gây nên đau đớn về thể chất hoặc tinh thần;
- Một hành động được thực hiện có chủ ý;
- Hành động do một quan chức hay với tư cách là một quan chức thực hiện.

Điều quan trọng, đáng chú ý là định nghĩa này đề cập đến cả phương diện thể chất và tâm lý của tra tấn và ngược đãi mặc dù chưa đầy đủ hết và không vạch ra mức độ khác biệt một cách chi tiết. Định nghĩa này cũng loại trừ cả những biện pháp trừng phạt hợp pháp. Đó là những biện pháp do luật pháp quốc gia đưa ra mà những biện pháp này đôi khi gây nên nghi ngờ là liệu chúng có đi ngược lại với tinh thần và mục đích chung của Công ước hay không. Tuy nhiên, định nghĩa này cũng đóng góp thêm vào quan niệm chung do Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc đưa ra là: *“...Tất cả các hình thức tra tấn hay ngược đãi, đối xử tàn bạo, vô nhân tính sẽ không bao giờ được biện hộ dù ở bất cứ hoàn cảnh nào”*.

Ông Theo van Boven, nguyên Báo cáo viên đặc biệt về vấn đề tra tấn cũng cho biết: *“... cơ sở đạo đức và pháp lý của cấm tra tấn, và các hình thức trừng phạt, đối xử dã man, vô nhân tính hay hạ nhục là đúng đắn và cần thiết và trong mọi hoàn cảnh không được phép bóp méo hay hạ thấp vì lợi ích, chính sách hay thực tiễn khác”*.

Nhân ngày Quốc tế Liên hiệp quốc vì nạn nhân của Tra tấn (ngày 26 tháng 6), Hội đồng Quốc tế về hỗ trợ phục hồi cho nạn nhân của tra tấn nhấn mạnh rằng: *“Tra tấn là một trong những việc làm tồi tệ nhất mà một người có thể làm với một người khác”*. Mục đích của tra tấn là gây nên càng nhiều đau đớn cho nạn nhân càng tốt miễn sao không làm cho nạn nhân chết đi. Việc cố ý gây đau đớn cả về thể chất và tinh thần là một đặc điểm của cả tra tấn và ngược đãi. Về phương diện pháp lý, sự khác biệt dù rất nhỏ giữa hình thức đối xử phi nhân tính, hạ nhục và tra tấn là ở bản chất của hành động đã thực hiện và mục đích sau nó, mức độ nghiêm trọng cũng như hình thức tra tấn được sử dụng. Nói cách khác, hành động

càng tàn nhẫn, đau đớn và cố ý thì toà án càng thiên về việc xem xét nó như là tra tấn.

“Tra tấn là sự vi phạm tồi tệ đến nhân phẩm con người. Nó làm mất tính người đối với cả nạn nhân và người tra tấn. Nỗi đau và nỗi khiếp sợ mà một người gây nên ở người khác sẽ để lại một vết sẹo vĩnh viễn không thể xoá được: Xương sống bị vặn xoắn do đánh đập, xương sọ bị sút mẻ do gậy đập vào, những cơn ác mộng lặp đi lặp lại làm cho nạn nhân luôn phải sống trong sợ hãi. Tự do, không bị tra tấn là một quyền cơ bản của con người, một quyền phải được bảo vệ trong mọi hoàn cảnh”.

Kofi Annan,

Tổng thư ký Liên hiệp quốc. 2001.

Các hình thức tra tấn -

Tra tấn được thực hiện như thế nào?

Về nguyên tắc, bất cứ vật gì từ nước cho đến vật dụng gia đình đều có thể trở thành công cụ tra tấn. Ngày nay, các công cụ và hình thức tra tấn đã phát triển nhiều và kéo theo đó thì sự tàn ác và phi nhân tính của nó cũng tăng lên. Mỗi quan ngại về việc thiếu hoặc ít sự kiểm soát của chính phủ được Báo cáo viên đặc biệt về tra tấn đề cập trong nghiên cứu về tình trạng mua bán và sản xuất các công cụ chuyên được sử dụng để tra tấn và ngược đãi. Một số kỹ thuật tra tấn đang được sử dụng rộng rãi hiện nay không để lại dấu hiệu thấy được trên cơ thể con người nhưng lại gây ra tác hại vô cùng to lớn lên các cơ quan bên trong cũng như tâm lý của nạn nhân.

Nhìn chung, các hình thức tra tấn có thể chia thành hai nhóm lớn là: thể chất và tâm lý.

Tra tấn về thể chất gây nên những vết thương và đau đớn bên ngoài cho nạn nhân. Hình thức độc ác nhất có thể dẫn đến tàn tật, bị biến dạng hay tổn thương lâu dài cho nạn nhân. Hình thức tra tấn được sử dụng rộng rãi nhất là đánh bằng roi da, các vật bằng kim loại, đá, cáp và dùi cui, đá và đập vào tường. Hình thức tra tấn được gọi

là “falaka” hay “phalange” (đánh vào lòng bàn chân của nạn nhân) được sử dụng rộng rãi giống như hình thức sốc điện, làm nghẹt thở, trói và gây bỏng bằng thuốc lá hay bắt nạn nhân phải chịu nhiệt độ cực cao hoặc cực thấp.

Tra tấn về tâm lý bao gồm các biện pháp tước đoạt và làm kiệt sức như không cho ăn, nước uống và các phương tiện vệ sinh, tước bỏ mọi hình thức thông tin như biệt giam và cắt liên lạc với những người khác hay với thế giới bên ngoài, các kỹ thuật ép buộc và dọa dẫm như bắt chứng kiến cảnh tra tấn người khác, đe dọa hành hình hoặc một hình thức tương tự, làm nhục và khủng bố tâm lý liên tiếp v.v...

Thêm vào đó, kích động tình dục cũng là biện pháp tra tấn cả về thể xác và tâm lý thường được sử dụng đối với nạn nhân.

Tất cả các hình thức tra tấn được sử dụng đều là sự xâm phạm nghiêm trọng nhân phẩm và quyền con người. Một thế giới không có tra tấn là một thế giới không có tình trạng cố ý gây đau đớn và sử dụng các biện pháp độc ác của người này đối với người khác.

Động cơ của tra tấn -

Tại sao tra tấn được sử dụng?

Động cơ của tra tấn rất đa dạng nhưng về cơ bản là luôn luôn có chủ ý hay mục đích rõ ràng. Mong muốn biểu lộ sức mạnh hoặc đơn giản chỉ để che giấu đi sự yếu đuối cũng thường dẫn đến tra tấn hoặc các hình thức ngược đãi tàn nhẫn.

Trong các thời kỳ lịch sử khác nhau, tra tấn luôn được sử dụng như là công cụ để duy trì sự kiểm soát và thực thi quyền lực đối với những người đối lập hay người có những tư tưởng cấp tiến và có khả năng đe dọa đến chính quyền và hệ thống cai trị. Do vậy, tra tấn thường được sử dụng làm công cụ để đàn áp, áp bức chính trị, để trừng phạt, trả thù cũng

như bắt đối phương phải im lặng. Thông thường, tra tấn và tất cả các hình thức ngược đãi khác được tận dụng để lấy tin và bắt nạn nhân phải thú tội, mặc dù những lời thú tội trong hoàn cảnh bị ép buộc thì không có giá trị.

Việc đối xử tàn bạo, hạ thấp nhân phẩm cũng được thực hiện nhằm đe dọa, hạ nhục con người, nhằm gây nên cảm giác vô dụng, thấp kém và phá huỷ nhân cách của con người. Tất cả những hành động này, bất kể vì mục đích gì đều gây ra tác hại lâu dài lên nhân cách của người bị tra tấn. Sự phục hồi về thể chất có thể mất hàng năm và hậu quả của nó có thể không bao giờ xoá hết được. Hơn thế nữa, những vết thương về tâm lý ảnh hưởng lên cả phần đời còn lại của nạn nhân và làm cho họ không thể sống thoải mái suốt đời.

Nạn nhân và người phạm tội tra tấn,

đối xử vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm

Bất cứ ai cũng có thể trở thành nạn nhân của tra tấn, nhất là ở những xã hội không có hệ thống luật pháp ổn định hay ở xã hội mà luật pháp và những quy tắc của nó không được con người tôn trọng. Hành vi ngược đãi thường xảy ra ở nhà tù, đồn cảnh sát và các trại giam khác nhưng khả năng tra tấn đối với những bệnh nhân bị bệnh nan y hoặc bệnh thần kinh xảy ra ở nhà riêng hay các trung tâm y tế cũng không phải là hiếm thấy. Những tù nhân tạm giam và tội phạm bị kết án là nhóm người đặc biệt nhạy cảm với hành động ngược đãi vì họ phải phụ thuộc vào chính quyền về những nhu cầu cơ bản trong cuộc sống. Những nơi giam giữ này đều khép kín nên những người bị giam sẽ hoàn toàn bị cách ly ra khỏi tầm quan sát của toàn bộ xã hội, do vậy họ là nhóm người ít nhận được sự thấu hiểu và cảm thông của xã hội.

Các nhóm thiểu số về xã hội, tôn giáo, sắc tộc cũng như nhóm tị nạn hay người tìm kiếm tị nạn cũng thường bị tra tấn và có nguy cơ bị sang chấn. Người cao tuổi hay những người mắc bệnh

thần kinh sống ở các khu tập trung đặc biệt hoặc trong các bệnh viện thường bị bỏ rơi hay lãng quên và có thể trở thành nạn nhân của các hành động tương tự như tra tấn do điều kiện vật chất thiếu thốn không có đủ nguồn lực để đảm bảo mức sống phù hợp, chăm sóc sức khỏe và tôn trọng nhân phẩm.

Trẻ em, nam giới và phụ nữ, thanh niên hay người có tuổi đều có thể trở thành nạn nhân của tra tấn. Mọi người đều dễ bị tổn thương với những hậu quả của các hình thức ngược đãi tàn nhẫn. Bản thân người tiến hành tra tấn cũng bị ảnh hưởng.

Họ thường là những nhân viên cảnh sát hay sỹ quan quân đội làm việc theo trách nhiệm của mình. Có nhiều trường hợp trong đó người thực hiện việc tra tấn hay ngược đãi theo lệnh của cấp trên hoặc là thành viên của một nhóm đặc biệt mà việc tra tấn là việc xảy ra thường ngày. Các nhân viên y tế và nhân viên an ninh khi thực hiện nhiệm vụ đối với những người có nhu cầu đặc biệt cũng có thể trở thành người thực hiện tra tấn do sự cầu thả, thiếu sự kiểm soát hay giám sát hoặc thiếu nguồn lực và đào tạo đầy đủ.

*“Họ luôn cầu xin được chết.
Tra tấn còn tồi tệ hơn cả cái chết”.*

Jose Barrera, người tiến hành tra tấn ở Honduras

3. TIẾP CẬN LIÊN VĂN HOÁ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TRANH CÃI

Không còn nghi ngờ gì nữa, sự khác biệt trong thực tiễn và quan niệm về văn hoá có tác động đến sự hiểu biết các quy phạm, tiêu chuẩn pháp lý quốc tế và thường định hình việc giải thích các quy định này thông qua từng lăng kính văn hoá cụ thể. Ví dụ, hình thức trừng phạt trên cơ thể (gây đau đớn bằng việc sử dụng roi hay gây làm

công cụ tra tấn) là một hình thức tra tấn phổ biến. Tuy nhiên, theo luật của đạo Hồi (luật Shariah) sự trừng phạt trên cơ thể hay thậm chí thủ thuật cắt xẻo không những được chấp nhận mà là những thực tiễn pháp lý trong hệ thống các toà án tôn giáo về hôn nhân và thừa kế cũng như những phương diện khác trong đời sống vật chất và tinh thần của người Hồi giáo. Ví dụ, theo bộ luật Hình sự Shariah của đạo Hồi ở bang Zamfara của Nigeria từ tháng 01 năm 2002 thì hình thức trừng phạt bằng đánh đòn và cắt xẻo là một quy định trong pháp luật cùng với tử hình và bỏ tù. Tương tự như vậy, các toà án của Arap Saudi, Iran, Libya và Afganistan dựa trên nguyên tắc của luật Shariah cũng có cùng quan điểm.

Ví dụ, Cơ quan An ninh Israel vẫn luôn bị phê phán vì coi việc “tạo áp lực thể chất vừa phải” thường là gần như tra tấn như một biện pháp thẩm vấn. Khuyến nghị đưa ra trong bản Báo cáo điều tra của Ủy ban Landau năm 1987 trong đó việc sử dụng “... biện pháp gây áp lực về thể chất vừa phải...” trong quá trình phỏng vấn được coi là cần thiết đã gây nên sự tranh cãi gay gắt. Tuy nhiên, các kiến nghị này không làm rõ đâu là các giới hạn về “việc gây áp lực về thể chất vừa phải” và các hoạt động tra tấn bắt đầu từ đâu.

Chỉ đến năm 1999, trong vụ việc Ủy ban công cộng về chống Tra tấn ở Israel kiện Nhà nước Israel, Tòa án tối cao Israel quyết định rằng việc gây “áp lực thể chất vừa phải” là bất hợp pháp vì nó vi phạm việc bảo vệ quyền hiến định về nhân phẩm của cá nhân. Tuy nhiên, Ủy ban Liên hiệp quốc về chống Tra tấn đã đưa ra kết luận và khuyến nghị của Ủy ban cho Israel, ngày 23/11/2001 là “...Ủy ban vẫn còn nghi ngờ và bày tỏ sự quan ngại của mình đối với vấn đề định nghĩa tra tấn của Công ước vẫn chưa được chuyển hoá vào pháp luật quốc gia”.

Hai ví dụ này cho thấy cho dù các chuẩn mực về cấm tra tấn dường như được toàn thế giới chấp

nhận nhưng cách hiểu và thực hiện chúng có thể khác nhau ở từng quốc gia. Tuy nhiên, câu hỏi mở đặt ra là liệu những khác biệt đó có làm tăng cường việc cấm tra tấn tuyệt đối và trên toàn cầu trong bối cảnh nhạy cảm về văn hóa hay đi ngược với mục đích và tinh thần của cả luật tập quán và luật pháp quốc tế đã thành văn.

Số lượng các vấn đề và luận điểm gây tranh luận cũng gia tăng. Hiện nay, đặc biệt là ở Mỹ, đang có cuộc tranh luận sôi nổi về vấn đề liệu các hành động khủng bố có khác với các vi phạm và tội ác về quyền con người, do đó, đòi hỏi phải có sự chứng thực về các tiêu chuẩn đặc biệt để ngăn chặn và chiến đấu chống lại các hành vi đó hay không. Một số quốc gia như là Ireland, Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ đã ban hành luật chống khủng bố trong đó quy định thủ tục truy tìm dấu vết nhanh, nếu so sánh với một số các thủ tục hình sự quốc gia thông thường và một số quyền con người và tự do thì đã bị cắt bớt. Sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc tranh luận lâu dài về việc liệu tra tấn những tên khủng bố (tội phạm) để bảo vệ cuộc sống của người dân ở nhiều quốc gia có thể chấp nhận được không lại được đặt ra. Các cuộc thảo luận gần đây nhất về vấn đề tra tấn trong Quốc hội Mỹ do Thượng nghị sỹ McCain khởi xướng thể hiện nhu cầu về tái thiết lập nguyên tắc cấm tra tấn tuyệt đối. Ở Đức vào năm 2004, bản án của Tòa án Hiến pháp Liên bang trong vụ án của Wolfgang Daschner, một cảnh sát trưởng người Đức, người đã đe dọa kẻ bắt cóc một cậu bé 11 tuổi là sẽ sử dụng vũ lực với hy vọng cứu sống cậu bé, một lần nữa lại củng cố vững chắc nguyên tắc cấm tra tấn tuyệt đối và nghiêm cấm các trường hợp ngoại lệ hay vi phạm trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Liên quan mật thiết tới vấn đề này, câu hỏi đặt ra là liệu các nạn nhân có được hưởng sự bảo vệ quyền con người nhiều hơn các tên tội phạm và liệu cuộc sống của những kẻ gây tội ác hay những kẻ tấn công khủng bố có cùng giá trị như cuộc sống của bất kỳ người nào khác không.

Không có câu trả lời nào gọi là đúng hay sai đối với vấn đề gây mâu thuẫn phức tạp và khó giải quyết về mặt đạo đức này, nhưng các luật sư quốc tế lại đứng trên quan điểm không chấp nhận tính hai mặt của các chuẩn mực và rằng các tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế không nên được áp dụng mang tính lựa chọn và phải được tuân thủ nghiêm ngặt.

Nhiều người cho rằng, chỉ có theo cách này thì mới duy trì được tinh thần và chức năng của pháp luật quốc tế với tư cách là người bảo vệ cho nền hòa bình thế giới, quyền con người, an ninh con người cũng như sự hiểu biết giữa các quốc gia.

4. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Kể từ năm 1948, các điều khoản của luật quốc tế về cấm tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm về căn bản đã được phát triển và cải thiện. Ngày càng nhiều quốc gia ký và phê chuẩn các cam kết pháp lý quốc tế này và chuyển hoá vào pháp luật và thực tiễn trong nước. Các hệ thống khu vực về ngăn ngừa và bảo vệ chống lại tra tấn đã phát triển mạnh mẽ (ví dụ như ở châu Âu). Các cơ chế thanh tra quốc gia (các cuộc viếng thăm) cũng được đề cao.

Trên bình diện quốc tế, Ủy ban Liên hiệp quốc về chống tra tấn và Báo cáo viên đặc biệt Liên hiệp quốc về tra tấn, cùng nhiều Tổ chức phi chính phủ đã giám sát việc thực hiện cam kết của các quốc gia trong việc ngăn cấm tra tấn và các hành động tương tự.

Ủy ban Liên hiệp quốc về chống Tra tấn (CAT)- cơ quan Giám sát Liên hiệp quốc được thành lập theo Điều 17 của Công ước Liên hiệp quốc về chống Tra tấn, bắt đầu hoạt động vào ngày 01 tháng 01 năm 1988. CAT có nhiệm vụ xem xét báo cáo do các quốc gia thành viên Công ước

trình lên bốn năm một lần; Ủy ban có thể tiến hành điều tra và yêu cầu làm rõ hay bổ sung liên quan tới thông tin đưa ra trong những báo cáo đó. Ngoài ra, một quốc gia có thể tuyên bố cho phép Ủy ban tiếp nhận kháng thư cá nhân hay giữa các quốc gia, xem xét và gửi cho người khiếu kiện và quốc gia liên quan quan điểm cuối cùng của Ủy ban và khuyến nghị hành động Ủy ban Liên hiệp quốc về chống Tra tấn phối kết hợp chặt chẽ với Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về tra tấn (*Điều cần biết*), Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và Quỹ tình nguyện Liên hiệp quốc vì nạn nhân của tra tấn. Hồ sơ đầy đủ về công việc của Ủy ban được xuất bản và được phân phối hàng năm.

Nghị định thư không bắt buộc của UNCAT

Phiên họp của Đại hội đồng Liên hiệp quốc lần thứ 57 ở New York vào năm 2002 đã thông qua Nghị định thư không bắt buộc của Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt dã man, vô nhân đạo hay hạ nhục từ năm 1984. Nghị định thư được soạn thảo để ngăn ngừa tra tấn và các hình thức ngược đãi khác bằng cách thiết lập một hệ thống viếng thăm thường xuyên của các cơ quan chuyên gia quốc gia và quốc tế tới các trại giam. Do đó, theo Nghị định thư một cơ quan thăm viếng của chuyên gia quốc tế sẽ được thành lập, đó là một Tiểu ban thuộc Ủy ban chống tra tấn của Liên hiệp quốc. Nghị định thư cũng buộc các quốc gia cũng phải thành lập cơ quan thăm viếng quốc gia. Dưới sự giám sát của Phó ủy ban, các cơ quan quốc gia sẽ đến thăm định kỳ các trại giam và đưa ra các kiến nghị để cải thiện cách đối xử với những người bị tước đoạt tự do và cả những người đang trong điều kiện bị giam cầm.

Việc tập trung vào ngăn ngừa tra tấn thể hiện bước phát triển mới trong hệ thống quyền con người của Liên hiệp quốc, vì các cơ quan quốc tế hiện hành chỉ có thể hoạt động sau khi vi phạm đã xảy ra.

Các chuyến viếng thăm tới trại giam là một trong những biện pháp hiệu quả nhất để ngăn ngừa tra tấn và cải thiện các điều kiện giam giữ. Thông qua Nghị định thư không bắt buộc, lần đầu tiên trong một văn kiện quốc tế, các tiêu chí và việc bảo hộ để có các chuyến viếng thăm phòng ngừa hiệu quả do các tổ chức chuyên gia quốc gia được thành lập.

Do đó, Nghị định thư này được coi là một bước đi thực sự nhằm tăng cường các cơ chế ngăn ngừa quốc gia và quốc tế về chống tra tấn và vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều các tổ chức bảo hộ hợp pháp quốc tế về ngăn ngừa tra tấn, nhưng các tổ chức này đều không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ ở cấp quốc gia. Điều bắt buộc là các điều khoản pháp luật quốc gia phải hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế và rằng các hệ thống giám sát và báo cáo quốc gia phải được thiết lập. Việc xoá bỏ tận gốc nạn tra tấn có thể chỉ trở thành hiện thực khi các tiêu chuẩn quốc tế đã được thiết lập tìm thấy chỗ đứng độc lập và không thiên vị trong các hệ thống giám sát và thực hiện ở tất cả các quốc gia thành viên của Liên hiệp quốc ở cấp độ quốc gia và địa phương. Hơn nữa, việc giúp cho nạn nhân của tra tấn và đối xử vô nhân đạo, hạ nhục được phục hồi, trợ giúp pháp lý và bồi thường cũng như giúp họ hoà nhập với đời sống là các yêu cầu thiết yếu của một trật tự quốc gia công bằng và bình đẳng.

Có thể thấy rằng có ba khía cạnh chính về ngăn ngừa tra tấn hiệu quả:

1. Thiết lập một khung pháp lý hiệu quả và bảo đảm thực hiện đầy đủ cũng như áp dụng những nguyên tắc bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa tra tấn, ví dụ, các nguyên tắc bảo hộ cơ bản trong giam cầm (tiếp cận với các luật sư, bác sĩ, thẩm phán, v.v...) và nghiêm cấm biệt giam;

2. Thành lập các cơ chế kiểm soát, đặc biệt là các cơ chế thăm viếng quốc gia tới nơi giam giữ, cũng như quy định giám sát và báo cáo độc lập của các tổ chức dân sự;
3. Tiếp tục đào tạo những người liên quan như là các sĩ quan cảnh sát, quản giáo, luật sư, quan tòa, các bác sĩ y tế, v.v...

Mọi người có thể tham gia các hoạt động ngăn ngừa tra tấn bằng các hành động, chiến dịch, vận động hành lang hay phê chuẩn văn kiện quốc tế và thực hiện ở quốc gia mình bằng việc gửi thư, kháng cáo. Thông qua hoạt động và tình nguyện

của Tổ chức phi chính phủ, tất cả chúng ta đều có thể góp phần nâng cao nhận thức và tham gia vào các hoạt động giáo dục trong gia đình, cộng đồng địa phương hay khu vực của mình. Điều cuối cùng, nhưng cũng không kém phần quan trọng, là chúng ta có thể giúp đỡ các nạn nhân của tra tấn bằng cách giúp họ hiểu biết cách thức giải quyết những vấn đề quan ngại. Chúng ta có thể hỗ trợ họ bằng cách giúp họ báo cáo các vụ việc và có hành động hợp pháp chống lại (những) thủ phạm gây ra thực sự.

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT



Ngày nay, có rất nhiều hoạt động trên khắp thế giới thuộc mạng lưới sáng kiến về vận động xã hội chống tra tấn ở những nơi hành động này xảy ra thường xuyên, nhằm mục đích giáo dục người khác và coi đó là biện pháp để ngăn chặn các hình thức đối xử vô nhân đạo và yêu cầu trợ giúp pháp lý và phục hồi thể chất và tinh thần cho các nạn nhân tra tấn.

Có nhiều kinh nghiệm ở cấp cơ sở và mang tính vận động, có những nơi lại coi nỗ lực xây dựng năng lực địa phương và hiểu biết cộng đồng như một biện pháp ngăn ngừa và bảo vệ. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, đó là vai trò của quá trình xây dựng năng lực thể chế và tăng cường thực thi pháp luật. Tất cả các cấp độ này có mối quan hệ với nhau và không thể thiếu được. Các sáng kiến đang được áp dụng đều hướng vào tất cả các hoạt động này.

Kinh nghiệm tốt về hoạt động ngăn chặn tra tấn và ngược đãi có thể là:

- Tổ chức chiến dịch hành động, chiến dịch ở cơ sở, vận động hành lang, nâng cao nhận thức, các hoạt động giáo dục ở cấp địa phương;
- Xây dựng thể chế và nâng cao năng lực, gây ảnh hưởng đến các kết cấu và thể chế quyền lực hiện hành, cải cách hay xây dựng các thể chế mới để địa phương có khả năng giải quyết với mọi vấn đề.

Ủy ban cố vấn về quyền con người của Áo

Được thành lập vào năm 1999 theo đề nghị của Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và đối xử vô nhân đạo nhằm tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ủy ban cố vấn về quyền con người của Áo có nhiệm vụ soạn thảo báo cáo và đưa ra khuyến nghị để giải quyết các vấn đề về mặt cấu trúc của quyền con người trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của cảnh sát Áo. Ủy ban giám sát 6 Ủy ban về quyền con người, là các cơ quan có thể tới thăm nơi tạm giữ của cảnh sát Áo vào bất kỳ lúc nào mà không cần phải thông báo trước. Điều này dẫn tới những cải thiện đáng kể tại các trung tâm tạm giữ của cảnh sát.

(Nguồn: **Menschenrechtsbeirat - Ủy ban cố vấn về quyền con người:** www.menschenrechtsbeirat.at)

“Khi mở trang báo của bất kỳ ngày nào trong tuần, bạn đều có thể đọc tin về người nào đó ở bất kỳ đâu trên thế giới đang bị cầm tù, tra tấn hay bị hành hình vì các quan điểm hay tôn giáo của anh ta không được chính phủ chấp nhận.

*Độc giả cảm thấy rất buồn vì bất lực.
Thế nhưng nếu những cảm giác buồn chán này
có thể biến thành hành động chung,
thì có thể làm được điều gì đó hiệu quả”.*

Peter Benenson,

Người sáng lập Tổ chức Ân xá quốc tế.

Hoạt động của các Tổ chức Quốc tế

Báo cáo viên đặc biệt về tra tấn -

Mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động

Theo Nghị quyết 1985/33, Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc đã quyết định bổ nhiệm một Báo cáo viên đặc biệt để nghiên cứu các vấn đề liên quan tới tra tấn để tìm kiếm và tiếp nhận thông tin đáng tin cậy và xác thực về các vấn đề đó và đưa ra câu trả lời hiệu quả về các thông tin này.

Mỗi năm, Báo cáo viên đặc biệt trình một bản báo cáo tổng hợp về các hoạt động của mình cho Ủy ban xem xét. Báo cáo đánh giá các sự kiện xảy ra, tình hình tra tấn và đưa ra các kiến nghị nhằm giúp các chính phủ chấm dứt sự cố đó. Báo cáo viên đặc biệt có nhiệm vụ hoạt động ở tất cả các quốc gia, bất kể quốc gia đó đã phê chuẩn Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử khác đã man, vô nhân đạo và hạ nhục hay không.

Nhiệm vụ này được thể hiện ở ba hoạt động chính: truyền đạt thông tin về các kháng cáo khẩn cấp và các thư cáo buộc (về các vụ tra tấn) cho các chính phủ; đảm nhận nhiệm vụ tìm kiếm sự thật (các cuộc thăm viếng quốc gia) nơi có thông tin cho biết rằng tra tấn không chỉ xảy ra rời rạc, không thường xuyên; đệ trình báo cáo về hoạt động của Báo cáo viên đặc biệt, nhiệm vụ và các

phương pháp làm việc tới Ủy ban quyền con người và Đại hội đồng.

Không giống như các cơ quan giám sát được thành lập theo các điều ước quốc tế, Báo cáo viên đặc biệt không yêu cầu phải chờ đến khi đã áp dụng hết các biện pháp trong nước khi có các vụ việc cụ thể liên quan đến nguy cơ bị tra tấn (các kháng cáo khẩn cấp) hay các hành động tra tấn (cáo buộc). Kể từ năm 2004, Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về tra tấn là ông Manfred Nowak người Áo. Ông đã tiến hành các chuyến thăm viếng tới Nepal và Trung Quốc. Chuyến thăm vịnh Guantanamo cùng bốn Báo cáo viên đặc biệt khác đã bị hủy bỏ vì các nhà cầm quyền Mỹ đã từ chối không cho họ tiếp xúc tự do với các tù nhân.

Để cung cấp thông tin cho Báo cáo viên đặc biệt, bạn có thể viết thư tới:

Báo cáo viên đặc biệt về tra tấn,
Văn phòng của Cao ủy về quyền con người
8-14, Đại Lộ Paix
1211 Geneva 10, Thụy Sĩ

(Nguồn: **Cao ủy Liên hiệp quốc về quyền con người. 2002. Tờ thông tin số 4. Chiến đấu chống lại tra tấn**)

Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và đối xử, trừng phạt vô nhân đạo hay hạ nhục (CPT)

Thành lập

CPT được thành lập theo Công ước châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và đối xử, trừng phạt vô nhân đạo hay hạ nhục được thông qua vào năm 1987.

Ủy ban bắt đầu hoạt động vào năm 1989 khi Công ước bắt đầu có hiệu lực.

Thành viên

Thành viên của Ủy ban là các quốc gia thành viên của Hội đồng châu Âu. Kể từ tháng 3 năm 2002, các quốc gia không phải là thành viên của

Hội đồng châu Âu cũng có thể gia nhập theo lời mời của Ủy ban các Bộ trưởng.

Ủy ban gồm các tiến sỹ, luật sư và các chuyên gia về các vấn đề cảnh sát, nhà tù và quyền con người. Số các thành viên tương ứng với số các quốc gia thành viên tham gia công ước. Kể từ tháng 3 năm 2000, Chủ tịch Ủy ban là nhà tội phạm học người Anh- Silvia Casale.

Các điều khoản tham chiếu

Ủy ban đã tiến hành kiểm tra các hành vi đối xử đối với những người bị tước đoạt tự do. Ủy ban xem xét các đồn cảnh sát, nhà tù, các bệnh viện tâm thần và tất cả những nơi có người bị bắt giữ chẳng hạn như nơi ở cho những người tìm kiếm tị nạn trong các khu vực trung chuyển ở các sân bay quốc tế. Các thành viên của Ủy ban có quyền tiếp xúc riêng với những người bị tạm giữ.

Phương thức hoạt động

Ủy ban tiến hành các cuộc viếng thăm định kỳ tới tất cả các nước thành viên và cũng có thể tiến hành các cuộc viếng thăm đặc biệt khi cần thiết. Phát hiện và khuyến nghị của Ủy ban được đưa vào trong các báo cáo kính gửi lên chính quyền có liên quan. Tính bí mật của các báo cáo là nền tảng quan trọng cho sự đáng tin cậy của Ủy ban. Cuộc đối thoại thường xuyên và mang tính xây dựng với chính phủ đã nâng cao danh tiếng của CPT trên trường quốc tế. Các báo cáo cùng với nhận xét của chính phủ liên quan có thể được xuất bản khi có sự đồng ý của chính phủ.

Khả năng trừng phạt

Nếu các chính phủ liên quan từ chối hợp tác hay cải thiện tình hình cùng với những bức thư gợi ý của Ủy ban, CPT có thể gây áp lực chính trị bằng cách đưa ra một lời tuyên bố công khai. Cho tới nay, CPT đã sử dụng quyền lực này ba lần: vào năm 1992 và 1996 liên quan tới Thổ Nhĩ Kỳ, và vào năm 2001 liên quan tới Cộng hòa Chechen, Liên bang Nga.

Các chuyến viếng thăm và báo cáo của CPT
Tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2006, CPT đã tiến hành 208 chuyến viếng thăm (129 chuyến viếng thăm định kỳ và 79 chuyến viếng thăm đặc biệt) và đã xuất bản 154 Báo cáo.

(Nguồn: Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và đối xử, trừng phạt vô nhân đạo hay hạ nhục (CPT): <http://www.cpt.coe.int>)

“... Vì tôi mới 14 tuổi.

Tôi thấy thật khó khi viết về tra tấn vì hiện tôi mới chỉ có 14 tuổi. Tôi không muốn nghĩ về nó vì tôi mới chỉ 14. Nhưng tôi phải nghĩ về nó - thị trấn của tôi và nhân dân của tôi đã bị tra tấn. Đó là lý do tại sao chúng tôi đã trở nên nổi tiếng trên khắp thế giới. Thị trấn của tôi đã bị tra tấn nhưng không bị giết chết. Bọn chúng đã cố giết Danube và Vuka, nhưng chúng đã không thành công. Làm sao chúng có thể giết chết những trái tim của thị trấn tôi? Hai dòng sông, giống như hai chị em: một già, một trẻ. Chúng đã tra tấn bằng bom đạn. Nhưng các dòng sông vẫn đang chảy, và trái tim của chúng tôi vẫn đang đập. Bọn chúng cố giết cây và cỏ, nhưng chúng đã không thể làm được. Làm sao chúng có thể giết được những lá phổi của thị trấn của tôi? Bọn chúng tra tấn bằng lửa và khói đen, nhưng chúng vẫn đang thở. Sau những năm này, tôi quay trở lại Vukovar. Tôi vẫn có thể bắt gặp những đường phố, những ngôi nhà, những trường học, những nhà thờ đã bị tra tấn [...] tôi cảm nhận được tự do và hòa bình nhưng tận sâu trong trái tim mình, tôi không thể nào tha thứ vì tôi mới chỉ có 14 tuổi”.

(Nguồn: **Bài luận của một em bé ở Vukovar và đã được trình bày trước Trung tâm Sức khỏe tâm thần và quyền con người ở Zagreb, Croatia**, vào ngày 26 tháng 6 năm 2001).

Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGOs)

Vào năm 1997, Liên hiệp quốc đã tuyên bố ngày 26 tháng 6 là Ngày Quốc tế hỗ trợ các nạn nhân của tra tấn. Kể từ đó, các mạng lưới quốc tế trên khắp thế giới về ngăn ngừa và nghiêm cấm tra tấn như là CINAT, Liên minh của các Tổ chức phi chính phủ quốc tế chống tra tấn đã, đang và sẽ tiến hành chiến dịch xóa bỏ triệt để tra tấn. Nhiều cá nhân và những người nổi tiếng đã tham gia vào các sự kiện này.



Các hoạt động của Tổ chức Ân xá quốc tế (AI) trên khắp thế giới là một ví dụ về cách tiếp cận chính thống ở cấp độ cơ sở, thể chế và xây dựng năng lực.

Ngày 28 tháng 5 năm 1961, Luật sư người Anh Peter Benenson đã xuất bản bài báo “10 Tù nhân đã bị lãng quên” trên tờ Người quan sát ở Luân Đôn, Vương quốc Anh (UK). Bài báo này là yếu tố xúc tác cho sự ra đời của Tổ chức Ân xá quốc tế.



Đến nay, Tổ chức Ân xá quốc tế có ban thư ký quốc tế ở London và hơn một triệu thành viên, người đăng ký và nhà tài trợ thường xuyên ở trên

140 quốc gia. Phong trào của tổ chức này có sự tham gia của hơn 7.800 tổ chức địa phương, thanh niên, chuyên gia và các nhóm nghề nghiệp ở xấp xỉ 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tổ chức Ân xá quốc tế là một phong trào dân chủ do Ủy ban hành pháp Quốc tế gồm 9 thành viên tự quản lý. Cứ hai năm một lần, các thành viên của Ủy ban này được một Hội đồng quốc tế bầu chọn lại. Các chiến dịch và báo cáo về quyền con người, vận động hành lang với các chính phủ về một vấn đề quyền con người cụ thể là các hoạt động mà AI phát động hàng năm.

Năm 2001, AI đã phát động chiến dịch, “Tiến một bước để ngăn chặn tra tấn” - nhằm chống lại tra tấn và ngược đãi phụ nữ, trẻ em, các dân tộc thiểu số, những người đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng tính và những người chuyển đổi giới tính.



Đến cuối năm, đã có hơn 35.000 người từ 188 nước đã đăng nhập vào trang web chiến dịch chống tra tấn tại địa chỉ: <http://web.amnesty.org/pages/stoptorture-index-eng>, nhằm có hành động đối với những trường hợp khẩn cấp bằng cách gửi lời kêu gọi qua e-mail. Vào tháng 10 năm 2000, AI đã thông qua Chương trình 12 điểm về ngăn ngừa tra tấn, coi đó là cơ sở cho hoạt động quốc tế để ngăn ngừa tra tấn và tăng cường các cơ chế bảo vệ chống sự xuất hiện và thể chế hóa vấn đề tra tấn.

Chương trình 12 điểm về ngăn ngừa tra tấn

Tổ chức Ân xá quốc tế kêu gọi tất cả các chính phủ thực hiện Chương trình 12 điểm về ngăn ngừa tra tấn.

1. Chính thức kết tội tra tấn

- Những nhà cầm quyền đứng đầu của mọi đất nước cần thể hiện sự phản đối quyết liệt của mình đối với vấn đề tra tấn. Họ phải làm cho tất cả nhân viên thực thi pháp luật hiểu rõ rằng tra tấn sẽ không được tha thứ dưới bất kỳ hoàn cảnh nào.

2. Các giới hạn về biệt giam

- Tra tấn thường xảy ra trong khi các nạn nhân bị biệt giam - tức là nạn nhân không thể liên lạc với những người bên ngoài để những người này có thể giúp đỡ hay biết được điều gì đang xảy ra với họ. Chính phủ cần có sự bảo hộ để bảo đảm rằng biệt giam không trở thành cơ hội để tra tấn. Điều quan trọng là tất cả tù nhân được đưa ra cơ quan tư pháp ngay sau khi bị giam cầm và những người thân, luật sư và các bác sĩ đều được tiếp xúc nhanh chóng và đều đặn với họ.

3. Không có giam giữ bí mật

- Ở một số nước, tra tấn xảy ra tại các trung tâm bí mật, thường là sau khi các nạn nhân bị “biến mất”. Chính phủ phải bảo đảm rằng tù nhân được giam ở những nơi công khai, và được thông tin chính xác về nơi giam giữ cho người thân và luật sư của họ.

4. Bảo hộ trong quá trình thẩm vấn và giam giữ

- Chính phủ cần thường xuyên xem xét các thủ tục giam cầm và thẩm vấn. Tất cả tù nhân đều phải được thông báo ngay lập tức về các quyền của họ, bao gồm cả quyền gửi đơn kiện về tình trạng đối đãi. Nên có các cuộc viếng thăm độc lập đều đặn đến các nơi giam giữ. Sự bảo hộ quan trọng về chống tra tấn sẽ phân

tách các cơ quan chịu trách nhiệm giam giữ với cơ quan chịu trách nhiệm thẩm vấn.

5. Báo cáo điều tra độc lập về tra tấn

- Các chính phủ cần bảo đảm rằng tất cả các đơn kiện và báo cáo về tra tấn được điều tra một cách hiệu quả và không thiên vị. Các phương pháp và phát hiện của những cuộc điều tra như vậy nên được công khai. Những người thừa kiện và nhân chứng phải được bảo vệ khỏi bị đe dọa.

6. Không sử dụng lời khai lấy được từ tra tấn

- Chính phủ cần bảo đảm rằng những lời thú tội hay bằng chứng thu được từ tra tấn có thể không bao giờ được sử dụng làm bằng chứng trong tố tụng pháp lý.

7. Cấm tra tấn trong pháp luật

Chính phủ cần bảo đảm rằng hành động tra tấn là những vi phạm bị trừng phạt theo luật hình sự. Theo Luật quốc tế, cấm tra tấn không thể bị trì hoãn trong bất kỳ hoàn cảnh nào, kể cả khi có chiến tranh hay tình trạng khẩn cấp công cộng.

8. Truy tố những kẻ tra tấn đã bị phát giác

- Những kẻ chịu trách nhiệm tra tấn phải được đưa ra công lý. Nguyên tắc này cần được áp dụng ở bất kỳ nơi nào xảy ra tra tấn, bất kỳ nơi nào có sự phạm tội và bất kể người phạm tội thuộc quốc tịch nào. Không có “nơi ẩn nấp an toàn” nào dành cho những kẻ tra tấn.

9. Các thủ tục đào tạo

- Trong suốt quá trình đào tạo các sĩ quan liên quan tới vấn đề bắt giam, thẩm vấn hay đối đãi với tù nhân cần cho thấy rõ rằng tra tấn là một hành vi tội phạm. Những người này phải hiểu được rằng họ có nghĩa vụ không tuân thủ bất kỳ yêu cầu về tra tấn nào.

10. Bồi thường và phục hồi

- Các nạn nhân bị tra tấn và những người thân của họ cần được hưởng các khoản bồi thường tài chính. Các nạn nhân được cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế và phục hồi sức khỏe.

11. Sự hưởng ứng của quốc tế

- Các chính phủ cần sử dụng tất cả các nguồn lực sẵn có để hòa giải với các chính phủ bị buộc tội là dùng tra tấn. Các cơ chế liên chính phủ nên được thiết lập và sử dụng để nghiên cứu các báo cáo khẩn cấp về tra tấn và để đưa ra hành động hiệu quả chống lại tra tấn. Các chính phủ cần bảo đảm rằng các cuộc chuyển hay huấn luyện quân đội, lực lượng an ninh hay cảnh sát không tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hành động tra tấn.

12. Phê chuẩn các văn kiện quốc tế

- Tất cả mọi chính phủ cần phê chuẩn các văn kiện quốc tế về bảo vệ và khắc phục về chống tra tấn, bao gồm Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và Nghị định thư không bắt buộc về khiếu kiện cá nhân.



Quy tắc đạo đức: Tại Tokyo vào năm 1975, Hiệp hội Y tế Thế giới (WMA) đã thông qua bản tuyên ngôn về các hướng dẫn dành cho bác sĩ liên quan tới vấn đề tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử khác vô nhân đạo hay hạ nhục ở nơi giam giữ. WMA đã kêu gọi giới y tế chống lại tra tấn và ngược đãi bằng việc tuyên bố “giới bác sĩ sẽ không ủng hộ, tha thứ hay tham gia vào hành động tra tấn hay các hình thức tội ác, vô nhân đạo hay các thủ tục hạ thấp nhân phẩm khác, cho dù nạn nhân của những thủ tục đó bị tình nghi, bị đổ tội hay có tội gì, và bất kỳ nạn nhân có tín ngưỡng hay các động cơ gì, trong mọi tình huống, kể cả khi có xung đột vũ trang hay tranh chấp dân sự”. Một số các hiệp hội y tế quốc gia khác đã xây dựng các quy tắc đạo đức

riêng của họ nhằm chống lại sự tham gia của các bác sĩ vào tra tấn và ngược đãi.

(Nguồn: **Hiệp hội Y tế Thế giới:** <http://www.wma.net>).

2. CÁC XU HƯỚNG

- Vào cuối thế kỷ XX, việc buôn bán các công cụ tra tấn như là xiềng xích, xiềng chân, dụng cụ kẹp tay, roi da và công nghệ gây sốc bằng điện đã tăng một cách đáng kể. Theo báo cáo về “chấm dứt buôn bán dụng cụ tra tấn” năm 2001 của Tổ chức Ân xá thế giới, số quốc gia được biết là đang sản xuất hay cung cấp thiết bị gây sốc bằng điện đã tăng từ 30 vào những năm 1980 tới hơn 130 nước trong năm 2000. Hưởng ứng một sáng kiến của Báo cáo viên đặc biệt trước đó về chống lại tra tấn, ông Theo Van Boven, vào năm 2005 Liên minh châu Âu đã ban hành luật cấm buôn bán các dụng cụ tra tấn.
- Hiện nay, số tù nhân đang gia tăng ở hầu hết tất cả các nơi trên thế giới. Song song với sự phát triển, số tù nhân là phụ nữ và trẻ vị thành niên cũng gia tăng một cách đáng kể. Theo Báo cáo về tù nhân trên thế giới gần đây nhất của Văn phòng Nội vụ Anh thì trong 20 năm qua, con số tù nhân được đã được đăng ký tăng 69%. Sự gia tăng này tất nhiên đặt thêm gánh nặng lên vai của nhân viên và quản lý nhà tù, do vậy cần phải huấn luyện, nâng cao nhận thức về quyền con người và tăng thêm nguồn lực cho họ.

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

Cấm tra tấn và các hình thức đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục - các cột mốc

1948 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
1949 Bản Hiệp định Geneva
1957 Các quy tắc về chuẩn mực tối thiểu của Liên hiệp quốc về đối xử với tù nhân
1966 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
1979 Quy tắc hành nghề của Liên hiệp quốc dành cho quan chức thực thi pháp luật
1982 Các nguyên tắc đạo đức y tế liên quan tới vai trò của nhân viên y tế, đặc biệt là các bác sĩ trong việc bảo vệ tù nhân và những người bị tạm giữ để chống lại tra tấn và các hình thức đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục
1984 Công ước Liên hiệp quốc về chống lại tra tấn và các hình thức đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục
1989 Công ước châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và các hình thức đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục
1990 Quy tắc của Liên hiệp quốc về việc Bảo vệ trẻ vị thành niên bị tước đoạt tự do
1998 Quy chế của Tòa án Hình sự Quốc tế
2002 Nghị định thư không bắt buộc của Công ước Liên hiệp quốc về các hình thức đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỌN LỌC

HOẠT ĐỘNG I: 1

TRA TẤN NHỮNG KẺ KHỦNG BỐ?

Phần I: Giới thiệu

Chủ nghĩa khủng bố và tra tấn những kẻ khủng bố và kẻ gây ra tội ác là vấn đề gây tranh luận sôi nổi đặc biệt là sau ngày 11 tháng 9 năm 2001. Nhiều người lên tiếng đưa ra cả quan điểm lẫn sự lo lắng của họ, nhưng theo các cách khác nhau. Qua cuộc thảo luận vừa qua, mọi người cố gắng nhận biết các luận cứ ủng hộ và phản đối các câu hỏi đã đưa ra, phân tích chúng trong khuôn khổ những nguyên tắc nhân quyền, và thảo luận các vấn đề có liên quan khác nhau.

Loại hoạt động: thảo luận.

Câu hỏi thảo luận:

Tra tấn những kẻ gây ra tội ác hay những tên khủng bố để cứu cuộc sống những người khác có thể chấp nhận được không?

Phần II: Thông tin chung để thảo luận

Mục đích và mục tiêu:

- Hình thành, chia sẻ và bảo vệ quan điểm;
- Thu nhận kiến thức và nâng cao nhận thức về vấn đề cách thức đối phó với các vấn đề liên quan tới tra tấn trong một xã hội dân chủ;
- Chứng minh rằng nhân quyền và luật lệ của các điều khoản và quy phạm có thể là một khuôn khổ hữu ích cho việc hiểu được các vấn đề phức tạp.

Nhóm mục tiêu: Người đã trưởng thành.

Qui mô nhóm: 10-12.

Thời gian: 90 phút.

Chuẩn bị:

- Tập hợp các tin tức, bài báo và các bức ảnh trên thế giới và trong nước gần đây, chuẩn bị và phô tô một loạt các tiêu chuẩn quyền con người trong nước và quốc tế về cấm tra tấn;
- Yêu cầu học viên tự mang những mẫu tin liên quan tới chủ đề;

- Có thể xem xét lại phán quyết trong vụ án của Wolfgang Daschner người Đức.

Tài liệu: các tấm thẻ màu, bản phô tô tài liệu đã chuẩn bị, bảng hay giấy, bút đánh dấu.

Các kỹ năng liên quan:

- Xây dựng các kỹ năng tranh luận và phê bình;
- Kỹ năng trao đổi thông tin;
- Kỹ năng xử lý xung đột.

Các nguyên tắc thảo luận:

Trước khi cuộc thảo luận bắt đầu, yêu cầu học viên tự đưa ra các quy định và đảm bảo để cả nhóm đồng ý và chấp nhận.

Viết các quy định đó ra cho mọi người cùng nhìn thấy và đề cập đến khi có vấn đề nảy sinh.

Giảng viên phải bảo đảm rằng học viên đã đề cập đến hai quy định sau đây:

1. Mỗi lần chỉ có một người nói.
2. Mỗi nhóm phải tự quy ước về tín hiệu để thể hiện sự không đồng ý hay không hài lòng theo phương thức tôn trọng lẫn nhau.

Phần III: Thông tin cụ thể

Giới thiệu chủ đề:

Như phần giới thiệu chủ đề, hãy giới thiệu ngắn gọn về các mẫu báo đã chuẩn bị, đưa ra các lời tuyên bố mang tính trái ngược của cán bộ cơ quan công quyền, tài liệu về quyền con người và các quy định liên quan đến chủ nghĩa khủng bố và chống tra tấn.

Chia lớp tập huấn thành hai nhóm để các nhóm xem xét và đưa ra luận điểm trái ngược nhau về vấn đề liên quan đến nguyên tắc phổ biến của quyền con người, các yếu tố về đạo đức v.v...

Quá trình thảo luận:

Quá trình thảo luận phải được tiến hành theo nguyên tắc tôn trọng và nhạy cảm. Không có học viên nào bị cảm thấy là các luận cứ hay quan điểm của mình là không đúng hay ngu ngốc. Yêu cầu học viên sắp xếp các mẫu tin mà họ mang đến theo chủ đề.

Nhóm nhỏ hơn có thời gian 45 phút để thảo luận và trình bày các quan điểm.

Bắt đầu thảo luận bằng cách yêu cầu học viên trình bày các luận cứ của họ và dán chúng lên phía bên trái (đối với quan điểm phản đối) hay bên phải (đối với quan điểm ủng hộ) dọc theo phòng. Hỏi xem các học viên có đồng ý với các quan điểm đưa ra hay không và cố gắng hướng cho các nhóm thảo luận về sự khác biệt trong cách tiếp cận, cách hiểu và cơ sở của các quan điểm đó.

(Dự kiến thời gian từ 45 đến 60 phút).

Thông tin phản hồi:

Sau khi thảo luận kết thúc, phát cho tất cả học viên một tấm thẻ màu đỏ và một tấm thẻ màu xanh và yêu cầu họ viết xuống đó cả những cảm nghĩ tích cực lẫn tiêu cực về nội dung và cách tiến hành cuộc thảo luận. Cuối cùng đọc to các tấm thẻ và dành thời gian để mọi người phản ánh. Hoặc, học viên có thể gắn các tấm thẻ lên tường hay lên bảng.

Các gợi ý về phương pháp:

- Luôn luôn duy trì và khi cần thiết dành 5 phút để làm dịu quan điểm nếu cuộc tranh luận quá sôi nổi và có nguy cơ vượt ngoài vòng kiểm soát;
- Dành thời gian để suy ngẫm khi xảy ra nhầm lẫn hay gián dữ;
- Cố gắng tóm tắt, làm rõ và giảm nhẹ các tranh luận và không thể hiện quan điểm theo các khuynh hướng công khai.

Các mẹo để thay đổi:

Nếu bạn muốn đưa ra nhiều kết cấu hơn cho nội dung thảo luận, bạn có thể phát cho học viên một tờ rơi có tên là “Bậc thang của tra tấn”.

- Một người nào đó dự định đặt bom và thừa nhận điều đó.

Chúng ta phải tra tấn người đó để cứu sinh mạng nhiều người.

- Một người nào đó bị tình nghi có kế hoạch đặt bom.

Chúng ta phải tra tấn để khai thác thêm.

- Một người nào đó gần gũi với người bị tình nghi có dự định đặt bom. Chúng ta phải tra tấn

bạn bè/người thân của người đó biết thêm về kế hoạch của kẻ đặt bom.

- Một người nào đó tố giác một người khác có cùng các quan điểm chính trị giống như kẻ đặt bom. Chúng ta phải tra tấn người cùng có quan điểm chính trị đó để tìm ra những người khác ủng hộ hẳn.

- Một người nào đó từ chối nói với cảnh sát kẻ tình nghi ở đâu. Người này phải bị tra tấn để những người khác không dám làm điều tương tự.

Nếu như bạn phát tay tài liệu này, thì câu hỏi đầu tiên đặt ra là đâu là ranh giới, nếu có, có thể biện minh được cho hành vi tra tấn.

(Nguồn: Flowers, Nancy; và những người khác. 2000. Sổ tay về giáo dục quyền con người. Các bài học thực hành hiệu quả, hành động và thay đổi.

Minnesota: Trung tâm nguồn tài liệu về quyền con người của Trường Đại học Minnesota).

Phần IV: Tiếp theo

Các quyền/lĩnh vực liên quan của quá trình khám phá sâu hơn các vấn đề: quyền được sống, án tử hình, an ninh con người.

HOẠT ĐỘNG II : **2**

CHIẾN DỊCH CHỐNG TRA TẤN

Phần I: Phần giới thiệu

Ngăn ngừa tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt dã man, vô nhân đạo hay hạ nhục khác, nâng cao nhận thức và thay đổi thực tiễn kiểu tra tấn, cải thiện pháp chế quốc gia trên khắp thế giới là những công việc yêu cầu nhiều kiến thức, sáng tạo và hiểu biết. Qua hoạt động này, học viên sẽ được khuyến khích để cố gắng truyền kiến thức của họ vào hành động để xây dựng các kỹ năng thuyết phục và vận động.

Phần II: Thông tin chung về các mục đích và mục tiêu hoạt động:

- Tăng cường nhận thức;

- Phát triển các cách tiếp cận mới và sáng tạo để giải quyết các vấn đề phức tạp;
- Sáng tạo ra các giải pháp có thể áp dụng vào đời sống thực tế và các chiến thuật và phương pháp ngăn ngừa tra tấn.

Nhóm mục tiêu: Người đã trưởng thành.

Quy mô nhóm: 10-20 cho các nhóm khoảng 4-5.

Thời gian: 150 phút.

Chuẩn bị:

- Tập hợp ví dụ về các hoạt động ngăn ngừa tra tấn đã được đưa vào thực tiễn địa phương, trong nước, và quốc tế;
- Giới thiệu và làm rõ các yếu tố của một cuộc vận động có thể diễn ra;
- Tập hợp và chuẩn bị bản phôi các tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia về quyền con người liên quan tới việc cấm tra tấn.

Tài liệu: các tấm thẻ màu, bản phôi tài liệu chuẩn bị, bảng hay giấy, bút viết, các bức ảnh gây sốc và câu chuyện về các nạn nhân tra tấn, v.v....

Các kỹ năng liên quan:

- tư duy sáng tạo;
- kỹ năng thuyết phục và trao đổi thông tin;
- các kỹ năng kiểm soát xung đột.

Phần III: Thông tin cụ thể về hoạt động

Giới thiệu chủ đề:

Để khởi động, yêu cầu những người tham gia chia sẻ càng nhiều từ trái nghĩa với tra tấn càng tốt. Ghi lại tất cả các câu trả lời lên giấy hay ghi lên bảng.

Có quá nhiều từ không? Bạn nghĩ ra bao nhiêu từ?

Quá trình hoạt động:

Sử dụng phương pháp động não để xác định các đặc điểm của một khu vực có tra tấn, khu vực không có tra tấn (với các nhóm đối tượng có trình độ thấp hơn, giảng viên cần chuẩn bị trước định nghĩa). Sau đó, đánh dấu hai góc phòng trái ngược nhau như là những nơi có tra tấn và nơi không có tra tấn. Bạn có thể trang trí trước hai góc phòng bằng các tấm áp phích quảng cáo, các bài báo liên quan, các tranh ảnh, v.v....

Chia nhóm thành các nhóm nhỏ hơn (nhiều nhất là 4-5 thành viên) và đưa cho mỗi nhóm một thông điệp.

Mục đích của trò chơi là biến nơi có tra tấn thành nơi không có tra tấn thông qua chiến dịch nâng cao nhận thức, các tấm áp phích, biểu tình, các chương trình phát thanh, nhà hát, vận động hành lang, các môn thể thao, v.v... để tăng nhận thức về tra tấn. Các nhóm sẽ có 60 phút để chuẩn bị nội dung cho chiến lược vận động của mình. Các thông điệp phải được chuyển đi cho các nhóm khác, phải có sự trao đổi với những thành viên của nhóm và các nhóm hỗ trợ nhau để tránh trùng lặp về công việc và các ý tưởng.

Sử dụng 45 phút cuối cùng để trình bày kết quả thảo luận của nhóm.

Thông tin phản hồi:

Yêu cầu từng học viên đưa ra kinh nghiệm của họ với bài tập thực hành trong một từ hay một cụm từ.

Tới vòng thứ hai, bạn có thể hỏi họ điều gì làm họ thích nhất và liệu họ có điểm gì không hài lòng với phần bài tập thực hành hay không?

Cuối cùng, bạn có thể kết thúc phiên họp bằng cách khuyến khích họ chia sẻ ý kiến với tổ chức AI gần nhất hay các tổ chức phi chính phủ về quyền con người khác và cố gắng đưa các ý tưởng đó vào hành động.

Các gợi ý về phương pháp:

- Để cho người tham dự sáng tạo, tránh phê bình hay kiểm duyệt bất kỳ ý kiến nào;
- Cố gắng tổng kết, làm rõ và giảm nhẹ các quan điểm và không bao giờ được đứng về một phía.

Các mẹo để thay đổi:

Phụ thuộc vào nhóm làm việc với bạn, bạn nên cẩn thận khi đưa ra thông tin gây sốc về các bức ảnh hay các báo cáo liên quan đến tra tấn!

Phần IV: Bước tiếp theo

Mời AI hay những nhà hoạt động trong nước có kinh nghiệm đến để chia sẻ kinh nghiệm của họ và thậm chí bắt đầu một nhóm/cuộc vận động mới.

Các quyền/lĩnh vực liên quan cần tìm hiểu thêm quyền được sống, an tử hình, an ninh con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tổ chức Ân xá quốc tế. 2003. *Chiến đấu chống lại tra tấn, Sổ tay hoạt động.* London: AI.

Tổ chức Ân xá quốc tế. 1999. Tòa tối cao Israel về quy định liên quan đến tra tấn và bắt giữ con tin. Chủ dẫn của AI số: MDE 15/39/99, 25/5. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://t2web.amnesty.r3h.net/library/Index/ENGMDE150391999?open&of=ENG-2D2>.

Hiệp hội Ngăn ngừa Tra tấn (APT). 2005. *Báo cáo thường niên năm 2005.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.apr.ch/pub/library/APT%20Annual%20Report%202005%20English.pdf>.

Hiệp hội ngăn ngừa tra tấn (APT). 2004. *Giám sát các nơi giam giữ: Hướng dẫn thực tiễn.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.apr.ch/pub/library/Monitoring%20Guide%20EN.pdf>.

Hiệp hội ngăn ngừa tra tấn (APT). 2002. *Tra tấn theo Pháp luật Quốc tế - Tập hợp các tiêu chuẩn.* Geneva: APT.

Burgers, J. Herman và Hans Danelius. 1988. *Công ước của Liên hiệp quốc về chống tra tấn - Sổ tay về Công ước cấm tra tấn và đối xử, trừng phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục.* Dordrecht: Martinus Nijhoff Publishers.

Coyle, Andrew. 2002. *Tiếp cận quyền con người về quản lý trại giam - sổ tay dành cho cán bộ tại các trại giam.* London: Trung tâm Nghiên cứu trại giam quốc tế. Có tại địa chỉ: http://www.kcl.ac.uk/depsta/rel/icps/human_rights_prison_management.pdf.

Danner, Mark. 2004. *Tra tấn và chân lý: Mỹ, Abu Ghraib, và Chiến tranh khủng bố.* New York: Đỉnh luận tài liệu.

Tòa án quyền con người châu Âu. 1999. *Vụ án của Selmouni kiện France từ ngày 28 tháng 7 năm 1999.* Tài liệu có tại: <http://www.echr.coe.int>.

Evans, Malcolm D. và Rod Morgan. 1998. *Ngăn ngừa tra tấn - Nghiên cứu của Công ước châu Âu về ngăn ngừa tra tấn và vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm.* Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Evans, Malcolm D. và Rod Morgan. 1999. *Bảo vệ các tù nhân - Các tiêu chuẩn của Ủy ban châu Âu về*

bảo vệ tra tấn trong tối cảnh. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Evans, Malcolm D. và Rod Morgan. 2001. *Đấu tranh chống tra tấn ở châu Âu - việc làm và các tiêu chuẩn của Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn (CPT).* Strasbourg: Nhà xuất bản Hội đồng châu Âu.

Giffard, Camille. 2000. *Sổ tay báo cáo tra tấn.* Essex: Trung tâm quyền con người của Trường Đại học Essex. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.essex.ac.uk/torturehandbook/english.htm>.

Tổ chức theo dõi quyền con người. 2005. *Tra tấn. Một khía cạnh của quyền con người.* New York: Nhà xuất bản Mới.

Viện Quyền con người liên Mỹ (IIDH). Nghị định thư không bắt buộc. Sổ tay về phòng ngừa. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.apr.ch/pub/library/OPCAT%20Manual.pdf>.

Kellaway, Jean. 2004. *Lịch sử tra tấn và hành hình: Từ thời nguyên thủy đến thời đại trung đại và hiện đại.* London: Nhà xuất bản Mercury.

Menschenrechtsbeirat - Ban Cố vấn quyền con người: www.menschenrechtsbeirat.at.

Niyizurugero, Jean Baptiste (chủ biên). 2003. *Ngăn ngừa tra tấn ở châu Phi.* Geneva: APT. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.apr.ch/pub/library/Preventing%20Torture%20in%20Africa.pdf>.

Văn phòng của Cao ủy quyền con người Liên hiệp quốc. 2002. *Tài liệu chuyên đề số 4 “Chiến đấu chống tra tấn” trong Các chuyên đề về quyền con người.* Geneva: OHCHR.

OSCE. Ngăn ngừa tra tấn. Sổ tay dành cho Nhân viên thực địa OSCE. Có sẵn trên mạng tại: http://www1.osce.org/docu-ments/odihr/1999/08/754_en.html

Popovic, Sabina. 1999. *Tra tấn, hậu quả và quá trình phục hồi - Tài liệu tập huấn.* Sarajevo: CTV.

Rodley, S. Nigel. 2000. *Đối xử với tù nhân theo Luật Quốc tế.* Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Văn kiện Liên hiệp quốc A/57/173 từ ngày 02 tháng 7 năm 2002. *Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt, Ủy ban quyền con người về vấn đề tra tấn và*

đổi xử, trừng phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục.

Văn kiện Liên hiệp quốc A/56/156 từ ngày 03 tháng 7 năm 2001. Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt của Ủy ban quyền con người về vấn đề tra tấn và đối xử, trừng phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục.

Văn kiện Liên hiệp quốc A/55/290 từ ngày 11 tháng 8 năm 2000. Báo cáo tạm thời của Báo cáo viên đặc biệt của Ủy ban quyền con người về vấn đề tra tấn và đối xử, trừng phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục.

Văn kiện Liên hiệp quốc CAT/C/XXVII/Concl.5 (Các nhận xét/kết luận cuối cùng) từ ngày 23 tháng 11 năm 2001. Các kết luận và kiến nghị của Ủy ban chống tra tấn: Israel.

Văn kiện Liên hiệp quốc E/CN.4/2006/120 từ ngày 15 tháng 5 năm 2006. Báo cáo về tình hình của những người bị giam giữ ở Vịnh Guantanamo.

Văn kiện Liên hiệp quốc E/CN.4/2003/69 từ ngày 13 tháng 1 năm 2003. Nghiên cứu của Báo cáo viên đặc biệt về tra tấn về tình hình buôn bán và sản xuất thiết bị được thiết kế đặc biệt cho tra tấn gây thương tích hay vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm - nguồn gốc, nơi đến và các hình dạng của nó.

Liên hiệp quốc. Bàn về kinh tế và xã hội. 2004. Các quyền dân sự và chính trị gồm cả vấn đề về tra tấn và giam giữ. Tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục khác. Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt về vấn đề tra tấn, Theo Van Boven. E/CN.4/2005/62. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://dac-cessdds.un.org/doc/UNDOC/GEN/G05/104/83/PDF/G0510483.pdf?OpenElement>.

Công ước của Liên hiệp quốc chống tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.ohchr.org/english/law/cat.htm>.

Walmsley, Roy. 2002. Các phát hiện 188: Danh sách tù nhân thế giới, (hiệu chỉnh lần thứ 4). London: Văn phòng nội các. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.homeoffice.gov.uk/rds/pdfs2/r188.pdf>.

Bộ luật hình sự của Hồi giáo Bang Zamfara của Nigeria từ tháng 01 năm 2000: Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.zamfaraonline.com/sharia/introduction.html>.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tổ chức Ân xá quốc tế của Mỹ: <http://www.amnestyusa.org/stoptorture>.

Tổ chức Ân xá quốc tế: <http://www.amnesty.org>.

Hiệp hội ngăn ngừa tra tấn: <http://www.apr.ch>.

Trung tâm về nạn nhân của tra tấn người Canada: <http://www.ccvr.org>.

Ủy ban châu Âu về ngăn ngừa tra tấn: <http://www.cpt.coe.int/en>.

Ủy ban phục hồi sức khỏe quốc tế cho nạn nhân của tra tấn: <http://www.ircr.org>.

Không có tra tấn: <http://notorture.ahrchk.net>.

Báo cáo viên đặc biệt của Ủy ban quyền con người về vấn đề tra tấn: <http://www.unhchr.ch/html/menu2/7/b/mtor.htm>.

Chiến dịch chấm dứt tra tấn: <http://web.amnesty.org/pages/stoptorture-index-eng>.

Ủy ban Liên hiệp quốc về chống tra tấn: <http://www.unhchr.ch/html/menu2/6/cat.htm>.

Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về tra tấn: <http://www.ohchr.org/english/issues/torture/rapporteur>

Tổ chức chống tra tấn thế giới: www.omct.org.

THOÁT NGHÈO

**GIẢM BÁT BÌNH ĐẲNG
SINH KẾ BỀN VỮNG
TIẾP CẬN NGUỒN LỰC
THAM GIA
MỨC SỐNG KHÁ GIÀ**

“Mọi người [...] có quyền được thực hiện [...] các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Đây là những quyền không thể thiếu để đảm bảo nhân phẩm[...]

Mọi người có quyền có việc làm [...]

Mọi người có quyền có mức sống đầy đủ, đảm bảo cho sức khỏe và hạnh phúc cho bản thân và gia đình họ, bao gồm lương thực, quần áo, nhà ở, chăm sóc y tế và các dịch vụ xã hội cần thiết khác.

[...] Mọi người có quyền được giáo dục”.

Các điều 22, 23, 25 và 26 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. 1948.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

"Đang chết dần vì đói trong một mảnh đất thặng dư".

Khi mất mùa và không có việc làm, người dân làng Mundiar bắt đầu tìm kiếm thức ăn trong rừng. Họ không tìm thấy bất kỳ thứ gì khác ngoài cỏ. Và vì vậy, trong suốt mùa hè, 60 hộ gia đình trong làng chỉ sống bằng sama - một loại cỏ khô thường để dành cho gia súc. Nhưng con người không phải sinh ra là để ăn cỏ, và vì vậy những người dân làng này trở nên gầy yếu, má của họ ngày càng hóp lại. Họ mắc bệnh táo bón và lâm vào trạng thái hôn mê bất tỉnh. Cuối cùng, họ bắt đầu chết dần.

Một người dân trong làng là Murari, người đã từng chứng kiến cảnh toàn bộ gia đình bị chết dần. Đầu tiên là sự ra đi của cha, ông Ganpat; tiếp đó là vợ anh, chị Bordi. Bốn ngày sau, anh mất đứa con gái của mình.

Ở khắp khu vực xa xôi hẻo lánh này của miền Bắc Ấn Độ - nơi đã từng có thời được bao phủ bởi cánh rừng xanh dày đặc, nhưng giờ đây bị trơ trụi vì hạn hán - Tình hình ở làng Mundiar cũng tương tự. Trong hai tháng qua, hơn 40 thành viên của cộng đồng bộ lạc Sahariya đã chết đói. Khoảng 60 triệu tấn lúa mì dự trữ hiện đang ở trong kho của chính quyền. Theo bất kỳ tiêu chuẩn nào, thì đây là một núi lương thực khổng lồ. Thật bất hạnh, không một tấn lúa mì nào trong số đó đến được với người dân làng Mundiar hay bất kỳ ngôi làng hẻo lánh xa xôi hơn ở miền Đông - Nam Rajasthan...

Theo báo cáo chính thức, không ai bị chết đói ở Ấn Độ. Theo chế độ phân phối công, những người dân làng nào bị rơi xuống dưới chuẩn nghèo thì đều có quyền được phát tem phiếu khẩu phần, được phép mua lúa mì bao cấp tại các cửa hàng của chính quyền. Nhưng ở Bhoyal cũng như ở nhiều nơi khác, chế độ đó đã sụp đổ. Những người dân làng cho

biết, Sarpanch [trưởng thôn] ở địa phương phát toàn bộ tem phiếu khẩu phần đó cho bạn bè và những người thuộc đẳng cấp của họ. Ông ta cũng gạch tên của những người phụ nữ góa bụa có quyền được hưởng lương hưu của chính quyền. Trong khi đó, những người quản lý các cửa hàng của chính quyền lại từ chối bán lúa mì rẻ cho thành viên của bộ lạc Sahariya ở vùng sâu, vùng xa. Thay vào đó, họ mang chỗ lúa mạnh này ra bán trên thị trường đen. Khi người Sahariya bắt đầu chết dần thì những người sở hữu các cửa hàng lại điền vào những tem phiếu khẩu phần của họ nhằm cố gắng che đậy việc làm gian dối của mình.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở Ấn Độ - một đất nước với hơn 1 tỷ dân - nằm trong số cao nhất trên thế giới. Khoảng 1/2 số trẻ em toàn Ấn Độ bị suy dinh dưỡng, trong khi gần 50% phụ nữ Ấn Độ mắc bệnh thiếu máu. Thế nhưng, phần lớn lúa mì trong núi lương thực khổng lồ của Ấn Độ hoặc bị vứt đi, hoặc để cho chuột ăn.

Chính những người ở tận cùng của hệ thống đẳng cấp thứ bậc ở Ấn Độ phải chịu đựng nhiều nhất. Các cộng đồng bộ lạc chiếm tới 30% dân số của quận Baran cũng là nạn nhân của sự bất công lịch sử. Trước thời kỳ độc lập năm 1947, người Sahariya kiếm sống bằng săn bắn và trồng trọt. Sau ngày độc lập, cán bộ của chính quyền đã đuổi họ ra khỏi rừng và tịch thu đất của họ. Người Sahariya buộc phải làm lao động nông nghiệp. Mùa hè năm nay bị mất mùa, họ không có việc làm và do vậy cũng chẳng có gì để ăn.

Một phụ nữ tên là Nabbo, 50 tuổi, vừa chuẩn bị bữa ăn tối gồm những lát bánh mì được làm từ hạt cây cỏ hoang vừa nói rằng *"các nhà chính trị chẳng quan tâm đến chúng tôi"*.

(Nguồn: **Luke Harding, 2002**. Chết đói ở nơi dư thừa. Đẳng cấp và tham nhũng cùng mưu toan

ngăn cản người nghèo Ấn Độ có lương thực. Ở Baran, Rajasthan. Báo Người bảo vệ (the Guardian).

Câu hỏi thảo luận 

1. Người nghèo ở Baran bị tước đoạt những gì và phải chịu những tổn thương gì? Hãy xác định đây là "*sự vi phạm các quyền ...*".
2. Sự việc này gợi cho bạn suy nghĩ gì và bạn nghĩ bạn cần phải làm gì?

3. Hãy so sánh/đánh giá tương phản giữa tình trạng nghèo ở Baran với những gì người nghèo ở nước bạn/nơi bạn ở đang gặp phải. Hình ảnh nghèo trong trải nghiệm của bạn là gì?
4. Bạn thấy có mối liên hệ nào giữa vấn đề gia tăng nghèo đói với an ninh con người không? Bạn có nghĩ rằng đối xử với người dân theo như cách được mô tả trong câu chuyện minh họa ở trên sẽ ảnh hưởng đến an ninh con người không? Nếu có, đó là những tác động gì?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. GIỚI THIỆU

Mặc dù đói nghèo được xem là một hiện tượng lịch sử, nhưng những hình thức thể hiện của nó đang ngày càng trở nên phức tạp. Sự phức tạp này là kết quả của nhiều yếu tố, trong đó có bản chất của các mối quan hệ giữa con người với nhau đang thay đổi, mối quan hệ giữa xã hội, các yếu tố và quá trình sản xuất, và cách nhìn nhận của các chính phủ cũng như của các định chế quốc tế như Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế, hay Liên hiệp quốc về các khía cạnh khác nhau của nghèo.

Khái niệm nghèo được biến đổi theo thời gian. Trước đây, nghèo vẫn thường được xem là chỉ liên quan đến thu nhập, ngày nay nó được nhìn nhận như một khái niệm đa cấp bất nguồn và gắn chặt với chính trị, địa lý, lịch sử, văn hóa và các đặc điểm xã hội. Ở những nước đang phát triển, nghèo rất phổ biến và được biểu hiện ở những vấn đề như đói, thiếu đất và nguồn sinh kế, chính sách tái phân bổ không hiệu quả, thất nghiệp, mù chữ, dịch bệnh, thiếu dịch vụ y tế và nước sạch an toàn. Ở những nước phát triển, nghèo được thể hiện dưới dạng loại trừ khỏi xã hội, thất nghiệp gia tăng và lương thấp. Trong cả hai trường hợp, nghèo vẫn tồn tại do thiếu công bằng, mất bình đẳng, không có nguồn lực và hòa bình.

Nghèo có nghĩa là bị hạn chế về tiếp cận trong một thế giới vô vàn cơ hội. Người nghèo không có khả năng để thay đổi hoàn cảnh khi họ bị từ chối những phương tiện thực hiện năng lực đó do *thiếu tự do chính trị, không có năng lực tham gia các quá trình ra quyết định, thiếu an ninh cá nhân, không có năng lực tham gia đời sống cộng đồng và những mối đe dọa tới sự công bằng bền vững và công bằng giữa các thế hệ*. Nghèo là sự khước từ quyền kinh tế, xã hội, chính trị và các nguồn lực. Điều này khiến người nghèo càng bị chìm đắm trong nghèo khổ.

Nghèo và an ninh con người

Nghèo dẫn đến mất an ninh lương thực và xã hội nghiêm trọng, là sự xâm phạm trực tiếp đến an ninh con người. Nó không chỉ đe dọa sự tồn tại của nhiều người, mà còn làm tăng thêm nguy cơ bị bạo hành, ngược đãi và không có tiếng nói về xã hội, chính trị và kinh tế.

Một phụ nữ nghèo ở Belarus nói, nghèo là nhục và nó xúc phạm đến nhân phẩm của mỗi cá nhân. Khi nhấn mạnh đến sự cần thiết phải nhận ra những thách thức của sự công bằng và an ninh con người trên toàn cầu, ở mức độ nào đó Amartya Sen, đã đưa ra quan niệm hơi khác biệt là "*nhiệm vụ cấp bách bao gồm làm rõ khái niệm cũng như thúc đẩy việc thảo luận của công*

chúng, bên cạnh đó phải xác định những dự án hành động cụ thể liên quan đến sự thay đổi thể chế nhằm tăng cường sự công bằng và đảm bảo an ninh cơ bản của con người. Việc hiểu rõ hơn về xung đột và giá trị phải được gắn với việc tìm hiểu về nhu cầu y tế, giáo dục, xóa nghèo và giảm mất bình đẳng giới và an ninh". (Nguồn: **Báo cáo về Hội nghị thứ Hai của Ủy ban về an ninh con người**, 16-17/12/2001, <http://www.humansecuritychs.org/activities/meetings/second/index.html>).

Chính vì vậy, nghèo vừa là trạng thái bị tước đoạt và vừa là trạng thái dễ bị tổn thương. Sự bất bình đẳng và phân biệt đối xử ngày càng gia tăng giữa và ngay trong các quốc gia là vi phạm quyền của người nghèo được sống trong an ninh và có nhân phẩm.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ KHÁI NIỆM NGHÈO



Có rất nhiều định nghĩa về nghèo và các hình thức biểu hiện của nó:

- Từ quan điểm về thu nhập, một người được coi là nghèo khi, và chỉ khi, mức thu nhập của họ dưới chuẩn nghèo được xác định. Nhiều nước đã áp dụng chuẩn nghèo theo thu nhập để giám sát tiến bộ trong việc giảm tình trạng nghèo. Chuẩn thoát nghèo được xác định là có đủ thu nhập để đảm bảo một lượng lương thực nhất định. Theo Báo cáo Phát triển con người của UNDP (HDR) năm 1997, "nghèo có nghĩa là các cơ hội và lựa chọn những điều kiện cơ bản nhất cho sự phát triển của con người bị từ chối - trong khi đó chúng lại cần thiết để có một cuộc sống trường thọ, khỏe mạnh, sáng tạo và để hưởng mức sống khá giả, tự do, có nhân phẩm, tự trọng và tôn trọng người khác".
- Chỉ số nghèo của con người (UNDP, HDR 1997) sử dụng các chỉ báo liên quan đến các

mức độ bị sự tước đoạt cơ bản nhất, chẳng hạn như cuộc sống đoan thọ, thiếu giáo dục cơ bản và thiếu sự tiếp cận các nguồn lực công và tư, từ đó dẫn đến thừa nhận rằng nghèo của con người còn nghiêm trọng hơn nghèo về thu nhập.

- Từ góc độ quyền con người, Văn phòng Cao ủy về quyền con người coi nghèo là "một điều kiện của con người được thể hiện ở sự tước đoạt kéo dài hoặc triền miên các nguồn lực, năng lực, lựa chọn, an ninh và quyền lực cần thiết để thụ hưởng mức sống đầy đủ và các quyền dân sự, văn hóa, kinh tế, chính trị và xã hội căn bản khác".
 - Trong Dự thảo hướng dẫn: Phương pháp tiếp cận quyền con người với Chiến lược giảm nghèo của Văn phòng Cao ủy về quyền con người, tháng 9/2002, nghèo được xem là một "dạng tước đoạt tột cùng". Báo cáo gợi ý rằng chỉ có những trường hợp mất năng lực như vậy mới được coi đó là nghèo và nó phải được xem là vấn đề cơ bản trong một trật tự ưu tiên. Cho dù mỗi xã hội có thể có cách nhìn nhận khác nhau, song hầu hết các xã hội đều có những nhu cầu chung được xem là cơ bản trong hầu hết các xã hội bao gồm cả nhu cầu được nuôi dưỡng đầy đủ, tránh được tử vong đối với những căn bệnh có thể phòng ngừa, được có nhà ở đầy đủ, được hưởng giáo dục cơ bản, có khả năng đảm bảo an ninh con người, được tiếp cận công bằng tới tư pháp, có khả năng xuất hiện trước công chúng mà không cảm thấy xấu hổ, có thể kiếm sống và tham gia vào đời sống cộng đồng.
- Các cuộc tranh luận về cách thức lập chỉ số và đo lường mức nghèo vẫn tiếp tục diễn ra, nhưng tính phức tạp của đời sống con người cho thấy nghèo vẫn sẽ luôn luôn đi tìm một định nghĩa chung. Tính rủi ro và sự tước đoạt, về mặt chủ quan là cần thiết, lại không thể được bó hẹp vào một khuôn mẫu cứng nhắc có thể áp dụng phổ quát.

Các cấp độ của nghèo

Hiện tượng nghèo được hiểu và diễn đạt khác nhau, phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị cụ thể. Tiến thêm bước nữa,

chúng ta sẽ cố gắng liên hệ các từ được đề cập trong các định nghĩa về nghèo (ví dụ: tư pháp, tính rủi ro, nhân phẩm, an ninh, cơ hội, v.v...) với những vấn đề của đời sống thực tế. Điều này sẽ giúp lý giải những cấp độ khác nhau của nghèo.

Sinh kế - Đó là sự từ chối tiếp cận đất đai, rừng, nguồn nước; ví dụ như ở các vùng nông thôn, luật bảo vệ rừng của nhà nước không cho phép người bản địa được thu hái lương thực và rau củ mà vốn hoàn toàn thuộc về họ. Ở môi trường đô thị, thành phố muốn có người di cư từ nông thôn ra để lao động cho họ, nhưng lại không chịu trách nhiệm về nhà ở, các nhu cầu về y tế và giáo dục, đẩy họ vào hoàn cảnh có nguy cơ gặp rủi ro và mất an ninh hơn nữa. Phân biệt đối xử dựa trên đẳng cấp, dân tộc và chủng tộc cũng vẫn là những yếu tố cơ bản dẫn tới việc từ chối các cộng đồng và nhóm tiếp cận các nguồn tài nguyên cần thiết cho sinh kế cũng như quyền được sống trong nhân phẩm của họ.

 **Quyền có việc làm**

Nhu cầu cơ bản - Đó là sự từ chối về lương thực, giáo dục, cuộc sống lành mạnh và nhà ở; ví dụ: việc thương mại hóa nước sinh hoạt, điện, trường học và dịch vụ bệnh viện đã đẩy giá các dịch vụ thiết yếu này cao hơn khả năng chi trả của người nghèo, buộc họ phải bán những tài sản nhỏ nhoi của mình và tồn tại trong điều kiện thiếu thốn, để rồi cuối cùng cướp mất của họ quyền được sống trong nhân phẩm.

 **Quyền có sức khỏe, Quyền được giáo dục**

Tư pháp - Sự từ chối hoạt động trợ giúp tư pháp khi có yêu cầu hoặc hỗ trợ tư pháp kịp thời; ví dụ: ở nhiều nước, người nghèo không tiếp cận được hệ thống tư pháp do chi phí cao. Thanh niên trẻ ở các khu nhà ổ chuột, người dân tộc thiểu số, các nhóm thiểu số về chủng tộc hay tôn giáo là những người đầu tiên bị gom lại vì dễ dàng bị tình nghi phạm tội, cho dù họ không có hành vi phạm tội, hay những phụ nữ phải tìm kiếm sự can thiệp của cảnh sát về vấn đề bạo hành trong gia đình đều không được coi trọng ngay từ đầu rằng đây là vấn đề riêng tư. Do áp lực từ phía nhà

nước và các nhóm vận động hành lang có ảnh hưởng, người ta thấy rằng các tòa án thường trì hoãn những vấn đề tư pháp liên quan đến bồi thường cho người lao động, hoặc phục hồi cho người tàn tật. Điều này khiến người nghèo phải trả giá bằng sinh kế của họ.

 **Pháp quyền và xét xử công bằng**

Tổ chức - Sự từ chối quyền được tổ chức, nắm quyền và chống lại sự bất công; ví dụ: nghèo ảnh hưởng đến tự do của người lao động được tự tổ chức bản thân để có điều kiện lao động tốt hơn.

Tham gia - Sự từ chối quyền được tham gia và gây ảnh hưởng trong việc ra những quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống; ví dụ: sự thỏa thuận ngầm ngày càng tăng về lợi ích chính trị và lợi ích công ty đã chiếm mất không gian để công dân có thể tham gia có hiệu quả trong những vấn đề công như cung cấp dịch vụ cơ bản. Mù chữ và thiếu thông tin do không có nơi cư trú làm cho người tị nạn không có quyền được quyết định tương lai của họ. Hầu hết người Roma, do bản chất cuộc sống du mục, họ thậm chí còn không được liệt kê trong danh sách bầu cử và vì vậy không được tham gia bỏ phiếu.

Nhân phẩm - Sự từ chối quyền có cuộc sống được tôn trọng và nhân phẩm; ví dụ: ở các vùng nông thôn, các nhóm thiểu số về giai cấp, dân tộc, chủng tộc và nhóm thiểu số khác là các nhóm không có đất đai hoặc đất đai khó trồng trọt. Điều này làm cho họ buộc phải nhượng bộ nhân phẩm của mình để kiếm chút tiền công ít ỏi. Trẻ em đáng ra được đến trường thì lại bị bóc lột sức lao động ở những công việc như tái chế chất thải, thu gom rác hoặc làm nông nghiệp.

Các nhóm dễ bị ảnh hưởng bởi nghèo



Mặc dù nghèo là một hiện tượng phổ biến và ảnh hưởng tới người dân trên toàn thế giới, nhưng nó đặc biệt ảnh hưởng nghiêm trọng đối với phụ nữ và trẻ em.

Bản cùng hoá nữ giới đã trở thành một vấn đề nghiêm trọng ở những nước có nền kinh tế đang chuyển đổi do sự gia tăng tình trạng nam giới di cư, thất nghiệp và do sự phổ biến những nền kinh tế hộ gia đình theo định hướng xuất khẩu. Những người làm việc trong những nền kinh tế như thế không được trả lương cho sức lao động của họ. Hầu hết lao động nữ không có hợp đồng và không được trả lương. Phụ nữ mong muốn được làm việc như nam giới trong nhiều khu vực của nền kinh tế vì họ được xem là “lực lượng lao động dễ bảo”. Ở nhiều cộng đồng, phụ nữ không được sở hữu hoặc không có quyền kiểm soát đất đai, nước, tài sản và các nguồn lực khác và phải đối diện với những rào cản xã hội và văn hóa trong việc thực hiện các quyền con người của họ.

Quyền con người của phụ nữ

Nghèo dẫn tới việc từ chối cơ hội được phát triển tiềm năng con người của trẻ em và khiến chúng có nguy cơ phải đối diện với nạn bạo hành, buôn bán người, bóc lột và lạm dụng. Tỷ lệ tử vong cao ở trẻ sơ sinh và trẻ em thường do suy dinh dưỡng gây ra; tỷ lệ cao giữa trẻ em/người lớn cũng là một nguyên nhân nữa của nghèo về thu nhập. Cùng với sự gia tăng nhanh về đô thị hóa, số trẻ em sống trên đường phố cũng ngày càng gia tăng. Khoảng 113 triệu trẻ em trên toàn thế giới (97% trong số này ở các nước đang phát triển) chưa bao giờ được đến trường và thường bị gắn với những loại hình bóc lột hoặc lao động trẻ em khác nhau. Hơn nữa, việc thương mại hóa ngày càng gia tăng các dịch vụ giáo dục và y tế đã tước mất của trẻ em các quyền cơ bản hiến định ở nhiều nước

Quyền con người của trẻ em

Tại sao nghèo vẫn tồn tại dai dẳng?

Các chính phủ phương Bắc kiểm soát sự điều hành nền kinh tế thế giới. Họ nhất trí ủng hộ và duy trì các cấu trúc thương mại và tài chính nhằm tập trung của cải vào thế giới công nghiệp và loại bỏ các nước và người nghèo nhất ra khỏi phần thịnh vượng

chung toàn cầu, tạo ra sự bất bình đẳng giữa các dân tộc Nam và Bắc. Đáng chú ý là ở cả nước phát triển và đang phát triển, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo vẫn ngày càng tăng.

Các chương trình điều chỉnh về cơ cấu (SAPs) của Ngân hàng thế giới và các chương trình bình ổn trọn gói của Quỹ Tiền tệ quốc tế đưa ra hứa hẹn là sẽ tạo ra nhiều cơ hội mở rộng về việc làm, thu nhập, của cải và phát triển kinh tế thông qua hội nhập nền kinh tế quốc gia vào hệ thống kinh tế toàn cầu. SAPs muốn xóa nghèo thông qua nguyên tắc tài chính chặt chẽ mà không giải quyết sự bất bình đẳng trong chế độ phân phối. Điều này có thể làm tăng thêm nghèo khi các nước tiêu tiền để trả nợ, nhưng lại bỏ qua những chi tiêu cho các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục và nhà ở (*Kinh nghiệm tốt, các báo cáo chiến lược giảm nghèo*).

Toàn cầu hóa tự do mới nhấn mạnh đến sản xuất phục vụ xuất khẩu và bỏ qua các quyền cơ bản của người dân là phải được đáp ứng các nhu cầu của họ và được kiếm sống có nhân phẩm. Sự tụt lùi về trách nhiệm phúc lợi của nhà nước đối với y tế, giáo dục, lương thực và nhà ở và thiếu những mạng lưới an toàn đã tác động đến người nghèo. Lạm phát, giảm việc làm và sự xói mòn về tiền lương thực tiễn do tự do hóa và tư nhân hóa tài sản gây ra cũng ảnh hưởng đến người nghèo.

Báo cáo Phát triển con người năm 2002 của UNDP chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế nhanh ở những nước vốn đã giàu ở Tây Âu, Bắc Mỹ và Đại Tây Dương cùng với tốc độ tăng trưởng chậm ở Tiểu lục địa Ấn Độ cũng như tốc độ tăng trưởng luôn chậm ở châu Phi đã góp phần làm tăng thêm sự bất bình đẳng toàn cầu trong nửa cuối của thế kỷ XX. Thậm chí ở các quốc gia OECD (Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế), tất cả những thành quả đều do người giàu có nhất nắm giữ. Mức thu nhập của 1% gia đình giàu có nhất tăng 140%, gấp 3 lần so với người

trung bình đã dẫn đến sự gia tăng mạnh về bất bình đẳng thu nhập và sự xuất hiện "người nghèo mới".

- 5% người giàu nhất trên thế giới có thu nhập gấp 114 lần so với 5% người nghèo nhất.
- Thu nhập của 25 triệu người Mỹ giàu nhất tương đương với gần nhu nhập của 2 tỷ người nghèo nhất trên thế giới.

Ngày nay, $\frac{1}{4}$ người dân trên thế giới sống ở mức cực nghèo và bị đẩy ra ngoài rìa của xã hội. Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2002 của UNDP, ước tính 1,2 tỉ người sống ở mức chưa đến 1 đô-la một ngày. Điều thú vị là, Báo cáo Phát triển con người năm 2005 cho biết rằng phương pháp đánh giá này không được thừa nhận tuyệt đối nữa; thay vào đó, cần có số liệu cụ thể hơn để giám sát sự tiến bộ của quá trình tiến tới các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Do vậy, việc đánh giá sự phát triển trong quá trình này cũng dẫn đến những số liệu hết sức đáng báo động, chẳng hạn như dự đoán cho rằng trong trường hợp vẫn duy trì các chính sách như hiện nay thì, mục tiêu giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em sẽ bị bỏ lỡ và mục tiêu đảm bảo giáo dục tiểu học sẽ không đạt được. Điều này dẫn tới tình trạng 47 triệu trẻ em không được đến trường vào năm 2015. Mặc dù cho đến nay đã có sự tiến bộ về tiếp cận nước uống an toàn và tiến hành tiêm chủng cơ bản, thì vẫn còn một số mục tiêu như đạt tỉ lệ biết đọc, biết viết, vẫn chưa được thực hiện đúng mức. Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2005, trên thế giới vẫn còn 800 triệu người bị mù chữ. Một vấn đề khác cần phải tiếp tục được xem xét là cam kết chống tử vong ở trẻ em. Đây là một thách thức được nhấn mạnh trong Báo cáo Phát triển con người năm 2005; theo đó, trong năm 2002, cứ 3 giây lại có một trẻ em dưới 5 tuổi chết. Cần phải làm nhiều hơn nữa, chẳng hạn như trong cuộc chiến chống HIV/AIDS, hay trong chính sách của một vài quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất đã từ chối và bỏ qua chủ đề này hoặc thậm chí nhấn mạnh đến định kiến. Chắc chắn rằng những vấn đề này sẽ không hỗ trợ cho việc đạt những MDG liên quan.

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VẤN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN

Nghèo tương đối và nghèo tuyệt đối

Nghèo tương đối có nghĩa là một người hay một nhóm người nghèo so với những người hoặc nhóm khác, hoặc so với những gì được coi là mức sống trung bình/mức tiêu dùng ở một xã hội cụ thể. *Nghèo tuyệt đối* có nghĩa là người nghèo so với những gì được cho là mức yêu cầu tối thiểu. Một cá nhân được phân loại là người nghèo tuyệt đối theo tiêu chuẩn của Mỹ có thể được xem là nghèo tương đối, ví dụ, trong bối cảnh châu Phi.



Jim Harvey, một người dân ở Possilpark thuộc nước Anh, nói về trải nghiệm của anh về nghèo. Đây có thể được coi là nghèo tương đối:

"Nghèo! Nó có nghĩa gì đối với tôi? Tôi là một người đàn ông 48 tuổi, đã cưới vợ và có một gia đình sống không phụ thuộc. Tôi sống ở Possilpark, nằm ở phía Bắc của thành phố Glasgow. Không có gì phải úp mở về nguồn gốc xuất thân từ giai cấp lao động của tôi. Có thể có một chút ít tranh luận về điều đó, vì trong nhiều năm qua tôi bị thất nghiệp và sống hoàn toàn phụ thuộc vào trợ cấp. Vậy, nghèo là gì?"

Đối với tôi, nó là tình trạng "khánh kiệt". Không thể cải thiện được cuộc sống của tôi do nghèo về ăn uống và không thể tham gia các hoạt động giải trí. Ngoài ra, nghèo cũng dẫn đến sự kỳ thị.

Bên cạnh đó còn có một trạng thái thờ ơ với cảm xúc hư vô, bị áp bức, vô giá trị, bị loại trừ, [...] Tại sao? Tại sao lại là tôi?..."

Liên minh chống nghèo Lothian:
<http://www.lapa.org.uk>.

Mặc dù nhu cầu kinh tế cơ bản của Jim được đáp ứng, nhưng Jim phải trải qua sự loại trừ và trì trệ, và anh không hài lòng với cuộc sống hạn hẹp và bất lực. Cuộc sống bất lực của Jim cho thấy anh đã nghèo tương đối như thế nào khi so với những người khác trong xã hội của anh. Họ là những người hoạt động về xã hội và chính trị.

Sự loại trừ về mặt xã hội

Sự loại trừ về mặt xã hội thường được sử dụng đồng nghĩa với “nghèo tương đối”, nhưng các khái niệm này không giống nhau. Sự loại trừ về mặt xã hội có thể dẫn đến nghèo và đồng thời, sự loại trừ về mặt xã hội có thể là kết quả của nghèo. Trong trường hợp của Jim, sự loại trừ về mặt xã hội đã làm tê liệt đời sống chính trị của anh, còn trong trường hợp của cộng đồng Sahariya ở Bajasthan, sự nghèo về kinh tế và túng thiếu của họ là những yếu tố dẫn tới việc loại trừ họ ra khỏi xã hội.

Câu hỏi thảo luận:

Có phải đông dân hơn thì tự nhiên sẽ trở nên nghèo hơn không?

Người ta thường tin rằng tăng trưởng dân số cao ở các nước kém phát triển và đang phát triển là nguyên nhân của tình trạng nghèo phổ biến ở những nước này. Lập luận này được các chính phủ cả phương Nam và Bắc ủng hộ để chuyển hướng quan tâm từ những vấn đề trọng tâm là nguyên nhân gốc rễ của nghèo ở những khu vực này. Đó là những vấn đề về khai thác và bóc lột nguồn tài nguyên thiên nhiên liên tục vì lợi ích thương mại của những nước phát triển, dẫn đến việc tước đoạt quyền của các cộng đồng dân cư đối với tài nguyên; thiếu phân bổ ngân quỹ cho những dịch vụ cơ bản như giáo dục, y tế và nước.

Nếu những dịch vụ này được cung cấp đầy đủ thì sẽ giảm đáng kể tỷ lệ tử vong và bệnh tật của phụ nữ và trẻ em; xung đột và chiến tranh ngày càng gia tăng nhằm giành sự kiểm soát đối với các nguồn tài nguyên, gây ra sự bất ổn định về chính trị, xã hội và kinh tế.

Lập luận cho rằng nhiều người nghèo đứng về phía sự tiến bộ của một quốc gia là không có giá trị, vì thực tế nó là chính sách phân phối lại của nhiều chính phủ theo kiểu trách nhiệm phân bổ những thành quả của phát triển sao cho công bằng. Tương tự như vậy, ý tưởng cho rằng người nghèo chịu trách nhiệm về tiêu dùng tài nguyên và sự suy thoái về môi trường thì còn phải tranh cãi, vì thực tế người giàu có mức tiêu thụ cao hơn so với người nghèo.

Liệu phát triển bền vững có dẫn đến giảm nghèo không?

Nghèo làm cho người nghèo phải lựa chọn những cách sống không bền vững. Ví dụ, thiếu cơ sở vệ sinh và hệ thống chất thải, cũng như thiếu nhiên liệu có thể khiến người nghèo không còn sự lựa chọn nào khác là phải sử dụng những cách thức góp phần vào sự suy thoái về môi trường. Chỉ khi các nước phát triển quyết định tôn trọng những cam kết mà họ đưa ra với thế giới, chẳng hạn như giảm khí thải hiệu ứng nhà kính, áp dụng các tiêu chuẩn hiệu quả năng lượng và đóng thuế giao dịch đối với việc lưu chuyển vốn qua biên giới, thì phát triển bền vững mới có thể đạt được, đem lại việc giảm nghèo đáng kể.

Có thể tài trợ để xóa nghèo được không?

Có. Chi phí bổ sung để có được các dịch vụ xã hội cơ bản cho tất cả mọi người ở các nước đang phát triển ước tính khoảng 40 tỷ đô-la mỗi năm, nghĩa là xấp xỉ 1/10 ngân sách quốc phòng của Mỹ trong năm 2002-2003 hoặc thấp hơn 8 tỷ đô-la so với thu nhập ròng của người giàu nhất năm 2001-2002. Hầu hết những nguồn lực này cũng có thể bắt nguồn từ việc tái cơ cấu lại chi tiêu hiện nay của chính phủ các quốc gia và các ngân

hàng đa phương (Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á, và các tổ chức khác) và các cơ quan viện trợ khác.

Tài trợ xóa nghèo sẽ thuận lợi hơn nhiều nếu các định chế quốc tế như Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế và chính phủ các nước OECD thực sự quyết định xóa các khoản nợ hiện nay theo các cam kết cụ thể của các chính phủ nhằm phân bổ các quỹ cho việc xóa nghèo dựa trên những yêu cầu xã hội tại chỗ.

Chi phí ước tính sẽ giảm hơn nữa nếu các nước liên quan quyết định tiến hành cải cách mạnh mẽ trong lĩnh vực phân phối lại của cải và nguồn lực, và nếu họ quyết định dành ưu tiên cho chi phí phát triển hơn là chi tiêu cho quốc phòng.

4. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Tại khóa họp Thiên niên kỷ của Đại hội đồng Liên hiệp quốc năm 2000, nguyên thủ các quốc gia và chính phủ đã bày tỏ trách nhiệm tập thể của họ trong việc mong muốn đề cao nguyên tắc nhân phẩm, bình đẳng và công bằng trên bình diện toàn cầu. Họ đã đề ra 8 mục tiêu phát triển và xóa nghèo cần đạt được vào năm 2015. Những mục tiêu này gồm: xóa cực nghèo và đói, đạt phổ cập giáo dục tiểu học, thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao quyền năng cho phụ nữ, giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em, nâng cao sức khỏe bà mẹ, đảm bảo sự bền vững về môi trường, và phát triển quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển. Thập kỷ 1997-2006 đã được tuyên bố là thập kỷ đầu tiên của Liên hiệp quốc về xóa nghèo. Hàng năm, ngày 17/10 được lấy là Ngày quốc tế của Liên hiệp quốc về xóa nghèo.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ

Mục tiêu 1:

Xóa cực nghèo và đói

Mục tiêu 2:

Đạt phổ cập giáo dục tiểu học

Mục tiêu 3:

Thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao quyền năng cho phụ nữ

Mục tiêu 4:

Giảm tử vong ở trẻ em

Mục tiêu 5:

Nâng cao sức khỏe của bà mẹ

Mục tiêu 6:

Chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác

Mục tiêu 7:

Đảm bảo sự bền vững về môi trường

Mục tiêu 8:

Phát triển mối quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển

(Nguồn: **Các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc:**

<http://www.un.org/millennium-goals>)

Toàn cầu hóa và những tác động gây tranh cãi của nó đang tạo ra những hình thức nghèo mới. Hơn nữa, những hình thức mới này được biểu hiện ở các xã hội có trình độ phát triển xã hội, chính trị và kinh tế khác nhau, người dân có những niềm tin, tín ngưỡng và văn hóa khác nhau. Ví dụ, tác động của toàn cầu hóa với châu Phi là hoàn toàn khác với tác động của nó với Ấn Độ, chủ yếu là do điều kiện xã hội, chính trị và kinh tế khác nhau ở châu Phi khi so sánh với Ấn Độ. Những khác biệt rõ nét giữa các nền văn hóa và các khu vực địa lý cũng có tác động đến nhận thức của người dân về những nguy cơ nảy sinh do sự bần cùng và bị gạt ra ngoài lề xã hội.

Chính vì vậy, vấn đề quan trọng là cần phát triển hơn nữa khung giám sát những hình thức nghèo khác nhau ở cấp toàn cầu và địa phương, đồng thời trao quyền cho người dân để họ tăng cường sự phản kháng và đấu tranh chống lại những lực lượng bóc lột.

Hiến chương của Liên hiệp quốc và Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người đã tạo ra một khuôn khổ đạo đức để xây dựng một hệ thống mới về

quyền và nghĩa vụ, nhấn mạnh cao nhất đến việc đảm bảo nhân phẩm, hòa bình và an ninh con người cho tất cả mọi người trong giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Chính phương pháp tiếp cận thực tiễn đối với quyền con người đã tạo điều kiện đáp ứng tính chất đa diện của nghèo. Phương pháp tiếp cận này vượt lên cả tính từ thiện, ghi nhận rằng thoát nghèo chỉ có thể thực hiện được khi người nghèo được trao quyền thông qua giáo dục quyền con người. Nó khẳng định rằng người nghèo có những quyền được pháp luật ghi nhận, và rằng các chủ thể nhà nước và phi nhà nước có nghĩa vụ pháp lý phải thực hiện. Trong khi từng quốc gia có trách nhiệm chính là phải hiện thực hóa các quyền con người của công dân của họ, thì các quốc gia khác và các chủ thể phi nhà nước cũng có nghĩa vụ phải góp phần và hỗ trợ quá trình này. Điều này có tầm quan trọng đặc biệt trong việc thiết lập những hệ thống thương mại đa phương đồng đều, công bằng và phi chủ nghĩa bảo hộ, một dòng trợ giúp tài chính đầy đủ, và trong việc đảm bảo rằng người nghèo được tham gia vào quá trình phát triển trong thế giới đang toàn cầu hóa này.

Những giá trị này được thể hiện trong các tuyên bố chính trị, như Tuyên bố Rio, Chương trình nghị sự 21, Tuyên bố Copenhagen, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh và Chương trình nghị sự Habitat. Đây là các tuyên bố do các quốc gia thiết kế nên giống như là kiến trúc phát triển quốc tế để xóa nghèo và coi đó là một yêu cầu không thể thiếu để phát triển bền vững.

Các cơ quan Điều ước giám sát nghèo

Các cơ quan giám sát thẩm định báo cáo quốc gia theo thời điểm định kỳ, có thể tiếp nhận các khiếu nại, và đưa ra nhận xét và khuyến nghị với các quốc gia, các định chế kinh tế, các cơ quan của Liên hiệp quốc và các chủ thể khác nhằm thực hiện các bước đi cải thiện thành tích quyền con người, kể cả việc xóa nghèo.

Nhận xét Kết luận của Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đối với nhiều báo cáo của các quốc gia thành viên cho thấy việc thiếu tính rõ ràng về vị trí của Công ước trong luật quốc gia, thiếu thực thi pháp luật dựa trên các cam kết quốc tế về quyền con người, và thiếu thông tin về văn kiện quốc tế là những yếu tố cản trở. Các báo cáo cho rằng gánh nặng về nợ nần, thiếu số liệu tổng hợp, tham nhũng tràn lan trong các cơ quan nhà nước, các chế độ quân sự hạn chế vai trò của Tòa án, và những ảnh hưởng tôn giáo bảo thủ cố hữu áp đặt sự phân biệt đối xử đều hiện diện trong quá trình thực thi các chiến lược giảm nghèo.

Mặc dù số quốc gia phê chuẩn các công ước đã tăng mạnh kể từ năm 1990, nhưng vẫn còn khoảng cách lớn giữa cam kết, ý đồ chính sách và việc thực hiện trong thực tiễn. Thiếu thiện chí chính trị của các chính phủ, xung đột trong các cam kết dựa trên những cương lĩnh quốc tế, như WTO (ví dụ: TRIPS có thể dẫn đến tăng giá thuốc để làm thỏa mãn lòng tham của các công ty, và do vậy từ chối quyền con người cơ bản của các cá nhân được có một cuộc sống khỏe mạnh và có nhân phẩm) và phân bổ nguồn lực không đồng đều để thực hiện rất nhiều cam kết đều là những mối đe dọa chủ yếu.

Báo cáo viên đặc biệt và các chuyên gia độc lập



Ủy ban Liên hiệp quốc về quyền con người đã chỉ định hai chuyên gia độc lập - một có nhiệm vụ báo cáo lên nhóm công tác đặc biệt về tình hình thực hiện quyền phát triển (Nghị quyết 1998/72), còn người kia có trách nhiệm điều tra và đưa ra khuyến nghị về tác động của cực nghèo đối với quyền con người (Nghị quyết 1998/25). Chuyên gia độc lập về quyền con người và cực nghèo đánh giá các biện pháp được thực hiện ở cấp quốc gia và quốc tế nhằm thúc đẩy việc thụ hưởng đầy đủ các quyền con

người của những người sống trong hoàn cảnh cực nghèo, thăm định những trở ngại và tiến bộ đạt được bởi những người sống trong hoàn cảnh cực nghèo, đồng thời đưa ra những khuyến nghị và đề xuất trong lĩnh vực trợ giúp kỹ thuật, những lĩnh vực khác để giảm và tiến tới xóa nghèo hoàn toàn.

Trong báo cáo gửi lên Ủy ban Liên hiệp quốc về quyền con người (E/CN.4/2001/54, ngày 16/02/2001), Chuyên gia độc lập đã trình bày những phát hiện cơ bản về cách thức chuyển đổi tình trạng của người nghèo. Để thực hiện những yêu cầu này, giáo dục quyền con người là cần thiết nhằm trao quyền cho người nghèo và giúp họ thay đổi vận mệnh của mình. Quá trình giáo dục quyền con người đầy mạnh và tăng cường phân tích cơ bản trong mọi hoàn cảnh và thực tiễn mà người nghèo phải đối mặt. Nó cung cấp kiến thức, kỹ năng và năng lực phù hợp để đương đầu với những lực lượng gây nên sự nghèo khổ của họ. Giáo dục quyền con người tạo điều kiện để xây dựng các tổ chức và thiết lập mạng lưới tự hỗ trợ lẫn nhau, nhờ đó có thể đòi quyền và từng bước hiện thực hoá tất cả các quyền con người và xóa bỏ nghèo hoàn toàn. Trong báo cáo năm 2004, Chuyên gia độc lập về quyền con người và cực nghèo, bà A-Z. Lizin, người Bỉ, đã chỉ ra rằng "tổng ngân sách quân sự toàn thế giới chỉ riêng trong năm 2003 sẽ đủ chi phí xây dựng tất cả các trường học mà châu Phi cần cho trẻ em từ 0 đến 18 tuổi và trả lương cho giáo viên trong 15 năm".

ĐIỀU NÊN BIẾT

Hiện đang xuất hiện sự đồng thuận dựa trên kinh nghiệm về phong trào nhân dân và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các cơ quan viện trợ. Theo đó, để phát triển đến với người nghèo, cần có một số bước đi căn bản liên quan

Mục tiêu phát triển và xóa nghèo: Đến năm 2015, phải giảm tỷ lệ dân số thế giới có thu nhập chưa đến 1 đô-la một ngày và giảm tỷ lệ người bị đói.

Các chiến lược nâng nghèo nhờ tăng thu nhập

- Đảm bảo sự hỗ trợ cho các sáng kiến kinh tế và xã hội của quốc gia tập trung vào giảm nghèo;
- Tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản;
- Trợ giúp nâng cao năng lực về đánh giá nghèo, giám sát và xây dựng kế hoạch.

Đói

- Đánh giá những hành động đã được thực hiện kể từ Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về lương thực năm 1996 và đề xuất những kế hoạch mới ở cấp quốc gia và quốc tế nhằm đạt được các mục tiêu về xoá đói;
- Đảm bảo rằng các chính sách lương thực, thương mại nông sản và thương mại nói chung nhằm thúc đẩy an ninh lương thực cho tất cả mọi người thông qua một hệ thống thương mại toàn cầu công bằng và bình đẳng;
- Tiếp tục dành ưu tiên cho nông dân, và hỗ trợ các nỗ lực của họ nhằm nâng cao nhận thức về môi trường và thúc đẩy sử dụng các công nghệ đơn giản, chi phí thấp.

(Nguồn: **Đại hội đồng Liên hiệp quốc. 2001.** Lộ trình tiến tới thực hiện Tuyên bố thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.un.org/documents/ga/docs/56/a56326.pdf>).

đến cải cách đất đai, sở hữu và kiểm soát sinh kế và các nguồn lực của chính người nghèo, phổ cập giáo dục, y tế, nhà ở và dinh dưỡng. Cần cung cấp những giống bò lai tạo, thay vì đất đai, cho người không có đất, cấp cho các khoản vay đặc

biệt để mua đất làm nông nghiệp mà không cần phải giải quyết những nhu cầu cơ sở hạ tầng khác trong hoàn cảnh việc canh tác phụ thuộc vào thủy lợi, cung cấp trường học linh hoạt cho lao động trẻ em hơn là đảm bảo chúng đi học đầy đủ ở trường học; đó là những phương pháp tiếp cận vẫn chưa vận hành! Chúng chỉ tập trung vào nghèo. Vấn đề chủ yếu là ý chí chính trị và chính sách phân phối lại.

Xóa nghèo có hiệu quả sẽ thành công khi nó diễn ra ở cấp địa phương, được phân cấp quản lý. Chỉ khi người nghèo tham gia với tư cách là chủ thể, chứ không phải với tư cách là các khách thể của quá trình phát triển, thì lúc đó họ mới có thể thúc đẩy phát triển con người bình đẳng.

Những bài học chung và cụ thể từ kinh nghiệm địa phương, quốc gia và quốc tế trong lĩnh vực giảm nghèo:

- Nghèo là một vấn đề xã hội, văn hóa và chính trị, tương tự như vấn đề kinh tế.
- Nâng cao quyền năng chính trị và kinh tế cho người nghèo chính là phương thức xóa nghèo.
- Quyền được thông tin và giáo dục quyền con người, tạo điều kiện cho những đối tượng bị gạt khỏi xã hội nhận thức được về các quyền con người của họ và điều này có thể khiến họ hành động.
- Xây dựng các tổ chức của nhân dân sẽ tăng cường sức mạnh tập thể của họ; từ đó, họ có thể đòi các quyền con người của mình. Thông qua việc nâng cao quyền năng, người nghèo có thể khẳng định quyền của mình với các nguồn lực và tăng cường nhân phẩm và tính tự tôn trọng.
- Đảm bảo công việc có tiền công có thể sống được và tiếp cận các nguồn lực sinh kế vẫn là một chìa khóa để giảm nghèo.
- Giảm nghèo phải đi kèm với giảm bất bình đẳng. Phải đặt ưu tiên vào xóa bỏ mọi hình

thức phân biệt đối xử với phụ nữ, cũng như phân biệt đối xử dựa trên đẳng cấp, chủng tộc và dân tộc.

- Tăng cường chi tiêu cho giáo dục, y tế, nhà ở, nước, vệ sinh và cung cấp lương thực với chi phí đủ để có thể đáp ứng được việc giảm nghèo.
- Nhà nước và các cơ quan nhà nước có vai trò quan trọng trong giảm nghèo, đặc biệt trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.
- Nâng cao trách nhiệm của các định chế phát triển, tài chính quốc tế và trong nước sẽ đưa đến đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế công bằng và bình đẳng.
- Nhiều nước trên thế giới vẫn chưa sẵn sàng xóa nghèo ngay. Những nỗ lực của họ cần phải được hỗ trợ và bổ trợ bằng sự trợ giúp và hợp tác quốc tế.
- Xóa nợ có mối quan hệ trực tiếp tới giảm nghèo. Nếu việc xóa nợ gắn chặt với đầu tư vào ngành giáo dục, y tế và các ngành khác, thì chúng sẽ góp phần vào giảm nghèo.
- Chiến tranh và xung đột cũng làm gia tăng nghèo. Những nỗ lực xóa nghèo mà không đảm bảo điều kiện hòa bình và an ninh thực tế thì đều thất bại.

1. KINH NGHIỆM TỐT

Người nghèo được tiếp cận ngân hàng

Ngân hàng Grameen, Bangladesh, khởi đầu với chức năng là một tổ chức tín dụng quy mô nhỏ trong phạm vi làng xã ở Jobra năm 1976. Đến năm 2002, nó đã đạt tới 2,4 triệu người vay, 95% trong số này là phụ nữ. Với 1.175 chi nhánh, ngân hàng cung cấp dịch vụ ở 41.000 ngôi làng, chiếm hơn 60% số làng ở Bangladesh.

Ngân hàng Grameen tập trung huy động người nghèo và để họ phát triển cơ bản thông qua tích lũy vốn tại chỗ và tạo tài sản. Mục đích của nó là mở rộng các dịch vụ ngân hàng sang cho người nghèo ở nông thôn Bangladesh, xóa tình trạng

bóc lột bởi những người cho vay tiền, tạo cơ hội lao động tự chủ cho nguồn nhân lực chưa được sử dụng và sử dụng chưa hiệu quả, tổ chức người gặp khó khăn theo cách thức họ hiểu và đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, tự cường thông qua hỗ trợ lẫn nhau.

Với việc tập trung vào những người có nhu cầu tín dụng lớn nhất, ngân hàng đã khẳng định thực tế là người nghèo đáng tin nhất. Ngân hàng giải quyết gánh nặng kép là giới và nghèo mà phụ nữ nghèo phải đối diện. Ngân hàng Grameen có khả năng khởi xướng những thay đổi quan trọng trong hình thức sở hữu phương tiện sản xuất và môi trường sản xuất ở khu vực nông thôn. Những thay đổi này có ý nghĩa, không chỉ đơn thuần vì chúng có thể đưa người nghèo vượt lên chuẩn nghèo, mà còn vì, với sự hỗ trợ hợp lý, chúng giải phóng sức sáng tạo lớn ở các ngôi làng. Hoạt động của Ngân hàng Grameen cũng được mong muốn thực hiện ở các nước láng giềng khác. (Nguồn: Ngân hàng Grameen: <http://www.grameen-info.org/bank>).

Sáng kiến 20-20 của Mali

Tiếp sau Hội nghị thượng đỉnh xã hội thế giới ở Copenhagen năm 1995, Mali đã thông qua sáng kiến 20-20, nghĩa là bình quân 20% chi tiêu ngân sách và 20% viện trợ quốc tế sẽ được sử dụng để tài trợ các dịch vụ xã hội cơ bản nhất ở nước này. Bên cạnh đó, từ năm 1995, tháng 10 được coi là "Tháng đoàn kết và đấu tranh chống loại trừ xã hội".

Báo cáo Chiến lược Giảm nghèo (PRSPs)

Năm 1999, mọi ý kiến nhất trí cho rằng các chiến lược giảm nghèo cùng tham gia ở cấp quốc gia sẽ là cơ sở cho tất cả các khoản vay thỏa nhượng của Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, và cho việc xóa nợ theo sáng kiến tăng cường các nước nghèo nợ nặng (HIPC). Cách tiếp cận này được phản ánh trong quá trình các cơ quan có trách nhiệm của quốc gia xây dựng các PRSP. Đến tháng 3/2006, 25 quốc gia đã đạt được điểm quyết định theo HIPC ban đầu và 4

nước đạt điểm hoàn thành theo cơ chế tăng cường năm 1999 và hiện giờ tiếp nhận khoản cứu trợ lên tới 40 tỷ đô la trong thời gian tới.

Tất cả các PRSP được xây dựng trên cơ sở xem xét 5 nguyên tắc cốt lõi, nhấn mạnh đến phát triển và thực hiện các chiến lược giảm nghèo:

- Do quốc gia chủ động - với sự tham gia trên diện rộng của xã hội dân sự và khu vực tư nhân trong tất cả các bước hoạt động;
- Định hướng vào kết quả - tập trung vào các kết quả mang lại lợi ích cho người nghèo;
- Toàn diện trong việc ghi nhận bản chất đa cấp độ của nghèo;
- Định hướng quan hệ đối tác - với sự tham gia có điều phối của các đối tác phát triển (song phương, đa phương, và phi chính phủ);
- Dựa trên tầm nhìn dài hạn về giảm nghèo.

(Nguồn: **Sao Tomé và Príncipe:** <http://www.worldbank.org/poverty/strategies/overview.ht>).

PRSP vẫn bị các nhóm xã hội dân sự chỉ trích vì một số những thiếu sót quan trọng, chẳng hạn như cơ cấu tài trợ phụ thuộc nặng nề, bị viện trợ nước ngoài chi phối và phụ thuộc vào mong muốn thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài. Sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là của các nhóm ngoài lề xã hội, vẫn còn là vấn đề đặt ra vì còn thiếu các cơ chế mang tính thể chế cho sự tham gia của họ cũng như những trở ngại như thông tin và tài liệu không sẵn có bằng ngôn ngữ bản địa để họ có thể hiểu. Những hạn chế này cũng như các hạn chế khác cần phải được giải quyết kịp thời hơn nữa. Để giải quyết sự chỉ trích trên, Cao ủy Liên hiệp quốc về quyền con người đã giao cho ba chuyên gia (Paul Hunt, Manfred Nowak và Siddiq Osmani) thẩm định việc lồng ghép quyền con người vào các chiến lược giảm nghèo. Nghiên cứu của họ đã được phát triển sâu hơn và hiện được đăng tải tại http://www.ohchr.org/english/about/publications/docs/Broch_Ang.pdf.

Nước của chúng ta không để bán

Hội đồng người dân Canada là tổ chức giám sát của các công dân ưu tú Canada, gồm hơn 100.000 thành viên và hơn 70 chi nhánh trên khắp cả nước. Hoàn toàn không theo đảng phái nào, Hội đồng tiến hành vận động hành lang đối với các nghị sỹ, tiến hành nghiên cứu, và tổ chức các chiến dịch vận động trên toàn quốc nhằm cảnh báo về một số vấn đề quan trọng nhất của đất nước: bảo đảm các chương trình xã hội, thúc đẩy công bằng về kinh tế, đổi mới dân chủ, khẳng định chủ quyền của Canada, thúc đẩy những giải pháp thương mại tự do cho các công ty, và bảo tồn môi trường.

Đầu năm 1999, Hội đồng đã tổ chức thành công chiến dịch bảo vệ người Canada và môi trường của họ trước hậu quả của việc xuất khẩu khối lượng lớn nước ra nước ngoài và tư nhân hóa. Chiến dịch này xuất phát từ niềm tin cho rằng nước là tài nguyên chung thuộc về tất cả mọi người và không ai có quyền chiếm dụng hoặc thu lợi từ nó. Nhận ra mối lợi cố hữu của các tập đoàn và các nhà đầu tư, coi các hồ nước ngọt, sông và tầng nước ngầm là những bể chứa giàu có để khai thác, chiến dịch này đã vận động công luận và có hành động chống lại việc biến nguồn tài nguyên vô giá này thành hàng hóa và bị tư nhân hóa.

Ghi nhận sự chống đối ngày càng tăng trước việc tư nhân hóa và ăn trộm nước của các công ty trên toàn thế giới, và để kích động sự chống đối này thành một tầm nhìn mới về tương lai của hành tinh, Hội đồng người dân Canada cùng với nhiều tổ chức trên toàn thế giới đã phát động xây dựng một Hiệp ước Toàn cầu về nước tại Diễn đàn xã hội thế giới, ở Porto Alegre, Brazil, tháng 02/2002. Đề xuất này đã được trình bày tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững ở Nam Phi, tháng 8/2002. Hoạt động của Hội đồng đã mở rộng sang cả các dịch vụ công từ thiện khác, như y tế, giáo dục cũng như các vấn đề thương mại và đầu tư. (Nguồn: **Hội đồng người dân Canada**: <http://www.canadians.org>).

Một tương lai bền vững

Ví dụ của Hà Lan về đánh giá quy mô và tác động của "dấu ấn sinh thái" của họ trong các ngành then chốt, bao gồm năng lượng và nông nghiệp, và cam kết đặt mục tiêu cụ thể và theo thời gian biểu nhằm giảm tác động tiêu cực của những dấu ấn trên là một ví dụ tích cực về việc kiểm tra thiệt hại đối với môi trường do chính phủ của một nước công nghiệp thực hiện; Chính phủ Hà Lan đã có báo cáo về sự tiến bộ của việc này lên Ủy ban Liên hiệp quốc về phát triển bền vững, cùng với các báo cáo về thực hiện Chương trình Nghị sự 21.

Thoát đói

"Thực phẩm trên hết" (Food First), là một tổ chức có trụ sở tại California, Mỹ, về cam kết xóa bỏ những bất công gây ra đói. Tổ chức này tin rằng tất cả mọi người có quyền cơ bản được tự nuôi sống bản thân và rằng họ phải được quyền kiểm soát dân chủ thực sự đối với nguồn tài nguyên cần thiết cho sự tồn tại của bản thân và gia đình họ. Tổ chức này cũng hoạt động để thức tỉnh người dân về khả năng và sức mạnh của họ nhằm đem lại sự thay đổi về xã hội thông qua tiến hành nghiên cứu, phân tích, giáo dục và tuyên truyền vận động để phá vỡ những điều hoang tưởng và tìm ra nguyên nhân gốc rễ, xác định những trở ngại cho sự thay đổi và tìm cách loại bỏ những trở ngại đó, đánh giá và công bố những biện pháp khác thành công và nhiều triển vọng (Nguồn: **Foodfirst - Viện nghiên cứu chính sách lương thực và phát triển**: <http://www.foodfirst.org>).

Công bằng về kinh tế

Liên minh thoát nợ (FDC), có trụ sở ở Philippines, hoạt động vì sự bình đẳng phát triển con người (bao gồm cả bình đẳng giới), các quyền kinh tế và công bằng, phát triển công bằng và bền vững, thúc ép các chính phủ hướng tới vai trò thích hợp của họ và đấu tranh vì quan hệ kinh tế có lợi trên phạm vi toàn cầu giữa các quốc gia.

FDC nỗ lực ủng hộ chiến dịch toàn cầu xóa nợ cho các nước nghèo nhất trên thế giới. Liên minh này còn hoạt động trên một số lĩnh vực khác như an ninh lương thực, chỉ tiêu công và tác động của các chính sách kinh tế đối với phụ nữ. Hoạt động tuyên truyền vận động của tổ chức này là lồng ghép những nhiệm vụ quan trọng vào giáo dục và thông tin cho người dân, vận động quần chúng, nghiên cứu và phân tích chính sách, xây dựng liên minh và thiết lập mạng lưới ở cấp tỉnh. (Nguồn: **Liên minh thoát nợ**: <http://www.freedomfromdebtcoalition.org>).

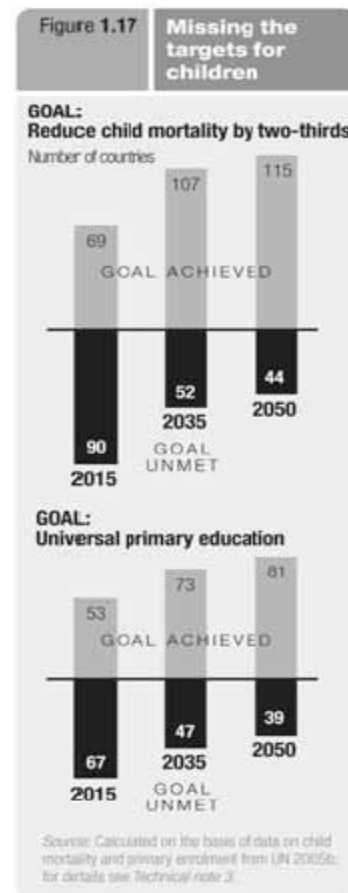
Hiệp định Cotonou

Hiệp định quan hệ đối tác giữa ALP và Cộng đồng châu Âu được ký tại Cotonou, ngày 23/6/2000, đặc biệt nhấn mạnh đến an ninh lương thực. Điều 54 đề cập riêng đến vấn đề an ninh lương thực và, vì vậy, ghi nhận vai trò quan trọng của an ninh lương thực trong việc đảm bảo an ninh con người và phúc lợi của người dân. Hiệp định này cũng thể hiện sự phát triển nhóm các ưu tiên trong chính sách trợ giúp phát triển hiện nay của Liên minh châu Âu (EU) đối với việc thúc đẩy an ninh con người.

2. CÁC XU THẾ

Tiến bộ hướng tới các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ - Liệu các quốc gia đã đi đúng hướng chưa?

Nhiều nước đã đạt được tiến bộ quan trọng, nhưng nhiều nước khác, nói chung là các nước nghèo nhất, dường như không thể đạt được các mục tiêu này. Kết quả phân tích 5 trong số 8 mục tiêu Thiên niên kỷ - tử vong ở trẻ em, tỷ lệ đi học, bình đẳng giới trong giáo dục, cũng như tiếp cận nước và vệ sinh - đã dẫn đến những phát hiện sau đây trong Báo cáo Phát triển của Liên hiệp quốc năm 2005: 50 nước, trong đó có 24 nước ở tiểu vùng Saharan của châu Phi, với dân số ít nhất 900 triệu, tụt lùi, thay vì tiến lên, ít nhất là một mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.



(Nguồn: **UNDP. 2005. Báo cáo Phát triển con người năm 2005**).

Thậm chí tình hình còn tồi tệ hơn nữa, 65 quốc gia khác sẽ không đạt được một mục tiêu phát triển thiên niên kỷ cho đến sau năm 2040. Điều này gây ảnh hưởng cơ bản, chứ không chỉ riêng 1,2 tỷ dân ở những quốc gia này.

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

Thoát nghèo - những quy định và hoạt động chính

1948. Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (Điều 22, 23, 25, 26).

1961. Hiến chương xã hội châu Âu, do Ủy ban châu Âu về các quyền xã hội giám sát.

1965. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Điều 5, do Ủy ban về xóa bỏ phân biệt chủng tộc giám sát).

1966. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Điều 6, 7, 9, 12, 13, do Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa giám sát).

1979. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Điều 10, 11, 12, 13, 14, do Ủy ban về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ giám sát).

1981. Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc (Điều 14-17, 20-22, do Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc giám sát).

1988. Nghị định thư San Salvador về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bổ sung cho

Công ước châu Mỹ về quyền con người, do Ủy ban liên Mỹ về quyền con người giám sát.

1989. Công ước về quyền trẻ em (Điều 27, do Ủy ban về quyền trẻ em giám sát).

1998. Chuyên gia độc lập về quyền con người và cực nghèo.

2000. Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

2005. “Văn kiện kết quả” của Hội nghị Thượng đỉnh thế giới nhắc lại cam kết đối với các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và xóa nghèo (UN Doc. A/RES/60/1, paras. 17, 19, 27).

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I: 1

"THẾ GIỚI TRONG MỘT NGÔI LÀNG"

Phần I: Giới thiệu

Bài tập này liên quan đến bất bình đẳng và sự tước đoạt mà người nghèo phải đối diện trong khuôn khổ các văn kiện quốc tế về quyền con người.

Loại hoạt động: Bài tập

Phần II: Thông tin chung về bài tập

Mục đích và mục tiêu: Để cho thanh niên nhận biết được những vấn đề về bất bình đẳng trong phân phối của cải và tài nguyên toàn cầu. Bài tập này giúp thế hệ trẻ bày tỏ quan điểm lập trường của họ về vấn đề nghèo và việc thực hiện các quyền con người. Cần cho họ một cơ hội để thực hiện các nhu cầu cấp thiết nhằm thay đổi bất bình đẳng và bất công đối với người nghèo, và xây dựng các ưu tiên để đảm bảo sự phát triển cho tất cả mọi người.

Nhóm đối tượng: Trẻ em và thanh niên.

Quy mô nhóm: 20-25.

Thời gian: 90 phút.

Chuẩn bị: Chuẩn bị đầy đủ bản sao bằng giấy hoạt động cho số học viên làm bài tập.

Tài liệu: Bản sao giấy bài tập (kèm theo), bút chì/bút dạ màu.

Kỹ năng cần thiết: Kỹ năng phân tích, kỹ năng thảo luận và phản ánh.

Phần III: Thông tin cụ thể về bài tập

(Nguồn: Được chuyển thể từ Adhiviyakti - Truyền thông cho phát triển: <http://www.abhiviyakti.org.in>)

Mô tả hoạt động/chỉ dẫn:

Phát giấy viết cho học viên. Sau đó, yêu cầu họ thực hiện theo chỉ dẫn trên giấy. Giảng viên cùng đọc cho họ những chỉ dẫn đó.

I. Yêu cầu học viên

Hãy tưởng tượng rằng toàn bộ dân số thế giới (6 tỷ) bị đưa vào một ngôi làng đại diện chung, trong đó chỉ có 10 người.

1. Trong hàng đầu tiên, hãy vẽ một vòng tròn quanh nhân vật đại diện cho bạn nằm trên đường kẻ của người giàu nhất thế giới (nhân vật đầu tiên) đến người nghèo nhất thế giới (người thứ 10).

2. 50% dân số thế giới (5 dân làng) bị suy dinh dưỡng, đói hoặc chết đói. Gạch chéo vào 5 cái bát còn lại trong hàng thứ 2.
3. 8 người trong số họ sống trong điều kiện nhà ở không đạt tiêu chuẩn (80% dân số thế giới). Họ là những người sống trong khu nhà ổ chuột, vô gia cư và không nhà ở, và người tị nạn. Gạch 8 ngôi nhà cuối cùng.
4. 7 người không biết đọc, nghĩa là 70% dân số thế giới không biết đọc. In dấu ngón tay cái vào 7 cuốn sách cuối cùng trong hàng thứ 4.
5. Một người có 60% trong tổng số của cái của thế giới - 9 người kia chia 40% còn lại. Gạch chéo 6 cột tiền đầu tiên trong hàng thứ 5 và đánh dấu người đầu tiên trong hàng đầu tiên với một số 6 to.
6. Chỉ 1% số dân trên thế giới có máy tính (1/10 trong số máy tính đầu tiên trên thang tính). Trong hàng thứ 6, vẽ cái mũi của người đàn ông đầu tiên tại chiếc máy tính màu đỏ.
7. 1% dân số thế giới được tiếp cận giáo dục bậc cao. Vẽ một vòng tròn bao bọc lấy chiếc mũ vương miện của người tốt nghiệp ở hàng thứ 7 để đại diện cho 1/10 trong hình vẽ này.
8. Nhìn lại vào tờ giấy này và xem liệu bạn có muốn sửa lại tỷ lệ đánh giá của bạn không. Vẽ hai vòng tròn bao quanh lấy tỷ lệ đánh giá mới của bạn

II. Tiếp theo, yêu cầu học viên lắng nghe những câu bình luận sau đây:

- Nếu bạn có thức ăn cho bữa ăn tối ở nhà, quần áo, một mái nhà trên đầu và một nơi để ngủ, bạn nằm trong số 3 người giàu có nhất.
- Và, nếu bạn (hoặc cha mẹ bạn, trong trường hợp bạn là trẻ em) có tiền trong ngân hàng, một ít trong ví và một vài đồng tiền lẻ để trong đĩa ở nhà, như vậy bạn xứng đáng đại diện cho người giàu có nhất trên mức thang đánh giá của chúng tôi.

III. Đưa ra những số liệu thống kê gần đây nhất về giáo dục, y tế, nước, vệ sinh và chi phí quân

sự, v.v... từ Báo cáo phát triển con người gần đây nhất của UNDP và/hoặc Báo cáo phát triển thế giới của Ngân hàng thế giới, đối với một nước hoặc một nhóm nước, tùy thuộc vào sự hiểu biết của học viên.

Phản hồi:

Khuyến khích thảo luận nhóm về cảm nghĩ của họ đối với nhiều số liệu thống kê khác nhau được cung cấp cho họ. Bài tập này có thể tìm ra:

- Những mâu thuẫn mà dữ liệu đề cập;
- Liệu thực tiễn của họ giống hoặc không giống với số liệu thống kê;
- Mối liên hệ giữa dữ liệu này với việc thực hiện hay vi phạm nhiều quyền con người khác nhau liên quan đến nghèo;
- Các mục tiêu và ưu tiên mà họ muốn đặt ra để phát triển và tại sao.

Một số gợi ý thực hành: Trong khi học viên đang làm bài tập độc lập, khuyến khích họ chia sẻ quan điểm với những người khác. Vai trò của người hướng dẫn là cung cấp dữ liệu và khuyến khích thảo luận.

Phần IV: Hoạt động tiếp theo

Các học viên có thể được khuyến khích lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục về quyền con người dựa vào hoạt động kể trên để giúp những người đồng đẳng với họ có kiến thức về vấn đề này.



HOẠT ĐỘNG MAXI II:

CHIẾN DỊCH HÀNH ĐỘNG



Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này đưa ra một chiến dịch hành động về một vấn đề ở địa phương liên quan đến nghèo. Tính chất phổ biến của nghèo có thể dường như quá lớn và mọi người cảm thấy họ không có vai trò gì trong việc xóa bỏ nó.

Phần II: Thông tin chung về mục tiêu và mục đích hoạt động

- Nhận thức và nhận biết về nghèo ở môi trường gần gũi với người học.
- Phát triển mối liên hệ giữa các biểu hiện xung quanh với các nguyên nhân của nghèo nói chung.
- Xác định hành động - học viên có thể làm gì trong một tình huống nghèo cụ thể.

Nhóm đối tượng: Người đã trưởng thành

Quy mô nhóm: 20 người hoặc ít hơn trong các nhóm lao động, gồm 4-5 thành viên

Thời gian: 150 phút

Chuẩn bị: Giấy bản to, bút dạ màu, sơn, bút chì màu, bút máy, giấy pa-nô, và tranh có hình ảnh người nghèo đang sống. Tải từ trên Internet về những trường hợp nghiên cứu điển hình qua một số địa chỉ được gợi ý trong phần về Kinh nghiệm tốt của cuốn sách này, trong đó nêu lên những vi phạm khác nhau. Ví dụ, các chính phủ trao quyền cho các tập đoàn đa quốc gia quyền sử dụng rừng, hồ để tiến hành đánh bắt cá thương mại. Từ báo cáo của Ngân hàng thế giới "Tiếng nói của người nghèo" (<http://www.worldbank.org>) hay bất kỳ nguồn thông tin nào đó, chọn một vài câu trích dẫn của người nghèo kể về hoàn cảnh của chính họ.

Kỹ năng liên quan: Kỹ năng phân tích, kỹ năng trình bày, sự cảm thông - đặt mình trong hoàn cảnh của người khác.

Phần III: Thông tin cụ thể về hoạt động. Giới thiệu về chủ đề

- Hãy bắt đầu bằng cách đọc một vài đoạn trích được lựa chọn phản ánh tiếng nói của người nghèo trong những hoàn cảnh khác nhau.
- Khuyến khích học viên kể về những cá nhân/nhóm/cộng đồng sống trong điều kiện nghèo tuyệt đối hoặc tương đối, hoặc bị loại trừ khỏi xã hội. Thông qua sự đồng thuận, để cho các nhóm xác định những trường hợp họ muốn tiếp tục xem xét trong bài tập. Chia thành các nhóm, mỗi nhóm gồm 4-5 người.
- Một người tình nguyện đọc lại tình huống nghèo cụ thể, đồng thời đóng luôn vai trò là người nghèo, còn những người khác trong nhóm tìm cách nói chuyện với người này để khám phá ra những cấp độ khác nhau (xã hội/chính trị/kinh tế/văn hóa/môi trường) về cuộc sống của cá nhân/cộng đồng đó.

Tiếp đó, các thành viên trong nhóm liệt kê những vấn đề/cấp độ của nghèo, nguyên nhân trước mắt và nguyên nhân thuộc về thể chế, xác định ai và cái gì gây ra hoàn cảnh này. Các nhóm liên hệ trường hợp này với các điều khoản thích hợp trong các điều ước về quyền con người.

Bây giờ hãy yêu cầu tất cả các nhóm xây dựng một chiến dịch giáo dục về quyền con người nhằm giải quyết những vấn đề mà nhóm này gặp phải, và đề xuất những hành động trước mắt và dài hạn có tính khả thi. Sau đó, nhóm có thể chuẩn bị tờ rơi/pa-nô/bất kỳ hình thức tài liệu nào phục vụ cho chiến dịch để thuyết phục phần còn lại của nhóm cùng tham gia chiến dịch này.

Phản hồi:

Nhóm trình bày sau đó cố gắng thuyết phục những nhóm khác cùng tham gia chiến dịch.

Các học viên khác có cơ hội làm sáng tỏ, tìm kiếm thông tin về lý do tại sao tham gia chiến dịch này lại quan trọng. Bài tập này đưa ra một tình huống trong cuộc sống để giải quyết những gì còn chưa rõ ràng, cách hiểu chưa đúng và sự thiên vị. Người điều khiển sử dụng cơ hội này để tuyên truyền về nghèo/toàn cầu hóa, tổng kết những quan điểm liên

quan đến mối quan hệ vi mô - vĩ mô của nghèo, và khuyến khích những quan điểm sáng tạo về cách thức làm thế nào để giải quyết vấn đề từ đó.

Phần IV: Hoạt động tiếp theo

Xem một đoạn phim giới thiệu chiến dịch về một vấn đề cụ thể của nghèo hoặc tổ chức chuyển đi

thực địa đến một tổ chức phi chính phủ đang hoạt động với các cộng đồng bị gạt ra ngoài xã hội. Khuyến khích các thành viên liên hệ với một tổ chức phi chính phủ/chiến dịch địa phương mà có hoạt động về những vấn đề như trong cuộc sống của họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ủy ban kinh tế và xã hội châu Á và Thái Bình Dương (chủ biên). 2003. *Phân tích phê phán các chính sách đô thị và tác động của chúng đối với xóa nghèo ở đô thị: Điểm lại các công cụ, kỹ thuật và kinh nghiệm thực tế.* New York: Liên hiệp quốc.

Tập trung vào phía Nam toàn cầu. 2001. *Hưởng lợi từ nghèo. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), khu vực tư nhân và phát triển ở châu Á.* Băng Cốc. Hiện có trên mạng tại địa chỉ <http://www.focusweb.org/publications/Books/Profiting%20from%20Poverty.pdf>

Hag, Mahbub-ul. 1995. *Quan điểm về phát triển con người.* New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Goldin, Ian và Reinert Kenneth. 2006. *Toàn cầu hóa để phát triển: thương mại, tài chính, viện trợ, di cư, và chính sách.* Washington: Ấn phẩm của Ngân hàng thế giới.

Harris, John. 1994. *Nghèo và Chính sách chống nghèo: Một quan điểm cho SCF ở khu vực Nam Á.* Báo cáo nghiên cứu tóm tắt số 2 Saro. Tổ chức cứu trợ nhi đồng.

Hertel, Thomas và Alan L. Winters. 2005. *Nghèo và WTO: những tác động của Chương trình nghị sự phát triển Doha.* Washington: Ấn phẩm Ngân hàng thế giới.

Chương trình thực tập quốc tế về quyền con người, Diễn đàn châu Á về quyền con người và phát triển. 2000. *Chu kỳ của quyền. Hoạt động về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa: Tài liệu tập huấn.*

Khan, Azizur Rahman và Carl Riskin. 2001. *Bình đẳng và nghèo ở Trung Quốc trong thời đại toàn cầu hóa.* Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Yayyar, Rohini. 1992. *Nghèo ở nông thôn Ấn Độ - Phân tích về sự khác biệt giữa các bang.* Bombay: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Thập kỷ giáo dục quyền con người của nhân dân (PD-HRE). 2002. *Hộ chiếu đi đến nhân phẩm.* New York: PDHRE.

Phong trào Giáo dục quyền con người của nhân dân (PDHRE). 2002. *Tiếng gọi vì công lý: Bộ tài liệu nguồn.* New York: PDHRE.

Pernia, Ernesto M. 1999. *Nghèo ở đô thị ở châu Á. Khảo sát những vấn đề cấp thiết.* Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Perry, Guillermo E., J. Humberto Lopez, William F. Maloney, Omar Arias và Luis Servén. 2006. *Giảm nghèo và tăng trưởng: Đạo đức và vòng luẩn quẩn.* Washington D.C: Ấn phẩm của Ngân hàng Thế giới.

Pogge, Thomas W. 2002. *Nghèo trên thế giới và quyền con người.* Oxford: Nhà xuất bản Chính sách.

Subramanian, S. 1998. *Đánh giá bất bình đẳng và nghèo.* Bombay: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Liên hiệp quốc (chủ biên). 2002. *Xây dựng năng lực để giảm nghèo: Phân tích và bài học từ những đánh giá về sự hỗ trợ của hệ thống Liên hiệp quốc đối với nỗ lực của các quốc gia.* Nhà xuất bản Liên hiệp quốc.

Đại hội đồng Liên hiệp quốc. 2001. *Lộ trình tiến tới thực hiện Tuyên bố thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc.* Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.un.org/documents/ga/docs/56/a56326.pdf>.

UNDP. 2005. *Báo cáo phát triển con người 2005.* Tài liệu có tại địa chỉ <http://hdr.undp.org/reports/>.

UNDP. 2002. *Báo cáo phát triển con người 2002.* Tài liệu có tại địa chỉ <http://hdr.undp.org/reports/>.

UNDP. 1998. *Tài liệu tập huấn về quyền con người và phát triển con người bền vững.* Tài liệu có tại địa chỉ <http://hdr.undp.org/reports>.

UND. 1997. *Báo cáo Phát triển con người 1997.* Tài liệu có tại địa chỉ <http://hdr.undp.org/reports>.

SAARC. 1992. *Báo cáo về Ủy ban độc lập của Nam Á về xóa nghèo. Đáp ứng thách thức.*

Sainath. Palagummi. 1996. *Mọi người yêu một mùa hạn hán đẹp.* London: Nhà xuất bản Penguin.

Sachs, Jefferey D. 2005. *Kết cục của nghèo. Chúng ta có thể làm thế nào để nó diễn ra trong thời đại chúng ta.* London: Nhà xuất bản sách Penguin.

Sen, Amartya. 2000. *Phát triển là tự do.* New York: Nhà xuất bản Anchor.

Watkins, Kevin. 1995. *Báo cáo nghèo của Oxfam.* London: Oxfam UK và Ireland.

Ngân hàng thế giới. 2001. *Báo cáo phát triển thế giới 2000/2001.* Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.worldbank.org>.

Yanus, Muhammad; và những người khác. 1999. *Ngân hàng cho người nghèo: Tín dụng vi mô và cuộc chiến chống nghèo trên thế giới.* New York: Nhà xuất bản các vấn đề xã hội.

THÔNG TIN BỔ SUNG

50 năm là đủ: <http://www.50years.org>

Cơ quan chống nghèo: <http://www.cpa.ie>

Cửa ngõ phát triển:

<http://www.developmentgateway.org>

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ:

<http://www.un.org/womenwatch/daw>

Cửa ngõ ELDIS đến thông tin về phát triển:

<http://www.ids.ac.uk/eldis/poverty>

Xóa nghèo trên thế giới: <http://www.dfid.gov.uk/pubs/files/whitepaper2000.pdf>

Tập trung vào phía Nam toàn cầu:

<http://www.focusweb.org>

Tổ chức Lao động quốc tế (ILO): <http://www.ilo.org>

Jubileesouth: <http://www.jubileesouth.org>

Văn phòng Cao ủy về quyền con người UNHCHR):

<http://www.unhchr.ch>

Quỹ một thế giới quốc tế: <http://www.oneworld.net>

Mạng lưới "Thế giới của chúng ta không để bán":

<http://www.ourworldisnotforsale.org>

PovertyNet: <http://www.povnet.org>

Liên minh về nghèo: <http://www.povertyalliance.org>

Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc:

<http://www.undp.org>

Ngân hàng thế giới - mạng lưới nghèo:

<http://www.worldbank.org/poverty>

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

**QUYỀN KHÔNG BỊ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ
CHỦ NGHĨA CHỦNG TỘC VÀ BÀI NGOẠI,
KHÔNG KHOAN DUNG VÀ ĐỊNH KIẾN**

“Mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu trong Bản Tuyên ngôn này mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến và các quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, giống nòi hay các tình trạng khác...”

Điều 2 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. 1948.

CÂU CHUYỆN MINH HOẠ

Năm 1960, khán đài của một sân thi đấu thể thao quan trọng ở Toowoomba, Queensland, Australia, được đặt tên là “Khán đài E.S. ‘Nigger’ Brown”, để tưởng nhớ một nhà thể thao nổi tiếng là ông E.S. Brown. Từ “nigger” (“là khái niệm chỉ người da đen” có tính xúc phạm) được ghi trên một tấm biển rộng treo ở khán đài trên. Nhà thể thao có tên Brown, mất vào năm 1972, là người có nguồn gốc Anglo-Saxon da trắng đã lấy thuật ngữ thông tục này làm bí danh thân mật của mình. Thuật ngữ thông tục này được sử dụng truyền miệng trong các thông cáo công khai về các hoạt động diễn ra tại sân thể thao này và trong các bài tường thuật các trận đấu.

Năm 1999, ông S, một công dân Australia nguồn gốc thổ dân đã đề nghị Ban quản lý sân vận động bỏ tên gọi mang tính xúc phạm này đi vì theo ông cách gọi đó không được dễ nghe và gây khó chịu. Sau khi tham khảo ý kiến của đồng đạo thành viên trong cộng đồng là những người không phản đối việc sử dụng từ thông tục này trên khán đài, những người quản lý đã trả lời người kiến nghị rằng sẽ không có sự thay đổi nào. Tại một cuộc họp công khai do một thành viên có tiếng tăm trong cộng đồng bản xứ địa phương chủ trì, có sự tham gia của các nhóm đại diện trong cộng đồng thổ dân địa phương, ông thị trưởng và ông phụ trách sân thể thao đã thông qua quyết định là “Tên gọi ‘E.S. Nigger Brown’ sẽ vẫn được giữ để đặt cho sân thể thao nhằm tưởng nhớ đến vận động viên nổi tiếng này và trên tinh thần hoà giải để sau này những thuật ngữ có tính xúc phạm hoặc gây phản cảm sẽ không bị sử dụng hoặc đưa ra trưng bày nữa”.

Người khiếu kiện đã đưa vụ việc lên Toà án liên bang, theo Đạo luật Phân biệt chủng tộc liên bang 1975. Ông yêu cầu bỏ tên gọi mang tính xúc phạm này ra khỏi khán đài và Ban quản lý sân thể thao phải có lời xin lỗi. Toà án Liên bang bác đơn của người khiếu kiện. Toà án thấy rằng người khiếu kiện không chứng minh được rằng

quyết định này là một hành động “có vẻ mang tính xúc phạm, lăng mạ, làm nhục hay đe dọa một người Úc bản địa hay những người Úc bản địa nói chung trong mọi hoàn cảnh”. Đó cũng không phải là quyết định về hành động “được thực hiện vì lý do chủng tộc”. Toà án Tối cao Australia cũng bác đơn của người khiếu kiện. Trong đơn khiếu kiện cá nhân gửi lên CERD, người khiếu kiện muốn bỏ thuật ngữ mang tính xúc phạm này ra khỏi biển hiệu cùng lời xin lỗi, cũng như những thay đổi trong luật pháp của nước Úc để đưa ra được giải pháp hữu hiệu đối với các biển hiệu có tính xúc phạm về chủng tộc. Ủy ban (CERD) cho rằng, sự tưởng nhớ một vận động viên xuất sắc có thể được thực hiện bằng nhiều cách khác thay vì giữ lại và trưng bày một biển hiệu công khai gây ra sự xúc phạm về chủng tộc. Ủy ban cũng khuyến nghị quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp cần thiết để xoá thuật ngữ mang tính xúc phạm này khỏi biển hiệu, và quốc gia phải thông báo cho Ủy ban biết khi có hành động yêu cầu này được thực hiện.

(Nguồn: **CERD/C/62/D/26/2002**. 14 tháng 4 năm 2003. Có tại địa chỉ:

<http://www.unhchr.ch/tbs/doc.nsf>).

Câu hỏi thảo luận:

1. Thông điệp của câu chuyện trên là gì?
2. Những quyền nào đã bị vi phạm?
3. Ông S đã làm gì để bảo vệ các quyền của mình?
4. Tại sao các phiên toà trong nước không xem xét đề nghị của ông S?
5. Tại sao cộng đồng dân bản địa tại địa phương không ủng hộ ông S?
6. Có sẵn khuôn mẫu hay định kiến nào đối với nhóm người cụ thể này không, nếu có, đó là gì?
7. Bạn có biết về các trường hợp tương tự ở đất nước của bạn không?
8. Nguyên nhân nào làm cho con người đi theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. “PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ” - CUỘC ĐẤU TRANH LIÊN TỤC VÀ KHÔNG CÓ HỜI KẾT VÌ SỰ BÌNH ĐẲNG”

Thử suy nghĩ để tìm ra một người trong những người bạn biết mà người đó trong suốt cuộc đời chưa bao giờ phải chịu bất kỳ sự phân biệt đối xử nào! Bạn sẽ thấy là bạn không thể tìm ra được một người như vậy.

Nguyên tắc tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng và được đối xử bình đẳng là một nguyên tắc mang tính nền tảng của khái niệm quyền con người. Nguyên tắc này xuất phát từ phẩm giá vốn có và bình đẳng của mọi cá nhân. Theo nghĩa dân sự và chính trị, điều này có nghĩa là các chính phủ phải trao các quyền và ưu đãi như nhau cho mọi công dân, vì rằng, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật cho nên đều được hưởng tự do và công lý. Tuy nhiên, quyền bình đẳng mang tính tự nhiên này chưa bao giờ được quy định đầy đủ cho tất cả mọi người, kể cả trong quá khứ và hiện tại. Phân biệt đối xử dưới hình thức này hay hình thức khác luôn là vấn đề nảy sinh ngay khi từ thừa ban đầu của nhân loại. Phân biệt đối xử xảy ra đối với người bản xứ và các tộc người thiểu số ở mọi nơi, từ những cánh rừng của Ecuador đến các hòn đảo của Nhật Bản và những khu bảo tồn ở phía Nam Dakota. Đó là sự chống lại người Do Thái, thổ dân Úc và người La Mã ở châu Âu. Phân biệt đối xử cũng xảy ra đối với những người lao động nhập cư, người tị nạn, người tìm kiếm tị nạn ở Bắc Mỹ và châu Âu và ở cả các bộ lạc ở châu Phi. Phân biệt đối xử diễn ra cả với những trẻ em bị đe dọa và lạm dụng, với những phụ nữ vốn bị coi là thấp kém, với người bị nhiễm HIV/AIDS và với những người bị mất khả năng về thể chất và tâm lý hay những người có xu

hướng giới tính khác. Thậm chí, phân biệt đối xử còn biểu hiện ngay trong ngôn ngữ của chúng ta, đôi khi thông qua ngôn ngữ chúng ta phân định một cách có chủ ý hay không có chủ ý chính chúng ta với những người khác. Phân biệt đối xử xuất hiện dưới nhiều hình thức, và có thể cho rằng, mọi người đều bị tác động của sự phân biệt ở các cấp độ khác nhau. Bởi vậy, điều quan trọng là nhận thức ra vấn đề để giải quyết một cách hiệu quả.

Chuyên đề này tập trung vào một số hình thức phân biệt đối xử nghiêm trọng nhất và gây tổn hại nhất trên cơ sở chủng tộc, sắc tộc hay nguồn gốc dân tộc, được gọi chung là chủ nghĩa chủng tộc, sự phân biệt chủng tộc và thái độ liên quan đến nạn bài ngoại và không khoan dung.

Về mặt lịch sử, những khác biệt về sinh học đã bị lạm dụng ngay từ đầu để chứng minh cho sự tồn tại cho những chủng tộc có địa vị "cao" và "thấp" và bởi vậy, phân nhóm con người theo chủng tộc. Học thuyết của Charles Darwin về sự phát triển và chọn lọc tự nhiên đã được sử dụng để chứng minh "mặt khoa học" của các khái niệm về sự ưu trội chủng tộc. Các hình thức phân biệt đối xử và chủ nghĩa chủng tộc được thể hiện trong chế độ đẳng cấp của Ấn Độ cũng như những quan niệm của người Hy Lạp và Trung Hoa về sự thống trị văn hoá. Hơn nữa, lúc đầu chủ nghĩa phân biệt chủng tộc thể hiện rõ nhất ở sự bức hại những người Do Thái trên toàn thế giới. Sự thống trị thuộc địa của Tây Ban Nha, đặc biệt là vào thế kỷ XVI và XVII, lần đầu tiên đưa ra mô hình xã hội đẳng cấp hiện đại về chủng tộc trong "Thế giới mới" (lục địa Nam Mỹ), nơi mà sự thuần khiết về dòng máu đã trở thành nguyên tắc tối cao. Nạn nhân của chế độ này là người Anh-điêng và người nô lệ bị trục xuất từ châu Phi. Các cường quốc thuộc địa đã đưa ra các cấu trúc này và biến chúng trở thành nền tảng trong các xã hội thuộc

địa của mình. Trong "Thế giới mới", thuật ngữ "người da đen" là cụm từ đồng nghĩa với một thành viên nô lệ của chủng tộc có "địa vị thấp", trái ngược với chủng tộc da trắng thống trị. Vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX tư tưởng phân biệt chủng tộc phát triển ở một phạm vi khác. Sau nội chiến ở Mỹ, các cuộc nổi loạn chủng tộc và sự khủng bố người Mỹ da đen của đảng cực đoan phân biệt chủng tộc (3K) đã diễn ra tại các bang ly khai ở Mỹ. Các nước thực dân châu Âu cũng lợi dụng tư tưởng này và phổ biến việc chấp nhận Học thuyết Darwin về xã hội vào thế kỷ XIX nhằm thiết lập và ủng hộ quyền thống trị của mình đối với lục địa châu Phi. Thế kỷ XX đã chứng kiến những hình thức của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mang tính cực đoan: sự hận thù chủng tộc của chế độ Đảng quốc xã ở châu Âu, sự phân biệt chủng tộc mang tính thể chế của chế độ Apartheid ở Nam Phi hoặc về mặt đạo đức và chủng tộc đã thúc đẩy nạn diệt chủng của Nam Tư cũ và Rwanda.

Ngày nay, do hậu quả của quá trình lịch sử này, việc cấm phân biệt đối xử, đặc biệt là cấm phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, sắc tộc hay nguồn gốc tôn giáo, đã được quy định trong nhiều điều ước quốc tế và tạo thành yếu tố quan trọng trong pháp luật của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, sự phân biệt dựa trên chủng tộc, sắc tộc, dân tộc, cũng như tôn giáo, giới tính, xu hướng giới tính... vẫn là một trong những vi phạm quyền con người phổ biến nhất trên thế giới.

 *Các quyền của phụ nữ, tự do tôn giáo.*

Phân biệt đối xử và an ninh của con người

Một trong những mục đích chính của an ninh của con người là tạo điều kiện để con người được thực hiện và mở rộng các cơ hội, sự lựa chọn và khả năng thoát khỏi sự mất an ninh. Phân biệt đối xử dù dựa trên bất cứ cơ sở nào thì đều cản trở việc thực hiện một cách bình đẳng các quyền và lựa chọn của con người và không chỉ dẫn đến sự mất an ninh về kinh tế và xã hội mà còn ảnh

hưởng đến sự tự trọng, tự quyết và nhân phẩm của những người bị phân biệt đối xử. Sự phân biệt chủng tộc, vi phạm quyền của các cá nhân thuộc về các nhóm dễ bị tổn thương, các tộc người thiểu số hay những người lao động nhập cư đều có thể là nguyên nhân của những xung đột nghiêm trọng và hiểm họa cho hoà bình và ổn định quốc tế. Việc công nhận phẩm giá vốn có và các quyền bình đẳng của tất cả các thành viên của chủng tộc, như đã được ghi nhận trong Lời nói đầu của UDHR, là nền tảng của tự do, công lý và hoà bình trên thế giới. Bởi vậy, vượt qua những bất bình đẳng trong thực tế trên cơ sở chủng tộc, giới tính, đặc điểm dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ hay các điều kiện xã hội khác phải được coi là một ưu tiên cao nhất đối với vấn đề an ninh của con người.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ



Để bắt đầu, điều quan trọng là phải xem xét và phân biệt một cách thấu đáo hai khía cạnh chính của sự phân biệt đối xử:

Thái độ hay hành động:

Có sự khác biệt quan trọng giữa một mặt là các niềm tin và quan điểm cá nhân và mặt khác là những thể hiện cụ thể và hành động được thúc đẩy bởi những thái độ và niềm tin này. Quan niệm thứ nhất liên quan đến khía cạnh riêng tư của mỗi cá nhân, trong khi quan niệm thứ hai có liên quan đến các hành động gây ảnh hưởng đến những người khác. Kết cục là, chúng ta có thể nhận diện những hiện tượng như phân biệt chủng tộc, sự bài ngoại và định kiến về tư tưởng, tình trạng các quan niệm và nhận thức cá nhân, bởi vì, về mặt lý thuyết những quan niệm này có thể nằm trong đầu óc của con người. Nếu như những thái độ này không được thể hiện ra thì chúng không làm tổn hại đến bất cứ ai và không thể bị

trừng phạt. Tuy nhiên, trong thực tế các thái độ và niềm tin về phân biệt chủng tộc và bài ngoại hầu như đều dẫn đến những hành động gây ảnh hưởng tiêu cực đến người khác chẳng hạn như xúc phạm, lạm dụng ngôn từ, làm nhục hay thậm chí gây hấn về thể chất và bạo lực. Những loại hành động này đều có thể được coi là hành động phân biệt đối xử, và trong những điều kiện nhất định có thể bị pháp luật trừng phạt.

Chủ thể của sự phân biệt đối xử - Nhà nước và cá nhân:

Vấn đề quan trọng thứ hai phải được xem xét là những người vi phạm hay chủ thể vi phạm. Theo truyền thống, cơ chế bảo vệ quốc tế về quyền con người và các cơ chế pháp lý về chống phân biệt đối xử cũng chịu chi phối của quan điểm về bảo đảm sự bảo vệ cho các cá nhân trước sự can thiệp của nhà nước. Bởi vậy, các chủ thể chính (một cách tích cực hoặc tiêu cực) thường là nhà nước, trong khi đó sự phân biệt giữa các cá nhân hầu như chưa được điều chỉnh. Nhận thức này mới chỉ được thay đổi trong thời gian gần đây. Tác động của những phát triển mới trong cuộc chiến quốc tế về chống chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt đối xử, dẫn tới sự hiểu biết đúng đắn hơn về sự phân biệt đối xử trong đó có lưu ý đến các vụ việc phân biệt đối xử do chủ thể cá nhân, phi nhà nước gây ra.

Một ví dụ rõ ràng là quan điểm chung của các chủ nhà đất cho thuê là họ không muốn cho những người nhập cư, người tị nạn hay người da đen thuê nhà. Tuy nhiên, việc đưa các quy định chống phân biệt đối xử vào khu vực tư nhân vẫn còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi, thường vẫn bị coi là vùng trống về pháp lý không có những quy định rõ ràng. Sự phát triển mới nhất đáng được đề cập đến là Chỉ thị về chống phân biệt của Cộng đồng châu Âu với các quy định về nghĩa vụ của các nước thành viên là phải chống phân biệt trong khu vực tư nhân có liên quan đến thị trường lao động và tiếp cận các dịch vụ và hàng hoá.

Liên quan đến chủ đề này hiện có nhiều thuật ngữ khác nhau như chủ nghĩa chủng tộc, bài ngoại, định kiến và không khoan dung. Thuật ngữ phân biệt đối xử bao gồm các thành tố của tất cả các thuật ngữ này, vì đó là những hiện tượng phần nào báo trước cho hành động phân biệt đối xử sẽ xảy ra sau đó.

Phân biệt đối xử

Định nghĩa: Nhìn chung phân biệt đối xử là bất kỳ sự khác biệt, sự loại trừ, hạn chế hoặc thiên vị nào nhằm phủ nhận hay từ chối các quyền bình đẳng và sự bảo vệ các quyền đó, là sự phủ nhận nguyên tắc bình đẳng và hạ thấp nhân phẩm con người. Dựa trên các nguyên nhân của sự đối xử khác biệt này, chúng ta nói về "... sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, dân tộc, sắc tộc, giới tính, tôn giáo, xu hướng giới tính, v.v...". Vấn đề quan trọng cần biết là không phải mọi sự phân biệt đều đương nhiên bị coi là phân biệt đối xử theo nghĩa là một lạm dụng về quyền con người. Khi sự phân biệt được dựa trên những tiêu chí hợp lý và khách quan thì nó có thể được coi là chính đáng.

Vấn đề là làm thế nào để xác định những "tiêu chí hợp lý" đó. Các tiêu chí đó có ý nghĩa gì và chúng có đồng nhất trong các xã hội khác nhau hay không? Những thắc mắc này có thể giải thích lý do vì sao nguyên tắc bình đẳng là một trong những nguyên tắc về quyền con người gây nhiều tranh cãi nhất bởi lẽ sự bình đẳng về pháp luật không phải luôn là sự bình đẳng trong thực tế. Giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ là một ví dụ về khoảng cách đó. Việc đối xử với mọi sinh viên một cách bình đẳng dưới góc độ pháp lý sẽ cản trở các trường học mở các lớp học bằng tiếng mẹ đẻ giành cho sinh viên của những dân tộc thiểu số, mà trong nhiều trường hợp điều đó có nghĩa là sự đối xử không bình đẳng về nền tảng ngôn ngữ. Những quy định như vậy được đưa ra là không mang tính phân biệt phân xử và cần thiết để thúc đẩy giáo dục văn hoá một cách đầy đủ đối với các sinh viên thiểu số.

Ba yếu tố của sự phân biệt đối xử: Nói chung, chúng ta có thể nhận diện 3 yếu tố mang tính phổ biến của mọi hình thức phân biệt đối xử, đó là:

- Những hành động được xác định có tính phân biệt đối xử như phân biệt, loại trừ, hạn chế và thiên vị,
- Các nguyên nhân của phân biệt đối xử, các đặc điểm cá nhân như chủng tộc, sắc tộc, dòng dõi, nguồn gốc dân tộc/chủng tộc, giới tính, tuổi tác, sự toàn vẹn về thể chất...
- Mục đích và/hoặc hậu quả của sự phân biệt đối xử có tính mục tiêu, hoặc ảnh hưởng đến việc ngăn ngừa nạn nhân thực hiện và/hoặc hưởng thụ các quyền con người và tự do cơ bản. Do đó, có sự khác biệt giữa phân biệt trực tiếp (mô tả mục đích), khi chủ thể có ý định phân biệt đối xử đối với một cá nhân/nhóm và phân biệt đối xử gián tiếp (liên quan đến hậu quả) tức là khi có một quy định trung tính hay biện pháp thực tế gây bất lợi đối với cá nhân/nhóm so với những người khác.

Ví dụ về phân biệt đối xử gián tiếp: Các cửa hiệu hay công ty không thuê những người mặc váy dài hoặc đội mũ trùm đầu - những quy định không rõ ràng về trang phục trong thực tế có thể gây nên bất lợi một cách không tương xứng đối với các thành viên của các nhóm nhất định.

Các đặc điểm quan trọng tiếp theo của phân biệt đối xử: Thông thường, nhóm có ưu thế hơn thì phân biệt đối xử với những nhóm ít quyền lực hay nhóm đông đảo hơn. Sự lấn át có thể diễn ra dưới góc độ số học (đa số chống lại thiểu số) hay quyền lực (“tầng lớp thượng lưu” chống lại “tầng lớp hạ lưu”), theo đó, cũng có khi thiểu số có thể lấn áp đa số như trường hợp chế độ Apartheid ở Nam Phi. Thông qua sự lấn át, nhóm này sẽ coi nhóm khác ít quan trọng hơn và thường phủ nhận các quyền con người cơ bản của nhóm đó. Theo tác giả Bettly A Reardon của Đại học Colombia, điều này có nghĩa là “phân biệt đối xử là sự phủ

nhận nhân phẩm con người và các quyền bình đẳng của những nhóm bị phân biệt”.

Khía cạnh đáng quan tâm khác là vấn đề phân biệt tích cực hay “hành động cương quyết”, một thuật ngữ có nguồn gốc từ Hoa Kỳ. Khía cạnh này đề cập các biện pháp đặc biệt tạm thời của chính phủ nhằm đạt được sự bình đẳng trên thực tế và vượt qua các hình thức phân biệt đối xử về thể chế. Sự phân biệt đối xử về thể chế đề cập đến các đạo luật, chính sách và tập quán đã được xây dựng nhưng lại có thể gây nên bất bình đẳng và phân biệt đối xử mang tính hệ thống trong xã hội, tổ chức hay thiết chế. Các biện pháp hành động tích cực thường gây ra nhiều tranh cãi bởi vì điều này có nghĩa là nó chống lại sự ủng hộ của một nhóm nhất định đối với nhóm khác một cách tạm thời, nhằm bồi thường cho những bất bình đẳng trong quá khứ và nhờ đó, dành cho các nhóm đối tượng mục tiêu như phụ nữ, các dân tộc thiểu số - những cơ hội bình đẳng trong hiện tại để được hưởng tất cả các quyền tự do cơ bản, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, việc làm và kinh doanh.

Cần lưu ý rằng xuất phát từ thực tế là “sự phân biệt đối xử” như vậy chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định nên cách đối xử có tính thiên vị này không bị coi là phân biệt đối xử mà được nhìn nhận là biện pháp để chống lại phân biệt đối xử.

Bạn nghĩ gì về những biện pháp này?



- Phải chăng cấm phân biệt đối xử chỉ có nghĩa là sự đối xử bình đẳng?
- Khái niệm các cơ hội bình đẳng có phải có nghĩa là đối xử bình đẳng với con người trong những hoàn cảnh bình đẳng một cách không bình đẳng nhằm bồi thường cho sự đối xử bất bình đẳng trong quá khứ?
- Loại hành động nào có thể là sự cản trở hay ủng hộ mang tính hợp lý?

Chủ nghĩa chủng tộc?

Chủ nghĩa chủng tộc gây ra những tổn hại bằng việc cô lập, xúc phạm con người và chia rẽ các cộng đồng. Cả chủ nghĩa phân biệt chủng tộc tích cực và sự chấp nhận thụ động những ưu đãi dựa trên chủng tộc đều phá vỡ sự lành mạnh về tinh thần và hoạt động tâm lý của cả các nạn nhân và những thủ phạm gây nên sự bất bình đẳng về chủng tộc. Nguyên nhân dẫn tới chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và không khoan dung và phương thức tồn tại của chúng là phức tạp và có liên quan đến tính dễ bị tổn thương, phân biệt đối xử, đến những bất lợi về kinh tế và giáo dục, sự cách ly về xã hội và chính trị, và bị nạn nhân hoá về mặt tâm lý.

“Bạn không thể đưa một người thoát khỏi những ràng buộc xiềng xích trong nhiều năm và giải phóng anh ta mà đưa anh ta đến vạch xuất phát của một cuộc đua rồi nói “anh được tự do cạnh tranh với những người khác” và vẫn tin tưởng rằng bạn đã hoàn toàn công bằng. Bởi vậy, rõ ràng là chỉ mở các cánh cửa cơ hội thì không đủ. Tất cả công dân chúng ta phải có khả năng đi qua các cánh cửa này... Chúng ta không chỉ muốn... có sự bình đẳng như là một quyền và một lý thuyết mà muốn có sự bình đẳng trong thực tế và bình đẳng về kết quả”.

Lyndon B. Johnson,
Tổng thống Mỹ. 1965.

Điều đáng lưu ý là hiện vẫn chưa có định nghĩa nào về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc được thừa nhận rộng rãi do có nhiều quan điểm khác nhau về nghĩa chính xác và do có sự xung đột về phạm vi. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có thể được nhìn nhận như một niềm tin có ý thức hoặc không có ý thức về sự ưu việt vốn có của một chủng tộc đối với chủng tộc khác hoặc như một thái độ và một hệ thống thông lệ “... nhằm thiết lập một trật tự về chủng tộc, một thứ bậc nhóm cố định được cho là để phản ánh các pháp luật

của Chúa trời”. Định nghĩa sau về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc giữa quan điểm coi phân biệt chủng tộc như là một khái niệm hiện đại xuất phát từ những lý thuyết khoa học về chủng tộc và quan điểm coi chủ nghĩa chủng tộc như là sự hiện thân của việc đề cao chủ nghĩa bộ lạc từ thời cổ đại.

Bất luận thế nào, thuật ngữ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc cũng đã gây ra nhiều tranh luận, bởi vì ngay chính thuật ngữ tự nó hàm ý sự tồn tại của những chủng tộc khác nhau mà điều này cũng là thể hiện của sự sai lầm về mặt khoa học. “Chủng tộc” ngày nay được nhìn nhận là một kết cấu xã hội và nhấn mạnh nhiều đến những khác biệt về văn hoá hơn là những đặc điểm về sinh học. Nhờ đó, một người có thể nói về sự phát triển mới của “chủ nghĩa phân biệt chủng tộc về văn hoá”. Khái niệm này có lẽ là sự mô tả tốt hơn đối với hầu hết thái độ thực tế của những kẻ “phân biệt chủng tộc” hiện nay. Thực ra, thuật ngữ “chủng tộc” tự nó đã có tính phân biệt, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc với tư cách là định nghĩa về thái độ có thể được nhìn nhận hoàn toàn tách biệt với thuật ngữ “chủng tộc”.

Tuy nhiên, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc với tư cách là một cách nghĩ thì có thể gây tổn hại, nhưng nếu cách nghĩ này không thể hiện ra ngoài thì nó không thể bị trừng phạt. Điều này có nghĩa là các tư tưởng phân biệt chủng tộc và cách nghĩ về phân biệt chủng tộc không thể bị coi là những vi phạm quyền con người, bởi vì tự do ngôn luận và tín ngưỡng tự nó là những quyền con người quan trọng không thể bị tước đoạt. Chỉ khi những suy nghĩ và định kiến này dẫn đến các chính sách, tập quán xã hội có tính chất phân biệt hoặc chia rẽ các nhóm về văn hoá thì lúc đó mới đề cập đến những hành động phân biệt có thể bị trừng phạt hoặc sự phân biệt đối xử về chủng tộc. Những hành động này có thể hoặc được tiến hành bởi một “chủng tộc chiếm ưu thế” nhằm tạo ra một trật tự có tính thứ bậc hoặc bởi những cá nhân thực hiện sự kiểm soát đối với những người khác.

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc tồn tại ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào quyền lực được sử dụng và mối quan hệ giữa nạn nhân và thủ phạm:

- Mức độ cá nhân (thái độ, giá trị, niềm tin của một người);
- Mức độ giữa các cá nhân (hành vi ứng xử với những người khác);
- Mức độ văn hóa (giá trị và các quy phạm về hành vi xã hội);
- Mức độ thể chế (luật, tập quán, truyền thống và thông lệ).



Chế độ Apartheid trước đây ở Nam Phi là ví dụ sống động về một hình thức phân biệt được thể chế hoá của chủ nghĩa chủng tộc và sự phân biệt đối xử về chủng tộc khi pháp luật của chủ nghĩa Apartheid đưa ra quy định phân biệt đối xử giữa người da đen và da trắng -  Xem Điều nên biết



Phân biệt chủng tộc: Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD) từ năm 1965 đã đưa ra một định nghĩa pháp lý toàn diện về phân biệt chủng tộc. Định nghĩa này được sử dụng như là cơ sở cho nhiều định nghĩa và các văn kiện liên quan đến sự phân biệt đối xử.

Điều 1 ghi nhận rằng: “... trong Công ước này, thuật ngữ “*phân biệt chủng tộc*” có nghĩa là bất kỳ sự khác biệt, loại trừ, hạn chế hay thiên vị nào dựa trên chủng tộc, sắc tộc, dòng dõi, hoặc nguồn gốc dân tộc hay sắc tộc với mục đích hay có hiệu lực làm vô hiệu hoặc tổn hại đến việc ghi nhận nhận, thụ hưởng hoặc thực hiện, trên cơ sở bình đẳng, các quyền con người và tự do cơ bản trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội hay các lĩnh vực khác của đời sống công cộng”.

Với việc soạn thảo Công ước này ( *Các chuẩn mực quốc tế, thực hiện và giám sát*), Đại hội đồng Liên hiệp quốc muốn đối phó với nỗi kinh hoàng của nạn thảm sát người Do Thái và sự tồn tại của các quan điểm và chính sách về phân biệt chủng tộc trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới.

Sự phân biệt chủng tộc diễn ra trên nhiều lĩnh vực và gây nên nhiều tổn hại cho nhân loại trong lịch sử, gây nên sự đau khổ cho cả những người bị phân biệt đối xử và những người dựa trên nhận thức mang tính phân biệt đã đối xử với những người khác một cách bất bình đẳng, dẫn đến sự tổn hại và những hậu quả nghiêm trọng cho cuộc sống của họ.

Bạo lực chủng tộc là một ví dụ cụ thể về tác động của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, gây nên những hành động bạo lực hay quấy rối để chống lại một cá nhân hay một nhóm nhất định vì lý do chủng tộc, sắc tộc, dòng dõi hay nguồn gốc dân tộc/sắc tộc. Sự hình thành một nhóm mang tính đe dọa là một phần quan trọng của môi trường chính trị và xã hội, nơi diễn ra bạo lực dựa trên sự thù hận.

Có rất nhiều những câu chuyện minh họa từ khắp mọi nơi trên thế giới về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và bạo lực xuất phát từ động cơ chủng tộc ví dụ như ở Mỹ, những cuộc nổi loạn ở Los Angeles xoay quanh phán quyết của nhà vua Rodney và sau đó là tranh luận về phiên xử OJ Simpson.

Trong những thập kỷ gần đây, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt chủng tộc đã mang lại sự hiểu biết rộng rãi hơn về thuật ngữ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, bao gồm cả thực tế là mọi quốc gia trên thế giới đều bị ảnh hưởng và cản trở của chủ nghĩa chủng tộc. Cộng đồng quốc tế đã cam kết xác định các nguyên nhân cơ bản của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và kêu gọi các cải cách cần thiết để ngăn ngừa sự bùng nổ các cuộc xung đột bắt nguồn từ chủ nghĩa chủng tộc hay phân biệt đối xử về chủng tộc. Đáng tiếc là, mặc dù đã có nhiều nỗ lực để

loại bỏ các chính sách và thực tiễn dựa trên hiện tượng phân biệt chủng tộc, nhưng những lý thuyết và thực tiễn này vẫn còn tồn tại hay vẫn được theo đuổi hoặc dưới những hình thức mới, chẳng hạn như cái gọi là chính sách tàn nhẫn và vô đạo đức về việc “thanh trừ sắc tộc”.

Bài ngoại

Khi bài ngoại được hiểu là sự đe dọa không lành mạnh đối với người ngoại quốc hay nước ngoài thì nó cũng thể hiện cho thái độ, định kiến và ứng xử dẫn tới sự từ chối, loại trừ và thường là phỉ báng các cá nhân, dựa trên nhận thức cho rằng họ là những người ngoại cuộc hay những người ngoại quốc trong cộng đồng, xã hội hay bản sắc của dân tộc đó. Nói cách khác, đó là cảm nghĩ dựa trên những tưởng tượng và quan niệm duy lý dẫn đến sự tưởng tượng thái quá về “tốt và xấu”.

Bài ngoại mặt khác là một thái độ và/hoặc niềm tin. Bởi vậy, chỉ những biểu hiện bài ngoại là hành vi có tính phân biệt đối xử mới phải bị pháp luật quốc gia hay quốc tế trừng phạt.

Về mặt khoa học, sự khác biệt giữa chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và bài ngoại có thể là quan trọng. Tuy nhiên, tác động của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và hành vi bài ngoại thì đều như nhau. Nạn bài ngoại tước bỏ khả năng và cơ hội theo đuổi các kế hoạch và ước vọng của con người, gây tổn hại nghiêm trọng đến lòng tự trọng và tự đánh giá của con người. Bài ngoại thậm chí đã cướp đi cuộc sống của hàng triệu con người. Có thể thấy rõ những ảnh hưởng có tính tàn phá đặc biệt của chủ nghĩa chủng tộc hay phân biệt chủng tộc ở trẻ em. Bởi lẽ chính việc chứng kiến các hình thức phân biệt chủng tộc đã gây ra cảm giác sợ hãi và rối loạn ở trẻ em. Chủ nghĩa chủng tộc gây nên những nỗi sợ hãi làm tổn thương đến sự tự tin của trẻ em vào chính bản thân và người khác. Nếu trẻ em là nạn nhân của chủ nghĩa chủng tộc, thì chính những nỗi sợ hãi này lại mở đường cho những âm thanh, từ ngữ và khuôn mẫu thâm nhập vào đầu óc của chúng và trở thành một phần trong tư duy về chính bản thân và dân tộc của mình trong tương lai.

"Nếu một buổi sáng thức dậy chúng ta nhận thấy rằng mọi người đều có chung một chủng tộc, tín ngưỡng và màu da, thì ngay buổi chiều chúng ta sẽ tìm thấy một số nguyên nhân khác của sự định kiến"

Goerge Aitken

Trong cuộc thảo luận của Liên hiệp quốc tại New York về tác động của chủ nghĩa chủng tộc đối với trẻ em, một phụ nữ từ Congo cho biết, lần đầu tiên bà trải nghiệm sự phân biệt chủng tộc là lúc chào đời, khi y tá của bệnh viện từ chối giúp đỡ mẹ của bà đang trong tình trạng khó sinh vì mẹ bà được đưa đến từ một vùng khác. Khi lớn lên bà nhanh chóng nhận ra rằng nguồn gốc bộ lạc mà bà xuất thân, ngôn ngữ bà nói và nơi bà sống - gây ảnh hưởng đến mọi khía cạnh trong đời sống và khiến bà có cảm giác là người vô dụng, không an toàn và bất lực ngay từ thời niên thiếu.

Không khoan dung và định kiến

Không khoan dung: Trong tuyên bố chính sách của mình, Trường Đại học tổng hợp bang Penn tuyên bố cho rằng: không khoan dung là “*thái độ, cảm nghĩ hay niềm tin ở đó một người thể hiện sự khinh miệt đối với những cá nhân hay nhóm khác dựa trên những đặc điểm như chủng tộc, sắc tộc, nguồn gốc dân tộc, giới, định hướng giới tính hay niềm tin chính trị hoặc tôn giáo*”.

Định kiến: Nhà tâm lý học nổi tiếng của Đại học Harvard - Gordon Allport đưa ra định nghĩa “... *định kiến là sự ác cảm dựa trên sự khái quát sai lầm và cứng nhắc; có thể được cảm nhận hoặc được biểu đạt; có thể hướng đến một nhóm hay một cá nhân của nhóm đó*”.

Cả hai thuật ngữ trên dễ dàng dẫn tới các hành động mang tính phân biệt đối xử. Nói chung, “không khoan dung” và “định kiến” thường được xem là cơ sở và khởi đầu cho những hành vi khác “đặc biệt” hơn chẳng hạn như phân biệt chủng tộc hay bài ngoại.

Khái niệm “định kiến về sắc tộc” chỉ mới được phát triển gần đây nhằm đề cập đến sự ác cảm dựa trên việc thừa nhận về tính độc tôn văn hoá của một nhóm cụ thể trong mối liên quan với nhóm khác. *Ví dụ:* trong bối cảnh châu Âu, đó là những định kiến chống Thổ Nhĩ Kỳ, chống Ba Lan, hay chống Nga. Về cơ bản do “định kiến về sắc tộc” nhằm vào các đặc trưng tôn giáo/văn hoá, (có thực hay tưởng tượng) của một nhóm cụ thể nên có thể nhận thấy một số điểm tương đồng với nhận thức gần đây về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, đó là “sự phân biệt chủng tộc về văn hoá”.

Thông thường hai hiện tượng này - “định kiến” và “không khoan dung”, đều rất khó giải quyết và chống lại. Một mặt, chúng đề cập đến nhân cách để hình thành nên một con người và bởi vậy, có liên quan sâu sắc đến sự riêng tư. Ngay cả khi các quan điểm cá nhân có thể thay đổi (thông qua giáo dục, tăng cường nhận thức, đối thoại), thì vẫn phải thận trọng khi ghi nhận giáo dục dừng lại ở đâu và sự truyền bá bắt đầu ở đâu. Mặt khác, vấn đề quan trọng là phải xác định được “đường phân định ranh giới” giữa khoan dung và không khoan dung, nghĩa là cái gì và khi nào chúng ta “cho phép” không khoan dung hay cần khoan dung đến mức độ nào? Cần lưu ý đến những khó khăn đi liền với thuật ngữ “khoan dung” vì ở một chừng mực nào đó thì bản thân khái niệm này đã thể hiện cảm nhận sai lầm về tính ưu việt khi khoan dung cho sự tồn tại của những người khác mà không thực sự hoan nghênh hay tôn trọng họ.



- Ai có thể quyết định về điều này?
- Có những quy tắc hay chuẩn mực nào đã được đưa ra để phân biệt giữa khoan dung/không khoan dung hay chưa và nếu chưa thì chúng được tạo ra hay không?
- Có những khác biệt nào về văn hoá và khu vực trong nhận thức về các quy tắc đó?

Những giới hạn và chuẩn mực được xác lập trong luật quốc tế về quyền con người có thể hình thành nên mức độ tối thiểu cho những xã hội và cá nhân có hành vi không khoan dung và vi phạm các quyền con người.

Vấn đề được thừa nhận phổ biến là những người theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc không phải ngay từ khi sinh ra như vậy mà sự phân biệt đó được hình thành phát triển dần lên, bởi vậy nguyên nhân cơ bản của chủ nghĩa chủng tộc là sự thiếu hiểu biết. Nhân dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế về xoá bỏ sự phân biệt chủng tộc (21/3/1999) Tổng thư ký Liên hiệp quốc - Kofi Annan đã nói rằng: *“thiếu hiểu biết và định kiến là sự trợ giúp cho hoạt động tuyên truyền. [...] Bởi vậy, nhiệm vụ của chúng ta là biến sự thiếu hiểu biết thành có kiến thức, sự cố chấp thành khoan dung, và sự cách ly thành rộng mở. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có thể, sẽ, và phải bị xoá bỏ”*.

Các chuẩn mực quốc tế

Những bài học từ chế độ nô lệ, chủ nghĩa thuộc địa và đặc biệt là từ Thế chiến thứ II đã khiến cho nguyên tắc không phân biệt đối xử được đưa vào hiến pháp của nhiều quốc gia và các điều ước quốc tế. Điều ước quan trọng nhất về phân biệt chủng tộc là Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD), có hiệu lực năm 1969. Công ước dựa trên nguyên tắc nhân phẩm và bình đẳng, lên án các hình thức phân biệt chủng tộc và hướng dẫn các nước thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp để loại bỏ sự phân biệt chủng tộc. Bởi vậy, Công ước này đã được 170 nước trên thế giới phê chuẩn và trở thành phương tiện quan trọng nhằm đấu tranh chống lại sự phân biệt chủng tộc. Các quốc gia, khối tư nhân, và cả các cá nhân đều phải có các mức độ nghĩa vụ khác nhau trong việc áp dụng nguyên tắc không phân biệt đối xử. Nguyên tắc cơ bản về không phân biệt đối xử bảo vệ cho các cá nhân thông qua một số “hành vi”

nhất định của quốc gia và các cơ quan có thẩm quyền. Bởi vậy, các quốc gia có nghĩa vụ phải tôn trọng, bảo vệ và thực hiện nguyên tắc không phân biệt đối xử.

Nghĩa vụ tôn trọng: Trong phạm vi này, các quốc gia không được có hành động vi phạm các quyền và tự do cơ bản được công nhận. Nói cách khác, điều này đòi hỏi nghĩa vụ của nhà nước “không được hành động” khi có những bảo lưu pháp lý tương ứng rõ ràng. Liên quan đến sự phân biệt đối xử, điều này có nghĩa là quốc gia phải tôn trọng sự bình đẳng của các cá nhân, theo đó, các chính phủ không được hỗ trợ tài chính hoặc ủng hộ cho các tổ chức hoặc cá nhân theo chủ nghĩa chủng tộc hay phân biệt đối xử.

Nghĩa vụ bảo vệ: Yếu tố này đòi hỏi các quốc gia phải bảo vệ các cá nhân không bị vi phạm các quyền. Liên quan đến sự phân biệt đối xử, nghĩa vụ bảo vệ đề cập đến chủ nghĩa chủng tộc giữa các cá nhân riêng biệt, nghĩa là nhà nước phải tích cực “chống lại” sự phân biệt chủng tộc do các cá nhân trong xã hội gây nên.

Nghĩa vụ thực hiện: Nghĩa vụ này yêu cầu nhà nước phải hiện thực hoá các quyền được bảo đảm một cách hiệu quả nhất thông qua các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp hay biện pháp thực tế. Điều 5 của ICERD yêu cầu quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp nhằm nghiêm cấm và loại bỏ nạn phân biệt chủng tộc và bảo đảm quyền không bị phân biệt chủng tộc cho mọi người.

Nghĩa vụ của khu vực tư nhân (các tổ chức phi chính phủ, phương tiện truyền thông...): Cùng với chính phủ, khu vực tư nhân cũng có quyền lực quan trọng để chống lại sự phân biệt đối xử và chủ nghĩa chủng tộc. Các chủ thể thuộc khu vực tư nhân hợp thành một phần quan trọng nhất của hệ thống xã hội dân sự. Thông thường, xã hội dân sự có thể đương đầu với thái độ phân biệt chủng tộc và phân biệt đối xử một cách hiệu quả nhất theo cách tiếp cận “từ dưới lên”.

 *Kinh nghiệm tốt.*

Các chương trình giáo dục và đào tạo: Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, bài ngoại hay những

thái độ tương tự xuất hiện thường xuyên dưới nhiều hình thức tinh vi không dễ nhận biết, khó đề cập và xác định khiến cho các cá nhân và cộng đồng cảm thấy bị trừ dập. Điều này có thể dẫn đến một nhận thức nguy hiểm cho rằng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc chỉ do người khác gây nên, do vậy, đó là trách nhiệm của ai đó. Để đấu tranh thành công với các quan điểm và niềm tin như vậy, sự phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa chủng tộc và không khoan dung cần được xem như một thách thức cần phải được giải quyết bằng cách thúc đẩy văn hoá quyền con người trong mọi tầng lớp xã hội. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, như một hiện tượng đa diện, phải được ngăn chặn bằng nhiều biện pháp ở nhiều cấp độ khác nhau. Điều này bao gồm cả việc chuyển hoá một cách hệ thống các giá trị liên văn hoá, tôn trọng và hiểu biết về sự đa dạng văn hoá, chủng tộc và sắc tộc trong giáo dục thanh niên, bởi vì chỉ thông qua giáo dục cho trẻ em và vị thành niên thì các nguyên tắc về quyền con người mới được chuyển tải một cách hữu hiệu và ăn sâu vào trong xã hội.



Nhiều quốc gia đã có các chương trình đào tạo cho giáo viên nhằm giúp họ giải quyết những rắc rối liên quan đến vấn đề chủng tộc trong trường học. Một khảo sát do Ủy ban châu Âu về chống phân biệt chủng tộc và không khoan dung (ECRI) tiến hành đã chỉ ra rằng, cần giám sát tình trạng loại trừ sinh viên khỏi lớp học vì lý do thiểu số và khi sự loại trừ này xuất hiện thì các cơ quan có thẩm quyền giáo dục tại địa phương phải quan tâm giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị cho Hội nghị thế giới về chống phân biệt chủng tộc, có rất nhiều ví dụ và ý kiến thú vị đã được đưa ra. Chẳng hạn như nỗ lực của một số quốc gia châu Phi nhằm chống lại định kiến chủng tộc trong sách giáo khoa và chương trình giảng dạy hay như sáng kiến của châu Âu về xây dựng Bộ luật ứng xử nhằm lồng ghép các nguyên tắc rõ ràng về không phân biệt đối xử vào các môn học trong mạng lưới nhà trường. Ở nhiều nước, chương trình giao lưu của

nhà trường đã khuyến khích sinh viên từ các nước khác nhau cùng chia sẻ văn hoá và học tập ngôn ngữ của nhau. Nhiều chính phủ và các tổ chức phi chính phủ đưa các chương trình giảng dạy về sự đa dạng và nhạy cảm văn hoá vào tài liệu về giáo dục quyền con người nhằm tăng thêm hiểu biết về đóng góp của các nền văn hoá và quốc gia.

Nói chung, điều quan trọng là phải ghi nhận và ủng hộ việc sử dụng số lượng lớn các chương trình giáo dục hiện hành và các nguồn tài liệu để chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở tất cả các cấp học chính thức nhằm thúc đẩy sự hiểu biết về quyền con người, đặc biệt là các cách tiếp cận lịch sử và liên văn hoá.

Vai trò quan trọng của các phương tiện thông tin:

Tiếc rằng, nhiều đài phát thanh và truyền hình trên thế giới lại truyền bá về sự phân biệt và hận thù chủng tộc. Có thể thấy sức mạnh của phương tiện thông tin như trong trường hợp của “Đài phát thanh Mille Collines” ở Rwanda đã xúi giục người Hutu tàn sát người Tutsi trong cuộc nội chiến năm 1994, hay vai trò quan trọng của internet, một phương tiện tạo thuận lợi cho việc truyền bá thông tin và quan điểm.

 *Các xu hướng; Tự do biểu đạt.*

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HOÁ VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRANH LUẬN



Chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt chủng tộc là một vấn đề toàn cầu được thể hiện ở nhiều cách thức khác nhau. Cho dù thuật ngữ “chủ nghĩa phân biệt chủng tộc” thế giới có liên quan một cách tự nhiên với sự phân biệt đối xử giữa người da trắng với những người không phải da trắng, nhưng không có xã hội nào có thể tuyên bố rằng mình đã thoát khỏi mọi hình thức phân biệt chủng tộc. Chủ nghĩa bài Xê-mít, phân biệt chủng tộc hay nhận thức sai lầm về tính ưu việt được thể hiện nhiều hơn ở phương Tây, nhưng điều đó không có nghĩa là không tồn tại chủ

nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ La tinh.

Chẳng hạn, người Hàn Quốc ở Nhật Bản không được quyền nắm giữ các chức vụ trong chính quyền, chỉ bởi xuất thân của họ là người Hàn Quốc. Cho đến gần đây, nhóm dân tộc thiểu số người Hoa sống ở Indonesia vẫn không thể kỷ niệm ngày Tết truyền thống của Trung Quốc một cách công khai; hệ thống đẳng cấp ở Ấn Độ, vốn được coi là “duy nhất trong tiến trình lịch sử của đất nước này”, phân biệt đối xử nghiêm trọng với các thành viên của “những đẳng cấp thấp hơn”. Đa số người Hán ở Trung Quốc coi những tộc người thiểu số như Tây Tạng hay tộc người Mông Cổ như là “những người man rợ, bản thủ, nguyên thủy và lạc hậu”. Các nước châu Phi cũng không làm được điều gì tốt hơn; hàng ngàn người châu Á bị đuổi khỏi phía Đông và Trung tâm châu Phi bằng các chính sách phân biệt chủng tộc tàn nhẫn. Ví dụ: “Bộ luật đăng ký kinh doanh của Kenya, Kwanda, Zambia” đưa ra quy định về một số lĩnh vực kinh doanh nhất định dành riêng cho công dân nước mình và cho phép người châu Á chỉ được kinh doanh nếu họ được cấp giấy phép mà loại giấy phép này hàng năm phải được cấp mới. Cuối cùng, không được coi nhẹ sự phân biệt trong các bộ lạc khác nhau.

Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc cho rằng “những người nghèo khổ bị đối xử phân biệt chỉ bởi vì màu da của họ là một thái độ phân biệt không thể chấp nhận được. Đó là sự vi phạm tinh thần của Hiến chương châu Phi và quy định tại Điều 2”.

(Nguồn: **Vụ án Malawi và những người khác kiện Mauretania**, Báo cáo hoạt động lần thứ 13 1999-2000, Phụ lục V, trang 131).

Ở châu Âu, sự phân biệt đối xử với người La Mã – là nhóm có khoảng 8 triệu người sống khắp lục địa châu Âu – dù không được chú ý và không lộ liễu nhưng vẫn được coi là một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất của quyền con người. Từng là dân du cư trong lịch sử, người La Mã thường bị cường bức đồng hoá, ở một số nước, ngôn ngữ của

họ bị cấm và trẻ em thì bị tách khỏi cha mẹ. Ngày nay, cộng đồng người La Mã vẫn phải chịu sự phân biệt trên nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống như việc làm, nhà ở, giáo dục, tiếp cận công lý hay tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Một vấn đề quan trọng và đáng lưu ý khác đã được đưa ra trong Hội nghị thế giới lần thứ ba về chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Dubai năm 2001, là sự nhận thức khác nhau về thuật ngữ “chủng tộc” giữa một bên là của châu Phi và bên kia là của châu Âu/Bắc Mỹ. Mong muốn của các quốc gia châu Âu là đưa thuật ngữ “chủng tộc” ra khỏi Nghị định thư vì thuật ngữ này không phù hợp về mặt khoa học, đã bị chỉ trích kịch liệt bởi các đại biểu từ châu Phi và vùng Caribe, những người cho rằng chỉ khi các nước phương Tây không thấy được lợi thế trong ‘những nhóm ưu thế’, thì bằng chứng này về sự đàn áp thuộc địa mới cần phải bị loại bỏ.



Một vấn đề gây xúc động tại Hội nghị thế giới là sự bất đồng giữa các nhóm khác nhau liên quan đến định nghĩa “chủ nghĩa bài Xê-mít”, liệu đây có phải là một hình thức phân biệt chủng tộc hay phụ thuộc vào định nghĩa của cộng đồng Do Thái với tư cách là một nhóm tôn giáo hay dân tộc hay không. Vấn đề mâu thuẫn này (trong số những vấn đề khác) vẫn chưa được giải quyết và còn gây tranh luận trên nhiều diễn đàn quốc tế.

Chủ nghĩa bài Xê-mít đã được tuyên truyền từ thời kỳ lịch sử châu Âu hiện đại cho đến nay. Sự hận thù này và một số hình thức chống đối mang tính bạo lực khác đối với người Do Thái với tư cách là một nhóm khác biệt về sắc tộc và tôn giáo vẫn còn tồn tại đến ngày nay, đôi lúc chỉ được che đậy tốt hơn và được thể hiện theo cách thức khác mà thôi.

Đến đầu thế kỷ 20, với sự gia tăng của chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa bài Xê-mít trở thành một phần tư tưởng của chủ nghĩa phát xít. Cuộc tàn sát người Do Thái do chế độ Đức quốc xã gây ra đã

làm cho khoảng 6 triệu người Do Thái bị tàn sát một cách có tổ chức chỉ vì họ là người Do Thái. Tiếc rằng, ngày nay những cuộc tấn công vào các cộng đồng Do Thái và nhà thờ của họ không còn là hiếm hoi. Một số nhóm quốc xã mới công khai thể hiện quan điểm bài Xê-mít. Hơn nữa, sự gia tăng các trang web, giao lưu văn hoá và sự tuyên truyền cho quốc xã nở rộ đã góp phần phát triển hiện tượng đáng buồn này trên toàn thế giới.

Trong vài năm nay, lại tiếp tục có sự gia tăng số người chống chủ nghĩa Xê-mít. Hình thức này là một dạng cụ thể của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc được thể hiện qua sự gia tăng số lượng vụ việc về vấn đề này. Tình trạng này đã được nêu ra tại Hội nghị của OSCE về chống chủ nghĩa bài Xê-mít và các hình thức không khoan dung khác tổ chức vào tháng 6/2005 tại Cordoba, Tây Ban Nha.

4. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Thực tế phân biệt đối xử là một trong những hình thức vi phạm các quyền con người đang diễn ra phổ biến nhất. Điều này cho thấy vẫn cần phải có nhiều nỗ lực trong lĩnh vực này. Về nguyên tắc, việc thực thi các văn kiện quốc tế về quyền con người là trách nhiệm của nhà nước và bởi vậy các văn kiện về chống phân biệt chủng tộc phải được phê chuẩn và thực thi bởi các quốc gia hay các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, việc thực thi hiệu quả các chuẩn mực có thể chỉ được bảo đảm nếu có các cơ chế giám sát hữu hiệu và các cơ chế thực thi có hiệu quả.

Bên cạnh việc quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên, Công ước về xóa bỏ sự phân biệt chủng tộc cũng quy định việc thành lập Ủy ban về xóa bỏ sự phân biệt chủng tộc (CERD), một cơ quan điều ước đầu tiên của Liên hiệp quốc về giám sát và đánh giá việc thực thi Công ước. Cơ chế đưa ra 3 thủ tục quan trọng: thủ tục báo cáo - là thủ tục có tính ràng buộc đối với tất cả các quốc gia thành viên; thủ tục khiếu nại giữa các quốc gia - là thủ tục mở cho tất cả các quốc gia thành viên và thủ tục khiếu nại - thông qua kháng

thư của cá nhân hay nhóm thuộc quyền tài phán của các quốc gia thành viên với tư cách là nạn nhân của sự vi phạm các quyền được quy định trong Công ước bởi nước đó. CERD là cơ chế thực thi quan trọng đầu tiên nhằm chống lại chủ nghĩa chủng tộc và thúc đẩy việc thực thi mạnh mẽ Công ước.

Vì biểu hiện của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và bài ngoại đã gia tăng trong nhiều thập kỷ qua, nên cộng đồng quốc tế cũng phải điều chỉnh các nỗ lực của mình nhằm chống lại những hiện tượng này. Ủy ban quyền con người đã chỉ định một Báo cáo viên đặc biệt đối với những hình thức phân biệt chủng tộc hiện nay (hiện nay là Ông Doudou Diene người Senegal) với nhiệm vụ xem xét vấn đề liên quan đến các hình thức của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc hiện nay.

Tất cả các văn kiện khu vực về quyền con người (như Công ước châu Mỹ về quyền con người, Hiến chương Banjul về quyền con người và quyền của các dân tộc, Công ước châu Âu về quyền con người) đều chứa đựng các quy định về chống phân biệt đối xử. Những quy định này có tính bổ sung, có nghĩa là chúng phải đi cùng với các quyền khác trong Công ước tương ứng nếu cần phải xét xử trước tòa. Nghị định thư bổ sung số 12 của ECHR, có hiệu lực từ tháng 4/2005, có quy định nghiêm cấm chung đối với sự phân biệt đối xử (Điều 1), nhờ vậy tạo cơ hội cho khiếu nại về những hình thức phân biệt khác một cách độc lập với các quyền khác bị vi phạm. Hội đồng châu Âu đã thành lập một cơ quan chuyên môn vào năm 1993 là Ủy ban châu Âu về chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và không khoan dung (ECRI) để theo dõi thường xuyên tình hình thực tế và những nỗ lực chống lại sự phân biệt ở các quốc gia thành viên.

Một công cụ giám sát quan trọng nữa là các cơ quan thanh tra về chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chống phân biệt; các cơ quan thanh tra này do do quốc gia thành lập và đóng vai trò quan trọng trong việc thống kê các vụ việc mang tính phân biệt đối xử nhằm cung cấp thông tin về các quy định quốc gia và quốc tế, theo đuổi các biện pháp khắc phục có thể. Tuy nhiên, tầm quan

trọng của các chiến lược phòng ngừa như là cơ chế cảnh báo sớm, cơ chế thanh sát phòng ngừa, các thủ tục khẩn cấp và giáo dục vẫn chưa được đánh giá đúng mức nên bỏ qua sự ứng phó hiệu quả hơn đối với sự phân biệt và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc vì các chiến lược này giúp giải quyết các hiện tượng phân biệt chủng tộc ngay từ khi mới xuất hiện.

Năm 2004, có tổng số 7.649 vụ việc hình sự có động cơ từ sự thành kiến ở Mỹ được thông báo cho Cục Điều tra liên bang (FBI):

- a. 52,9% có động cơ từ sự định kiến về chủng tộc;
- b. 12,7% có động cơ từ nguồn gốc dân tộc/chủng tộc;
- c. 18,0% có động cơ từ sự không khoan dung về tôn giáo;
- d. 15,7% có động cơ từ sự định kiến về định hướng giới tính;
- e. 0,7% có động cơ từ sự định kiến về sự khuyết tật.

(Nguồn: **Cục Điều tra liên bang, Bộ Tư pháp Mỹ. 2004.** Các báo cáo về tội phạm. Thống kê tội phạm có tính hận thù năm 2003).

Khoảng cách giữa “pháp luật trong sách vở” và “pháp luật trên thực tế”:

Các công ước được phê chuẩn, các bản tuyên ngôn và kế hoạch hành động chỉ là bước đầu tiên của một chiến lược thực sự về đấu tranh với chủ nghĩa chủng tộc và nạn phân biệt đối xử.

Nếu như các văn kiện này không được áp dụng và thực hiện đầy đủ trong thực tế thì sự tác động của chúng cũng chỉ có giới hạn. Một ý chí chính trị mạnh mẽ là cần thiết cho việc thực hiện có hiệu quả, điều mà tiếc rằng trong thực tế thường phải thực hiện theo cách phục vụ các lợi ích chính trị khác. Trong bối cảnh này, vai trò quan trọng của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức của cộng đồng cần phải được đánh giá đúng mức.

"Việc giải quyết các vi phạm trắng trợn do sự bất công đối với một nửa thế giới còn dễ hơn là giải quyết sự đàn áp và phân biệt từ gia đình".

Carl T. Rowan

Sự phân biệt đối xử trong các chủ thể phi nhà nước: Một vấn đề khác liên quan đến việc bảo vệ hiệu quả nhằm chống lại sự phân biệt đối xử là ở vấn đề ngăn ngừa phân biệt đối xử từ các cá nhân riêng biệt vẫn còn là một khoảng trống về mặt pháp lý. Thông thường, chỉ có những hành vi phân biệt đối xử trong khu vực công (do các cơ quan nhà nước gây nên) và của các cá nhân mà hoạt động của họ thuộc lĩnh vực công mới có thể bị pháp luật trừng phạt, bởi vậy sự phân biệt trong các cá nhân thuộc "khía cạnh tư" thường không thể bị trừng phạt theo cách tương tự.

Liên minh châu Âu đã đưa ra 3 hướng dẫn về chống phân biệt đối xử liên quan đến khu vực tư nhân vào năm 2000 và 2002. *Hướng dẫn của Hội đồng châu Âu 2000/78/EC* quy định khuôn khổ pháp lý chung về đối xử bình đẳng trong lao động và việc làm, còn *Hướng dẫn của Hội đồng 2000/43/EC* thực hiện nguyên tắc về đối xử bình đẳng giữa các cá nhân mà không phân biệt nguồn gốc dân tộc hay chủng tộc. Cả hai văn bản trên đã mở rộng sự đối xử bình đẳng từ khái niệm mang tính cổ điển về đối xử bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới thông qua việc đưa ra sự bảo vệ phổ quát hơn dựa trên nhu cầu xã hội hiện nay.

Hướng dẫn 2002/73/EC là một bước phát triển mới bằng việc điều chỉnh nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ trong lao động và việc làm thế kỷ XXI.

Đến tháng 10/2005, cả 3 hướng dẫn trên phải được nội luật trong pháp luật quốc gia của tất cả 25 nước thành viên của Liên minh châu Âu. Các vi phạm các quyền đã được ghi nhận trong pháp luật có thể bị đưa ra xét xử trước các toà án dân sự. Đây chính là cột mốc quan trọng trong sự phát triển của pháp luật về chống phân biệt đối xử.

Chúng ta có thể làm gì? 

Thách thức thực sự đặt ra là phải ngăn ngừa sự phân biệt, đối xử, có nghĩa là cần ngăn chặn các hành vi phân biệt trước khi xảy ra. Bởi vậy điều cần thiết là phải đề cập đến những thái độ, quan điểm, hành vi và ứng xử tiếp sau. Đây là nhiệm vụ khó khăn và có thể chỉ đạt được thông qua giáo dục quyền con người ở cấp độ thể chế thông qua thông tin từ địa phương với cách tiếp cận từ dưới lên và sự tham gia đầy đủ của các cơ quan quốc gia có thẩm quyền với sự hợp tác với tất cả các chủ thể phi nhà nước có liên quan.

Với tư cách là một cơ quan giám sát hành vi phân biệt chủng tộc hay phân biệt đối xử thì điều quan trọng là phải xây dựng ý chí đạo đức, can thiệp (nếu có thể), đối với những vụ việc hay rắc rối được công bố cho các tổ chức có thẩm quyền và tiếp cận với các biện pháp quốc gia và quốc tế có thể như là UNCERD hay cơ quan thanh tra quốc gia.



ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT



Bộ luật ứng xử tự nguyện trong khu vực tư nhân

Nhiều công ty đa quốc gia (như Nike, Reebok, Daimler Chrysler, Volkswagen, Hennes và Mauritz) đã đưa ra những bộ luật ứng xử tự nguyện cho chính mình và các đối tác trong đó có nội dung về ngăn ngừa sự phân biệt đối xử có động cơ từ vấn đề chủng tộc.

Các điều khoản chống phân biệt trong Hợp đồng mua sắm nhà nước.

Chính phủ Thụy Điển đưa ra đạo luật yêu cầu phải có giấy xác nhận của các công ty tư nhân khẳng định rằng các công ty này tuân thủ tất cả các đạo luật về chống phân biệt đối xử và thúc đẩy sự bình đẳng trong chính sách của mình khi ký kết hợp đồng với các cơ quan nhà nước.

Liên minh các thành phố quốc tế chống phân biệt chủng tộc

UNESCO đã phát động sáng kiến các thành phố chống phân biệt chủng tộc ở cấp địa phương vào năm 2004. Trong chương trình hành động 10 điểm, các thành phố thành viên tự cam kết thúc đẩy các sáng kiến chống chủ nghĩa chủng tộc.

(Xem thêm:

<http://www.unesco.org/shs/citiesagainstracism>).

Chống phân biệt chủng tộc trong Liên đoàn bóng đá châu Âu

Liên hiệp các câu lạc bộ bóng đá châu Âu (UEFA) đã công bố kế hoạch hành động 10 điểm với một loạt biện pháp kêu gọi các câu lạc bộ thúc đẩy chiến dịch chống chủ nghĩa chủng tộc trong các cổ động viên, cầu thủ và các quan chức bóng đá. Kế hoạch này gồm các biện pháp như đưa ra kỷ luật đối với cầu thủ có liên quan đến việc lạm dụng chủng tộc hay đưa ra thông báo công khai lên án việc ủng hộ sự phân biệt chủng tộc trong các trận đấu.

“Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc gây nên sự oán hận và căm thù, bởi vì khi phủ nhận nhân phẩm của người khác, những người theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đã làm mất đi sự nhân đạo của chính mình. Giống như chủ nghĩa bộ lạc, trào lưu chính thống, bài ngoại và tất cả những phản ứng nông cạn của người này đối với người khác, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc nhằm vào câu hỏi bạn là CÁI GÌ, và bỏ qua câu hỏi bạn là AI. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc chỉ nhìn vào nhãn hiệu - mà không nhìn vào cá nhân đang sử dụng nó. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc yêu ‘chúng ta’ và ghét ‘họ’ mà không bao giờ phát hiện ra bản sắc đích thực của ‘họ’.”

Timothy Findley

Xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (Apartheid)

Trong vụ án “AZAPO kiện Tổng thống cộng hoà Nam Phi” của Ủy ban sự thật và hoà giải, vị Phó Chủ tịch Toà án hiến pháp, Thẩm phán Mahomed tuyên bố, “Lịch sử nhiều thập kỷ của Nam Phi đã từng bị chi phối bởi sự xung đột sâu sắc giữa nhóm thiểu số người da trắng muốn giành tất cả sự kiểm soát đối với các công cụ chính trị của Nhà nước và đa số những người da đen muốn phản kháng lại sự thống trị đó. Các quyền con người cơ bản đã trở thành tổn thất chính trong cuộc xung đột này giống như sự phản kháng lại những người bị trừng phạt bởi sự phủ nhận của họ được pháp luật quy định nhằm ngăn chặn có hiệu quả đối với sự phản kháng đó....”. Ngay khi nắm quyền vào năm 1948, Đảng Dân tộc bắt đầu ban hành pháp luật nhằm tách riêng ‘các chủng tộc’ khác nhau ở Nam Phi với thuật ngữ “Apartheid”. Trong mọi lĩnh vực của đời sống, người da trắng đã dành được sự đối xử cao hơn. Thực tế, cả hai phía cho thấy Nam Phi đang bắt đầu bị đẩy xuống vực sâu và các cuộc đàm phán về một Nam Phi dân chủ đã bắt đầu ngay khi Hội nghị dân tộc châu Phi (ANC). Các phong trào giải phóng khác được thừa nhận và nhà lãnh đạo

nổi tiếng và sau này là Tổng thống Nam Phi - Nelson Mandela, đã được trả tự do vào tháng 02/1990. Các cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên được tổ chức vào tháng 4/1994 sau hơn 3 thế kỷ là thuộc địa và bị áp bức.

Rõ ràng là, ảnh hưởng của phân biệt đối xử vẫn có thể thấy rõ và có thể cần phải trải qua nhiều thế hệ nữa mới xoá bỏ được, nhưng Hiến pháp và Bộ luật về các quyền thì ghi nhận rõ ràng việc nghiêm cấm sự phân biệt đối xử.

2. XU HƯỚNG

Mối quan hệ giữa nghèo đói và phân biệt chủng tộc/bài ngoại

Mối quan hệ tiềm tàng giữa một bên nghèo đói và bên kia là chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và bài ngoại, có thể được xem xét theo các cách khác nhau. Phải chăng sự phân biệt chủng tộc hay bài ngoại sẽ dẫn đến đói nghèo? Hơn nữa, phải chăng nghèo đói sẽ dẫn đến những hình thức phân biệt chủng tộc hay bài ngoại mang tính chủ động hay bị động? Không thể đưa ra câu trả lời phù hợp cho những câu hỏi này; nghiên cứu và đánh giá đưa ra các giải thích khác nhau. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều chuyên gia khẳng định rằng giữa chúng có mối liên hệ.

Ở nhiều nơi trên thế giới, nghèo đói là một vấn đề của sắc tộc. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, các gia đình người Mỹ - Phi, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha gặp phải sự mất an ninh lương thực và đói nghèo với tỷ lệ cao hơn 3 lần so với các gia đình gia trắng. Trên khắp thế giới, những người thiểu số nhập cư rõ ràng luôn đối mặt với sự túng thiếu. Có vẻ như sự phân biệt chủng tộc là nguyên nhân của những tình trạng này (ví dụ: những rào cản về việc tham gia bình đẳng vào thị trường việc làm).

Một vấn đề còn nhiều tranh luận là những xu hướng phân biệt chủng tộc gia tăng trong các tầng lớp người nghèo trong xã hội. Một số chuyên gia cho rằng học vấn thấp thường thấy trong những

tầng lớp dân cư nghèo hơn. Mặc dù các chuyên gia kết luận rằng ngay phân biệt chủng tộc cũng tồn tại trong “các tầng lớp trên với sự giáo dục cao hơn” nhưng nghèo gắn với học vấn thấp có thể dẫn đến một khả năng cao hơn của thái độ phân biệt chủng tộc. Tuy nhiên, loại phân biệt chủng tộc này được nhìn nhận như một hành vi loại trừ theo đó cuộc chiến chống lại sự tồn tại của chính những thái độ đó dường như là động cơ chủ yếu hơn tư tưởng phân biệt chủng tộc.

Chủ nghĩa chủng tộc trên Internet

Mạng internet đã trở thành một diễn đàn cho hơn 500 triệu người có khả năng sử dụng trên thế giới. Nó là phương tiện quan trọng cho tất cả các chủ thể trong xã hội. Nhưng phương tiện này cũng có mặt trái. Các tổ chức phân biệt chủng tộc, bạo lực và cực đoan và các nhóm đang nhanh chóng sử dụng phương tiện này và khai thác những tiện ích từ nó.

Đấu tranh với chủ nghĩa cực đoan trên internet ngày càng gặp phải nhiều khó khăn về mặt pháp lý và công nghệ. Khi Hội đồng châu Âu bỏ phiếu thông qua Nghị định thư bổ sung cho Công ước về tội phạm công nghệ thông tin, các tài liệu về phân biệt chủng tộc trên internet bị coi là bất hợp pháp ở châu Âu. Nghị định thư mới được thông qua này đã quy định “... hành vi có tính chất phân biệt chủng tộc và bài ngoại được thực hiện thông qua hệ thống máy tính...” được coi là phạm tội. Hy vọng Nghị định thư sẽ có một vai trò mới đối với sự phát triển trong lĩnh vực này.

Bài đạo Hồi 🙄🙄🙄

Hậu quả của ngày 11 tháng 9 năm 2001.

Trong tuần tiếp sau cuộc tấn công ngày 11/9/2001, đã có 540 cuộc tấn công gián tiếp vào những người Mỹ gốc Ả-rập và ít nhất là 200 người theo đạo Sikhs (có nguồn gốc từ Ấn Độ) trên lãnh thổ Mỹ, so với 600 cuộc tấn công gián tiếp vào người Mỹ gốc Ả-rập vào năm 2001 (Hướng dẫn ứng phó với khủng hoảng, Tổ chức Ân xá quốc tế, năm 2001). Báo cáo của cảnh sát cho thấy có vấn đề về phân biệt chủng tộc.

Quyền tự do tôn giáo.

Ở châu Âu cũng đang gặp phải những vấn đề tương tự sau các cuộc tấn công khủng bố vào ga tàu điện ngầm ở London. Liên quan đến các sự vụ này, bài báo sau đây được coi là một ví dụ được cá nhân hoá có tính minh hoạ và là vấn đề khởi đầu cho phần thảo luận.

Đây là các phần trích từ cuộc phỏng vấn một nữ thanh niên người Bangladesh của một nhà báo Mỹ về tư cách công dân Mỹ.

“Seema 18 tuổi, vừa tốt nghiệp trung học. Sinh ra ở Bangladesh, cô đã sống gần nửa cuộc đời ở đất nước này (Woodside, Queens). Cô nhỏ bé, nghiêm nghị, và là chị cả của 3 đứa em trong một gia đình nhập cư, cô thừa nhận mình là một người luôn phải lo lắng. Cô cho biết mọi di chuyển của cô đều khiến cô lo ngại điều đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến gia đình mình [...] Seema nói tiếng Anh theo giọng ở vùng Queen nhưng vẫn thấy rõ nguồn gốc Bengali. Cô là một công dân Mỹ. Nhưng cô cho rằng, không thể thực sự nghĩ mình là người Mỹ. Khi được hỏi điều gì hình thành nên một người Mỹ, cô nói “trước hết em là người Bengali”. [...] Câu hỏi về điều gì làm nên một người Mỹ thực sự luôn lơ lửng trước mắt những cô gái như cô. Đúng lúc đó xảy ra vụ việc ngày 11/9 và những hậu quả của nó đã làm cho vấn đề càng trở nên nổi cộm. Vài tuần sau cuộc tấn công, những cô gái Hồi giáo mà cô biết đã tháo bỏ khăn choàng đầu. (Seema là người Hồi giáo, nhưng cô không choàng khăn). Các nam thanh niên đã cạo râu. Có người bị đánh bởi vì họ đội khăn xếp của đạo Hồi; thậm chí cả trong trường hợp họ không phải là người Hồi giáo. Cha cô - một người làm công trong nhà hàng, đã lo sợ mất việc. Mẹ cô thì sợ hãi khi đi từ ga tàu điện ngầm về nhà trong bộ quần áo rộng lưng thùng. Trường học có lẽ là nơi tồi tệ nhất. Một lần, khi thầy giáo đang vui mừng vì vụ đánh bom ở Afghanistan, Seema đã giơ tay xin được nói đôi điều về số phận của thường dân Afghanistan; cô đã bị các bạn cùng lớp cười

nhạo. Một giáo viên khác đã nói đôi điều về John Walker Lindh ở California, người từng tuyên bố ủng hộ Taliban, là bị trúng bùa mê của Đạo Hồi. Seema đã khép nép cúi đầu. Cô nói, “Đạo Hồi không phải là phù thủy, hoặc một kiểu bùa mê ma thuật”.

(Nguồn: **trích từ bài báo của Thời báo New York, ngày 07/7/2002**: “Gánh vác sức nặng thế giới trên những đôi vai nhỏ bé” của Somini Sengupta).

Câu hỏi thảo luận:



- Các quyền nào đã bị vi phạm trong câu chuyện này?
- Những người là nạn nhân có thể làm gì để giành lại các quyền đó?
- Bạn đã tự hỏi mình điều gì sau ngày 11/9?
- Bạn có tin sự kiện ngày 11/9 có thể làm thay đổi quyền của các dân tộc?
- Ai là người quyết định quyền nào được áp dụng cho một dân tộc nhất định?

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

Một số mốc chính trong lịch sử chống phân biệt chủng tộc:

1945	Hiến chương Liên hiệp quốc (Điều 1, đoạn 3)
1948	Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (Điều 1, 2)
1960	Công ước của UNESCO về chống phân biệt đối xử trong Giáo dục
1965	Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD)
1973	Công ước quốc tế về ngăn ngừa và trừng phạt tội ác phân biệt chủng tộc (Apartheid) - Điều 1, đoạn 1
1978	Tuyên ngôn của UNESCO về vấn đề chủng tộc và định kiến về chủng tộc

1978	Hội nghị thế giới lần thứ nhất ở Geneva về đấu tranh chống chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt chủng tộc
1983	Hội nghị thế giới lần thứ hai ở Geneva về đấu tranh chống chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt chủng tộc
1994	Phiên tòa Arusha về Rwanda
2001	Hội nghị thế giới lần thứ ba về đấu tranh chống chủ nghĩa chủng tộc và

	phân biệt chủng tộc, bài ngoại và không khoan dung (Tuyên ngôn và Chương trình hành động)
2004/2005.	Các đạo luật chống phân biệt đối với khu vực tư nhân ở 25 nước thành viên của Cộng đồng châu Âu
2005	Nghị định thư bổ sung số 12 của ECHR có hiệu lực.

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I. “TẤT CẢ MỌI NGƯỜI SINH RA LÀ BÌNH ĐẲNG”



Phần 1: Giới thiệu

Khi đề cập đến sự phân biệt đối xử có thể sẽ giúp mọi người hiểu rõ thêm về nguồn gốc và cơ chế hoạt động của nó, nhưng sẽ không bao giờ có thể gây được ấn tượng sâu sắc và làm bài học như chính những cảm giác của nạn nhân bị phân biệt đối xử. Như vậy, hoạt động này cho phép các học viên nhận biết được sự phân biệt đối xử và có được kinh nghiệm cho bản thân.

Phần II: Thông tin chung về bài tập

Loại hoạt động: hoạt động riêng biệt.

Mục tiêu và mục đích: tạo cơ hội cho học viên tìm ra được sự phân biệt đối xử bằng cảm tính và lý tính.

Nhóm mục tiêu: người đã trưởng thành.

Phạm vi nhóm: 15-20 người.

Tài liệu: chuẩn bị một số tài liệu để lựa chọn ngẫu nhiên, phấn, bảng, bút.

Kỹ năng liên quan:

- Xem xét mọi khía cạnh;
- Cảm nhận và thấu hiểu.

Phần III: Thông tin cụ thể về bài tập

Mô tả hoạt động/Giới thiệu:

- Chia học viên thành các nhóm nhỏ. Yêu cầu một nửa nhóm liệt kê 5 điểm thuận lợi và 5 điểm bất lợi của một phụ nữ/thành viên của một dân tộc thiểu số/một thành viên của nhóm thiểu số về giới tính. Yêu cầu những người khác làm tương tự đối với nam giới/thành viên của một dân tộc thiểu số/những người có quan hệ tình dục khác giới.
- Viết các kết quả lên bảng và yêu cầu cả nhóm cho điểm theo cấp độ 1-5 về tầm quan trọng của mỗi thông tin đối với đời sống của một cá nhân (5 có nghĩa là “rất quan trọng”, 1 có nghĩa là “không quan trọng”).
- Vẽ một đường kẻ trên nền nhà và yêu cầu các học viên đứng sau đường kẻ đó. Giải thích cho các học viên rằng họ là những đứa trẻ mới sinh, bắt đầu cuộc sống của mình theo nguyên tắc “sinh ra là tự do và bình đẳng”. Sau đó, yêu cầu mỗi học viên vẽ trên một thẻ để cho biết mình là “nam” hay “nữ”, thành viên của nhóm đa số” hay “thành viên nhóm thiểu số”.
- Sau đó đọc lên từng điểm thuận lợi, bất lợi cho mỗi nhóm, bổ sung thang điểm cho mỗi nhóm. Các thành viên của nhóm đưa ra ý kiến phải đứng trước hoặc sau vạch kẻ tương ứng theo tỷ lệ (ví dụ một điểm thuận lợi với tỷ lệ 5 có nghĩa là các thành viên của nhóm bước lên trước 5 bước, một điểm bất lợi với tỷ lệ 3 lùi lại 3 bước). Học viên không được nói khi thực hiện bài tập này.

- Khi có thể nhìn thấy một khoảng cách rộng giữa các nhóm thì không tiếp tục đọc nữa và yêu cầu các học viên quay lại nhìn nhau. Hỏi một số học viên của mỗi nhóm: Bạn cảm thấy thế nào về vị trí của bạn? Bạn muốn nói điều gì với những người thuộc nhóm khác? Bạn sẽ cảm thấy thế nào nếu bạn được ở nhóm khác?

Phản hồi

Xếp lại theo vòng tròn và yêu cầu các học viên tóm tắt lại điều mà họ cảm nhận và suy nghĩ trong quá trình thực hiện bài tập.

Những gợi ý về phương pháp:

Nếu học viên không đề cập đến vấn đề này thì cần nhấn mạnh đến khía cạnh tích lũy và tùy tiện của sự phân biệt đối xử.

Lời khuyên để thay đổi

Hoạt động này có thể được điều chỉnh cho phù hợp với chủ đề hay nhóm mục tiêu phụ thuộc vào mỗi vấn đề đặt ra.

Phần IV: Bước tiếp theo

Các quyền/lĩnh vực liên quan cần khai thác thêm: các quyền con người nói chung, các quyền của phụ nữ, các quyền của dân tộc thiểu số.

(Nguồn; theo **Claude, Richard Pierre 1998**. Các phương pháp giáo dục về quyền con người).

HOẠT ĐỘNG II. "ĐOÁN XEM AI SẼ ĐẾN ĂN TỐI"



Phần I: Giới thiệu

Một số người nghĩ họ chính là người theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, nhưng khi điều đó xảy đến trong gia đình... Cha mẹ bạn sẽ nói gì nếu bạn khiến họ phải gặp gỡ, tiếp xúc với người bạn

tra/bạn gái của bạn có màu da khác với bạn (hoặc có tôn giáo khác, hoặc có xu hướng giới tính khác, hoặc bị khuyết tật...)?

Loại hành động: đóng vai.

Phần II: Thông tin chung về việc đóng vai

Mục tiêu và mục đích:

Nêu bật vai trò của gia đình trong việc tạo dựng truyền đi những giá trị;

Phân tích những thông điệp mà giới trẻ nhận được trong gia đình;

Phân tích các giá trị của thông điệp.

Nhóm mục tiêu: người đã trở thành.

Phạm vi nhóm: 8-30.

Thời gian: 45-60 phút.

Chuẩn bị: các thẻ đóng vai (nếu các học viên chưa chuẩn bị).

Tài liệu: giấy, bút cho những người quan sát đặc biệt.

Kỹ năng liên quan:

Kỹ năng xã hội: lắng nghe mọi người, đặt câu hỏi, giải quyết vấn đề;

Kỹ năng suy nghĩ phê phán: suy luận logic, sự phân tích phê phán.

Phần III: Thông tin cụ thể về việc đóng vai

Hướng dẫn: (một tình huống có thể xảy ra: trong một gia đình người da trắng – có cha mẹ và hai người con, con gái 25 tuổi, bạn trai của con gái đến từ Ghana):

Giải thích cho nhóm rằng họ phải chuẩn bị và thực hiện đóng vai về một “cuộc họp gia đình”: người con gái nói với cha mẹ rằng cô ta sắp sống với bạn trai. Yêu cầu học viên tưởng tượng ra những tranh luận giữa con gái với cha mẹ, chị gái hay anh trai, bạn trai của mình. Sau đó chia nhóm thành các nhóm nhỏ theo số lượng các vai diễn. Mỗi nhóm nhỏ cần vào vai từng thành viên của gia đình và lựa chọn người để tham gia đóng vai.

Thực hiện đóng vai:

Đề nghị một số người tình nguyện làm quan sát viên đặc biệt, một người theo dõi mỗi người đang

đóng vai và ghi chép tất cả những tranh luận của người đang đóng vai sử dụng. Những người còn lại của nhóm là những người theo dõi chung. Vị trí của những người chủ trì là ở giữa phòng (tùy thuộc vào số người đóng vai) như trong phòng khách, nơi gia đình sum họp.

Phát tín hiệu để bắt đầu việc vai diễn và sau 15 phút, tùy thuộc vào cách thể hiện vai diễn, một người khác ra hiệu kết thúc.

Phản hồi:

Trước hết, dành cho tất cả những người đóng vai cơ hội diễn tả cảm xúc cảm giác thế nào. Sau đó yêu cầu các quan sát viên đặc biệt đọc những tranh luận mà những người đóng vai đã sử dụng. Tiếp đó, bắt đầu thảo luận chung. Trong khi thảo luận, bạn có thể nhấn mạnh những vấn đề khác biệt về xã hội và văn hoá, đặc điểm giới tính, đồng tính (điều gì sẽ xảy ra khi người con gái giới thiệu bạn gái, người con trai giới thiệu bạn trai của mình?) v.v...

Những gợi ý về phương pháp:

Nếu nhóm đã quen với phương pháp đóng vai thì không cần có thêm hướng dẫn nào khác. Nếu nhóm chưa quen, thì rất cần thiết phải nhấn mạnh rằng đóng vai không có nghĩa là biểu diễn. Một người đóng vai vẫn được thể hiện bản thân trong khi trình diễn về vai trò hay quan điểm được phân công, còn người diễn viên khi biểu diễn thì phải hoá thân vào một nhân vật khác hẳn con người thật của mình.

Lời khuyên để thay đổi:

Nếu không có nhiều thời gian cho hoạt động này, cán bộ trợ giúp có thể chuẩn bị các thẻ phân vai. Cần điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với thực tiễn xã hội và văn hoá của người tham gia. Không nhất thiết phải giới thiệu một người "ngoại lai" với gia đình mà có thể giới thiệu bất cứ ai bạn gặp trên đường phố mỗi ngày. Đó có thể là những người từ nhiều dân tộc, xã hội và nền văn hoá khác nhau.

Phần IV: Bước tiếp theo

Nếu có thể thì tìm bản sao của một cuốn phim, như chiếu bộ phim cũ của Katherine Hepburn/ Spencer Tracy mang tên “Người khách đến ăn tối”, như một sự giải trí vào buổi tối.

Những quyền có liên quan/những lĩnh vực cần tiếp tục xem xét: quyền của người thiểu số, vấn đề nhập cư, "bất đồng giữa các dân tộc văn minh".

(Nguồn: theo **Hội đồng châu Âu. 1995.** Mọi khác biệt - mọi bình đẳng. Phương pháp giáo dục. Ý tưởng, nguồn, phương pháp và hoạt động đối với giáo dục liên văn hoá không chính thức cho người đã trưởng thành. Có tại địa chỉ: http://www.coe.int/T/E/human_rights/Ecri/3-Educational_Pack_pdf.pdf).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Allport, Gordon. (1954) 1988. *Bản chất của định kiến*. Cambridge: NXB Perseus.

Tổ chức Ân xá quốc tế, Hoa Kỳ, 2001. *Hướng dẫn ứng phó với khủng hoảng ngày 11 tháng 9, Chương trình giáo dục quyền con người*. New York: Tổ chức Ân xá quốc tế.

Liên minh chống phi báng. 1999. *Đầu độc trang web: Gây hận thù trên mạng, Báo cáo của ADL về sự căm thù từ Internet, chủ nghĩa cực đoan và bạo lực*. New York: Liên minh chống phi báng.

Bản tin BBC. 2001. *Chủng tộc bị sao lãng ở châu Âu*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://news.bbc.co.uk/1/hi/world/europe/1525617.stm>.

Capitanchik, David và Michael Whine. 1996. *Quản lý mạng không gian: Chủ nghĩa chủng tộc trên Internet*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.media-awareness.ca/english/resources/articles/online_hate/governance_cyberspace/cfm.

Cervenakova, Anna. 2001. *Chủ nghĩa chủng tộc được thể chế hoá và Rome*. Bài phát biểu tại diễn đàn, Chủ nghĩa chủng tộc được thể chế hoá/Catism. Diễn đàn phi chính phủ của Hội nghị thế giới về chủ nghĩa chủng tộc.

Toà Hiến pháp của Nam Phi. Vụ AZAPO kiện Tổng thống Cộng hoà Nam Phi. Thông tin có tại địa chỉ: www.concourt.gov.za/index.html.

Chỉ thị của Hội đồng 2000/78/EC ngày 27/11/2000 về thiết lập khuôn khổ chung về đối xử bình đẳng trong việc làm và nghề nghiệp. Tạp chí chính thức của Liên minh châu Âu. L 303, ngày 02/12/2000.

Chỉ thị của Hội đồng 2000/43/EC ngày 29/6/2000 áp dụng nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa những người không được tôn trọng về nguồn gốc chủng tộc và dân tộc. Tạp chí chính thức của Liên minh châu Âu. L 180, ngày 17/7/2000.

Hội đồng châu Âu. 2002. *COPASS, Cẩm nang giáo dục quyền con người cho thanh niên*. Strasborg: Hội đồng châu Âu.

Chỉ thị số 2002/73/EC của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 23/9/2002 về sửa đổi Chỉ thị của Hội đồng 76/207/EEC liên quan đến áp dụng các nguyên

tắc đối xử bình đẳng giữa nam và nữ khi tiếp cận việc làm, cơ sở đào tạo, cơ hội thăng tiến và điều kiện làm việc. Tạp chí chính thức của Liên minh châu Âu L269, ngày 5/10/2002.

Ủy ban châu Âu về chống phân biệt chủng tộc và không khoan dung (ECRI) 2004. *Tuyển tập các khuyến nghị chính sách chung của ECRI*. Strasborg: Hội đồng châu Âu.

Ủy ban châu Âu về chống phân biệt chủng tộc và không khoan dung (ECRI) 1996. *Cuộc chiến với phân biệt chủng tộc và không khoan dung: Tập hợp các kinh nghiệm tốt*. Strasborg: Hội đồng châu Âu.

Trung tâm điều hành châu Âu về chủ nghĩa chủng tộc và bài ngoại (EUMC), 2005. *Chính sách về tội phạm chủng tộc và bạo lực - Nghiên cứu so sánh*. Vienna: EUMC.

Trung tâm điều hành châu Âu về chủ nghĩa chủng tộc và bài ngoại (EUMC), 2005. *Bạo lực về Chủng tộc ở 15 nước thành viên Liên minh châu Âu. Tổng quan so sánh về các kết luận của các báo cáo tiêu điểm quốc gia RAXEN 2001-2004*. Vienna: EUMC.

Trung tâm điều hành châu Âu về chủ nghĩa chủng tộc và bài ngoại (EUMC), 2001. *Báo cáo của đại diện cho EUMC tại Phiên toà công khai của EC về tội phạm công nghệ thông tin*. Brussels. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://europa.eu.int/ISPO/eif/InternetPoliciesSite/Crime/PulicHearingPresentations/EUMC.html>.

Cục Điều tra liên bang, Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ. 2004. *Báo cáo về tội phạm đồng dạng, Thống kê tội gây hấn 2003*. Washington DC. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.fbi.gov/ucr.htm>.

Flintman, Cees và Catherine Henderson. 1999. *Các điều ước đặc biệt về Quyền con người, Raija Hanski và Markku Suksi (chủ biên). Giới thiệu về cơ chế quốc tế bảo vệ quyền con người*. Turku/Abo: Viện Nhân quyền, Đại học Abo Academy.

Fredman, Sandra. 2002. *Luật Phân biệt đối xử, Tuyển tập Luật Clarendon*. New York: NXB Đại học Oxford.

Fredman, Sandra. 2001. *Phân biệt đối xử và quyền con người, trường hợp về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc*. New York: NXB Đại học Oxford.

Fredrickson George M. 2002. *Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc: Vấn tất Lịch sử*. Princenton: NXB Đại học Princenton.

Geiss, Imanuel. 1998. *Lịch sử của chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc*.

Hagendoorn, Louk. 1999. *Giới thiệu: Một mô hình giáo dục hiệu quả về định kiến và phân biệt chủng tộc*. Louk Hagendoorn và Shervin Nekuee (chủ biên). Giáo dục và phân biệt đối xử. Aldershot: NXB Ashgate.

Heckmann, Friedrich. 2001. *Phân biệt đối xử, bài ngoại, bài Xê-mít: Các vấn đề về khái niệm trong Dự án Raxen*. Bài phát biểu tại Hội thảo Raxen, ngày 5-6/11 tại Vienna, Áo.

Jason, Andrew. 2001. *Đói nghèo và phân biệt chủng tộc*. Bài viết dựa vào bài phát biểu gửi tới Diễn đàn về phân biệt chủng tộc của Ủy ban Nhân quyền Canada ngày 21/3. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.ccsd.ca/perception/244/racism.htm>.

Jusuf, Ester I. 2000. *Vấn đề phân biệt chủng tộc*. In Bev. Jennie S. 2000. Luật về quyền con người và các vấn đề. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.suite101.com/article.cfm/humanright/43265>.

Kongidou, Dmitri. Evangelia Tressou-Mylona và Gergios Tsiakalos. 1998. *Chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc và các rào cản xã hội do sự nghèo đói*. Kinh nghiệm chống kỳ thị chủng tộc. Khái niệm, kinh nghiệm và nghiên cứu.

Lodenijs, Anna-Lea Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển. 2000. *Đấu tranh với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trên Internet bằng cách nào*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://se-web-01.rb.se/Shop/Products/Product.aspx~ItemId~422>.

MacEwen, Martin. 1995. *Giải quyết chủ nghĩa chủng tộc ở châu Âu*. Vương quốc Anh. WBC Bookbinders, Rridgen, mid Glamorgan.

Maddex, Robert L. 2000. *Bách khoa quốc tế về quyền con người, tự do, lạm dụng, và biện pháp khắc phục*. Washington: NXB CQ.

Morawa, Alexander H.E. 2002. *Khái niệm về không phân biệt đối xử: Bình luận ban đầu*. Tạp chí Các vấn đề về dân tộc - chính trị học và dân tộc thiểu số ở châu Âu (Số 3/2002). Flensburg.

Nowak, Manfred. 2005. *Công ước về các quyền dân sự và chính trị của Liên hiệp quốc – Bình luận Công ước*. Tái bản lần 2 có sửa chữa. Kehl/Strasbourg/Arlington: NXB N.P. Engel.

Nowak, Manfred. 2003. *Giới thiệu chế độ quốc tế về quyền con người*. Leiden/Boston: NXB Martinus Nijhoff.

OSCE/ODIHR. 2004. *Hành động quốc tế chống lại Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, bài ngoại, bài Xê-mít và không khoan dung trong khu vực OSCE*. Warsaw: OSCE.

Từ điển nâng cao Oxford cho người học. 2000. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.oup.com/elt/select?url=/elnew/catalogue/teachersites/oald7>.

Reardon, Betty A. 1995. *Giáo dục về phẩm giá con người, Tìm hiểu về quyền và trách nhiệm*. Philadelphia: NXB Đại học Pennsylvania.

Taran, Patrick A. 2001. *Cơ sở của phẩm giá, động lực hiện nay của tình trạng di cư và phản hồi của các chuẩn mực quốc tế*. Bài phát biểu tại diễn đàn nhân Hội nghị thế giới về phân biệt chủng tộc và bài ngoại tại Durban 2001. Được cung cấp tại địa chỉ : <http://www.december18.net/web/general/page.php?pageID+145&menuID=36&lang=EN>.

UNESCO và Văn phòng Cao ủy nhân quyền. 2001. *Liên kết chiến đấu chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, Tuyển tập các bài báo và các văn kiện theo chuẩn mực*. Paris: NXB UNESCO.

Zivilcourage und Anti-Rassismus-Arbeit (ZARA). 2001 - 2004. *Báo cáo về phân biệt chủng tộc: Báo cáo thực tiễn về vượt quá về chủng tộc và hệ thống ở Áo*. Vienna: Manz Cross-media.

Thông tin bổ sung:

Hệ thống chống phân biệt chủng tộc:

<http://www.antiracismnet.org>.

Ủy ban bình đẳng về chủng tộc:

<http://www.cre.gov.uk>.

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc:

http://193.194.138.190/html/menu3/b/d_icerd.htm.

Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc:

<http://www.ohchr.org/english/bodies/cerd>.

Hội đồng châu Âu. 2005. *Domino - Cẩm nang sử dụng giáo dục theo nhóm đồng niên như phương thức*

chiến đấu chống lại phân biệt chủng tộc, bài ngoại, bài Xemit và không khoan dung. Strasbourg: Hội đồng châu Âu.

Hội đồng châu Âu. 2000. *Đa dạng và liên kết: Những thách thức mới cho việc hoà hợp giữa người nhập cư và người dân tộc thiểu số.* Strasbourg: Hội đồng châu Âu.

Tuyên bố và chương trình hành động của Hội nghị toàn thế giới chống lại chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, bài ngoại và không khoan dung:

<http://www.unesco.org/shs/citiesagainstracism>.

Ủy ban châu Âu về chủ nghĩa chủng tộc và không khoan dung - ECRI:

http://www.coe.int/T/e/human_rights/ecri/1-ECRI.

Hệ thống châu Âu chống lại chủ nghĩa chủng tộc - ENAR:

<http://www.enar-eu.org>.

Trung tâm về quyền của châu Âu tại Rome:

<http://www.errc.org>.

Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo về nhân quyền và dân chủ châu Âu (ETC Graz):

<http://www.etc-graz.at>.

Tập trung vào Nam địa cầu:

<http://www.focusweb.org>.

Bóng đá chống phân biệt chủng tộc ở châu Âu:

<http://www.farennet.org>.

Phong trào quốc tế chống lại mọi hình thức phân biệt và chủ nghĩa chủng tộc:

<http://www.imadr.org>.

Ủy ban Nhân quyền Nam Phi:

<http://www.sahrc.org.za>.

Quỹ châu Á:

<http://www.asiafoundation.org>.

Mạng lưới Thế giới thứ ba:

<http://www.twinside.org.sg>.

Tổ chức của Liên hiệp quốc về giáo dục, Khoa học và Văn hoá (UNESCO). 2001. *UNESCO chống lại CHỦ NGHĨA CHỦNG TỘC. Hội nghị thế giới chống lại Chủ nghĩa chủng tộc, Phân biệt chủng tộc, bài ngoại và không khoan dung.* Thông tin có tại địa chỉ: <http://unesdoc.unesco.org/images/0012/001238/123862e.pdf>.

Cao uỷ Liên hiệp quốc về quyền con người:

<http://www.unhchr.ch>.

QUYỀN VỀ SỨC KHOẺ

NHỮNG Ý NGHĨA XÃ HỘI
TIỀN BỘ KHOA HỌC
CHẤT LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ

“Mọi người đều có quyền được hưởng một mức sống tương xứng với sức khỏe và hạnh phúc của bản thân và gia đình, bao gồm đủ ăn, đủ mặc, có nhà ở và được chăm sóc y tế cũng như các dịch vụ xã hội cần thiết...”

Điều 25, Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người. 1948.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Maryam 36 tuổi và là mẹ của 6 đứa trẻ. Cô sinh trưởng tại 1 ngôi làng cách xa trung tâm thành phố. Cô thôi học sau khi học hết cấp II. Cha mẹ cô rất nghèo và trường học thì cách làng của cô 4km. Cha mẹ cô cho rằng cho con gái đi học là phí thời gian và công sức vì con gái chỉ để gả chồng chứ không phải để kiếm sống.

Năm 12 tuổi, Maryam bị cắt âm vật theo tập quán của địa phương. Năm 16 tuổi, cô lấy một người đàn ông ngoài 50 tuổi. Cha của cô đã kiếm được một số tiền đáng kể từ khoản dẫn cưới của chú rể. Ngay năm sau cô sinh con trai. Đứa trẻ bị chết non. Bệnh viện cách làng 10km và không phục vụ các ca sinh nở. Chồng Maryam thường đánh cô trong suốt thời kỳ mang thai và cô cho rằng đứa trẻ bị chết non do những trận đòn này. Tuy nhiên, gia đình cô và nhiều người dân trong làng lại đổ lỗi cho Maryam khi đẻ con bị chết.

Maryam không hề mong muốn quan hệ tình dục với chồng. Cô sợ chồng và sợ mang thai. Chồng cô cho rằng anh ta có quyền quan hệ tình dục với vợ và thường xuyên cưỡng bức cô. Maryam không hề muốn có thai nhưng cô hầu như không có sự lựa chọn. Cô gặp thầy lang địa phương, uống thuốc thảo dược và đeo bùa để không thể có thai. Cô rất hiếm khi có thời gian để đến cơ sở y tế và cô chỉ đến đó khi con cô bị ốm, cô không thể kể việc tránh thai của mình với nhân viên y tế. Người y tá, mặc dù hiểu được ngôn ngữ địa phương của Maryam, nhưng lại thường sử dụng ngôn ngữ thành phố của giới trí thức. Y tá làm cho Maryam thấy e ngại.

Cuộc sống của Maryam là câu chuyện dài về sự bạo lực, nghèo đói và thiếu thốn. Maryam đã phải cố gắng sống sót qua những lần mang thai và nuôi con. Cô có một thửa ruộng nhỏ để trồng trọt hoa màu lấy thức ăn cho các con vì chồng cô không bao giờ đưa đủ tiền để chi cho cuộc sống

hàng ngày. Cô đã nói chuyện với cha mẹ mình và thậm chí đã tới gặp người truyền giáo. Tất cả đều bảo cô phải phục tùng chồng và nhắc nhở cô phận sự của cô là phục tùng chồng và gia đình.

Một lần, chồng Maryam kết tội cô “có quan hệ” với một người đàn ông khác. Ông ta kết tội vợ khi thấy cô cười và chuyện trò với một người dân địa phương trong một buổi đi chợ. Khi cô giải thích, ông ta liên tục đánh cô ngã xuống đất, gọi cô là đồ đĩ và thề sẽ rửa mối nhục này. Maryam bị thương nặng; cô nghĩ mình bị gãy xương sườn. Suốt mấy tuần liền cô không thể ra khỏi nhà. Cô không có tiền để có thể đến cơ sở y tế chữa trị mà cũng không có cách nào để đến đó. Chẳng ai trong làng giúp đỡ cô mặc dù một số người cũng biết rằng chồng cô đang đi vắng (Người vợ là thuộc về người chồng). Do không thể đi chợ để mua bán hoặc làm vườn, Maryam và các con cô gần như bị chết đói.

Maryam cảm thấy sau này sẽ tiếp tục có các trận đòn khác. Cô lo sợ cho cuộc sống của chính mình và của các con. Trong mơ cô thấy cái chết của chính mình và cô biết rằng cô cần phải trốn đi. Ngay khi cô có thể đi lại được, cô đã mang theo 2 đứa con nhỏ nhất và bỏ làng ra đi. Hiện nay, cô sống ở một làng khác, là người tị nạn ngay trên đất nước của cô, sống trong nỗi lo sợ bị người chồng tìm thấy và bị đưa trở về nhà.

(Nguồn: theo Tổ chức Y tế thế giới. 2001. *Thay đổi hệ thống y tế: giới và quyền trong vấn đề sức khỏe sinh sản*).

Câu hỏi thảo luận

Nhìn vào các điểm thảo luận liệt kê dưới đây từ góc độ định nghĩa về sức khỏe như đã nêu trong Hiến chương Tổ chức Y tế thế giới, 1946: “... là tình trạng đầy đủ yên lành về xã hội, về tinh thần và về thể xác, không chỉ đơn thuần là không bệnh tật hay ốm yếu”.

1. Những vấn đề của Maryam bắt đầu khi nào?
2. Những người có ảnh hưởng tới cô đã cư xử với cô như thế nào (người cha, người chồng, người y tá và người truyền giáo)? Vì sao?
3. Nghèo đói đã ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của Maryam và cuộc sống của các con cô? Bạn có cho rằng Maryam và chồng cô đều nghèo như nhau?
4. Bạn phân chia cấp độ các nhóm (đàn ông, phụ nữ và trẻ em) theo địa vị và quyền lực trong cộng đồng của Maryam như thế nào? Lý do?
5. Những thông tin nào Maryam cần để thay đổi tình huống cho cuộc sống của bản thân và của các con cô?
6. Mặc dù có trung tâm y tế trong vùng ấy, nhưng nó có tác dụng gì đối với Maryam? Giải thích?
7. Hãy nhìn vào sơ đồ dưới đây: biểu thị ví dụ về mối liên hệ giữa sức khỏe và quyền con người. Những mối liên hệ nào liên quan trực tiếp đến các vấn đề đưa ra trong câu chuyện của Maryam?

MÔ HÌNH VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA SỨC KHOẺ VÀ QUYỀN
CON NGƯỜI

ĐIỀU CẦN BIẾT

“Là con người tất cả chúng ta đều mong được hạnh phúc và tránh sự đau khổ. Khát vọng của chúng ta về sức khỏe, về tình trạng khỏe mạnh hoàn toàn về thể chất và tinh thần, là sự biểu hiện của mong ước này, mỗi người đều muốn khỏe mạnh và không ai mong đau ốm. Vì vậy, sức khỏe là mối quan tâm không chỉ của mỗi cá nhân mà là vấn đề mang tính toàn cầu, trong đó tất cả chúng ta phải chia sẻ một phần trách nhiệm.”

Dalai Lama.

1. CÁC QUYỀN CON NGƯỜI VỀ SỨC KHỎE TRONG BỐI CẢNH RỘNG HƠN

Quyền con người về sức khỏe là tập hợp các vấn đề rộng lớn và phức tạp có liên quan tới nhau bởi sức khỏe và tình trạng khỏe mạnh về bản chất liên quan đến tất cả các giai đoạn, các mặt của đời sống. Các quyền cụ thể liên quan đến sức khỏe được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế về quyền con người. Đặc biệt, tất cả các quyền con người đều phụ thuộc và liên quan với nhau, bởi vậy cần hiện thực hoá các quyền con người cũng như bỏ qua các quyền con người hay sự vi phạm liên quan đến một số quyền con người chứ không phải chỉ là từng quyền con người riêng biệt. Tính liên quan này trở nên rõ ràng hơn khi một người cho rằng để đạt được tình trạng khỏe mạnh (sức khỏe) đòi hỏi cần thoả mãn tất cả các nhu cầu của con người, cả về sinh lý học, như: nhu cầu về không khí, nước, thực phẩm và tình dục; về tâm lý và xã hội như nhu cầu về tình yêu, tình bạn, gia đình và cộng đồng.

Các quyền con người đề cập đến nghĩa vụ của các nước trong việc góp phần đáp ứng những nhu cầu đó và cho phép các nhóm, cá nhân được sống với lòng tự trọng. Sau chiến tranh thế giới thứ II, Hiến chương Liên hiệp quốc đã nêu rõ rằng các

nước thành viên có nghĩa vụ tôn trọng các quyền con người. Quyền con người về sức khỏe được nêu rõ trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR). Điều 25 quy định: “*Mọi người có quyền có mức sống tương xứng với sức khỏe và hạnh phúc của mình và gia đình, bao gồm về thực phẩm, quần áo, nhà ở, chăm sóc y tế và các dịch vụ xã hội cần thiết ...*”.

Một định nghĩa rộng và tầm xa hơn về sức khỏe được ghi nhận tại lời nói đầu Hiến chương của Tổ chức Y tế thế giới (WHO): “*...tình trạng khoẻ mạnh về thể chất, tinh thần và xã hội, không chỉ là việc không có bệnh tật hay đau ốm*”. Quan điểm có tính chính thống này về sức khỏe đã nhấn mạnh đến thực tế là có những chính sách về sức khỏe lại do bộ phận ngoài lĩnh vực y tế quyết định, gây ảnh hưởng tới các yếu tố xã hội của vấn đề sức khỏe.

WHO đề cao tầm quan trọng trong việc thực hiện các nguyên tắc về quyền con người trong lao động, tập trung vào ba khía cạnh: ủng hộ các chính phủ thông qua và thực hiện tiếp cận quyền con người trong phát triển y tế, tăng cường khả năng của WHO về lồng ghép cách tiếp cận về quyền con người trong hoạt động của WHO, thúc đẩy quyền được đảm bảo về sức khỏe trong pháp luật quốc tế và tiến trình phát triển. Tổ chức WHO đã thông qua một báo cáo thể hiện quan điểm về sức khỏe và hoạt động về quyền con người trong WHO nhằm lồng ghép các quyền con người vào các hoạt động của tổ chức này, đảm bảo rằng các quyền con người có thể được nâng cao vị thế như là một phần quan trọng trong hệ thống y tế công cộng quốc gia.

An ninh con người và sức khỏe

Sự gia tăng các cuộc xung đột vũ trang, tình trạng khẩn cấp và một lượng lớn người tị nạn có nhu cầu cần được bảo vệ thoát khỏi chiến tranh và các thảm họa tự nhiên đã đặt quyền sống là trọng tâm của quyền về sức khỏe. Các tổ chức, như Ủy ban

quốc tế chữ thập đỏ, Tổ chức các bác sĩ về quyền con người, Tổ chức các bác sĩ không biên giới và Tổ chức các bác sĩ của thế giới đã huy động các chuyên gia y tế nhằm áp dụng một khuôn khổ về quyền con người để đảm bảo quyền về sức khỏe trong những trường hợp khẩn cấp và cả những tình huống không đảm bảo an ninh cho con người. Bạo lực là một vấn đề y tế công cộng cơ bản và là một trở ngại nghiêm trọng đối với việc hiện thực hoá quyền về sức khỏe. Mỗi năm, hàng triệu người chết vì thương tật do bạo lực. Những người sống sót nhưng tàn tật, cả về thể chất và tâm lý. Bạo lực có thể ngăn ngừa được. Bởi nó là kết quả của những yếu tố xã hội và môi trường phức hợp. Kinh nghiệm của bạo lực tập thể xảy ra trong các cuộc chiến quốc tế và nội chiến ở một số nước được đưa tin làm cho việc áp dụng bạo lực tại các nước đó ngày càng trở nên phổ biến.

2. MÔ TẢ VÀ ĐỊNH NGHĨA VẤN ĐỀ



Sức khỏe và các quyền con người

Giữa sức khỏe và quyền con người có những mối liên hệ quan trọng. Một số lĩnh vực có sự giao thoa như: bạo lực, tra tấn, ép buộc làm nô lệ, phân biệt đối xử, nguồn nước, lương thực, nhà ở và những tập tục truyền thống.

"Khát vọng của tôi là sức khỏe cuối cùng sẽ được nhìn nhận không phải như một loại hạnh phúc mà ta cầu mong để đạt được, mà là một loại quyền con người mà ta tranh đấu để đạt được".

Kofi Annan

Cam kết của UDHR đối với quyền sức khỏe là coi nó như một phần của quyền được có một chuẩn mực sống đầy đủ, đã được đưa ra rõ ràng hơn tại Điều 12 của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hoá và xã hội (ICESCR), năm 1966. Công ước này được thông qua cùng thời

điểm với Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR). Sự tách biệt các công ước thành hai nhóm là biểu hiện cho sự căng thẳng của cuộc Chiến tranh Lạnh, trong đó các nước phương Đông dành ưu tiên các quyền trong ICESCR còn các nước phương Tây đấu tranh vì các quyền dân sự và chính trị được coi như trung tâm của mỗi quan tâm về quyền con người. Đến nay, ICCPR đã có 155 nước phê chuẩn và ICESCR có 152 nước phê chuẩn; Mỹ đã ký cả hai Công ước nhưng chỉ phê chuẩn ICCPR, và Trung Quốc ký cả hai công ước nhưng chỉ phê chuẩn ICESCR. Điều 12 của ICESCR là nền tảng của quyền về sức khỏe quy định như sau:

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền của mọi người được hưởng chuẩn mực cao nhất về sức khỏe cả thể chất lẫn tinh thần.
2. Các biện pháp mà quốc gia thành viên của Công ước thực hiện nhằm đạt được sự hiện thực hoá đầy đủ các quyền này bao gồm cả các biện pháp cần thiết về:
 - a. Quy định việc giảm tỷ lệ trẻ chết ngay sau khi sinh và tử vong ở trẻ em, nâng cao sức khỏe cho trẻ em;
 - b. Cải thiện mọi mặt của vệ sinh công nghiệp và môi trường;
 - c. Phòng ngừa, chữa trị và kiểm soát các bệnh truyền nhiễm, bệnh đặc thù, bệnh nghề nghiệp và các bệnh khác;
 - d. Tạo điều kiện đảm bảo tất cả các dịch vụ y tế và chăm sóc y tế khi ốm đau.

Có một số điều ước khu vực về quyền con người tiếp tục đưa ra các quy định về quyền về sức khỏe, như: Điều 11 Hiến chương xã hội châu Âu năm 1961 (được sửa đổi năm 1996), Điều 10 Nghị định thư bổ sung cho Công ước châu Mỹ về quyền con người trong lĩnh vực các quyền kinh tế, văn hoá và xã hội năm 1988 và Điều 16 Hiến

chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc năm 1981.

Các chính phủ tiếp cận nghĩa vụ của mình theo Điều 12 của ICESCR bằng những cách khác nhau, và cơ quan chịu trách nhiệm giám sát thực hiện Công ước đã làm rõ nghĩa vụ của các quốc gia theo Bình luận chung số 14, một văn bản giải thích Công ước được thông qua vào tháng 5/2000. Bình luận chung này nhấn mạnh đến cách thực hiện quyền con người về sức khỏe dựa vào các quyền con người khác, bao gồm quyền sống, lương thực, nhà ở, lao động, giáo dục, tham gia, hưởng các lợi ích của sự tiến bộ khoa học và các ứng dụng của khoa học, quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và chia sẻ thông tin, không có sự phân biệt, cấm tra tấn, và tự do hội họp và lập hội, đi lại.

Tính sẵn có, tính có thể tiếp cận, tính có thể được chấp nhận và tính chất lượng



Bình luận chung cũng đưa ra bốn tiêu chí để đánh giá quyền về sức khỏe:

Tính sẵn có: đề cập đến hoạt động của các cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe công, hàng hoá và dịch vụ, cũng như các chương trình hiện hữu nhằm đáp ứng đầy đủ về số lượng.

Việc tiếp cận các cơ sở y tế: hàng hoá và dịch vụ về sức khỏe quy định không có sự phân biệt, đảm bảo có thể tiếp cận được về vật chất, có thể có khả năng chi trả và được thông tin đầy đủ.

"Con người là phương thuốc cho con người"

Châm ngôn truyền thống của Wolf

Tính có thể được chấp nhận: đặt ra yêu cầu là tất cả các cơ sở y tế, hàng hoá và dịch vụ phải tôn trọng đạo đức y tế, phù hợp về văn hoá, nhạy cảm giới và đáp ứng được những đòi hỏi của chu kỳ sinh học cũng như phải đảm bảo tôn trọng bí mật riêng tư, cải thiện sức khỏe và tình trạng sức khỏe của những người liên quan.

Tính chất lượng: đòi hỏi các cơ sở y tế, hàng hoá và dịch vụ phải phù hợp về mặt khoa học, y tế và có chất lượng tốt.

Không phân biệt đối xử

Sự phân biệt đối xử vì lý do giới tính, dân tộc, độ tuổi, nguồn gốc xã hội, tôn giáo, mất khả năng về thể chất hay tinh thần, tình trạng sức khỏe, định hướng giới tính, dân tộc, địa vị dân sự, chính trị hay địa vị khác có thể làm tổn hại đến việc hưởng thụ quyền về sức khỏe. Liên quan đến vấn đề này, các văn kiện như: Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR), Công ước quốc tế về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD) năm 1965 và Công ước quốc tế về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối với phụ nữ (CEDAW) năm 1979 có vai trò đặc biệt quan trọng. Tất cả những văn kiện này đề cập đến sự tiếp cận chăm sóc sức khỏe mà không có sự phân biệt đối xử. Điều 10, 12 và 14 của CEDAW khẳng định các quyền bình đẳng của phụ nữ là được tiếp cận chăm sóc về sức khỏe, kể cả kế hoạch hoá gia đình, các dịch vụ phù hợp về chăm sóc sức khỏe sinh sản và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe gia đình và phụ nữ mang thai.

 **Không phân biệt đối xử.**



Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động (1995) tập trung vào quan điểm chính thống về sức khỏe và nhu cầu thu hút sự tham gia đầy đủ của phụ nữ trong đời sống xã hội như là: *"Sức khỏe của phụ nữ liên quan đến tình trạng mạnh khỏe về tình cảm, xã hội và thể chất và được hoàn cảnh xã hội, chính trị, kinh tế trong đời sống của họ cũng như do mặt sinh học quyết định. Để đạt được sức khỏe, sự bình đẳng tối ưu, kể cả việc chia sẻ trách nhiệm gia đình, thì hoà bình và phát triển là những điều kiện cần thiết"*. Những nguyên tắc này mang tính xuyên suốt trong hệ thống của Liên hiệp quốc và thông qua nỗ lực của các tổ chức phi chính phủ (NGOs). Phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, người bản địa và bộ lạc là những nhóm dễ bị tổn thương và bị gạt ra khỏi xã hội. Những nhóm này dễ gặp phải những vấn đề về sức khỏe

do sự phân biệt đối xử. Ví dụ liên quan đến quyền sức khoẻ đối với phụ nữ cho thấy việc nhấn mạnh đến nghĩa vụ của Chính phủ phải trợ giúp trong việc thực hiện quyền về sức khoẻ.

Quyền được hưởng lợi từ sự tiến bộ của khoa học

Dịch AIDS cho thấy sự cấp bách của việc cần phải phát minh ra thuốc chữa trị và nâng cao tri thức khoa học cho người dân ở các nước đang phát triển. Việc tiếp cận hạn chế đối với điều trị kháng virút càng khẳng định thêm nhận thức để hiện thực hoá chuẩn mực sức khoẻ cao nhất có thể đạt được, người dân trên toàn thế giới cần phải có cơ hội sử dụng tri thức khoa học liên quan đến sức khoẻ và tự do theo đuổi yêu cầu về khoa học. Từ lâu, các chính phủ đã công nhận Điều 15 của ICESCR quyền “*được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và những ứng dụng của nó*” và nghĩa vụ của các chính phủ là phải duy trì, phát triển, phổ biến khoa học và nghiên cứu khoa học. Đồng thời, Điều 15 cũng bảo vệ lợi ích của các tác giả của những sản phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật. Quyền được hưởng lợi từ thuốc chữa bệnh đang bị cản trở bởi các quyền sở hữu trí tuệ nhằm bảo vệ quyền sáng chế của các công ty dược phẩm. Chính sách của một số nước, như Nam Phi, Ấn Độ, Brazil và Thái Lan đã phải vượt qua những rào cản về bảo hộ sáng chế này để đi đến một quyết định tại Hội nghị Bộ trưởng tại Doha, năm 2001. Các thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã thống nhất rằng các nguyên tắc bảo hộ các sáng chế như: “*...cần được giải thích và thực hiện theo cách thức khuyến khích quyền của các thành viên WTO được bảo vệ sức khoẻ công cộng, cụ thể là, thúc đẩy khả năng tiếp cận thuốc chữa bệnh cho tất cả mọi người*”. Hơn nữa, Hội nghị cũng đề cập đến quyền của mỗi quốc gia thành viên “*... được xác định tình trạng khẩn cấp quốc gia hay các trường hợp khẩn cấp đặc biệt khác [cho phép cấp giấy phép mang tính bắt buộc]; bởi vậy điều này được hiểu là khi có sự khủng hoảng về y tế, kể cả liên quan đến HIV/AIDS, bệnh lao, sốt rét và các*

bệnh dịch khác, có thể được coi như là một tình trạng khẩn cấp quốc gia hay khẩn cấp đặc biệt”.

(Nguồn: **WTO. 2001. Tuyên bố Doha về Hiệp định TRIP và Y tế công cộng**, xem thêm phần dưới).

Toàn cầu hoá và quyền con người về sức khoẻ

Từ những năm 1970, nền kinh tế thế giới đã có sự thay đổi đáng kể do quá trình toàn cầu hoá và có những tác động trực tiếp, gián tiếp đến sức khoẻ con người. Một số kết quả dẫn đến sự thay đổi tích cực như: sự gia tăng cơ hội việc làm, sự chia sẻ tri thức khoa học, và khả năng đưa lại chuẩn mực y tế ngày càng cao trên thế giới, với sự hợp tác giữa các chính phủ, xã hội dân sự và các công ty. Tuy nhiên, những hậu quả tiêu cực cũng rất lớn như: quá trình tự do hoá thương mại, đầu tư ở các nước có chuẩn mực lao động thấp và quảng bá các sản phẩm mới trên thế giới trong một số trường hợp do sai lầm của chính phủ hoặc do thiếu quy định pháp lý nên đã tạo nên những lợi ích bất bình đẳng, và bởi vậy dẫn đến những tác động tiêu cực về sức khoẻ. Khả năng của các chính phủ về giảm thiểu những hậu quả tiêu cực có thể của dòng chảy ngày càng gia tăng về hàng hoá, tiền tệ và dịch vụ thì các biên giới quốc gia về dân tộc, văn hoá và tri thức không thể theo kịp xu hướng này. Đồng thời, các công ty đa quốc gia có thể trốn tránh được trách nhiệm. Ví dụ, theo Nhóm đặc nhiệm của Tổ chức Y tế thế giới về sức khoẻ và kinh tế, những chất độc hại, như thuốc lá, được buôn bán tự do mà không có sự bảo vệ tương ứng đối với sức khoẻ của người dân.

Sự thay đổi của các quy định pháp luật và thực tiễn thương mại dựa trên quy định pháp luật về quyền con người đã thúc đẩy ở một phạm vi rộng sự quan tâm về sức khoẻ. Một ví dụ về việc nâng cao nhận thức về nhu cầu phải có quy định tốt hơn liên quan đến việc cấp giấy phép cho dược phẩm đã được đặt ra. Mặc dù Tuyên bố Doha (2001) về TRIPS và sức khoẻ công cộng đã đề cập trong phần trước, các thành viên của WTO đã chấp nhận rằng các chính phủ có thể cấp các giấy phép bắt buộc để sản xuất thuốc chữa bệnh trong

các trường hợp khẩn cấp (Điều 5), và dành sự trợ giúp đối với các nước không có khả năng sản xuất để có được các dược phẩm (Điều 6) và các nước phát triển cần trợ giúp các nước đang phát triển để có được sự chuyển giao công nghệ và tri thức trong lĩnh vực dược phẩm (Điều 7). Một quyết định của Đại Hội đồng của WTO vào tháng 8/2003, đã bị thay thế bằng việc bổ sung Hiệp định TRIPS được thống nhất từ năm 2005 cho phép các nước cấp giấy phép bắt buộc để sản xuất các thuốc chữa bệnh được bảo hộ xuất khẩu đến các nước kém phát triển ít hoặc không có khả năng sản xuất. Theo cách này, nhu cầu về y tế công cộng đã được ưu tiên hơn so với các quyền về sáng chế. Tuy nhiên, có một số quan ngại rằng những thành tựu này có thể lại bị hạn chế bởi cái gọi là các nguyên tắc bổ sung của TRIPS được quy định trong các hiệp định thương mại song phương và khu vực dẫn tới những thách thức mới về quyền về sức khỏe và quyền sống.

*"Con người là trung tâm
của sự quan tâm về
phát triển bền vững".*

**Tuyên bố Rio về
Môi trường và phát triển. 1992**

Sức khỏe và môi trường



Quyền có một môi trường lành mạnh, được ghi nhận trong Nghị quyết số 45/94 ngày 14/12/1990 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc, đưa ra quyền của mọi người là "... được sống trong môi trường phù hợp với sức khỏe và tình trạng yên vui của bản thân". Quyền này đã được công nhận trong Hiến pháp của 90 nước, hầu hết là các hiến pháp được ban hành sau Hội nghị Rio về môi trường và phát triển (1992). Hội nghị thượng đỉnh về trái đất ở Rio de Janeiro và kế hoạch được thông qua là Chương trình nghị sự 21 (1992) đã tạo ra khuôn khổ chính sách riêng biệt nối kết các mối quan tâm về kinh tế, xã hội và môi trường như là những trụ cột của sự phát triển bền vững. Sự an

toàn và trong sạch nguồn nước, không khí, sự cung ứng đầy đủ thực phẩm dinh dưỡng đều liên quan đến môi trường trong lành và hiện thực hoá quyền về sức khoẻ. Tuy vậy, 10 năm sau Chương trình Nghị sự 21, những thống kê dưới đây cho thấy sự không tương xứng của những nỗ lực nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra:

- Hơn 840 triệu người dân phải chịu đói;
- 83 % dân số thế giới không có đủ nước sạch;
- 58% dân số thế giới không được tiếp cận với hệ thống bảo vệ sức khoẻ cải thiện.

(Nguồn: **UNDP. 2005. Báo cáo phát triển con người 2005**).

Trong một kháng thư gửi đến Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc năm 1996, một số tổ chức phi chính phủ (NGOs) khẳng định rằng chính phủ quân sự của Nigeria đã liên quan trực tiếp đến việc sản xuất dầu thông qua công ty dầu của Nhà nước và Tập đoàn dầu mỏ Shell, cho rằng những hoạt động này đã gây ra sự suy thoái môi trường và các vấn đề sức khỏe bắt nguồn từ sự ô nhiễm môi trường của người Ogoni. Tháng 10/2001, Ủy ban châu Phi nhận thấy Cộng hoà liên bang Nigeria vi phạm một số điều của Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc, kể cả quyền về sức khỏe. Đây là vấn đề quan trọng đặt ra đối với trách nhiệm của Nhà nước là phải bảo vệ môi trường và sức khỏe của người dân sở tại chống lại những tác động của hành động này.

Hội nghị thượng đỉnh về phát triển bền vững (WSSD) ở Johannesburg, năm 2002 đã đánh giá việc thực hiện Chương trình 21. Trong Kế hoạch hành động Johannesburg, một cam kết mạnh mẽ được đưa ra nhằm cải thiện hệ thống thông tin y tế toàn thế giới và hiểu biết về sức khỏe, giảm thiểu sự lan truyền HIV, giảm thiểu các nguyên tố độc hại trong không khí, nước và gắn kết sự quan tâm về sức khỏe với việc xoá nghèo.

Một nguyên tắc mới hướng dẫn các hoạt động

của con người nhằm ngăn ngừa sự tổn hại đối với môi trường và sức khoẻ đã được đưa ra hơn mười năm qua: nguyên tắc hành động phòng ngừa hay nguyên tắc phòng ngừa. Nguyên tắc này, do một nhóm các nhà khoa học quốc tế, các quan chức chính phủ, luật sư và các nhà hoạt động vì người lao động và dân thường ở Winsconsin, Mỹ vào năm 1998 xây dựng và phát triển nhằm yêu cầu người đề xướng công nghệ mới phải chứng minh tính an toàn của nó trước khi đưa ra công chúng cũng như tác động của nó đến môi trường. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là tất cả các quyết định áp dụng theo nguyên tắc phòng ngừa phải mang tính "*mở, thông tin, và dân chủ*" và "*phải tính đến các bên bị ảnh hưởng*".

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HOÁ VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN



Tuyên bố Vienne năm 1993 đã làm rõ những khác biệt cần được thừa nhận nhưng không phải là theo cách thức phủ nhận tính phổ quát của các quyền con người. Bình luận chung số 14 về quyền sức khoẻ được xây dựng trên nhận thức này bằng việc yêu cầu các cơ sở y tế, hàng hoá và dịch vụ phải phù hợp về văn hoá. Một khía cạnh văn hoá của quyền con người về sức khoẻ nhấn mạnh quá mức đến hệ thống y sinh về sức khoẻ và do đó dựa trên sự nhận thức về cách thức để hiện thực hoá quyền về sức khoẻ. Tuy nhiên, ở nhiều nơi trên thế giới, y học truyền thống (TM) là phổ biến trong các cơ sở chăm sóc sức khoẻ. Ở châu Phi, có đến 80% dân số sử dụng TM để đáp ứng các nhu cầu về chăm sóc sức khoẻ của mình. Ở châu Á (đặc biệt là Trung Quốc), Mỹ La tinh, và trong những người bản xứ ở Úc và châu Mỹ, TM được sử dụng rộng rãi (hơn 40%). WHO xác định TM như là liệu pháp "... liên quan đến việc sử dụng thuốc đông y, các bộ phận cơ thể của động vật và/hoặc khoáng chất; và các liệu pháp phi y học [...] các liệu pháp thủ công và liệu

pháp tinh thần". Thực tiễn sử dụng TM có liên hệ gần gũi với quyền văn hoá, các đạo luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, quyền về đất đai và quyền về phát triển bền vững. Trên cơ sở thừa nhận việc sử dụng rộng rãi và các lợi ích của TM, tầm quan trọng của các liệu pháp thích hợp về kinh tế và văn hoá, WHO đã phát triển một Chiến lược Y học truyền thống (2002-2005) nhằm đảm bảo cho việc sử dụng hợp lý TM ở các nước phát triển.

Trong một số trường hợp, quyền về sức khoẻ có thể bị bỏ qua hay bị vi phạm do các mối quan hệ quyền lực không bình đẳng về giới, độ tuổi, chủng tộc, tôn giáo, dân tộc... vốn tồn tại trong các nhóm và được coi là có liên quan chặt chẽ với văn hoá. Một lần nữa, nguyên tắc cơ bản về không phân biệt đối xử được áp dụng. Tục cắt bỏ âm vật của phụ nữ (FGM) là một thực tế phổ biến ở châu Phi và nhiều nơi ở Trung Đông và Địa Trung Hải. Tập tục này, mặc dù thường bị quy kết một cách sai lầm là để thực hành tôn giáo đã có lịch sử hơn 2000 năm. Nó gây tổn thương nghiêm trọng đến sức khoẻ về thể chất, tâm lý của trẻ em gái và phụ nữ.

Theo một tuyên bố chung của WHO, UNICEF và Quỹ Dân số thế giới từ tháng 2/1996: "*Điều không thể được chấp nhận là cộng đồng quốc tế vẫn thụ động theo quan điểm bị xuyên tạc về chủ nghĩa đa văn hoá. Tuy nhiên, hành vi của con người và các giá trị văn hoá là vô nghĩa hay có tính huỷ diệt khi chúng có thể xuất phát từ lập trường văn hoá và cá nhân của những người khác và khi chúng mong muốn, thực hiện. Tuy nhiên, văn hóa không có tính ổn định mà là dòng chảy không ngừng, mang tính thích nghi và cải cách*".

4. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người về sức khoẻ



Nghĩa vụ của các chính phủ về đảm bảo để các thành viên của xã hội được hưởng chuẩn mực sức

khoẻ cao nhất đòi hỏi một loạt các cam kết. Nghĩa vụ tôn trọng quyền con người về sức khoẻ có nghĩa là Nhà nước không thể can thiệp hay vi phạm quyền này. *Một ví dụ* về việc từ chối chữa trị cho một số nhóm nhất định, như là các tộc người thiểu số hay các tù nhân, và tùy tiện phủ nhận việc chữa trị trường hợp không cho phép phụ nữ được bác sỹ nam chữa trị. Bảo vệ quyền về sức khoẻ có nghĩa là Nhà nước phải ngăn ngừa các chủ thể phi Nhà nước không được can thiệp bằng bất cứ cách nào đối với việc hưởng quyền con người. *Ví dụ như:* tiến hành ngăn ngừa một công ty thải chất độc hại vào nguồn cung cấp nước. Nếu vi phạm xảy ra, Nhà nước phải có hình thức bồi thường cho người dân. Điều này cũng có nghĩa là Nhà nước có nghĩa vụ thông qua pháp luật cần thiết và đầy đủ, như các đạo luật điều chỉnh và giám sát quản lý chất thải độc hại. Thực hiện quyền nghĩa là Nhà nước phải tiên phong trong việc cung cấp khả năng tiếp cận chăm sóc sức khoẻ cho người dân. *Ví dụ* cần có đủ số lượng các cơ sở y tế để phục vụ người dân và những cơ sở này cần cung cấp dịch vụ phù hợp với tiềm lực của người dân. Nhà nước cần công khai địa điểm, dịch vụ và những yêu cầu của cơ sở y tế. Điều này có thể không được bảo đảm khi cơ sở y tế chỉ do khu vực tư nhân đảm nhận.

Những giới hạn của quyền con người về sức khoẻ

Một số quyền con người có ý nghĩa quan trọng mà không thể bị hạn chế. Những quyền này bao gồm quyền tự do, không bị tra tấn và buộc làm nô lệ, quyền được xét xử công bằng và tự do tư tưởng. Các quyền con người khác có thể bị hạn chế khi lợi ích công cộng được đặt cao hơn quyền lợi cá nhân. Bảo vệ quyền con người đối với sức khoẻ được Nhà nước sử dụng dưới góc độ y tế công cộng như là lý do để đưa ra những hạn chế đối với các quyền con người khác. Điều này thường đặt ra trong nỗ lực ngăn ngừa sự lây lan các bệnh truyền nhiễm (lúc đó một số quyền tự do khác sẽ bị giới hạn). Việc hạn chế quyền tự do đi lại nhằm cách ly và cô lập người dân là những biện pháp được thực hiện để ngăn ngừa sự lây lan

bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng như Ebola, thương hàn và bệnh lao. Những biện pháp này là chưa cần thiết phải áp dụng ở những thời điểm nhất định. Để ngăn ngừa sự lạm dụng các quyền con người được thực hiện dưới tên gọi là sức khoẻ công cộng thì hành động hạn chế phải được chính phủ thực hiện như là một giải pháp cuối cùng. Các nguyên tắc Syracuse quy định khuôn khổ hẹp, theo đó những hạn chế có thể được đặt ra.

- Hạn chế được đặt ra và thực hiện phù hợp với pháp luật;
- Hạn chế được đặt ra phải quan tâm đến mục tiêu hợp pháp vì lợi ích chung;
- Hạn chế đặt ra chỉ khi thật cần thiết trong một xã hội dân chủ nhằm đạt được mục tiêu;
- Hạn chế không được mang tính tùy tiện và các phương tiện hạn chế phải sẵn có để đạt được mục tiêu tương tự;
- Hạn chế không phải được đặt ra hay áp đặt tùy tiện, theo cách thức không hợp lý hoặc mang tính phân biệt đối xử.

Các cơ chế giám sát

Để đảm bảo rằng các chính phủ tuân thủ nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực thi quyền con người đối với sức khoẻ đòi hỏi cần có các cơ chế ở cả cấp quốc gia và quốc tế. Ở cấp quốc gia, các cơ quan của chính phủ, thanh tra và các NGOs có thể tham gia quá trình đánh giá chính thức khi quốc gia phê chuẩn điều ước bảo đảm quyền về sức khoẻ. Các bên của điều ước về quyền con người phải trình báo cáo cho cơ quan giám sát điều ước. Tại thời điểm xem xét báo cáo, các NGOs cũng đưa ra các báo cáo (thường được gọi "báo cáo bóng"). Các "báo cáo bóng" đưa ra quan điểm của xã hội dân sự và có thể không phù hợp với báo cáo của chính phủ. Tất cả các thông tin đưa ra được xem xét khi cơ quan điều ước chuẩn bị các bản quan sát và kết luận cuối cùng. Mặc dù

không có biện pháp bắt buộc phải tuân thủ nhưng báo cáo này trở thành một phần trong hồ sơ công khai và về vấn đề này, các nước có thể không muốn bị đổ lỗi là đã lạm dụng các quyền con người vì điều đó có thể gây ra nhiều hậu quả trong đó có việc ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ với các nước khác.

Năm 2002, Ủy ban quyền con người của Liên hiệp quốc đã chỉ định một Báo cáo viên đặc biệt về quyền cho mọi người được hưởng chuẩn mực cao nhất có thể về sức khỏe, thể chất và tinh thần. Báo cáo viên thu thập thông tin và tiến hành đối thoại với các chính phủ và các bên liên quan, đưa ra báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện quyền về sức khỏe, bao gồm pháp luật, chính sách, thực tiễn và những trở ngại đồng thời đưa ra các khuyến nghị cần thiết. Để thực hiện nhiệm vụ của mình, Báo cáo viên thực hiện các chuyến viếng thăm các quốc gia và phản hồi lại những vi phạm quyền về sức khỏe. Báo cáo viên cũng đã tới làm việc với WTO.

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT

Phòng chống HIV/AIDS

Những câu chuyện thành công ở Campuchia, U-gan-đa, Senegan, Thái Lan, ngoại ô Zambia và các nước có thu nhập cao cho thấy các cách tiếp cận dự phòng toàn diện là rất hiệu quả. Bằng chứng cho thấy là:

- Sự thay đổi hành vi đòi hỏi phải có thông tin mang tính mục tiêu và phù hợp với từng địa phương, có đào tạo về kỹ năng đàm phán và ra quyết định, hỗ trợ xã hội và pháp luật, tiếp cận các phương tiện phòng ngừa (bao cao su và kim tiêm sạch), thúc đẩy sự thay đổi.
- Không có biện pháp dự phòng riêng biệt nào có thể dẫn đến sự thay đổi hành vi mang tính phổ biến trong dân chúng. Các chương trình dự phòng ở cấp độ quốc gia cần tập trung vào

các hợp phần phức hợp được xây dựng với đầu vào gần gũi với nhóm dân cư đích.

- Các chương trình về dân số nói chung cần tập trung đặc biệt vào thanh niên.

“Khi các loài thực vật thân thiện nghe được thông tin các loài động vật đã quyết định chống đối lại loài người, chúng đã bố trí biện pháp để đối phó. Mỗi bụi cây, thảo mộc, cỏ và rêu đều phù hợp với việc chữa trị cho một loại bệnh dịch do động vật và các loại côn trùng gây ra. Sau đó, khi những người Ấn Độ ở Cherokee đến khám bệnh cho Pháp sư và khi người khám bệnh đang còn do dự, Pháp sư đã nghĩ đến các loài thực vật có thể được sử dụng để trị bệnh cho con người. Đó là sự khởi nguồn của thuốc chữa bệnh trong bộ lạc Cherokee từ xa xưa.

Cherokee. Nguồn gốc của thuốc chữa bệnh

- Các mối quan hệ là cần thiết để có được thành công. Các chương trình phối hợp nhằm hướng vào các nhóm dân số khác nhau cần có các đối tác phức hợp, kể cả những người nhiễm HIV/AIDS.
- Lãnh đạo chính trị là quan trọng để có sự hưởng ứng hiệu quả.

Bồi thẩm của công dân và chính sách sức khỏe cộng đồng

Bồi thẩm của công dân (CJ) là một mô hình mới về việc đưa ra các quyết sách y tế công cộng. Những mô hình này ở Anh, Đức, Scandinavia, và Mỹ có sự tham gia của từ 12 đến 16 công dân, đại diện cho đông đảo dân chúng, nhằm xem xét kỹ thông tin, hỏi các nhân chứng chuyên gia, thảo luận, biểu quyết và công khai các tài liệu của mình. Các cơ quan có thẩm quyền phải có câu trả lời trong thời hạn nhất định. Ở Anh, các nghiên cứu thí điểm ở diện rộng cho thấy các CJ phù hợp cho việc giải quyết các vấn đề phức tạp và đưa ra các phát hiện tin cậy hơn là các cuộc thăm dò, tập trung vào các nhóm và các cuộc họp công khai. Vấn đề rõ ràng là các công dân bình thường sẵn

sàng trở thành người liên quan trực tiếp trong việc ra quyết định và họ có các quan điểm rõ ràng, phù hợp về loại y tế công mà họ đang mong muốn được mang đến cho chính mình và gia đình.

Lời thề Malicounda

Vào những năm 1980, một tổ chức quần chúng ở Senegan đã xây dựng chương trình giảng dạy về cách giải quyết vấn đề trong đó cả làng cùng được học về các quyền con người và áp dụng những kiến thức này vào đời sống hàng ngày. Chương trình tạo cho học viên cơ hội để giải quyết các vấn đề như sức khỏe, vệ sinh, môi trường, kỹ năng quản lý tài chính và các kỹ năng quản lý cần thiết. TOSTAN đã triển khai chương trình ở Malicounda (một làng có 3.000 cư dân). Đây là một trong các làng ở vùng Bambara nơi vẫn tồn tại tập tục bịt cơ quan sinh dục của phụ nữ hết sức dã man. Sau cuộc thảo luận công khai rộng rãi, kể cả việc trình diễn trên sân khấu đường phố tập trung vào các vấn đề về bệnh truyền nhiễm, sự nguy hiểm khi sinh đẻ và những đau đớn khi bị bịt cơ quan sinh dục thì toàn bộ làng đã thề rằng sẽ chấm dứt tập tục bịt bộ phận sinh dục nữ. Điều này được biết đến như là "Lời thề Malicounda". Hai già làng sau đó bắt đầu tuyên truyền cho các làng khác rằng tập tục này cần phải được chấm dứt. Vào tháng 02/1998, 13 làng khác đã thực hiện Lời thề này. Hơn 15 làng đã chấm dứt tập tục này vào tháng 6 cùng năm đó. Phong trào này đã thu hút sự chú ý của quốc tế. Vào ngày 13/01/1999, Quốc hội Senegan đã thông qua một đạo luật cấm tập tục cắt bỏ âm vật của phụ nữ. Chỉ bằng hành động pháp lý này sẽ không đủ để xóa bỏ tập tục dã man đó. Khoá đào tạo của TOSTAN nhấn mạnh mối liên kết giữa quyền về sức khỏe với các quyền con người khác.

Sổ lưu niệm

Ở nhiều nước, sổ lưu niệm được xem như là một cách quan trọng mở ra những kênh thông tin về HIV/AIDS trong các gia đình về HIV/AIDS và đặc biệt là giúp các bà mẹ nhiễm HIV (đương tính) nói với con cái mình về tình trạng nhiễm

bệnh của mình. Cha mẹ nhiễm bệnh không thể chữa được và con cái đã cùng nhau biên soạn một cuốn sổ lưu niệm như là cuốn album gồm các bức ảnh, câu chuyện, những việc đáng ghi nhớ trong gia đình. Ở Uganda, việc sử dụng các sổ lưu niệm được Tổ chức ủng hộ AIDS (TASO) phát động vào đầu những năm 1990. Từ năm 1998, Liên đoàn phụ nữ quốc gia sống chung với AIDS đã thúc đẩy phương pháp này ở quy mô rộng hơn, với sự giúp đỡ của Kế hoạch Uganda. Liên đoàn nhận thấy rằng những người mẹ nhiễm HIV gặp nhiều khó khăn trong việc trao đổi thông tin với con cái về tình trạng bệnh của mình; các cuốn sổ lưu niệm là cách tốt nhất để phụ nữ giúp trẻ em hiểu biết về HIV/AIDS cùng những tác động của nó. Cuốn sổ lưu niệm là lời nhắc nhở trẻ em về nguồn gốc để chúng không mất đi ý thức về người thân. Cuốn sổ cũng thúc đẩy việc ngăn ngừa HIV/AIDS bởi trẻ em sẽ chứng kiến và hiểu được sự thách thức mà cha mẹ đang phải đương đầu và không muốn phải trải qua số phận tương tự.

"Để thành công trong việc xóa bỏ tập tục FGM đòi hỏi sự thay đổi cơ bản về thái độ theo cách mà xã hội nhận thức được về các quyền của phụ nữ"

Efua Dorkenoo.

Quan tâm đến những thành viên dễ bị tổn thương trong xã hội

Ở mọi nơi trên thế giới, những người sử dụng ma túy và tù nhân là những thành viên dễ bị tổn hại nhất trong xã hội. Trong bối cảnh HIV/AIDS cũng như trong các điều kiện nguy hiểm khác, quyền về sức khỏe cũng cần phải được thực hiện cho nhóm dân cư này bởi họ là những người phạm tội hay bị kết án về sử dụng ma túy nên thiếu sự tiếp cận thông tin, giáo dục và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ xã hội. Vào những năm 1980, Anh và Hà Lan đã đưa ra khái niệm về một mô hình là mô hình giảm hại. Từ đó, mô hình này được nhân rộng và điều chỉnh nhằm sử dụng phổ biến ở nhiều địa phương

khắp thế giới. Chiến lược này nhằm giảm thiểu tác hại cho người sử dụng ma túy, và cho cả cá nhân, cộng đồng. Một chuỗi các hoạt động được đưa ra từ việc sử dụng an toàn đến việc sử dụng có điều tiết và không sử dụng. Mặc dù mô hình về giảm hại có thể liên quan đến việc phi hình sự hoá một số loại ma túy trước đây được cho là trái phép, như ở Hà Lan, thì ít ra nó đòi hỏi sự thay đổi thái độ đối với ma túy của những người không sử dụng ở chừng mực mà các quy phạm về quyền con người, giúp cho việc chữa trị của người sử dụng ma túy cho dù họ bị giam giữ hay tự do trong xã hội. Bằng chứng xác thực cho thấy các cộng đồng đang thực hiện chính sách giảm hại ít chịu tác động của HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm qua đường máu từ những người sử dụng ma túy nhiễm HIV hơn là các cộng đồng không sử dụng biện pháp này. Các nước cũng đưa ra những biện pháp như cơ sở tiêm an toàn, trao đổi kim tiêm sạch, giáo dục và tái hoà nhập cũng là những nước ký kết các điều ước về kiểm soát ma túy và họ đều cho rằng việc giảm hại này không xung đột với các điều ước quốc tế khác.

Tuyên ngôn Montreal về người thiểu năng trí tuệ

Sau nhiều năm thảo luận về nhu cầu của những người thiểu năng trí tuệ, Hội nghị PAHO/WHO tại Montreal về người thiểu năng trí tuệ đã đưa ra tuyên ngôn ngày 06/10/2004 cam kết về sự thay đổi về cách của các nước và tổ chức quốc tế khi quy định các quyền của người tàn tật. Trước hết họ là một con người chứ không chỉ là một cá nhân bị tàn phế nên cần phải được coi là trung tâm của tất cả các chính sách. Tuyên ngôn kêu gọi cộng đồng quốc tế có nhận thức đầy đủ về nhiệm vụ đặc biệt nhằm bảo đảm cho những người không có khả năng nhận thức được thực hiện đầy đủ các quyền công dân của mình. Vấn đề trọng tâm là những điều kiện cơ bản: bình đẳng, không phân biệt đối xử và tự quyết. Thoát ra khỏi mô hình y sinh thuần túy, Tuyên ngôn thừa nhận “... *tầm quan trọng của*

cách tiếp cận các quyền con người về sức khoẻ, đối với người bình thường và người khuyết tật”. Mặc dù không có sự ràng buộc về mặt pháp lý, Tuyên ngôn là tài liệu phục vụ cho việc hướng dẫn và đưa ra các chuẩn mực để giải quyết các quyền của người khuyết tật về trí tuệ và vì vậy sẽ là tài liệu tham khảo quan trọng nhất trong lĩnh vực này.

SARS

Bệnh SARS bùng phát vào tháng 11/2002 và coi như đã được kiểm soát vào tháng 7/2003. Trong thời gian đó, có 8.400 người được công bố là nhiễm bệnh và có hơn 900 người chết. Các chiến lược đối phó của các nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất như là Trung Quốc, Hồng Kông, Việt Nam, Đài Loan và Canada đã mang lại nhiều ý nghĩa về quyền con người và nhấn mạnh vào yêu cầu phải cảnh giác để bảo vệ tất cả các quyền con người trong khi đảm bảo quyền về sức khoẻ. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình lan truyền bệnh dịch như: ý nghĩa của quyền tự do báo chí, nghĩa vụ của các nước đối với an ninh quốc tế và quyền về sức khoẻ cá nhân và những căn cứ để thực hiện việc cách ly. WHO dẫn chứng thành công của Việt Nam sau 45 ngày bùng phát với 65 người nhiễm bệnh và 5 người chết. Bản chất đích thực của quyền về sức khoẻ được minh chứng rất rõ ràng ở những nơi chịu trách nhiệm trực tiếp giúp Việt Nam đã xử lý thành công tình hình:

- Hệ thống y tế công cộng quốc gia hoạt động hiệu quả và toàn diện;
- Sự chữa trị thành công, giám sát và cách ly người nhiễm dịch;
- Phối hợp hiệu quả với WHO và các đối tác khác;
- Sự minh bạch về thông tin đưa đến cho công chúng qua các phương tiện thông tin và thông tin điện tử;
- Hợp tác hiệu quả trong các cơ quan, tổ chức quốc gia và địa phương.

2. XU HƯỚNG

Các chiến lược kết hợp quyền con người và phát triển y tế

Chiến lược quyền con người đối với sức khỏe có thể xác lập khuôn khổ để các nước và cộng đồng quốc tế chịu trách nhiệm về những điều đã thực hiện và những điều cần thực hiện vì sức khỏe con người. Mức độ các quyền con người được đưa vào trong quá trình xây dựng chính sách, phân tích các điều kiện sức khỏe về xã hội và thể chất, cung cấp dịch vụ y tế cho thấy trào lưu tích cực hướng tới thực hiện quyền con người về sức khỏe. Danh mục sau đây chỉ ra các xu hướng hiện nay:

Các lĩnh vực hiện có kinh nghiệm về gắn kết sức khỏe và quyền con người cả trong hoạt động của chính phủ, các đối tác và tài liệu khoa học:

- Các quyền về sinh sản và giới tính;
- HIV/AIDS;
- Tra tấn (ngăn ngừa và xử lý);
- Bạo lực đối với phụ nữ;
- Các bệnh truyền nhiễm.

Các lĩnh vực mà các chính sách và chương trình bắt đầu phản ánh nhận thức về giá trị của sự liên kết sức khỏe và các quyền con người:

- Các quyền của dân tộc thiểu số;
- Các quyền con người và đạo đức sinh học tác động của biến đổi gen;
- Sức khỏe bà mẹ và trẻ em;
- Quyền của người khuyết tật;
- Những thoả thuận thương mại đặc biệt và ảnh hưởng đến quyền về sức khỏe;
- Hồi phục sau thảm họa;
- Giảm nghèo.

Các lĩnh vực có rất ít nghiên cứu trên và thậm chí ít áp dụng lồng ghép giữa sức khỏe và quyền con người. Khoảng trống đáng chú ý là:

- Sức khỏe nghề nghiệp;
- Bệnh mãn tính;
- Dinh dưỡng;
- Môi trường (không khí, nước, nghề cá,...).

3. SỐ LIỆU THỐNG KÊ

Các trang dưới đây đưa ra mẫu thống kê sẵn có nhằm hỗ trợ cho nhu cầu cần phải tăng cường các nỗ lực nhằm đưa cách tiếp cận quyền con người vào lĩnh vực y tế.

- Tình hình nhiễm HIV: Ước tính số người sống chung với HIV (năm 2003):

Trên thế giới: 37.8 triệu người;

Ở các quốc gia kém phát triển nhất: 12 triệu người;

Ở các quốc gia đang phát triển: 34.9 triệu người;

Ở các quốc gia công nghiệp: 1.6 triệu người;
(Nguồn: **UNICEF**. Tình hình trẻ em trên thế giới năm 2006).

- Tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay đều là thành viên của ít nhất là một điều ước quốc tế về quyền con người trong đó có quyền về sức khỏe và nhiều quyền liên quan đến các điều kiện cần thiết cho sức khỏe.

(Nguồn: WHO. 2002. 25 Câu hỏi – đáp về sức khỏe và quyền con người).

- Bạo lực là một trong những nguyên nhân gây ra cái chết của nhiều người trong độ tuổi từ 15 đến 44 trên toàn thế giới, thống kê khoảng 14% nam giới và 7% nữ giới.

(Nguồn: **WHO. 2002**. Báo cáo thế giới về bạo lực và sức khỏe).

"Thông tin và thống kê là công cụ hiệu quả để tạo ra văn hoá về trách nhiệm giải trình và để nhận biết các quyền con người".

Báo cáo Phát triển con người 2000

Chi tiêu cho dịch vụ công: (trên % GDP)			
Tên nước	Giáo dục (2000 - 02)	Y tế (2002)	Chi tiêu cho quân đội (2003)
Úc	4.9	6.5	1.9
Áo	5.7	5.4	0.8
Burkina Faso		2.0	1.3
Trung Quốc		2.0	2.7
Cu Ba	9.0	6.5	
Georgia	2.2	1.0	1.1
Đức	4.6	8.6	1.4
Ấn Độ	4.1	1.3	2.1
Mali		3.2	1.9
Thụy Điển	7.7	7.8	1.8
Anh	5.3	6.4	2.8
Mỹ	5.7	6.6	3.8
Zimbabwe	4.7	4.4	2.1
(Nguồn: UNDP. 2005. Báo cáo Phát triển con người 2005).			

Chi tiêu cho y tế (năm 2002)			
Tên nước	Y tế công (% tổng GDP)	Y tế tư nhân (% tổng GDP)	Bình quân theo đầu người (USD)
Úc	6.5	3.0	2,699
Áo	5.4	2.3	2,220
Burkina Faso	2.0	2.3	38
Trung Quốc	2.0	3.8	261
Cu Ba	6.5	1.0	236
Georgia	1.0	2.8	123
Đức	8.6	2.3	2,817
Ấn Độ	1.3	4.8	96
Mali	2.3	2.2	33
Thụy Điển	7.8	1.4	2,512
Anh	6.4	1.3	2,160
Mỹ	6.6	8.0	5,274
Zimbabwe	6.4	4.1	152
(Nguồn: UNDP. 2005. Báo cáo Phát triển con người 2005).			

Tuổi thọ trung bình toàn dân tính từ khi sinh (năm 2003)			
Tên nước	Toàn dân	Nữ	Nam
Úc	80.3	82.8	77.7
Áo	79.0	81.8	76.0
Burkina Faso	47.9	48.2	46.8
Trung Quốc	71.6	73.5	69.9
Cu Ba	77.3	79.2	75.5
Georgia	70.5	74.3	66.6
Đức	78.7	81.5	75.7
Ấn Độ	63.3	65.0	61.8
Mali	47.9	48.5	47.2
Thụy Điển	80.2	82.4	77.9
Anh	78.4	80.6	76.0
Mỹ	77.4	80.0	74.6
Zimbabwe	36.9	36.5	37.3
(Nguồn: UNDP. 2005. Báo cáo Phát triển con người 2005).			

Tỷ lệ tử vong khi sinh con	
Tên nước	Tỷ lệ tử vong khi sinh con Theo năm 2000 (tính trên 100.000 trường hợp sống khi sinh)
Úc	8
Áo	4
Burkina Faso	1,000
Trung Quốc	56
Cu Ba	33
Georgia	32
Đức	8
Ấn Độ	540
Mali	1,200
Thụy Điển	2
Anh	13
Mỹ	17
Zimbabwe	1,100
(Nguồn: UNDP.2005. Báo cáo Phát triển con người 2005).	

4. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

1946 Hiến chương của Tổ chức Y tế thế giới (WHO).
1966 Thông qua Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (ICESCR).
1975 Tuyên ngôn về sử dụng các tiến bộ trong khoa học và công nghệ vì mục đích hoà bình và vì lợi ích của loài người.
1975 Tuyên ngôn về quyền của người khuyết tật.
1978 Tuyên bố Alma Ata.
1991 Các nguyên tắc về Bảo vệ người mắc bệnh tâm thần và nâng cao sức khoẻ cho người tâm thần.
1992 Hội nghị của Liên hiệp quốc về môi trường và phát triển (UNCED).
1993 Tuyên ngôn về xoá bỏ bạo lực với phụ nữ.

1994 Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển (ICPD).
1995 Hội nghị thế giới lần thứ 4 về phụ nữ (FWCW).
1997 Tuyên ngôn toàn cầu về gen người và quyền con người (UNESCO).
1998 Tuyên ngôn về quyền và trách nhiệm của các cá nhân, các nhóm và các tổ chức trong xã hội về nâng cao, bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người đã được ghi nhận trên toàn thế giới.
1998 Nguyên tắc hướng dẫn về thay đổi nội bộ
2002 Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững.
2002 Bổ nhiệm Báo cáo viên đặc biệt về quyền con người.
2003 Tuyên ngôn quốc tế về dữ liệu gen (UNESCO).

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I: 1

HÌNH DUNG “MỘT TÌNH TRẠNG HOÀN TOÀN KHOẺ MẠNH VỀ THỂ XÁC, TINH THẦN VÀ XÃ HỘI”

Phần 1: Giới thiệu

Đối với nhiều người, khái niệm sức khỏe không phát triển rộng ở mức độ bao gồm các nhu cầu xã hội cũng như tình trạng của cá nhân. Hoạt động này cho phép học viên nhận ra các yếu tố khác nhau, từ đó tạo nên một tình trạng sức khỏe tốt nhất và chia sẻ các ý tưởng với các thành viên khác trong nhóm để đưa ra một khái niệm tổng hợp nhất.

Loại hoạt động: động não và phản hồi của nhóm

Câu hỏi thảo luận:

Lời nói đầu Hiến chương của WHO định nghĩa sức khỏe là: “... *tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và xã hội, không chỉ đơn thuần là không có bệnh tật*”. Những yếu tố và điều kiện nào là cần thiết để xác định tình trạng sức khỏe theo nghĩa rộng này trong cộng đồng của bạn?

Phần II: Thông tin chung về thảo luận

Mục đích và mục tiêu:

- Có được nhận thức về phạm vi rộng của khái niệm sức khỏe không chỉ ở mức độ là “không mắc bệnh”;
- Gọi mở để học viên tự nhận thức về vấn đề quyền sức khỏe;
- Tạo ra mối liên hệ giữa sức khỏe và các nhu cầu cơ bản khác;
- Tạo ra mối liên hệ giữa các nhu cầu cơ bản và quyền con người.

Nhóm đối tượng: những người đã trưởng thành.

Số lượng: 10 - 30 người.

Thời gian: 2 giờ.

Tài liệu: Giấy khổ lớn, bút và băng keo để dán giấy vào tường. Bản sao Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người (UDHR) hoặc các văn bản khác lấy từ các loại sách về quyền con người theo chủ đề ví dụ cuốn Lời kêu gọi về công lý. Tập tài liệu Trách nhiệm và các cam kết của chính phủ về Quyền con người. PDHRE, 2002.

Các kỹ năng liên quan:

- Giao tiếp trực tiếp;
- Phép phân tích.

Nguyên tắc động não:

Tất cả học viên kể cả người điều hành ngồi trên ghế hoặc ngồi xuống nền xếp theo hình vòng tròn. Cách làm này tạo sự bình đẳng cho tất cả mọi người. Hoạt động này là những suy nghĩ nhanh nhằm cung cấp đầu vào để học viên phát triển tiến trình suy nghĩ, ý tưởng của cả nhóm. Người điều hành cần giữ trật tự bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tất cả học viên sẽ nói ra ý tưởng của mình, tuy nhiên, họ cần lưu ý để thư ký ghi lại được các ý đúng như họ trình bày.
2. Trong quá trình ghi lại các ý kiến, học viên cần lắng nghe một cách cẩn thận vì người thư ký của mỗi nhóm sẽ trình bày lại là sử dụng ngôn ngữ quyền con người.

Giới thiệu chủ đề:

Người điều hành đọc định nghĩa của WHO về “sức khỏe” và nêu các câu hỏi. Người điều hành cần chắc chắn rằng mọi người đều hiểu được định nghĩa này và hiểu được câu hỏi. Nếu cả nhóm khởi động chậm, người điều hành có thể đề nghị cả nhóm đưa ra phản hồi nhanh lần lượt theo vòng tròn. Tất cả các ý tưởng được ghi lại trên một tờ giấy khổ lớn, đủ rộng để cả nhóm có thể nhìn rõ. Không có ý kiến nào bị bỏ sót. Mỗi lần cả nhóm đưa ra hết các ý kiến, một người sẽ đọc to toàn bộ ý kiến được ghi lại. Tờ giấy được treo lên tường để tất cả đều có thể nhìn rõ. Lúc này, người điều hành đề nghị từng người giải thích rõ

ý kiến của họ để mỗi người có thể hiểu rõ các chi tiết. Học viên có thể đặt câu hỏi cho nhau để rõ hơn về các ý tưởng đã được liệt kê. (Hoạt động này diễn ra trong khoảng 1 giờ).

Bước 1:

Người điều hành giúp phân phát bản sao Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người (UDHR) hoặc các tài liệu nguồn khác theo chủ đề. Người điều hành giúp giải thích rằng tất cả các nhu cầu về sức khoẻ đã được liệt kê ra giấy đều là quyền con người. Ví dụ theo nghĩa rộng nhất, quyền sống, Điều 3 của UDHR, cũng liên quan đến quyền con người về sức khoẻ.

Bước 2:

Người điều hành chia học viên thành các nhóm nhỏ 4 đến 6 người. Trong những nhóm này, họ sẽ lấy danh mục đã phác ra và tìm ra các quyền con người tương ứng. Mỗi nhóm sẽ chọn ra người đại diện của nhóm trình bày các phát hiện của nhóm nhỏ trước toàn bộ nhóm lớn. Trong quá trình làm việc theo từng nhóm nhỏ, người điều hành sẽ đi tới từng nhóm, quan sát và sẵn sàng hỗ trợ khi có yêu cầu. (Thời gian cho bước này là 30 phút).

Bước 3:

Người điều hành tập hợp cả nhóm lớn lại. Người đại diện nhóm nhỏ trình bày các phát hiện của nhóm mình. Một người ghi chép lại danh mục mới các quyền con người có liên quan hoặc bảo đảm cho quyền về sức khoẻ lên một tờ giấy mới cũng được treo lên tường để mọi người cùng nhìn được. Cả nhóm có thể đặt câu hỏi trong suốt quá trình này. Bảng danh mục sẽ được treo trên tường như vậy để tiện tham khảo cho các phần sau. (Hoạt động này diễn ra trong 30 phút).

Bước 4

Để đánh giá hoạt động, người điều hành đề nghị học viên nói ra những điều họ biết được từ quá trình làm việc nhóm này và cũng gợi ý xem bằng cách nào bài tập này có thể được cải tiến hơn.

Các gợi ý về phương pháp:

1. Bài tập này là một dạng trao quyền. Người điều hành cần khuyến khích học viên dùng chính ý tưởng của họ, có thể suy nghĩ một cách đa chiều

và tự nghiên cứu. Học viên không cần phải đóng vai trò là một “chuyên gia” - người có thể có câu trả lời cho mọi vấn đề.

2. Ở cả hai phần động não và phản hồi của quá trình, tất cả học viên đều phải được nói ý kiến của mình. Nếu một hoặc một vài người có xu hướng chi phối cuộc đối thoại nhóm, người điều hành cần gợi ý rằng mọi người không nên nói nhiều hơn một lượt để tất cả có thể lắng nghe ý kiến của từng người.
3. Nên nhấn mạnh chất lượng “ý nghĩa chung” của quyền con người bằng cách nói với tất cả học viên rằng UDHR hàm chứa ý nghĩa rằng phẩm giá con người mà mỗi người đều có là sự thật.

HOẠT ĐỘNG II: 2

VỀ SƠ ĐỒ ĐỀ HIỆN THỰC HOÁ QUYỀN CON NGƯỜI VỀ SỨC KHOẺ

Phần I: Giới thiệu

Việc thực hiện quyền về sức khoẻ ở mọi tầng lớp xã hội đòi hỏi nhận thức của tất cả các cơ quan nhằm nâng cao quyền này của con người. Nhận thức của công dân về tình trạng mạnh hay yếu của cơ sở hạ tầng y tế trong hệ thống quốc dân và mức độ trách nhiệm có thể phát sinh ở mỗi cấp trong hệ thống có tầm quan trọng như trách nhiệm của Chính phủ trong việc bảo đảm cho việc thực hiện quyền này. Ngoài ra, mong muốn của công dân được tham gia xác định các nhu cầu về y tế và trong tiến trình giải quyết vấn đề là cần thiết.

Kiểu hoạt động: thảo luận, giải quyết vấn đề và vẽ sơ đồ.

Phần II: Thông tin chung về mục tiêu và mục đích của hoạt động.

- Xác định các cơ quan trong cộng đồng có nghĩa vụ đảm bảo thực hiện quyền về sức khoẻ không ngừng tăng lên;
- Tăng cường nhận thức ở các cấp độ khác nhau về trách nhiệm với sức khoẻ cộng đồng, trong đó có sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế;

- Nâng cao kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến sức khỏe.

Nhóm đối tượng: người đã trưởng thành.

Phạm vi nhóm: 10 đến 50 người chia thành 5 đến 10 nhóm.

Thời gian: 180 - 240 phút.

Tài liệu: 1 bản sao Điều 12 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (ICESCR) và Bình luận chung số 14.

Giấy khổ to, bút viết, băng keo.

Kỹ năng sử dụng:

- Giao tiếp;
- Tư duy trừu tượng;
- Phân tích phê phán.

Phần III: Các thông tin cụ thể về quy tắc chung của hoạt động

Trước khi chia thành các nhóm nhỏ, học viên cần xác định xem các nhóm sẽ được chia như thế nào. Tiến trình chung cần được nêu rõ và các nhóm cần xác định khoảng thời gian cần thiết cho từng phần của hoạt động như: thảo luận theo nhóm nhỏ, trình bày trong nhóm chung, hoạt động sau đó và đánh giá. Học viên cần được hướng dẫn chọn người ghi chép và người trình bày đại diện cho từng nhóm nhỏ.

Ở các giai đoạn chung, trình bày các thông tin nêu trong Bình luận chung số 14 quyền về sức khỏe, được quy định trong điều 12 ICESCR. Cho phép các câu hỏi cụ thể nhằm làm rõ từng giai đoạn,... nhưng cố gắng không đi ngoài chủ đề của cuộc thảo luận chung. Đề nghị mỗi nhóm từ 5 đến 10 người định vị các cơ quan có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ về quyền được chăm sóc sức khỏe (20 phút).

Bước 1:

Nhóm sẽ ngồi theo vòng tròn trong phạm vi có thể nhìn thấy rõ tờ giấy khổ rộng đã được chuẩn bị, trên đó người được phân công ghi chép sẽ vẽ sơ đồ xác định ra các cơ quan cung cấp, giám sát và điều hành các dịch vụ cần thiết nhằm thực hiện quyền được chăm sóc sức khỏe. Họ sẽ ghi rõ trên sơ đồ dưới mỗi điểm đã chọn trách nhiệm

của các cơ quan đó. *Ví dụ*, họ có thể ghi trên sơ đồ các cơ quan chính phủ cấp quốc gia, các cơ quan và tổ chức quốc tế, v.v... Tùy thuộc vào nhóm người tham gia, việc phân tích có thể tập trung vào các cấp độ tổ chức khác nhau. *Ví dụ*, một nhóm đồng nhất của cộng đồng cụ thể có thể tập trung vào cấp nông thôn hay thành thị như là điểm khởi đầu. Một nhóm những người làm việc trên lĩnh vực chăm sóc y tế trong vùng có thể chọn điểm khởi đầu trong vùng. Suốt quá trình làm việc nhóm, người điều hành sẽ qua lại các nhóm và sẵn sàng hỗ trợ, giải thích khi cần thiết.

Bước 2:

Học viên ghi chép lên một tờ giấy khác phần mở rộng mà cơ quan thực hiện các mong muốn của cộng đồng (20 phút).

Bước 3:

Học viên tập trung trở lại trong nhóm lớn. Người đại diện của mỗi nhóm sử dụng bản sơ đồ và danh mục các ý kiến mong đợi và trình bày các kết luận của nhóm trước toàn thể học viên.

Bước 4:

Nhóm còn lại sẽ củng cố các kết luận bằng cách ghi lại kết luận lên một sơ đồ riêng kèm theo danh mục các mong muốn.

Bước tiếp theo:

Cả nhóm lớn khi đó sẽ xác định hành động, giả thuyết hay thực tiễn nào có thể thực hiện nhằm thực hiện quyền được chăm sóc sức khỏe của con người trong cộng đồng.

Những gợi ý về phương pháp:

- Khi giải thích Điều 12 và Bình luận chung, hãy sử dụng các thuật ngữ và ngôn ngữ dễ hiểu đối với tất cả mọi người;
- Giữ cho cuộc thảo luận nhóm diễn ra theo đúng nhịp độ;
- Hỗ trợ học viên trong việc lên kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo vì hoạt động này chuẩn bị cho bước hành động tham gia trong cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

3D. Hiệp định TRIPS và sức khoẻ. Trong: Hướng dẫn thực tiễn đối với WTO. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.3dthree.org/pdf_3D/Guide-075Ch4.pdf.

Abbot, Frederick M. 2005. *Quyết định Y tế của WTO: Ngành thương mại dược phẩm trên thế giới và vấn đề bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.* In trong Tạp chí Mỹ về luật quốc tế (Tập 99, 2005). tr.317-358.

Chan, Kevin. 2004. *Dịch SARS và Tuyên ngôn về quyền con người.* Trong: *Các trường hợp nghiên cứu.* Trung tâm Carr về chính sách quyền con người. Cambridge.

Farmer, Paul. 1999. *Sự ảnh hưởng và bất bình đẳng và Farmer, Paul. 2003.* *Bệnh lý học năng lượng.* Berkeley: NXB Đại học California.

Hội nghị thế giới lần thứ IV về phụ nữ, Bắc Kinh 1995. *Tuyên bố Bắc Kinh và cơ sở của hành động, và hoạt động hậu Hội nghị, Bắc Kinh + 5.*

Jackson, Helen. 2002. *Dịch Aids ở châu Phi.* Harare, Zimbabwe: SAFAIDS.

Mann, Jonathan, Sofia Gruskin, Michael A. Grodin và George J. Annas (chủ biên). 1999. *Sức khoẻ và quyền con người.* New York: Routledge.

Marks, Stephen (chủ biên). 2002. *Sức khoẻ và Quyền con người: một thách thức về giáo dục.* Boston: Trung tâm Francois Xavier Bagnoud về sức khoẻ và nhân quyền. Trường Đại học Harvard về Y tế cộng đồng.

Nygren-Krug, Helena, 2005. *Lồng ghép vấn đề quyền con người trong Y tế. Quyền con người trong y tế cộng đồng.* Theo: Bản tin Medicus Mundi Thụy Sĩ (Số 96). Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.medicusmundi.ch/mms/services/bullettin/bullettin200502/kap02/02nygren.html>.

Oxfarm International. 2004. *Ít tiếp cận về y tế: So sánh 5 FTA Hoa Kỳ.* Ghi chép tóm tắt Oxfarm. Tài liệu có tại địa chỉ:

http://www.oxfarmamerica.org/pdfs/fta_comparison.pdf.

Hội nghị lần II của Liên hiệp quốc về giải quyết các vấn đề về quyền con người (Habitat II). 1996. *Tuyên bố Istanbul giải quyết các vấn đề về quyền con người.*

Cuộc họp thế giới lần II về người cao tuổi. 2002. *Tuyên bố chính trị.*

Stott, Robin. 2000. *Sinh thái học về sức khoẻ.* Devon. Vương quốc Anh: Sách xanh.

Tuyên bố Montreal về vấn đề thiếu năng trí tuệ: <http://www.declarationmontreal.com>.

Chiến dịch toàn dân về vấn đề giáo dục quyền con người (PDHRE). 2002. *Đảm bảo cho giá trị:* Sử dụng cơ sở Bắc Kinh cho hành động về quyền con người của phụ nữ. New York: PDHRE.

UNAIDS. 2002. *Báo cáo về đại dịch toàn cầu HIV/AIDS.*

UNDP. 2005. *Báo cáo phát triển con người 2005.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hdr.undp.org/reports>.

UNDP. 2000. *Báo cáo phát triển con người 2000.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hdr.undp.org/reports>.

UNICEF. 2005. *Tình hình trẻ em thế giới 2006.* New York. Tài liệu có tại địa chỉ:

http://www.unicef.org/sowc06/pdfs/sowc06_fullreport.pdf.

Liên hiệp quốc. Hội đồng kinh tế và xã hội. 2005. *Các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt về quyền được hưởng chuẩn mực sức khoẻ cao nhất có thể về thể chất và tinh thần, Paul Hunt. E/CN.4/2005/51.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://daccessdds.un.org/doc/UNDOC/GEN/G05/108/93/PDF/G0510893.pdf?OpenElement>.

Liên hiệp quốc. Hội đồng kinh tế và xã hội. 2004. *Các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Quyền của mỗi người thụ hưởng chuẩn mực sức khoẻ cao nhất có thể về thể chất và tinh thần. Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt Paul Hunt. E/CN.4/2004/49.* Tài liệu có tại địa chỉ:

[http://www.unhchr.ch/Huridocda/Huridoca.nsf/0/8585ee19e6cf8b99c1256e5a003524d7/\\$FILE/G0410933.pdf](http://www.unhchr.ch/Huridocda/Huridoca.nsf/0/8585ee19e6cf8b99c1256e5a003524d7/$FILE/G0410933.pdf).

Hội nghị Liên hiệp quốc về môi trường và phát triển, Rio de Janeiro. 1992. *Tuyên bố Rio về môi trường và phát triển và chương trình nghị sự.*

Phiên họp đặc biệt Đại hội đồng Liên hiệp quốc (UNGASS) về AIDS. 2001. *Tuyên bố cam kết về HIV/AIDS “Khủng hoảng toàn cầu - Hành động toàn cầu”.*

UNU.2002. *Báo cáo về phát triển bền vững*. Đại học Liên hiệp quốc.

Hội nghị toàn thế giới về chống chủ nghĩa chủng tộc, phân biệt chủng tộc, bài ngoại và không khoan dung. 2001. *Tuyên bố Durban và Chương trình hành động*.

Hội nghị thế giới về quyền con người. 1993. *Tuyên bố Vienna và chương trình hành động*.

Hội nghị thượng đỉnh thế giới về lương thực. 2002. *Tuyên bố của Hội nghị thượng đỉnh thế giới về lương thực: 5 năm sau, Liên minh thế giới chống lại đói nghèo*. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.fao.org/wfs/homepage.htm>.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO). 2005. *Y học truyền thống: Cách tiếp cận mới về tính sẵn có, tính có thể tiếp cận được và có thể chi trả*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://w3.who.org/LinkFiles/Metings_document17.pdf.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO). 2005. *Tài liệu phục vụ cho các hoạt động về sức khỏe và quyền con người trong phạm vi WHO*: <http://www.who.int/hhr>.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO). 2002. *25 Câu hỏi - đáp về sức khỏe và quyền con người*. Geneva: WHO.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO). 2002. *Báo cáo thế giới về bạo lực và sức khỏe*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.who.int/violence_injury_prevention/violence/world_report/outline/en.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO). 2001. *Hệ thống sức khỏe chuyển đổi: Giới và quyền trong sức khỏe sinh sản*. Geneva. Được cung cấp tại địa chỉ: http://www.who.int/reproductive-health/publications/transforming_healthsystems-gender/index.html.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO). 1997. *Về tục cắt âm vật nữ - Tuyên bố chung WHO/UNICEF/UNFPA*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.who.int/reproductive-health/publications/fgm/fgm_join.

Hội nghị thượng đỉnh về phát triển xã hội 1995. *Tuyên bố Copenhagen về phát triển xã hội. Sự phát triển và chương trình hành động của hội nghị thượng đỉnh về phát triển xã hội*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.un.org/esa/socdev/wssd>.

Hội nghị thượng đỉnh về phát triển xã hội năm 2000. *Copenhagen cộng 5*.

Hội nghị thượng đỉnh về trẻ em. *Tuyên bố thế giới về sự tồn tại, bảo vệ và phát triển của trẻ em và chương trình hành động nhằm thực hiện Tuyên bố thế giới và bước tiếp theo của Tuyên bố tại Phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hiệp quốc về trẻ em (UNGASS) (2002): Vì một thế giới phù hợp với trẻ em*.

Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). 2003. *Thực hiện khoản 6 của Tuyên bố Doha về Hiệp định TRIPS và y tế công* WT/L/540.

Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). 2001. *Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng về TRIPS*. Tài liệu có tại địa chỉ : <http://www.wto.org/english>

THÔNG TIN BỔ SUNG

3D (Thương mại, quyền con người và công bằng về kinh tế):

<http://www.3dthree.org>.

Tổ chức nông lương của Liên hiệp quốc (FAO):

<http://www.fao.org>.

Trung tâm sức khỏe và quyền con người François-Xavier Bagnoud:

www.hsph.harvard.edu/fxbcenter.

Sức khỏe và quyền con người:

<http://www.who.int/hhr/en>.

Thống kê y tế và hệ thống thông tin về sức khỏe:

<http://www.who.int/healthinfo/en>.

Các tiêu chuẩn về quyền con người trong việc tái hoà nhập và tái định cư sau thảm họa:

<http://www.hic-net.org/documents.asp?PID=395>

Hội giảm hại quốc tế:

<http://www.ihra.net>.

Médecins sans Frontières (MSF):

<http://www.msf.ch>.

UNAIDS: www.unaids.org.

QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHỤ NỮ

**XEM XÉT QUYỀN CON NGƯỜI THEO
QUAN ĐIỂM NHẠY CẢM GIỚI
TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ**

“Sự tiến bộ của phụ nữ và việc đạt được sự bình đẳng giữa nam và nữ là vấn đề của quyền con người, là điều kiện cho công bằng xã hội và không nên coi đó chỉ là vấn đề của phụ nữ”

Tuyên bố và Chương trình hành động Bắc Kinh. 1995

CÂU CHUYỆN MINH HOẠ

Trường hợp có thật: Câu chuyện về Maria Da Penha Maia Fernandes

Ngày 29/5/1983, Maria da Penha Maia Fernandes bị chồng là Marco Antonio Heredia Viveiros bắn khi đang ngủ. May mắn là cô đã được cứu sống, nhưng vẫn phải chịu những thương tổn nghiêm trọng, hai chân bị liệt vĩnh viễn cùng với những sang chấn về thể chất và tâm lý. Chỉ hai tuần sau khi ra viện, chồng cô - người đã cố che đậy lần hành hung thứ nhất của mình bằng cách báo tin đó là một vụ cướp, lại làm cho cô bị điện giật khi cô đang tắm. Sau vụ hành hung lần thứ hai này, Văn phòng công tố đã lập hồ sơ buộc tội Viveiros. Toà án Quận I của Fortaleza phải mất 8 năm mới đưa ra phán quyết. Ngày 04/5/1991, Hội đồng xét xử kết luận Viveiros đã phạm tội hành hung và cố ý giết người, phán quyết anh ta 10 năm tù giam. Sau khi kháng án, phiên toà thứ hai diễn ra vào năm 1996, lần này Viveiros bị kết án 10 năm 6 tháng tù giam. Do luật sư biện hộ đưa ra yêu cầu kháng án mới và sau đó vì liên tục có sự trợ giúp cùng với sự trì hoãn của hệ thống toà án, nên phán quyết cuối cùng đã không được đưa ra. Ngày 20/8/1998, Maria Da Penha Maia Fernandes, Trung tâm bảo vệ công lý và luật pháp quốc tế (CEJIL) và Ủy ban bảo vệ các quyền của phụ nữ ở châu Mỹ Latinh và vùng Carribe (CLADEM) đã gửi đơn lên Ủy ban liên Mỹ về quyền con người, tố cáo rằng Cộng hoà Liên bang Brazil, trong suốt hơn 15 năm, đã không thực hiện các biện pháp hữu hiệu cần thiết để truy tố và trừng trị Viveiros. Ngoài tranh luận về sự vi phạm Điều 1, Khoản 1 (nghĩa vụ phải tôn trọng các quyền), Điều 8 (quyền xét xử công bằng), Điều 23 (quyền bảo vệ bình đẳng) và Điều 25 (quyền được pháp luật bảo vệ) của Công ước châu Mỹ về quyền con người, liên quan đến Điều II và Điều XVIII của Tuyên ngôn Hoa Kỳ về quyền và nghĩa vụ của con người, những người đệ đơn còn tố cáo việc vi phạm các Điều 3, 4, 5 và 7 của Công ước liên

Mỹ về ngăn ngừa, trừng phạt và xoá bỏ bạo lực chống lại phụ nữ, vi phạm Công ước quan trọng Belém do Pará. Nhà nước Brazil không bình luận về lá đơn tố cáo này. Trong báo cáo ngày 16/4/2001 của Brazil, Ủy ban liên Mỹ nhận thấy Brazil đã vi phạm các quyền được xét xử công bằng và được pháp luật bảo vệ của Maria Da Penha Maia Fernandes. Hơn nữa, Ủy ban còn nhận thấy rằng Brazil đã vi phạm Điều 7 của Công ước Belém do Pará. Kết quả của Bản báo cáo này là Viveiros đã bị bắt và tống vào nhà giam năm 2002, gần như 20 năm sau lần đầu tiên âm mưu giết hại vợ.

(Nguồn: **Vụ án số 12.051, Maria Da Penha Maia Fernandes, 2001**. Báo cáo số 54/0, Ủy ban liên Mỹ về quyền con người.

Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.cidh.oas.org/annualrep/2000eng/ChapterIII/Merits/Brazil12.051.htm>).

Các câu hỏi thảo luận:

1. Những vấn đề chính mà vụ án về quyền con người của phụ nữ này đề cập đến là gì?
2. Công lý được thực thi như thế nào nếu việc tiếp cận với Toà án và việc xét xử công bằng có nguy cơ không được đảm bảo vì lý do giới tính của nạn nhân?
3. Liệu những đạo luật và quy định có đủ để đảm bảo những cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người. Còn có những điều gì khác có thể đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa nam và nữ?
4. Có thể ngăn ngừa những hành động tương tự hay không? Xác định rõ cơ chế ở các cấp địa phương, khu vực hay quốc tế có thể sử dụng để đạt được mục tiêu này.

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHỤ NỮ

Từ rất lâu phụ nữ đã phải đấu tranh để được thừa nhận là con người thực sự và được đảm bảo các quyền cơ bản của con người, tiếc rằng cuộc đấu tranh này vẫn chưa kết thúc. Mặc dù, vị thế của họ trên toàn cầu đã được cải thiện theo nhiều cách, nhưng vẫn còn những trở ngại xã hội làm cho các quyền của phụ nữ chưa được thực hiện đầy đủ và đúng lúc trên toàn thế giới. Thế kỷ XXI đã mang lại nhiều tiến bộ, nhưng cũng chứa đựng nhiều sự thất bại, thậm chí cả trong thời kỳ hoà bình và tiến bộ, phụ nữ và các quyền con người của phụ nữ vẫn không được chú ý đặc biệt, không ai phản đối chính sách đó. Tuy nhiên, trong mọi thời kỳ lịch sử, luôn có những người anh hùng đấu tranh vì quyền lợi của mình bằng hành động hay lời nói. Chẳng hạn như Eleanor Roosevelt cho rằng nên sử dụng cụm từ “tất cả mọi người đều bình đẳng” thay cho cụm từ “tất cả nam giới đều là anh em” trong Điều 1 của Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người, soạn thảo năm 1948. Sự thay đổi trong việc làm luật cho thấy quyền con người thuộc về mọi người, bất kể là nam hay nữ, và quyền bình đẳng là một trong những nguyên tắc cơ bản về quyền con người.

Nguyên tắc bình đẳng khi được thể hiện một cách hình thức trong pháp luật, tức là không đề cập đến sự khác biệt nam hay nữ, lại thường ngầm dẫn tới sự phân biệt đối xử với phụ nữ. Do vị thế và vai trò khác nhau của nam và nữ trong xã hội, nên quyền bình đẳng trong pháp luật có thể dẫn đến sự phân biệt đối xử trong thực tế. Tình hình này đã buộc các nhà hoạt động quyền con người của phụ nữ phải được thúc đẩy nhằm thấy rõ sự khác biệt giữa quyền bình đẳng hình thức và bình đẳng thực chất.

Trong nhiều hoàn cảnh, các quan niệm về bình đẳng mang tính hình thức xuất phát từ những giả định về quyền bình đẳng của cả loài người đã không mang lại sự giúp đỡ nào cho người

dân trong những tình huống có chiều hướng bất lợi. Quan niệm này cần phải được phát triển thành một định nghĩa về quyền bình đẳng thực chất có tính đến tính đa số, sự khác biệt, bất lợi và sự phân biệt đối xử. Chẳng hạn Dairian Shanti đã nhấn mạnh trong bài báo “Quyền bình đẳng và các hình thức phân biệt đối xử” rằng: *“Thái độ trung lập không cho phép sự thông cảm với những bất lợi có thể làm cho một số người không được hưởng lợi từ sự đối xử bình đẳng. Do đó trọng tâm phải chuyển sang nhấn mạnh ‘bình đẳng về kết quả’ hay bình đẳng về lợi nhuận”*. Chỉ có thể giành được sự bình đẳng thực sự giữa nam và nữ, nếu quyền bình đẳng hình thức và thực chất được thực hiện đầy đủ.

Giới và quan điểm sai lầm phổ biến về quyền con người của phụ nữ

Giới là một khái niệm không chỉ đề cập đến phụ nữ và các quyền con người, mà thực ra là một khái niệm phức tạp hơn, bao gồm cả nam giới và nữ giới. Khái niệm này lần đầu tiên được sử dụng vào những năm 70 thế kỷ XX và được Susan Moller định nghĩa “... như là việc thể chế hoá sâu sắc những khác biệt về giới tính đang thâm nhập vào xã hội của chúng ta”, tuy nhiên khái niệm này càng phát triển hơn do những biến đổi mạnh mẽ về chính trị, xã hội và kinh tế trên khắp thế giới. Năm 1998, Điều 7 Quy chế Rome của Toà án hình sự quốc tế đã định nghĩa giới là “hai giới tính, bao gồm cả nam và nữ trong phạm vi xã hội...” sau khi đại diện các quốc gia thảo luận nội dung về khái niệm giới một cách sâu sắc với một số ý kiến phản đối việc mở rộng nội dung của khái niệm này đến vấn đề định hướng giới tính.

“Sự biến đổi quyền lực về số lượng thành sức mạnh hành động cho phụ nữ bởi chính họ, và với sự hợp tác của nam giới là điều sẽ xảy ra trong thiên niên kỷ tới”

Azza Karam. 1998

Tuy nhiên, người ta thường định nghĩa phụ nữ là một nhóm người cụ thể thay vì công nhận họ là một nửa dân số của thế giới, của từng quốc gia, từng dân tộc bản địa và của nhiều cộng đồng. Quan niệm này được phản ánh trong nhiều văn bản mà phụ nữ chỉ xuất hiện trong một đoạn hoặc một chương cùng với những nhóm dễ bị tổn thương khác, như nhóm những người dân bản địa, người cao tuổi, những người có khả năng khác biệt và trẻ em. Điều kết nối những nhóm người dễ bị tổn thương này lại với nhau chính là những gì mà họ đã và đang chịu đựng từ sự phân biệt đối xử và từ việc không được hưởng đầy đủ các quyền cơ bản của con người.

Không phân biệt đối xử

Tuy nhiên, giới là một phạm trù phân tích hữu ích, giúp chúng ta hiểu được làm thế nào mà nam giới và nữ giới phải gánh vác trách nhiệm, vai trò và vị trí khác nhau trong xã hội. Việc đưa ra phân tích giới trong lý luận và thực tiễn về quyền con người khiến chúng ta đặc biệt nhạy cảm với những khác biệt giữa nam và nữ trong xã hội và bằng những phương thức cụ thể mà quyền con người của phụ nữ đã bị vi phạm.

Rõ ràng, tư duy nhạy cảm giới cần được đẩy mạnh để mọi người đều có các quyền như nhau không phân biệt giới tính, màu da, sắc tộc và tôn giáo.

An ninh con người và phụ nữ

An ninh con người và địa vị của người phụ nữ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau do các cuộc xung đột có xu hướng làm cho tính bất bình đẳng và khác biệt về giới trở nên tồi tệ hơn. Phần lớn người tị nạn và những người mất nơi cư trú trong nước, là phụ nữ, người già và trẻ em, cần được chú ý đặc biệt và bảo vệ an toàn. Các hình thức bạo lực trong gia đình và các hình thức bạo lực khác đang đe dọa đến an ninh cho phụ nữ.

An ninh con người còn đảm bảo cho việc tiếp cận bình đẳng với giáo dục, các dịch vụ xã hội và việc làm của tất cả mọi người trong giai đoạn hoà bình. Phụ nữ thường không được tiếp cận đầy đủ

với các lĩnh vực này. Do đó, phụ nữ và trẻ em nói riêng có thể được hưởng lợi từ việc tiếp cận quyền con người với an ninh con người, nhờ đó chúng ta có thể an ninh con người không thể có được nếu quyền con người không được quan tâm một cách đầy đủ. Vì vậy, việc xoá bỏ bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào, đặc biệt là phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em, cần được ưu tiên trong chương trình nghị sự về an ninh con người. Đặc biệt liên quan đến an ninh cho mọi người là tình hình phụ nữ trong xung đột vũ trang được thảo luận dưới đây.



Quyền con người trong xung đột vũ trang

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ



Cần xem xét lịch sử các phong trào quyền con người của phụ nữ để hiểu rõ hơn các yêu sách về quyền con người hiện nay.

Nhìn lại lịch sử

Cuộc cách mạng Pháp - một sự kiện lịch sử quan trọng đã đánh dấu sự khởi đầu những nỗ lực của phụ nữ để được công nhận như một con người bình đẳng trong thế giới của nam giới. Kỷ nguyên này không chỉ là sự khởi đầu của phong trào vì quyền dân sự và chính trị, mà còn mở đường cho phong trào tự do và bình đẳng đầu tiên của phụ nữ. Một trong những người đề xướng phong trào nổi tiếng nhất là Olympe de Gouges - người đã soạn thảo Tuyên ngôn về các quyền của phụ nữ và công dân nữ. Bà và những người bạn cùng giới đã bị chém đầu vì sự cống hiến tận tụy của mình.

“Phụ nữ sinh ra được tự do và hưởng các quyền bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực”.

(Điều 1 Tuyên bố về các quyền của phụ nữ và công dân nữ năm 1789).

Nước Anh cũng nhìn lại truyền thống đấu tranh mạnh mẽ và lâu dài để giành các quyền bình đẳng cho phụ nữ. Thậm chí, nước Anh còn được gọi là “*quê hương của phong trào đòi bình quyền cho phụ nữ*”. Ngay từ đầu những năm 1830, phụ nữ Anh đã bắt đầu đòi quyền bầu cử. Họ đấu tranh hơn 70 năm với những phương pháp luôn đổi mới và cuối cùng giành thắng lợi vào năm 1918 khi họ được quyền bầu cử từ năm 30 tuổi. Các lĩnh vực đấu tranh khác gồm tiếp cận với giáo dục, quyền sở hữu tài sản của phụ nữ đã kết hôn và quyền được giữ các chức vụ công.

Đặc biệt ở Anh và Mỹ, phụ nữ thường sử dụng các biện pháp quyết liệt, thậm chí là các cuộc bãi công tuyệt thực. Emily Davison - người đàn bà nổi tiếng về đòi quyền bầu cử cho phụ nữ đã chủ ý chọn cái chết, tự ném mình về phía trước con ngựa của Vua George V tại cuộc đua ngựa năm 1913.

Hội phụ nữ quốc tế được thành lập đầu năm 1888 và hiện nay vẫn tồn tại. Hội đồng có trụ sở tại Paris và đã tham gia tích cực vào quá trình đảm bảo các quyền của phụ nữ thông qua các cuộc họp quốc tế, các hội nghị và hội thảo cấp quốc gia, khu vực và dưới khu vực, chương trình phát triển dự án chuyên sâu hợp tác với các cơ quan quốc tế, thông qua các Nghị quyết được soạn thảo và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng, qua việc hợp tác ở tất cả các cấp với các tổ chức phi chính phủ khác, qua các kế hoạch hành động 3 năm của từng ủy ban trong số 5 Ủy ban thường trực.

Phái đoàn liên chính phủ đầu tiên giải quyết các quyền con người của phụ nữ là Ủy ban liên Mỹ về phụ nữ (CIM). Ủy ban này thành lập năm 1928 thuộc khu vực châu Mỹ La tinh. Ủy ban chịu trách nhiệm soạn thảo Công ước liên Mỹ về quốc tịch của phụ nữ, được Tổ chức các nước châu Mỹ (OAS) thông qua năm 1933. Công ước này đã khuấy động cuộc tranh cãi về cách thức mà khu vực thành lập một cơ quan pháp luật để có thể giải quyết các vấn đề về các quyền con người.

Ngay từ khi mới thành lập Tổ chức Liên hiệp quốc năm 1945, phụ nữ đã tìm mọi cách để tham

gia tổ chức này và chứng tỏ sự hiện diện của mình trong nội dung và thực hiện các quyền con người trong các văn kiện và cơ chế.

Ủy ban về địa vị của phụ nữ (CSW) được thành lập năm 1946, với nhiệm vụ thúc đẩy các quyền của phụ nữ trên toàn thế giới. Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban là Bodil Boegstrup – người Thụy Điển. Ủy ban CSW đã xúc tiến việc đưa các quyền của phụ nữ vào UDHR.

Mặc dù, phụ nữ đã đóng góp một cách bình đẳng vào sự phát triển của hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội quốc tế từ khi mới hình thành, nhưng sự chú ý đến các vấn đề của phụ nữ là không nhiều. Nhiều thập kỷ mù về giới trong các tài liệu về quyền con người cũng khiến cho con người lơ mơ trước thực tế này. Các quyền cơ bản của hơn một nửa loài người đã bị bỏ quên, điều đó chắc chắn dẫn đến kết luận rằng không thể có thái độ trung lập về giới trong luật quốc tế hay quốc gia trong khi nhiều quốc gia trên khắp thế giới vẫn còn trung lập về giới và tiếp tục phân biệt đối xử với phụ nữ.

Chỉ đến những năm 1970, sự bất bình đẳng trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, sự nghèo nàn và phân biệt đối xử đối với bé gái đã khiến Liên hiệp quốc quyết định phát động *thập kỷ vì phụ nữ của Liên hiệp quốc: Bình đẳng, phát triển và hoà bình* từ năm 1976 đến 1985. Năm 1979, “thập kỷ” này đã phát triển lên đến cực điểm, Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) được thông qua. Công ước này là văn kiện về quyền con người quan trọng nhất về việc bảo vệ và xúc tiến thực hiện các quyền của phụ nữ. Lần đầu tiên, phụ nữ được CEDAW công nhận là con người đầy đủ, gồm các quyền dân sự và chính trị, cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá, coi các quyền con người là thống nhất chứ không chia thành hai nhóm tách biệt.

Công ước quy định các vấn đề liên quan đến cuộc sống xã hội cũng như cuộc sống riêng tư của phụ nữ. Một số điều khoản đề cập đến vai trò của

người phụ nữ trong gia đình và xã hội, nhu cầu gánh vác trách nhiệm trong gia đình và sự cần thiết phải thực hiện những thay đổi trong hệ thống xã hội và văn hoá khiến phụ nữ có vị trí thấp hơn. Chỉ thông qua những thay đổi cơ bản như vậy thì mới đem lại sự ghi nhận các quyền con người cho phụ nữ trên toàn cầu. Khi một quốc gia trở thành thành viên của Công ước CEDAW, thì quốc gia đó phải thực hiện kịp thời các biện pháp thích hợp và ngay lập tức chính sách về xoá bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ cũng như bất kỳ hành động phân biệt đối xử nào khác. Từ tháng 3/2006, đã có 182 quốc gia phê chuẩn Công ước này.



“Phân biệt đối xử bao gồm bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính có tác dụng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hoá việc phụ nữ được công nhận, thụ hưởng hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và các lĩnh vực khác, bất kể tình trạng hôn nhân của họ thế nào và dựa trên cơ sở bình đẳng giữa nam và nữ”.

Điều 1 của CEDAW.

Ngoài ra, các nước tham gia Công ước CEDAW còn phải:

- Đưa nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ vào Hiến pháp hoặc các văn bản pháp lý thích hợp khác;
- Đảm bảo việc thực hiện nguyên tắc bình đẳng trong thực tế;
- Thông qua các biện pháp lập pháp và các biện pháp thích hợp khác, khi cần thiết có cả biện pháp trừng phạt để nghiêm cấm mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ;
- Thiết lập sự bảo hộ mang tính pháp lý các quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới;

- Không tiến hành bất kỳ hành động hoặc hoạt động nào có tính phân biệt đối xử với phụ nữ và đảm bảo rằng các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước sẽ hành động phù hợp với nghĩa vụ này;
- Áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm loại trừ phân biệt đối xử với phụ nữ do bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp nào tiến hành;
- Huỷ bỏ mọi điều khoản hình sự mang tính phân biệt đối xử với phụ nữ;
- Đảm bảo sự phát triển đầy đủ và sự tiến bộ của phụ nữ, để họ được thực hiện và thụ hưởng các quyền con người và tự do cơ bản trên cơ sở bình đẳng với nam giới;
- Sửa đổi các khuôn mẫu văn hoá xã hội về hành vi của nam và nữ;
- Hướng tới việc xoá bỏ định kiến và những phong tục tập quán dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, giới kia là kém, hoặc dựa trên các khuôn mẫu về vai trò của nam và nữ;
- Đảm bảo rằng giáo dục gia đình bao gồm cả sự hiểu biết phù hợp với chức năng làm mẹ như là một chức năng xã hội và công nhận trách nhiệm chung của cả vợ và chồng đối với việc nuôi dạy, sự phát triển của con cái với nhận thức rõ ràng lợi ích của con cái là mối quan tâm hàng đầu trong mọi trường hợp;
- Áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để loại bỏ mọi hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột mại dâm với phụ nữ;
- Đảm bảo cho phụ nữ có quyền tham gia bỏ phiếu trong tất cả các cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý, có quyền ứng cử vào tất cả các cơ quan dân cử;
- Bảo đảm cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong việc nhập, thay đổi hoặc giữ quốc tịch;
- Bảo đảm cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh vực giáo dục.

Ngày 06/10/1999, Đại hội đồng đã thông qua Nghị định thư bổ sung của Công ước CEDAW với 21

điều nhằm đánh dấu bước ngoặt có tính quyết định đối với phụ nữ với sự đồng thuận, kêu gọi tất cả các nước là thành viên của Công ước cùng tham gia càng sớm càng tốt vào Văn kiện mới này. Văn kiện này đưa ra quy định về giải quyết các khiếu kiện cá nhân gửi lên Ủy ban CEDAW. Đến tháng 01/2006, 76 quốc gia đã ký Nghị định thư này, trong đó có 74 quốc gia phê chuẩn.

(Nguồn: CEDAW:

<http://www.un.org/womenwatch/daw/cedaw/protocol/sigop.htm>).



Hội nghị thế giới về quyền con người tổ chức tại Vienne tháng 6/1993 đã tập hợp được hàng nghìn nhà hoạt động và chuyên gia về quyền con người. Tuyên bố Vienne và chương trình hành động được thông qua là kết quả của Hội nghị, trong đó nhấn mạnh sự thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của phụ nữ và trẻ em gái nói chung cũng như ngăn chặn bạo lực với phụ nữ. Tuyên bố nêu rõ các quyền con người của phụ nữ và trẻ em gái là một phần không thể chuyển nhượng, không thể thiếu và không thể tách rời của quyền con người phổ quát. Tuyên bố cũng ghi nhận rằng việc phụ nữ tham gia đầy đủ và bình đẳng vào đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hoá ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế và việc xoá bỏ mọi hình thức phân biệt trên cơ sở giới tính là những mục tiêu ưu tiên của cộng đồng quốc tế.

Để thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban về địa vị của phụ nữ đã tổ chức bốn hội nghị lớn cấp toàn cầu nhằm mục đích coi quyền của phụ nữ là quyền của con người:

- Mexico, 1975;
- Copenhagen, 1980;
- Nairobi, 1985;
- Bắc Kinh, 1995.

Hơn nữa, năm 2000, Phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng về “*Phụ nữ 2000: Bình đẳng giới, Phát triển và Hoà bình trong thế kỷ 21*” đã họp ở New York để đánh giá tiến trình của các cam kết, trước hết là cam kết của các chính phủ

tại Hội nghị thế giới về phụ nữ tại Bắc Kinh năm 1995. Đó là lý do tại sao cuộc họp này được gọi là “Bắc Kinh + 5”. Sau đó, cuộc họp đánh giá về cả hai phiên họp này (Bắc Kinh và Bắc Kinh + 5) đã được tổ chức vào tháng 3/2005, kỷ niệm 10 năm sau hội nghị thế giới lần cuối.

Sau mỗi cuộc hội nghị, các chương trình hành động được thông qua nhằm đưa ra các biện pháp và chính sách để quốc gia cần phải tính đến nhằm đạt được sự bình đẳng giữa nam và nữ.



Cương lĩnh hành động Bắc Kinh được thông qua tại Hội nghị thế giới về phụ nữ lần thứ 4 của Liên hiệp quốc năm 1995 có tầm quan trọng đặc biệt. Phần mở đầu và 12 chương đã đưa ra chương trình hoàn chỉnh nhất về quyền con người của phụ nữ, trong đó đề cập đến tình hình phụ nữ trên toàn cầu và xem xét các chính sách, chiến lược và biện pháp để thúc đẩy các quyền của phụ nữ trên toàn thế giới. 12 lĩnh vực quan trọng cần quan tâm được chú ý đặc biệt là: nạn nghèo đói, giáo dục, sức khỏe, bạo hành, xung đột vũ trang, kinh tế, ra quyết định, các thể chế, quyền con người, truyền thông, môi trường, trẻ em gái, các vấn đề về thể chế và tài chính.

“Nếu như nạn nghèo đói tác động đến các hộ gia đình nói chung do có sự phân công lao động và trách nhiệm đối với sự thịnh vượng của gia đình theo giới, thì phụ nữ phải gánh vác một phần bất cân xứng khi phải quản lý chi tiêu trong gia đình và sản xuất trong điều kiện ngày càng bị dày vò”.

Tuyên bố Bắc Kinh và nền tảng hành động. 1995.

Phụ nữ và nghèo

Để hiểu được tác động khác nhau của nạn nghèo đói đối với phụ nữ và nam giới, cần phải xem xét sự phân chia của hầu hết các thị trường lao động thế giới trên cơ sở giới. Phụ nữ rất hay phải làm việc gia đình, thực hiện các nghĩa vụ của họ trong việc chăm sóc con cái, người ốm đau và người già, làm việc vặt trong gia đình mà không được trả công, mặc dù những đóng góp

của họ đều cần thiết về mặt xã hội, kinh tế và phải được đánh giá cao.

 Quyền làm việc, không bị đói nghèo

“Con số thống kê của Chile năm 1996 cho thấy nam giới đảm nhận 67% việc sản xuất thương mại và không phải làm bất cứ việc vặt nào trong gia đình, trong khi phụ nữ đảm nhận 37% công việc sản xuất thương mại và 100% việc nội trợ. Khối lượng công việc không được trả lương này góp phần tái tạo xã hội và đại diện cho cơ sở cấu trúc của nạn nghèo đói tác động đến phụ nữ”.

Rosa Bravo. 1998.

Nghèo đói là do việc trả lương bất bình đẳng cho những công việc như nhau và bị từ chối hoặc hạn chế tiếp cận với giáo dục, các dịch vụ xã hội và dịch vụ công cộng hoặc đối với các quyền thừa kế và sở hữu đất đai.

Nghèo đói, theo hướng chính trị, cho thấy sự bất bình đẳng về quyền giữa các thành viên trong xã hội và tạo ra những trở ngại lớn trong việc được tiếp cận với các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá. Nghèo đói cũng làm giảm sự tiếp cận thông tin và khả năng tham gia các tổ chức xã hội và đưa ra quyết định. Trong điều kiện di trú, nghèo đói cũng làm tăng nạn buôn bán phụ nữ, đặc biệt là ở châu Mỹ La tinh, châu Á và Đông Âu.

Phụ nữ và sức khoẻ

Sức khoẻ của phụ nữ là tình trạng khoẻ mạnh về thể chất, tinh thần và xã hội, do điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội của cuộc sống cũng như các vấn đề sinh học quy định. Sức khoẻ sinh sản gồm tình trạng sức khoẻ về thể chất, tinh thần, xã hội và sức khoẻ tình dục. Mục tiêu của sức khoẻ sinh sản là làm tăng các mối quan hệ trong cuộc sống và quan hệ cá nhân. Mối quan hệ bình đẳng giữa nam và nữ trong các vấn đề về quan hệ giới tính và sinh sản đòi hỏi phải có sự tôn trọng, tự nguyện và chia sẻ trách nhiệm cùng nhau. Thực tế thì có sự khác biệt, như trường hợp ở Philippin:

“Nguyên nhân dẫn đến cái chết của phụ nữ trong độ tuổi sinh sản thường liên quan đến vấn đề thai nghén và sinh đẻ. Xuất huyết sau khi sinh đứng đầu danh sách nguy cơ này, tiếp theo là những rối loạn về huyết áp trong thời kỳ mang thai (tiền sản giật và chứng kinh giật). Theo ước tính có 7 triệu phụ nữ trong độ tuổi sinh sản được xem là có nguy cơ tử vong cao do: a) còn quá trẻ (sinh con dưới 18 tuổi); b) có 4 hoặc hơn 4 lần mang thai; c) khoảng cách giữa các lần mang thai quá gần; và d) mắc bệnh khi mang thai. Mặc dù, với những rủi ro như vậy, nhưng hàng năm vẫn có 2,6 triệu phụ nữ mang thai. Ít nhất 2 triệu phụ nữ đã kết hôn ở độ tuổi sinh sản muốn thực hiện kế hoạch hoá gia đình nhưng họ không thực hiện được điều đó vì rất nhiều lý do, kể cả không được tiếp cận với các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình. Ở Philippin cứ 6 phụ nữ mang thai thì có một người nạo thai bất hợp pháp do mang thai ngoài ý muốn. Theo ước tính hàng năm có khoảng 300.000 đến 400.000 trường hợp nạo phá thai bất hợp pháp, rất nhiều trong số đó đã bị mắc các di chứng như nhiễm trùng hoặc tử vong. Tỷ lệ tử vong của bà mẹ và trẻ sơ sinh ở Philippin cao nhất thế giới.”

PLCPD – Ủy ban lập pháp về quỹ dân số và phát triển của Philippin.

<http://www.plcpdfound.org/PDF/news/SB2325.pdf>.

 Quyền sức khoẻ

Phụ nữ và bạo lực

Ở nhiều quốc gia, phụ nữ và trẻ em gái phải gánh chịu bạo lực về thể chất, tình dục và tâm lý, ảnh hưởng đến nguồn thu nhập, địa vị và văn hoá, cả trong cộng đồng và cuộc sống riêng. Phụ nữ thường phải đối mặt với nạn cưỡng hiếp, lạm dụng tình dục, quấy rối tình dục hoặc bị hăm dọa. Nô lệ tình dục, mang thai ép buộc, mại dâm bất buộc, triệt sản và phá thai ép buộc, lựa chọn giới

tính trước khi sinh và giết trẻ sơ sinh cũng là những hành động bạo lực với phụ nữ. Tất cả những hành động bạo lực đó đều xâm phạm và gây hại hoặc huỷ hoại việc hưởng thụ các quyền con người và tự do cơ bản của phụ nữ. Do đó, sự ra đời của Tuyên bố về việc loại bỏ bạo lực đối với phụ nữ do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua bằng phiếu đồng thuận năm 1993 có ý nghĩa hết sức quan trọng như là một công cụ chống bạo lực phụ nữ. Hơn nữa, Báo cáo viên đặc biệt về bạo lực đã được bổ nhiệm vào năm 1994.

 Thực hiện và giám sát.

Bạo lực đối với phụ nữ bao gồm nhiều hành vi sau đây:

- (a) *Bạo lực về thể chất, tình dục và tâm lý xảy ra trong gia đình: đánh đập, lạm dụng tình dục các bé gái trong gia đình, bạo lực liên quan đến của hồi môn, cưỡng hiếp trong hôn nhân, tục cắt bỏ âm vật phụ nữ và các tập quán có hại với phụ nữ khác, bạo lực ngoài hôn nhân và bạo lực liên quan đến việc bóc lột;*
- (b) *Bạo lực về thể chất, tình dục và tâm lý xảy ra trong cộng đồng chung, gồm cưỡng hiếp, lạm dụng tình dục, quấy rối tình dục và hăm dọa ở nơi làm việc, trường học và những nơi khác, buôn bán phụ nữ và mại dâm bắt buộc;*
- (c) *Bạo lực về thể chất, tình dục và tâm lý do sai lầm hoặc sự bỏ rơi của Nhà nước nơi xảy ra tình trạng này.*

Điều 2 trong Tuyên bố về xoá bỏ bạo lực với phụ nữ, 1994.

Ngoài hệ thống quốc tế, một số tổ chức khu vực đã cam kết phòng chống, hoặc thậm chí bài trừ bạo lực với phụ nữ. Chẳng hạn, hệ thống liên Mỹ về quyền con người quy định việc bảo vệ phụ nữ trong Công ước liên Mỹ về phòng ngừa, trừng phạt, xoá bỏ nạn bạo lực với phụ nữ Belém do Pará năm 1994.

 Điều nên biết 1. Kinh nghiệm tốt.

24 phụ nữ từ Ba Lan, Nga, Italy, Albania và Thổ Nhĩ Kỳ được cảnh sát thả tự do trong cuộc tấn công vào một nhà thổ của Đức nơi họ bị giam giữ như những nô lệ và phải hành nghề mại dâm. Hai trong số họ đã bị giam giữ trong 7 tháng không được nhìn thấy ánh sáng. Một băng nhóm tội phạm gồm 16 nghi can từ Thổ Nhĩ Kỳ, Italy và Albania đã bị bắt, và cảnh sát đang tìm kiếm 6 kẻ còn lại. Các sĩ quan cảnh sát Luedenscheid bị cáo buộc đã bắt tay với mạng lưới buôn bán người. Chiến dịch đó là một trong những vụ án lớn nhất chống lại đường dây tội phạm có tổ chức tại Đức.

Erich Reimann

Phụ nữ và xung đột vũ trang

Phụ nữ thường trở thành nạn nhân đầu tiên của bạo lực trong chiến tranh và xung đột vũ trang. Trong bài luận “Mặt trận thứ hai: Logic của bạo lực tình dục”, bà Ruth Seifert cho rằng trong nhiều trường hợp chiến lược quân sự đã nhằm vào phụ nữ phục vụ cho việc tiêu diệt đối phương. Nạn hiếp dâm phổ biến trong các cuộc xung đột vũ trang là một loại tội phạm và thậm chí có thể cấu thành tội diệt chủng, như đã được Toà hình sự quốc tế Rwanda xác định và tuyên bố trong phán quyết đối với Jean-Paul Akayesu, khi phạm tội cố tình huỷ diệt cả nhóm hoặc từng phần của nhóm. “Thanh trừ sắc tộc” với tính chất là một kế hoạch trong chiến tranh. Lần đầu tiên trong lịch sử, Quy chế của Toà hình sự quốc tế năm 1998 nêu rõ tội hiếp dâm, cưỡng ép mang thai, tình dục cưỡng ép, vv... là những tội ác đối với toàn thể loài người và đã thiết lập một hệ thống nhằm mang lại sự công bằng cho cả nạn nhân và thủ phạm gây ra những tội ác này theo thẩm quyền xét xử của Toà.

Phụ nữ hiếm khi đóng vai trò chủ động trong các quyết định dẫn đến xung đột vũ trang, thay vào đó, họ làm việc để bảo vệ trật tự xã hội giữa các cuộc xung đột và nỗ lực hết sức để bảo đảm cuộc

sống càng bình thường càng tốt. Hơn nữa, như Trung tâm nghiên cứu phụ nữ quốc tế đã nêu trong bản tin về việc tái xây dựng sau xung đột thì phụ nữ “*thường phải hứng chịu hậu quả chiến tranh một cách bất công*”. Nhiều phụ nữ trở thành goá phụ, phải đối mặt với gánh nặng gia đình, trong khi nhiều lúc chính họ cũng bị tổn thương do bạo lực, đặc biệt là bạo lực tình dục trong quá trình xung đột. Tất cả những yếu tố này phải được xem xét kỹ hơn, đặc biệt là trong các nhiệm vụ gìn giữ hoà bình tương lai sao cho phụ nữ được hỗ trợ nhiều nhất có thể nhằm giải quyết các nhu cầu đặc biệt của họ.

 **Quyền con người trong xung đột vũ trang.**

“Phần lớn các vụ [hiếp dâm] được báo cáo xảy ra trong thời gian từ mùa thu năm 1991 đến cuối năm 1993, đặc biệt là từ tháng 4 đến tháng 11 năm 1992. Hơn nữa, mặc dù các vụ hiếp dâm phụ nữ Hồi giáo, Croatia và Xéc-bi đều được báo cáo, nhưng đa số các vụ là liên quan đến hiếp dâm phụ nữ Hồi giáo từ Bosnia và Herzegovina do đàn ông người Xéc-bi thực hiện. Những kẻ phạm tội gồm binh lính, các nhóm bán quân sự, cảnh sát địa phương và người dân. Có nhiều tranh luận khác nhau về số vụ hiếp dâm. Một phái đoàn từ Cộng đồng châu Âu cho rằng con số đó là 20.000; Bộ Nội vụ Bosnia đưa ra con số 50.000; Hội đồng các chuyên gia từ chối đưa ra con số”.

Catherine N. Niarchos. 1995.

Phụ nữ và các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Như lời trích dẫn trong “*Sự độc canh, độc quyền, chuyện hoang đường và sự chuyển đổi giới tính trong nông nghiệp*” của Vandana Shiva cho thấy, phụ nữ ở Ấn Độ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn tri thức về các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Theo Vandana Shiva, “*các nữ nông dân từng là người bảo quản hạt giống và uơm giống trong nhiều thiên niên kỷ*”. Điều này không chỉ đúng ở Ấn Độ, mà trên toàn thế giới. Thông qua việc quản lý và sử dụng các

nguồn tài nguyên thiên nhiên, phụ nữ bảo đảm nuôi dưỡng cả gia đình và cộng đồng.

“Hiện tượng đánh cắp sinh học mà qua đó các tập đoàn phương Tây đang đánh cắp tri thức tập thể tồn tại từ hàng thế kỷ và sự đổi mới mà phụ nữ ở các quốc gia thuộc Thế giới thứ ba thực hiện giờ đã trở thành một nạn dịch. Nạn “đánh cắp sinh học” hiện đang được bao biện như là sự “cộng tác” mới giữa kinh doanh nông nghiệp và phụ nữ của Thế giới thứ ba. Đối với chúng tôi, hành vi trộm cắp không thể là cơ sở cho sự cộng tác”.

Vandana Shiva. 1998.

Sự xuống cấp của các nguồn tài nguyên thiên nhiên đã gây nên những tác động tiêu cực đến sức khỏe, hạnh phúc và chất lượng cuộc sống của người dân nói chung, nhưng tác động đặc biệt đến phụ nữ. Hơn nữa, kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của phụ nữ hiếm khi được các nhà hoạch định chính sách, những người chủ yếu là nam giới, tính đến.

Trẻ em gái

Ở nhiều nước, trẻ em gái bị phân biệt đối xử từ những giai đoạn đầu tiên của cuộc đời, suốt thời thơ ấu cho đến khi trưởng thành. Do những quan điểm và tập quán có hại, như tục cắt bỏ âm vật phụ nữ, tư tưởng thích con trai, nạn tảo hôn, bóc lột tình dục và những tập quán liên quan đến sức khỏe cũng như phân bổ lương thực, nên ở một số khu vực trên thế giới số bé gái đạt đến tuổi trưởng thành ít hơn so với bé trai. Trong những xã hội trọng nam khinh nữ, việc giết bé gái sơ sinh là một tập quán phổ biến. Do thiếu các đạo luật bảo vệ, hoặc không thực hiện được những đạo luật đó, nên trẻ em gái dễ bị tổn thương hơn trước tất cả các hình thức bạo lực, đặc biệt là bạo lực tình dục. Tại nhiều khu vực, trẻ em gái bị phân biệt đối xử khi tiếp cận với giáo dục và đào tạo chuyên môn.

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HOÁ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN



Khái niệm về phổ biến là vấn đề quan trọng nhất của quyền con người, nhưng đối với quyền phụ nữ thì quan niệm này dễ bị bỏ qua. Tính đa dạng về văn hoá cho đến nay vẫn thường được lấy làm lý do hoặc trở ngại cho việc thực hiện đầy đủ các quyền con người của phụ nữ. Tài liệu được thông qua trong Hội nghị thế giới về quyền con người tại Vienne năm 1993 là một thành quả quan trọng đối với phụ nữ. Tài liệu này nhấn mạnh rằng:

“Tất cả quyền con người đều mang tính phổ biến, không thể chia cắt, phổ quát nhau và liên quan đến nhau. [...] Trong khi phải lưu ý ghi nhận ý nghĩa của tính đặc thù dân tộc, khu vực và bối cảnh văn hoá, văn hoá, tôn giáo, quốc gia, không phải biết hỗ trợ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và các quyền con người và các quyền tự do của họ”.

Mặc dù khái niệm tính phổ biến của quyền con người được chia sẻ rộng rãi, nhưng nhiều lĩnh vực trong cuộc sống hàng ngày của phụ nữ vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi. Trong một số tôn giáo, phụ nữ không được đối xử như nam giới. Việc từ chối không được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội về giáo dục và công ăn việc làm cũng như việc công khai loại bỏ phụ nữ khỏi việc ra quyết định chính trị được coi là bình thường. Trong một số trường hợp cực đoan, những chính sách và nhận thức như thế này thậm chí còn đe dọa tới an ninh cá nhân và quyền được sống của phụ nữ.

Năm 2002, một phụ nữ trẻ người Nigeria bị Tòa án Hồi giáo kết án tử hình bằng hình phạt ném đá cho đến chết. Theo Tổ chức Ân xá quốc tế ở Úc, thì Amina Lawal bị coi là đã phạm tội sinh con ngoài giá thú. Phán quyết này đã gây ra làn sóng phản đối kịch liệt của quốc tế và bộc lộ sự nghi ngờ tính phù hợp của một số tập quán văn hoá và tôn giáo với tính phổ biến của quyền con người.

Tự do tôn giáo

Một tập quán tôn giáo khác tác động đến cuộc sống thường ngày của phụ nữ có thể thấy ở Ấn Độ (nơi tập tục Suttee hay Sati), có truyền thống thiêu sống người vợ góa cùng với người chồng đã chết. Tập tục này đã bị Chính phủ Anh cấm năm 1829, nhưng vẫn xảy ra, như đã được xác nhận qua một vụ việc được ghi nhận gần đây nhất ở Ấn Độ năm 2002.

Các nước Hồi giáo đến nay đã đưa ra nhiều bảo lưu đối với các nghĩa vụ của CEDAW. Ủy ban CEDAW đặc biệt nhấn mạnh đến sự cần thiết phải rút khỏi các bảo lưu, vốn là rào cản của việc được hưởng đầy đủ các quyền của phụ nữ được nêu trong Công ước.

Ngày nay, việc phụ nữ tham gia chính trị được coi trọng nhiều hơn bao giờ hết vì phụ nữ có thể phát triển tốt nhất bằng những mối quan tâm của chính họ. Trong 50 năm trở lại đây, ngày càng nhiều phụ nữ được quyền bầu cử, tranh cử và nắm giữ các vị trí trong xã hội.

Quyền dân chủ

“Sự tham gia chính trị của phụ nữ không còn được coi là một ân huệ được nam giới ban cho năm giữ, mà là một trách nhiệm và nghĩa vụ nhằm tạo ra một thế giới quân bình và dân chủ hơn.”

**Bengt Save-Soderbergh,
Tổng thư ký IDEA quốc tế.**

Sau sự sụp đổ của các quốc gia thuộc chủ nghĩa cộng sản, phụ nữ ở các nước này có thu nhập ít hơn khoảng 1/3 so với các đồng nghiệp nam với

cùng một công việc và trình độ như nhau. Trong Liên minh châu Âu, Điều 141 Điều ước về thiết lập Cộng đồng châu Âu yêu cầu trả lương bình đẳng đối với cùng một công việc cho cả nam và nữ có trình độ như nhau. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều quốc gia thành viên EU vẫn còn khoảng cách rất xa mới hoàn toàn đạt được việc trả lương công bằng giữa nam và nữ trong cùng một công việc như nhau.

Quyền được làm việc.

Các phong tục và tập quán cũng tiềm ẩn mối nguy hiểm đối với các bé gái và các em gái vị thành niên. Chẳng hạn, tục cắt bỏ âm vật phụ nữ (FGM) đã xảy ra đối với khoảng 135 triệu phụ nữ và em gái trên thế giới. Hơn nữa, theo Tổ chức Ân xá quốc tế, một năm có 2 triệu trẻ em gái (có nghĩa là mỗi ngày khoảng 6000 em có nguy cơ trở thành nạn nhân của tập tục này). Những khu vực thường xuất hiện tục cắt bỏ âm vật phụ nữ là châu Phi và một số nước Trung Đông. Các cộng đồng người nhập cư cũng mang theo tục FGM vào một số khu vực châu Á và Thái Bình Dương, Bắc Mỹ và Mỹ Latinh, châu Âu. Tục tảo hôn cũng dẫn đến những vấn đề về sức khỏe đối với trẻ em gái. Chủ yếu phổ biến ở châu Á, tảo hôn đương nhiên dẫn đến việc làm mẹ sớm và gây ra *“tử vong thai sản cao gấp năm lần trong các em gái độ tuổi 10 – 14 so với trong số phụ nữ tuổi từ 20 – 24”*, Ủy ban về NGO của UNICEF nêu trong tài liệu về các vấn đề sức khỏe của các em gái. Ủy ban về NGO của UNICEF cũng đưa ra số liệu về HIV/AIDS cho thấy các em gái có nguy cơ bị nhiễm virus HIV/AIDS rất lớn qua mẹ hoặc do bị xâm hại tình dục, như bị hiếp dâm.

Quyền được chăm sóc sức khỏe.

4. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Việc thực hiện đầy đủ các quyền con người của phụ nữ đòi hỏi phải có những nỗ lực đặc biệt để làm rõ thêm một số văn kiện quốc tế về quyền con người và hình thành những cơ chế mới về bảo đảm bình đẳng giới.

Liên quan đến việc thực hiện các quyền con người của phụ nữ, có một số phương thức khác nhau mà không chỉ các chính phủ, mà cả xã hội dân sự có thể thực hiện theo.

- Phương thức cơ bản là phổ biến các văn kiện và cơ chế quyền con người của phụ nữ thông qua giáo dục về quyền con người trong hệ thống giáo dục chính thức và không chính thức. Không có cách nào phụ nữ có thể sử dụng các quyền con người của mình khi họ không biết đó là những quyền gì.

Giới thiệu, A

- Biện pháp khác nữa là khuyến khích phụ nữ giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của Nhà nước theo quy định trong các văn kiện về quyền con người mà họ đã phê chuẩn. Nếu như Nhà nước không thực hiện đúng, thì các tổ chức phi chính phủ có thể chuẩn bị những báo cáo thay thế hoặc báo cáo “bóng” để trình lên từng Ủy ban cụ thể. Phụ nữ cần được khuyến khích làm báo cáo thay thế gửi lên Ủy ban CEDAW - là cơ quan giám sát các quốc gia thành viên thực hiện nghĩa vụ của họ theo CEDAW và gửi lên các cơ quan điều ước khác. Các báo cáo “bóng” cho phép các thành viên trong xã hội dân sự buộc các chính phủ phải chịu trách nhiệm về những nghĩa vụ và cam kết đã thực hiện ở cấp quốc tế. Hơn nữa, họ cũng góp phần nâng cao nhận thức về quy trình báo cáo CEDAW trong nước.
- Ở các quốc gia chưa phê chuẩn Nghị định thư không bắt buộc của CEDAW phải tổ chức các chiến dịch vận động hành lang để Nghị định thư đó nhanh chóng được phê chuẩn. Việc phê chuẩn Nghị định thư không bắt buộc có nghĩa là nước phê chuẩn công nhận thẩm quyền của Ủy ban về loại bỏ sự phân biệt đối với phụ nữ trong việc nhận và xem xét các đơn kiện của các cá nhân hoặc các nhóm thuộc thẩm quyền của nước tương ứng. Trong trường hợp có vi phạm lớn và thành hệ thống, nếu như quốc gia tương ứng vẫn không loại trừ được khả năng này khi phê chuẩn Nghị định thư, thì Ủy ban có thể quyết định mở một cuộc điều tra.

- Một bước quan trọng tiến tới thực hiện đầy đủ các văn kiện về quyền của phụ nữ là huấn luyện cho những người ủng hộ phụ nữ trong việc sử dụng các cơ chế về quyền con người. Hiện nay, rất ít phụ nữ biết về các văn kiện quyền con người quốc tế và thậm chí số phụ nữ nhận thức đúng các bước sử dụng chúng còn ít hơn.



Hội nghị thế giới về quyền con người tổ chức ở Vienne hồi tháng 6/1993 ủng hộ việc tạo ra một cơ chế mới đó là bổ nhiệm vị trí Báo cáo viên đặc biệt về bạo lực đối với phụ nữ vào năm 1994. Tháng 8/2003, Bà Yakin Ertürk - người Thổ Nhĩ Kỳ, đã tiếp nhận vị trí này từ Radhika Coomaraswamy. Khi thực hiện nhiệm vụ, bà đã tới thăm các nước và khảo sát mức độ bạo lực đối với phụ nữ ở đó, nhưng cũng đưa ra các khuyến nghị để đưa tập tục ở những nước đó phù hợp với các tiêu chuẩn luật pháp quốc tế trong lĩnh vực quyền con người của phụ nữ.

Mặc dù đã có những tiến bộ quan trọng trong lĩnh vực quyền con người của phụ nữ trong 30 năm qua, nhưng sự trỗi dậy của tư tưởng bảo thủ cực đoan cũ và trào lưu chính thống ở nhiều xã hội lại có nghĩa là sự giảm sút nghiêm trọng các quyền con người của phụ nữ. Do đó, điều quan trọng nhất là phải bảo đảm thường xuyên sự chú trọng việc thực hiện đầy đủ các quyền con người của phụ nữ bằng mọi giá.

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT



Trong những năm gần đây, các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ đã cam kết tham gia vào tiến trình xoá bỏ cả các quy tắc ràng buộc pháp lý nhằm bảo đảm các quyền của phụ nữ và những dự án có giá trị thực tế cao để thực hiện các mục tiêu tiêu chuẩn đã phát triển.

Quá trình giải thích các văn kiện quốc tế về quyền con người theo cách nhạy cảm giới hơn đã bắt đầu. Một trong những ví dụ rõ ràng nhất là Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc đã thông qua Bình luận chung số 28 vào tháng 3/2000. Thông qua việc giải thích Điều 3 trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị quy định về quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong hưởng thụ các quyền dân sự và chính trị, Ủy ban đã xem xét lại tất cả các điều trong Công ước qua lăng kính nhạy cảm giới.

Năm 1992, CLADEM, Ủy ban bảo vệ các quyền của phụ nữ Mỹ Latinh và vùng Caribe, đã phát động một chiến dịch với sự tham gia của các tổ chức từ khắp thế giới, nhờ đó dẫn đến việc soạn thảo Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người với quan điểm giới. Hiện nay, Tuyên bố này được dùng làm tuyên bố “bóng” để phục vụ cho mục đích hướng dẫn. Mục đích này nhằm khuyến khích phụ nữ không chỉ tìm hiểu về quyền con người, mà còn đưa vào đó cả những kinh nghiệm, nhu cầu và mong muốn được thể hiện bằng chính ngôn ngữ của họ.

Việc thừa nhận Công ước các nước liên Mỹ về ngăn ngừa, trừng phạt và xoá bỏ bạo lực với phụ nữ năm 1994 ở Belém do Pará, Brazil, là một trong những mốc quan trọng nhất trong lịch sử thu hút sự lưu tâm tới phụ nữ trong hệ thống quyền con người. Công ước này do Ủy ban phụ nữ các nước liên Mỹ chuẩn bị trong 5 năm. Công ước đã được hầu hết tất cả các nước trong khu vực phê chuẩn và đưa ra khung pháp lý và chính

trị cho một chiến lược chặt chẽ để giải quyết vấn đề bạo lực, đưa ra nghĩa vụ cho các quốc gia là phải thực hiện các chiến lược chung nhằm ngăn chặn bạo lực và trợ giúp các nạn nhân.



Trong khuôn khổ của Ủy ban quyền của con người và quyền của các dân tộc Châu Phi, “Nghị định thư bổ sung về quyền phụ nữ” đã được soạn thảo, đó là bước đi tích cực giải thích Hiến chương theo cách nhạy cảm hơn về giới. Các nước thành viên trong Liên minh châu Phi (AU) đã thông qua Nghị định thư ngày 11/7/2003, có hiệu lực vào ngày 25/11/2005.

Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người (PDHRE) đã đóng góp một phần quan trọng vào việc đẩy mạnh các quyền của phụ nữ thông qua các tài liệu như *Bảo đảm nhân phẩm* và một loạt các video có tiêu đề “*Phụ nữ nắm giữ bầu trời. Bảo đảm nhân phẩm*” cùng với điều tra cấp toàn cầu đối với 12 lĩnh vực quan tâm chính trong Tuyên bố Bắc Kinh và cương lĩnh hành động đã đưa các nghĩa vụ pháp lý vào thực tế ở nhiều nước, căn cứ vào các báo cáo chuyên gia cũng như báo cáo ban đầu của những phụ nữ bị ảnh hưởng. Một tài liệu khác có tên gọi là “*Giữa các câu chuyện của họ và những thực tế của chúng ta*”, cũng được công bố với sự hỗ trợ của Viện Phát triển và Cục Hợp tác phát triển thuộc Bộ Ngoại giao Áo năm 1999, kỷ niệm 20 năm thành lập CEDAW. Tài liệu này là một phần không thể thiếu của loạt video “*Phụ nữ nắm giữ bầu trời*” nói trên. Với sự đóng góp này, Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người đã cung cấp những tư liệu có giá trị cho nhà hoạt động vì quyền con người phụ nữ trong tương lai.

Tổ chức phi chính phủ “*Terre des Femmes*” của Đức đã tổ chức một chiến dịch chống buôn bán phụ nữ vào năm 2002 và ủng hộ dự án Malinowka ở Minsk, Belarus, nhằm cảnh báo cho phụ nữ về mối đe dọa bị buôn bán làm gái mại dâm. Chiến dịch mới đây nhất tập trung vào việc

đặt dấu chấm hết cho các cuộc hôn nhân cưỡng ép và đấu tranh chống bạo lực đối với phụ nữ.

“Tại thời điểm này tôi muốn tỏ lòng kính trọng đối với những phụ nữ tham gia Cuộc họp kín về bình đẳng giới của phụ nữ, họ đã rút kinh nghiệm của phụ nữ trong chiến tranh, xác định rõ chiến lược đối phó với các vụ vi phạm và vượt qua sự phản đối kịch liệt của nhiều đại diện trong các cuộc đàm phán tại Tòa hình sự quốc tế (ICC), cố gắng bảo đảm để tội hiếp dâm, nô lệ tình dục, mang thai cưỡng ép và các hình thức xâm phạm tình dục và xâm phạm giới khác được đưa vào quy chế của Tòa.”

Mary Robinson,

Cao uỷ Liên hiệp quốc về quyền con người, 2000.

2. CÁC KHUYNH HƯỚNG

Trong thập kỷ trước, các tổ chức phi chính phủ của phụ nữ đã tích cực tham gia vào một số vấn đề về quyền con người và luật nhân đạo. Năm 1998, một nhóm phụ nữ đã tham gia Hội nghị Rome về dự thảo Quy chế của Tòa hình sự quốc tế nhằm bảo đảm các quyền con người của phụ nữ được những người soạn thảo xem xét và đưa vào một cách nghiêm túc. Phụ nữ nhận thấy rằng nếu không có một chế độ hợp kín có tổ chức, thì các mối quan tâm của phụ nữ sẽ không được bảo vệ và thúc đẩy một cách phù hợp. Xét theo Quy chế Rome, Quy chế có hiệu lực từ ngày 01/7/2002, thì họ đã thành công.

Luật Nhân đạo quốc tế đã đạt đến một mốc mới với Quy chế của Tòa hình sự quốc tế năm 1998. Những phát triển trên lãnh thổ Nam Tư cũ và ở Rwanda cho thấy việc bảo vệ phụ nữ và các quyền con người của họ phải là phần nhiệm vụ của Tòa hình sự quốc tế. Kể từ ngày 12/01/2006, có 100 quốc gia trên thế giới đã phê chuẩn Quy chế Rome. Lần đầu tiên trong lịch sử Quy chế Rome đã nêu rõ hàng loạt tội ác có thể trừng phạt theo Quy chế, chủ yếu đó là những tội ác đối với phụ nữ. Chẳng hạn, Điều 7 (1) tuyên bố “... *tội hiếp dâm, nô lệ tình dục, mại dâm cưỡng ép,*

mang thai cưỡng ép, triệt sản cưỡng ép, hoặc bất kỳ hình thức bạo lực tình dục nào khác mang tính chất nghiêm trọng có thể so sánh được...” đều cấu thành những tội chống lại nhân loại. Hơn nữa, các nạn nhân và những người làm chứng rất được chú ý. Điều 68 Quy chế quy định “... *sự an toàn, sức khoẻ thể chất và tâm lý, nhân phẩm và quyền riêng tư của các nạn nhân và người làm chứng*” sẽ được bảo đảm và Hội đồng xét xử có thể ra lệnh để “... *tiến hành bất cứ khâu nào trong các vụ kiện có quay camera hoặc cho phép đưa ra bằng chứng bằng các phương tiện điện tử hoặc phương tiện đặc biệt khác. Đặc biệt, những biện pháp đó sẽ được thực hiện trong trường hợp nạn nhân của bạo lực tình dục hoặc trẻ em là nạn nhân hoặc người làm chứng*”. Những biện pháp bảo vệ này còn là kết quả của những kinh nghiệm có được trong các vụ xét xử ở ICTY và ICTR.

(Nguồn: Quy chế của Tòa hình sự quốc tế Rome: <http://www.ohchr.org/english/law/criminalcourt.htm>).

Ở cấp quốc gia, các phong trào phụ nữ cũng đã thành công trong việc thúc đẩy quyền con người của phụ nữ. Ở Uganda, các nhà làm luật bảo vệ quyền cho phụ nữ đã vận động hành lang cho một dự luật đất đai mới, trong đó quy định phụ nữ có quyền thừa kế đất đai từ người chồng quá cố. Tục lệ cấm vợ được thừa kế tài sản khi chồng mất này tồn tại trong suốt một thời gian dài. Cuối cùng, họ đã thành công và nhiều phụ nữ giờ đây biết họ có quyền đối với đất đai để nuôi dưỡng chính mình. Thành công này đã khuyến khích họ đảm nhiệm tiếp những vấn đề quan trọng và liên quan đến phụ nữ, như Dự luật về các mối quan hệ trong gia đình, nhằm cấm một số tập tục như đa thê hay đánh vợ. (Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu châu Phi ra hàng quý:

<http://web.africa.ufl.edu/asq/v7/v7i4a1.htm>).

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

1789 Tuyên bố về các quyền của phụ nữ và công dân nữ của Olympe de Gouges

1888 Thành lập Hội đồng phụ nữ quốc tế

1921 Công ước quốc tế về cấm buôn bán phụ nữ và trẻ em và Nghị định thư sửa đổi, bổ sung

1950 Công ước về cấm buôn bán người và bóc lột, mại dâm người khác

1953 Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ

1957 Công ước về quốc tịch của phụ nữ đã kết hôn

1962 Công ước về kết hôn tự nguyện, tuổi kết hôn tối thiểu và đăng ký kết hôn

1967 Tuyên bố về việc xoá bỏ mọi hình thức phân biệt với phụ nữ

1975 Hội nghị thế giới lần thứ nhất của Liên hiệp quốc về phụ nữ (Mexico City)

1976 Bắt đầu thập kỷ vì phụ nữ của Liên hiệp quốc: bình đẳng, phát triển và hoà bình

1979 Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt với phụ nữ (CEDAW)

1980 Hội nghị thế giới lần thứ hai của Liên hiệp quốc về phụ nữ (Copenhagen)

1985 Hội nghị thế giới lần thứ ba của Liên hiệp quốc về phụ nữ (Nairobi): Thông qua các chiến lược Nairobi vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2000

1994 Bổ nhiệm báo cáo viên đặc biệt về bạo lực đối với phụ nữ

1994 Công ước về việc ngăn chặn, trừng trị và xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ của Belém do Pará

1995 Hội nghị thế giới lần thứ tư của Liên hiệp quốc về phụ nữ (Beijing)

1998 Quy chế của Toà hình sự quốc tế Rome

1999 Nghị định thư bổ sung của Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối với phụ nữ

2000 Nghị định thư về ngăn ngừa, nghiêm cấm và trừng phạt đối với tội buôn người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hiệp quốc

2000 Phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc về “Phụ nữ 2000: bình đẳng giới, phát triển và hoà bình trong thế kỷ XXI”

2003 Nghị định thư bổ sung cho Hiến chương châu Phi về các quyền của phụ nữ

2005 Xem xét và đánh giá Tuyên bố Bắc Kinh và nền tảng hành động và Văn kiện rút ra từ Phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I: 1

GIẢI THÍCH CEDAW

Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này nhằm tăng cường hiểu biết về CEDAW và đặc biệt có ý nghĩa đối với những người không phải là luật sư, những người không quen với các thuật ngữ pháp lý.

Dạng hoạt động: thực hành.

Phần II: Thông tin chung về hoạt động

Mục đích và ý nghĩa:

- Nâng cao nhận thức về các quyền của phụ nữ;
- Giúp mọi người làm quen với các thuật ngữ pháp lý;
- Trình bày các quan điểm khác nhau về quyền của phụ nữ;
- Thảo luận về các văn kiện pháp lý liên quan đến các quyền của phụ nữ.

Nhóm đối tượng: Những người đã trưởng thành.

Quy mô nhóm: 20-25; làm việc theo nhóm nhỏ và thảo luận cả nhóm.

Thời gian: khoảng 60 phút.

Tài liệu: bản chụp CEDAW, giấy, bút chì.

Các kỹ năng có liên quan: Đọc và giải thích các thuật ngữ pháp lý, trao đổi, hợp tác và đánh giá các quan điểm khác nhau.

Phần III: Thông tin chung về hoạt động

Mô tả hoạt động/Hướng dẫn: sau khi hướng dẫn CEDAW, người điều hành nên yêu cầu học viên chia thành các nhóm gồm 4-5 người. Mỗi nhóm sẽ được giao một phần nhất định trong CEDAW để giải thích (chúng) theo ngôn ngữ thường ngày, không mang tính pháp lý. Cũng có thể phân công một điều hoặc nhiều điều giống nhau cho từng nhóm để làm cho cuộc thảo luận chi tiết trở nên hấp dẫn hơn vì những người khác nhau có thể đưa ra các cách nói khác nhau. Sau khi kết quả “giải thích” được trình bày trước mọi người, nhóm phải xem xét tình huống đó ở đất nước họ. Một cuộc thảo luận về tất cả hoặc một số vấn đề sau đây có thể có ích để đánh giá những gì có thể thay đổi:

- Xã hội ở nước bạn có gạt các quyền của phụ nữ sang một bên, phân biệt với các quyền con người hay không? Sự phân biệt đó được thực hiện như thế nào: Theo pháp luật? Theo tập tục?
- Sự phân biệt có được nói ra hay không? Đó có phải là một “sự thật của cuộc sống” mà không ai muốn nói đến hay không?
- Nó có tác động đến tất cả phụ nữ hay không? Nếu không, những phụ nữ nào bị tác động nhiều nhất?
- Mô tả những ví dụ cụ thể về sự phân biệt giới.
- Phụ nữ phản ứng như thế nào với sự phân biệt?
- Có những quyền con người mà nam giới được hưởng là điều đương nhiên, trong khi phụ nữ phải có nỗ lực đặc biệt mới được thừa nhận những quyền đó hay không?

- Có những lĩnh vực cuộc sống nào mà phụ nữ chỉ có thể thực hiện được thông qua nam giới hay không? Đây là những trở ngại đối với quyền tự chủ của phụ nữ?
- Hiến pháp của đất nước bạn quy định như thế nào về các quyền của phụ nữ? Có sự cách biệt giữa thực tế và hiến pháp hay không?
- Bạn có biết vụ kiện nào hiện đang diễn ra liên quan đến quyền con người của phụ nữ hay không? Về vấn đề là gì? Những quyền nào bị ảnh hưởng?
- Các luật sư nói chung có biết CEDAW và các văn kiện pháp lý khác liên quan đến các quyền của phụ nữ hay không?

Gợi ý thực hiện:

Làm việc theo các nhóm nhỏ 4 hoặc 5 người để thảo luận sâu hơn và để những người rụt rè hoặc ít nói có cơ hội tham gia tốt hơn. Tuy nhiên, các kết quả làm việc của nhóm phải luôn được trình bày và thảo luận trước tất cả mọi người để bảo đảm tất cả những học viên đều biết như nhau.

Gợi ý thay đổi:

Hoạt động này có thể thực hiện với bất kỳ văn kiện pháp lý nào theo sự quan tâm của học viên và các chủ đề của khoá học.

Phần IV: Phần tiếp theo

Phần tiếp theo có thể là để tổ chức một chiến dịch về các quyền của phụ nữ.

Những quyền liên quan/những lĩnh vực khai thác tiếp: các quyền con người nói chung, quyền của các nhóm thiểu số.

HOẠT ĐỘNG II: 2

NGÔN NGỮ CỬ CHỈ CỦA NAM VÀ NỮ

Phần I: Giới thiệu

“Điều bạn nói ra chiếm 10% thông điệp - cách bạn nói chiếm 90% thông điệp”. Đa số mọi người không biết rằng ngôn ngữ cử chỉ tác động nhiều như thế nào đến vẻ bề ngoài và sự giao tiếp, và thậm chí còn không biết rằng nam và nữ phản

ứng với nhau theo cách khác nhau không chỉ trong lời nói mà cả trong hành động và cử chỉ.

Dạng hoạt động: bài tập đơn lẻ/phân vai.

Phần II: Thông tin chung về hoạt động

Mục đích và ý nghĩa:

- Gây cảm xúc trong giao tiếp.
- Thúc đẩy sự thấu hiểu.
- Hiểu rõ vai trò giới.

Nhóm đối tượng: Những người đã trưởng thành hoặc mới trưởng thành; nam nữ từ độ tuổi 12.

Quy mô nhóm: 20-25 người, làm việc theo các nhóm nhỏ, theo cặp và tất cả với nhau.

Thời gian: khoảng 60 phút.

Chuẩn bị: chuẩn bị để tất cả học viên có đủ không gian di chuyển thoải mái.

Những kỹ năng liên quan: kỹ năng sáng tạo, diễn xuất.

Phần II: Thông tin cụ thể về hoạt động

Mô tả hoạt động/Hướng dẫn: Trước hết, những học viên là nữ tìm hiểu ngôn ngữ cử chỉ đặc trưng của nữ, và những học viên là nam tìm hiểu ngôn ngữ cử chỉ đặc trưng của nam. Ngôn ngữ này bao gồm các tư thế đặc thù khi bước đi, ngồi hay nói chuyện với người khác trong những tình huống khác nhau. Học viên không chỉ nên nói về ngôn ngữ cử chỉ mà còn cố gắng tìm ra những điệu bộ và tư thế khác nhau. Sau đó giảng viên nên chỉ cho học viên thấy ngôn ngữ cử chỉ và hành vi đặc thù của giới trong hàng loạt các tình huống (ví dụ: trên tranh ảnh). Học viên phải cố gắng bắt chước những tư thế được nhìn thấy và nghĩ đến cảm xúc của mình trong tình huống cụ thể.

Sau bài tập mở đầu này, nhóm phải chia thành các cặp, tốt nhất là các cặp có cả nam và nữ, và diễn một trong những cảnh sau với tính chất là một tiểu phẩm trước cả nhóm:

- Một người cha đang giận dữ với con gái vì cô gái đã về nhà muộn.
- Một thanh niên đang tìm cách tán tỉnh một phụ nữ trên phố.
- Một nữ đồng nghiệp mới đề nghị một đồng nghiệp nam giúp đỡ khi cô chưa biết nhiều về công ty.
- Một cặp nam nữ ăn tối ở nhà hàng. Họ trả tiền và đi ra.

Các tiểu phẩm phải diễn trước khán giả. Điểm có thể thảo luận sau đó là tác động của ngôn ngữ cử chỉ lộn xộn, chẳng hạn xã hội phản ứng như thế nào khi một người đàn ông phản ứng như đàn bà và ngược lại.

Gợi ý thực hiện:

Một kinh nghiệm có lẽ rất hay là học viên nên thay đổi vai trò giới tính nam/nữ, nhưng việc này chắc chắn sẽ khó đối với những người đến từ những nền văn hoá mà vai trò giới rất khắt khe và khác nhau quá nhiều. Do vậy, giảng viên tùy ý quyết định nên mong đợi điều gì mà không có nguy cơ bị “chống đối”.

Phần IV: Phần tiếp theo

Phần tiếp theo thích hợp có thể là phân tích phản ứng của nam và nữ, chẳng hạn trong một cuộc tranh luận hay một bộ phim.

Các quyền liên quan/những lĩnh vực cần tiếp tục khai thác:

Quyền con người nói chung, quyền của các nhóm thiểu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abiella, Rosalie. 1987. *Bản chất phát triển của sự bình đẳng*, trong: Mahoney, Kathleen và Sheilah Martin. *Sự bình đẳng và tính trung lập của tư pháp*. Toronto: Carswell.

Tạp chí Nghiên cứu châu Phi ra hàng quý:
<http://web.africa.ufl.edu/sq/v7/v7i4a1.htm>.

Tổ chức Ân xá quốc tế Úc. *Bảo vệ các quyền của phụ nữ. Nigeria: Kết án tử hình. Những mối quan tâm về việc thực hiện bộ luật hình sự mới dựa trên luật Hồi giáo.* Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.amnesty.org.au/women/action-letter09.html>.

Tổ chức Ân xá quốc tế. *Tục cắt bỏ âm vật phụ nữ - Gợi thông tin về quyền con người.* Tài liệu có tại địa chỉ:
<http://www.amnesty.org/ailib/intcam/femgen/fgm1.htm>

Benedek, Wolfgang, Gerd Oberleitner và Esther Kisaakye (chủ biên). 2005. *Quyền con người của phụ nữ: Các văn kiện quốc tế và các kinh nghiệm ở châu Phi.* London: Zed Books.

Boletín Red Feminista Latinoamericana y del Caribe contra la violencia doméstica y sexual. Isis, No. 20. July/September 1998.

Bravo, Rosa. 1998. *Pobreza por razones de género. Precizando conceptos. En Género y Pobreza, Nuevas dimensiones.* Santiago de Chile: Editores Isis.

Cook, Rebecca. 1994. *Trách nhiệm của Nhà nước theo Công ước phụ nữ.* Trong: *Quyền con người của phụ nữ.* Philadelphia: Trường Đại học Pennsylvania.

ECLAC Ban phụ nữ và phát triển (Women and Development Unit). 2000. *Thách thức về công bằng giới và quyền con người trước ngưỡng cửa thế kỷ 21.* Santiago: ECLAC.

Emily Davison:

<http://www.spartacus.schoolnet.co.uk/Wdavison.htm>.

Falcón O'Neill, Lidia. 1999. *Historia de los Derechos de las Mujeres. La construcción del Sujeto Politico.* Lima: Seminario Internacional de Derechos Humanos. Movimiento Manuela Ramos.

Ủy ban liên Mỹ về quyền con người. 2001. *Báo cáo Số 54/01, Vụ án 12.051, Maria da Penha Maia Fernandes.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.cidh.oas.org/annualrep/2000eng/ChapterIII/Merits/Brazil12.051.htm>

[cidh.oas.org/annualrep/2000eng/ChapterIII/Merits/Brazil12.051.htm](http://www.cidh.oas.org/annualrep/2000eng/ChapterIII/Merits/Brazil12.051.htm)

Trung tâm nghiên cứu phụ nữ quốc tế. 1998. *Bảng tin: Sau hoà bình: Phụ nữ trong tái thiết hậu xung đột.* Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.icrw.org/docs/postconflictinfobulletin.pdf>

ICTR. Tóm tắt phán quyết vụ xét xử Jean-Paul Akayesu. ICTR-96-4-T. 02/9/1999. Tài liệu có tại địa chỉ
http://www.un.org/ict/english/singledocs/jpa_summary.html.

Kamat, Jyostna. Tục Sati ở Ấn Độ. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.kamat.com/kalranga/hindu/sati.htm>.

Karam, Azza. 1998. *Vượt ra ngoài sự đại diện chiếu lệ.* Trong: *Phụ nữ trong Nghị viện: Ngoài những con số.* Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.idea.int/women/parl/toc.htm>

Kartusch, Anglika, Katharina Knaus và Gabriele Reiter. 2000. *Chống buôn bán phụ nữ theo Luật Quốc tế và Luật của Áo. Quyển 9. Các nghiên cứu về quyền con người.* Ludwig-Boltzmann - Viện Nghiên cứu quyền con người.

Koenig, Shulamith. 1998. *Sự phát triển của phụ nữ với tư cách là người sở hữu đầy đủ các quyền con người.* Trong: Haxton, Eva; Olsson, Claes (ed.). *Tiêu điểm giới ở WTO.* Uppsala: ICDA.

Koenig, Shulamith và Betty A. Reardon. 2001. *Sự bảo đảm nhân phẩm.* New York: PDHRE.

Moller Okin, Susan. 1998. *Công lý, giới và gia đình.* New York: Những cuốn sách cơ bản.

Neuhold, Brita and Birgit Henökl. 2000. *Các quyền của phụ nữ- quyền con người: Từ giấc mơ đến hiện thực.* Vienna: Cục hợp tác phát triển Úc.

Neuhold, Brita, Renate Pirstner-Ebner và Silvia Ulrich. 2003. *Các Quyền con người của phụ nữ:* Studienverlag.

Ủy ban về NGO của UNICEF. 2000. *Tài liệu chuyên đề: Các vấn đề sức khoẻ của trẻ em gái.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.girlsrights.org/factsheets/health.pdf>

Niarchos, Catherine M. 1995. *Phụ nữ, chiến tranh và sự hăm hiếp: Những thách thức trước Toà án quốc tế đối với Nam Tư cũ.* Trong *Tạp chí quyền con người ra hàng quý 17 (1995).* tr. 649-690.

Pandjarian, Valeria. 2003. *Điều tra và phân tích một chiến lược*. Trong: Phụ nữ, luật pháp và phát triển quốc tế. São Paulo: Cladem Brazil.

Thập kỷ giáo dục quyền con người cho nhân dân.

2002. *Sự bảo đảm nhân phẩm*. New York: PDHRE.

Thập kỷ giáo dục quyền con người cho nhân dân.

2002. *Phụ nữ nắm giữ bầu trời*. New York: PDHRE.

Thập kỷ giáo dục quyền con người cho nhân dân.

1999. *Giữa các câu chuyện của họ và thực tại của chúng ta*. New York: PDHRE

PLCPD - Ủy ban về dân số và nền tảng phát triển trong Quốc hội Philippine: [http:// www.plcpdfound.org](http://www.plcpdfound.org)

Power, Carla. 2002. *Những hạn chế về quyền tự do. Sự chấm dứt của chủ nghĩa cộng sản có làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn đối với phụ nữ không?* Trong: Tuần tin quốc tế. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.cdi.org/russia/johnson/6142-2.cfm>.

Reimann, Erich. 1996. *Phá tan đảng phái nô lệ tình dục Đức*. Trong: Associated Press.

Nghị quyết A/Res/48/104 ngày 20/ 12/ 1993. *Tuyên bố về việc xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ*.

Quy chế Rome của Tòa Hình sự quốc tế: <http://www.ohchr.org/english/law/criminalcourt.htm>

Robinson, Mary. 2000. *Phụ nữ đoàn kết vì hoà bình. Tuyên bố của Cao uỷ Liên hiệp quốc về quyền con người và Tổng thư ký Hội nghị thế giới về chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.unhchr.ch/hurricane/hurricane.nsf/0/DD6773BCD73D1F478025689C005B52B7?opendocument>

Seifert, Ruth. 1996. *Mặt trận thứ hai: Logic của bạo lực tình dục trong các cuộc chiến tranh*. Trong: Diễn đàn quốc tế nghiên cứu phụ nữ 19 (1/2). tr. 35-43.

Shiva, Vandana. 1998. *Độc canh, độc quyền, những chuyện hoang đường và chuyển đổi giới trong nông nghiệp*. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://gos.sbc.edu/s/shiva2.html>.

Torrevillas, Domini M. 2002. *Vì sao tôi ủng hộ Dự luật của Quốc hội 4110*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.remedios.com.ph/fhtml/mk4q2002_wiaf.htm

Liên hiệp quốc - Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ: <http://www.un.org/womenwatch/daw>

Liên hiệp quốc. 2004. *Báo cáo của Ủy ban về xoá bỏ sự phân biệt đối với phụ nữ*. New York.

Liên hiệp quốc. 2001. *Khung hành động của Hiệp ước đa phương: Khuyến khích tham gia toàn cầu, tiêu điểm 2001: Quyền của phụ nữ và trẻ em*. New York.

Liên hiệp quốc. 2000. *Phụ nữ, hoà bình và an ninh, nghiên cứu của Tổng thư ký theo Nghị quyết của Hội đồng bảo an 1325 (2000)*.

Vlachova, Marie, Biason, Lea (ed.). 2005. *Phụ nữ trong một thế giới không an toàn*. Geneva: Trung tâm kiểm soát dân chủ các lực lượng vũ trang Geneva (DCAF).

THÔNG TIN BỔ SUNG

Liên minh châu Phi: www.african-union.org

Chiến dịch vận động cho Công ước về các quyền tình dục và quyền sinh sản của Mỹ Latinh và vùng Caribê: www.convencion.org.uy

CLADEM- Ủy ban bảo vệ các quyền phụ nữ Mỹ Latinh và vùng Caribê: www.cladem.org

Hội đồng kinh tế Mỹ Latinh và vùng Caribê: <http://www.eclac.org>

Quyền bình đẳng hiện nay:

<http://www.equalitynow.org>

Hội phụ nữ quốc tế: <http://www.icw-cif.org>

Terre des Femmes: <http://www.terredesfemmes.de>

Tổ chức các bang ở Mỹ: <http://www.oas.org>

Phong trào giáo dục quyền con người của nhân dân: <http://www.pdhre.org>

RSMLAC- Trang chăm sóc sức khoẻ phụ nữ Mỹ Latinh: <http://www.rsmlac.org>

Liên hiệp quốc: Ủy ban về địa vị của phụ nữ: <http://www.un.org/womenwatch/daw/csw>

Liên hiệp quốc: Ủy ban về xoá bỏ phân biệt đối với phụ nữ: <http://www.un.org/womenwach/daw/cedaw>

Liên hiệp quốc: Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ: <http://www.un.org/womenwatch/daw>

PHÁP QUYỀN VÀ XÉT XỬ CÔNG BẰNG

PHÁP QUYỀN TRONG CÁC XÃ HỘI DÂN CHỦ XÉT XỬ CÔNG BẰNG - YẾU TỐ NÒNG CỐT CỦA PHÁP QUYỀN CÁC YẾU TỐ CỦA MỘT VỤ XÉT XỬ CÔNG BẰNG

“Pháp quyền không chỉ có nghĩa là việc sử dụng chính thức các công cụ pháp lý, mà còn là nguyên tắc công bằng và bảo vệ tất cả các thành viên trong xã hội trước việc sử dụng quyền lực quá mức của chính phủ”

Hội Luật gia quốc tế. 1986.

CÂU CHUYỆN MINH HOẠ

Sáng sớm ngày 16/12/1988, ông A bị bắt tại nhà theo Điều 12 Sắc luật chống khủng bố của Anh vì liên quan tới một vụ âm mưu dùng bom tấn công các quân nhân. Ông A được giải tới đồn cảnh sát Castlereagh. Ông yêu cầu được gặp ngay luật sư của mình khi tới nơi. Việc tiếp cận bị cản trở. Ông A bị giam giữ theo mệnh lệnh về bằng chứng tội phạm năm 1988. Do chưa biết luật mới này, ông A yêu cầu được luật sư tư vấn, nhưng yêu cầu này bị từ chối. Cũng trong ngày hôm đó, ông A bị hai nhóm thám tử, mỗi nhóm hai người, đến thẩm vấn 5 lần. Cuộc thẩm vấn cuối cùng diễn ra vào lúc nửa đêm.

Ngày 17/12/1988, ông A than phiền với một bác sỹ điều trị về hai cuộc thẩm vấn ngày hôm trước. Bác sỹ ghi lại lời kể của ông A rằng trong lần thẩm vấn thứ hai và thứ ba ông bị tát nhiều lần, thỉnh thoảng bị đập vào phía sau đầu, đôi khi còn bị đâm vào bụng.

Tiếp theo, các cuộc thẩm vấn lần thứ sáu, bảy và tám đối với ông A cũng diễn ra vào ngày hôm đó. Trong cuộc thẩm vấn thứ sáu, ông A phá vỡ sự im lặng và trả lời chi tiết một số câu hỏi, thừa nhận đã dính líu vào việc lắp đặt bom. Trong cuộc thẩm vấn thứ bảy, ông A đã ký vào một biên bản dài, tường thuật khá chi tiết việc ông tham gia vào âm mưu đặt và gây nổ bom.

Ngày 18/12/1988, ông A được phép gặp luật sư, luật sư ghi lại lời cáo buộc về việc đối xử tệ bạc của ông A, nhưng luật sư đã không chuyển những lời than phiền này cho cảnh sát.

Ngày 19/12/1988, ông A cùng các đồng phạm đã bị buộc tội tại Toà án Belfast Magistrate về âm mưu gây ra các vụ nổ, cố ý sở hữu chất nổ, âm mưu giết người và là thành viên của Quân đội Cộng hoà Ai-len.

Ngày 17/9/1990, vụ xét xử ông A và các bị cáo khác bắt đầu diễn ra tại Toà án Belfast Crown trước một thẩm phán mà không có ban hội thẩm. Ông A biện hộ là không có tội. Vụ án dựa trên cơ sở truy tố những lời thừa nhận của ông A khi thẩm vấn và đặc biệt là những biên bản tường thuật ông A đã ký. Sau đó, ông A không đưa ra được bằng chứng khi xét xử. Rốt cuộc, qua toà xét xử đã kết án ông A 20 năm tù giam.

Toà án châu Âu về quyền con người đã phân xử vụ này vào ngày 06/6/2000. Toà nhận thấy quyền được xét xử công bằng như đã nêu trong Điều 6 của Công ước châu Âu về quyền con người đã bị xâm phạm.

(Nguồn: **Toà án châu Âu về quyền con người. 2000. Magee kiện Vương quốc Anh.** Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.worddii.org/eu/cases/ECHR/2000/216.html>)

CÂU HỎI THẢO LUẬN:

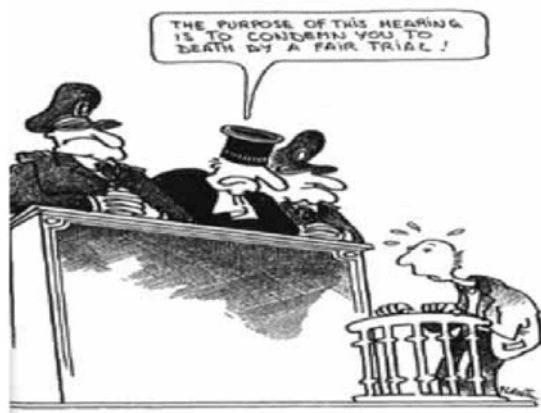
1. Bạn nghĩ thế nào về lý do đối xử với ông A?
2. Những quyền nào đã bị xâm phạm?
3. Nếu luật sư của ông A được mời đến sớm hơn, thì tình huống đó có thay đổi không?
4. Có thể làm gì để ngăn chặn những tình huống tương tự xảy ra?
5. Bạn có biết các hệ thống bảo vệ quốc tế có thể sử dụng trong những trường hợp này hay không?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. GIỚI THIỆU

Hãy hình dung bạn đang ngồi trong phòng xử án mà không hề biết lý do vì sao. Bạn thậm chí còn trở nên lúng túng hơn khi thẩm phán bắt đầu đọc lời buộc tội bạn - tội mà bạn bị cáo buộc chưa bao giờ bị coi là bất hợp pháp trước đó, vì nó không được đặt ra trong luật pháp hiện hành. Không ai giải đáp được các câu hỏi của bạn, bạn cảm thấy hoàn toàn bất lực, không thể bảo vệ được mình, nhưng lại không có luật sư giúp đỡ. Thậm chí tệ hơn, khi nghe các nhân chứng, bạn thấy rằng ít nhất một trong số họ nói thứ tiếng bạn không hiểu và không có phiên dịch. Trong quá trình xét xử, thẩm phán cho biết đây là lần xử thứ hai và lần thứ nhất đã diễn ra mà không có sự có mặt của bạn. Càng xử càng thấy rõ là mọi người đã bị thuyết phục và tin bạn có tội, vấn đề thực sự chỉ còn là nên trừng phạt như thế nào...

Ví dụ này cho thấy điều gì sẽ xảy ra khi những bảo đảm cho việc xét xử công bằng bị vi phạm. Quyền được xét xử công bằng, hay còn gọi là “thi hành công lý một cách công bằng”, là một trong những nền móng của một xã hội dân chủ tôn trọng “pháp quyền”.



Pháp quyền

Pháp quyền có liên quan đến hàng loạt lĩnh vực chính sách trên các phương diện chính trị, hiến pháp và pháp luật, cũng như quyền con người. Bất kỳ xã hội nào tán thành dân chủ đều thừa nhận quyền con người và địa vị đứng đầu của luật pháp là những nguyên tắc cơ bản.

 Quyền được dân chủ

“Vâng, pháp quyền bắt đầu từ chính nhà mình. Nhưng ở quá nhiều nơi nguyên tắc này vẫn khó đạt được. Lòng hận thù, tham nhũng, bạo lực và sự loại trừ diễn ra mà không có bồi thường. Kẽ yếu thiếu nơi trông cậy hiệu quả, và kẻ mạnh thao túng luật pháp để nắm quyền và làm giàu. Đôi khi ngay cả cuộc chiến cần thiết chống khủng bố cũng được phép xâm phạm các quyền tự do công dân một cách không cần thiết”

Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kofi Annan. 2004.

Mặc dù pháp quyền là nền tảng của xã hội dân chủ, nhưng không có sự nhất trí hoàn toàn về tất cả các yếu tố tạo nên pháp quyền. Tuy nhiên, pháp quyền thường được thừa nhận là các công dân đều được bảo vệ trước những hành động tùy tiện của các cấp chính quyền nếu như là các quyền của họ được ghi nhận trong luật pháp. Luật pháp phải được công bố công khai cho tất cả mọi người, được áp dụng bình đẳng và thực thi hiệu quả. Do vậy, rõ ràng là việc chấp hành quyền lực nhà nước phải dựa trên các đạo luật được ban hành theo hiến pháp và nhằm mục đích bảo vệ tự do, công lý và tính chắc chắn của pháp luật.

Năm 1993, Hội nghị thế giới về quyền con người của Liên hiệp quốc tại Viên đã tái khẳng định mối quan hệ không thể tách rời giữa nguyên tắc pháp quyền và việc bảo vệ, thúc đẩy quyền con

người. Hội nghị thừa nhận không có pháp quyền là một trong những trở ngại lớn để thực hiện quyền con người. Pháp quyền bảo đảm cơ sở để quản lý tốt các mối quan hệ giữa mọi người, từ đó thúc đẩy tính đa dạng. Đó là trụ cột chính của tiến trình dân chủ. Pháp quyền còn quy định trách nhiệm giải trình và bảo đảm cơ chế kiểm soát những người đang nắm quyền.

Lịch sử phát triển của pháp quyền

Nguyên tắc pháp quyền có thể có nguồn gốc từ các nhà triết học Hy-lạp như Aristoteles, người thích cai trị theo luật pháp hơn là cai trị theo ý muốn. Bước tiếp theo có thể nhận thấy ở Anh thời trung cổ, tại đây vào năm 1066, chính quyền trung ương đã được William, người đi xâm chiếm, thiết lập. Mặc dù đức vua là hiện thân của quyền hành pháp, lập pháp và pháp lý cao nhất, nhưng bản thân đức vua không được đứng trên luật pháp - chính luật pháp tôn ông làm vua. Bởi vậy, các toà án luật pháp chung và nghị viện, cùng với giới quý tộc đã tăng cường sự ảnh hưởng của họ trong hệ thống quốc gia, xây dựng chế độ quân chủ nghị viện đầu tiên ở châu Âu. Cơ sở để cho sự phát triển pháp quyền là Magna Charta (1215) về bảo đảm các quyền dân sự và chính trị nhất định cho giới quý tộc, và sắc lệnh Habeas Corpus (1679), sắc lệnh này quy định người đang bị giam giữ có quyền không thể phủ nhận là được biết vì sao họ bị hạn chế quyền tự do.

Ở châu Âu, nguyên tắc pháp quyền đã trở nên quan trọng trước bối cảnh của các cuộc cách mạng nhân dân trong suốt thế kỷ 17 và 18. Ngày nay, pháp quyền là nguyên tắc chủ đạo của các thể chế quốc gia và khu vực trên khắp thế giới.

Pháp quyền, xét xử công bằng và an ninh cho mọi người

An ninh cho mọi người bắt nguồn từ pháp quyền và xét xử công bằng. An ninh không thể thực hiện được nếu không có pháp quyền và xét xử công bằng. Các nguyên tắc pháp quyền và xét xử công

bằng trực tiếp góp phần vào việc bảo đảm an ninh cho con người và bảo đảm để không ai bị truy tố và bắt giữ một cách tùy tiện, để mọi người được xét xử công bằng trước toà án dưới sự chủ tọa của một thẩm phán công bằng và vô tư. Sự công bằng trong các vụ kiện ở toà cấu thành công lý và bảo đảm lòng tin của công dân vào việc xét xử khách quan và theo pháp luật.

Hơn nữa, một hệ thống tư pháp chặt chẽ không chỉ thực hiện chức năng sửa chữa mà còn thực hiện chức năng ngăn ngừa; hệ thống này giúp cắt giảm tỷ lệ tội phạm và nạn tham nhũng, do đó góp phần bảo vệ tự do. Trong các tình huống hậu xung đột, chẳng hạn như ở Bosnia và Herzegovina, việc tái thiết pháp quyền và quyền được xét xử công bằng đặc biệt quan trọng nhằm tăng cường an ninh cho mọi người nhờ có sự ổn định về luật pháp, thi hành công lý công bằng và quản lý tốt. Đây là những biện pháp chính mà công dân có thể khôi phục lại sự tin tưởng và tín nhiệm vào nhà nước và các nhà chức trách.

“...Ứng hộ quyền con người và pháp quyền thực sự là để tăng cường an ninh cho mọi người. Những xã hội tôn trọng pháp quyền không trao cho bên hành pháp thẩm quyền chung, ngay cả khi giải quyết những tình huống ngoại lệ. Các xã hội đó thấy rõ vai trò quan trọng của bộ máy tư pháp và lập pháp trong việc bảo đảm để các chính phủ áp dụng một phương thức cân bằng và đúng luật đối với những vấn đề phức tạp của lợi ích quốc gia.”

Louise Arbour,

Cao uỷ Liên hiệp quốc về quyền con người. 2004.

Về sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, xu thế đầu tư có triển vọng phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống luật pháp và chức năng hành chính. Do đó, sự tiến bộ về kinh tế và phúc lợi xã hội đảm bảo an ninh kinh tế và xã hội và trực tiếp góp phần giảm bớt tình trạng thiếu thốn, cũng phụ thuộc vào pháp quyền và xét xử công bằng.

Xét xử công bằng là nhân tố quan trọng của pháp quyền



Pháp quyền trước hết có nghĩa là sự tồn tại và thực hiện hiệu quả các bộ luật không có sự phân biệt đối xử và được mọi người biết đến. Vì mục đích này, nhà nước cần phải thiết lập các thể chế bảo vệ hệ thống luật pháp, bao gồm cả toà án, công tố và cảnh sát. Các thể chế này tự bị ràng buộc theo các đảm bảo về quyền con người do được quy định trong các công ước quốc tế và khu vực về bảo vệ quyền con người, chẳng hạn như Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước châu Âu về quyền con người, Công ước châu Mỹ về quyền con người và Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền dân tộc.

Cần nhận thấy rằng một số công ước quốc tế về quyền con người như ICCPR, Công ước về quyền trẻ em, Hiến chương châu Phi về quyền và phúc lợi của trẻ và Công ước châu Mỹ về quyền con người đặc biệt chú ý đến trẻ vị thành niên. Chẳng hạn như, Điều 6 và Điều 14 của Công ước ICCPR quy định đối với trẻ vị thành niên, thủ tục pháp lý sẽ xem xét đến độ tuổi và nguyện vọng được tái hoà nhập của trẻ. Điều này có nghĩa là các quốc gia cần dự thảo luật về các vấn đề liên quan như độ tuổi tối thiểu mà một trẻ vị thành niên có thể bị buộc tội là tội phạm hình sự, độ tuổi tối đa mà một người vẫn được coi là vị thành niên, cách thức hoạt động của các toà án đặc biệt và các thủ tục xét xử, các điều luật quy định thủ tục xét xử trẻ vị thành niên và tất cả các vụ xét xử đặc biệt đối với trẻ vị thành niên đều phải tính đến “*nguyện vọng tái hoà nhập*”.

Mùa hè và mùa thu năm 2002 có hàng loạt vụ giết người gây chấn động cả Washington D.C. Mười người bị một tay bắn tỉa bắn chết trong một cuộc đi chơi định mệnh kéo dài một tháng, ba người khác bị thương nặng. Ngày 24/10/2002,

cảnh sát bắt được hai người đàn ông: John Allen Muhammad 42 tuổi và kẻ đồng phạm 17 tuổi, John Lee Malvo. John Lee Malvo, tuy còn ở tuổi vị thành niên, nhưng vẫn phải bị đưa ra xét xử tại Toà án Virginia và có thể bị kết án tử hình. Sự việc này đã gây nên một cuộc tranh cãi trong công chúng Mỹ về vấn đề liệu có thể bào chữa tội tử hình cho một người 17 tuổi hay không. Ngày 23/12/2003, sau khi kết án John Lee Malvo tội giết người vì đã tham gia các vụ tấn công bắn tỉa, một thẩm phán ở Chesapeake, Virginia, đã phán quyết bác bỏ tội tử hình và đề nghị cho anh ta được sống nhưng phải có cam kết.

Ngày 10/3/2004, John Lee Malvo chính thức bị kết án ở mức như đã đề nghị.

(Nguồn: **American Bar Association:** <http://www.abanet.org/crimjust/juvjus/malvo.html/>)

Ngày 01/3/2005, Toà án tối cao Mỹ đã cấm thi hành án tử hình đối với trẻ phạm tội (những người dưới 18 tuổi tại thời điểm phạm tội) trong một phán quyết mang tính bước ngoặt.

2. ĐỊNH NGHĨA MÔ TẢ VIỆC XÉT XỬ CÔNG BẰNG



Xét xử công bằng là gì? Quyền được xét xử công bằng liên quan đến thi hành công lý trong lĩnh vực dân sự và hình sự. Ngay từ đầu, cần phải hiểu rằng việc thi hành công lý phù hợp gồm hai khía cạnh: mang tính thể chế (chẳng hạn như sự độc lập và không thiên vị của toà án) và mang tính thủ tục (chẳng hạn như sự công bằng trong xét xử). Nguyên tắc xét xử công bằng duy trì một loạt các quyền cá nhân đảm bảo cho việc thi hành công lý thích hợp từ lúc nghi ngờ đến khi thực thi bản án.

Những vụ tử hình đối với trẻ phạm tội được thống kê từ năm 1990			
Năm	Số vụ tử hình đối với trẻ phạm tội	Tổng số vụ tử hình trên thế giới	Những quốc gia áp dụng tử hình đối với trẻ phạm tội (số lượng vụ tử hình trong ngoặc đơn)
1990	2	2029	Iran (1), Mỹ (1)
1991	0	2086	
1992	6	1708	Iran (3), Pakistan (1), Ả-rập-Xê út (1), Mỹ (1)
1993	5	1831	Mỹ (4), Yemen (1)
1994	0	2331	-
1995	0	3276	-
1996	0	4272	-
1997	2	2607	Nigeria (1), Pakistan (1)
1998	3	2258	Mỹ (3)
1999	2	1813	Iran (1), Mỹ (1)
2000	6	1457	Cộng hoà dân chủ Cônggô (1), Iran (1), Mỹ (4)
2001	3	3048	Iran (1), Pakistan (1), Mỹ (1)
2002	3	1526	Mỹ (3)
2003	2	1146	Trung Quốc (1), Mỹ (1)
2004	4	3797	Trung Quốc (1), Iran (3)
2005	8	Chưa có	Iran (8)
(Nguồn: Tổ chức Ân xá Quốc tế: http://web.amnesty.org/pages/deathpenalty-children-stats-eng)			

Các quyền tối thiểu của bị cáo

1. Tất cả mọi người sẽ được bình đẳng trước toà án và có quyền được đảm bảo tối thiểu đối với việc xét xử công bằng với sự bình đẳng thực sự.
2. Mọi người đều có quyền tự do tiếp cận các biện pháp xét xử công bằng và hiệu quả.
3. Toà án có thẩm quyền, độc lập, công bằng và được thiết lập bởi luật pháp.
4. Mọi người có quyền được xét xử công bằng và công khai, do đó, công chúng rộng rãi có thể chứng kiến việc xét xử.

5. Mọi người bị kết tội phạm tội sẽ có quyền được coi là vô tội cho đến khi chứng minh được sự phạm tội theo luật pháp.
6. Mọi người đều có quyền được xét xử kịp thời.
7. Mọi người đều có quyền được có mặt khi xét xử. Bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc thông qua trợ giúp pháp lý đã lựa chọn; nếu bị cáo không được trợ giúp pháp lý, anh ta sẽ được thông báo về quyền này; trong bất kỳ trường hợp nào đòi hỏi phải có quyền lợi về công lý thì bị cáo sẽ được trợ giúp pháp lý miễn phí nếu anh ta không đủ khả năng chi trả.
8. Bị cáo có quyền thẩm vấn nhân chứng chống lại anh ta và có quyền tham gia và tiến hành thẩm vấn nhân chứng vì quyền lợi của mình. Bị cáo có quyền không bị ép buộc nhận tội.

9. Bị cáo có quyền nhận sự trợ giúp miễn phí của phiên dịch viên nếu anh ta không hiểu hoặc không nói được ngôn ngữ mà toà án sử dụng.
10. Theo luật pháp quốc gia hoặc quốc tế, sẽ không ai bị buộc là phạm tội hình sự do bất kỳ hành vi hay sai sót nào không cấu thành tội hình sự tại thời điểm sự việc xảy ra. Cũng không áp đặt hình phạt nào nặng hơn hình phạt đã áp dụng tại thời điểm vụ tội phạm xảy ra.

(Nguồn: Trích từ các Văn kiện quan trọng về quyền con người của Liên hiệp quốc)

Các điều khoản quốc tế, chẳng hạn như Điều 14 của ICCPR về quyền được xét xử công bằng sẽ được áp dụng cho tất cả các toà án, bất kể là toà án thông thường hay chuyên trách. Ở nhiều quốc gia, có các toà án quân sự và toà án đặc biệt để xét xử cho dân thường. Thường thì, lý do để thiết lập các toà án như vậy là để đảm bảo cho các thủ tục pháp lý đặc biệt được thực thi mà không tuân theo các chuẩn mực pháp lý thông thường. Trong khi đó, Công ước không ngăn cấm những kiểu toà án như vậy, tuy nhiên những điều kiện nêu rõ trong Công ước cho thấy rằng việc xét xử dân thường bằng các toà án như vậy nên ngoại lệ và nên tiến hành trong điều kiện đảm bảo đầy đủ các điều khoản được quy định trong Điều 14.

Các điều khoản quan trọng nhất về pháp quyền và xét xử công bằng

1948	Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
1948	Điều XXVI của Tuyên ngôn Hoa Kỳ về quyền và nghĩa vụ của con người
1949	Điều 3 (d) (xung đột vũ trang phi quốc tế), Điều 17, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88 (xung đột vũ trang quốc tế) của Công ước Geneva (III) liên quan đến việc xét xử tù nhân chiến tranh

1949	Điều 3 (d) (xung đột vũ trang phi quốc tế), Điều 33, 64, 65, 66, 67, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 (xung đột vũ trang quốc tế) của Công ước Geneva (IV) về việc bảo vệ dân thường trong chiến tranh
1950	Điều 6, 7 của Công ước Châu Âu về việc bảo vệ quyền con người và tự do cơ bản
1965	Điều 5 (a), 6 của Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc
1966	Điều 9, 11, 14, 15, 16, 26 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
1969	Điều 8, 9 của Công ước châu Mỹ về quyền con người
1977	Điều 44 (4), 75 của Nghị định thư bổ sung cho các Công ước ngày 12/8/1949, và liên quan đến việc bảo vệ các nạn nhân của cuộc xung đột vũ trang thế giới (Nghị định thư I)
1977	Điều 6 của Nghị định thư bổ sung cho các Công ước ngày 12/8/1949 và liên quan đến việc bảo vệ các nạn nhân của cuộc xung đột vũ trang không mang tính quốc tế (Nghị định thư II)
1979	Điều 15 của Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
1981	Điều 7, 26 của Hiến chương châu Phi về các quyền con người và các dân tộc (Hiến chương Banjul)
1984	Điều 15 của Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục con người
1984	Điều 1, 2, 3, 4 của Nghị định thư số 7 bổ sung Công ước bảo vệ các quyền và tự do cơ bản
1985	Các nguyên tắc cơ bản của Liên hiệp quốc về độc lập tư pháp
1985	Những nguyên tắc chuẩn mực tối thiểu về quản lý tư pháp vị thành niên (nguyên tắc Bắc Kinh)
1985	Công ước liên Mỹ về việc ngăn ngừa và trừng phạt tra tấn
1989	Điều 37, 40 của Công ước về quyền của trẻ em

1990	Các nguyên tắc cơ bản của Liên hiệp quốc về vai trò của luật sư
1990	Các nguyên tắc chỉ đạo của Liên hiệp quốc về vai trò của công tố viên
1994	Điều 4 (f), (g) của Công ước liên Mỹ về việc ngăn ngừa, trừng phạt và xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ
1994	Điều 6, 7, 8, 9, 10, 16, 18 của Hiến chương Ả rập về quyền con người (chưa phê chuẩn)
1998	Điều 9 của Tuyên bố về người bảo vệ quyền con người (1998)

Bình đẳng trước luật pháp và toà án



Đảm bảo quyền bình đẳng là một trong những nguyên tắc chung của pháp quyền. Nó ngăn chặn các bộ luật có tính chất phân biệt đối xử và bao gồm cả quyền tiếp cận bình đẳng với toà án và được xét xử bình đẳng trước toà án.

Khía cạnh thiết thực quan trọng nhất của quy định này là sự bình đẳng về quyền lực pháp lý, bao gồm cả ý nghĩa rằng mỗi bên khi tham gia quá trình xét xử đều có cơ hội bình đẳng nêu lên quan điểm của mình và không bên nào được hưởng bất cứ sự thiên vị thuận lợi nào hơn phía bên kia.

Một khía cạnh khác của sự đối xử bình đẳng là mọi bị cáo đều được đối xử bình đẳng như những người được đặt vào vị trí bị cáo tương tự, mà không có sự phân biệt trên bất cứ phương diện nào. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này cần lưu ý là sự đối xử bình đẳng không có nghĩa là sự đối xử như nhau. Điều đó có nghĩa rằng khi xét mục tiêu phạm tội như nhau, thì sự đối xử về mặt hành chính và hệ thống xét xử là như nhau, nhưng khi thực tế tìm ra trong quá trình xét xử khác nhau, thì nguyên tắc bình đẳng đòi hỏi sự đối xử khác nhau.

Tiếp cận với khắc phục tư pháp hiệu quả và công bằng

Danh mục các quy tắc về xét xử công bằng gồm các yếu tố cấu thành nên việc quản lý tư pháp

công bằng. Ở mức độ nào đó, có thể nhìn nhận các yếu tố này như là đặc điểm chung của cơ quan tư pháp và vạch ra giới hạn mà ở đó sự công bằng của quá trình tố tụng được cơ bản bảo đảm. Tuy nhiên, trước khi đạt đến những nhìn nhận đánh giá như vậy, mỗi cá nhân phải có cơ hội được đưa vụ việc của mình ra xem xét.

Một điểm quan trọng cần lưu ý trong trường hợp có sự vi phạm quyền tiếp cận tòa án là nhà nước không thể cấm đoán hay hạn chế việc đánh giá tư pháp trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cho một số tầng lớp đối tượng nhất định.

Việc tự do tiếp cận tòa án không chỉ được bảo đảm trong kiện tụng dân sự. Điều này cũng có tầm quan trọng tương tự đối với các hành vi hình sự, bởi vì nó bảo vệ để tránh khỏi sự tuyên án của cơ quan tư pháp không đáp ứng các tiêu chí về xét xử công bằng.

Độc lập và không thiên vị

Một trong những yếu tố cơ bản về quy tắc chức năng của hệ thống luật pháp là vai trò của các tòa án độc lập và không thiên vị trong hệ thống pháp lý. Dựa trên nguyên tắc phân chia quyền lực, thì quyền lực của tòa án phải được tách rời khỏi quyền lực lập pháp và hành pháp.

Bản báo cáo của Tổ chức Ân xá quốc tế năm 2005 cho thấy rằng ở Ai Cập việc xét xử công dân trước tòa án được thiết lập theo luật khẩn cấp, kể cả các tòa án ninh quốc gia, vẫn tiếp tục được tiến hành. Các trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia hay “khủng bố” - những cáo buộc liên quan - thường được xét xử tại các tòa án quân sự. Các tòa án này phủ nhận quyền xét xử công bằng và độc lập cũng như quyền phúc thẩm xem xét lại đầy đủ tại tòa án cao hơn.

Tính độc lập của thẩm phán chính là một trong những yếu tố cơ bản của một bộ máy tư pháp độc lập. Nếu các thẩm phán có thể bị chính phủ hay

các cơ quan chính quyền khác thay đổi nhiệm vụ vào bất kỳ thời điểm nào thì tính độc lập về mặt thể chế của họ sẽ không được bảo đảm. Hơn thế nữa, nếu tòa án hay bản thân thẩm phán phải chịu sự chi phối hay ảnh hưởng của các cơ quan không có chức năng xét xử, thì việc xét xử công bằng sẽ không thể được bảo đảm. Ví dụ, các trường hợp bị chi phối có thể là: điều kiện trả lương cho thẩm phán, khả năng các ban, ngành của chính phủ có thể đưa ra những chỉ đạo cho tòa án, hay những đe dọa chuyển các thẩm phán đến những đơn vị khác nếu quyết định của họ không đúng như mong muốn hay chỉ đạo của các cơ quan này.

Các quyết định của tòa án không thể bị thay đổi bởi các nhà chức trách không có chức năng xét xử, trừ trường hợp ân xá về mặt hiến pháp, thường là do người đứng đầu nhà nước quyết định.

Các quy tắc về một tòa án xét xử công bằng không yêu cầu bất cứ một cơ cấu cụ thể nào đối với vị trí của thẩm phán, có thể chỉ bao gồm các thẩm phán chuyên nghiệp, hoặc sự kết hợp của các thẩm phán chuyên nghiệp và không chuyên, hay bất kỳ sự kết hợp nào khác. Tuy nhiên, có những tiêu chuẩn quốc tế về sự độc lập của bộ máy tư pháp đưa ra những điều khoản về chỉ định các thẩm phán. Không có một văn kiện quốc tế nào về quyền con người yêu cầu việc xét xử phải thông qua hội đồng xét xử. Tuy nhiên, ở những quốc gia đã hình thành hệ thống hội đồng xét xử thì tính độc lập và không thiên vị cũng phải được áp dụng với hội đồng xét xử.

Toà án công khai

Để duy trì sự tin tưởng vào việc quản lý tư pháp và đảm bảo sự lắng nghe công bằng trình bày của các bên, quá trình tố tụng cần được công khai cho toàn bộ công chúng. Theo châm ngôn rằng công lý không chỉ nên được thực hiện mà còn nên được chứng kiến thực hiện, công chúng có quyền được biết công lý được thực hiện như thế nào và tòa quyết định ra sao. Xét xử công khai đòi hỏi

phải được lắng nghe phần trình bày bằng lời và được tổ chức công khai ở địa điểm mà công luận và báo chí có thể tham dự. Với nguyên tắc này, tòa án phải công khai thông tin về thời gian và địa điểm tiến hành xét xử. Nguyên tắc công khai này cần phải được tôn trọng triệt để, trừ khi trong trường hợp đặc biệt có lý do yêu cầu sự không tham gia của công chúng.

Lý do hạn chế sự tham gia của công chúng được nêu rõ trong bản thân các văn kiện quốc tế, như là về đạo đức (ví dụ xét xử các trường hợp liên quan đến xâm phạm tình dục), trật tự công cộng (chủ yếu trong phòng xét xử) và an ninh quốc gia ở một xã hội dân chủ hay khi vì lợi ích liên quan đến đời sống riêng tư của các bên, và trong các trường hợp đặc biệt khi sự công khai có thể đe dọa đến việc phán quyết một tuyên án công bằng và thỏa đáng.

Tuy nhiên, thậm chí trong các trường hợp yêu cầu không có sự có mặt của công chúng, thì phán quyết - với những ngoại lệ nhất định đặc thù như liên quan đến các vấn đề vị thành niên và gia đình - vẫn phải được công khai.

Quyền được coi là vô tội

Quyền được cho là vô tội có nghĩa là mọi đối tượng khi bị quy kết là phạm tội đều có quyền được giả định là vô tội và sẽ được đối xử như là vô tội cho tới khi và trừ khi ông ta hoặc bà ta được chứng minh là có tội theo luật pháp trong một phiên tòa xét xử công bằng. Nguyên tắc này được áp dụng cho đối tượng kể từ khi bị nghi ngờ tiến hành điều tra và kết thúc khi bản kết án được xác nhận sau tòa phúc thẩm cuối cùng. Như vậy, trong các trường hợp phạm tội, việc truy tố phải chứng minh được tội của người bị quy kết và nếu có một sự nghi ngờ chưa được giải thích thỏa đáng, bị cáo không bị cho là người phạm tội.

Quyền được cho là vô tội đòi hỏi các thẩm phán và hội đồng xét xử không được kết án trước đối với bất cứ vụ việc nào. Nguyên tắc này cũng áp dụng cho tất cả các thành phần tham gia vào tố tụng. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sẽ không bị coi là vi phạm quyền này khi các nhà chức trách

thông báo cho công chúng về quá trình điều tra tội phạm và tuyên bố của họ về các nghi ngờ, trừ khi tuyên bố này khẳng định đối tượng thật sự phạm tội.

Quyền được giữ im lặng và quyền không bị thúc ép khai nhận trái với hành vi bản thân hay thừa nhận tội cũng nằm trong nguyên tắc của quyền được cho là vô tội. Quyền được giữ im lặng yêu cầu rằng sự im lặng sẽ không bị quy kết trong quá trình cân nhắc quyết định phạm tội hay vô tội trước bất cứ sự điều tra nào của công tố viên. Quyền không bị thúc ép khai nhận trái với hành vi bản thân hay thú tội ngụ ý cấm gây nên bất kỳ hình thức áp lực nào lên đối tượng.

Quyền được xét xử đúng thời hạn

Thời hạn được cân nhắc trong điều khoản về tránh sự chậm trễ, không đúng thời hạn bao gồm không chỉ thời gian cho tới khi việc xét xử bắt đầu, mà còn là tổng thời gian của toàn bộ quá trình tố tụng, kể cả việc yêu cầu kháng cáo ở cấp tòa án cao hơn, cho tới Tòa án tối cao hay bất cứ cấp xét xử cuối cùng nào.

Yếu tố tạo nên thời hạn hợp lý có thể khác nhau tùy thuộc vào bản chất mỗi vụ việc đang được kiện tụng. Việc đánh giá yếu tố gây nên chậm trễ tùy thuộc vào ngữ cảnh của mỗi trường hợp, như tính phức tạp của vụ việc, sự thành khẩn, thái độ của các bên, nguy cơ thua kiện của bên nguyên và cách giải quyết của các nhà chức trách.

Hơn thế nữa, cần lưu ý rằng trong luật hình sự quyền xét xử công bằng đúng thời hạn còn là quyền của nạn nhân. Nội dung ẩn dưới nguyên tắc này được thể hiện rõ trong thành ngữ: “công lý bị trì hoãn là công lý bị phủ nhận”.

Quyền được bào chữa hay thông qua luật sư và quyền được xét xử chỉ khi có sự hiện diện của bản thân

Tất cả mọi người khi bị kết tội đều có quyền tự bào chữa hay thông qua sự trợ giúp của luật sư. Quyền có luật sư trong các giai đoạn trước xét xử tội phạm có liên quan một cách rõ ràng với quyền được bảo vệ trong quá trình xét xử. Quy định này

nói chung chỉ ra rằng trong quá trình cáo buộc tội phạm cho bất cứ một đối tượng nào, họ được quyền “*xét xử khi có sự hiện diện của họ, và tự bảo vệ hay thông qua sự trợ giúp của luật sư theo sự lựa chọn của đối tượng, và được thông báo, nếu đối tượng không có luật sư, để bảo vệ quyền lợi này của họ, tòa án sẽ chỉ định luật sư cho họ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của ngành tư pháp, mà đối tượng không phải chi trả bất kỳ một khoản tiền công nào cho luật sư trong bất cứ một hoàn cảnh nào nếu đối tượng không có đủ tiền thanh toán*” khoản 3 Điều 14 của ICCPR).

Nội dung của quyền được tự bào chữa hay thông qua luật sư và quyền được xét xử chỉ khi có sự hiện diện của bản thân:

- Quyền được xét xử chỉ khi có sự hiện diện của bản thân;
- Tự bào chữa;
- Tự chọn luật sư cho mình;
- Được thông báo về quyền có luật sư; và
- Được nhận sự trợ giúp miễn phí của luật sư.

Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của khả năng khung hình phạt, nhà nước không có nghĩa vụ phải chỉ định luật sư trong mọi trường hợp. Ví dụ, Ủy ban Quyền con người Liên hiệp quốc quy định rằng bất cứ đối tượng nào bị kết án phạm tội và chịu mức án tử hình phải có luật sư chỉ định. Tuy nhiên, bị cáo không nhất thiết được chỉ định luật sư mà tùy thuộc vào mức chi tiêu của nhà nước. Theo Tòa án liên Mỹ về quyền con người thì nếu cần đảm bảo việc xét xử công bằng thì phải có luật sư.

Khi chỉ định luật sư, cần lưu ý rằng bị cáo có quyền có một luật sư bảo vệ có kinh nghiệm, có năng lực và hiệu quả. Họ cũng có quyền được tư vấn kín với luật sư của họ.

Mặc dù có quyền được xét xử chỉ khi có sự hiện diện của bản thân, nhưng trong các trường hợp ngoại lệ hay khi có lý do chính đáng thì vẫn có

thể xét xử vắng mặt nhưng cần phải tuân thủ nghiêm ngặt quyền được bào chữa.

Quyền gọi và kiểm tra hoặc quyền kiểm tra nhân chứng

Điều khoản này được thiết lập nhằm bảo đảm cho bị cáo có quyền pháp lý tương tự khi yêu cầu sự có mặt của nhân chứng và kiểm tra hoặc kiểm tra trích ngang bất cứ một nhân chứng nào tham gia trong quá trình truy tố. Điều này đảm bảo để người bào chữa có cơ hội chất vấn các nhân chứng, những người sẽ đưa ra các chứng cứ chống lại người bị buộc tội.

Có một vài hạn chế khi kiểm tra nhân chứng trong quá trình truy tố. Điều này chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của bị cáo, nếu nhân chứng có lý do sợ bị trả thù hoặc khi nhân chứng không thể đến dự.

Quyền yêu cầu trợ giúp miễn phí của phiên dịch

Nếu đối tượng không hiểu hoặc không nói được ngôn ngữ sử dụng tại tòa án, họ sẽ có quyền được trợ giúp miễn phí về phiên dịch, kể cả dịch tài liệu. Quyền có phiên dịch luôn được áp dụng một cách bình đẳng cho tất cả người nước ngoài và quốc tịch khác không nói được ngôn ngữ thông dụng tại tòa án một cách thông thạo đủ để giao tiếp. Quyền có phiên dịch có thể do nghi can hoặc bị cáo yêu cầu từ giai đoạn bị cảnh sát, thẩm phán điều tra hay trong quá trình xét xử. Trong quá trình này, người phiên dịch sẽ phiên dịch miệng cho bị cáo và thẩm phán.

Nguyên tắc không áp dụng hồi tố (“nulla poena sine lege”)

Thuật ngữ Latin “nulla poena sine lege” đơn giản có nghĩa là không ai bị kết tội cho những hành động trong quá khứ mà tại thời điểm đó không bị luật cấm, kể cả khi sau đó luật đã thay đổi. Điều này cũng có nghĩa tương tự là một hình phạt cao hơn hình phạt được quy định tại thời điểm phạm tội sẽ không thể được áp dụng cho người phạm tội. Cái gọi là nguyên tắc không hồi tố của luật pháp

đảm bảo rằng một người đang sống tuân thủ các quy định của pháp luật sẽ không bị lâm vào tình trạng nguy hiểm, đột nhiên bị cáo buộc và trừng phạt bởi các hành động hợp pháp trước đây. Bởi vậy, việc áp dụng nguyên tắc không có hiệu lực hồi tố là không thể bỏ qua của đảm bảo pháp lý.

Quyền được trả tiền để bảo lãnh tại ngoại

Hầu hết các pháp luật cho phép quyền trả tiền bảo lãnh, đó là được tại ngoại khi trả một khoản phí an ninh tài chính trong khi chờ quá trình tố tụng bắt đầu. Khi còn tồn tại, quyền trả tiền bảo lãnh không được từ chối và không được thực hiện một cách tùy tiện và lạm dụng quá mức mặc dù thẩm phán thường rất thận trọng khi đưa ra quyết định của mình.

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN



Nhìn chung, nguyên tắc pháp quyền được các quốc gia ghi nhận giống nhau. Tuy nhiên, có thể thấy sự khác biệt đáng kể về mặt văn hóa khi so sánh việc giải thích các nội dung quy định của luật ở các quốc gia khác nhau. Sự khác biệt rõ ràng nhất là giữa nhận thức của người Mỹ và người châu Á. Các luật sư Hoa Kỳ có chiều hướng gắn với những đặc tính riêng biệt trong hệ thống pháp lý của họ - như việc xét xử bởi hội đồng xét xử, quyền mở rộng của bị đơn, và việc phân chia quyền lực rất rõ ràng về pháp quyền, trong khi trái lại các luật gia châu Á lại nhấn mạnh tầm quan trọng của việc áp dụng luật một cách hiệu quả và thường xuyên mà không nhất thiết phải làm cho quyền lực chính phủ phụ thuộc vào nó. Quan niệm hẹp hơn này mang tính chất là *quản lý bằng pháp luật* chứ không phải là *quản lý của pháp luật*. Điều này có liên quan chặt chẽ đến quan điểm “Dân chủ kiểu châu Á”.

Sự phân biệt về giới tính bị nghiêm cấm trong Điều 2 và Điều 3 của ICCPR. Tuy nhiên, một số khu vực, Luật Shariah - luật của đạo Hồi - đã hạn chế quyền của phụ nữ trong xét xử công bằng, bởi vì họ không có quyền tiếp cận tòa án trên cơ sở bình đẳng với nam giới.

Sự chối bỏ của công lý với tội phạm gia đình cũng làm hạn chế pháp quyền và quyền được xét xử công bằng. Tổ chức Theo dõi quyền con người định nghĩa tội phạm gia đình là “... các hành động bạo lực, thường là giết người do các thành viên nam giới trong gia đình gây nên đối với các thành viên nữ trong gia đình, những người bị cho là đem sự ô uế cho gia đình. Một người phụ nữ có thể là mục tiêu của tội phạm của chính gia đình cô ta vì các lý do khác nhau, kể cả việc từ chối theo hôn nhân xếp đặt của gia đình, là nạn nhân của sự tấn công tình dục, đòi li dị - thậm chí của người chồng lạm dụng - hay vì tội ngoại tình”.

Quỹ dân số Liên hiệp quốc ước tính mỗi năm tổng cộng có khoảng 5.000 phụ nữ là nạn nhân của các vụ giết người phạm tội gia đình trên toàn thế giới. Việc xét xử tội phạm giết người hay chủ định giết người trong các trường hợp tội phạm gia đình khó có thể được tiến hành. Lấy một ví dụ ở Vương quốc Hashemite Jordan, tội phạm giết người trong gia đình rất hiếm khi bị kết án hơn một năm ngồi tù nếu thủ phạm thừa nhận đã hành động trong “... một trạng thái giận dữ điên cuồng do có hành động nguy hiểm trái pháp luật trên một phần cơ thể nạn nhân...”. Và nếu gia đình nạn nhân không yêu cầu tố tụng thủ phạm, thì hình phạt thậm chí có thể giảm xuống còn 6 tháng (Điều 98 Luật Hình sự).

Một nghị quyết do Vương Quốc Anh và Thổ Nhĩ Kỳ đề xuất nhằm loại bỏ tội phạm gia đình được Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua tại New York ngày 28 tháng 10 năm 2004. Nghị quyết này kêu gọi các quốc gia ngăn ngừa, điều tra, trừng phạt thủ phạm và bảo vệ các nạn nhân khỏi các tội phạm gia đình. Hơn thế nữa, từ năm 2003, Thổ Nhĩ Kỳ đã sửa đổi một số quy định trong luật hình sự nhằm thực thi các hình phạt nặng hơn đối với các tội phạm gia đình.

Tự do tín ngưỡng

Một trong số những vấn đề nghiêm trọng mà các quốc gia đang trong quá trình quá độ tiến tới dân chủ gặp phải có quan hệ trực tiếp với việc thực hiện chức năng kém hiệu quả của hệ thống tư pháp quốc gia. Sự gian lận và tham nhũng trên quy mô rộng, cũng như thiếu hay ít tôn trọng tuân thủ luật pháp và trật tự dẫn tới việc duy trì tình trạng bạo lực và tội phạm. Việc thiết lập cơ chế pháp quyền với chức năng hiệu quả là điều cần thiết cho chế độ dân chủ, nhưng cần có thời gian và nguồn lực về tài chính. Thêm vào đó, khó có thể đạt được sự độc lập của tòa án mà không có truyền thống tôn trọng các giá trị dân chủ và tự do dân sự, đặc biệt là sau các cuộc xung đột bạo lực. Tuy nhiên, trong một thế giới toàn cầu hóa về kinh tế, thì yêu cầu mang tính quốc tế về tính ổn định, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch là những yêu cầu chỉ có thể được đảm bảo trong một chế độ nguyên tắc tôn trọng pháp quyền theo hướng ngày càng phát triển.

“...đó là một yêu cầu đơn giản nhằm đảm bảo rằng cơ chế pháp quyền được thực hiện với sự thi hành đầy đủ và hiệu quả, trên phương diện quốc gia và quốc tế, để các yêu cầu có thể được xét xử và khắc phục sửa chữa theo các quy định của luật pháp và yêu cầu của công lý”.

Sérgio Vieira de Mello,

Cao ủy Liên hiệp quốc về quyền con người 2003.

4. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Thực hiện

Việc bảo vệ quyền con người bắt đầu từ cấp quốc gia. Như vậy, việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền dựa trên thiện chí mong muốn của một quốc gia thiết lập một hệ thống đảm bảo tuân thủ nguyên tắc pháp quyền và các thủ tục xét xử công bằng. Các quốc gia cần phải thiết lập và duy trì cơ sở hạ tầng cấu trúc cần thiết cho việc điều

hành một cách hợp lý hệ thống pháp luật cũng như công bố và thực hiện luật pháp và các quy định bảo đảm cho quá trình tố tụng công bằng và vô tư.

Khái niệm pháp quyền có liên hệ chặt chẽ với quan điểm về dân chủ, tự do chính trị và dân sự, và việc thực hiện các quy tắc đó phụ thuộc vào sự nhận biết các giá trị này. Nhiều nghiên cứu cụ thể từ các nước đang trong giai đoạn quá độ chỉ ra rằng việc thiết lập quy tắc luật pháp sẽ thất bại nếu các nhà lãnh đạo chính trị không muốn tuân thủ các nguyên tắc dân chủ cơ bản, và như thế sẽ làm hình thành tổ chức tội phạm và tham nhũng.

Với tư cách là một nguyên tắc chung, việc tăng cường pháp quyền là một trong những phương thức hữu hiệu nhất để đấu tranh với tệ tham nhũng, bên cạnh việc giúp cho các nhà lãnh đạo mới được bầu cử tránh được những thói quen độc tài và thúc đẩy sự tôn trọng đối với quyền con người thông qua một hệ thống chức năng có nhiệm vụ kiểm tra và cân đối. Nhưng một câu hỏi đặt ra là thực hiện tất cả các khái niệm này như thế nào trong thực tế? Về cơ bản, có 3 bước cần thiết. Đầu tiên, luật pháp hiện hành cần phải được xem xét chấn chỉnh lại và các lĩnh vực pháp lý mới cần phải được pháp điển hóa. Thứ hai, trong tình huống việc quản lý tư pháp cần phải được củng cố, nghĩa là thông qua việc đào tạo thường xuyên cho các thẩm phán. Và cuối cùng, việc tuân thủ pháp luật và tôn trọng luật pháp phải được nâng cao. Đảm bảo tính độc lập của tòa án là nguyên tắc cơ bản trong toàn bộ quá trình thực thi.

Các cơ quan tư vấn riêng biệt như Hội đồng Ủy ban Venice của châu Âu đã được thiết lập để tăng cường pháp quyền. Các hiệp hội thẩm phán chuyên nghiệp trợ giúp hay giám sát các hoạt động của chính phủ.

Giám sát

Ở hầu hết các quốc gia, điều khoản cơ bản về quyền con người ghi nhận trong hiến pháp. Hiến pháp cũng thường quy định về khả năng viện dẫn các điều khoản quyền con người trong các tòa án

quốc gia trong trường hợp tuyên bố cáo buộc về sự vi phạm về các quyền này. Trên phương diện quốc tế, các điều ước về quyền con người đã được đưa ra để bảo vệ các quyền con người. Ngay khi một quốc gia trở thành thành viên của một điều ước như vậy, quốc gia đó bắt buộc phải đảm bảo và thực hiện các điều khoản trên phương diện quốc gia. Luật quốc tế không quy định cách thức các quốc gia phải thực hiện như thế nào. Điều này phụ thuộc vào yếu tố trật tự pháp lý tại quốc gia đó được tổ chức theo phương thức nào.

Nhằm giám sát sự thực hiện các điều khoản về quyền con người và đảm bảo sự thực hiện đó, một số điều ước về quyền con người như Công ước Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị đã đưa ra quy định về cơ chế giám sát. Cơ chế này bao gồm một hệ thống báo cáo mà nhờ đó các quốc gia thành viên buộc phải đệ trình báo cáo định kỳ cho cơ quan giám sát quốc tế về kết quả thực hiện các điều khoản trong công ước. Ví dụ Ủy ban quyền con người của Liên hiệp quốc có thể nhận xét về phương thức mà quốc gia đã thực hiện những nghĩa vụ cam kết trong công ước và cũng có thể đưa ra những gợi ý và giải pháp cải thiện việc thực hiện các nghĩa vụ cam kết về quyền con người. Ngoài ra, Ủy ban này còn đưa ra các bình luận chung để giải thích nội dung của ICCPR, ví dụ Bình luận chung số 13 năm 1984 về Điều 14 của ICCPR, mà sau đó Ủy ban quyền con người đã soạn thảo lại vào năm 2006.

Một số các điều ước về quyền con người cũng quy định về cơ chế tiếp nhận khiếu kiện khi vụ việc không thể giải quyết ở các cơ quan trong nước, người dân có thể gửi “kháng thư” về những vi phạm quyền con người do điều ước đảm bảo những khả năng này là có tồn tại, ví dụ, trong Nghị định thư không bắt buộc của Công ước Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị, Công ước châu Âu về quyền con người (Điều 34), Công ước châu Mỹ về quyền con người (Điều 44) và Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc (Điều 55). Theo các hiệp ước này, các cá nhân có thể đệ trình khiếu nại của họ lên Ủy ban Liên hiệp quốc về quyền

con người hay Tòa án quyền con người châu Âu, Ủy ban liên Mỹ về quyền con người hay Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc. Các cơ quan thực thi công ước này có thể điều tra các khiếu nại và trong trường hợp họ phát hiện có sự xâm phạm, quốc gia liên quan sẽ nhận được những khuyến nghị để có hành động

cần thiết nhằm thay đổi thực tiễn hay hệ thống pháp luật và đưa ra bồi thường cho nạn nhân.

Như một phần của thủ tục theo chủ đề, Ủy ban quyền con người của Liên hiệp quốc đã bổ nhiệm báo cáo viên đặc biệt về việc xét xử tùy tiện, sơ sai và ngoài tư pháp (1982) và về tính độc lập của thẩm phán và luật sư (1994), cùng với nhóm công tác về giam giữ tùy tiện (1991).

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT

Trợ giúp phát triển để thành lập một hệ thống tư pháp làm đúng chức năng

Hầu hết các quốc gia ủng hộ việc coi cải cách pháp quyền như là một phần trong các chính sách hỗ trợ phát triển. Ví dụ, Liên bang Nga đã được Ngân hàng Thế giới tài trợ một khoản vốn vay 58 triệu đô la Mỹ, ngoài ra họ còn nhận được các dự án hỗ trợ khác của Hoa Kỳ, Đức, Hà Lan, Đan Mạch, Khối cộng đồng châu Âu và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển châu Âu. Một số các quốc gia châu Á và Mỹ la tinh cũng đã nhận được những trợ giúp tài chính đáng kể, trong khi sự tài trợ này cho khu vực Trung Đông và châu Phi lại ít hơn rất nhiều. Trợ giúp phát triển cũng đã được cấp cho các dự án nhằm củng cố pháp quyền ở các quốc gia mới được tái thiết sau xung đột, như Croatia, Bosnia và Herzegovina hay Kosovo.

Văn phòng thể chế dân chủ và quyền con người (ODIHR) - OSCE

Nhiệm vụ của ODIHR là "... đảm bảo sự tôn trọng đầy đủ quyền con người và tự do cơ bản, tuân thủ đúng **nguyên tắc pháp quyền**, tăng cường các nguyên tắc dân chủ và (...) xây dựng, củng cố và bảo vệ các chính thể dân chủ cũng như tăng cường sự khoan dung trong toàn xã hội". Trên lĩnh vực pháp quyền, ODIHR đã tham gia vào nhiều dự án trợ giúp kỹ thuật khác nhau

nhằm nâng cao sự phát triển của pháp quyền. ODIHR thực hiện các chương trình trong các lĩnh vực xét xử công bằng, tư pháp hình sự, và pháp quyền; hơn thế nữa, cơ quan này còn cung cấp trợ giúp và đào tạo cho các luật sư, thẩm phán, công tố viên, quan chức chính phủ và xã hội dân sự. Thông qua các dự án cải cách pháp luật và dự án đánh giá pháp luật, cơ quan này đã giúp cho các quốc gia đưa pháp luật trong nước phù hợp với những cam kết OSCE và chuẩn mực quốc tế khác. Trong nhiệm vụ này, ODIHR chủ yếu hoạt động ở Đông và Nam Đông Âu, cũng như ở Trung Á và vùng Cáp Ca.

Nghị quyết về tôn trọng và tăng cường tính độc lập của cơ quan tư pháp (châu Phi)

Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc đã soạn thảo nghị quyết này vào năm 1996, nhằm ghi nhận tầm quan trọng của nền tư pháp độc lập, không chỉ vì sự cân bằng xã hội mà cả cho sự phát triển kinh tế. Nghị quyết này kêu gọi các quốc gia châu Phi tiến hành những biện pháp lập pháp để bảo vệ tính độc lập của tư pháp và để cung cấp cho nền tư pháp có đủ công cụ để hoàn thành chức năng của mình. Ví dụ, một điều rất quan trọng là các thẩm phán cần có một mức sống khá và các điều kiện làm việc có thể chấp nhận được để họ có thể duy trì tính độc lập của mình. Ngoài ra, các nhà nước nên kiểm chế có những hành động mà có thể trực tiếp hay gián tiếp đe dọa sự độc lập của các thẩm phán và các quan tòa.

2. XU HƯỚNG

Tòa án Quốc tế



Sau các vụ việc thảm khốc ở Rwanda và Yugoslavia trước đây, cộng đồng quốc tế đã phải phản ứng lại - và thiết lập 2 tòa án đặc biệt lâm thời để bắt đầu tiến hành các thủ tục tố tụng đối với những tội ác ghê gớm nhất diễn ra trong chiến tranh và xung đột vũ trang. Mặc dù cho tới nay các tòa án này đã tiến hành công việc của họ khá thành công, họ vẫn bị phê phán chỉ trích vì một số lý do như: bị coi là không hợp pháp, tính không nhất quán về các quy tắc thủ tục (bởi vì các thẩm phán có thể thay đổi chúng tùy thuộc vào nhu cầu), không thực hiện bồi thường cho những người bị buộc tội sai và thái độ chu+ng khi nhìn nhận các bị cáo như “những tội đồ cực đoan bị đem ra xét xử”. Rút kinh nghiệm từ những thiếu sót này, cộng đồng quốc tế đã thỏa thuận sự thiết lập Tòa án Hình sự quốc tế theo một phương cách khác. Theo đó, các quốc gia thành viên của Quy chế Rome có nhiều trách nhiệm hơn, và phải nhiều nỗ lực để tăng cường pháp quyền và xét xử công bằng. Ví dụ, có thêm điều khoản về bồi thường cho những người bị bắt giữ hay kết án bất hợp pháp (Điều 85 Quy chế Rome), và điều khoản về bảo vệ nạn nhân và nhân chứng (Điều 68 Quy chế Rome).

Trung gian hòa giải và trọng tài phân xử

Các quốc gia ngày càng tham gia tích cực hơn vào các thủ tục giải quyết tranh chấp thay thế (Trung gian hòa giải và trọng tài phân xử) nhằm giảm bớt gánh nặng cho tòa án và rút ngắn các thủ tục tòa án cũng như tạo ra cơ hội cùng có lợi cho các bên thông qua việc tìm ra các giải pháp mà các bên cùng có thể chấp nhận được. Đặc biệt, các tòa án Hoa Kỳ ngày càng không có khả năng đương đầu với việc gấp rút đệ trình trong khoảng thời gian thích hợp, trong khi ở châu Âu lực địa khả năng này lại phổ biến.

Trong khi các trình tự tố tụng là nhằm khởi tố các vụ kiện hợp pháp, thì trung gian hòa giải cũng

còn quan tâm, cân nhắc tới nhu cầu và lợi ích của các cá nhân và như vậy đem đến một kết quả tốt hơn về các khía cạnh như các mối liên hệ làm ăn kinh doanh, gia đình hay hàng xóm láng giềng.

Trung gian hòa giải là một phương pháp giải quyết tranh chấp bởi các bên với sự hướng dẫn và trợ giúp của một bên thứ ba. Còn trọng tài phân xử là cách giải quyết tranh chấp thông qua quyết định của quan tòa, và mang tính ràng buộc đối với các bên.

Nhiều quốc gia quy định trung gian hòa giải như một trình tự bắt buộc của giai đoạn tiền xét xử. Việc đưa ra xét xử tại tòa án chỉ thực sự cần thiết khi trung gian hòa giải không đạt đến một phương cách giải quyết nào. Ví dụ ở Hoa Kỳ và Australia, cái gọi là “tuần hòa giải” được diễn ra định kỳ, khi đó tất cả các trường hợp liên quan đến xét xử tại tòa án đều được tiến hành hòa giải. Và trên thực tế, nhiều trường hợp đã được hòa giải thành công (ví dụ ở bang Ohio 70% số vụ việc). Tuy nhiên, cũng có ý kiến tranh luận rằng điều kiện về thời gian và tiền bạc để tiến hành trình tự xét xử tại tòa án có thể gây ra áp lực nhất định cho các bên, để họ có thể quyết định tiếp cận tòa án để tìm ra cách giải quyết.

Tăng cường các vụ xét xử công khai

Trong suốt mấy năm qua, “truyền hình trực tiếp” ngày càng trở nên phổ biến. Từ những cuộc đuổi bắt của ô tô cảnh sát còn sống sót cho tới cuộc sống thường nhật của những cộng đồng sống chung trong khu căn hộ, hầu như tất cả đều có thể xem trên TV. Trong xu hướng này, các số truyền hình xét xử tại tòa án đã tìm được số lượng khá khá cộng đồng những người hâm mộ. Không quan trọng đó là truyền hình trực tiếp vụ xét xử hay chỉ là kịch phim trên truyền hình, việc thực thi công lý ngày nay có thể được theo dõi khi bạn thư giãn thoải mái trên chiếc ghế sofa, với một cốc bia lạnh và chút gì đó chiên giòn nhấm nháp. Điều này, tất nhiên, đã làm dấy lên một vài ý kiến chỉ trích về mặt đạo đức. Bởi vì, một mặt, nguyên tắc để công chúng lắng

nghe là trọng tâm của quyền về xét xử công bằng, mặt khác, hình thức truyền bá này lại không thể hiện công lý theo một phương thức thích hợp - nó như là một sự không đếm xỉa gì đến cảm giác và đùa giỡn với cảm xúc nhất thời của những người đang theo dõi. Có lẽ sự phản đối mạnh mẽ nhất chống lại các ý kiến này là các đường lối về đạo đức do các hiệp hội luật sư hay các thẩm phán nêu ra.

(Tái) thiết pháp quyền ở các xã hội hậu khủng hoảng và hậu xung đột

Mấy năm gần đây Liên hiệp quốc, các tổ chức quốc tế khác, cũng như cộng đồng quốc tế ngày càng tập trung vào vấn đề (tái) thiết pháp quyền ở các xã hội hậu xung đột. Mỗi quan tâm trọng điểm ngày càng tăng về nguyên tắc pháp quyền này cũng dẫn đến sự phát triển của các nguyên tắc nhất định về xây dựng pháp quyền ở các xã hội hậu xung đột:

- Cung cấp trợ giúp về pháp quyền thích hợp với quốc gia đặc thù đó và xây dựng trên hệ thống hiện hành của địa phương.
- Lấy ý kiến, tư vấn của người dân và tranh luận khi có kế hoạch cải cách pháp quyền.
- Thành lập các Ủy ban quyền con người quốc gia độc lập.
- Đưa các yếu tố thích hợp về pháp quyền và tư pháp vào nhiệm vụ gìn giữ hòa bình.
- Cung cấp đủ nguồn lực tài chính và con người ở Liên hiệp quốc nhằm lên kế hoạch cho các thành phần của nguyên tắc pháp quyền trong hoạt động gìn giữ hòa bình.

Nhằm khắc phục khoảng cách trong các chiến lược trước và sau xung đột hiện nay, Ủy ban an ninh con người đã đưa ra cách tiếp cận bảo đảm an ninh con người toàn diện, bao gồm 5 nhóm an ninh con người, một trong số đó là “quản lý nhà nước và tăng cường quyền lực” nhằm theo đuổi một trong các ưu tiên hàng đầu của tổ chức này là thiết lập các thể chế bảo vệ con người và nêu nguyên tắc pháp quyền.

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

1948	Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người
1950	Hội nghị châu Âu về quyền con người
1966	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
1969	Công ước châu Mỹ về quyền con người
1981	Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc (Hiến chương Banjul)
1982	Bổ nhiệm Báo cáo viên đặc biệt về xét xử ngoài tư pháp hay tùy tiện
1984	Nhận xét chung số 13 về Điều 14 của ICCPR
1985	Các nguyên tắc cơ bản của Liên hiệp quốc về tính độc lập của tư pháp
1985	Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hiệp quốc về quản lý tư pháp vị thành niên (Quy tắc Bắc Kinh)
1986	Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc
1990	Các nguyên tắc cơ bản của Liên hiệp quốc về vai trò của các luật sư
1990	Hướng dẫn của Liên hiệp quốc về vai trò của công tố viên
1991	Nhóm công tác của Liên hiệp quốc về sự giam giữ tùy tiện
1994	Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về tính độc lập của thẩm phán và luật sư
1998	Quy chế Rome về Tòa án Hình sự quốc tế
2006	Bản soạn thảo sửa đổi Nhận xét chung số 13 về Điều 14 của ICCPR

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỌN LỌC

HOẠT ĐỘNG I: ĐƯỢC NGHE HAY KHÔNG ĐƯỢC NGHE?



Phần I: Lời giới thiệu

Đây là bài tập đóng vai nhằm thể hiện các quy tắc và thủ tục của một vụ xét xử.

Loại hoạt động: đóng vai.

Phần II: Thông tin chung về hoạt động

Mục đích và mục tiêu:

- Thực hành theo tình huống ở một phòng xử án;
- Nhận biết khái niệm về một vụ xét xử công bằng và công khai;
- Phát triển kỹ năng phân tích.

Đối tượng: Người đã trưởng thành.

Số lượng: 15-20.

Thời gian: khoảng 90 phút.

Chuẩn bị:

Sắp xếp lớp học như một phòng xử án. Đặt một bàn cho thẩm phán ở phía trước và hai bàn ở góc bên phải đối diện với nhau, một cho bị cáo và luật sư bào chữa, một cho nhóm công tố viên.

Các kỹ năng cần sử dụng:

Tư duy phê phán và phân tích, giao tiếp, đưa ra quan điểm và kỹ năng đồng cảm hóa thân.

Phần III: Thông tin cụ thể

Giới thiệu:

Giải thích rằng bạn sẽ chuẩn bị diễn một tình huống trong phòng xử án theo 2 kịch bản khác nhau, một là không có luật sư bào chữa và một có cơ chế luật sư bào chữa. Giải thích các vai diễn và để học viên lựa chọn.

- Một người bị buộc tội sai về một tội phạm, như trộm cắp hay đánh bạc.
- Một nhóm gồm 2 hoặc 3 người đảm nhiệm phần khởi tố.

- Một nhóm 3 hoặc 4 người đảm nhiệm phần buộc tội và viết các lời cáo buộc lên bảng/giá biểu đồ (giá giấy dùng trong thuyết trình).
- Một thẩm phán.

Bị cáo và nhóm đảm nhiệm phần buộc tội có 10 phút để chuẩn bị những lời tuyên bố cáo buộc.

Thể hiện phần đóng vai:

Trong kịch bản đầu tiên, không có luật sư bảo vệ và bị cáo không thể tự bào chữa cho bản thân. Học viên là những người đến dự phiên tòa, không ai khác trong lớp học được phép đưa ra ý kiến. Yêu cầu những người buộc tội nêu lên vấn đề khởi kiện cho thẩm phán và để thẩm phán đưa ra quyết định chỉ dựa trên cơ sở này.

Sau đó, trong kịch bản thứ hai, chỉ định một thẩm phán mới, người này sẽ đưa ra phán quyết cuối cùng là có tội hay không có tội. Đồng thời cũng chỉ định một đội luật sư bào chữa gồm 2-3 người. Cho phép bị cáo nói và đội luật sư bào chữa có những lập luận của mình. Khán giả đến dự thính cũng có thể được phép cho ý kiến.

Phản hồi:

Yêu cầu học viên trở lại vị trí lớp học.

Đầu tiên hỏi những người đã tham gia vào vở diễn:

- Bạn đã có thể ảnh hưởng với mức độ nhiều như thế nào đến quyết định của thẩm phán?
- Theo bạn, mô phỏng này có tính hiện thực đến đâu?

Bây giờ tiếp tục khuyến khích cả nhóm suy nghĩ về quá trình và mục đích của 2 vở diễn:

- 2 kịch bản này khác nhau ở điểm gì và tại sao?
- Học viên có cảm thấy không thoải mái với kịch bản thứ nhất không?
- Bạn có nghĩ là kịch bản như trong trường hợp thứ nhất có thể xảy ra trong đời sống thực?

Mẹo thực hành:

Cố gắng không giải thích toàn bộ mục đích của vở diễn trước khi bắt đầu diễn. Khi không được

báo trước thì giá trị ngạc nhiên sẽ có thể đem lại nhiều ảnh hưởng lớn hơn cho học viên, mà cũng sẽ không cản trở phần đóng vai của bản thân vở kịch. Hãy cẩn thận với phần trình diễn, đặc biệt là trong vở kịch đầu tiên và hãy can thiệp nếu như bị cáo bắt đầu cảm thấy lo âu và sợ sệt. Điều này không có nghĩa là vở kịch đã thất bại mà là thể hiện rằng tình thế mô phỏng có mức độ giống với thực tế như thế nào.

Gợi ý thay đổi:

Với kịch bản thứ hai, bạn có thể chỉ định một đoàn bồi thẩm không thiên vị gồm 3 hoặc 4 thẩm phán thay cho một thẩm phán. Và trong phần lấy ý kiến phản hồi bạn có thể đưa ra thảo luận sự khác nhau giữa sử dụng bồi thẩm đoàn và một thẩm phán.

Phần IV: Phần tiếp theo

Đọc to Điều 10 của UDHR:

“Mọi người đều được hưởng quyền bình đẳng hoàn toàn trong việc xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập và không thiên vị trong việc quyết định các quyền và nghĩa vụ của họ cũng như về bất cứ sự buộc tội nào đối với họ”.

Giải thích rằng theo một cách diễn giải khác, điều này có nghĩa là nếu bạn bị đưa vào một vụ xét xử, thì nó phải được tiến hành công khai. Ý nghĩa công khai tức là trường hợp tiến hành trong đó bị cáo phải có mặt và các chứng cứ được nêu lên trước mặt người đó cũng như trước mặt gia đình và cộng đồng.

Những người xét xử bị cáo không nên để bản thân bị ảnh hưởng bởi những người khác. Trên cơ sở phần bài tập đóng vai, thảo luận thực tế rằng mọi người phải có cơ hội công bằng được đưa ra trường hợp của mình. Nguyên tắc này có hiệu lực thực thi trong các trường hợp hình sự cũng như tranh chấp dân sự, khi một người khởi kiện người kia trước pháp luật.

Nêu lên định nghĩa của Liên hiệp quốc cho học viên về yếu tố tạo nên một tòa án độc lập và không thiên vị, điều đó có nghĩa là tòa án nên xét xử từng trường hợp một cách công bằng trên cơ sở chứng

cứ, và pháp quyền thì không nên thiên vị một bên nào hơn bên nào vì những lý do chính trị.

Các quyền liên quan/Các khía cạnh khác cần tìm hiểu:

Giả thiết vô tội, được ghi nhận với tư cách là một con người trước pháp luật, quyền được bảo vệ bởi các luật sư có đủ năng lực, các yếu tố của nền dân chủ.

(Nguồn: phỏng từ **Chương trình đào tạo Cyberschoolbus của Liên hiệp quốc**. Tại địa chỉ: www.un.org/cyberschoolbus/humanrights/declaration/10)

HOẠT ĐỘNG II: BẠN CÓ THỂ BẢO VỆ NHỮNG NGƯỜI ĐÓ KHÔNG?



Phần I: Lời giới thiệu

Phần bài tập này là một cuộc thảo luận dựa trên các trường hợp trong thực tế cuộc sống nhằm nhận biết những thành kiến và khái niệm tương ứng về xét xử công bằng.

Loại hình hoạt động: thảo luận.

Phần II: Thông tin chung về hoạt động

Mục tiêu:

- Nhận biết định kiến và giới hạn của quan sát trung lập.
- Phát triển kỹ năng phân tích.

Đối tượng: Người đã trưởng thành.

Số lượng: 15-20.

Thời gian: khoảng 60 phút.

Tài liệu: tài liệu phát (xem phần dưới).

Chuẩn bị:

Chuẩn bị tài liệu phát về tuyên bố của luật sư bào chữa Gerry Spence (xem phần dưới).

Các kỹ năng cần sử dụng:

Kỹ năng phân tích và tư duy phê phán, hình thành quan điểm, kỹ năng giao tiếp, khả năng đưa ra ý kiến và quan điểm khác nhau về một vấn đề.

Phần III: Thông tin cụ thể về cuộc thảo luận

Giới thiệu chủ đề bằng cách cho phép học viên tưởng tượng về những kẻ phạm tội mà mình đã biết (hoặc giảng viên cho họ xem băng video về các vụ việc này). Bạn có thể liệt kê các vụ việc lên bảng hoặc giá biểu đồ nếu bạn muốn.

Bây giờ để cho học viên tưởng tượng rằng họ là những luật sư bào chữa bảo vệ cho thân chủ bị buộc tội gây ra các vụ phạm tội tai tiếng này.

Phát tài liệu câu phát biểu của luật sư bào chữa Gerry Spence, người đưa ra câu trả lời cho câu hỏi mà ông ta thường xuyên nhận được “Ông có thể bảo vệ những người đó như thế nào?”.

Bây giờ bắt đầu thảo luận quyền của kẻ phạm tội trên cơ sở câu phát biểu này.

Mọi người có nên được coi là vô tội cho tới khi chứng minh được là có tội hay không?

Nếu bạn bị buộc tội, bạn có cần được quyền tự bảo vệ bản thân không?

Tất cả mọi người có nên được phép yêu cầu sự trợ giúp về luật pháp (luật sư bào chữa) và trên cơ sở miễn phí nếu ông ta/bà ta không có khả năng tài chính thuê luật sư không?

Tất cả mọi người có nên được bình đẳng trước pháp luật không?

Nếu bạn muốn, bạn có thể ghi lại một vài nội dung tranh luận lên giá biểu đồ để tóm tắt buổi thảo luận.

Phản hồi:

Trong phần lấy ý kiến phản hồi, chỉ yêu cầu học viên tóm tắt lại cuộc thảo luận dựa trên các ý sau:
Tại sao bạn nghĩ rằng luật sư bào vệ tội phạm?

Bạn có nghĩ rằng các luật sư đó bị nhìn nhận theo cùng một cách giống như những tội phạm mà họ bảo vệ không, và tại sao?

Mẹo thực hành:

Bạn có thể giới thiệu một trường hợp cụ thể bằng cách cho xem băng video hay đọc một bài báo về các vụ việc phạm tội tai tiếng như vụ Nazi-era ở Đức, vụ Ku Klux Klan ở Hoa Kỳ hay vụ các nhà độc tài ở Mỹ La tinh hay châu Á. Bạn cũng có thể nêu ra những trường hợp đang diễn ra tại địa phương và nói về người đang bị công chúng kết

tội vì đã tiến hành một vụ phạm pháp nghiêm trọng. Nếu bạn chọn hình thức này, hãy cẩn trọng nhận biết những cảm xúc mà một chủ đề như vậy có thể gợi nên. Không phán xét ý kiến của học viên nhưng hãy tuyên bố một cách rõ ràng rằng, quyền con người là cho tất cả mọi người và rằng quyền con người không thể bị tước đoạt một cách tùy tiện và vào bất cứ lúc nào.

Gợi ý thay đổi

Thảo luận Điều 11 của UDHR. Viết nó lên giá biểu đồ và giải thích nghĩa của điều khoản này cùng mục đích của nó. Một người nên được coi là vô tội cho tới khi bị chứng minh là phạm tội. Và nếu khi bị buộc tội là có hành động phạm pháp, người đó luôn có quyền tự bảo vệ mình. Không ai có quyền kết án bạn hay trừng trị bạn vì hành động gì đó mà bạn không làm. Giả thiết vô tội và quyền có luật sư bào chữa là hai nguyên tắc cơ bản, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong điều khoản này.

Giảng viên cũng có thể tiến hành hoạt động tiếp theo về “Được nghe hay không được nghe” để liên hệ với điều này.

Phần IV: Hoạt động tiếp theo

Đọc to Điều 6 và Điều 8 của UDHR.

Điều 6: “*Tất cả mọi người đều có quyền được nhìn nhận ở mọi nơi như là một con người trước pháp luật*”. Giải thích rằng điều này có nghĩa là bạn cần được bảo vệ một cách hợp pháp như nhau và ở mọi nơi giống như mọi người khác. Định nghĩa: một người trước pháp luật là người được coi là đối tượng cần bảo vệ mà hệ thống pháp luật phải đảm bảo và có trách nhiệm tuân thủ.

Điều 8: “*Tất cả mọi người đều có quyền yêu cầu một sự khắc phục có hiệu quả bởi tòa án quốc gia có thẩm quyền vì những hành động xâm phạm các quyền cơ bản của người đó do hiến pháp hay pháp luật quy định*”. Điều này có nghĩa là bạn nên được phép yêu cầu trợ giúp pháp luật khi các quyền con người không được tôn trọng.

Các quyền liên quan/Các khía cạnh khác cần tìm hiểu:

Được coi là vô tội, được nhìn nhận là một con người trước pháp luật, quyền được bảo vệ bởi luật sư có năng lực, dân chủ.

(Nguồn: phỏng từ **Định kiến tương ứng trong cuộc sống hàng ngày**, Minnesota: Trường cao đẳng Carleton. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.acad.carleton.edu/curricular/PSYC/classes/psych110_Lutsky/RMII/CB4a.html)

Tài liệu phát:

“Bạn có thể bảo vệ những người đó như thế nào?”

Gerry Spence, luật sư bào chữa:

“Vâng, bạn có nghĩ rằng người bị kiện cần một phiên tòa xét xử trước khi chúng ta treo cổ anh ta lên không? Nếu có, thì phiên tòa đó có nên là một phiên tòa xét xử công bằng không? Nếu cần một phiên tòa xét xử công bằng thì bị cáo có nên được cung cấp một luật sư không? Nếu

anh ta có luật sư, thì đó có nên là một luật sư giỏi không? Vâng, và sau đó, nếu luật sư biện hộ biết được rằng người bị kiện thực sự có tội, thì anh ta có nên từ bỏ cuộc chơi không? Nếu không, thì anh ta có nên cố gắng hết sức mình để làm cho bên khởi tố phải chứng minh lời buộc tội của mình vì sự nghi ngờ có lý do đó không? Và nếu anh ta cố gắng hết sức, trong khi bên khởi tố không thể chứng minh và đưa ra lý do thuyết phục cho sự nghi ngờ, và hội đồng xét xử tuyên bố trắng án cho bị cáo phạm tội, thì bạn sẽ khiến trách ai? Bạn sẽ khiến trách luật sư biện hộ - người đã làm tròn công việc của mình, hay bạn sẽ khiến trách bên nguyên vì họ đã thất bại không làm tròn công việc của mình?

(Nguồn: phỏng từ **Tạp chí Harper** - tháng 7 năm 1997).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Allain, Jean. 2000. *Một thế kỷ của xét xử quốc tế - pháp quyền và những giới hạn của nó.* Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Tổ chức Ân xá quốc tế. 2005. *Báo cáo Ân xá quốc tế 2005.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://web.amnesty.org/report2005/index-eng>.

Tổ chức Ân xá quốc tế. 2005. *Hình phạt tử hình - Thi hành án tử hình đối với tội xâm phạm trẻ em từ năm 1990.* Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://web.amnesty.org/pages/deathpenalty-children-stats-eng>.

Anheier, Helmut K., Mary H. Kaldor và Marlies Glasius (chủ biên). 2003. *Xã hội dân sự toàn cầu 2003.* Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Annan, Kofi. 2002. *Tăng cường pháp quyền.* Báo cáo của Tổng thư ký đệ trình lên Đại hội đồng Liên hiệp quốc. A/57/150. Tài liệu có tại địa chỉ: [http://www.unhchr.ch/Huridocda/Huridoca.nsf/0/63233977f02defb2c1256c40002ca6f5/\\$FILE/N0251433.pdf](http://www.unhchr.ch/Huridocda/Huridoca.nsf/0/63233977f02defb2c1256c40002ca6f5/$FILE/N0251433.pdf)

Annan, Kofi. 2004. *Pháp quyền và nền tư pháp trong thời kỳ chuyển đổi ở các xã hội xung đột và hậu xung đột.* Báo cáo của Tổng thư ký đệ trình lên Hội đồng Bảo an. S/2004/616. Tài liệu có tại địa chỉ:

http://www.undp.org/bcpr/jssr/4_resources/documents/UN_2004_Rule%20of%20Law.pdf

Arbour, Louise. 2004. *An ninh theo nguyên tắc pháp quyền.* Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.hchr.org.co/publico/comunicados/2004/cp0431.pdf>

Bell, Ryan Brett and Paula Odysseos. 2002. *Tình dục, ma túy và tòa án trên TV? Mối quan tâm ngày càng tăng của người Mỹ như thế nào?* Trong: Việc truyền bá các vụ xét xử có ảnh hưởng đến các luật sư và hệ thống pháp luật của chúng ta. Tạp chí 15 Georgetown về Đạo đức Luật pháp 653.

Brown, Mark Malloch. 2004. *Pháp quyền và tư pháp trong thời kỳ chuyển đổi và các xã hội hậu xung đột.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.undp.org/dpa/statements/administ/2004/october>.

Carothers, Thomas. 1998. *Quy tắc của sự phục hồi pháp luật*. 77 Các vấn đề đối ngoại 2.

Ủy ban quản lý toàn cầu. 1995. *Láng giềng toàn cầu của chúng ta*. Báo cáo của Ủy ban quản lý toàn cầu. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Ủy ban quyền con người 2002. *Quản lý tư pháp, pháp quyền và dân chủ. Báo cáo của Nhóm công tác theo phiên họp về quản lý tư pháp*. E/CN.4/Sub.2/2002/7. Tài liệu có tại địa chỉ:
http://www.hrni.org/files/reports/HRNi_EN_125.pdf.

Ủy ban về an ninh con người. 2003. *An ninh con người ngày nay*. New York: Ủy ban về an ninh con người. Tài liệu có tại địa chỉ:
<http://www.humansecurity-chs.org/finalreport>.

Cotran, Eugene và Mai Yamani. 2000. *Pháp quyền ở Trung Đông và thế giới đạo Hồi, quyền con người và thủ tục tố tụng*. New York: Palgrave.

Hội đồng châu Âu. 2004. *Xây dựng một khối cộng đồng châu Âu thống nhất về pháp quyền*. Strasbourg: Hội đồng châu Âu.

Goldfarb, Ronald. 1998. *Truyền hình hay không có truyền hình: Truyền hình, tư pháp, và tòa án*. New York: Nhà xuất bản Đại học New York.

Huber, Martina. 2002. *Giám sát quy tắc luật pháp, Khuôn khổ hợp nhất vững chắc và báo cáo*. The Hague: Học viện Quan hệ quốc tế Hà Lan.

Ủy ban Luật sư về quyền con người. 2000. *Một phiên tòa công bằng là gì? Hướng dẫn cơ bản về các tiêu chuẩn pháp luật và áp dụng vào thực tiễn*. Tài liệu có tại địa chỉ:
http://www.lchr.org/pubs/descriptions/fair_trial.pdf.

Maravall, Jose Maria và Adam Przeworski (eds.). 2003. *Dân chủ và pháp quyền. Nghiên cứu của Cambridge trong Lý thuyết về dân chủ*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Murphy, John F. 2004. *Hoa Kỳ và pháp quyền trong hoạt động đối ngoại*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

O'Donnell, Guillermo. Tháng 10 năm 2004. *Tại sao lại cần quan tâm đến pháp quyền*. 15 Thời báo Dân chủ 2.

Văn phòng Cao ủy về quyền con người. 2003. *Quyền con người trong việc thi hành quản lý tư pháp:*

Sách hướng dẫn về quyền con người cho các thẩm phán, công tố viên và luật sư. Tài liệu có tại địa chỉ:
<http://www.ohchr.org/english/about/publications/traini ng.htm>.

Văn phòng Cao ủy về quyền con người. 1985. *Các nguyên tắc cơ bản về tính độc lập của bộ máy tư pháp*. Tài liệu có tại địa chỉ:

http://193.194.138.190/html/menu3/b/h_comp50.htm.

Văn phòng Cao ủy về quyền con người. 1984. *Nhận xét chung số 13: Bình đẳng trước tòa án và quyền được có tòa án xét xử độc lập, công bằng và công khai theo quy định của pháp luật (Điều khoản 14): 13/04/84. _CCPR Nhận xét chung số 13*. Tài liệu có tại địa chỉ:

[http://www.unhchr.ch/tbs/doc.nsf/\(Symbol\)/bb722416a295f264c12563ed0049dfbd?Opendocument](http://www.unhchr.ch/tbs/doc.nsf/(Symbol)/bb722416a295f264c12563ed0049dfbd?Opendocument).

Ramen, Frank. 2001. *Các quyền của bị cáo (Các quyền cá nhân và Trách nhiệm công dân)*. New York: Tập đoàn xuất bản Rosen.

Robinson, Mary. 1998. *Xây dựng tư pháp: Hội nghị về thiết lập pháp quyền ở các tỉnh thế hậu xung đột. Bài diễn văn khai mạc*. Vienna 26-27 tháng 6 năm 1998.

Tamanaha, Brian Z. 2004. *Về pháp quyền: Lịch sử, chính trị, lý luận*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Weissbrodt, David A. và Rüdiger Wolfrum. 1997. *Quyền có tòa án xét xử công bằng*. Berlin: Springer Verlag.

Weissbrodt, David A. 2001. *Quyền có tòa án xét xử công bằng theo Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị. Điều khoản 8, 10 và 11 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người*. The Hague: Nhà xuất bản Học thuật Kluwer.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ: Sáng kiến luật pháp của Trung và Đông Á. Trang web:

<http://www.abanet.org/ceeli/home.html>

Ấn xá quốc tế: <http://www.amnesty.org>

Ấn xá quốc tế - Hình phạt tử hình:

<http://www.amnesty.org/deathpenalty>

Ân xá quốc tế - Tư pháp quốc tế:

[http:// web.amnesty.org/pages/jus-index-eng](http://web.amnesty.org/pages/jus-index-eng)

Trung tâm nguồn luật châu Á (ALRC):

<http://www.alrc.net>

Trung tâm Dân chủ, phát triển và pháp quyền (CDDRL): <http://cddrl.stanford.edu>

Chương trình hợp tác để nâng cao pháp quyền:

http://www.coe.int/T/E/Legal_Affairs/Aboutus/Activities/1Activities_DGI.asp#P86_7557

Trung tâm thông tin về hình phạt tử hình:

<http://www.deathpenaltyinfo.org>.

Tổng danh bạ về các vấn đề luật - DGI:

http://www.coe.int/T/E/Legal_Affairs/About_us/Activities/1Activities_DGI.asp

Ủy ban châu Âu về dân chủ qua luật (Ủy ban Venice): <http://www.venice.coe.int>

Sáng kiến châu Âu về dân chủ và quyền con người:

http://europa.eu.int/comm/europeaid/projects/eidhr/eidhr_en.htm

Khối cộng đồng châu Âu:

http://europa.eu.int/pol/rights/index_en.htm

Theo dõi quyền con người (cung cấp thông tin về tình hình pháp quyền ở các quốc gia đặc biệt):

<http://hrw.org>

IFES: <http://www.ifes.org>

Hiệp hội Luật sư quốc tế: <http://www.ibanet.org>

Tòa Hình sự quốc tế (ICC): <http://www.icc-cpi.int>

Tòa Hình sự quốc tế dành cho Rwanda (ICTR):

<http://www.icttr.org>

Tòa Hình sự Quốc tế xét xử Nam Tư cũ:

<http://www.un.org/icty> Special Court for Sierra Leone: <http://www.sc-sl.org>

Trung tâm Ả rập về sự độc lập của bộ máy tư pháp và chuyên ngành luật:

<http://www.acijlp.org/EACIJLP/EHOME.ASP>

Quỹ tài trợ châu Á: <http://www.asiafoundation.org>

Ủy ban quốc tế của luật gia: <http://www.icj.org>

Ủy ban quốc tế của luật gia - Trung tâm nghiên cứu về tính độc lập của thẩm phán và luật sư:

http://www.icj.org/rubrique.php3?id_rubrique=40&lang=en

Hiệp hội Luật châu Á Thái Bình Dương:

<http://www.lawasia.asn.au>

Hội đoàn về các quyền:

<http://www.rightsconsortium.org>

Văn phòng Thể chế dân chủ và quyền con người (ODIHR): <http://www.osce.org/odihr>

Cao ủy về quyền con người của Liên hiệp quốc:

<http://www.unhchr.ch>

Học viện hòa bình của Hoa Kỳ: <http://www.usip.org>

N
H

TỰ DO TÍN NGƯỠNG

TỰ DO VỀ TƯ TƯỞNG, TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO

**TỰ DO THỂ HIỆN CÁC QUYỀN NÀY MỘT MÌNH HOẶC TRONG CỘNG ĐỒNG
THÔNG QUA TRUYỀN GIÁO, THỰC HÀNH, THỜ CÚNG VÀ TÔN KÍNH**

TỰ DO KẾ TỤC HAY THAY ĐỔI TÔN GIÁO, ĐỨC TIN CỦA BẢN THÂN

“Tất cả mọi người đều có quyền tự do về tư tưởng, tín ngưỡng, và tôn giáo; quyền này bao gồm sự tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng của mỗi cá nhân và sự tự do thể hiện tôn giáo hay tín ngưỡng của người đó, hoặc một mình hoặc trong cộng đồng cùng với những người khác thông qua truyền giáo, hành xử, thờ cúng hay sự tôn kính”.

Điều 18 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, năm 1948

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Dhabihullah Maharami bị bắt vào năm 1995 và bị kết án tử hình năm 1996 vì bỏ đạo (chuyển từ Đạo Hồi sang tín ngưỡng Baha). Án tử hình của ông ta đã được giảm xuống án tù chung thân vào năm 1999. Tổ chức Ân xá quốc tế coi ông là tù nhân lương tâm vào năm 1996 và đã mở chiến dịch yêu cầu tha bổng ông ta ngay lập tức và không điều kiện. Trường hợp này cũng đã được nêu ra trong báo cáo với tiêu đề Iran: Dhabihullah Maharami: Tù nhân lương tâm (Chỉ dẫn AI: MDE 13/34/96).

Theo các bản báo cáo, người ta đã tìm thấy Dhabihulla Maharami bị chết trong xà lim ở nhà tù Yazd vào ngày 15 tháng 12 năm 2005. Gia đình của ông ta được thông báo là ông ta bị chết do một cơn đau tim và thi thể của ông sau đó được trao cho gia đình đem đi chôn cất.

Tuy nhiên, báo cáo cho thấy Dhabihulla Maharami đang trong tình trạng sức khỏe tốt ngay trước thời điểm ông ta bị chết và trước đó không có thông tin gì về việc ông bị bệnh tim, mặc dù đương nhiên là khi ở trong tù ông ta phải lao động chân tay rất vất vả, và điều này có thể đã gây nên hay góp phần gây nên cái chết của ông ta. Người ta cũng đồn rằng ông ta đã nhận được những lời đe dọa sẽ bị giết chết.

Trong lá thư của mình gửi đến Ayatollah Mahmoud Hashemi Shahroudi, người đứng đầu bộ máy tư pháp Iran, Tổ chức Ân xá quốc tế đã nhấn mạnh rằng bất cứ sự điều tra nào về cái chết của Dhabibulla Maharami trong thời gian bị giam cầm phải được thực hiện theo các nguyên tắc của Liên hiệp quốc về phòng ngừa và điều tra hiệu quả việc xét xử chiếu lệ, tùy tiện và không theo pháp luật ( *Pháp quyền và xét xử công bằng*), và rằng bất cứ ai bị phát hiện ra phải chịu trách nhiệm cho cái chết của ông ta

sẽ phải bị đem ra xét xử ngay lập tức tại một tòa án công bằng.

Số lượng các vụ gây rối của cộng đồng Baha đã tăng lên một cách rõ rệt, trong đó có ít nhất 66 vụ phần tử Baha bị bắt kể từ đầu năm 2005, điều này chứng tỏ nhu cầu cần được công nhận là tín đồ Baha hoặc những hành động hòa bình thay mặt cho cộng đồng Baha đã xảy ra ở Iran. Hầu hết các trường hợp đều được thả, nhưng có ít nhất 9 người được báo cáo là còn bị giam giữ trong nhà tù, trong đó có Mehran Kawsari và Bahram Mashhadi, bị kết án lần lượt là 3 năm và 1 năm ngồi tù vì hành động liên quan đến lá thư họ đề gửi cho nguyên Tổng thống Hojjatolislamval Moslemin Sayed Mohammad Khatami yêu cầu chấm dứt những xâm phạm về quyền con người đối với cộng đồng tín ngưỡng Baha.

(Nguồn: **Tổ chức Ân xá quốc tế 2006. Iran:** Yêu cầu điều tra cái chết của những tù nhân lương tâm Baha. Thông cáo của Tổ chức Ân xá quốc tế. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://web.amnesty.org/library/index/engMDE130042006?open&of=eng-IRN>)

Các câu hỏi để thảo luận

1. Bạn nghĩ vì lý do gì mà ông Mahrami bị đối xử như vậy?
2. Bạn đã bao giờ nghe thấy những trường hợp tương tự như vậy xảy ra ở quốc gia hay khu vực của bạn chưa?
3. Chuẩn mực quốc tế nào về quyền con người đã bị xâm phạm?
4. Có thể ngăn ngừa những vụ việc tương tự như vậy xảy ra như thế nào?
5. Những thể chế và thủ tục quốc tế hiện hành nào được sử dụng cho các trường hợp như vậy?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. TỰ DO TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG: VẤN CÒN MỘT CHẶNG ĐƯỜNG DÀI

Hàng triệu người tin tưởng rằng có đấng thiêng liêng nào đó bên ngoài chúng ta đang dẫn dắt chúng ta về mặt tâm linh. Vì tín ngưỡng mà bạn theo đuổi, bạn có thể sẽ bị buộc phải từ bỏ nó, từ bỏ gia đình bạn, bị ngược đãi hành hạ, bị bắt giam vào ngục tù, hoặc thậm chí có thể bị giết chết.

Vào thế kỷ thứ ba, những người theo đạo Phật bị ngược đãi hành hạ ở Ấn Độ bởi vì họ đã tin tưởng vào những giáo huấn của Đức Phật. Bắt đầu từ thế kỷ IX sau Công nguyên - được gọi là “thời kỳ tăm tối” ở châu Âu - Đạo Hồi và các đạo khác không phải đạo Cơ Đốc, bị ngược đãi hành hình “trên danh nghĩa chúa Trời”. Kế tiếp đó, chiến tranh mở rộng của Đế chế Ottoman và Đạo Hồi đã làm châu Âu khiếp sợ. Những người Do Thái bị dồn vào sống trong những khu riêng biệt không chỉ bởi người Cơ Đốc mà còn bởi người Hồi Giáo trước đây. Những hành động chống đối người Ấn ở Mỹ La tinh cũng xảy ra trong quá trình Cơ Đốc hóa.

Trong quá khứ và cả hiện tại, những người theo tôn giáo hay không theo tôn giáo đều bị đe dọa bởi điều họ tin hay không tin. Khả năng có tín ngưỡng vào điều gì đó, và biểu lộ ra ngoài được biết đến và bảo vệ như là tự do tôn giáo.

Đây không chỉ là một vấn đề luật pháp mà còn là một vấn đề về đạo đức. Tín ngưỡng tôn giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt riêng tư của mỗi cá nhân bởi vì nó động chạm đến nhận thức cá nhân và hiểu biết về thế giới của chúng ta.

Niềm tin là một nhân tố chủ đạo trong việc thể hiện bản sắc văn hóa của mỗi người, đó là lý do vì sao tự do tôn giáo lại là một chủ đề nhạy cảm và có vẻ như là một quyền gây nhiều khó khăn

hơn khi đề cập đến so với những vấn đề quyền con người khác.

Bên cạnh đó, còn một vấn đề khác gây trở ngại cho quy định về tự do tôn giáo trong luật quốc tế về quyền con người. Trên toàn thế giới, tôn giáo và tín ngưỡng là các yếu tố cơ bản của chính trị và cho các nhà chính trị. Tín ngưỡng tôn giáo và tự do tôn giáo thường bị lạm dụng cho các đòi hỏi và yêu sách chính trị về quyền lực, thường dẫn đến những quan điểm sai lầm khi tôn giáo và chính trị được kết nối với nhau.

“Không ai tự nhiên bị trói buộc phải theo một nhà thờ hay một giáo phái, nhưng mọi người đều có thể tự nguyện tham gia vào xã hội mà ở đó anh ta tin là anh ta đã tìm thấy tín ngưỡng và sự tôn sùng thực sự có thể được Chúa Trời chấp nhận. Hi vọng cứu rỗi linh hồn, là lý do duy nhất khiến mỗi người bước vào thế giới đó, và vì vậy cũng có thể là lý do duy nhất để anh ta ở lại đó [...] Nhà thờ, vì vậy, là một xã hội mà thành viên tự nguyện hợp nhất lại.”

Theo John Locke. 1689. Bức thư về sự khoan dung.

Sự bảo vệ thỏa đáng ngày càng trở nên cấp thiết trong những năm gần đây bởi vì không khoan dung về tôn giáo và ngược đãi luôn ở vị trí hàng đầu của các xung đột bị thảm trên toàn thế giới liên quan đến các vấn đề về sắc tộc, mâu thuẫn chủng tộc, hay sự hận thù giữa các nhóm. Ngược đãi trên khía cạnh tôn giáo có thể được nhận ra trong các xung đột hiện nay giữa những tín đồ của một tín ngưỡng và những người không theo tín ngưỡng ấy, giữa tín ngưỡng truyền thống và tín ngưỡng “mới” ở những quốc gia đa tôn giáo, hoặc giữa các quốc gia với một tôn giáo chính thống hay được ưa chuộng với những cá nhân hoặc cộng đồng không thuộc tôn giáo đó.

Ngày nay, vi phạm tự do tôn giáo là sự đàn áp các tín ngưỡng khác nhau ở Miến Điện, Trung Quốc (như Đạo Hồi của người Duy Ngô Nhĩ ở Xinjiang, đạo Phật ở Tây Tạng), Iran (đạo Baha), Bắc Triều Tiên, Xudan, Ả Rập Xê út, ở Eritrea, Pakistan, Turkmenistan và Uzbekistan. Những tín ngưỡng này bắt đầu từ sự lớn mạnh mới xảy ra của trào lưu chính thống (tín tuyệt đối vào kinh thánh) đạo Cơ đốc ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, sự nổi lên mãnh liệt của chủ nghĩa cực đoan tôn giáo đạo Hồi, đến các hình thái mới chống lại nhóm Xê-mít (đó là sự sợ hãi và căm thù đối với người Do Thái/đạo Do Thái) ở các quốc gia khác nhau, và đặc biệt từ ngày 11 tháng 9 năm 2001, sự chống đối ngày càng tăng và thường xuyên theo dõi động tĩnh của nhóm đạo Hồi (đó là sự sợ hãi và căm thù đối với đạo Hồi và các tín đồ Hồi giáo) ở Hoa Kỳ và châu Âu.

Đáng tiếc là vẫn còn rất nhiều trường hợp cho thấy sự cần thiết khẩn cấp liên quan đến tự do tôn giáo, đặc biệt là khi chúng liên quan tới chủ nghĩa cực đoan. Sự việc hiện tượng này phải được đề cập đến một cách riêng biệt.

 *Điều cần biết*

Tự do tôn giáo và an ninh con người

Tự do không bị sợ hãi là một giá trị chủ đạo của an ninh con người. Giá trị chủ đạo này sẽ bị đe dọa khi có sự xâm phạm các tự do tôn giáo tín ngưỡng. Nếu bạn không thể tin tưởng vào bất cứ “một đức Chúa Trời” của một đạo nào đó, hay về khái niệm về vũ trụ mà bạn thích, thì sự tự do và an ninh của bản thân bạn không thể được bảo đảm. Những đe dọa đối với tự do về tư tưởng, tín ngưỡng, tín ngưỡng và tôn giáo có ảnh hưởng trực tiếp tới cả các cá nhân và các nhóm xã hội trong việc đảm bảo và phát triển sự toàn vẹn cá nhân.

Khi sự phân biệt đối xử và khủng bố về tôn giáo mang tính có hệ thống và được thể chế hóa thì nó có thể dẫn đến sự căng thẳng giữa các cộng đồng và thậm chí gây nên khủng hoảng trên quy mô quốc tế. Đối tượng không được bảo đảm an ninh có thể là

tất cả mọi người - cá nhân, nhóm xã hội hay thậm chí là quốc gia. Sự đe dọa rất lớn và ở khắp nơi về an ninh con người, trên cơ sở niềm tin hay tôn giáo này đòi hỏi phải có biện pháp bảo vệ đặc biệt. Giáo dục và học hỏi về quyền con người chính là chìa khóa cho sự tôn trọng tư tưởng hay tôn giáo của người khác. Việc học hỏi về tôn trọng, khoan dung và nhân phẩm không thể đạt được bằng cách cưỡng chế. Nó phải là sự cam kết dài hạn của mỗi cá nhân và mọi người nhằm cùng xây dựng an ninh cá nhân và toàn cầu.

Không có quốc gia hoà bình nào mà lại không đảm bảo hòa bình trong tôn giáo. Không thể có hòa bình giữa các tôn giáo nếu các tôn giáo không có sự đối thoại. Và không thể có sự đối thoại nào giữa các tôn giáo nếu không tìm hiểu về nền tảng, nguyên tắc tư tưởng cơ sở của các tôn giáo”.

Theo Hans Küng, Chủ tịch Quỹ đạo đức toàn cầu

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ

Tôn giáo là gì? 

Không có một định nghĩa chung nào về tôn giáo trong các thảo luận triết học hay xã hội học. Tuy nhiên, trong các định nghĩa khác nhau thì vài yếu tố chung có thể được đúc kết.

Tôn giáo, theo từ nguyên của nó, liên quan đến từ Religare trong tiếng La tinh, có nghĩa là sự “ràng buộc”. Tôn giáo là một tổ chức nhằm ràng buộc những tín đồ vào những điều khoản mang khái niệm “Tuyệt đối” về cá nhân hay bất cứ ai. Nó thường bao gồm một tập hợp các lễ nghi, nghi thức, các quy tắc và quy định giúp cho các cá nhân hay cộng đồng gắn kết sự tồn tại của họ với “Đức Chúa Trời” hay “Các thần thánh”. Theo Milton J. Yinger, nó có thể là “một hệ thống những tín ngưỡng và thực hành mà dựa vào đó để một nhóm người đấu tranh với những vấn đề cơ bản của cuộc sống”.

Và so sánh với Từ điển pháp luật của Black, tôn giáo được định nghĩa như là:

“Một mối quan hệ (của con người) với thần thánh, đức Chúa để tỏ lòng tôn kính, thờ cúng, vâng lời và tuân thủ mệnh lệnh và lời răn dạy của các đấng tối cao và các đấng siêu nhiên. Trong một nghĩa rộng nhất (tôn giáo) bao gồm các dạng niềm tin vào sự tồn tại của các đấng tối cao thực hiện quyền lực của mình đối với con người thông qua sự can thiệp, áp đặt các quy tắc ứng xử, hành động, với những phần thưởng hay trừng phạt trong tương lai”.

Những khái niệm này và những khái niệm tương tự, tất cả đều thống nhất về việc ghi nhận sự tồn tại của một cái gì đó tối cao, thần thánh, tuyệt đối, siêu việt, có thể là một cá nhân hay nhóm. Cái gọi là “Tối cao/Tối thượng” ấy có chức năng quy chuẩn và các tín đồ được mong đợi là sẽ tuân theo những dạy dỗ và quy tắc hành xử do tôn giáo của họ quy định, như con đường dẫn tới cái tuyệt đối. Các tín đồ cũng được mong đợi sẽ thể hiện các tín ngưỡng tôn giáo của họ thông qua các cách tôn thờ và thờ cúng khác nhau. Và tuy không phải luôn luôn nhưng thường là một thực thể pháp lý, như nhà thờ hay một thể chế khác sẽ được thành lập để tổ chức nhóm họp hay các lễ nghi thờ cúng.

Tín ngưỡng là gì?

Là một khái niệm rộng hơn tôn giáo. Nó bao gồm cả tôn giáo nhưng không bị giới hạn trong nghĩa truyền thống của nó. Từ điển luật học của Black định nghĩa nó như là “một niềm tin vào sự thật của một nhận định, tồn tại một cách chủ quan trong đầu, bị xúi giục bởi sự tranh cãi, thuyết phục, hay chứng cứ nhằm vào sự phán đoán của một người”.

Trái ngược với khái niệm hẹp nhưng đầy trí tuệ này về tín ngưỡng như một hành vi tư duy, thì tín ngưỡng có nghĩa là một hành vi đặt hết niềm tin hay phụ thuộc tin tưởng vào một điều gì đó tối cao (có thể là cá nhân hoặc không, như 4 Sự thật cao quý trong đạo Phật).

Trong Nhận xét chung số 22 về Điều 18 Điều ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, (ICCPR) Ủy ban Quyền con người của Liên hiệp quốc, định nghĩa sự bảo vệ tôn giáo hay tín ngưỡng như sau: “Điều 18 bảo vệ các tín ngưỡng hữu thần, không hữu thần, hay vô thần, cũng như bảo vệ quyền không theo một tôn giáo hay tín ngưỡng nào cả”. Nhận xét chung tiếp tục nhận định “Thuật ngữ tôn giáo hay tín ngưỡng được diễn giải theo nghĩa rất rộng. Điều 18 không bị giới hạn trong ngữ nghĩa về các tôn giáo truyền thống hay về các tôn giáo và tín ngưỡng với những đặc thù thể chế hay hành xử tương tự như của tôn giáo truyền thống. Ủy ban, vì vậy, quan tâm đến bất cứ xu hướng phân biệt đối xử nào nhằm chống lại tôn giáo hay tín ngưỡng vì bất cứ lý do gì, kể cả yếu tố thực tế là chúng mới ra đời, hay chỉ đại diện cho một tôn giáo thiểu số có thể gây ra sự thù địch của cộng đồng tôn giáo áp đảo”.

Các khía cạnh khác của tín ngưỡng như chính trị, văn hóa, khoa học hay kinh tế - không bao gồm trong sự bảo vệ này.

 **Tự do biểu đạt và tự do thông tin**

Tự do tôn giáo là gì?

Theo luật quốc tế, tự do tôn giáo nằm trong sự bảo vệ tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo.

Ba sự tự do này được áp dụng một cách đồng đều đối với các tín ngưỡng hữu thần, không hữu thần, hay vô thần cũng như các quan điểm bất khả tri và bao hàm tất cả các tín ngưỡng khác với một cái nhìn siêu việt về vũ trụ và những quy chuẩn xử sự.

Tự do tôn giáo và tín ngưỡng theo đúng nghĩa bao gồm tự do của và tự do về tôn giáo và tín ngưỡng, có thể được hiểu như quyền chấp nhận hay không chấp nhận bất cứ những quy tắc hay thái độ tôn giáo nào đó.

Tự do về tư tưởng và tín ngưỡng được bảo vệ theo cách giống như bảo vệ tự do về tôn giáo và niềm tin. Nó bao gồm tự do tư tưởng về tất cả mọi vấn đề, sự nhận thức cá nhân và sự cam kết đi theo một tôn giáo hay tín ngưỡng được biểu lộ

cá nhân hay trong cộng đồng cùng với những người khác.

Tự do tín ngưỡng thường bị xâm phạm như có thể thấy ở số lượng “tù nhân lương tâm” trên toàn thế giới. Những tù nhân đó hầu hết đều thuộc tôn giáo thiểu số bị giam cầm vì niềm tin tôn giáo của họ. Câu chuyện của ông Mahrami chỉ là một trong vô số các ví dụ.

Tự do tư tưởng và tín ngưỡng, và tự do lựa chọn hay thay đổi một tôn giáo hay tín ngưỡng được bảo vệ một cách vô điều kiện. Không ai có thể bị thúc ép phải tiết lộ tư tưởng của người đó và bị ép buộc phải theo một tôn giáo hay tín ngưỡng.

Các chuẩn mực quốc tế

Luật về quyền con người tránh gây nên sự tranh cãi trong định nghĩa về tôn giáo và tín ngưỡng. Luật này bao gồm một nhóm các quyền nhằm bảo vệ sự tự do trong tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo và niềm tin. Để hiểu rõ hơn sự phức tạp về tự do tôn giáo, có thể phân loại 3 cấp bậc sau:

1. Tự do thực hành tôn giáo của mỗi cá nhân riêng biệt;
2. Tự do thực hành tôn giáo tập thể;
3. Tự do của các cơ quan tôn giáo riêng biệt.

Tự do thực hành tôn giáo của mỗi cá nhân riêng biệt

Điều 18 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) xác định tự do tôn giáo là quyền “của mọi người”, có nghĩa là nó bảo vệ người lớn cũng như trẻ em, người trong nước cũng như người nước ngoài, và điều này không thể bị xâm phạm kể cả trong thời gian xảy ra tình trạng chiến tranh khẩn cấp. Danh sách các quyền tự do tôn giáo cá nhân được đề cập đến trong Điều 18 của ICCPR đã đưa ra sự mô tả chi tiết các quyền nằm trong tiêu chuẩn tối thiểu được quốc tế thừa nhận:

- Tự do thờ cúng và nhóm họp vì mục đích liên quan đến tôn giáo hay tín ngưỡng, cũng như thành lập và duy trì các địa điểm vì mục đích này;

- Tự do đưa ra, thu thập và sử dụng trong chừng mực nhất định các bài báo hay tài liệu cần thiết liên quan đến các lễ nghi hay tục lệ của một tôn giáo hay tín ngưỡng;
- Tự do xin và nhận các tài trợ tài chính hay các đóng góp khác từ các cá nhân và tổ chức;
- Tự do truyền giáo, bổ nhiệm, bầu cử hay chỉ định những nhà lãnh đạo kế vị thích hợp đáp ứng những yêu cầu và tiêu chuẩn của bất cứ tôn giáo hay tín ngưỡng nào;
- Tự do tiến hành những ngày nghỉ, kỷ niệm những ngày lễ thánh, và những nghi lễ theo giới luật của tôn giáo hay tín ngưỡng đó;
- Tự do tôn giáo tại nơi làm việc, kể cả quyền được cầu nguyện, ăn mặc và các chế độ ăn kiêng;
- Tự do tập hợp và nhóm họp để thờ phụng hay tiến hành các nghi lễ;
- Tự do công bố tín ngưỡng của cá nhân;
- Tự do thay đổi hay từ chối đi theo một tôn giáo nào đó;
- Tự do giáo dục tôn giáo, trên cơ sở “đảm bảo lợi ích tốt nhất” cho trẻ em.

Tự do thực hành tôn giáo tập thể

Các quyền về tôn giáo không chỉ cho phép cá nhân được hưởng những tự do đề cập trên. Một tôn giáo hay tín ngưỡng có thể được và thường là được thể hiện trong cộng đồng, vì vậy thường diễn ra ở những nơi công cộng. Điều này cũng ngụ ý sự cho phép quyền tự do tập hợp, nhóm họp trong cộng đồng các tín đồ tôn giáo.

Tự do của các cơ quan tôn giáo riêng biệt

Các cơ quan riêng biệt dựa trên cơ sở tôn giáo cũng được hưởng đầy đủ sự bảo vệ theo tự do tôn giáo. Các cơ quan này có thể là những ngôi nhà dùng làm địa điểm thờ phụng, sùng bái; hoặc là các cơ quan truyền giáo đào tạo về các vấn đề tôn giáo, hoặc thậm chí là các Tổ chức phi chính phủ NGOs.

Quyền của họ bao gồm:

- Tự do thành lập và duy trì các tổ chức từ thiện hay tổ chức nhân đạo thích hợp;
- Tự do viết, xuất bản và phát tán, phổ biến các tài liệu có liên quan trong các lĩnh vực này;
- Tự do truyền đạo giảng dạy một tôn giáo hay tín ngưỡng ở những địa điểm thích hợp.

Tuyên bố về xoá bỏ mọi hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng. 1981.

Nguyên tắc không phân biệt đối xử

Phân biệt đối xử và không khoan dung trên cơ sở tôn giáo - có nghĩa là bất cứ một sự phân biệt, loại trừ, ngăn cấm, hay thiên vị về tôn giáo hay tín ngưỡng nào đều bị cấm. Việc cấm phân biệt và không khoan dung về tôn giáo không chỉ được giới hạn trong đời sống công chúng mà còn được áp dụng vào đời sống riêng tư của các cá nhân mà chính từ đó các tín ngưỡng và tôn giáo cũng như các nhu cầu khác được hình thành, khởi nguồn.

 *Không phân biệt đối xử*

Giáo dục

Cha mẹ có quyền quyết định hướng con cái của họ theo tín ngưỡng của mình. Quy định về “lợi ích tốt nhất cho trẻ” nhằm giới hạn tự do trong hành động của cha mẹ chỉ áp dụng khi việc thực hành tôn giáo có thể gây tổn hại tới sức khỏe tinh thần hay thể chất của trẻ. Việc thực hành đó có thể dẫn tới từ chối khám chữa bệnh hay cho trẻ em đến trường. Ví dụ, những tín đồ Giehova (một tổ chức tôn giáo tin rằng sắp đến ngày tận thế và mọi người sẽ sa xuống địa ngục trừ thành viên của tổ chức tôn giáo này) từ chối việc truyền máu, và việc này có thể sẽ dẫn đến cái chết của trẻ nhỏ, tín ngưỡng của họ không thích hợp với tiêu chuẩn hiện hành về khám chữa bệnh sức khỏe y tế.

Trên phương diện cộng đồng, nhà nước có nghĩa vụ cung cấp sự giáo dục nhằm bảo vệ trẻ em khỏi

sự không khoan dung và phân biệt đối xử trong tôn giáo, và đưa vào chương trình giảng dạy nội dung về tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo.

Câu hỏi thảo luận

- Ở nước bạn, sự hướng dẫn về tôn giáo được thực hiện như thế nào?
- Chương trình giảng dạy và sách giáo khoa ở nước bạn có đề cập đến các vấn đề tự do tôn giáo và tín ngưỡng không, kể cả tự do không tín ngưỡng?
- Ở nước bạn có sự bảo vệ cho tính độc lập trong hướng dẫn tôn giáo không?

Biểu lộ niềm tin

Tự do biểu lộ niềm tin vào tôn giáo bao gồm bảo vệ phát ngôn, giảng dạy, hành xử, thờ cúng và tiến hành các lễ nghi do tôn giáo đó quy định. Bạn có quyền nói chuyện về tín ngưỡng của bạn, giảng dạy, tiến hành các hoạt động một mình hay cùng những người khác và thực hiện các quy định về chế độ ăn kiêng, tuân thủ yêu cầu về trang phục, hay sử dụng một ngôn ngữ đặc biệt, và tiến hành các lễ nghi liên quan đến tín ngưỡng của bạn. Sự biểu lộ niềm tin hay tôn giáo còn có nghĩa là có thể tránh, từ chối những hành động trái với quy định trong tín ngưỡng của bạn. Các hành động đó có thể là chối bỏ lời thề, nghĩa vụ quân sự, tham gia vào các buổi lễ tôn giáo, xưng tội hay từ chối khám chữa bệnh.

Giới hạn của tự do tôn giáo

Cho dù bạn được tự do lựa chọn tín ngưỡng của mình nhưng việc bạn thể hiện như thế nào thì có thể bị giới hạn trong một vài trường hợp khi việc biểu lộ ấy đe dọa đến quyền lợi, mối quan tâm của những người khác.

Việc hạn chế quyền thể hiện một tín ngưỡng tôn giáo cần phải mang tính cân đối và dựa trên cơ sở luật pháp. Việc giới hạn này chỉ nên áp dụng khi cần thiết để bảo vệ an toàn, trật tự xã hội, sức khỏe hay đạo đức cho cộng đồng, hoặc để bảo vệ các quyền cơ bản và tự do của những người khác.

Sự hạn chế tự do này là có thể cho phép, ví dụ trong trường hợp tể người, tự tể thần, cắt bộ phận sinh dục nữ, nô lệ, cưỡng ép mại dâm, các hoạt động lật đổ và các hành vi khác đe dọa đến sức khỏe con người và sự nguyên vẹn của cơ thể.

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN

Nhà nước và niềm tin

Một trong những khác biệt chủ yếu trên toàn thế giới về sự bảo vệ các tự do tôn giáo chính là vấn đề mối quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo hay tín ngưỡng. Có một vài kiểu khuôn mẫu cơ bản về cách thức các quốc gia thể hiện mối quan hệ với tín ngưỡng: tôn giáo của quốc gia, thành lập các nhà thờ, sự trung lập của nhà nước về các tín ngưỡng và cơ quan thể chế của họ, không theo một tôn giáo chính thức nào, tách biệt giữa nhà thờ và nhà nước, và bảo vệ các nhóm tôn giáo được thừa nhận hợp pháp.

Các tiêu chuẩn quốc tế không quy định bất cứ một hình mẫu đặc thù nào về mối quan hệ giữa nhà nước và tín ngưỡng. Những tiêu chuẩn này không đòi hỏi một ảo tưởng về các xã hội không tôn giáo, mà ở đó loại trừ tôn giáo khỏi các vấn đề xã hội cộng đồng mặc dù sự tách biệt tôn giáo tín ngưỡng với nhà nước là tính chất đặc thù chủ yếu của các xã hội hiện đại (phương Tây).

Duy chỉ có một yêu cầu quốc tế chung, đó là những mối quan hệ này không được dẫn đến phân biệt đối xử đối với những tôn giáo không thuộc tôn giáo chính thức hay những tôn giáo tín ngưỡng đã được công nhận về mặt pháp lý. Tuy nhiên, ở các nước mà chỉ có một tôn giáo được nhận biết là tôn giáo quốc gia, thì khó có thể thấy việc duy trì sự đối xử bình đẳng đối với các tôn giáo tín ngưỡng khác hay tôn giáo tín ngưỡng thiểu số.

Theo các quan điểm phương Tây, mối quan hệ bình đẳng đối với tất cả các tôn giáo trong một quốc gia chủ yếu là để đảm bảo sự bảo vệ đầy đủ tự do tôn giáo cho các cá nhân. Trái lại, luật Đạo Hồi truyền thống Shariah, lại kết nối giữa

nhà nước và tôn giáo tín ngưỡng bởi vì hệ thống này được cho là sẽ cung cấp sự bảo vệ tốt hơn cho tự do tôn giáo của cộng đồng. Tuy nhiên, cũng có thể có ý kiến tranh luận rằng ở nơi mà quốc gia được liên kết với một nhà thờ hay tôn giáo đặc biệt, thì quyền của các tín đồ thuộc các thiểu số tôn giáo gần như khó có thể được sự bảo vệ bình đẳng.

Câu hỏi thảo luận

- Quốc gia của bạn có thái độ như thế nào đối với các tôn giáo tín ngưỡng khác nhau?
- Quốc gia của bạn có ghi nhận các thể chế của các tôn giáo khác không?
- Bạn có nghĩ là có thể thiết lập một hệ thống bình đẳng cho các tôn giáo tín ngưỡng trong khi giữ đặc quyền cho một tôn giáo?
- Bạn có nghĩ là sẽ hợp pháp nếu cho phép các đảng chính trị tôn giáo thành lập và hoạt động?

Bội giáo - Tự do lựa chọn và thay đổi tôn giáo

Hành động bội giáo - từ bỏ một tôn giáo để đi theo tôn giáo khác hay một phong cách sống không tôn giáo - là một vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất giữa các nền văn hóa mặc dù đã có các tiêu chuẩn quốc tế hết sức rõ ràng quy định vấn đề này.

Một người được coi là tín đồ bội giáo nếu họ từ bỏ một tôn giáo, và hoặc để đi theo một tôn giáo khác hoặc theo một phong cách sống không tôn giáo. Trước đây, trong lịch sử đạo Hồi, đạo Cơ đốc, và các tôn giáo khác có một cách nhìn rất bi quan về tín đồ bội giáo. Hình phạt thường là hành quyết.

Ngày nay, trong đạo Hồi sự bội giáo vẫn bị trừng phạt nghiêm khắc ở nhiều quốc gia nơi mà xã hội của họ dựa trên cơ sở luật Shariah. Các quốc gia như Pakistan, Ả Rập Xêút, và Ai Cập chỉ ủng hộ số đông và có thể sẽ áp dụng hình phạt tù chung thân hay tử hình nếu các tín đồ từ chối tín ngưỡng đạo Hồi một cách công khai. Trên thực tế, điều này có nghĩa là các tín đồ sẽ không có sự tự do lựa chọn và thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng của họ.

Điều này rõ ràng đã mâu thuẫn với luật quốc tế về quyền con người. Một người có quyền tự do lựa chọn tôn giáo tín ngưỡng của họ mà không phải chịu một áp lực nào. Sự tranh luận về vấn đề này thường mang tính xúc cảm cao và nhạy cảm bởi vì nó động chạm đến khía cạnh nhận thức sâu sắc và những cách hiểu khác nhau về tự do tôn giáo. Nó minh họa cho sự khác biệt văn hóa trong nhận thức về tự do tôn giáo và các tự do khác.

Nhập đạo - Quyền phổ biến về tín ngưỡng

Bạn có quyền phổ biến tín ngưỡng của bạn và khuyến khích mọi người chuyển từ tín ngưỡng này sang tín ngưỡng khác với điều kiện bạn không sử dụng sự ép buộc hay áp lực nào. Hành động này gọi là nhập đạo hay khiến ai từ bỏ một tôn giáo tín ngưỡng để theo một tôn giáo tín ngưỡng khác.

Ở Trung Âu, Đông Âu và châu Phi xung đột đã xuất hiện giữa các nhà thờ địa phương và các tôn giáo ngoại nhập đang tìm cách cổ động những chương trình truyền giáo. Trong một số trường hợp nhất định, chính phủ đã cấm các hoạt động như vậy. Luật về quyền con người yêu cầu rằng các chính phủ phải bảo vệ quyền tự do biểu đạt, và các tín đồ được tự do có hành động nhập đạo theo các hình thức không cưỡng ép, như “đơn thuận kêu gọi đi theo một tín ngưỡng” hay trưng bày những áp phích hay thông cáo, yết thị.

Ép buộc một ai đó chuyển sang một tôn giáo tín ngưỡng khác rõ ràng là một sự xâm phạm quyền con người, nhưng vấn đề được phép tự do đến mức độ nào thì vẫn chưa được quy định trong luật quốc tế. “Hoàn cảnh cưỡng ép” sẽ phải được sử dụng để hạn chế sự nhập đạo: ví dụ sử dụng tiền, quà biếu hay những đặc quyền nhằm làm cho một người chuyển đổi tôn giáo tín ngưỡng của mình, hay nhập đạo ở những nơi mà mọi người theo yêu cầu của luật pháp (ví dụ lớp học, kho quân sự, nhà tù hoặc những nơi tương tự).

Kích động lòng căm thù tôn giáo và tự do biểu đạt

Đầu năm 2006, các nhóm tự do dân sự ở nước Anh kêu gọi rằng “Dự luật mới về lòng căm

thù chủng tộc và tôn giáo” - giới thiệu sự vi phạm mới về “kích động lòng căm thù tôn giáo” - không được ngăn cản quyền phê phán tín ngưỡng tôn giáo và thực hành tôn giáo như một phần của tự do biểu đạt. Dự thảo này sau đó đã được sửa đổi.

Tự do biểu đạt và tự do thông tin

Từ chối nhập ngũ theo nghĩa vụ quân sự vì cho rằng điều này trái với đạo lý

Tranh luận mang tính liên văn hóa vẫn tiếp tục về vấn đề gọi là từ chối nhập ngũ theo nghĩa vụ quân sự bắt buộc. Một người có thể được miễn nghĩa vụ quân sự nếu nghĩa vụ sử dụng một biện pháp gây chết người là mâu thuẫn nghiêm trọng với tôn giáo tín ngưỡng của người đó. Có thể thấy một vài xu hướng ghi nhận quyền này trong pháp luật ở một số quốc gia nơi có những hình thức nghĩa vụ cộng đồng khác để lựa chọn (như ở Úc, Pháp, Canada hay Hoa Kỳ). Tuy nhiên, ở các quốc gia khác như Hi Lạp, Chi Lê hay đặc biệt Ixraen thì không chấp nhận việc từ chối thực hiện nghĩa vụ quân sự như vậy và một người có thể bị bỏ tù vì từ chối không chịu mang vũ khí lên người.

Câu hỏi thảo luận

- Ở nước bạn có tù nhân tôn giáo tín ngưỡng không?
- Bạn có nghĩ rằng cần phải có quyền từ chối giết người được thừa nhận một cách rõ ràng trong luật quốc tế về quyền con người không?

4. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Vấn đề chính của việc thực hiện tự do tôn giáo là thiếu sự thực thi hiệu quả Điều 18 của ICCPR. Tuyên ngôn Liên hiệp quốc năm 1981 về xóa bỏ tất cả mọi hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử dựa trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng đã đưa ra những điều khoản chi tiết hơn mang lại những ảnh hưởng về mặt pháp lý nhất định bởi vì nó có thể được coi như là sự khởi đầu

của luật tập quán quốc tế. Tuy nhiên, nhìn chung, tuyên ngôn không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý. Mặc dù đã có sự thống nhất ở cấp độ quốc tế về sự cần thiết phải có một điều ước nhưng vẫn chưa đạt được sự đồng thuận về các nội dung cần được đề cập trong điều ước.

Báo cáo viên đặc biệt về không khoan dung tôn giáo đã được bổ nhiệm năm 1986 để giám sát việc thực hiện Tuyên ngôn năm 1981. Nhiệm vụ chính của Báo cáo viên đặc biệt là để nhận biết các trường hợp vi phạm hay các hành động của chính phủ không phù hợp với các điều khoản của Tuyên ngôn và để đưa ra gợi ý đề xuất về biện pháp khắc phục mà các nhà nước nên thực hiện. Sự đàn áp và phân biệt đối xử về tôn giáo có ảnh hưởng không những chỉ đối với các cá nhân mà còn cả cộng đồng trên toàn thế giới ở tất cả các tôn giáo. Nó có thể là những hành động xâm phạm vào nguyên tắc không phân biệt và không khoan dung trong tôn giáo và tín ngưỡng, cho tới những hành động tấn công vào quyền sống, quyền được toàn vẹn về mặt cơ thể và an ninh con người của các cá nhân.

Các văn kiện về quyền con người của khu vực cũng đề cập đến tự do tôn giáo, như: Ủy ban châu Phi về quyền con người đã quyết định các trường hợp liên quan đến Xudan rằng việc áp dụng luật Shariah phải phù hợp với quy định nghĩa vụ quốc tế.

Biện pháp ngăn ngừa và chiến lược trong tương lai

Trước khi tiếp tục công việc soạn thảo một điều ước mang tính ràng buộc pháp lý, Tuyên ngôn năm 1981 của Liên hiệp quốc về xóa bỏ mọi hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng cần phải được tăng

cường thực hiện, nhằm phát triển một nền văn hóa thừa nhận sự tồn tại chung của đa tôn giáo. Cần phải coi trọng và nhấn mạnh vào vai trò của giáo dục như một phương thức thiết yếu để đấu tranh chống lại sự không khoan dung và phân biệt đối xử. Theo luật quốc tế, các quốc gia có nhiệm vụ phải đương đầu với sự vi phạm, bạo lực và phân biệt đối xử trong vấn đề về tôn giáo. Các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tôn giáo hay phi tôn giáo đều có vai trò rõ ràng bình đẳng trong việc nêu lên những vi phạm của nhà nước hay các tổ chức khác trong việc bảo vệ những người bị đàn áp, và khuyến khích tăng cường sự khoan dung thông qua các chiến dịch thông tin, nâng cao nhận thức, các chương trình giáo dục và giảng dạy.

Chúng ta có thể làm gì?

Chúng ta có thể bắt đầu ngăn ngừa sự phân biệt và sự ngược đãi tôn giáo bằng việc tôn trọng quyền của những người khác. Sự khoan dung tôn giáo đề cập đến việc tôn trọng tín đồ của các tín ngưỡng khác, không quan trọng việc chúng ta nghĩ tín ngưỡng của họ có thực hay không. Văn hóa khoan dung và tôn trọng đòi hỏi chúng ta không được phân biệt, gièm pha, hay lăng mạ tôn giáo của những người khác và tôn trọng quyền cơ bản cho phép sự khác biệt cả trong lĩnh vực tôn giáo. Nó cũng có nghĩa là không được phân biệt đối xử với những người khác trong việc tuyển dụng, cư trú hay tiếp cận các dịch vụ xã hội bởi vì họ có một tín ngưỡng khác. Hơn thế nữa, để bắt đầu thay đổi thái độ, cần tiến hành những trao đổi đàm luận giữa các tôn giáo, cũng để tín đồ tôn giáo và những người không theo tôn giáo nào cùng gặp nhau ở một quan điểm chung và học cách tôn trọng nhau.

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT

Đối thoại giữa các tôn giáo về chủ nghĩa đa nguyên về tôn giáo



Trong một vài thập kỷ qua vấn đề về chủ nghĩa đa nguyên văn hóa và tôn giáo đã lại làm thức tỉnh mối quan tâm của các nhà thờ và các cộng đồng tín đồ tôn giáo. Mọi người đều cảm nhận sự cấp thiết về việc xây dựng những mối quan hệ mang tính sáng tạo giữa tín đồ của các tín ngưỡng khác nhau. Khi có nhiều mối quan tâm trong trao đổi đàm luận, cũng như sự gia tăng các thực hành thì các cộng đồng tôn giáo khác nhau cũng hiểu nhau và hợp tác với nhau chặt chẽ hơn trong giáo dục, giải quyết các mâu thuẫn và trong cuộc sống hàng ngày của cộng đồng. Các tổ chức phi chính phủ quốc tế đã có nhiều hoạt động tăng cường đối thoại tôn giáo và hòa bình chẳng hạn như:

- Hội đồng Nhà thờ thế giới.
- Hội nghị thế giới về Tôn giáo và hòa bình (WCRP) với nhóm công tác thường trực về “tôn giáo và quyền con người”.
- Nghị viện thế giới về tôn giáo.
- Quỹ Đạo đức toàn cầu.
- Hội các Hội đồng liên tôn giáo toàn thế giới

Rất nhiều các sáng kiến trong khu vực và quốc gia đang hỗ trợ giải quyết xung đột và ngăn ngừa mâu thuẫn thông qua đối thoại trên toàn thế giới:

- Ở Trung Đông, giới Tăng lữ vì hòa bình đã nhóm họp các giáo sĩ Do Thái, các linh mục, mục sư, và thầy tế (Hồi giáo) ở Ixraen và ở Bờ Đông để có hành động chung và làm nhân chứng cho hòa bình và sự công bằng trong khu vực;
- Ở Nam Ấn Độ, Hội đồng Cầu nguyện Đức chúa Trời đã nhóm họp các tôn giáo đạo Hindu, đạo Cơ Đốc, đạo Hồi, đạo Phật, đạo Jana, đạo Zoroastria, đạo Do Thái, và đạo Sic trong một

nỗ lực giải quyết tình trạng mâu thuẫn cộng đồng (chủ nghĩa công xã);

- Ở Thái Bình Dương, Tổ chức Tìm kiếm liên tôn giáo đã nhóm họp các đại diện của nhiều tôn giáo ở Fiji để tìm kiếm giải pháp vượt qua những thành kiến và tăng cường sự tôn trọng và ghi nhận lẫn nhau;
- Ở châu Âu, “Dự án: Châu Âu liên tôn giáo” là hình thức đầu tiên thuộc dạng này đã mời các nhà chính trị và đại diện của các tôn giáo khác nhau ở các khu vực trên toàn châu Âu về nhóm họp ở thành phố Graz và Sarajevo;
- Thành phố Graz đã thành lập Hội đồng các vấn đề liên tôn giáo, nhằm thảo luận các vấn đề liên tôn giáo và tư vấn cho thành phố cách thức pháp giải quyết các vấn đề đó.

Câu hỏi

“Trong đối thoại, nhận thức và cởi mở cần phải cân bằng”.

- Điều này có thể được tiến hành như thế nào, trên phương diện cá nhân và trong một cộng đồng?

(Nguồn: **Đoàn Mục sư thế giới - Chỉ dẫn về đối thoại giữa các tôn giáo**. Tại địa chỉ: <http://www.pcusa.org/pcusa/wmd/eir/dialog.htm>)

“Tôn giáo vì hòa bình” thông qua giáo dục



Giáo dục liên tôn giáo đã giúp khuyến khích sự tôn trọng tôn giáo khác và giúp cho sinh viên gạt bỏ được những rào cản thành kiến và không khoan dung.

- Ở Ixraen, một dự án gọi là “Những giá trị chung/Nguồn khác biệt” đã tập hợp những tín đồ theo đạo Do Thái, đạo Hồi và đạo Cơ đốc cùng nghiên cứu các văn bản trong kinh thánh nhằm tìm ra những giá trị chung để họ có thể

thực hành trong cuộc sống hàng ngày, và cuối cùng là để soạn thảo ra một cuốn sách làm giáo trình cho việc giảng dạy ở lớp học;

- Ở Thái Lan và Nhật Bản, Nhóm Đạo đức Thanh niên lãnh đạo đã tập hợp những đại diện của các cộng đồng tôn giáo ở những nước đó để tham dự một chương trình đào tạo về tầm nhìn của lãnh đạo, về quy tắc đạo đức, luân thường đạo lý, về phục vụ cộng đồng, và về củng cố tăng cường hòa giải;
- Ở Đức, Anh và các quốc gia khác, các nhà giáo dục đang phân tích các giáo trình giảng dạy ở trường nói về ứng xử của các truyền thống tôn giáo vốn vẫn còn xa lạ với những sinh viên mà các giáo trình dự định nhằm tới.

2. XU HƯỚNG

Các dị giáo, giáo phái và phong trào tôn giáo mới

Phó Tổng thống chỉ trích nhóm quần chúng đã tấn công vào giáo phái đạo Hồi

Jarkata (ngày 16 tháng 7 năm 2005): Phó Tổng thống Yusuf Kalla vào hôm thứ bảy đã chỉ trích một vụ tấn công của khoảng 1.000 tín đồ đạo Hồi vào trụ sở của một giáo phái đạo Hồi ít người biết đến và bị lên án là dị giáo so với các nhóm đạo Hồi chính thống trên toàn thế giới. Được trang bị gậy gộc và gạch đá, nhóm dân chúng này đã tấn công vào trụ sở của giáo phái Ahamadiyah ở thị trấn Bogor, ngay phía Nam của Jakarta, phá hoại làm hư hỏng văn phòng và nơi cư ngụ. Cảnh sát đã cố gắng ngăn chặn vụ tấn công, nhưng bị áp đảo bởi nhóm dân chúng đông người hơn.

(Nguồn: **Thời báo Indonexia**. Tại địa chỉ: <http://www.indonesia-ottawa.org/information/details.php?type=news&id=1220>)

Tự do tôn giáo không chỉ được giải thích theo phạm vi hẹp với nghĩa các tôn giáo truyền thống

trên thế giới. Các phong trào tôn giáo mới hoặc các tôn giáo thiểu số cũng phải được hưởng sự bảo vệ bình đẳng. Nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi các phong trào tôn giáo mới lại trở thành mục tiêu cho sự phân biệt và đàn áp. Các phong trào mới như vậy được biết đến bởi một vài thuật ngữ tên gọi khác nhau và cần phải được kiểm tra, giám sát chặt chẽ.

Thuật ngữ “Dị giáo” và “Giáo phái” được sử dụng để chỉ các nhóm tôn giáo khác với tín ngưỡng và thực hành của tôn giáo chính thống. Cả hai thuật ngữ này đều rất mơ hồ nhưng “giáo phái” thường là để chỉ một nhóm tôn giáo không chính thống được tách ra khỏi tôn giáo chính, trong khi “dị giáo” nói chung được coi như một hệ thống các tín ngưỡng tôn giáo giả mạo và không chính giáo, và thường đề ra những lễ nghi khác thường.

Bởi vì, cả hai thuật ngữ này được định nghĩa theo cách “khác với tiêu chuẩn”, nên các tín ngưỡng khác nhau cũng sẽ có quan điểm khác nhau về việc hình thành một giáo phái hay một dị giáo. đạo Phật và đạo Hindu sử dụng các thuật ngữ này trên quan điểm trung lập, trong khi ở thế giới phương Tây, “dị giáo” hay “giáo phái” thường được sử dụng với nghĩa tiêu cực. Quan điểm này không chỉ xuất phát từ sự khác nhau giữa các nhóm này so với nhóm tiêu chuẩn, mà còn bởi vì chúng thường được liên kết với sự lạm dụng hay cố gắng về mặt tài chính. Và các nhóm được thành lập như các tổ chức kinh doanh thương mại hơn là các nhóm tôn giáo thì sẽ không được bảo vệ bởi tự do tôn giáo. Một điển hình nổi tiếng và gây nhiều tranh cãi là Nhà thờ khoa học ở một vài nước – như ở Đức được nhiều người biết nhất – không được công nhận như một nhà thờ bởi vì người ta cho đó là một đơn vị kinh doanh giống một công ty.

Câu hỏi thảo luận

- Các tín ngưỡng thiểu số có được bảo vệ ở nước bạn không, và nếu có thì được bảo vệ

như thế nào?

- Họ có được bình đẳng trong các quyền/và được hỗ trợ như (các) tín ngưỡng chủ đạo không?

Phụ nữ và tín ngưỡng

Trong suốt quá trình lịch sử, phụ nữ bị hầu hết tất cả các tín ngưỡng phân biệt đối xử. Và chỉ gần đây vấn đề tự do về tôn giáo của họ mới được đề cập đến. Phụ nữ bị phân biệt đối xử kép trong tôn giáo. Họ có thể thiếu tự do khi biểu lộ tín ngưỡng của mình, bởi vì họ không được bình đẳng tiếp cận những nơi thờ cúng, để thuyết giáo hay để lãnh đạo. Thêm vào đó, họ có thể trở thành nạn nhân của một vài tín ngưỡng, niềm tin nhất định nào đó vào bất cứ lúc nào, luật giáo, hành xử tôn giáo và tục lệ tôn giáo đều có thể trừng phạt hay thậm chí đe dọa cuộc sống của họ:

- Tỷ lệ nữ thanh niên bị xâm phạm ở các vùng nông thôn Ai Cập là 97%. Tục cắt bỏ âm vật phụ nữ (FGM) là một tập tục văn hóa ở nhiều quốc gia, và bị phản đối kịch liệt vì không phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ quyền con người. Tập tục này có thể làm xuất hiện nhiều vấn đề trầm trọng về sức khỏe. Tuy nhiên, ở vùng này đã có một tiến bộ vào tháng 6 năm 2003 khi Tuyên bố Cairo về xóa bỏ xâm phạm tình dục đối với phụ nữ tại Hội nghị Nhóm chuyên gia tư vấn liên châu Phi - Ả Rập về “Công cụ luật pháp cho việc ngăn ngừa xâm phạm tình dục đối với phụ nữ” được ký kết bởi các đại diện của 28 nước châu Phi và Ả Rập chịu ảnh hưởng của tục cắt bỏ âm vật phụ nữ.
- Hôn nhân cưỡng ép dẫn tới tình trạng nô lệ diễn ra ở nhiều quốc gia trên thế giới. Yêu cầu phải có sự đồng ý của phụ nữ trong hôn nhân không được tôn trọng. Đôi khi “các bà vợ” vẫn còn là những đứa trẻ con. Hôn nhân cưỡng ép cũng tồn tại ở một số nhóm nhất định ở châu Âu và Bắc Mỹ, được bảo vệ và dung thứ dưới danh nghĩa văn hóa, truyền thống và tôn giáo mặc dù đã có những lệnh cấm chung ở các quốc gia đó.
- Cưỡng dâm như một hình thức “thanh trừ sắc tộc”: một bộ phận nạn nhân tôn giáo trong

nhiều trường hợp là do phong trào khởi xướng cưỡng dâm ở Nam Tư cũ, Georgia, Xudan, Ganda, Chechnia. Sự mang thai do ép buộc của những người phụ nữ bị cưỡng dâm là nhằm đảm bảo họ đã bị đánh dấu cho mọi người biết là họ đã bị cưỡng dâm, và vì vậy rất xấu hổ và bị mất danh dự. Con cái do họ đẻ ra lại tiếp tục bị phân biệt đối xử.

Chủ nghĩa cực đoan về tôn giáo và các ảnh hưởng của nó

Sau vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 vào Trung tâm Thương mại thế giới và Lầu Năm Góc, và cũng sau vụ khủng bố ngày 07 tháng 7 năm 2005 vào hệ thống tàu điện ngầm của London, nạn khủng bố có vẻ như đã khai thác triệt để tín ngưỡng tôn giáo hơn lúc nào hết. Nhiều người đã kết luận rằng những sự kiện bi kịch này chỉ là sự đánh dấu đỉnh điểm của khối băng chìm trong mối liên hệ giữa tín ngưỡng và nạn khủng bố: các vụ không tặc máy bay, các vụ đánh bom sứ quán của các nước phương Tây ở các quốc gia đạo Hồi, chứ không đề cập đến “vấn đề Ixraen/Palestin” và các mâu thuẫn “không gay gắt lắm” trên toàn thế giới, và nhóm lên các phong trào tôn giáo vì mục đích lý do chính trị.

Tuy nhiên, sự liên hệ này rất nguy hiểm. Nó chia thế giới ra làm hai kịch bản “tốt” và “xấu” và đóng mác lên mọi người theo tín ngưỡng của họ. Nhưng không phải tất cả những tên khủng bố hay những người theo chủ nghĩa cực đoan đều theo tôn giáo cũng như không phải tín đồ nào cũng là những tên khủng bố. Khi các vụ tấn công của chủ nghĩa cực đoan được liên hệ với tín ngưỡng, với những tên phạm tội nói rằng chúng phạm tội ác vì “nhân danh đức chúa Trời”, tôn giáo và sự tự do tôn giáo đã bị sử dụng và lợi dụng để trá hình cho các hành động hay yêu cầu mang động cơ chính trị.

Sự cầu viện đến khủng bố dưới danh nghĩa tín ngưỡng tôn giáo không biểu thị sự mâu thuẫn của các nền văn hóa khác nhau dựa trên cơ sở các tín ngưỡng, tôn giáo, bởi vì chủ nghĩa cực đoan là mối đe dọa toàn cầu không chỉ được giới hạn trong bất cứ một xã hội hay một tôn giáo đặc biệt

nào, mà nó dựa trên cơ sở không khoan dung và không cần biết đến ai.

Chỉ có một phương cách duy nhất để chiến đấu một cách hiệu quả với mọi hình thức của chủ nghĩa cực đoan, đó là tìm cách phá vỡ cái vòng luẩn quẩn rằng sự bạo lực sẽ lại gây ra nhiều bạo lực hơn.

“Chỉ khi tôn giáo được sử dụng một cách sai lầm để biện minh cho nạn khủng bố, thì các hành động “chống khủng bố” của chính phủ mới được sai để biện minh cho các hành động dưới danh nghĩa quyền con người và tự do tôn giáo hay tín ngưỡng”.

(Nguồn: OSCE - Tự do tôn giáo và tín ngưỡng,
Tài địa chỉ: <http://www.osce.org/odihr/13434.html>)

Câu hỏi Thảo luận

- Các lý do chủ đạo dẫn đến mâu thuẫn trong và giữa các cộng đồng tôn giáo là gì? Bạn có thể đưa ra một vài lý do mà bản thân bạn từng chứng kiến.
- Theo bạn tín ngưỡng tôn giáo có vai trò gì trong việc tìm kiếm hòa bình và giải quyết xung đột? Hãy nghĩ về các ví dụ mà trong đó tôn giáo đóng vai trò là nhân tố hòa giải.

3. NIÊN BIỂU THỜI GIAN

Các mốc lịch sử quan trọng trong sự phát triển tự do tôn giáo

1776 Dự luật Virginia về các quyền, sửa đổi lần thứ nhất

1948	Tuyên bố về tự do tôn giáo của Hội đồng Nhà thờ thế giới
1948	Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người (Điều 2, khoản 18)
1948	Công ước về ngăn ngừa và trừng phạt tội diệt chủng (Điều 2)
1950	Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người và tự do cơ bản (Điều 9)
1965	Tuyên bố của Hội đồng Vaticăng về tự do tôn giáo
1966	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (Điều 18, 20, 24, 26)
1969	Công ước châu Mỹ về quyền con người (Điều 12, 13, 16f, 23)
1981	Hiến chương châu Phi về Quyền con người và quyền của các dân tộc (Điều 2, 8, 12)
1981	Tuyên bố của Liên hiệp quốc về xóa bỏ mọi hình thức không bao dung và Phân biệt đối xử trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng
1992	Tuyên bố của Liên hiệp quốc về quyền của người dân được thuộc về các dân tộc thiểu số, tôn giáo hay ngôn ngữ (Điều 2)
1993	Tuyên bố về đạo đức toàn cầu, được Nghị viện của Tổ chức Tôn giáo thế giới phê chuẩn ở Chicago
1994	Hiến chương các nước Ả Rập về quyền con người (Điều 26, 27)
1998	Hiến chương châu Á về quyền con người (Điều 6)
2001	Hội nghị Tư vấn quốc tế của Liên hiệp quốc về giáo dục trong trường học trong mối liên hệ với tự do tôn giáo và tín ngưỡng, sự khoan dung và không phân biệt (Madrid)
2001	Đại hội thế giới về duy trì bảo vệ sự đa dạng tôn giáo (New Delhi)

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỌN LỌC

HOẠT ĐỘNG I :

NGÔN TỪ LÀM TỔN THƯƠNG



Phần I: Lời giới thiệu

Hoạt động này nhằm thể hiện những giới hạn của tự do biểu đạt khi điều mà chúng ta làm hay nói động chạm mâu thuẫn với tín ngưỡng tôn giáo và cảm xúc của những người khác.

Loại hoạt động: thảo luận.

Phần II: Thông tin chung về hoạt động

Mục đích và mục tiêu:

- Phát hiện và thừa nhận cảm xúc tôn giáo của người khác.
- Tìm hiểu về các giới hạn của tự do biểu đạt.

Đối tượng: người đã trưởng thành.

Số lượng học viên: 8-25 người.

Thời gian: tối thiểu là một giờ.

Tài liệu: giá bảng giấy thuyết trình và bút viết bảng.

Chuẩn bị: chuẩn bị một giá bảng giấy và một cây bút viết.

Các kỹ năng liên quan: lắng nghe ý kiến người khác, nhạy cảm và chấp nhận ý kiến người khác.

Phần III: Thông tin cụ thể

Mô tả hoạt động/Hướng dẫn:

- Yêu cầu học viên nghĩ ra một danh sách những lời nói, lời phát biểu hay khuôn mẫu liên quan đến tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo của một ai đó, những tình huống câu nói mà họ biết có thể gây ra sự đau buồn. Lựa chọn một vài câu nói tồi tệ nhất và viết chúng lên bảng.
- Chia học viên thành nhóm 4 đến 6 người. Vài người của mỗi nhóm nên đọc câu nói đầu tiên. Nhóm cần chấp nhận rằng đây là câu

phát biểu đã làm tổn thương ai đó. Họ không được hỏi họ có nghĩ là câu nói đó mang tính xúc phạm hay không.

- Để cho cả nhóm thảo luận về lý do tại sao người bị xúc phạm có thể cảm giác theo cách mà mình đang có; thảo luận xem mọi người có được phép nói ra những câu như vậy không trong khi không thêm đếm xỉa gì đến hậu quả của nó; và nên xử sự, hành động thế nào khi điều này xảy ra.
- Lặp lại các hoạt động này cho mỗi câu nói.

Phản hồi:

- Học viên cảm thấy thế nào sau cuộc thảo luận? Việc thừa nhận các câu nói đã làm tổn thương đến những người khác và giữ im lặng có khó không?
- Những giới hạn gì nên được đặt ra về việc chúng ta có thể nói gì và ở mức độ nào suy nghĩ và tín ngưỡng của chúng ta? Liệu chúng ta có nên luôn luôn nói ra bất cứ điều gì mà chúng ta muốn hay không?

Gợi ý về phương pháp:

Đảm bảo rằng bạn luôn thận trọng khi tiến hành hoạt động này bằng cách không làm cho các câu phát biểu nặng nề thêm.

Gợi ý thay đổi:

Bạn cũng có thể tiến hành hoạt động kết thúc: một bức thư cho tất cả mọi người. Viết tên của học viên vào những mẫu giấy nhỏ, yêu cầu mọi người vẽ lên một mẫu giấy và viết một bức thư nói về những điều tốt đẹp về người đó - một kết cục thích hợp cho nhiều hoạt động thực hành nhằm gợi lên những tranh luận và cảm xúc.

Phần IV: Hoạt động tiếp theo

Nếu học viên còn tiếp tục làm việc với nhau thì hoạt động thực hành thích hợp có thể là để cho cả nhóm tìm kiếm và thiết lập các quy tắc giao tiếp/thảo luận và có thể viết ra giấy, rồi

đính ghim lên tường để tất cả mọi thành viên đều có cơ hội tham khảo lại bất cứ khi nào họ thấy cần thiết.

Các quyền liên quan: quyền tự do biểu đạt và quyền tự do thông tin

(Nguồn: **Liên hiệp quốc. 2004. Giảng dạy về quyền con người. Các hoạt động thực hành cho trường tiểu học và trung học.** Nhà xuất bản Liên hiệp quốc. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.ohchr.org/english/about/publications/training.htm>)

HOẠT ĐỘNG II: ĐỨC TIN CỦA NGƯỜI HÀNG XÓM VÀ CỦA TÔI



Phần I: Giới thiệu

Nguyên tắc không phân biệt đối xử và cấm sự không khoan dung trong các vấn đề về tôn giáo là chủ đề của hoạt động này.

Sẽ tốt nhất nếu làm việc với những học viên thuộc các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau.

Loại hình hoạt động: hoạt động đa nhiệm vụ.

Phần II: Thông tin chung về hoạt động



Mục tiêu và mục đích:

- Chỉ ra và hiểu rõ khái niệm khoan dung;
- Phân tích các khía cạnh của tự do tôn giáo;
- Phát triển các kỹ năng tưởng tượng và suy nghĩ sáng tạo.

Học hỏi về các tập quán tục lệ/văn hóa khác nhau

Nhóm đối tượng: Người đã trưởng thành. Hoạt động này cũng có thể được sử dụng cho sinh viên ở tất cả lứa tuổi và chỉ cần chỉnh sửa đôi chút.

Số lượng học viên trong nhóm: 5 - 30 người.

Thời gian: 2 - 4 giờ.

Chuẩn bị: một giá bảng giấy, giấy và bút vẽ.

Các kỹ năng cần sử dụng: các kỹ năng xã hội: nghe người khác phân tích, giao tiếp, tư duy phê

phán, đưa ý kiến của bản thân, suy nghĩ có chiều sâu, kỹ năng sáng tạo, tạo ra phép ẩn dụ, sử dụng các hình tượng minh họa.

Phần III: Thông tin cụ thể

Mô tả hoạt động/Hướng dẫn

Phần đầu tiên:

- *Hoạt động nhóm:* vẽ một bảng gồm 2 cột. Viết tiêu đề cho một cột là “khoan dung” và cột kia là “không khoan dung”. Yêu cầu học viên nghĩ về các ví dụ và viết dưới mỗi cột.
- Sau đó yêu cầu họ kiểm tra và so sánh hai cột (Mẹo: một trong những điều thường xảy ra là tất cả những định nghĩa và ví dụ dưới cột “khoan dung” lại kết thúc theo nghĩa “bị động” hơn là “chủ động”). Nếu điều này xảy ra hãy chỉ ra cho họ.
- Báo cáo về kinh nghiệm của bản thân mỗi học viên về sự không khoan dung: yêu cầu học viên mô tả tình huống không khoan dung mà họ có thể đã chứng kiến. Điều đó có thể được kiểm chế hay tránh như thế nào? Học viên có nghĩ là có một cách giáo dục mọi người về thái độ khoan dung hay không?

Phản hồi:

Khái niệm về sự khoan dung: so sánh hai cột, học viên có thể quan sát thấy điều gì? Định nghĩa chung về khoan dung hay không khoan dung cần phải bao gồm các yếu tố gì? Đặt câu hỏi cho học viên và ghi lại quan điểm chung của học viên. Sau đó cho học viên nghe phần đầu định nghĩa khái niệm về khoan dung trong Tuyên bố của Liên hiệp quốc về các nguyên tắc khoan dung: “khoan dung” là một thái độ tích cực và trách nhiệm nhằm thúc đẩy quyền con người, thuyết đa nguyên (kể cả đa nguyên văn hóa), dân chủ và nguyên tắc pháp quyền”.

Phần thứ hai:

- Tổ chức một nhóm họp gồm những người đến từ nhiều nền văn hóa. Yêu cầu mỗi học viên/nhóm nhỏ là đại diện cho một thành viên của các nhóm tâm linh hay tôn giáo khác nhau.
- Yêu cầu họ minh họa bằng cách vẽ tranh, đóng

kịch câm, hát, truyện tranh, diễn kịch ngắn hay một hình thức nào đó có thể thể hiện phong tục và tín ngưỡng của một tôn giáo.

- Cho học viên 20 phút để chuẩn bị.
- Yêu cầu họ trình bày về các phong tục khác nhau liên quan đến từng tôn giáo mà họ đại diện.

Phản hồi:

- Học viên có thể học được điều gì từ các phần trình bày? Các phần trình bày khác nhau có điểm gì chung?
- Học viên có thấy việc khoan dung, chấp nhận các tín ngưỡng tôn giáo khác có phần dễ dàng hơn sau khi đã có chút hiểu biết về các tín ngưỡng tôn giáo đó không?
- Cho học viên nghe đoạn trích thứ hai Tuyên bố của Liên hiệp quốc về các nguyên tắc khoan dung: “khoan dung” đòi hỏi các quốc gia thành viên phải cam kết giáo dục đào tạo công dân biết quan tâm đến người khác và có trách nhiệm, cởi mở với các nền văn hóa khác, thừa nhận giá trị của tự do, tôn trọng nhân phẩm và sự khác biệt, và có thể ngăn ngừa xung đột hoặc giải quyết các xung đột bằng các phương thức không bạo lực”.

Gợi ý về phương pháp:

Khi tiến hành phần hai của hoạt động cần chắc chắn là cả nhóm tôn trọng các tín ngưỡng tôn giáo của học viên. Vì lý do đó, bạn không nên sử dụng hoạt động này như một hoạt động “tìm hiểu về bạn”. Cũng nên đảm bảo rằng sự trình bày các tục lệ khác nhau không làm xúc phạm tổn thương đến cảm giác của những tín đồ khác vì sự phân biệt đối với họ. Giới thiệu hoạt động này bằng việc nói với học viên rằng các phần trình bày nên nhấn mạnh vào sự tôn kính, thờ phụng hay các lễ nghi chứ không nhằm vào việc phân tích tại sao những tôn giáo tín ngưỡng đó là “có thực”, “không thực” hay “tốt”, “xấu” gì. Nếu kể cả

khi bạn đã hướng dẫn mà các sinh viên/học viên vẫn bức tức phần nộ với cảm giác của người khác bị phân biệt, họ nên dừng ngay phần trình bày của mình mà không cần phải lo lắng về cảm giác của giảng viên - cho dù phần trình bày chưa đầy đủ... Sẽ tốt hơn nếu tất cả học viên cũng thoả thuận một tín hiệu chung (ví dụ như một mẩu giấy nhỏ màu đỏ như một đèn hiệu giao thông) để báo dừng phần trình bày có thể gây tổn thương hay đơn giản là dựa trên cơ sở một sự hiểu lầm hay thông tin sai lầm. Sau khi dừng phần trình bày phản thảo luận cần tiếp tục theo hướng mà hai bên đã tiến hành.

Gợi ý thay đổi:

Nếu bạn làm việc với trẻ em bạn có thể sử dụng cả hai phần của hoạt động thực hành và bỏ đi phần định nghĩa đề ra trong Tuyên bố của Liên hiệp quốc về các nguyên tắc khoan dung. Nếu bạn tiến hành tại trường học, bạn có thể hợp tác với các giảng viên mỹ thuật cho phần hai của hoạt động thực hành. Phần trình bày cũng có thể được thực hiện với chất liệu platixin (chất dẻo) hoặc các vật liệu khác.

Phần IV: Tiếp theo

Sau khi hoạt động này được tiến hành dựa trên cơ sở kinh nghiệm và sáng tạo, bạn có thể tiếp tục với một vài thông tin đầu vào mang tính trí tuệ, ví dụ một vài tài liệu về sự khoan dung/không khoan dung.

Các quyền liên quan/ Các khía cạnh khác cần tìm hiểu:

Phân biệt đối xử trên các khía cạnh khác như chủng tộc, màu da, giới tính, hay dân tộc.

(Nguồn: **Liên hiệp quốc - Dự án dạy và học toàn cầu Cyberschoolbus**. Tại địa chỉ: <http://www0.un.org/cyberschoolbus/humanrights/declaration/18.asp>)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abduljalil Sajid, Imam. 2005. *Islamophobia: Một thế giới mới cho một sự sợ hãi cũ*. Tài liệu có tại địa chỉ:

http://www.osce.org/documents/cio/2005/06/15198_en.pdf

Ahdar, Rex. 2005. *Tự do tôn giáo ở quốc gia tự do.* Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford. **Ủy ban hỗn hợp Baptist** (người theo giáo phái chỉ rửa tội cho người lớn, không làm lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh). Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.bjcpa.org>

BBC. 2005. *Hôn nhân cưỡng chế "có thể bị cấm".* Tài liệu có tại địa chỉ:

http://news.bbc.co.uk/2/hi/uk_news/politics/4214308.stm

Black, Henry Campbell. 1990. *Từ điển luật pháp Black.* Xuất bản lần thứ 6. Eagan: Nhóm phương Tây.

Tuyên bố Cairo về xóa bỏ tục cắt bỏ âm vật phụ nữ. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.childinfo.org/areas/fgmc/docs/Cairo%20declaration.pdf>

Trung tâm Tự do Tôn giáo - Ngôi nhà tự do. 2005. *Nhà xuất bản Xê út về tư tưởng gây hấn tràn khắp các Nhà thờ Hồi giáo ở Hoa Kỳ.* Washington. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://freedomhouse.org/religion/pdfdocs/FINAL%20FINAL.pdf>

Dũng cảm từ chối. 2004. *Những người lính dự bị có 28 ngày để từ chối thực hiện nghĩa vụ ở dải Gaza - Lily Galili và Charlotte Halle.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.seruv.org.il/english/article.asp?msgid=204>

Tuyên bố của Hội đồng Vatican về tự do tôn giáo. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_decl_19651207_dignitatis-humanae_en.html

Tuyên bố của Hội đồng Nhà thờ thế giới về tự do tôn giáo. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.religlaw.org/interdocs/docs/wccdecrelib1948.html>

Evans, Malcolm D. và Rachel Murray (Chủ biên). 2002. *Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc. Hệ thống trên thực tế. 1986-2000.* Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Gahrana, Kanan. 2001. *Quyền tự do tôn giáo: Một nghiên cứu về chủ nghĩa thế tục ở Ấn Độ (đấu tranh cho tính không tôn giáo của nhà trường).* Denver: Nhà xuất bản Học thuật quốc tế.

Học viện phi tôn giáo hóa nhà trường của xã hội Hồi giáo. *Con ác mộng của nữ thanh niên trong các*

gia đình Đạo Hồi: Hôn nhân cưỡng ép ở châu Âu. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.secularis-lam.org/women/nightmare.htm>

Krishnaswami, Arcot. 1960. *Nghiên cứu về Sự phân biệt đối xử trong vấn đề quyền và thực hành tôn giáo.* New York: Nhà xuất bản Liên hiệp quốc.

Küng, Hans và Karl-Josef Kuschel (chủ biên). 1993. *Đạo đức toàn cầu. Tuyên bố của Nghị viện Tôn giáo thế giới.* London: Thẻ liên tục.

Marshall, Paul. 2000. *Tự do tôn giáo trên thế giới: Báo cáo toàn cầu về tự do và đàn áp.* Nashville: Broadman & Holman.

Lerner, Natan. 2000. *Tôn giáo, tín ngưỡng và quyền con người quốc tế.* New York: Sách của Orbis.

OSCE. 2005. *Đóng góp của Giáo sư Ekmeleddin Ihsanoglu, Tổng Thư ký Tổ chức các Hội nghị Đạo Hồi, vào tiến trình phiên họp thứ 4 của Hội nghị O.S.C.E. về chống chủ nghĩa Xêmit (chủ nghĩa của nhóm chủng tộc gồm người Do thái và người Ả rập) và về các dạng thức của sự không khoan dung.* Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.osce.org/documents/cio/2005/06/15198_en.pdf

OSCE. 2005. *Hội nghị OSCE về chống chủ nghĩa Xêmit và về các hình thức khác của sự không khoan dung.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.osce.org/item/9735.html>

OSCE. 2002. *Tự do tôn giáo và tín ngưỡng.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.osce.org/odihr/13434.html>

Tôn giáo vì hòa bình: <http://www.wcrp.org>

Liên hiệp quốc. 2004. *Các quyền dân sự và chính trị, bao gồm cả sự không khoan dung trong tôn giáo.* Báo cáo do Ông Adel-fattah Amor, Báo cáo viên đặc biệt về tự do tôn giáo và tín ngưỡng đưa ra. E/CN.4/2004/63. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.ohchr.org/english/issues/religion/annual.htm>

Liên hiệp quốc. 2004. *Các quyền chính trị và dân sự, bao gồm cả sự không khoan dung trong tôn giáo.* Báo cáo của Asma Jahangir, Báo cáo viên đặc biệt về tự do tôn giáo và tín ngưỡng. E/CN.4/2005/61. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.ohchr.org/english/issues/religion/annual.htm>

Liên hiệp quốc. 2003. *Các quyền tự do về chính trị và dân sự, bao gồm cả sự không khoan dung trong tôn giáo. Báo cáo của Adel-fattah Amor, Báo cáo viên đặc biệt về tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng theo nghị quyết của Ủy ban quyền con người 2002/40. E/CN.4/2003/66.* Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.ohchr.org/english/issues/religion/annual.htm>

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. 2005. *Báo cáo về chống chủ nghĩa Xêmit trên toàn cầu.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.state.gov/g/drl/rls/40258.htm>

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. 2001. *Ai Cập: Báo cáo về tục cắt bỏ âm vật phụ nữ.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.state.gov/g/wi/rls/rep/crfgm/10096.htm>

Đại hội thế giới về bảo tồn sự đa dạng trong tôn giáo. Tài liệu có tại địa chỉ :

http://www.infinityfoundation.com/mandala/s_ot/s_ot_world_congress.htm

Đoàn mục sư thế giới - Hướng dẫn về đối thoại giữa các tín ngưỡng khác nhau. Tài liệu có tại địa chỉ : <http://www.pcusa.org/pcusa/wmd/eir/dialog.htm>

Yinger, J. Milton. 1970. *Nghiên cứu khoa học về tôn giáo.* New York: McMillan.

CÁC THÔNG TIN THAM KHẢO

Liên đoàn chống sự phỉ báng. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.adl.org>

Cookson, Catharine (chủ biên). 2003. *Bách khoa toàn thư về tự do tôn giáo.* New York: Routledge.

Hội đồng Nghị viện của Tôn giáo thế giới. Địa chỉ: <http://www.cpwr.org/>

Quỹ Đạo đức toàn cầu: <http://www.weltethos.org>

Tổ chức theo dõi quyền con người. Địa chỉ: <http://www.hrw.org/doc/?t=religion>

Tổ chức theo dõi quyền con người. 2005. *Sự tàn phá làm bùng lên phong trào trấn áp tôn giáo Uighurs ở Xinjiang.*

Địa chỉ <http://hrw.org/reports/2005/china0405>

Quyền con người không biên giới quốc tế. Trang web: <http://www.hrwf.net>

Hiệp hội Quốc tế về tự do tôn giáo.

Địa chỉ : <http://www.iarf-religiousfreedom.net>

Hiệp hội tự do tôn giáo quốc tế.

Địa chỉ: <http://www.irla.org/index.html>

Tập san Tôn giáo và xã hội. Địa chỉ: <http://www.creight-on.edu/JRS>

Tập san Marburg về tôn giáo. Địa chỉ: <http://web.uni-marburg.de/religionswissenschaft/journal/mjr/welcome.html>

Các nhà tư vấn Ontario về tự do tôn giáo: Địa chỉ: <http://www.religioustolerance.org>

OSCE. 2004. *Hội nghị OSCE về chống chủ nghĩa Xêmit. PC.DEL/696/04/Rev.1.* Địa chỉ http://www.osce.org/documents/cio/2004/07/3349_en.pdf

OSCE. 2004. *Hội nghị OSCE về sự khoan dung và chiến đấu chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự bài ngoại và phân biệt. PC.DEL/949/04.* Địa chỉ: http://www.osce.org/documents/cio/2004/10/3728_en.pdf

OSCE. 2004. *Cuộc họp OSCE về mối quan hệ giữa truyền chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự bài ngoại, chống chủ nghĩa Xêmit trên Internet và các tội phạm gây hấn. PC.DEL/918/04/Corr.1.* Tài liệu có tại địa chỉ:

http://www.osce.org/documents/cio/2004/09/3642_en.pdf

Saeed, Abdullah và các tác giả khác. 2004. *Tự do tôn giáo, bỏ đạo và đạo Hồi.* Aldershot: Nhà xuất bản Ashgate.

Scalabrino, Michelangela. 2003. *Bộ luật Quốc tế về Tự do tôn giáo.* Leuven: Peeters.

Soka Gakkai Quốc tế. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.sgi.org>

Liên hiệp quốc 2001. *Hội nghị tư vấn quốc tế về giáo dục trong nhà trường về mối liên hệ với tự do tôn giáo và tín ngưỡng, sự khoan dung và không phân biệt đối xử.* Tài liệu có tại địa chỉ :

<http://www.unhchr.ch/html/menu2/7/b/main.htm>

Ủy ban về tự do tôn giáo quốc tế của Hoa Kỳ. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.uscirf.gov>

Ủy ban về tự do tôn giáo quốc tế của Hoa Kỳ. 2005. *Mối quan hệ giữa Nhà nước với tôn giáo và quyền tự do tôn giáo*

và tín ngưỡng: phân tích so sánh văn bản Hiến pháp của các quốc gia Hồi giáo. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.uscirf.gov/countries/global/comparative_constitutions/03082005/Study0305.pdf

Hội nghị thế giới về chống chủ nghĩa chủng tộc, phân biệt chủng tộc, sự bài ngoại và không khoan dung có liên quan. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.hri.ca/racism/meetings/declarsantiago.shtml>

Hội nghị thế giới về tôn giáo và hòa bình (WCRP). Tài liệu có tại: <http://www.wcrp.org>

QUYỀN GIÁO DỤC

TÍNH SẴN CÓ VÀ TIẾP CẬN BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI VIỆC TRAO QUYỀN HỌC TẬP THÔNG QUA QUYỀN GIÁO DỤC

“... Giáo dục phải hướng tới mục tiêu giúp con người phát triển đầy đủ nhân cách và tăng cường đối với các quyền và tự do cơ bản của con người...”

Điều 26 (2) Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, 1948.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Chuyện của Maya

“Tên tôi là Maya. Tôi 14 tuổi, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Vì nhà tôi đông anh em nên lúc tôi sinh ra, mọi người không vui.

Khi còn nhỏ, tôi đã học cách giúp mẹ và các chị làm việc nhà. Tôi quét nhà, giặt quần áo và xách nước, lấy củi. Một số bạn được chơi ở bên ngoài, nhưng tôi không được đi chơi với các bạn ấy. Tôi rất vui khi được đi học. Tôi có thêm nhiều bạn mới và lại được học đọc, học viết nữa. Nhưng khi lên lớp 4, bố mẹ không cho tôi đi học nữa. Bố bảo nhà không có tiền để trả học phí. Hơn nữa, tôi cũng cần phải ở nhà giúp mẹ và anh chị em. Nếu được lựa chọn, tôi mong mình là con trai.

Nguồn: Báo cáo Thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc 2000.

Vấn đề thảo luận



1. Những vấn đề chính trong tình huống này là gì? Bạn có cảm thấy thương cô bé Maya không? Theo bạn, có cách nào giúp cô bé thoát khỏi cảnh nghèo và được đi học?
2. Theo bạn có những lý do nào dẫn đến phần lớn người mù chữ là bé gái và phụ nữ?
3. Theo bạn có những loại kiến thức khác không? Nếu có, thì kiến thức nào là quan trọng? Vấn đề nào không xác đáng?
4. Bạn có nghĩ là quyền giáo dục hiện tại là một ưu tiên của cộng đồng quốc tế không?
5. Những ai có trách nhiệm xóa bỏ tình trạng kém hiểu biết, mù chữ và bằng cách nào?
6. Giáo dục có quan trọng đối với sự thụ hưởng các quyền con người khác không? Nếu có, tại sao?
7. Bạn có cho rằng giáo dục góp phần đem lại an ninh con người không? Nếu có, tại sao?



ĐIỀU CẦN BIẾT

1. GIỚI THIỆU

Tại sao giáo dục là một quyền con người?

Đến đầu thế kỷ XXI, có gần 1 tỷ người không biết đọc hay ký tên. Con số này chiếm đến 1/6 dân số thế giới, hoặc tương đương với toàn bộ dân số Ấn Độ. Con số này vẫn tiếp tục gia tăng.

Quyền giáo dục có thể được coi là “quyền trao quyền”. Quyền này đem lại cho cá nhân khả năng quyết định lớn hơn đối với cuộc sống của bản thân, và đặc biệt, kiểm soát được tác động của các hành vi của nhà nước đối với cá nhân. Nói cách khác, việc thực hiện quyền trao quyền tạo điều kiện để thụ hưởng các ích lợi của quyền lợi khác.

Sự thụ hưởng các quyền dân sự và chính trị, ví dụ: tự do thông tin, tự do ngôn luận, quyền bầu cử và được ứng cử cũng như nhiều quyền khác ít nhất phụ thuộc vào trình độ giáo dục tối thiểu. Tương tự, một số quyền kinh tế, xã hội và văn hóa như quyền được lựa chọn công việc, được thù lao tương xứng với công việc, quyền được thụ hưởng các lợi ích từ tiến bộ khoa học và công nghệ và quyền được học lên trình độ cao hơn dựa theo năng lực, chỉ có thể thực hiện được theo đúng nghĩa khi cá nhân đó đạt được trình độ giáo dục tối thiểu.

Điều đó cũng đúng đối với quyền được tham gia đời sống văn hóa. Đối với những dân tộc thiểu số về sắc tộc và ngôn ngữ, quyền giáo dục lại là một công cụ thiết yếu để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của họ.

Giáo dục cũng thúc đẩy (mặc dù không đảm bảo) sự hiểu biết, lòng khoan dung, tôn trọng và tình hữu nghị giữa các dân tộc, các nhóm sắc tộc, hoặc tôn giáo và có thể giúp tạo nên một nền văn hóa quyền con người phổ quát.

Giáo dục và an ninh con người

Sự phủ nhận cũng như vi phạm quyền giáo dục làm tổn hại đến khả năng phát triển nhân cách của con người, duy trì và bảo vệ bản thân cũng như gia đình của họ và tham gia một cách thỏa đáng vào đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa.

Trên bình diện xã hội, sự phủ nhận giáo dục gây tổn hại đến sự nghiệp quyền con người và tiến bộ xã hội, và suy rộng ra, là hòa bình thế giới và an ninh con người. Thiếu an ninh con người khiến trẻ em không được đi học. Có thể thấy rõ vấn đề này đối với trẻ em ở vùng có xung đột quân sự, đặc biệt là những em phải đi lính. Tuy nhiên, nghèo đói - một mối đe dọa đối với an ninh con người cũng có thể dẫn đến sự phủ nhận quyền học tập. Quyền được biết các quyền con người của mình thông qua giáo dục về quyền con người và học tập có thể đóng vai trò quan trọng đối với an ninh con người. Thông qua giáo dục và học tập về quyền con người, Luật Nhân đạo, những vi phạm về quyền con người trong các xung đột quân sự có thể được ngăn cản hoặc điều hòa, và tạo điều kiện cho sự tái thiết xã hội hậu xung đột.

Quyền con người của trẻ em

Quyền con người trong xung đột vũ trang

Giáo dục không chỉ đơn thuần là học đọc, học viết hay học cộng, trừ nhân chia. Gốc Latinh của từ này là “dẫn dắt ai đó thoát ra”. Quyền giáo dục của mỗi người gắn kết với các cơ hội học tập, ví dụ: tiếp cận giáo dục tiểu học, trung học và đại học. Trong khi ghi nhận khái niệm rộng của quyền giáo dục, chuyên đề này tập trung vào giáo dục tiểu học và cơ bản, cũng như số lượng lớn người bị phủ nhận thậm chí là nền tảng của quá trình học tập suốt cuộc đời.

Quyền giáo dục được mô tả trong Bộ luật Quốc tế về quyền con người của Liên hiệp quốc gồm giáo dục tự do và bắt buộc trong các giai đoạn “tiểu học và cơ sở”. Tuy nhiên, các quốc gia giải thích yêu cầu này theo cách khác nhau. Tại châu Âu, Bắc Mỹ, Australia và một số nơi ở Nam Á, giáo dục “cơ sở” tiếp nối thành giáo dục trung học đầy đủ, tuy nhiên, khoảng 20 quốc gia trên thế giới không xác định độ tuổi cụ thể đối với giáo dục bắt buộc.

Phát triển mang tính lịch sử

Trước thời kỳ khai sáng ở châu Âu, giáo dục chủ yếu là trách nhiệm của cha mẹ và nhà thờ.

Giáo dục bắt đầu được coi là một vấn đề quan tâm của cộng đồng và là trách nhiệm của nhà nước chỉ khi xuất hiện nhà nước thế tục hiện đại. Vào đầu thế kỷ XVI và XVII, các nhà triết học kiệt xuất John Locke và Jean-Jacques Rousseau đã đề cập trong các tác phẩm của mình khái niệm hiện đại về quyền học tập của cá thể con người.

Ngược lại, các văn kiện dân sự kinh điển như Dự luật về Quyền của Anh năm 1689, Tuyên ngôn về các quyền Virginia năm 1776, Tuyên ngôn độc lập của Mỹ năm 1776 hoặc Tuyên ngôn về quyền con người của Pháp không đề cập bất cứ quyền nào cụ thể liên quan đến quyền học tập.

Trong thế kỷ XIX, sự xuất hiện của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tự do đã đưa giáo dục trở thành một quyền con người. Các tác phẩm của Marx và Engels coi nhà nước là một thiết chế phụ hệ và sinh lợi. Những tư tưởng tự do và chống lại tầng lớp tăng lữ của thế kỷ XIX cũng tác động đến định nghĩa về quyền giáo dục, vốn được hình thành để bảo vệ và thúc đẩy những ý tưởng về tự do khoa học, nghiên cứu và giảng dạy chống lại sự can thiệp của nhà thờ và nhà nước.

Nửa sau của thế kỷ XIX, việc thừa nhận dứt khoát về các quyền giáo dục đã xuất hiện. Hiến pháp năm 1871 của đế chế Giéc-manh bao gồm 1 phần dưới tiêu đề “Những quyền cơ bản của dân tộc Đức”; tương tự Hiến chương Weimar Đức năm 1919 ở phần kết của mục về “Giáo dục và giáo dục học đường”, thừa nhận nghiêm túc nghĩa vụ của nhà nước là đảm bảo việc học tập thông qua quy định bắt buộc đi học và miễn học phí.

Việc ký kết các hiệp ước hòa bình sau Chiến tranh thế giới thứ nhất bao gồm các đảm bảo về quyền giáo dục của các dân tộc thiểu số.

Việc đưa ra Tuyên bố Geneva, “Hiến chương về phúc lợi cho trẻ em của Hội quốc liên” năm 1924 dẫn đến sự thừa nhận mang tính quốc tế quyền giáo dục.

Trong suốt thế kỷ XX, các khía cạnh của quyền giáo dục được ghi nhận trong hiến pháp các nước và trong các văn kiện quốc tế về quyền hoặc được thừa nhận trong luật pháp quốc gia, dù là ở dạng văn bản thông thường hoặc không phải là văn bản mang tính hiến pháp. Quyền học tập đã được đề cập một cách rõ ràng trong hiến chương của hơn 50 quốc gia, ví dụ như Nicaragua, Cyprus, Tây Ban Nha, Việt Nam, Ireland, Ai Cập, Nhật Bản, Paraguay và Ba Lan.

Vương quốc Anh và Peru đã thừa nhận quyền giáo dục trong các văn bản luật pháp không phải là hiến pháp, Hàn Quốc, Ma-rốc và Nhật Bản cũng ghi nhận quyền này trong cả hiến pháp và luật pháp thông thường.

Quyền về giáo dục không được đề cập trong Hiến pháp Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Các tòa án Mỹ - cả ở cấp liên bang và bang - đã phát triển thành các tu chính án về giáo dục, đặc biệt liên quan đến sự bình đẳng về cơ hội học tập.

(Nguồn: Douglas Hodgson. 1998. Quyền về giáo dục của con người)

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ

Nội dung của quyền giáo dục và các nghĩa vụ quốc gia



Quyền giáo dục có cơ sở vững chắc trong luật quốc tế về quyền con người. Quyền này đã được ghi nhận trong một số văn kiện quyền con người khu vực và quốc tế. Ví dụ như Tuyên ngôn quyền con người thế giới (Điều 26), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Điều 13, 14), Công ước về sự xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Điều 10) và Công ước về quyền trẻ em (Điều 28 và 29). Ở cấp độ khu vực, có Công ước châu Âu về các quyền và tự do cơ bản của con người (Điều 2 Nghị định thư đầu tiên), Công ước châu Mỹ về quyền con người (Điều 13 Nghị định thư bổ sung của Công ước châu Mỹ về quyền con người trên lĩnh vực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa) và Hiến

chương châu Phi về các quyền con người và các dân tộc (Điều 17). Một trong các văn bản gần đây nhất về quyền con người, Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu, đề cập đến quyền giáo dục trong Điều 14.

Quyền giáo dục cơ bản được khẳng định đối với mọi cá nhân dưới các dạng hành vi nhất định của các chính phủ. Các quốc gia có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền về giáo dục.

Nghĩa vụ tôn trọng quyền này nghiêm cấm quốc gia có hành vi trái với các quyền và tự do, can thiệp hoặc kìm hãm việc thực hiện các quyền và tự do đó. Bên cạnh đó, các quốc gia phải tôn trọng quyền tự do của các bậc phụ huynh lựa chọn trường công hoặc tư cho con em mình và đảm bảo giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con em phù hợp với khả năng nhận thức của chúng. Nhu cầu giáo dục con trai và con gái một cách bình đẳng cần được tôn trọng cũng tương tự như quyền của các nhóm tôn giáo, sắc tộc và ngôn ngữ.

“Các quốc gia thành viên của Công ước thừa nhận quyền về giáo dục của mọi người. Các quốc gia nhất trí rằng giáo dục phải hướng tới sự phát triển toàn diện nhân cách và ý thức về nhân phẩm, và sẽ tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người. Các quốc gia cũng nhất trí rằng giáo dục sẽ tạo điều kiện cho mọi người có thể tham gia hiệu quả trong một xã hội tự do, thúc đẩy hiểu biết, lòng khoan dung và tình hữu nghị giữa tất cả các dân tộc, nhóm chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo, và thúc đẩy các hoạt động của Liên hiệp quốc nhằm gìn giữ hòa bình...”

Điều 13(1) ICESCR

Nghĩa vụ bảo vệ quyền giáo dục đòi hỏi các quốc gia phải thực hiện các biện pháp thông qua luật pháp hoặc bằng các công cụ khác ngăn ngừa và nghiêm cấm sự vi phạm các quyền và tự do cá nhân gây ra bởi người thứ 3. Các quốc gia cũng cần đảm bảo rằng trường học công hay tư không thực hiện các biện pháp mang tính phân biệt đối

xử hoặc đưa ra các hình phạt về thân thể gây tổn thương đối với học sinh.

Nghĩa vụ thực hiện Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) là nghĩa vụ hiện thực hoá dần dần quyền giáo dục cách hiệu quả. Với mục đích như vậy, cần có sự phân biệt giữa các nghĩa vụ hành vi và nghĩa vụ về kết quả.

Nghĩa vụ hành vi đề cập đến một hành động hay biện pháp nhất định mà một quốc gia cần áp dụng. Ví dụ: phù hợp nhất ở đây là Điều 14 Công ước ICESCR, theo đó các quốc gia thành viên mới chưa đảm bảo được giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí có nghĩa vụ “lập và thông qua kế hoạch hành động chi tiết để thực hiện hiệu quả trong vòng một số năm nhất định... nguyên tắc giáo dục bắt buộc và miễn phí đối với tất cả mọi người”.

Các tiêu chuẩn cần đạt được:

- Giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí;
- Giáo dục trung học sẵn có và có thể tiếp cận;
- Giáo dục bậc cao hơn có thể tiếp cận được dựa trên cơ sở năng lực;
- Giáo dục cơ bản được đẩy mạnh với những người chưa học xong giáo dục tiểu học;
- Xóa mù chữ và tình trạng kém hiểu biết thông qua hợp tác quốc tế, cần phải xem xét kỹ lưỡng, đặc biệt các nhu cầu của những quốc gia đang phát triển.

Điều này có nghĩa là việc cải thiện tiếp cận với nền giáo dục cho tất cả mọi người là cơ sở của nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử cũng như tự do lựa chọn loại trường học và nội dung học, tiêu biểu cho bản chất cốt lõi và tinh thần của quyền giáo dục.

Bình luận chung số 13 của Ủy ban Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICE-SCR) xác định bốn thành tố của các nghĩa vụ quốc gia liên quan đến quyền về giáo dục. Đó là: tính sẵn có, tính có thể tiếp cận được, có thể chấp nhận được và có thể thích nghi được.

Tính sẵn có

Nghĩa vụ cung cấp nền giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí không có gì phải nghi ngờ là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa quyền về giáo dục.

Để đảm bảo tính sẵn có của giáo dục tiểu học cho mọi trẻ em đòi hỏi phải có những cam kết về chính trị và tài chính đáng kể. Trong khi nhà nước không chỉ là người cung cấp giáo dục, luật quốc tế về quyền con người yêu cầu quốc gia sử dụng mọi biện pháp để đảm bảo tính sẵn có của giáo dục tiểu học cho mọi trẻ em trong độ tuổi đến trường. Nếu các trường tiểu học không đủ cho toàn bộ số lượng trẻ em trong độ tuổi học tiểu học, thì nghĩa vụ quốc gia coi giáo dục là bắt buộc không được thực hiện và tiếp cận với giáo dục vẫn là một nhu cầu cần phải được đảm bảo như là một quyền.

Việc cung cấp giáo dục trung học và đại học cũng là một thành tố quan trọng của quyền giáo dục. Yêu cầu “áp dụng từng bước giáo dục miễn phí” có nghĩa là một quốc gia không được phép miễn cho mình các nghĩa vụ cần phải thực thi.

Tính có thể tiếp cận

Ở mức tối thiểu, các chính phủ có nghĩa vụ đảm bảo sự thụ hưởng quyền về giáo dục thông qua việc đảm bảo tiếp cận các thiết chế giáo dục hiện hữu của tất cả mọi người, bé trai hay bé gái, phụ nữ hay nam giới, trên cơ sở **bình đẳng và không phân biệt**.

“Giáo dục một phụ nữ là giáo dục một gia đình, một cộng đồng và một dân tộc.”

Tục ngữ châu Phi

Nghĩa vụ đảm bảo sự tiếp cận bình đẳng các thể chế giáo dục bao gồm tiếp cận về mặt vật chất và mang tính xây dựng. Sự tiếp cận về mặt vật chất các thiết chế đặc biệt quan trọng đối với người cao tuổi và người khuyết tật. Sự tiếp cận mang tính xây dựng nghĩa là cần phải dỡ bỏ các rào cản

mang tính loại trừ, ví dụ như xóa bỏ các tư tưởng mang tính rập khuôn về vai trò của phụ nữ và nam giới trong sách giáo khoa và các kết cấu giáo dục, theo Điều 10 Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ.

Tính có thể chấp nhận được

Nguyên Báo cáo viên đặc biệt về Quyền giáo dục, Katarina Tomasevski, trong một báo cáo đã nói rằng “*Nhà nước có nghĩa vụ đảm bảo rằng mọi trường học tuân thủ các tiêu chuẩn tối thiểu mà quốc gia đã phát triển, cũng như đảm bảo một nền giáo dục có thể chấp nhận được đối với cả phụ huynh và học sinh*”. Thành tố này liên quan đến quyền được lựa chọn loại hình giáo dục, được tiếp nhận và quyền được thành lập, duy trì, quản lý và kiểm soát các cơ sở giáo dục tư nhân. Giáo dục phải phù hợp về văn hóa và có chất lượng tốt. Học sinh và phụ huynh có quyền được tự do không bị truyền bá và bắt buộc phải học các loại sách vở không phù hợp với tín ngưỡng tôn giáo và các tín ngưỡng khác của học sinh. Sử dụng quyền lực của hệ thống giáo dục công để ép buộc thay đổi tôn giáo bị coi là sự gia nhập tín ngưỡng bất hợp pháp.

Tự do tín ngưỡng

Tính thích nghi

Bình thường, những điều mà trẻ em học được ở trường cần phải dựa trên nhu cầu trong tương lai của các em khi trưởng thành. Điều đó có nghĩa là hệ thống giáo dục cần mang tính thích nghi, xem xét những lợi ích cao nhất của trẻ, cũng như sự phát triển và tiến bộ xã hội ở cấp độ quốc gia và quốc tế.

Nghĩa vụ của các chính phủ đảm bảo rằng quyền về học tập của con người phải được tôn trọng, bảo vệ và thực hiện, không chỉ là một mối quan tâm của quốc gia. Đó còn là nhiệm vụ của xã hội dân sự để thúc đẩy và hỗ trợ sự thực hiện đầy đủ quyền giáo dục.

Thập kỷ Biết chữ của Liên hiệp quốc 2003-2012 đối diện với tình hình là 20% số người trưởng thành trên thế giới không được hưởng nền giáo dục cơ bản. Biết đọc biết viết quyết định vấn đề tăng cường các khả năng của con người và sự

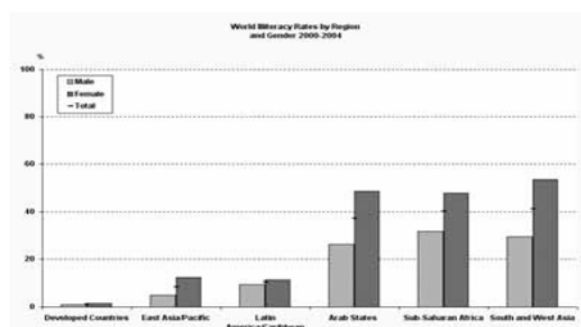
tham gia về mặt kinh tế, xã hội và chính trị trong các xã hội tri thức ngày nay.

Mù chữ thường là kết quả của sự cùng khổ. Phụ nữ ít người biết chữ hơn nam giới. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ đáng kể nhưng vẫn có 132 triệu trong tổng số người không biết đọc biết viết nằm trong độ tuổi từ 15 đến 24 (Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo giám sát toàn cầu 2006.)

Vấn đề quan tâm chủ chốt vẫn là trình độ học vấn thấp ở những khu vực nghèo khổ trên thế giới. Theo Nghị quyết 56/116 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc, về Thập kỷ biết chữ, biết đọc biết viết là vấn đề trọng tâm của giáo dục suốt đời, đem lại kiến thức giáo dục cơ bản cho tất cả mọi người và hỗ trợ thích ứng với những đòi hỏi ngày một thay đổi.

Giáo dục suốt đời hay sự giáo dục suốt đời cho tất cả mọi người cần phải là một phần trong các xã hội tri thức toàn cầu trong tương lai. Trong bối cảnh đó, giáo dục kỹ thuật hướng định hướng kỹ năng và giáo dục nghề nghiệp cần được quan tâm đúng mức.

Hội nghị thế giới về quyền giáo dục và các quyền trong giáo dục năm 2004 thông qua “Tuyên bố Amsterdam”, nhấn mạnh nhu cầu đảm bảo tiếp cận giáo dục, trong khi bảo vệ các quyền liên quan đến giáo dục và nhu cầu của mọi học sinh dựa trên cơ sở không phân biệt đối xử. Tuyên bố kêu gọi các chính phủ và các tổ chức quốc tế mở rộng các cơ hội về giáo dục cho các nhóm dễ bị tổn thương như dân di cư,... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và địa vị của giáo viên, thực hiện các biện pháp giảm thiểu bạo lực học đường và đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng đối với việc học tập suốt đời.



(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát toàn cầu EFA 2006)

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN

Ngày nay, cách nhìn nhận tương đối về thể giới nói chung đã vén lên bức màn về những khác biệt sâu sắc trong việc thực hiện quyền giáo dục. Thực chất, việc hiện thực hoá quyền giáo dục ở các khu vực là rất khác nhau.

Phần lớn trẻ em không được đi học là ở khu vực châu Phi cận Sahara và Nam Á. Trung bình, một em bé sinh ra ở Mozambique hiện nay chỉ được đi học 4 năm. Trẻ em sinh ra ở Pháp được học 15 năm liền, thể hiện sự đảm bảo giáo dục cao hơn rõ rệt. Số năm đi học trung bình ở Nam Á là 8 năm, chỉ bằng ½ thời gian đi học ở các nước có thu nhập cao.

Hơn nữa, trong khi khoảng cách về tỷ lệ nhập học tiểu học có thể đang được thu hẹp lại thì khoảng cách giữa các nước giàu và nước nghèo về thời gian đi học trung bình đang ngày một lớn hơn. Đó là chưa kể đến sự khác biệt về chất lượng giáo dục: chưa đến ¼ trẻ em Zambia sau khi học tiểu học có thể thi đỗ các bài kiểm tra đọc viết cơ bản. Trong khi đó, sự tiếp cận với bậc giáo dục cao hơn vẫn là một đặc quyền phổ biến chủ yếu của công dân ở các nước có thu nhập cao. Sự bất bình đẳng về giáo dục như vậy hiện nay cũng chính là sự bất bình đẳng về kinh tế và xã hội toàn cầu trong tương lai.

Ví dụ ở Uganda: Trong nửa sau thập kỷ 90 của thế kỷ trước, những ưu tiên giảm nghèo đã chuyển sang cho giáo dục. Giáo dục tiểu học miễn phí được áp dụng và chi tiêu công cộng cho giáo dục cũng lên.

Tỷ lệ nhập học cấp 1 tăng từ 5.3 triệu 7.6 triệu từ năm 1997 đến năm 2003.

Tỷ lệ nhập học không thay đổi đối với 20% dân số nghèo nhất và 20% dân số giàu nhất và sự khác biệt về giới đã được xoá bỏ trong giáo dục tiểu học. Mặc dù việc đăng ký nhập học phổ biến đã thực hiện được, nhưng tỷ lệ bỏ học vẫn là một mục tiêu khó có thể đạt được ở cấp độ toàn cầu vào năm 2015.

Nếu xu hướng trên vẫn tiếp tục diễn ra, mục tiêu

Thiên niên kỷ về giáo dục tiểu học phổ cập trên toàn thế giới vào năm 2015 sẽ phải mất thêm 1 thập kỷ nữa mới thực hiện được. Sẽ có 47 triệu trẻ em bỏ học vào năm 2015, 19 triệu trẻ em ở khu vực châu Phi tiểu vùng Sahara.

(Nguồn: UNDP. 2005. Báo cáo phát triển con người 2005)

Vấn đề ngôn ngữ truyền tải cũng có nhiều tranh cãi. Không có quyền con người quốc tế nào về ghi nhận việc học tiếng mẹ đẻ tại trường đối với những người thuộc cộng đồng thiểu số về ngôn ngữ ở một quốc gia. Điều 27 Công ước về các quyền dân sự và chính trị chỉ ghi nhận rằng việc thực hành một ngôn ngữ nào đó không thể bị phủ nhận nhưng không đề cập đến việc truyền tải kiến thức bằng tiếng mẹ đẻ.

Trong Công ước khung về bảo vệ các dân tộc thiểu số, Hội đồng châu Âu đã công nhận quyền được học tiếng mẹ đẻ, tuy nhiên không công nhận rõ ràng về quyền được truyền tải thông tin bằng tiếng mẹ đẻ. Hiến chương châu Âu về các ngôn ngữ khu vực và thiểu số đã tiến thêm một bước trong việc thúc đẩy giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ, coi đó là một lựa chọn cho các quốc gia ký kết và phê chuẩn Hiến chương, đặt ra mục tiêu quốc gia công nhận hệ thống song ngữ đối với các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, có những dân tộc thiểu số không được bảo vệ theo cách thức như vậy và thậm chí không có quyền được học tiếng mẹ đẻ tại trường học, ví dụ như người Roma ở châu Âu hay người dân bản xứ ở Australia.

Phân tích khoa học cho thấy, giáo dục tiểu học bằng ngoại ngữ ví dụ như tiếng Pháp ở Tây Phi có thể dẫn đến sự chậm tiến bộ hơn ở học sinh. Do vậy, Học viện Ngôn ngữ châu Phi ở Bamako, Mali đã kêu gọi thực hiện quyền về giáo dục tiểu học bằng tiếng mẹ đẻ.

Mặc dù đã có những tiến bộ to lớn trong nỗ lực tạo điều kiện cho trẻ em được thụ hưởng đầy đủ quyền về giáo dục, vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết để đạt được các mục tiêu đề ra. Vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết như sự phân biệt đối xử, tình trạng bất bình đẳng, sự thờ

ơ và bóc lột, tác động đặc biệt đến các bé gái, phụ nữ và các dân tộc thiểu số. Báo cáo về tình hình trẻ em thế giới của UNICEF năm 2006 với tiêu đề “Bị loại trừ và không nhìn thấy” hay Báo cáo của tổ chức Theo dõi quyền con người: “Bỏ qua trẻ em: những rào cản đối với quyền về giáo dục” đưa ra rất nhiều ví dụ về các nguyên nhân sâu xa của sự loại trừ. Do đó, các xã hội phải tăng cường nỗ lực giải quyết các vấn đề thực thi về mặt xã hội và văn hóa hiện vẫn ngăn cản trẻ em và các nhóm khác được thụ hưởng đầy đủ các quyền về giáo dục và do đó góp phần dẫn đến sự mất an ninh con người.

Các nhóm khó khăn tiếp cận quyền về giáo dục

Có một số nhóm phải đối diện với những khó khăn đặc biệt trong tiếp cận đầy đủ đối với giáo dục dựa trên cơ sở bình đẳng. Các nhóm này bao gồm phụ nữ, bé gái, người thuộc các nhóm thiểu số, dân tị nạn, dân di cư, dân bản xứ, người khuyết tật và các nhóm khó khăn về kinh tế hoặc xã hội, ví dụ như lính giải ngũ, thanh niên bị gạt ra ngoài lề xã hội. Các nhóm này đã trở thành tâm điểm của mối quan tâm và hành động quốc tế, chẳng hạn trong báo cáo các nghĩa vụ của quốc gia.

Cần phải quan tâm đặc biệt đối với các nhu cầu về giáo dục của **người khuyết tật**.

Khung hành động thông qua tại Hội nghị Salamanca năm 1994 đã khẳng định sự ủng hộ đối với nền giáo dục hội nhập (inclusive). Theo đó, “các trường học cần nhận tất cả học sinh không phân biệt về điều kiện thể chất, trí tuệ, xã hội, tình cảm, ngôn ngữ hay các điều kiện khác”.

Các quyền con người trong trường học

Trái với nghĩa vụ ghi tại Điều 26 (2) UDHR, các quyền con người tại trường học thường bị bỏ qua. Trẻ em vẫn là đối tượng chịu các hình phạt về thân thể hoặc phải làm việc. Trẻ em không được giáo dục hay thông tin về các quyền đã được ghi nhận trong Công ước về Quyền trẻ em mà tất cả các quốc gia thành viên Liên hiệp quốc, ngoại trừ Hoa Kỳ, đã thông qua.

Các quyền con người của trẻ em

Giáo dục quyền con người ở học đường và dân

chủ học đường cần phải được thúc đẩy. Giáo viên cũng cần được bảo vệ, nếu chịu áp lực từ phía chính quyền hoặc không được hưởng lương thích đáng, vấn đề này được ghi nhận trong các công ước và khuyến nghị của UNESCO có liên quan.

Bạo lực học đường cũng là một vấn đề gia tăng trong những năm gần đây và đã trở thành một tâm điểm đáng chú ý. Việc thực thi tốt được ghi nhận ở 7793 trường UNESCO tại 175 quốc gia (kể từ tháng 4 năm 2006).

4. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT

Kể từ khi thành lập năm 1945, Liên hiệp quốc đã công nhận nhu cầu “*hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, xã hội, văn hóa hay nhân đạo.*” (Điều 1 (3) của Hiến chương Liên hiệp quốc).

Hợp tác quốc tế, thông qua chuyển giao thông tin, kiến thức và công nghệ, là thiết yếu đối với sự thực thi hiệu quả quyền về giáo dục, đặc biệt cho trẻ em tại các nước kém phát triển. Quyền về giáo dục cũng là một tiền đề cho sự phát triển kinh. Việc cung cấp giáo dục cần được tất cả các quốc gia coi là sự đầu tư lâu dài và ưu tiên cao, do giáo dục phát triển nguồn nhân lực ở từng cá nhân, vốn là tài sản của quá trình phát triển đất nước.

Các thiết chế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục như là sự đầu tư vào phát triển vốn con người. Tuy nhiên, một cách chính xác là các thiết chế này cũng buộc các chính phủ cắt giảm chi tiêu công cộng bao gồm những chi tiêu liên quan đến giáo dục, hoặc đặt ra các loại phí thậm chí ở cả giáo dục tiểu học do khó khăn về tài chính liên quan đến các chương trình điều chỉnh cơ cấu.

“Sự áp dụng hiệu quả quyền giáo dục của trẻ em cơ bản là một vấn đề về ý chí. Chỉ có ý chí chính trị của các chính phủ và cộng đồng quốc tế mới có thể thúc đẩy quyền thiết yếu này tới một mức góp phần đảm bảo sự hoàn thiện của mỗi cá

nhân và sự tiến bộ của mỗi xã hội”.

**Amadou-Mahtar M'Bow,
Cựu Tổng giám đốc UNESCO.**

Hội nghị thế giới về giáo dục cho mọi người năm 1990 tổ chức tại Jomtien, Thái Lan tuyên bố rằng sự cung cấp hiệu quả nền giáo dục cơ bản cho mọi người phụ thuộc vào cam kết chính trị và ý chí chính trị, hỗ trợ bởi các chính sách tài khóa phù hợp và mang tính ủng hộ, các chính sách kinh tế, thương mại, lao động, việc làm và sức khỏe. Một nghiên cứu của UNICEF triển khai tại 9 quốc gia đã xác định 6 chủ đề rộng mở về đạt được các kết quả tốt hơn trong việc đảm bảo quyền đối với giáo dục tiểu học phổ cập. Đó là cam kết chính trị và tài chính, vai trò trung tâm của khu vực công, tính công bằng trong khu vực công, giảm chi phí giáo dục trong các hộ gia đình, sự lồng ghép cải cách giáo dục vào các chiến lược phát triển con người.

Diễn đàn Giáo dục Thế giới, tổ chức tại Dakar từ ngày 26 - 28/4/2000, là sự đánh giá lớn nhất từ trước đến nay được tiến hành trong lĩnh vực giáo dục. Toàn bộ 164 quốc gia có đại biểu tham gia, bên cạnh 150 nhóm xã hội dân sự, chủ yếu là các NGOs. Sự chuẩn bị cho diễn đàn đã được tiến hành đặc biệt tỷ mỉ. Một khối lượng thông tin đáng kể được thu thập, phát hiện ra những khác biệt giữa các quốc gia, trong đó, một số quốc gia đã đạt được tiến bộ to lớn trong khi các quốc gia khác lại gặp phải rất nhiều khó khăn liên quan đến các khía cạnh về giáo dục. Kết quả đột phá của diễn đàn này là sự thông qua Khuôn khổ hành động Dakar.

 **Điều cần biết, 2. Các xu hướng.**

Diễn đàn Giáo dục Thế giới Dakar cũng đã chứng kiến việc phát động 9 chương EFA Flagship: Sáng kiến về HIV/AIDS và giáo dục; Chăm sóc ban đầu dành cho trẻ và giáo dục; Quyền giáo dục của người khuyết tật; Hướng tới sự hòa nhập; Giáo dục dành cho người dân ở nông thôn; Giáo dục trong các tình huống khẩn

cấp và khủng hoảng; Tập trung vào các nguồn lực dành cho sức khỏe học đường hiệu quả; Giáo viên và chất lượng giáo dục; Sáng kiến giáo dục dành cho bé gái của Liên hiệp quốc; Biết chữ trong khuôn khổ thập kỷ biết đọc biết viết của Liên hiệp quốc.

Sự ủng hộ mang tính thể chế mạnh mẽ đối với việc thực thi đầy đủ quyền giáo dục là cần thiết. UNESCO là cơ quan chuyên trách của Liên hiệp quốc đóng vai trò lãnh đạo trong vấn đề này, theo đuổi mục tiêu thành lập năm 1946, giáo dục là một trong các chức năng chính của cơ quan này. UNESCO, hợp tác với các tổ chức khác như UNICEF hay ILO, đưa ra các sáng kiến cải cách giáo dục và thúc đẩy thực thi đầy đủ quyền về giáo dục, bằng chứng là hàng loạt các văn bản hình thành dựa trên các văn kiện thiết lập tiêu chuẩn, tài liệu, báo cáo và diễn đàn, hội thảo, nhóm công tác và các hoạt động hợp tác, liên kết với các quốc gia, tổ chức liên chính phủ quốc tế và NGOs. UNESCO, do vậy là cơ quan đi đầu trong hợp tác quốc tế trên lĩnh vực giáo dục. Ủy ban quốc gia UNESCO đảm bảo rằng các hoạt động của UNESCO được tiến hành mạnh mẽ ở 191 quốc gia.

Hoạt động của UNESCO trong lĩnh vực giáo dục được xây dựng dựa trên 3 mục tiêu chiến lược:

- Thúc đẩy giáo dục như là một quyền cơ bản;
- Cải thiện chất lượng giáo dục;
- Tăng cường thử nghiệm, cải tiến và truyền bá, chia sẻ thông tin và thực thi tốt nhất cũng như đối thoại chính sách trên lĩnh vực giáo dục.

UNESCO đã phát triển một loạt các cơ chế nhằm cho phép áp dụng các điều khoản hiệu quả hơn và đảm bảo sự hoàn thiện hơn nữa các nghĩa vụ thực thi liên quan đến quyền giáo dục. Những báo cáo

thường kỳ mà các quốc gia phải nộp có tác dụng thông tin về các biện pháp mà quốc gia đã tiến hành trong phạm vi tài phán để thực thi các nghĩa vụ ghi nhận trong Công ước mà họ là thành viên. Các quốc gia thành viên của Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục (1960), hay trong Khuyến nghị về sự phân biệt đối xử trong giáo dục đề cập đến số năm phải đưa ra báo cáo định kỳ về các điều khoản hành chính mà họ thông qua và các biện pháp khác mà họ đã tiến hành nhằm vận dụng Công ước. Trách nhiệm kiểm tra các báo cáo của quốc gia thành viên thực hiện theo các nghĩa vụ báo cáo khác nhau đã được thực hiện theo Ủy ban Công ước và khuyến nghị. Hơn nữa, năm 1978, Ban chấp hành đã thiết lập một quy trình kín kiểm tra những khiếu nại đối với các quốc gia thành viên liên quan đến các cáo buộc vi phạm quyền con người thuộc lĩnh vực mà UNESCO hoạt động. Mục tiêu là giải quyết vấn đề theo tinh thần hợp tác, đối thoại và hòa giải.

Việc giám sát quá trình thực hiện quyền về giáo dục dựa trên cơ sở tính toán đến tiến bộ đạt được có thể có lợi từ việc thông qua và sử dụng các chỉ số đáng tin cậy, sử dụng các so sánh trên cả nước và thứ tự xếp hạng của mỗi nước. Trong lĩnh vực giáo dục, các chỉ số kiểm tra qua thời gian đáng tin cậy bao gồm tỷ lệ biết chữ, tỷ lệ nhập học, tỷ lệ hoàn thành năm học, tỷ lệ bỏ học, tỷ lệ học sinh-giáo viên, và chỉ tiêu công cộng dành cho giáo dục như phần trăm của tổng chi tiêu công cộng hoặc so sánh với chi tiêu công cộng dành cho các lĩnh vực khác như lực lượng vũ trang.

Về khía cạnh này, theo Báo cáo giám sát toàn cầu EFA thường niên, do UNESCO ban hành kể từ năm 2002 đã đặt ra những tiêu chuẩn mới bổ sung cho báo cáo hàng năm của UNICEF về “Tình hình trẻ em trên thế giới”, có mối quan tâm rộng mở hơn.



Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa là một cơ quan giám sát của Liên hiệp quốc chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Công ước quốc tế về

các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa tại các quốc gia thành viên. Ủy ban xem xét các báo cáo quốc gia được thường xuyên nộp về và duy trì đối thoại với các nước, nhằm đảm bảo việc thực thi hiệu quả nhất các quyền được đề cập đến trong Công ước. Việc thực hiện đầy đủ quyền về giáo dục có thể đạt được thông qua kết hợp nhiều biện pháp, như sự quyết tâm lớn hơn về phía các quốc gia nhằm thực thi nghĩa vụ báo cáo theo các văn kiện quốc tế liên quan một cách tận tâm và thiện ý, “các báo cáo song hành” của các NGOs và sự vận động của các hiệp hội nghề nghiệp.

Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc, tiền thân của Hội đồng quyền con người, năm 1998 đã có Báo cáo viên Đặc biệt về quyền giáo dục có nhiệm vụ báo cáo tiến bộ thực hiện quyền về giáo dục trên toàn thế giới, bao gồm tiếp cận giáo dục tiểu học cũng như các khó khăn đối với việc thực hiện quyền này. Báo cáo viên đầu tiên được chỉ định là Katarina Tomasevski, bà tập trung vào cách tiếp cận giáo dục dựa trên cơ sở các quyền. Bà đã nghi việc sau 6 năm phá vỡ những ảo tưởng về sự hỗ trợ hạn chế đối với chức năng của bà. Năm 2004, Venor Muñoz Villalobos trở thành Báo cáo viên Đặc biệt về Quyền về giáo dục.

*Giáo dục không phải là 1 cách
để thoát khỏi sự nghèo đói của quốc gia.
Đó là cách để chống lại đói nghèo.*

Julius Nyerere

Có sự coi trọng ngày càng lớn đối với quyền tài phán về quyền giáo dục tại các tòa án quốc gia và quốc tế như Báo cáo viên Đặc biệt về quyền giáo dục đã chỉ ra trong báo cáo năm 2005. Những vấn đề chính lại là sự phân biệt đối xử trong giáo dục, đặc biệt là sự tiếp cận công bằng đối với giáo dục.

Những vấn đề thực thi

Các quyền xã hội, kinh tế và văn hóa thường đòi hỏi lượng lớn vốn tiêu tốn qua thời gian để đảm bảo sự thực thi hiệu quả. Thực chất, kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, giáo dục tạo nên một trong những vấn đề chi tiêu hàng đầu của chính phủ.

Thông thường, trở ngại chủ yếu cản trở sự thực hiện quyền giáo dục của trẻ ở các nước đang phát triển chính là sự nghèo đói. (Tự do không bị nghèo đói.) Vấn đề chủ yếu không phải là không có trường cho các em đi học. Thực tế, hơn 90% trẻ em ở các nước đang phát triển bắt đầu được đi học tiểu học. Vấn đề thực tế lại là tỷ lệ trẻ em bỏ học hay lưu ban rất cao. Nghèo đói khiến các gia đình khó có thể trả học phí và mua sách vở, dụng cụ học tập hay kể cả khi miễn phí, cũng khó cho con đi học vì các em cần làm việc để thêm thu nhập cho gia đình.

Sự thiếu vốn làm cản trở nhiều chính quyền không thể xây dựng và duy trì các trường học, điều hành các trường đại học sư phạm, thuê đội ngũ nhân viên hành chính và giảng dạy có năng lực, hay cung cấp tài liệu giảng dạy và các trang thiết bị khác, cung cấp hệ thống giao thông cần thiết cho học sinh. Tất cả những vấn đề này trực tiếp phụ thuộc vào nguồn kinh tế mà quốc gia có thể sử dụng.

Một nghiên cứu do “Quỹ bảo vệ trẻ em” thực hiện cho thấy do gánh nặng về nợ, các quốc gia châu Phi trong một số trường hợp đã buộc phải đặt ra hoặc tăng học phí, tăng chi phí cho giáo dục đối với các gia đình. Hậu quả là hàng triệu trẻ em hoặc không bao giờ được đi học hoặc không thể tiếp tục học hết kiến thức cơ bản.

Một nhân tố khác là việc sử dụng rộng rãi lao động trẻ em. Thật không may là nhiều gia đình cần có nguồn thu nhập bổ sung này để có thể trang trải cuộc sống. Vấn đề này đặc biệt được Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) giải quyết, ví dụ như thông qua Công ước chống lại các dạng lao

động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999 và một số chương trình khác.

 Quyền làm việc.

Một học sinh bình thường ở Zambia đi bộ 7 km để đến trường vào mỗi buổi sáng, không được ăn, mệt mỏi, suy dinh dưỡng và bị bệnh giun sán. Em ngồi trong lớp với khoảng 50 em khác cũng ở trong tình trạng tương tự. Khả năng tiếp thu của các em là rất thấp. Âm thanh trong phòng thì không tốt, không có phấn và cũng không có nhiều vở viết.

Nghèo đói và lao động trẻ em là một trở ngại đáng chú ý đặc biệt đối với giáo dục cho các em gái. ( Các quyền con người của phụ nữ.) Nhiều bé gái phải làm những việc nặng nhọc từ sớm để có thể tồn tại. Không chỉ vì các em phải đáp ứng nhu cầu của gia đình và làm các việc ở nhà, mà các em còn phải đối diện với những mong đợi mang tính xã hội liên quan đến việc phải làm mẹ sớm và những quan điểm lạc hậu. Những quan điểm truyền thống liên quan đến giáo dục các bé gái mặc dù thiên cận và phiến diện nhưng vẫn tồn tại và lại dẫn đến sự thiếu động lực để phụ huynh cho con gái đi học. Những nhóm bé gái nhất định ví dụ như các em thuộc các cộng đồng bản xứ hoặc du mục, các dân tộc thiểu số, các em bị bỏ rơi cũng như các bé gái khuyết tật - đối diện với những bất lợi đặc biệt. Do đó, có một mối quan tâm quốc tế ngày càng tăng đối với việc đem lại sự tiếp cận công bằng đối với giáo dục dành cho các bé gái, và do đó tạo điều kiện để các em có thể thể hiện tiềm năng con người của mình. Diễn đàn Giáo dục Thế giới ở Dakar năm 2000, đã phát động “Sáng kiến 10 năm giáo dục cho các bé gái của Liên hiệp quốc”, nhằm mục đích nâng cao nhận thức, giáo dục bé gái và xóa bỏ những bất bình đẳng về giới.

“... không có công cụ nào đem lại sự phát triển hiệu quả hơn là sự giáo dục các em bé”

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc
UNICEF. 2003. Tình hình trẻ em trên thế giới 2004.

HIV/AIDS, cướp đi hơn 3 triệu sinh mạng năm 2004 đã có tác động sâu sắc đến giáo dục, đặc biệt ở châu Phi cận Sahara.

Kenya, Tanzania và Zambia năm 2005 mỗi nước sẽ mất đi ít nhất 600 giáo viên. Nghỉ học do bệnh AIDS đã trở thành một vấn đề lớn đối với các trường học ở châu Phi.

(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát toàn cầu EFA năm 2006)

Các xung đột vũ trang trong nước và quốc tế và xung đột dân sự có thể phá vỡ cuộc sống bình thường. Đi học thường xuyên trở thành điều không thể thực hiện được khi trường học ở trong hoặc gần khu vực có xung đột. Mặc dù được bảo vệ bởi Luật Nhân đạo quốc tế, các trường học thường là đối tượng bị tấn công. Năm 2003, có 36 xung đột quân sự tại 28 quốc gia. 90% các nạn nhân là dân thường. Trường học và giáo viên thường trở thành mục tiêu và chiến trường. Ví dụ: 95% lớp học bị phá hủy trong các xung đột liên quan đến độc lập ở Đông Timor và 83 giáo viên đã bị giết hại ở Colombia năm 2003.

(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát Toàn cầu EFA năm 2006)

 Quyền con người trong xung đột vũ trang

Bạn có biết:

Để đạt được giáo dục tiểu học phổ cập trong 1 thập kỷ ở tất cả các nước đang phát triển, hàng năm tiêu tốn 7 - 8 tỷ USD, tương đương với khoảng 7 ngày chi tiêu quân sự toàn cầu, 7 ngày đầu cơ tài chính trên thị trường quốc tế, hoặc nhỏ hơn 1/2 số tiền các bậc phụ huynh ở Bắc Mỹ mua đồ chơi cho con em mỗi năm và ít hơn 1/2 số tiền mà người châu Âu chi cho các trò chơi điện tử hoặc nước khoáng hàng năm.

(Nguồn: Kevin Watkins. 1999. Giáo dục bây giờ. Phá vỡ vòng nghèo đói.)

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT



- Tại Ai Cập, chính phủ đang lồng ghép khái niệm thành công về các trường học cộng đồng thân thiện với bé gái vào hệ thống trường học chính thức và đã phát động một gói các cải cách tổng hợp nhằm tạo ra các trường học lành mạnh và tăng cường sức khỏe.
- Malawi (1994), Uganda (1997), Tanzania (2002) và Kenya (2003) đã giảm chi phí về giáo dục cho các phụ huynh bằng cách xóa bỏ học phí. Một số quốc gia cũng đã xóa bỏ đồng phục bắt buộc.
- Chương trình Busti ở Pakistan với sự liên kết giữa một tổ chức NGO có trụ sở ở Karachi và UNICEF nhằm mục đích đem lại nền giáo dục cơ bản cho trẻ em để các em được nhận vào các trường chính quy. Nhóm tuổi thực hiện theo chương trình này là từ 5 đến 10 tuổi; khoảng $\frac{3}{4}$ số học sinh là các bé gái. Sáng kiến này đã thành công trong việc đảo ngược định kiến về giới thông thường, phần nào thông qua giáo dục tại gia đình. Chương trình đã thiết lập hơn 200 trường học gia đình, với hơn 6000 học sinh đăng ký theo học, mỗi đơn vị chỉ tiêu tốn 6 USD, thấp hơn nhiều mức phí trung bình tại trường tiểu học của Nhà nước.
- Mauritania đã thông qua luật cấm tảo hôn, coi giáo dục cơ bản là bắt buộc và tăng tuổi tối thiểu cho lao động trẻ em lên 16. Nước này cũng đã thành lập Hội đồng về Trẻ em nhằm thúc đẩy thực thi Công ước Quyền trẻ em và đã thúc đẩy sự thành lập các tòa án vị thành niên ở tất cả các thành phố chính.
- Tại hạt Mashan ở Trung Quốc, các làng và hộ gia đình có tiến hành những biện pháp hữu hiệu, cho con gái đi học được ưu tiên vay vốn hoặc tham gia quỹ phát triển.
- Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã thực

hiện thành công mô hình đưa vấn đề giới vào tiếp cận giáo dục tiểu học có chất lượng đối với các bé gái ở những vùng thiếu số. Mục tiêu lâu dài là đưa thêm nhiều phụ nữ tham gia vào xu thế phát triển kinh tế xã hội thông qua việc nâng cao trình độ giáo dục của họ.

- Tại Mumbai (trước kia là Bombay), Ấn Độ, Sáng kiến giáo dục Pratham Mumbai, một quan hệ đối tác giữa các nhà giáo dục, nhóm cộng đồng, nhà tài trợ tập đoàn và quan chức chính phủ, đã thành lập được 1600 trường học và giúp hiện đại hóa hơn 1200 trường tiểu học.
- Tại Afghanistan, nơi các bé gái bị loại khỏi hệ thống giáo dục chính quy, UNICEF đã thực hiện một biện pháp mạnh mẽ là hỗ trợ các trường học tại gia đình cho cả bé gái và bé trai, bắt đầu từ năm 1999. Đến cuối năm 2001 các trường học tại gia đình đã dạy học cho 58,000 em.
- Dự án TRẺ EM tại Thailand bắt đầu bằng việc ủng hộ các máy vi tính cũ, giám sát mối quan hệ giữa việc học và sức khỏe của trẻ.
- Chương trình phát triển 10 năm về giáo dục (PRODEC) là một chương trình có mục tiêu cơ bản là đạt được tỷ lệ nhập học ở cấp tiểu học là 75 % tại Mali vào năm 2008.
- Hậu quả của các cuộc khủng hoảng kinh tế ở Argentina đã dẫn đến chi tiêu cho giáo dục giảm đáng kể. Năm 2004, Tây Ban Nha đã nhất trí với đề nghị vay nợ để đáp ứng cho ngành giáo dục của Argentina .

(Nguồn chính: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát toàn cầu EFA 2006; UNICEF. 1999/2001. Báo cáo thường niên 1999/2002; Kevin Waktins. 1999. Giáo dục ngay từ bây giờ)

Dự án Quyền giáo dục được Báo cáo viên đặc biệt về Quyền giáo dục đưa ra năm 2001 nhằm

nâng cao tính công khai nội dung công việc của báo cáo viên và lập nên diễn đàn để giáo dục về quyền giáo dục. Là cơ sở nguồn cho sự tiếp cận duy nhất về quyền con người, dành riêng cho quyền giáo dục, dự án thúc đẩy tăng cường quyền con người thông qua giáo dục, tiến hành đánh giá việc thực thi quyền về giáo dục trên toàn thế giới, cung cấp đầu vào cho các chiến lược giáo dục và tạo điều kiện phát hiện và chống lại các vi phạm quyền con người. (www.right-to-education.org)

2. XU HƯỚNG



Khuôn khổ hành động Dakar - Giáo dục cho mọi người được thông qua tại Diễn đàn Giáo dục thế giới, (Dakar, Senegal, tháng 4/2000) thể hiện cam kết của cả cộng đồng quốc tế đối với việc thực hiện đầy đủ quyền giáo dục. Khuôn khổ hành động Dakar đề ra 6 mục tiêu nhằm đạt được nền giáo dục cơ bản cho tất cả mọi người vào năm 2015:

1. Mở rộng và nâng cao chăm sóc và giáo dục toàn diện cho trẻ ngay từ thời kỳ đầu, đặc biệt đối với trẻ em dễ bị tổn thương và khó khăn nhất;
2. Đảm bảo rằng đến năm 2015 tất cả trẻ em, đặc biệt là các bé gái, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em thuộc các dân tộc thiểu số, có thể tiếp cận với việc giáo dục thiểu số hoàn toàn miễn phí và bắt buộc, có chất

lượng cao;

3. Đảm bảo rằng các nhu cầu học tập của thanh niên và người trưởng thành được đáp ứng thông qua tiếp cận công bằng với các chương trình kỹ năng sống và học tập phù hợp;
4. Cải thiện 50% mức độ biết chữ ở người lớn vào năm 2015, đặc biệt đối với phụ nữ và tăng cường tiếp cận công bằng đối với giáo dục cơ bản và liên tục dành cho người lớn;
5. Xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục tiểu học và trung học vào năm 2005, và đạt được bình đẳng giới trong giáo dục vào năm 2015, tập trung vào việc đảm bảo tiếp cận đầy đủ và công bằng với giáo dục cơ bản chất lượng cao dành cho các bé gái;
6. Cải thiện mọi khía cạnh về chất lượng của giáo dục và đảm bảo sở trường của mọi người có thể được công nhận và để đạt được những kết quả học tập đáng kể của tất cả mọi người, đặc biệt liên quan đến khả năng đọc viết và các kỹ năng sống thiết yếu.

Thành tựu về giáo dục tiểu học phổ cập dành cho trẻ em trai và gái, bình đẳng về giới và trao quyền cho phụ nữ thông qua xóa bỏ sự bất bình đẳng về giới trong giáo dục tiểu học và trung học, vào năm 2005 như mong muốn, và ở mọi cấp giáo dục dành cho các bé gái và trai vào năm 2015 đã được khẳng định tại Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ (MDGs) thứ 2 và thứ 3 trong tổng số 8 mục tiêu. Các MDGs khác ví dụ như giảm tỷ suất tử vong ở trẻ em và nâng cao sức khỏe bà mẹ hoặc chống HIV/AIDS sẽ không thể đạt được nếu thiếu các chính sách giáo dục phù hợp. “Các sáng kiến Flagship EFA”, ví dụ như sáng kiến về tác động của HIV/AIDS đối với giáo dục, vốn là các cơ chế liên kết đa đối tác hỗ trợ các mục tiêu EFA, là những ví dụ điển hình về vấn đề này.

Ngân hàng Thế giới, trước kia đã bị chỉ trích nhiều do không có sự ủng hộ thích đáng đối với giáo dục tiểu học miễn phí, trong năm 2002 đã

bắt đầu một sáng kiến tiến độ nhanh EFA đó là mối quan hệ đối tác toàn cầu giữa các quốc gia tài trợ và các quốc gia đang phát triển, nhằm đảm bảo sự tiến bộ nhanh chóng hơn về giáo dục tiểu học phổ cập. Các nước thu nhập thấp có cam kết nghiêm túc với mục tiêu MDG thứ 2 có thể nhận

được sự hỗ trợ bổ sung từ cộng đồng tài trợ dưới sự chủ trì của UNESCO và Ngân hàng thế giới. Vào tháng 1/2006 khoảng 20 quốc gia đã trở thành các đối tác tiến độ nhanh.

(Nguồn:

<http://www1.worldbank.org/education/efaiti>)

Bảng 2.4: Số lượng trẻ em không được học tiểu học năm 1998 và 2002

	1998				2002			
	Tổng số	Nam	Nữ	% nữ	Tổng số	Nam	Nữ	% nữ
		nghìn				nghìn		
Thế giới	106268	45067	61201	58	99303	44722	54581	55
Các nước đang phát triển	102052	42971	59081	58	95459	42701	52758	55
Các nước phát triển	1 911	961	950	50	2 376	1 285	1 091	46
Các nước trong thời kỳ chuyển giao	2304	1135	1170	51	1468	736	732	50
Châu Phi cận Sahara	44581	20648	23933	54	40370	18367	22003	55
Các nước Ả-rập	8491	3501	4991	59	6906	2882	4025	58
Trung Á	775	375	400	52	635	294	341	54
Đông Á và Thái Bình Dương	8309	4158	4151	50	14782	7410	7372	50
Nam và Tây Á	35722	12534	23189	65	30109	12698	17411	58
Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê	3620	1623	1997	55	2084	858	1226	59
Bắc Mỹ và Tây Âu	1429	718	711	50	1848	1012	836	45
Trung và Đông Âu	3340	1510	1830	55	2569	1203	1366	53

Ghi chú: Các số liệu trên có thể không cộng vào tổng số do làm tròn

Nguồn: Phụ lục số liệu, Bảng 5.

(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát Toàn cầu EFA 2006)

Thương mại hóa Giáo dục

Toàn cầu hóa đã làm gia tăng sự thương mại hóa giáo dục, và ngành này đang trở thành một ngành dịch vụ có thể chi trả, hơn là một hệ quả tốt về mặt công cộng của một quyền con người. Các thiết chế giáo dục tư nhân được thành lập như các doanh nghiệp có thể làm tổn hại đến nền giáo dục công. Để đối phó với xu thế này và giải quyết những mối quan ngại mà các hiệp hội nghề nghiệp nêu ra, Liên minh châu Âu đã hạn chế nhân nhượng về dịch vụ giáo dục tại Vòng đàm phán thương mại quốc tế Doha.

Tiến bộ hướng đến Giáo dục cho mọi người: kết quả tổng hợp

Các xu thế tích cực kể từ năm 1998

- Đăng ký vào các trường tiểu học ở châu Phi cận Sahara, Nam và Tây Á tăng mạnh. Có thêm 20 triệu trẻ em đi học ở mỗi khu vực.
- Đăng kí học tiểu học cho các em gái tăng nhanh, đặc biệt ở các nước nghèo.
- Chỉ tiêu công cộng và viện trợ chính thức cho giáo dục tăng đáng kể.

Những thách thức còn tồn tại

- Hơn 100 triệu trẻ em vẫn không được đi học

tiểu học; 55 % là các em gái.

- 47 trong số 163 quốc gia đã đạt được giáo dục tiểu học phổ cập; chỉ có thêm 20 quốc gia khác đang trên đà đạt được mục tiêu này vào năm 2015.
- Mặc dù số lượng các quốc gia quyết định xóa bỏ học phí nhưng trong số 103 quốc gia được điều tra thì có 89 quốc gia vẫn yêu cầu đóng học phí tiểu học, trái với cam kết theo Điều 13 Công ước ICESCR.
- Mục tiêu công bằng về giới vào năm 2005 đã không thực hiện được ở 94 trong số 149 quốc gia tiến hành điều tra. 86 quốc gia có nguy cơ không đạt được mục tiêu này vào năm 2015.

(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát Toàn cầu EFA 2006)

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

- 1946 Văn kiện thành lập UNESCO: ý tưởng về sự công bằng các cơ hội giáo dục.
- 1948 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua. Giáo dục được tuyên bố là một quyền cơ bản của tất cả mọi người.
- 1959 Tuyên bố về quyền trẻ em do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua. Giáo dục được tuyên bố là quyền của mọi trẻ em.
- 1960 UNESCO: Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục
- 1965 Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, tuyên bố về quyền giáo dục của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc hay sắc tộc.
- 1966 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.
- 1973 Công ước ILO về độ tuổi lao động tối thiểu.
- 1979 Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, kêu gọi xóa bỏ phân biệt đối xử đối với phụ nữ và vì quyền bình đẳng trong giáo dục.

1985 Hội nghị thế giới lần thứ ba về phụ nữ. Giáo dục được tuyên bố là yếu tố cơ bản để nâng cao địa vị phụ nữ.

1989 Công ước quyền trẻ em.

1990 Tuyên bố thế giới về giáo dục cho mọi người tại Jomtien, Thái Lan. Hội nghị tài trợ của UNDP, UNESCO, UNICEF, Ngân hàng thế giới và sau đó là UNFPA, đã thể hiện sự đồng thuận đối với quan điểm về mở rộng về giáo dục cơ bản.

1993 Kế hoạch hành động thế giới về giáo dục vì quyền con người và Dân chủ do Hội nghị quốc tế tại Montreal thông qua.

1994 Hội nghị thế giới về giáo dục các nhu cầu đặc biệt: tiếp cận và bình đẳng ở Salamanca. Các đại biểu tuyên bố rằng tất cả các quốc gia cần kết hợp giáo dục về các nhu cầu đặc biệt với chiến lược giáo dục trong nước và cung cấp “giáo dục hội nhập”.

1994 Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển. Các quốc gia tham gia cam kết thúc đẩy và đạt được tiếp cận phổ biến, công bằng với giáo dục có chất lượng giúp giảm nghèo, Tăng cường việc làm, thúc đẩy hòa nhập xã hội, đặc biệt nhấn mạnh vào giáo dục dành cho các em gái.

1998 Bổ nhiệm Báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục.

1999 Chú giải chung số 13 về quyền giáo dục

1999 Công ước ILO về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

2000 Khung hành động Dakar thông qua tại Diễn đàn giáo dục thế giới tại Senegal.

2000 Hội đồng Thiên niên kỷ: Giáo dục tiểu học và tiếp cận công bằng cho tất cả trẻ em vào năm 2015.

2003 Thập kỷ Biết chữ của Liên hiệp quốc (2003-2012).

2004 Hội nghị thế giới tại Amsterdam về Quyền giáo dục và các quyền trong giáo dục.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỌN LỰA

HOẠT ĐỘNG 1: ĐÓNG VAI ĐỂ HIỂU ĐƯỢC VẤN ĐỀ !



Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này nhằm mục đích đem lại sự hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề được đưa ra trong chuyên đề về quyền giáo dục.

Loại hoạt động: đóng vai

Phần II: Thông tin chung về việc đóng vai

Mục đích và mục tiêu:

Kỹ thuật nhập vai có thể tăng cường việc học. Mục đích là khiến học viên trải nghiệm một tình huống xa lạ và có thể thấu cảm và đánh giá từ các quan điểm khác nhau.

Đối tượng: Người đã trưởng thành.

Số lượng: khoảng 20 người

Thời gian: 60 phút

Chuẩn bị: đọc kỹ chuyên đề về giáo dục

Dụng cụ: bản có đồ; bút đánh dấu

Các kỹ năng được sử dụng: kỹ năng diễn và ngôn ngữ, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng sáng tạo

Phần III: Thông tin cụ thể về đóng vai

Giới thiệu chủ đề:

- Giải thích rằng mục đích của bài tập là thể hiện sâu sắc nội dung của chuyên đề về giáo dục.
- Yêu cầu mọi người chia thành các nhóm nhỏ (4-6 người) và phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy khổ lớn kèm theo bút đánh dấu.

- Cho mỗi nhóm 10 phút để vạch ra những ý tưởng về chuyên đề giáo dục và sau đó xác định 2-3 ý chính mà họ mong muốn được thể hiện nhất để diễn xuất.

- Cho mỗi nhóm 30 phút để thiết kế và tập diễn. Giải thích đây là nỗ lực của nhóm và mọi người

nên tham gia vào diễn xuất.

- Tập hợp các nhóm lại với nhau để mọi người có thể xem các nhóm diễn.
- Dành vài phút sau diễn xuất của mỗi nhóm để thu thập ý kiến và thảo luận
- Yêu cầu người xem và người diễn trình bày ý kiến của mình.

Diễn xuất:

- Tạo thành vòng tròn, cần đảm bảo có đủ không gian để các nhóm diễn.
- Để từng nhóm diễn các “vở kịch” mà họ dàn dựng.

Gợi ý tổ chức:

- Nói “Ngừng” ở đoạn kịch tính và yêu cầu các diễn viên miêu tả cảm xúc của mình vào giai đoạn kịch tính đó hoặc mời người xem phân tích vấn đề đang diễn ra.
- Không báo trước, thông báo ngừng diễn, yêu cầu diễn viên đổi vai và tiếp tục diễn từ cảnh đó
- Phân cho người đứng sau mỗi diễn viên. Diễn được nửa vở thì yêu cầu những người đứng sau mô tả họ nghĩ nhân vật kia cảm thấy thế nào, nghĩ thế nào và tại sao.

Phản hồi:

Đánh giá vai diễn

- Mọi người cảm thấy thế nào về hoạt động trên? Khó hay dễ hơn là tưởng tượng ban đầu? Những khía cạnh nào là khó nhất, hay những vấn đề nào là khó thể hiện nhất?
- Mọi người có học hỏi được điều gì mới mẻ không?
- Có điểm nào giống hoặc khác biệt giữa các nhóm, nếu có thì đó là những điểm nào?

Gợi ý về phương pháp:

- Có thể diễn một vai ở những dạng khác nhau nhưng tất cả mọi học viên diễn, thông thường đem lại cảm giác rõ rệt cho người diễn và khán giả. Do đó, nhóm trưởng nên khuyến khích việc đánh giá vở kịch và nên phân tích điểm nào liên quan đến quyền con người của vở kịch đó.

- Trước khi mỗi nhóm bắt đầu diễn, đưa ra chỉ đạo cụ thể và đảm bảo có đủ thời gian để phát triển và thảo luận vấn đề.
- Phải nhạy cảm với các cảm xúc mà vở kịch có thể đem lại cho diễn viên và khán giả.
- Dành thời gian để hỏi diễn viên và khán giả về điều mà họ cảm nhận được.
- Khuyến khích đánh giá sự việc diễn ra và phân tích tính hợp lý của nó với chuyên đề này và với quyền con người nói chung.

Gợi ý làm đa dạng vấn đề:

Thực hiện hoạt động trên như là một bài tập vẽ: gợi ý cho các nhóm vẽ tranh thể hiện các ý tưởng chính của mình.

Phần IV: Tiếp theo

Xem xét các vở kịch hoặc tác phẩm văn học có chủ đề quyền con người và tổ chức diễn dịch cho những thành viên trong cộng đồng nơi bạn sinh sống.

Các quyền liên quan: tất cả các quyền con người khác

Nguồn: Phạm vi: Hướng dẫn về giáo dục quyền con người với thanh niên. 2002. Strasbourg Cedex: Hội đồng châu Âu xuất bản.

HOẠT ĐỘNG II : KIỂU HÌNH THOI



Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này nhằm mục đích tăng cường sự hiểu biết về các nguyên tắc và điều khoản ghi nhận trong Công ước về Quyền trẻ em và đặc biệt là liên hệ với quyền giáo dục.

Hình thức hoạt động: Làm việc theo nhóm

Phần II: Thông tin chung về bài tập

Mục đích và mục tiêu:

Hoạt động này xử lý và đánh giá một số điều trong Công ước về Quyền trẻ em nhằm giúp hiểu rõ quyền được giáo dục của trẻ em.

Đối tượng : Người đã trưởng thành

Số lượng: khoảng 20

Thời gian: tối thiểu 60 phút

Chuẩn bị: Lên danh sách các điều 12, 13, 14, 17, 18, 27, 28, 29, 32 của Công ước về quyền trẻ em trên một tờ giấy khổ lớn để làm biểu đồ treo lên tường

Chuẩn bị một bộ các thẻ về các điều cho mỗi nhóm nhỏ

Dụng cụ: các bộ thẻ các điều được bỏ trong phong bì

Kỹ năng: ngôn ngữ, hợp tác, lập luận, phê bình, phản ánh

Phần III: Thông tin cụ thể về bài tập

Miêu tả Hoạt động/Hướng dẫn:

- Bắt đầu bằng việc đánh giá ngắn gọn Công ước về quyền trẻ em. Hỏi xem mọi người biết gì về công ước này. Lưu ý bảng biểu đồ và phân tích các điều chính.
- Chia cả nhóm thành các nhóm nhỏ. Phân phát phong bì có các thẻ ghi về Công ước về quyền trẻ em .
- Mỗi nhóm nhỏ phải thảo luận 9 điều và xem xét mức độ phù hợp của chúng với cuộc sống của chính họ. Tiếp đó, sắp xếp thành mô hình hình thoi theo trật tự tầm quan trọng. Các nhóm có khoảng 25 phút thảo luận và sắp xếp, và sắp xếp lại lần cuối mô hình hình thoi.
- Khi tất cả các nhóm đã hoàn thành phần việc của mình, các nhóm chuyển cho nhau xem mỗi nhóm sắp xếp thứ tự ưu tiên các điều khoản như thế nào.
- Tiếp đó tiến hành thảo luận giữa các nhóm với nhau.

Phản hồi/Đánh giá:

- Bắt đầu bằng việc mời từng nhóm đưa ra kết quả của họ. Tiếp đó đánh giá xem học viên thích hoạt động này đến mức độ nào và họ học hỏi được gì từ hoạt động này.
- Đưa ra vài ba câu hỏi như: sự giống và khác biệt giữa các nhóm; tại sao chúng ta có ưu tiên khác nhau; lập luận nào thuyết phục nhất, có quyền nào bị bỏ qua trong Công ước về quyền trẻ em không, tình hình trong cộng đồng của chúng ta như thế nào?

Gợi ý về phương pháp:

- Chia học viên thành các nhóm nhỏ để tạo điều

kiện thuận lợi hơn cho việc tham gia và phối hợp của các thành viên trong nhóm. Hoạt động của các nhóm nhỏ có thể tạo ra các ý tưởng nhanh chóng và khuyến khích kinh nghiệm cá nhân liên quan để rút ra khái niệm.

- Chỉ rõ rằng không có cách đúng hay sai để sắp xếp các thẻ ghi điều khoản.
- Khuyến khích học viên thảo luận các ý kiến và quan điểm khác nhau.
- Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đạt được sự thống nhất trong nhóm.

Gợi ý tạo sự đa dạng:

- Lựa chọn một điều và thông qua nghệ thuật kể chuyện, làm thơ, diễn kịch.... để diễn đạt điều khoản đó.

- Yêu cầu học viên lựa chọn một điều khoản và nói về điều khoản đó trong vòng một phút.

Phần IV: Tiếp theo

Xem xét các chính sách quản lý và chương trình giảng dạy của trường học để đánh giá xem trường thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình liên quan đến Công ước về quyền trẻ em tốt đến mức nào.

Các quyền liên quan: các quyền kinh tế, xã hội và tất cả các quyền con người khác.

Nguồn: Lấy từ Sách hướng dẫn giáo dục quyền con người cho thanh niên. 2002. Strasbourg Cedex: Hội đồng châu Âu xuất bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alfredsson, Gudmundur. Năm 1995. *Quyền được giáo dục về quyền con người.* Trong: Eide, A. C. Krause và A. Rosas, *Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*: Giáo trình Lei-den: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Beiter, Klaus-Dieter. Năm 2006. *Bảo vệ quyền giáo dục thông qua Luật quốc tế.* Leiden: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Bloom, Canning, Chan (chủ biên). Năm 2006. *Giáo dục ở bậc cao hơn và sự phát triển kinh tế ở châu Phi.* Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.worldbank.org/afr/teia/pdfs/Higher_Education_Econ_Dev.pdf

Bruns Barbara, Mingat Alain and Ramahatra Rako-tomalala. Năm 2003. *Đạt giáo dục tiểu học phổ cập năm 2015: một cơ hội cho mọi trẻ em.* Washington. D.C.: Ngân hàng Thế giới.

Coomans, Fons. Năm 1998. *Xác định những vi phạm về quyền giáo dục.* Trong: Van Boven, Theo, Cees Flinterman và Ingrid Westendorp (chủ biên). *Hướng dẫn Maastricht về những vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.* Utrecht: Viện quyền con người Hà Lan.

Coomans, Fons. Năm 1995. *Xác định các thành tố cơ bản của quyền giáo dục.* Trong: Coomans, Fons và Fried Van Hoof. *Quyền được khiếu nại về quyền kinh*

tế, xã hội và văn hóa. Utrecht: Viện quyền con người Hà Lan.

Hội đồng châu Âu. Năm 2002. *PHẠM VI - Sách hướng dẫn về giáo dục quyền con người dành cho thanh niên.* Strasbourg: Hội đồng châu Âu.

Daudet, Yves và Kishore Singh. Năm 2001. *Quyền giáo dục: một phân tích về các văn kiện thiết lập tiêu chuẩn của UNESCO.* Paris: UNESCO.

De Groof, Jan và Gracienne Lauwers (chủ biên). Năm 2004 *Tiếp cận với bình đẳng trong giáo dục.* Paris: UNESCO, Hiệp hội Luật và chính sách giáo dục châu Âu (ELA) và Nhà xuất bản Wolf Legal.

Delbrück, Jost. 1992. *Quyền giáo dục như là một quyền con người.* Trong: Niên giám Đức về Luật quốc tế, Tập. 35, 92-104.

Báo cáo giám sát toàn cầu EFA 2002. Năm 2001. *Giáo dục cho mọi người – Thế giới vẫn đang theo đuổi?* Paris: UNESCO.

Báo cáo giám sát toàn cầu EFA 2003/04. Năm 2003. *Giới và giáo dục cho mọi người: Bước nhảy đến bình đẳng.* Paris: UNESCO.

Báo cáo giám sát toàn cầu EFA 2005. Năm 2004. *Giáo dục cho mọi người - Chú ý đến chất lượng.* Paris: UNESCO.

Báo cáo giám sát toàn cầu EFA 2006. Năm 2005. *Biết chữ vì cuộc sống.* Paris: UNESCO.

Trung tâm tùy thuộc và đoàn kết toàn cầu châu Âu (chủ biên) *Tình tùy thuộc lẫn nhau.* Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.coe.int/T/E/North-South_Centre

Fernandez, Alfred và Siegfried Jenkner. Năm 1995. *Các tuyên bố và công ước quốc tế về quyền giáo dục và tự do giáo dục.* Frankfurt am Main: Info3 - Verlag.

Hodgson, Douglas. Năm 1998. *Quyền giáo dục của con người.* Aldershot: Ashgate xuất bản.

Trung tâm tư liệu về quyền con người. *Phạm vi các quyền. Tuyên truyền tích cực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa: Một nguồn đào tạo.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www1.umn.edu/humanrts/edumat/IHRIP/circle/toc.htm>

Tổ chức theo dõi quyền con người (HRW). Năm 2005. *Bỏ quên con trẻ: rào cản đối với quyền giáo dục.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hrw.org/reports/2005/education0905>

Muñoz Villalobos, Vernor. Năm 2004. *Quyền giáo dục. Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục, E/CN.4/2005/50.*

Nambissan, Kabeer, Subrahmanian (chủ biên). Năm 2003. *Lao động trẻ em và quyền giáo dục ở Nam Á: Nhu cầu chống lại quyền?* Sage Publications Ltd.

Nowak, Manfred. Năm 2001. *Quyền giáo dục trong các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Trong: Eide, Asbjorn, Catarina Krause và Allan Rosas (chủ biên). Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.* Hague: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Văn phòng cao Ủy Liên hiệp quốc về quyền con người. Năm 1999. *Thập kỷ của Liên hiệp quốc về giáo dục quyền con người (1995-2004) Số 3. Tập hợp các điều khoản trong các văn kiện khu vực và quốc tế liên quan đến giáo dục quyền con người.* Geneva: Liên hiệp quốc.

Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế. Năm 2006. *Nhìn qua vấn đề giáo dục. Các chỉ số OECD.* Paris: OECD xuất bản.

Sen, Amartya. Năm 2002. *"Giáo dục cơ bản và an ninh con người.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.humansecurity-chs.org/activities/outreach/Kolkata.pdf>

Nhóm Ngân hàng Thế giới. Năm 2006. *Giáo dục cho mọi người – Sáng kiến Thực thi nhanh (fast-Track) (EFA-FTI).* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www1.worldbank.org/education/efafiti>

Tomasevski, Katarina. Năm 1999. *Báo cáo sơ bộ của Báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục,* Tài liệu UN Doc.E/CN.4/1999/49. Xem thêm báo cáo về tiến bộ của Báo cáo viên đặc biệt, Tài liệu UN Doc. E/CN.4/2000/6 và báo cáo hàng năm của báo cáo viên, chẳng hạn như: E/CN.4/2001/52

Tomasevski, Katarina. Năm 2003. *Bị phủ nhận giáo dục, chi phí và giải pháp.* London: Zed Books.

Tomasevski, Katarina. Năm 2004. *Sách hướng dẫn giáo dục dựa trên quyền: Các yêu cầu về quyền con người toàn cầu trở nên đơn giản.* Bangkok: UNESCO.

Tomasevski, Katarina. Năm 2005. *Liệu Quyền giáo dục có tương lai trong Liên hiệp quốc? Báo cáo Phía sau cánh gà của Báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục 1998-2004.* Trong: Tạp chí luật về quyền con người, Tập 5, 2, trang 205-237.

Liên hiệp quốc. Năm 2001. *Từ Bắc Kinh đến Bắc Kinh +5. Đánh giá và xem xét việc thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh - Báo cáo của Tổng thư ký.* New York: Liên hiệp quốc.

Liên hiệp quốc. Năm 2001. *Chúng ta - các dân tộc: vai trò của Liên hiệp quốc trong thế kỷ XXI. Báo cáo của Tổng thư ký Liên hiệp quốc.* New York: Liên hiệp quốc.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Năm 2006. *Các thành tựu về giới và viễn cảnh giáo dục: Báo cáo KHOẢNG CÁCH (Phần I).* Paris: UNICEF.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Năm 2005. *Tình hình trẻ em thế giới 2006. Bị loại trừ và không nhìn thấy.* New York: UNICEF.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Năm 2004. *Thúc đẩy tiến bộ giáo dục dành cho trẻ em gái.* UNICEF.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Năm 2003. *Tình hình trẻ em thế giới 2004.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.unicef.org/sowc04/index.html>

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). 2001. *Tình hình trẻ em thế giới 2002.* Paris: UNICEF.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). 1999. *Tình hình trẻ em thế giới 1999*. Paris: UNICEF.

Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) Viện Thông kê và Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Năm 2005. *Các xu hướng giáo dục triển vọng. Phân tích các chỉ số giáo dục thế giới*. Paris: UNESCO, OECD.

Báo cáo thế giới của UNESCO. Năm 2005. *Hướng tới các xã hội tri thức*. Paris: UNESCO.

Verheyde, Mieke. Năm 2005. *Một bản chú thích về Công ước về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc: Điều 28, Quyền giáo dục*. Leiden: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Watkins, Kevin. Năm 1999. *Giáo dục từ bây giờ. Phá vỡ vòng nghèo đói*. Oxford: OXFAM International.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Giáo dục quốc tế: <http://www.ei-ie.org/en/in-dex.php>

Trung tâm nguồn điện tử về giáo dục quyền con người: <http://erc.hrea.org>

Hội giáo dục quyền con người: www.hrea.org

Internet về quyền con người: www.hri.ca

Mạng lưới quyền con người: www.derechos.net

Tổ chức theo dõi quyền con người: www.hrw.org

Văn phòng cao ủy quyền con người: www.unhchr.ch

Quyền giáo dục: www.right-to-education.org

Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người: www.pdhre.org

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc: www.unicef.org

Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc: www.unesco.org

Ngân hàng Thế giới: www.worldbank.org

QUYỀN CON NGƯỜI CỦA TRẺ EM

**TRAO QUYỀN VÀ BẢO VỆ TRẺ EM
THAM GIA VÀ CUNG CẤP
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI VỚI TRẺ EM
CÁC LỢI ÍCH TỐT NHẤT CỦA TRẺ**

“Trong tất cả các hành động liên quan đến trẻ em, dù là do các thiết chế phúc lợi xã hội công hoặc tư, các tòa án, chính quyền hay cơ quan lập pháp tiến hành, trước hết cần phải cân nhắc đến lợi ích lớn nhất của trẻ”.

Điều 3 Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em. 1989.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Trừng phạt về thân thể đối với trẻ em

Trả lời của các em:

“Tại sao em lại nghĩ là có thể tát trẻ em?”

- “Khi trẻ em hư, đánh lộn, chúng bị mẹ hoặc bố tát” (cậu bé 6 tuổi)

- “(trẻ bị tát) khi đánh người khác, khi ném đá hay ném đồ” (cậu bé 7 tuổi)

- “Có thể (bạn) vẽ lên thân (hoặc) vẽ lên ghế sofa (hay không) dọn phòng - nếu bạn nghịch sơn hay bôi sơn lên đồ vật gì đó. Và nếu bạn đung vào chiếc cốc mà mẹ thích nhất và làm vỡ nó” (bé gái 5 tuổi)

- “À, nếu đến lúc dọn phòng mà bạn chỉ còn 1 tiếng, bạn lại không dành thời gian để đọc sách, bạn có thể bị tát đấy” (cậu bé 6 tuổi)

- “vì bố mẹ bảo không được làm gì đấy nhưng vẫn làm” (bé gái 7 tuổi)

(Nguồn: Willow, Carolyne; Hyder, Tina. 1998. Gây tổn thương từ bên trong - trẻ em nói về việc bị tát. Trích đoạn Tài liệu có tại địa chỉ www.childrenareunbeatable.org.uk)

Câu hỏi thảo luận

1. Tại sao người ta lại tát con mình?
2. Liệu tát trẻ em có phải là 1 dạng thức mang tính kỷ luật hợp pháp không?
3. Có biện pháp nào thay thế hình phạt về thân thể không?
4. Tại sao chỉ có 16 quốc gia trên thế giới cấm một cách tổng hợp hình phạt thân thể trong gia đình, trường học và hệ thống luật hình sự?
5. Bản thân bạn hoặc cùng người khác có thể hiểu được gì về vấn đề này?

Trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang

“Em bị (Quân đội kháng chiến của vua) bắt cóc khi mẹ và em đang tìm cách trốn, nhưng mẹ bị bắt. Quân nổi dậy bảo với hai mẹ con là mẹ đã tìm cách chạy trốn nên phải giết mẹ. Họ bắt bọn

trẻ mới đến giết mẹ em. Họ bảo là nếu chúng em chạy trốn, thì họ sẽ giết gia đình của chúng em.

Họ bắt chúng em đi bộ 1 tuần liền (...). Một vài em nhỏ hơn không thể theo kịp vì chúng em phải đi rất xa mà lại không được nghỉ, và thế là họ giết các em ấy (...). Một số em thì chết đói. Em cảm thấy thật khủng khiếp khi phải chứng kiến nhiều trẻ em chết và bị giết hại như vậy. Em đã nghĩ rằng họ cũng sẽ giết em”.

Sharon là một em gái 13 tuổi, bị quân đội kháng chiến của nhà vua bắt cóc, một nhóm nổi dậy ở phía bắc Uganda, chống lại chính phủ nước này, tiến hành khủng bố dân địa phương, đặc biệt là bắt cóc trẻ em, bắt các em tham gia lực lượng phiên quân. Tại hơn 85 quốc gia trên khắp thế giới, trẻ em dưới 18 tuổi vẫn đang bị xung vào quân đội quốc gia hoặc các nhóm vũ trang đối lập, khoảng 300.000 trẻ em đang tham gia tích cực trong các cuộc xung đột vũ trang.

(Nguồn: Tổ chức Theo dõi quyền con người. 1997. Vết nhơ của thân chết: Trẻ em bị bắt cóc bởi Quân đội Kháng chiến của nhà vua tại Uganda).

Câu hỏi thảo luận

1. Có những lý do nào khiến người lớn bắt trẻ em tham chiến?
2. Nên làm gì để xóa bỏ các binh sĩ là trẻ em khỏi vòng bạo lực này?
3. Hậu quả của việc sử dụng trẻ em trong chiến tranh là như thế nào - đối với trẻ em, xã hội?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

Thảo luận về quyền con người của trẻ em đôi khi là vấn đề xa lạ và mang tính nước đôi.

Thoạt đầu, mọi người có thể nhất trí ngay lập tức các quyền của thanh niên được có gia đình, được sống với gia đình và bạn bè, được phát triển nhân cách và tài năng, được bảo vệ khỏi bị làm hại và được tôn trọng, coi trọng. Tuy nhiên, một khi các vấn đề nổi lên về các tiêu chuẩn cụ thể liên quan đến việc nuôi nấng con cái, và về trách nhiệm hiện thực hóa các mục tiêu này, thì lại nảy sinh nhiều vấn đề tranh cãi.

Hãy xem Công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (CRC). Công ước quốc tế này do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua năm 1989, cấu thành nền tảng bảo vệ mang tính quốc tế các quyền con người của trẻ em. Một câu chuyện thành công thể hiện ở chỗ Công ước này hiện tại là công ước về quyền con người được phê chuẩn rộng rãi nhất, với 192 quốc gia thành viên, bao gồm toàn bộ các thành viên của Liên hiệp quốc, ngoại trừ Somalia và Mỹ. Do đó, Công ước về Quyền trẻ em đặt ra các tiêu chuẩn thực sự mang tính phổ quát đối với trẻ. Tuy nhiên, thông tin tốt ở khía cạnh đề ra các tiêu chuẩn lại đối nghịch với bức tranh bi thảm trong việc thực hiện các tiêu chuẩn. Đánh giá cuối thập kỷ của Liên hiệp quốc/UNICEF cho Phiên họp đặc biệt của Liên hiệp quốc năm 2002 đã cho thấy, ví dụ, các cơ hội về khả năng sống sót của trẻ em ở châu Phi cận Sahara đã suy giảm và ở cấp độ toàn cầu thì có tới 149 triệu trẻ em bị suy dinh dưỡng, và 100 triệu em không được đi học ở trường.

Do đó, những mong đợi là rất lớn, nhất là vào thời điểm tháng 5/2002 khi có khoảng vài nghìn đại biểu các quốc gia và đại diện các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và hơn 600 thanh niên (đến 18 tuổi) tới New York tham gia Phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hiệp quốc về trẻ em. Tuy

nhiên, Kế hoạch hành động quốc tế mới (“Một thế giới phù hợp với trẻ em”), thảo luận kéo dài gần 2 năm, nhưng chỉ đem lại thành quả chung chung. Và ấn tượng nhất, một trong các vấn đề gai góc nhất trong cuộc tranh luận đó là địa vị của Công ước về quyền trẻ em trong văn bản kết quả của phiên họp, do một số quốc gia như Hoa Kỳ phản đối đưa ra văn bản kết luận dựa trên quyền trẻ em.

Quyền trẻ em và an ninh con người/Trẻ em

Khái niệm về an ninh con người đã được mô tả như là tự do khỏi những đe dọa lan tràn đối với các quyền và an ninh của cá nhân, thúc đẩy tự do thoát khỏi sự sợ hãi và được tự do mong muốn, với các cơ hội bình đẳng để phát triển đầy đủ khả năng con người của mình.

Do đó, nó tập trung vào các tình trạng mất an ninh do bạo lực và nghèo đói, và còn trầm trọng hơn do sự phân biệt đối xử và sự loại trừ về mặt xã hội. Yêu cầu về ưu tiên và thành tố về tính cấp thiết phải chống lại những nguy cơ trước mắt đe dọa an ninh của cá nhân là sự bổ sung cho khái niệm về các quyền trẻ em, đặc biệt theo nguyên tắc ưu tiên cân nhắc các lợi ích cao nhất của trẻ. Tuy nhiên, khi sử dụng khái niệm an ninh con người như là một công cụ chính trị, cần xem xét một số dữ liệu báo trước.

Trước hết, khuôn khổ luật pháp bắt buộc đối với việc bảo vệ các quyền con người của trẻ em là sẵn có, đem lại các quyền tổng hợp với các nghĩa vụ tương ứng mang tính ràng buộc đối với các quốc gia – trong khi an ninh con người đến nay vẫn thiếu nền tảng quy chuẩn.

Thứ hai, các cách tiếp cận an ninh con người/an ninh của trẻ em có thể dẫn đến sự bảo vệ (thái quá), nhấn mạnh tính dễ bị tổn thương và sự phụ thuộc của trẻ - trong khi lại bỏ qua những khả năng và nguồn lực của chính các em. Do đó, một thách thức về khái niệm đối với an ninh của trẻ là

ở chỗ làm thế nào có thể lồng ghép tốt nhất sự trao quyền/khía cạnh tự tạo khả năng, trọng tâm của vấn đề về quyền con người.

Từ điểm này suy ra, cần nhấn mạnh việc kết hợp giữa các quyền của trẻ em và các cách tiếp cận an ninh trẻ em, như đã được chứng kiến, ví dụ như trong bối cảnh tranh luận hiện tại về sự tham gia của trẻ vào các quá trình hòa bình và tái thiết hậu xung đột.

“Bất cứ xã hội nào muốn phủ nhận quyền của trẻ em hay của bất cứ nhóm người nào khác, vốn là tài sản chung của các nhóm khác, cần phải đưa ra những lý do rõ ràng và bền vững để thực hiện điều đó. Gánh nặng phải đưa ra bằng chứng luôn tùy thuộc vào những ai muốn loại trừ người khác không cho người đó tham gia; trẻ em không cần buộc phải bảo vệ cho trường hợp của mình để có được những quyền như những người khác”.

Bob Franklin. 1995

Kể từ khi thành lập, Mạng an ninh con người đã quan tâm đặc biệt đến an ninh trẻ em, đặc biệt liên quan đến xung đột vũ trang (bao gồm các vấn đề về vũ khí hạng nhẹ, mìn). Cam kết này đã được thể hiện ở những ưu tiên tại Văn phòng Mạng an ninh con người Áo 2002/03: trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang và giáo dục quyền con người.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ

Bản chất và nội dung của các quyền con người của trẻ em

Một mặt, khái niệm về quyền trẻ em đã phát triển, từ phong trào quyền con người rộng lớn hơn, mặt khác, xuất phát từ những tiến triển trong lĩnh vực xã hội, giáo dục và tâm lý trong 200 năm qua. Điều này bao gồm tác động của giáo dục bắt buộc mang tính thể chế của nhà nước tại các trường học, những tác động tiêu cực của công nghiệp hóa đối với trẻ em (ví dụ như sử dụng trẻ

em tại các nhà máy hay hầm mỏ). Một cách hiểu mới về sự phát triển của trẻ đi từ các khái niệm và mô hình dạy học mới liên quan đến nuôi dạy trẻ là “các phong trào giải phóng trẻ em” trong thập kỷ 70 của thế kỷ trước. Các phong trào này đã hỗ trợ để tạo ra sự chuyển đổi từ sự tập trung vào tính dễ bị tổn thương của trẻ và các nhu cầu bảo vệ các em sang mối quan tâm mới về tính tự quản của trẻ, năng lực, tính tự quyết và sự tham gia của trẻ, bác bỏ những quan điểm gia trưởng rằng trẻ em chỉ là các đối tượng để cha mẹ/người lớn giám sát. Sau cùng, những tiến triển đó kết hợp lại, tác động mạnh đến tiến trình chính trị bắt đầu từ năm 1978/79 tại Liên hiệp quốc với việc dự thảo một văn kiện ràng buộc về mặt pháp lý mới và đầu tiên về quyền con người của trẻ em - Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (CRC). Ngày 20/11/1989 - ngày mà công ước này được thông qua là ngày quốc tế về quyền trẻ em được kỷ niệm hàng năm.

Các khái niệm chính của Công ước về quyền trẻ em

Trao quyền và giải phóng, các khía cạnh về giới và thể hệ

Dựa trên sự tôn trọng phẩm giá của loài người, Công ước về quyền trẻ em thừa nhận cá nhân từng em là người sở hữu các quyền con người: những quyền này không bị tước đoạt hay phụ thuộc vào các quyền của cha mẹ hay bất cứ người lớn nào khác. Đây là nền tảng cho hai khái niệm về giải phóng và trao quyền cho trẻ, tạo điều kiện để trẻ trở thành chủ thể được tôn trọng và là công dân của xã hội, thách thức và thay đổi các nhận thức hạn chế và phân biệt và những mong muốn đối với những người trẻ tuổi. Sự thật là trẻ em hiện vẫn bị phụ thuộc vào người lớn (liên quan đến sự phát triển về thể chất, tình cảm và xã hội, thiếu nguồn lực vật chất/thu nhập...) và tình trạng kinh tế, xã hội của người chăm sóc (ví dụ: tình trạng thất nghiệp, cha mẹ li hôn), có tác động trực tiếp đối với mức sống của trẻ. Tuy nhiên, thông qua việc bảo vệ các quyền con người của trẻ em, địa vị của các em trong luật pháp và trong xã hội sẽ thay đổi.

Đó không phải là giải pháp đối với mọi vấn đề mà trẻ em phải đối diện hay chấm dứt các vấn đề đó, mà là công cụ cần thiết để tham gia vào quá trình giải quyết những vấn đề này một cách tổng hợp, dựa trên các lợi ích tốt nhất của trẻ (và của xã hội). Chấp nhận các quyền của thể hệ trẻ, do đó, không tạo nên một nhóm xã hội cụ thể “được đặc quyền đặc lợi”, mà thay vào đó, tạo tiền đề cần thiết để nâng cao địa vị trong xã hội đến cấp độ mà các em có thể tự bảo vệ các lợi ích của mình một cách bình đẳng với người lớn.

“Một trăm trẻ em, một trăm cá nhân chính là những người - không chỉ là con người của tương lai, không phải là những người của ngày mai, mà là con người của hiện tại, thời điểm hiện giờ - của ngày hôm nay”.

Janusz Korczak. Cách yêu trẻ. 1919

Chỉ như vậy, trẻ em mới có thể được điều trần trước tòa trong những trường hợp liên quan đến giam giữ hay một bé gái có thể cảm thấy an toàn để có thể đi khai báo vấn đề lạm dụng tình dục. Điều này cũng có thể nêu bật các khía cạnh mang tính phòng ngừa và nâng cao nhận thức của sự trao quyền cho trẻ. Và chỉ khi đó, các lợi ích của trẻ với tư cách là một nhóm xã hội cụ thể và riêng biệt được nhìn nhận một cách nghiêm túc - một thách thức chính yếu liên quan đến tình hình nhân khẩu học ở “các xã hội dân số già” ở bán cầu Bắc và cả ở bán cầu Nam nơi mà thanh niên thường chiếm đến hơn 50% tổng dân số. Ngoài khía cạnh về thể hệ, sức mạnh về giới cũng là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc trao quyền cho trẻ em. Vấn đề buôn bán trẻ em gái để khai thác tình dục hay việc giết hại các em gái vì lý do “danh dự gia đình”, bị loại trừ và các bất lợi trong giáo dục và việc làm, cũng như các khuôn mẫu lạc hậu trong công nghiệp truyền thông và giải trí rõ ràng thể hiện sự phân biệt đối xử kép đối với cả trẻ em gái và trẻ em nói chung.

Quan điểm chính thống về trẻ em



Công ước về Quyền trẻ em đó là văn kiện quốc tế về quyền con người đầu tiên và duy nhất kết hợp được cả các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cũng như dân sự và chính trị. Công ước về Quyền trẻ em, do vậy, đã đi theo cách tiếp cận tổng hợp (“chính thống”) trong giải quyết tình trạng của trẻ; công ước này vượt xa những tuyên bố về quyền trẻ em trước đó, tập trung vào các nhu cầu bảo vệ trong quá trình phát triển của trẻ vì công ước này cũng bao gồm các điều khoản đảm bảo sự tôn trọng tính cách, tính tự quyết và sự tham gia của trẻ.

Mối quan hệ giữa trẻ em - cha mẹ - nhà nước

Cùng lúc, điều quan trọng là cần nhấn mạnh đến các vấn đề mang tính đối ngẫu nhau - chẳng hạn như quyền được bảo vệ và các quyền tự quyết - là không mang tính loại trừ mà còn hỗ trợ cho nhau; Công ước không ủng hộ những vấn đề như coi các quyền tự quyết cao hơn quyền bảo vệ, do đôi khi các nhà phê bình vẫn đòi hỏi và gọi công ước này là “chống gia đình” và sợ phá vỡ các gia đình thông qua việc trao các quyền con người cho trẻ em. Công ước về Quyền trẻ em thừa nhận rõ ràng “các trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ” của (cả hai!) cha mẹ đem lại, “định hướng và hướng dẫn phù hợp” cho trẻ. Tuy nhiên, cha mẹ có trách nhiệm phải “nhất quán với các khả năng phát triển của trẻ”, có nghĩa là trách nhiệm đó không chỉ đem lại quyền năng tuyệt đối nào cho trẻ mà là quyền năng tương đối và sống động. Hơn nữa, so với nhà nước, các bậc phụ huynh có trách nhiệm giáo dục hàng đầu, nhưng nếu họ không thể hoặc không sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của mình, thì nhà nước/xã hội có quyền can thiệp.

Không phân biệt đối xử với trẻ em

Công ước đưa ra các quy định rõ ràng về nghiêm cấm phân biệt đối xử với trẻ, đưa ra một danh sách những lý do không thể chấp nhận được đối với việc phân biệt về (liên quan đến cả cha mẹ/người bảo trợ của trẻ): “... chủng tộc, màu

da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hay quan điểm khác, dân tộc, sắc tộc hay nguồn gốc xã hội, tài sản, khuyết tật, dòng dõi hay địa vị khác”. (Điều 2) Ủy ban về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc, giám sát việc thực hiện Công ước, đã giải thích danh sách này một cách rộng rãi, cũng đề cập đến sự phân biệt đối xử với trẻ em, ví dụ như trẻ bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ em đường phố, trẻ sống ở vùng nông thôn, vùng xa xôi hẻo lánh, trẻ tìm kiếm tị nạn...

“Tôi có một ước mơ là cả 4 con nhỏ của tôi một ngày nào đó sẽ được sống ở một đất nước nơi chúng không bị phân biệt bởi màu da mà bởi cá tính của chúng”.

Martin Luther King Jr. 1963

“Triển vọng tương lai của bất cứ dân tộc nào cũng được đo một cách trực tiếp bằng triển vọng hiện tại của thể hệ trẻ ở dân tộc đó”.

John F. Kennedy. 1963

Những lợi ích tốt nhất của trẻ

Điều 3(1) đưa ra nguyên tắc chỉ đạo chung cho toàn bộ Công ước, cụ thể là ưu tiên quan tâm “những lợi ích tốt nhất của trẻ”. Nó không giới hạn ở những hành động trực tiếp đối với trẻ (Ví dụ: giáo dục, các trường hợp tòa tạm giam...), tuy nhiên, thay vào đó có tính hợp lý đối với mọi hành động có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đối với trẻ (chính sách lao động, phân bổ ngân sách,...). Do đó, điều này hàm ý nghĩa vụ của bất cứ diễn viên nào (nhà nước hay tư nhân) phải thực hiện một cuộc “đánh giá tác động đến trẻ”, để xem xét những hậu quả của bất cứ biện pháp nào hay các biện pháp thay thế đối với tăng cường giám sát việc thực hiện biện pháp đó và tác động của nó đối với trẻ em.

Bên cạnh đó, nguyên tắc “lợi ích tốt nhất của trẻ em” là một điều khoản bao trùm. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các điều khoản trong Công

ước và là hướng dẫn cho bất cứ trường hợp xung đột các quyền trong Công ước.

Định nghĩa về “trẻ em” của Công ước



Cuối cùng, một vấn đề chủ chốt vẫn còn đó: Ai thực chất được coi là “trẻ em” theo Công ước về Quyền trẻ em? Theo cách tiếp cận tương đối về luật học, Công ước này xác định “trẻ em” là con người dưới 18 tuổi (trừ phi đa số được quy định sớm hơn tại quốc gia liên quan, Điều 1), do vậy, phân biệt được người trưởng thành và người chưa trưởng thành. Rõ ràng, các thách thức và nhu cầu của một bé gái ở tuổi niên thiếu thường khác xa với một em bé sơ sinh. Do có sự cấu thành tuổi “dưới 18” đa dạng, không đồng đều và mang tính xã hội, nên nhất thiết khi vận dụng Công ước về Quyền trẻ em phải hiểu rõ nhóm các biện pháp mục tiêu liên quan trong hoàn cảnh xác định.

Các quyền trong công ước: Tham gia - bảo vệ - cung cấp

Một cấu trúc được sử dụng phổ biến để miêu tả các nội dung của Công ước (ngoài các nguyên tắc chỉ đạo ở trên) là tuân theo 3 chữ P (tham gia, bảo vệ, cung cấp) - participation, protection, provision:

- Sự tham gia, trước hết, được thể hiện bằng sự thừa nhận rõ ràng quyền của trẻ được tham gia như quy định tại Điều 12(1). “Coi trọng thích đáng” trong quan điểm của trẻ là yếu tố chủ chốt của điều khoản này; nó yêu cầu một cấp độ tham gia của trẻ (với sự hỗ trợ phù hợp của người lớn) cho phép các em thực sự tác động đến các quá trình, ảnh hưởng tới việc ra quyết sách. Bên cạnh đó, Công ước thông qua các quyền chính trị và dân sự cơ bản liên quan đến hoàn cảnh này vì các quyền của trẻ như tự do tín ngưỡng, tôn giáo, hội họp, và tôn trọng tính riêng tư.
- Về các vấn đề bảo vệ, các quyền trong Công ước bao gồm sự bảo vệ khỏi mọi dạng bạo lực, thờ ơ hay bóc lột liên quan đến trẻ em.
- Các quyền về cung cấp được đảm bảo theo Công ước, ví dụ như quyền về sức khỏe, giáo dục, an ninh xã hội và mức sống thỏa đáng.

Hơn nữa, Công ước cũng phát triển các tiêu chuẩn mới thông qua việc hình thành quyền của trẻ được bảo vệ tính cách, gia đình và các mối quan hệ xã hội khác (bao gồm đoàn tụ với gia đình), công ước đảm bảo việc tạo môi trường gia đình thay thế và việc nhận con nuôi, đảm bảo quyền của trẻ được nghỉ ngơi, vui chơi, tham gia hoạt động văn hóa và nghĩa vụ quốc gia, đảm bảo sự phục hồi sức khỏe và chức năng cho mọi trẻ em là nạn nhân của bất cứ dạng thức bạo lực hay bóc lột nào.

Kết luận: Tại sao lại sử dụng cách tiếp cận dựa trên quyền trẻ em?

- Các quyền trẻ em là quyền con người - tôn trọng nhân phẩm mà không quan tâm đến vấn đề tuổi tác.
- Các quyền trẻ em chuyển sự tập trung quan tâm từ cá nhân trẻ sang nhìn nhận trẻ em với tư cách là một nhóm trong xã hội.
- Các quyền trẻ em là tổng hợp và có liên quan lẫn nhau - sẽ không có tự do ngôn luận nếu không có sự nghiêm cấm bạo lực, sẽ không có quyền giáo dục nếu không có quyền được hưởng mức sống thỏa đáng.
- Các quyền trẻ em là những quyền mang tính pháp lý - chúng làm rõ các trách nhiệm và đối tượng chịu trách nhiệm.
- Các quyền của trẻ em đem lại quyền năng cho các em - chúng đòi hỏi phải có một nền văn hóa tương tác mới với trẻ, dựa trên sự thừa nhận các em là chủ thể và người sở hữu quyền.

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN

Việc bảo vệ quyền trẻ em đã làm sáng tỏ địa vị của các em trong xã hội, làm rõ khái niệm thông thường về tuổi thơ, các mẫu hình về vai trò đối với trẻ, điều kiện sống và cơ sở vật chất liên quan đến điều kiện sống. Hơn nữa, nó cũng làm rõ nhiều vấn đề về khái niệm gia đình và địa vị của phụ nữ trong xã hội đó.

Một vấn đề gây tranh cãi và manh tính tiêu biểu về sự không rõ ràng là vấn đề liên quan đến hình phạt thân thể đối với các em.

“Nếu chúng ta muốn tạo dựng một nền hòa bình bền vững, chúng ta phải bắt đầu với trẻ em”.

Mahatma Gandhi.

Trong khi mọi bộ luật hình sự trên thế giới đều coi việc áp dụng hình thức làm tổn thương có chủ ý đối với người thành niên như là một hành vi phạm tội, thì nguyên tắc trên lại không được áp dụng với trẻ. Theo đó, người ta có thể thảo luận về hàng loạt những điều trói buộc, những quy định về kích cỡ hay vật liệu của chiếc roi hay yêu cầu phải có sự hiện diện của bác sĩ trong quá trình thi hành hình phạt ở trường. Nổi bật là gần đây chỉ có khoảng 15 quốc gia trên thế giới đã xóa bỏ hoàn toàn hình phạt thân thể. Ủy ban về Quyền trẻ em đã tập trung vào vấn đề bạo lực đối với trẻ em ở cấp độ Nhà nước, trong gia đình và trường học trong hai phiên thảo luận chủ đề năm 2000 và 2001. Ủy ban cũng bắt đầu tiến hành nghiên cứu cơ bản của Liên hiệp quốc về bạo lực đối với trẻ em, vào năm 2006, nhằm thu hút sự quan tâm chính trị toàn cầu đối với vấn đề quyền trẻ em này.

Những lĩnh vực gây tranh cãi khác như địa vị của các em gái (ví dụ “coi trọng con trai” trong các gia đình, giáo dục, việc làm, giải thích giới hạn về Luật tôn giáo, các tập tục như cắt bỏ bộ phận sinh dục phụ nữ, tiếp cận với các dịch vụ sức khỏe sinh sản, và cách giải quyết vấn đề lao động trẻ em hiệu quả, liên quan đến nhiều nhân tố và điều kiện kinh tế, xã hội tại từng quốc gia.

4. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT

Điện hình là trong lĩnh vực quyền con người, vẫn còn tồn tại khoảng cách giữa các nguyên tắc và thực tiễn, giữa các cam kết và thực thi, nhưng ai cũng có thể lập luận rằng khoảng cách này trong lĩnh vực quyền trẻ em là lớn hơn cả. Nhiều lý do có thể được đưa ra cho tình trạng trên (các vấn đề

về quyền trẻ em liên quan đến những thảo luận thường xuyên gây tranh cãi về “các giá trị gia đình”/truyền thống văn hóa/tôn giáo, thiếu cơ sở hạ tầng tập trung vào trẻ em và ủng hộ các sáng kiến nhằm vào trẻ em). Tuy nhiên, một nhân tố khác góp phần dẫn đến vấn đề trên chính hệ thống giám sát Công ước quyền trẻ em yếu. Công ước chỉ thiết lập một cơ chế báo cáo cấp quốc gia đối với việc giám sát tuân thủ các điều khoản. Theo thủ tục trên, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ nộp các báo cáo (định kỳ 5 năm một lần) lên cơ quan giám sát Công ước - Ủy ban quyền trẻ em - về tiến bộ đạt được trong quá trình thực hiện Công ước (và các nghị định thư lựa chọn). Việc này đã khởi động một “cuộc đối thoại mang tính xây dựng” với từng chính phủ với kết quả đưa ra là “các nhận xét kết luận” của Ủy ban là những đánh giá phê bình, kèm theo các khuyến nghị đối với chính phủ.

“Liệu có thể có một nghĩa vụ nào thiêng liêng hơn là nghĩa vụ chúng ta phải bảo vệ quyền của trẻ em một cách thận trọng như chúng ta bảo vệ quyền của bất kỳ người nào khác? Liệu có thể có cuộc kiểm tra sự lãnh đạo nào lớn hơn nhiệm vụ đảm bảo các tự do đó của trẻ em, trong mỗi quốc gia mà không có ngoại lệ nào?”

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

“Việc thực hiện Công ước không phải là vấn đề lựa chọn, phúc lợi hay từ thiện mà là vấn đề thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý”.

**Phiên họp kín về Quyền trẻ em,
giám sát cương lĩnh NGO quốc tế tiếp
sau Phiên họp đặc biệt về trẻ em, năm 2002.**

Phiên họp kín về quyền trẻ em, cuộc họp về giám sát cương lĩnh NGO quốc tế tiếp sau Phiên họp đặc biệt về trẻ em năm 2002.

Không có trình tự thủ tục khiếu nại hay điều tra cá nhân hay quốc gia được ghi nhận tại Công ước (như với các công ước quyền con người khác), mặc dù

các NGO đã bắt đầu vận động thiết lập cơ chế khiếu nại cá nhân cho phép Ủy ban phát triển luật vận dụng án lệ của mình. Điều này có thể là một vấn đề thúc đẩy mạnh mẽ sự thảo luận pháp lý kỹ lưỡng về quyền trẻ em. Tuy nhiên, khi giải quyết tình hình hiện tại, Ủy ban đã rất tiến bộ trong việc tìm cách bù đắp cho sự thiếu hụt của các cơ chế truyền thống. Trước hết, Ủy ban có quan điểm rất cởi mở đối với sự tham gia của các NGO, mời họ nộp các báo cáo (“bóng”) của mình về tình hình quyền trẻ em tại một quốc gia để có được một bức tranh đầy đủ hơn về các vấn đề đang bị đe dọa. Thứ hai, Ủy ban đã phát động các diễn đàn cộng đồng hàng năm (“Những ngày Thảo luận Chung”) về các chủ đề cụ thể (chẳng hạn như: “Trẻ em và gia đình”, “Tur pháp vị thành niên”, “HIV/AIDS”) nhằm hướng sự quan tâm quốc tế vào các vấn đề trên. Và kể từ năm 2001, Ủy ban cũng đã công bố “Các bình luận chung” - là phần giải thích chính thức chủ yếu về các tiêu chuẩn của Công ước về quyền trẻ em - về các vấn đề như bảo vệ trẻ em bị tách khỏi cha mẹ ở ngoài quốc gia bảo hộ hay về thời thơ ấu (năm 2005).

Tuy nhiên, sự gia tăng ngày càng lớn số lượng các tiêu chuẩn, các văn kiện và các thiết chế đã đặt ra những thách thức mới đối với việc giám sát, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa tất cả các bên liên quan, bao gồm ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế. Ở cấp độ quốc gia, vấn đề quan trọng là khi nhớ lại văn kiện kết quả của Phiên họp đặc biệt của Liên hiệp quốc năm 2002 yêu cầu các quốc gia trình Kế hoạch hành động quốc gia tổng hợp như là nền tảng của các chính sách tập trung vào trẻ em trước thời hạn cuối năm 2003, “nếu có thể”. Hơn nữa, về cấp độ cấu trúc, sự thiết lập khung về quyền trẻ em ở mọi cấp độ lập pháp và chính phủ vẫn đặt ra một thách thức to lớn. Đánh giá định kỳ về tác động với trẻ em liên quan đến các quy định, ngân sách nhạy cảm với trẻ, sự tham gia của trẻ em trong các chiến lược giảm nghèo và thiết lập/tăng cường các thanh tra độc lập về trẻ em vẫn chỉ là một ngoại lệ chứ chưa phải là quy định. Bên cạnh đó, vận động chính sách về quyền trẻ em vẫn là một

phong trào chủ yếu do người lớn điều khiển, do vậy, phải tìm ra những cách thức mới đem lại các sáng kiến hỗ trợ trẻ/đo trẻ dẫn đường.

“Chúng tôi do vậy tái cam kết sẽ dành mọi nỗ lực để tiếp tục tạo lập một thế giới phù hợp với trẻ em, phát triển thêm những thành tựu của thập kỷ đã qua và chịu sự dẫn dắt của các nguyên tắc trong hiệu lệnh đầu tiên dành cho trẻ em”.

**Một thế giới phù hợp với trẻ
Tuyên bố và Kế hoạch hành động.
Thông qua tại Phiên họp đặc biệt của
Đại hội đồng Liên hiệp quốc về Trẻ em.
Năm 2002.**

Sau cùng, bất cứ nỗ lực mang tính tăng cường nào cũng nên dựa trên các thông tin hiệu quả,

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT

Sau đây là những ví dụ về các sáng kiến và dự án đã thành công trong việc tăng cường thực thi Công ước về Quyền trẻ em:

“Kết nối con người”

Một dự án đỡ đầu với những người dân tị nạn trẻ ở Áo, do Asylkoordination Österreich (một NGO của Áo điều phối các tổ chức di cư và tị nạn) tổ chức, với sự hỗ trợ của Ủy ban UNICEF của Áo.

Ý tưởng cơ bản của dự án này là tập hợp những người tị nạn còn trẻ không có ai đi cùng với những người trưởng thành sống ở Áo, những người sẵn sàng dành thời gian với các em và có thể đưa ra hỗ trợ thiết thực cho người tị nạn, ví dụ các khóa học, ngôn ngữ, việc làm, gặp gỡ chính quyền, các hoạt động thể thao... Một mối quan hệ tin cậy giữa trẻ và người bảo trợ được thiết lập, giúp cho những dân tị nạn này ổn định trong môi trường của mình và đem lại cho người bảo trợ thêm kinh nghiệm cá nhân. Tất cả các nhà bảo trợ đều được lựa chọn kỹ lưỡng và phải qua được đào tạo trước về các vấn đề pháp lý, các vấn đề tâm lý xã hội, cách làm việc với chính quyền v.v...

đáng tin cậy, các chiến lược về giáo dục và đào tạo, trong đó giáo dục về quyền trẻ em và quyền con người phải tiếp cận trực tiếp với trẻ em, thanh niên cũng như người lớn. Như Ủy ban Công ước Quyền trẻ em đã tuyên bố trong Bình luận chung về “Các mục tiêu của giáo dục” (Điều 29) năm 2001 là: “Một nền giáo dục với các nội dung có cội rễ từ những giá trị ghi trong Điều 29 (1) là dành cho trẻ em, một công cụ không thể thiếu để các em nỗ lực trong cuộc sống của mình, một phản ứng cân bằng và thân thiện - với - quyền con người đối với các thách thức song hành trong thời kỳ có sự thay đổi cơ bản do toàn cầu hóa, công nghệ mới và các hiện tượng liên quan đem lại”.

Kể từ khi bắt đầu vào năm 2001, dự án đã nhận được sự phản hồi tích cực từ học viên và từ công chúng, chính quyền và báo giới.

Mọi người có quyền/mọi người đều đúng đắn - Huấn luyện để sống chung hàng ngày (“Recht hat jede/r-Trainings zum alltäglichen Umgang miteinander”)

Hàng loạt các hội thảo do WUK KinderKultur (một sáng kiến không gian rộng mở đối với các hoạt động văn hóa dành cho trẻ) và Trung tâm dịch vụ Giáo dục quyền con người tại Viện quyền con người Boltzmann, Vienna (Áo) tổ chức.

Những hội thảo này hướng vào trẻ em (từ 7 đến 15 tuổi) ở cả trường học và trong các nhóm thanh niên/trẻ em, tập trung vào giải quyết xung đột hòa bình, khoan dung và truyền thông thông qua các cuộc thảo luận, nhập vai, các hoạt động nhóm; mỗi hội thảo kéo dài khoảng 2 tiếng rưỡi và do một nhóm gồm 2 chuyên gia hỗ trợ (các nhà thương thuyết được đào tạo, những người phát triển ngành giải trí, các nhà tâm lý học, diễn viên, giáo viên...). Kể từ năm 2001, những chuyên đề về “trách nhiệm”, “giải quyết xung

đột”, “tôn trọng” và “biên giới và những giới hạn” đã được phát triển và trình bày tại hơn 100 hội thảo.

“Các báo cáo bóng” phi chính phủ và “các liên minh quốc gia” về việc thực hiện Công ước Quyền trẻ em trong nước

Các quốc gia thành viên của Công ước về quyền trẻ em phải thường xuyên nộp các báo cáo về tiến độ thực hiện Công ước về quyền trẻ em lên Ủy ban Công ước về quyền trẻ em. Để tạo điều kiện đánh giá tổng hợp các báo cáo quốc gia đó, Ủy ban hoan nghênh “các báo cáo bóng”/“các báo cáo thay thế” của các NGO hay mạng lưới NGO (“các liên minh quốc gia”) đánh giá về tình hình trẻ em và thanh thiếu niên trong nước. Tại khoảng 100 quốc gia, các liên minh về quyền trẻ em cấp quốc gia như vậy đã được thành lập, thúc đẩy và giám sát việc thực hiện Công ước về quyền trẻ em. Bên cạnh đó, một nhóm NGO quốc tế về Công ước về quyền trẻ em tại Geneva đã hỗ trợ các NGO và các liên minh trong quá trình báo cáo và giám sát.

2. XU HƯỚNG

Công ước về quyền trẻ em với tư cách là khuôn khổ bảo vệ các quyền của trẻ không phải là văn kiện mang tính tĩnh mà liên tục phát triển. Tiến trình này được tăng cường, chẳng hạn như thông qua chính Ủy ban về quyền trẻ em thể hiện ở việc giải thích Công ước hay thông qua các chuẩn mực mới đối với Công ước như các nghị định thư lựa chọn (năm 2000) về sự tham gia của trẻ trong xung đột vũ trang, việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em (cả hai đều có hiệu lực vào năm 2002).

Một số xu hướng và thảo luận trên lĩnh vực quyền con người hiện nay là:

- * Về khía cạnh cấu trúc: Giám sát quyền trẻ em; vai trò của quyền trẻ em; NGO như là các nhà cung cấp dịch vụ và đồng thời là người giám sát nghiêm túc; hỗ trợ cho các sáng kiến và các tổ chức do trẻ/thanh thiếu niên dẫn dắt, thiết lập văn phòng thanh tra dành cho trẻ em và thanh

thiếu niên.

- * Sự tham gia của trẻ và thanh thiếu niên (cấp địa phương, quốc gia, quốc tế): tham gia các hội nghị lớn của Liên hiệp quốc, vào chiến lược giảm nghèo quốc gia; tham gia chính trị/quyền bỏ phiếu.
- * Trẻ em và môi trường gia đình: cha mẹ ly thân, “các gia đình chấp vá”, gia đình chỉ có cha hoặc mẹ; trẻ em không có sự chăm sóc của cha mẹ và các kiểu sắp đặt thay thế.
- * Quyền của bé gái: các mẫu hình vai trò xã hội; khuôn mẫu báo chí; nền tảng tôn giáo/văn hóa, sức khỏe sinh sản.
- * Các khía cạnh về thể hệ: sự thay đổi nhân khẩu, phân bổ tiền của; tiếp cận với các nguồn lực và tác động chính trị.
- * Quyền về thông tin: tiếp cận với internet/bảo vệ dữ liệu; nội dung bạo lực trong truyền thông đại chúng/ti vi/trò chơi máy tính...; khiêu dâm trẻ em trên internet.
- * Bạo lực với trẻ và lạm dụng tình dục trẻ em: nghiêm cấm hình phạt thân thể trên toàn cầu; hỗ trợ tâm lý và đào tạo phụ huynh; bạo lực trong trẻ/bạo lực đồng đẳng.
- * Giáo dục hòa nhập và đào tạo nghề cho trẻ khuyết tật.
- * Trẻ em và nền kinh tế: lao động trẻ em/hủy bỏ những dạng thức tồi tệ nhất; tác động của toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa các dịch vụ công (y tế, sức khỏe - GATS); tác động của ngành thể thao và giải trí, quảng cáo, truyền thông đại chúng đối với văn hóa thanh niên.
- * Tác động của HIV/AIDS đối với trẻ em: phân biệt đối xử, mất cha mẹ...
- * Trẻ em và xung đột vũ trang và trẻ em trong các tình huống khẩn cấp (thiên tai): giáo dục trong các tình huống khẩn cấp; phục hồi cho trẻ em từng là binh lính; tham gia của trẻ trong tái thiết hậu xung đột; trách nhiệm của các thể chế phi Nhà nước/các công ty tư nhân; vai trò của Hội đồng Bảo an; vai trò của ICC; đào tạo về quyền trẻ em và bộ luật ứng xử đối với binh lính gìn giữ hòa bình/những người tham chiến.

Con số và thực tế

Thông tin thống kê về quyền trẻ em

Khai sinh: chỉ có 45% trẻ em được đăng kí khai sinh sau khi sinh/trong 5 năm đầu.

Tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi: khoảng 10,5 triệu trẻ em tử vong mỗi năm, thường do các nguyên nhân có thể ngăn ngừa được (chủ yếu là các bệnh: tiêu chảy, viêm đường hô hấp cấp tính, bạch hầu, viêm phổi, ho gà, sởi, uốn ván); chỉ có 7 quốc gia vẫn tiếp tục có các ca bại liệt bản địa năm 2002.

Tử vong ở sản phụ: trung bình thế giới: 400/100.000 phụ sản chết khi sinh; châu Phi cận Sahara: 940; Nam Á: 560; Trung Đông và Bắc Phi: 220; Mỹ Latinh/Ca-ri-bê: 190; Đông Á/Thái Bình Dương: 140; cộng đồng các quốc gia độc lập CEE/CIS: 64; các nước công nghiệp: 13.

Mang thai ở tuổi độ tuổi thiếu niên: 14 triệu trẻ em do thanh thiếu niên dưới 19 tuổi sinh ra hàng năm; chỉ có 23% trong số phụ nữ (đã kết hôn) ở châu Phi cận Sahara sử dụng các biện pháp ngừa thai.

HIV/AIDS: ở khu vực cận Sahara châu Phi ước tính có 12,1 triệu trẻ (0 - 17 tuổi) trở thành trẻ mồ côi do căn bệnh AIDS chỉ trong năm 2003, và 1,9 triệu trẻ em (0 - 14 tuổi) sống chung với HIV trong cùng khu vực (tổng cộng trên thế giới: 2,1 triệu người).

Lương thực: khoảng 150 triệu trẻ em bị suy dinh dưỡng.

Nghèo: 3 tỷ người thu nhập dưới 2 USD mỗi ngày, và 1,2 tỷ người (50% là trẻ em) sống với mức dưới 1 USD mỗi ngày; nhưng cứ 6 trẻ thì có 1 em sống dưới mức nghèo chuẩn quốc gia tại các nước giàu nhất trên thế giới.

Lao động trẻ em: ước tính có 246 triệu trẻ từ 5-17 tuổi phải lao động; trong đó, gần 70% hay 171 triệu trẻ em làm việc trong những môi trường hay điều kiện nguy hiểm (Ví dụ: hầm mỏ, làm việc với hóa chất, thuốc trừ sâu trong nông nghiệp hay máy móc nguy hiểm).

Trẻ em lang thang: ước tính có khoảng 100 triệu trẻ em (từ 4 tuổi trở lên) sống và làm việc trên đường phố.

Giáo dục: đăng ký đi học cấp I là 82% trên thế giới, nhưng vẫn có 100 triệu trẻ em không được đi học, 53% là các trẻ em gái.

Các dịch vụ xã hội và ưu tiên chính trị: trung bình các nước đang phát triển chi nhiều cho quốc phòng nhiều hơn là giáo dục cơ bản hay y tế cơ bản; các nước công nghiệp chi khoảng 10 lần cho quốc phòng so với viện trợ phát triển quốc tế.

Xung đột vũ trang: thập kỷ 90 của thế kỷ trước, có 2 triệu trẻ em chết trong xung đột quân sự, 6 triệu bị thương hoặc tàn tật; 300.000 trực tiếp tham gia xung đột với vai trò là các binh sĩ trẻ em.

Trẻ tị nạn và trẻ bị mất nhà cửa: 11 triệu trẻ tị nạn trên khắp thế giới.

Khuyết tật: ước tính có khoảng 120 - 150 triệu trẻ em bị khuyết tật.

Bạo lực: mỗi năm có 40 triệu trẻ em dưới 15 tuổi là nạn nhân của lạm dụng trong gia đình hay bị lãng quên nghiêm trọng đòi hỏi phải điều trị y tế; 2 triệu em gái có nguy cơ bị cắt bỏ bộ phận sinh dục mỗi năm.

Buôn bán trẻ em: tại châu Phi và Đông Nam Á hàng năm có 400.000 em gái và trai bị ảnh hưởng; trên khắp thế giới có tới 2 triệu trẻ em và phụ nữ bị bán mỗi năm.

* Tự sát: khoảng 4 triệu thiếu niên tìm cách tự sát mỗi năm trên khắp thế giới và ít nhất có 100.000 em thiệt mạng.

Thanh tra viên dành cho trẻ em: đã được thiết lập tại ít nhất 40 quốc gia.

Kế hoạch hành động quốc gia (NPAs): sau Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới dành cho trẻ em năm 1990, có khoảng 55 quốc gia chuẩn bị các kế hoạch hành động của mình.

(Nguồn: UNICEF. Phiên họp đặc biệt về trẻ em của Liên hiệp quốc. Báo cáo toàn cầu đầu tiên về bước tiếp theo. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.unicef.org/specialsession>;

UNICEF. Tình trạng trẻ em thế giới 2006.
Tài liệu có tại địa chỉ:
<http://www.unicef.org/sowc06.>)

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

1923 Tuyên bố về quyền trẻ em/24 (Englandtyne Jebb/Hội quốc liên)

1959 Tuyên bố về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc

1989 Công ước về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc (thông qua ngày 20/11/1989; có hiệu lực ngày 02/9/1990).

1990 Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc bổ nhiệm Báo cáo viên đặc biệt về nạn buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em

1990 Hội nghị thượng đỉnh thế giới về trẻ em ở New York (29-30/9); thông qua Tuyên bố thế giới và Kế hoạch hành động vì sự tồn tại, bảo vệ và phát triển của trẻ

1990 Hiến chương châu Phi về quyền và an sinh của trẻ được thông qua (hiệu lực ngày 29/11/1999)

1996 Graca Machel nộp nghiên cứu mang tính khai phá “Tác động của xung đột vũ trang đối với trẻ em” lên Đại hội đồng Liên hiệp quốc

1996 Đại hội thế giới chống lạm dụng tình dục trẻ em vì mục đích thương mại ở Stockholm (tiếp theo là ở Yokohama năm 2001)

1998 Sáu NGO quốc tế hình thành Liên minh chấm dứt sử dụng các binh lính trẻ em, nhằm vận động nghiêm cấm sử dụng trẻ em trong chiến tranh và xung đột vũ trang

1999 Mạng lưới an ninh con người phát triển từ một nhóm các quốc gia có quan điểm chung, nhấn mạnh vào tình trạng trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang

1999 Công ước số 182 về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất do Tổ chức lao động quốc tế thông qua (có hiệu lực ngày 19/11/2000)

2000 Thông qua hai nghị định thư mang tính lựa

chọn bổ sung cho Công ước: về sự tham gia của trẻ em trong xung đột quân sự (có hiệu lực ngày 12/2/2002) và về nạn buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em (có hiệu lực ngày 18/1/2002)

2002 Ủy ban về quyền con người của Liên hiệp quốc chỉ định nghiên cứu lớn về bạo lực đối với trẻ em

2002 Diễn đàn trẻ em (ngày 5-7/5) và phiên họp đặc biệt về trẻ em của Đại hội đồng Liên hiệp quốc tại New York (ngày 8-10/5); thông qua văn kiện, tuyên bố diễn đàn trẻ em và kế hoạch hành động (Một thế giới phù hợp với trẻ em)

2003 An ninh con người thông qua “Chiến lược hỗ trợ trẻ em bị ảnh hưởng của xung đột vũ trang” và “chương trình đào tạo quyền trẻ em”

2005 Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc thông qua Nghị quyết 1612, cơ chế giám sát và báo cáo về trẻ em và xung đột vũ trang

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I 1

THẢO LUẬN BÀN TRÒN VỀ HÀNH ĐỘNG NHẪM GIẢM LAO ĐỘNG TRẺ EM

Phần I: Giới thiệu

Loại hoạt động: đóng vai về lao động trẻ em

Phần II: Thông tin chung về đóng vai

Mục đích và mục tiêu

Nhằm nâng cao sự hiểu biết về các lợi ích khác nhau và các động cơ liên quan đến lao động trẻ em cũng như hậu quả của nó đối với sự phát triển các chiến lược và các lựa chọn có thể; hoạt động đóng vai này cần được tiến hành trước quá trình thảo luận về các vấn đề lao động trẻ em để giúp những học viên làm quen với bối cảnh vấn đề.

Đối tượng: Người đã trưởng thành

Số lượng: khoảng từ 15 - 20 học viên

Thời gian: 1 - 2 tiếng (phụ thuộc vào phạm vi của “Kế hoạch hành động”)

Chuẩn bị: sắp xếp phòng/lớp học, thẻ ghi tên và chức năng của học viên; chuẩn bị các thông tin nền tảng về các vai diễn và vị trí, sử dụng những mẫu báo gần đây, các báo cáo của UNICEF/ILO/NGO về lao động trẻ em...

Tài liệu: giấy, băng dán... để làm dẫn chứng

“Loài người nợ trẻ em điều tốt nhất mà loài người có thể cho các em”.

**Tuyên bố về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc.
Năm 1959**

Các kỹ năng liên quan: các kỹ năng truyền đạt và phân tích

Phần III: Thông tin cụ thể đóng vai

Giới thiệu chủ đề:

Thông báo rằng: nạn lao động trẻ em tại quốc gia X đã bị các tổ chức quyền trẻ em địa phương và ILO

ở cấp độ quốc tế chỉ trích. Chính phủ quyết định tổ chức một hội nghị bàn tròn thảo luận các biện pháp chống lao động trẻ em; những học viên đóng các vai khác nhau liên quan (có thể là các nhóm), chủ yếu (không nhất thiết là tất cả) là trẻ em phải làm việc, trẻ em đi học, phụ huynh, giáo viên, tổ chức của người sử dụng lao động, công đoàn, quan chức chính phủ, NGO về quyền trẻ em, UNICEF/ILO. Mục đích lớn nhất của việc thảo luận là một chiến lược cơ bản cho quá trình tiếp theo (hoặc: thực hiện cụ thể một kế hoạch Hành động).

Tiến hành đóng vai:

Lựa chọn thành viên họp bàn tròn, cho họ 20 phút để phát triển quan điểm/chiến lược thảo luận (có thể thay thế bằng cách cho họ tài liệu để đọc trước); UNICEF/ILO hoặc đại diện NGO có thể diễn vai chủ tịch chủ trì hội nghị, giới thiệu học viên và các “chức năng” liên quan. Việc thảo luận có thể bắt đầu bằng cách đánh giá nhanh tình hình hiện tại của trẻ em, ví dụ “trẻ em làm việc trong nhà máy may” hoặc các bậc phụ huynh lo lắng khiêu nại về việc đối xử với con em mình. Học viên nên trình bày quan điểm chính của họ trong cuộc thảo luận có sự chủ trì. Kết quả là một chiến lược có thể được cụ thể hóa hoặc một kế hoạch hành động phát triển trong các nhóm nghiên cứu riêng biệt.

Phản hồi, gợi ý phương pháp:

Yêu cầu học viên phát biểu về cảm xúc, suy nghĩ, phản ứng trong khi tham gia; đặc biệt là vai “trẻ em”.

Phần IV: Tiếp theo

Các quyền liên quan/lĩnh vực cần khám phá thêm: Điều 3 (các lợi ích tốt nhất cho trẻ), Điều 6 (sự tồn tại và phát triển), Điều 32 (bóc lột về kinh tế), Điều 24 (sức khỏe), Điều 26 và 27 (an ninh xã hội, mức sống thỏa đáng), Điều 28 và 29 (giáo dục), Điều 31 (vui chơi), trong Công ước về Quyền trẻ em, Công ước ILO về các dạng lao động tồi tệ nhất năm 1999. Thảo luận về công

việc của ILO (sáng kiến IPEC). Phòng ngừa lao động trẻ em thay vì, hoặc song song với việc đi học trong cộng đồng của bạn.

Lưu ý: các chủ đề được gợi ý khác để thảo luận bàn tròn: cấm hình phạt thân thể tại nhà/trong trường học; trách nhiệm của binh lính là trẻ em đối với những tội ác do các em gây ra và cách thức hòa nhập; mãi dâm trẻ em và buôn bán trẻ em.

HOẠT ĐỘNG II. 2

SỰ THỜ Ơ CỦA CHA MẸ VÀ NGƯỢC ĐÃI

Phần I: Giới thiệu

Loại hoạt động: xem xét tình huống nghiên cứu dựa trên trường hợp cụ thể về quyền bảo vệ khỏi bạo lực/sự thờ ơ/ngược đãi.

Phần II: Thông tin chung về tình huống nghiên cứu

Mục đích và mục tiêu:

Nhằm hiểu được mối quan hệ giữa trách nhiệm nhà nước và trách nhiệm của cha mẹ đối với vấn đề bảo vệ quyền trẻ em.

Đối tượng: người đã trưởng thành

Số lượng: 10-20

Thời gian: 1-2 tiếng

Chuẩn bị: nội dung văn bản của một trường hợp nghiên cứu

Tài liệu: giấy, văn bản các quy phạm về quyền con người liên quan

Các kỹ năng liên quan: kỹ năng phân tích

Phần III: Thông tin cụ thể về nghiên cứu tình huống

Giới thiệu trường hợp; xác định các vấn đề chủ yếu:

3 em, khoảng từ 1-5 tuổi, sống cùng cha mẹ ở ngoại ô thành phố. Hàng xóm khiếu nại với cảnh sát địa phương và các cơ quan an sinh là cha mẹ thường xuyên cãi nhau, con cái không được chăm sóc cẩn thận và thường xuyên khóc lóc. Những tháng sau đó, có thêm các báo cáo về việc các em ăn cắp thức ăn, không biết tự tắm rửa ở trường và

các dấu hiệu thể hiện các em bị đánh và ngược đãi. Cơ quan an sinh trẻ em sau đó tổ chức một cuộc họp đánh giá tình hình và thấy các điều kiện nhà ở rất tồi tệ (vệ sinh kém, giường gãy...), nhưng chỉ trợ giúp cho cha mẹ các em, mà không hành động ngay lập tức liên quan đến trẻ em. Tuy nhiên, trẻ em bắt đầu có các dấu hiệu rối loạn tâm lý, khó gần; do vậy các cơ quan địa phương, các bậc phụ huynh, các nhà tâm lý và nhân viên xã hội tổ chức họp thêm. Vấn đề đó diễn ra thêm 4 năm cho tới khi các em bị đưa ra khỏi nhà để sống tạm thời với cha mẹ nuôi trong vài tháng. Sau khi các em về, cha mẹ ly hôn và mẹ các em nói với chính quyền rằng họ nên chăm sóc các em vì bà ấy không thể làm gì được với con nữa và bà ấy sẽ đánh con nếu người ta không đưa các em đi. Sau cùng, 5 năm sau những báo cáo đầu tiên, cơ quan an sinh trẻ em mới ban bố lệnh chăm sóc và tất cả các em được đưa đến chỗ cha mẹ nuôi. Một nhà tâm lý miêu tả những gì các em phải trải qua như sau: “nói thẳng ra là khủng khiếp”, và cần nói thêm đây là trường hợp thờ ơ với trẻ và lạm dụng về tình cảm với trẻ tồi tệ nhất mà bà đã được chứng kiến trong suốt thời gian hành nghề của mình.

Sau cùng, với sự giúp đỡ của các luật sư, các em nhỏ đã kiện các chính quyền địa phương đòi phải bồi thường cho những gì các em phải chịu đựng về tâm lý, trên cơ sở là các cơ quan nhà nước biết được sự thờ ơ nghiêm trọng, lạm dụng và ngược đãi của cha mẹ các em mà không can thiệp kịp thời. Tuy nhiên, tòa án tuyên bố rằng không có thẩm quyền pháp lý để yêu cầu đền bù trong trường hợp này và đã bác đơn. Các em hiện đang xem xét để gửi khiếu nại tới một cơ quan quyền con người quốc tế.

Bạn sẽ khuyên các em làm gì? Các quyền nào trong Công ước về quyền trẻ em đã bị vi phạm? Các công ước về quyền con người nào có thể liên quan và áp dụng vào trường hợp đó? Các cơ chế nào có thể được sử dụng để giải quyết khiếu nại?

Phân tích tình huống/các quyền liên quan:

Cả Công ước về quyền trẻ em và Công ước quyền con người châu Âu có thể được sử dụng để phân tích ở đây - các điều khoản của Công ước

về quyền trẻ em liên quan bao gồm: Điều 3 (lợi ích tốt nhất của trẻ, trách nhiệm nhà nước), Điều 5, 9, 18 (trách nhiệm của cha mẹ, bảo vệ các quan hệ gia đình), Điều 19, 37 (bảo vệ khỏi bạo lực, sự đối xử phi nhân đạo và nhục mạ), Điều 27 (các mức sống thỏa đáng). Các điều khoản Công ước quyền con người châu Âu liên quan bao gồm: Điều 3 (bảo vệ khỏi cách đối xử phi nhân đạo và hạ nhục), Điều 8 (bảo vệ cuộc sống riêng tư và toàn vẹn thân thể), Điều 6 (tiếp cận tư pháp), Điều 13 (liệu pháp hiệu quả); một cơ chế khiếu nại cá nhân chỉ do Công ước quyền con người châu Âu đưa ra.

Khuyến nghị thay đổi:

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Asylkoordination Áo/Dự án Kết nối mọi người:
<http://www.asyl.at>

Viện quyền con người Boltzmann/Trung tâm dịch vụ giáo dục quyền con người:
<http://www.humanrights.at>

Bruderlein, Claude và Theresa Stichick. Năm 2001. *Trẻ em đối diện với mất an ninh: những chiến lược mới để tồn tại trong kỷ nguyên toàn cầu.* Có tại địa chỉ: <http://www.humansecuritynetwork.org>

Liên minh nhằm chấm dứt việc sử dụng binh lính trẻ em. Năm 2004. *Báo cáo toàn cầu.* London: xuất bản phẩm của liên minh. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.child-soldiers.org>

Freeman, Michael. Năm 1997. *Tình trạng đạo đức của trẻ; Các bài luận về quyền trẻ em.* Dordrecht/Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Hammarberg, Thomas. Năm 1996. *Hiện thực hóa các quyền trẻ em.* Stockholm: Save the children Thụy Điển.

Machel, Graca. Năm 2001. *Tác động của chiến tranh đối với trẻ em.* C. London: Hurst & Co.

Nhóm NGO về Công ước quyền trẻ em:
<http://www.crin.org/NGOgroupforCRC>

Sen, Amartya. Năm 2002. *Giáo dục cơ bản và An ninh con người.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.humansecurity-chs.org>

Tình huống này có thể được sử dụng để tiến hành nhập vai: hình thành 3 nhóm: nguyên đơn – người phát ngôn của chính phủ – các thẩm phán và để họ thảo luận tình huống để đưa ra giải pháp.

Phần IV: Tiếp theo

(Nguồn: phán quyết trong vụ Z và những người khác kiện Vương quốc Anh:

<http://www.echr.coe.int/Eng/Press/2001/May/Z.andothersv.United%20Kingdomjudedpress.htm>; Vụ án K.A kiện Phần Lan: <http://www.worldlii.org/eu/case/ECHR/2003/27.html>)

Ủy ban quyền trẻ em của Liên hiệp quốc :

<http://www.ohchr.org/english/bodies/crc>

UNICEF. Năm 2002. *Sổ tay thực hiện Công ước quyền trẻ em (bản được sửa đầy đủ).* Geneva/New York: UNICEF.

UNICEF. Năm 2003. *Phiên họp đặc biệt về trẻ em của Liên hiệp quốc. Báo cáo kỷ niệm lần thứ nhất về phiên họp tiếp theo.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.unicef.org/specialsession>

UNICEF. Năm 2005. *Tình trạng trẻ em thế giới năm 2006.* Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.unicef.org/sowc06>

CÁC NGUỒN BỔ SUNG

Alen, Andre, Johan Vande Lanotte, Eugene Verhellen, Fiona Ang và Eva Berghmans. Năm 2005. *Bình luận về Công ước về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc.* Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff

Alston, Philip (chủ biên). Năm 1994. *Các lợi ích lớn nhất của trẻ: hòa hợp văn hóa và quyền con người.* Oxford: Clarendon Press.

Brett, Rachel và Margaret McCallin. Năm 1996. *Trẻ em - những người lính vô hình.* Stockholm: Save the children Thụy Điển.

Casa Alianza: <http://www.casa-alianza.org>

Childhood.com: <http://www.child-hood.com>

Mạng lưới thông tin quyền trẻ em (CRIN):
<http://www.crin.org>

Trẻ em trong chương trình châu Âu:
<http://www.separated-children-europe-programme.org>

Mạng lưới nghiên cứu quốc tế theo dõi trẻ em:
<http://www.childwatch.uio.no>

Bảo vệ trẻ em: <http://www.dci-is.org>

Detrick, Sharon (chủ biên). Năm 1992. *Công ước về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc: Hướng dẫn về: Travaux Préparatoires*. Dordrecht/Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff

Detrick, Sharon. Năm 1999. *Bình luận Công ước về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc*. Hague: Nhà xuất bản Kluwer Academic

Chấm dứt mãi dâm, khiêu dâm và buôn bán trẻ em (ECPAT): <http://www.ecpat.net>

Trung tâm châu Âu về chính sách an sinh xã hội và nghiên cứu/Chương trình thời thơ ấu và tuổi trẻ:
http://www.euro.centre.org/ec_pa5/htm

Mạng lưới trẻ em châu Âu (EURONET):
<http://www.europeanchildrensnetwork.org>

Mạng lưới thanh tra về trẻ em châu Âu (ENOC):
<http://www.ombudsnet.org>

Các chỉ dẫn về trẻ em và xung đột vũ trang của Liên minh châu Âu:

<http://europa.eu.int/scadplus/leg/en/lvb/r10113.htm>

Franklin, Bob (chủ biên). Năm 2001. *Sổ tay mới về các quyền trẻ em: chính sách tương đối và thực tiễn*. Xuất bản lần 2. London/New York: Routledge.

Freeman, Michael (chủ biên). Năm 1996. *Các quyền trẻ em: Một triển vọng tương đối*. Aldershot: Công ty xuất bản Dartmouth.

Sáng kiến toàn cầu nhằm chấm dứt mọi hình phạt thân thể với trẻ em:

<http://www.endcorporalpunishment.org>.

Điều hành toàn cầu chống lao động trẻ em:
<http://www.globalmarch.org>

Hammarberg, Thomas. Năm 1995. *Các quyền của trẻ khuyết tật: Công ước về Quyền trẻ em của Liên hiệp*

quốc. Trong: Degener, Therasia (chủ biên). Quyền con người và người khuyết tật: các bài luận và các văn kiện quyền con người liên quan. Dordrecht/Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Hammarberg, Thomas và Akila Belembaogo. Năm 2001. *Biến các nguyên tắc thành hiện thực*. Stockholm: Save the children Thụy Điển

Hayward, Ruth Finney. Năm 2000. *Phá vỡ chiếc bình bằng đất: Bài học từ Nam Á nhằm chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em*. Kathmandu: Văn phòng khu vực Đông Nam Á của UNICEF.

Bộ phận Quyền trẻ em của Tổ chức theo dõi quyền con người: <http://www.hrw.org/children>

Chương trình quốc tế về sự xóa bỏ lao động trẻ em (IPEC):
<http://www.ilo.org/public/english/standards/ipecc>

Jensen, An-Magritt và Angelo Saporiti. Năm 1992. *Trẻ em có được quan tâm không? Tuổi thơ như là một hiện tượng xã hội - Một bản tóm tắt thống kê (Báo cáo EUROSOCIAL số 36)*. Vienna: Trung tâm chính sách và nghiên cứu an sinh đặc biệt châu Âu.

Kindernothilfe: <http://www.kindernothilfe.de>

Kuper, Jenny. Năm 1997. *Luật quốc tế liên quan các dân thường là trẻ em trong xung đột vũ trang*. Oxford: Clarendon Press.

Văn phòng của Cao ủy quyền con người Liên hiệp quốc - Ủy ban quyền trẻ em:

<http://www.ohchr.org/english/issues/children/index.htm>

Save the children Alliance:

<http://www.savethechildren.net/alliance/index.html>

Sax, Helmut và Christian Hainzl. Năm 1999. *Die verfassungsrechtliche Umsetzung der UN-Kinderrechtskonvention in Österreich (Việc thực hiện Công ước quyền trẻ em mang tính hiến pháp tại Áo)*. Vienna: Verlag Österreich.

SOS Kinderdorf International:

<http://www.sos-childrenvillages.org>

Terre des Hommes: <http://www.terredeshommes.org>

UNAIDS/UNICEF. Năm 2004. *Khuôn khổ bảo vệ, chăm sóc và hỗ trợ trẻ mồ côi và trẻ sống trong thế giới có HIV và AIDS*. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.unicef.org/uniteforchildren/knowmore/file>

s/SummaryoftheFramework.pdf

Trung tâm nghiên cứu người vô tội UNICEF:

<http://www.unicef-icdc.org>

Cơ sở dữ liệu thống kê UNICEF:

<http://www.childinfo.org>

UNICEF. Báo cáo tình hình trẻ em thế giới (hàng năm): <http://www.unicef.org>

UNHCR - Cơ quan tị nạn của Liên hiệp quốc:

<http://www.unhcr.org/cgi-bin/texis/vtx/home>

Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về nạn buôn bán trẻ em, mãi dâm và khiêu dâm trẻ em:

<http://www.ohchr.org/english/issues/children/rapporteur>

Đại diện đặc biệt của Liên hiệp quốc của Tổng thư ký phụ trách vấn đề trẻ em và xung đột vũ trang:

<http://www.un.org/special-rep/children-armed-conflict>

Nghiên cứu của Liên hiệp quốc về bạo lực đối với trẻ em: <http://www.violencestudy.org>

Van Bueren, Geraldine. Năm 1995. Luật quốc tế về quyền trẻ em. Dordrecht/Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff

Verhellen, Eugene (chủ biên). Năm 1996. Tìm hiểu quyền trẻ em. Ghent: Trung tâm quyền trẻ em.

Danh sách theo dõi về trẻ em và xung đột vũ trang:

<http://www.watchlist.org>

Ngân hàng thế giới - Trẻ em và thanh niên:

<http://www.worldbank.org/childrenandyouth>

Đại hội thế giới chống nạn khai thác tình dục vì mục đích thương mại đối với trẻ em:

<http://www.csecworldcongress.org>

Tổ chức thế giới chống tra tấn (OMCT)- Chương trình quyền trẻ em: <http://www.omct.org>

Kế hoạch hành động quyền của thanh thiếu niên (YAP) (tại Đức): <http://www.kinderrechte.gv.at>

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG XUNG ĐỘT VŨ TRANG

LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ: NGAY CẢ CHIẾN TRANH CŨNG CÓ GIỚI HẠN

“... những hành vi sau đây bị và sẽ bị nghiêm cấm vào bất cứ thời điểm nào, ở bất cứ nơi nào [...]

- Bạo lực đối với tính mạng và cá nhân con người, đặc biệt là mọi hình thức sát hại, làm tổn thương, đối xử tàn bạo và tra tấn;*
- Bắt làm con tin;*
- Xúc phạm nhân phẩm, đặc biệt là cách đối xử hạ nhục và hèn hạ;*
- Thông qua các án và thi hành án mà không xét xử trước do một tòa án thông thường thực hiện, cho phép mọi sự đảm bảo về mặt tư pháp được thừa nhận là không thể thiếu được bởi những dân tộc văn minh;*
- Người bị thương và người ốm phải được tập trung và chăm sóc”.*

Điều 3 (1) và (2) của Công ước Geneva. Năm 1949.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Năm 19 tuổi, tôi sang Việt Nam. Tôi là một chuyên gia về súng trường cấp 4. Tôi được đào tạo để giết người, nhưng thực tế việc giết một ai đó khác hẳn với quá trình huấn luyện và bóp cò súng.

Tôi đã không biết tôi phải làm điều đó. Tôi biết phụ nữ và trẻ em ở đó nhưng tôi sẽ phải giết họ, tôi không hề biết là tôi sẽ phải làm như vậy tới khi chuyện đó xảy ra. Tôi đã không biết tôi sẽ phải giết ai. Tôi không muốn giết ai cả. Tôi không được nuôi dưỡng để trở thành kẻ giết người.

Cô ta chạy ra từ sau hàng cây, đang ôm một vật gì đó. Tôi không biết liệu đó có phải là vũ khí hay không nữa. Tôi chỉ biết đó là một phụ nữ và tôi không muốn bắn phụ nữ, nhưng tôi được lệnh phải bắn. Tôi nghĩ cổ ấy đã mang vũ khí và chạy, và tôi đã bắn. Khi tôi lật cô ấy lên, đó là một đứa trẻ. Tôi đã bắn cổ ấy khoảng 4 phút, và những viên đạn đã xuyên qua người cô ấy, và đã trúng cả vào đứa bé nữa. Rồi tôi lật cô ấy lên và nhìn thấy đứa bé đã bị mất nửa khuôn mặt. Tôi dờ dẫm cả người. Việc huấn luyện đã diễn ra như vậy đấy, lập trình để giết chóc và tôi đã phải bắt đầu giết người.

- Varnado Simpson, Cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam đã hồi tưởng lại những sự kiện diễn ra năm 1968.

(Nguồn: trích trong: Donovan, David. Năm 2001. *Đã từng là vua chiến binh: Những ký ức của một sĩ quan tại Việt Nam*. Trong ICRC. Năm 2001. Xem xét Luật Nhân đạo, các Chuyên đề giáo dục dành cho thanh niên).

Câu hỏi thảo luận

1. Tại sao người lính này quyết định bắn thậm chí ông ta biết phụ nữ và trẻ em không phải là những mục tiêu hợp pháp?
2. Tại sao bạn nghĩ phụ nữ và trẻ em là những người được bảo vệ trong xung đột vũ trang?
3. Bạn có nghĩ rằng, tuân lệnh là vấn đề quan trọng trong chiến tranh? Những người lính có nên luôn luôn tuân lệnh?
4. Bạn nghĩ ai là người xác định đâu là hành vi hợp pháp và phi pháp trong chiến tranh?
5. Đối với những người lính, biết được điều gì là không hợp pháp quan trọng đến mức nào? Mục đích của việc đề ra nguyên tắc là gì?
6. Những tấn tẩm kịch như câu chuyện miêu tả ở trên có thể bị ngăn cản bằng cách nào?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. NGAY CẢ CHIẾN TRANH CŨNG CÓ NHỮNG GIỚI HẠN

Ít có tình huống nào đe dọa đến an ninh con người nghiêm trọng hơn là chiến tranh. Trong những điều kiện xung đột vũ trang đạt đỉnh điểm, các chính phủ thấy mình khó có thể lựa chọn giữa các nhu cầu của xã hội và nhu cầu của mỗi cá nhân. Quyền con người không bao giờ mất đi tính hợp lý của nó nhưng khi xảy ra bạo lực có hệ thống và có tổ chức, những đặc tính thực tế của một cuộc xung đột vũ trang cấu thành đối nghịch

với các nguyên tắc khẳng định các quyền đó. Như vậy, các tình huống xung đột vũ trang đòi hỏi một loạt các nguyên tắc mang tính bổ sung nhưng vẫn riêng biệt dựa trên một ý tưởng rất đơn giản là thậm chí ngay cả chiến tranh cũng có giới hạn. Những nguyên tắc này thường được đề cập đến như là Luật Nhân đạo quốc tế (IHL) hay Luật Xung đột vũ trang. Luật Nhân đạo quốc tế có thể được tóm tắt là các nguyên tắc và quy tắc đặt ra các giới hạn đối với vấn đề sử dụng bạo lực trong xung đột vũ trang nhằm:

- * Miễn cho những người (“dân thường”) không trực tiếp liên quan đến các hành vi thù địch;
- * Hạn chế các tác động của bạo lực (thậm chí đối với “binh lính”) ở mức độ cần thiết vì mục tiêu của chiến tranh.

Luật Nhân đạo quốc tế và an ninh con người

Nhiều người đã đặt câu hỏi và nhiều người phủ nhận rằng, luật có thể quy định hành vi mang tính ngoại lệ, trong hỗn loạn và bạo lực của xung đột vũ trang. Liệu có ai hy vọng rằng, khi sự sống còn của một cá nhân hay một xã hội đang bị đe dọa, thì những lý do pháp lý vẫn có thể hạn chế hành vi con người? Mặc dù điều này dường như rất đáng ngạc nhiên, nhưng nhiều lý do bắt buộc khiến những kẻ xâm lược và những người tự vệ đều phải tuân theo những nguyên tắc do Luật Nhân đạo quốc tế thiết lập nên. Trong khi sự bùng nổ của bạo lực đã phủ nhận ý tưởng về an ninh, nhưng một vấn đề quan trọng là Luật Nhân đạo quốc tế đóng góp cho an ninh con người thông qua việc bảo vệ ý tưởng cho rằng thậm chí ngay cả chiến tranh cũng có những giới hạn. Luật Nhân đạo quốc tế thừa nhận thực tế xung đột vũ trang và phản ứng một cách thực tế, với những quy tắc chi tiết và thực dụng nhằm vào các cá nhân. Ngành luật này không xác định liệu một quốc gia hay một nhóm phiến quân nào có hay không có quyền sử dụng lực lượng vũ trang. Thay vì điều đó, trước hết ngành luật này nhằm hạn chế những tổn thương mà chiến tranh có thể gây ra. Trong khi nỗ lực bảo vệ nhân phẩm, Luật Nhân đạo quốc tế cũng có thể được miêu tả là đóng góp cho một nền hòa bình sau cùng, thông qua việc tăng cường các khả năng hòa hợp.

“Chiến tranh cần luôn luôn được phát động chỉ vì mục tiêu hòa bình mà thôi”.

Hugo de Groot (Grotius).

Nguồn gốc của Luật Nhân đạo quốc tế

Mặc dù các học giả nhất trí rằng Luật Nhân đạo

quốc tế hiện đại được hình thành vào năm 1864 với sự thông qua Công ước Geneva đầu tiên, nhưng những quy tắc trong Công ước không hoàn toàn mới mẻ. Trên thực tế, phần lớn Công ước Geneva đầu tiên xuất phát từ thông lệ quốc tế. Thực ra, đã từng có những quy tắc bảo vệ các dạng nạn nhân nhất định trong xung đột vũ trang và các tập quán liên quan đến phương tiện và biện pháp chiến tranh được phép hay bị cấm trong các tình huống xung đột từ những năm 1000 trước Công nguyên.

Tới giữa thế kỷ XIX, các bộ luật và tập quán tạo thành Luật Nhân đạo quốc tế bị giới hạn về mặt địa lý và không thể hiện tính đồng thuận phổ quát. Việc hướng tới một văn kiện toàn cầu đầu tiên về Luật Nhân đạo được khởi xướng bởi một thương nhân Thụy Sĩ tên là Henry Dunant. Sau khi chứng kiến cuộc tàn sát ở Solferino năm 1859, trong trận chiến giữa quân Pháp và Áo ở Bắc Italia, Dunant đã quyết định viết một cuốn sách để mô tả những nỗi kinh hoàng của trận chiến và đề xuất, quảng bá các biện pháp có thể để thay đổi số phận của các nạn nhân chiến tranh.

Việc thông qua Công ước Geneva năm 1864 về cải thiện điều kiện của thương binh trên chiến trường đã dẫn đến kết quả là một văn kiện quốc tế được mở để phê chuẩn trên phạm vi toàn cầu, trong đó các quốc gia tình nguyện đồng ý giới hạn quyền lực vì cá nhân con người.

Lần đầu tiên, xung đột vũ trang bắt đầu được điều chỉnh bởi bộ luật chung thành văn.

“Khi mặt trời mọc ngày 25/6/1859, mặt trời đã làm lộ rõ những dấu hiệu khủng khiếp nhất mà người ta có thể tưởng tượng được. Xác người, ngựa chất đầy chiến trường [...] Cả ngày người ta thu gom những người bị thương khổ khổ, mặt họ nhợt nhạt như người chết và kiệt sức. Một số bị thương nặng nhất có vẻ mặt sững sờ. Họ không thể hiểu được người ta đang nói gì với họ nữa [...] Những người khác lo lắng và bị kích động vì căng thẳng thần kinh, thỉnh thoảng cứ run lên. Một số có những vết thương há miệng

bắt đầu có dấu hiệu viêm nhiễm, gần như mất trí vì đau đớn. Họ cầu xin được giúp đỡ giải thoát khỏi nỗi khổ sở và đau đớn quằn quại. Mặt mũi họ méo mó trong cuộc chiến chống lại tử thần”.

Henry Dunant. Hồi tưởng về Solferino.

Luật Nhân đạo quốc tế là luật quốc tế

Các nguyên tắc và quy tắc của Luật Nhân đạo quốc tế là những điều luật được thừa nhận rộng rãi, không chỉ về mặt đạo đức hay quan niệm triết học, hay tập quán xã hội. Hệ quả của đặc tính pháp lý của các nguyên tắc đó chính là sự tồn tại của một hệ thống chi tiết các quyền và nghĩa vụ áp dụng cho các bên khác nhau tham gia xung đột vũ trang. Cá nhân những người không tôn trọng các quy tắc của Luật Nhân đạo quốc tế sẽ phải bị đưa ra xét xử.

Luật Nhân đạo quốc tế phải được hiểu và phân tích như là một phần riêng biệt của một khuôn khổ tổng hợp hơn: gồm các quy tắc và nguyên tắc điều chỉnh sự phối hợp và hợp tác giữa các thành viên trong cộng đồng quốc tế, chẳng hạn như Công pháp quốc tế

Luật Nhân đạo quốc tế và quyền con người



Nhằm hạn chế tổn thương và thiệt hại do xung đột vũ trang gây ra, Luật Nhân đạo quốc tế có thể coi là sự bảo vệ “cốt yếu” quyền con người trong các thời điểm xung đột. Những vấn đề được bảo hộ chủ yếu bao gồm quyền sống, cấm buôn bán nô lệ, cấm tra tấn và đối xử phi nhân đạo và cấm áp dụng hiệu lực hồi tố. Không giống các quyền khác (như tự do ngôn luận, đi lại và hội họp), có thể bị hủy bỏ trong những tình huống khẩn cấp quốc gia, các quyền cốt yếu này luôn được Luật Nhân đạo quốc tế đảm bảo. Do Luật Nhân đạo quốc tế được áp dụng chính xác với các tình huống ngoại lệ cấu thành các xung đột vũ trang, nội dung của quyền con người cốt yếu có xu hướng nghiêng về các đảm bảo cơ bản mang tính pháp lý mà Luật Nhân đạo quốc tế đưa ra.

Ở đây đưa ra một số cách thức mà Luật Nhân đạo

quốc tế bảo vệ các quyền con người cơ bản trong xung đột vũ trang:

- * Bảo vệ phù hợp với các nạn nhân chiến tranh phải được thực thi mà không có bất cứ sự phân biệt nào;

- * Luật Nhân đạo quốc tế chủ yếu bảo vệ tính mạng, đặc biệt là tính mạng của dân thường và những ai không tham gia xung đột; Luật Nhân đạo quốc tế cũng hạn chế sự áp đặt án tử hình;

- * Luật Nhân đạo quốc tế vượt xa quyền dân sự truyền thống về tính mạng thông qua việc bảo vệ những phương tiện thiết yếu đảm bảo tính mạng con người, bao gồm cả các quyền xếp vào loại “mang tính kinh tế và xã hội” theo luật quyền con người;

- * Luật Nhân đạo quốc tế tuyệt đối cấm tra tấn và đối xử phi nhân đạo;

- * Luật Nhân đạo quốc tế cấm nô lệ: tù nhân chiến tranh không được coi là tài sản của những người bắt giữ họ;

- * Các đảm bảo về tư pháp được pháp điển trong các Công ước Geneva và các nghị định thư bổ sung;

- * Việc bảo vệ trẻ em và cuộc sống gia đình được nhấn mạnh một cách rõ ràng trong Luật Nhân đạo quốc tế: ví dụ như nguyên tắc về các điều kiện giam giữ trẻ em và các quy định chống lại việc chia tách các thành viên gia đình;

- * Tôn trọng tôn giáo được xét trong các quy tắc liên quan đến tù nhân chiến tranh cũng như tập tục mai táng.

Khi nào Luật Nhân đạo quốc tế được áp dụng?

Luật Nhân đạo quốc tế có thể áp dụng trong 2 tình huống. Nói cách khác, Luật Nhân đạo quốc tế mở ra hai hệ thống bảo vệ: một là áp dụng trong các xung đột vũ trang quốc tế và hai là trong xung đột vũ trang không mang tính quốc tế. Trước khi xác định hai trường hợp áp dụng trên, cần phân tích khái niệm “xung đột vũ trang” thay thế khái niệm “chiến tranh” truyền thống kể từ sau năm 1949.

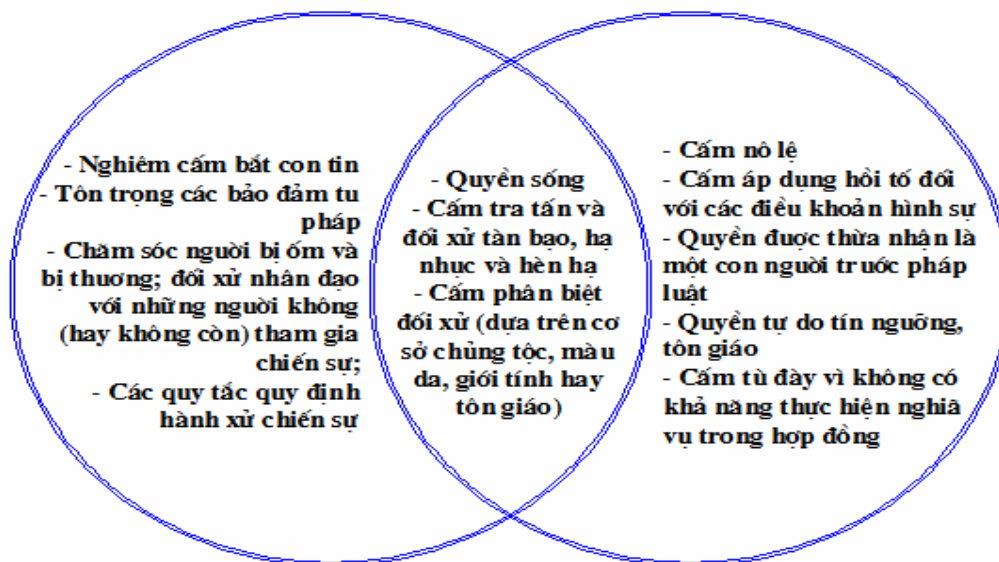
Xung đột vũ trang quốc tế là những xung đột trong đó có 2 hay nhiều quốc gia xung đột sử

dụng vũ khí và là những xung đột trong đó người dân nổi dậy chống lại sức mạnh thực dân, sự chiếm đóng ngoại bang hay tội ác chủng tộc, thường được đề cập đến là chiến tranh giải phóng dân tộc. Khi áp dụng hệ thống luật quyền con

người, những tình huống này chính là chủ thể của một loạt các nguyên tắc của Luật Nhân đạo quốc tế, bao gồm các quy tắc được đặt ra trong các Công ước Geneva và nghị định thư bổ sung số 1.

LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ

QUYỀN CON NGƯỜI



TRONG MỌI HOÀN CẢNH...

“Chiến tranh không phải là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân mà là quan hệ giữa các quốc gia, trong đó các cá nhân ngẫu nhiên trở thành kẻ thù của nhau; không phải là con người, thậm chí không phải là công dân, mà là binh lính [...]9. Do mục tiêu của chiến tranh là hủy diệt quốc gia kẻ thù, việc giết hại những người bảo vệ nhà nước đối địch trở nên hợp pháp khi những người bảo vệ đó mang vũ khí; nhưng khi họ hạ vũ khí và đầu hàng, họ không còn là kẻ thù hay nhân viên của kẻ thù nữa và một lần nữa lại trở thành những con người đơn thuần, lúc đó việc lấy đi sinh mạng của họ không còn hợp pháp.”

Jean-Jacques Rousseau.

Một tập hợp các quy tắc giới hạn hơn có thể được áp dụng trong các xung đột vũ trang nội bộ. Những

quy tắc này được ghi nhận tại Điều 3 của cả 4 công ước Geneva và trong Nghị định thư bổ sung II. Điều 3 đặt ra tiêu chuẩn tối thiểu về tính nhân đạo, và do đó, có thể áp dụng trong mọi trường hợp xung đột vũ trang. Một lần nữa, những quy tắc này còn được áp dụng song song với các thành tố của luật quyền con người được áp dụng trong các tình huống khẩn cấp. Bên cạnh đó, một số quy tắc ban đầu được đặt ra để áp dụng cho các xung đột quốc tế, do đó cũng áp dụng như các quy tắc mang tính tập quán trong các xung đột phi quốc tế.

Trong các trường hợp bạo lực không gia tăng tới mức độ trở thành một cuộc xung đột vũ trang, Luật Nhân đạo quốc tế không được áp dụng. Trong những trường hợp đó, các điều khoản của luật quyền con người và luật pháp quốc gia liên quan quy định số phận của những người dính líu đến các hành vi bạo lực.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ CÁC QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ

Có những quy tắc cơ bản nào của Luật Nhân đạo quốc tế áp dụng trong xung đột vũ trang?



1. Những người đã bị loại ra khỏi vòng chiến đấu và những ai không tham gia trực tiếp chiến sự có quyền được tôn trọng tính mạng cũng như sự toàn vẹn về thân thể và tinh thần.
2. Nghiêm cấm giết hại hay làm bị thương một kẻ thù đã đầu hàng hay đã bị loại ra khỏi vòng chiến đấu.
3. Người bị thương và người ốm cần phải được tập trung lại và chăm sóc bởi bên tham gia xung đột bắt giữ họ. Vấn đề bảo vệ cũng được áp dụng đối với nhân viên y tế, các cơ sở, giao thông và trang thiết bị. Biểu tượng của Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ và cả Pha lê đỏ đều biểu thị sự bảo vệ và cần phải được tôn trọng.
4. Những binh sĩ bị bắt và dân thường bị quản lý bởi một bên tham gia chiến sự chiếm đóng, có quyền được tôn trọng tính mạng, nhân phẩm, quyền cá nhân và sự vô tội của họ. Họ phải được bảo vệ chống lại mọi hành vi bạo lực và trả đũa. Họ cũng phải có quyền được liên lạc với gia đình và nhận sự cứu trợ.
5. Mọi người có quyền được hưởng lợi từ các bảo đảm tư pháp cơ bản. Không ai phải chịu trách nhiệm đối với một hành vi mà người đó không gây ra. Không ai là đối tượng của sự tra tấn về thể xác hay tinh thần, hình phạt về thân thể hay sự đối xử tàn bạo và dè hèn.
6. Các bên tham gia xung đột và thành viên của các lực lượng vũ trang không phải là không bị giới hạn lựa chọn biện pháp và phương tiện tiến hành chiến tranh. Họ bị nghiêm cấm sử dụng vũ khí hay phương pháp chiến tranh nhằm gây ra những thiệt hại không cần thiết hay những đau đớn thái quá.
7. Các bên tham gia xung đột phải luôn phân

biệt giữa dân thường và binh sĩ nhằm tránh tấn công mục tiêu dân sự và tài sản. Toàn bộ dân thường và các cá nhân là thường dân không là đối tượng tấn công. Các cuộc tấn công chỉ được nhằm vào những mục tiêu quân sự.

(Lưu ý: những quy tắc đó do ICRC đặt ra, nhằm tóm tắt những điểm cốt lõi của Luật Nhân đạo quốc tế. Những quy tắc đó không phải là một văn kiện mang tính pháp lý và cũng không thay thế cho các hiệp định đang có hiệu lực. Các quy tắc đó được soạn thảo nhằm hỗ trợ cho việc thúc đẩy Luật Nhân đạo quốc tế.)

Điểm khác biệt

“Nạn nhân của những cuộc xung đột hiện nay không đơn thuần là những người vô danh, thực ra ta không thể đếm xuể [...]”

Sự thật khủng khiếp là dân thường hiện nay không chỉ “bị kẹt giữa hai làn đạn”. Đó không phải là những thương vong do vô tình hay “thiệt hại bên ngoài” như những ngôn từ hoa mỹ hiện nay vẫn đề cập đến. Tất cả, quá thường xuyên, họ bị cố ý biến thành những mục tiêu tấn công.”

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

Luật Nhân đạo quốc tế bảo vệ cái gì và như thế nào?



Luật Nhân đạo quốc tế bảo vệ cá nhân những người không hay không còn tham gia chiến sự, ví dụ dân thường, người bị thương, người ốm, tù binh, nhân viên của tàu bị đắm, nhân viên y tế và người hành đạo. Sự bảo vệ được bảo đảm bởi việc đặt ra nghĩa vụ với các bên tham gia xung đột, yêu cầu họ hỗ trợ vật chất và đối xử nhân đạo vào mọi thời điểm và không có sự phân biệt thù địch.

Các địa điểm và đối tượng cụ thể như bệnh viện, xe cứu thương cũng được bảo vệ và không được

phép tấn công. Luật Nhân đạo quốc tế xác định một số biểu tượng và dấu hiệu được thừa nhận rõ ràng - đặc biệt là các biểu tượng Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ và Pha lê đỏ - có thể được sử dụng để xác định những người và nơi được bảo vệ. Các tượng đài lịch sử, các công trình nghệ thuật hay các nơi thờ cúng cũng phải được bảo vệ. Việc sử dụng những đối tượng đó để ủng hộ các nỗ lực quân sự bị nghiêm cấm. Hơn nữa, môi trường cũng là một mối quan tâm của Luật Nhân đạo quốc tế. Luật này cấm các phương pháp và công cụ chiến tranh cố ý, hoặc được mong đợi, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng, lâu dài và rộng khắp đối với môi trường tự nhiên.

Phải phân biệt giữa binh sĩ với dân thường trong khi có các hành vi thù địch cũng như phân biệt các đối tượng dân sự và các mục tiêu quân sự. Điều này có nghĩa là không chỉ dân thường phải được bảo vệ, mà cả hàng hóa cần thiết cho sự sống còn của họ hay sự tồn tại của họ (thực phẩm, gia súc, nước uống...).

Luật Nhân đạo quốc tế ngăn chặn tổn thương không cần thiết thông qua việc cấm sử dụng các vũ khí có ảnh hưởng quá mức liên quan đến lợi thế quân sự, ví dụ bắn nhằm gây ra những thương tổn không chữa trị được. Các nguyên tắc như tính nhân đạo, tính cần thiết về mặt quân sự và tính cân đối là mấu chốt của việc đảm bảo mục đích bảo vệ dân thường khỏi những tác động do vô tình hay bên ngoài và bảo vệ các binh sĩ khỏi các tổn thương không cần thiết. Sự cần thiết về mặt quân sự được xác định là những hành động cần thiết để khuất phục kẻ thù và luật đã được soạn thảo nhằm đưa vấn đề này ra xem xét một cách toàn diện. Kết quả là một phần nhất định của Luật Nhân đạo có thể không “nhân đạo” lắm đối với một luật sư ngành quyền con người, nhưng lại có lợi thế là chính xác và thực tế.

Tính nhân đạo

“Thông qua việc bảo vệ tính nhân đạo trong một cuộc xung đột vũ trang, Luật Nhân đạo quốc tế mở đường hướng tới hòa giải và

đóng góp không chỉ đối với việc khôi phục hòa bình giữa các bên tham chiến mà còn thúc đẩy hòa hợp giữa các dân tộc.”

Hội Liên nghị viện năm 1993.

Hội nghị lần thứ 90

Ai phải tôn trọng Luật Nhân đạo quốc tế?

Chỉ các quốc gia mới có thể trở thành các bên ký kết công ước quốc tế bao gồm cả các Công ước Geneva năm 1949 và hai nghị định thư bổ sung năm 1977. Tuy nhiên, tất cả các bên tham gia xung đột - dù là lực lượng vũ trang của các quốc gia hay là lực lượng chống đối - đều bị ràng buộc bởi Luật Nhân đạo quốc tế. Từ tháng 1/2006, hầu hết các quốc gia trên thế giới - chính xác là 192 nước - tham gia 4 Công ước Geneva năm 1949. Thực tế các công ước này nằm trong số những văn kiện mà đa số các quốc gia chấp nhận đã chứng thực tính phổ quát của các văn kiện đó. Hiện tại, 164 quốc gia thành viên của Nghị định thư bổ sung I liên quan đến việc bảo vệ các nạn nhân của xung đột vũ trang quốc tế, trong đó Nghị định thư bổ sung II, liên quan đến việc bảo vệ nạn nhân của xung đột vũ trang phi quốc tế, có tới 159 quốc gia thành viên.

Để kiểm tra nước bạn có tham gia một công ước nào đó hay không, hãy liên hệ với ICRC hoặc tra trên trang: <http://www.icrc.org>

3. TIẾP CẬN LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI

Tầm quan trọng của nhận thức văn hóa

Con người đã có những nỗ lực to lớn nhằm giới hạn mức độ tàn bạo của chiến tranh. Nhiều nền văn hóa trong lịch sử đã cố gắng hạn chế sử dụng bạo lực nhằm giảm bớt những thương tổn không cần thiết và hạn chế sự phá hủy. Mặc dù các công ước Geneva hay Hague không mang tính phổ quát ngay từ ban đầu, khi các luật sư và các nhà ngoại giao của văn hóa Thiên chúa giáo châu Âu soạn thảo và thông qua, những giá trị được nhấn mạnh ở đây mang tính phổ biến. Mặt phổ biến của Luật Nhân đạo quốc tế không bao giờ bị đánh

giá thấp hay bị quên lãng: sự tôn trọng và thực thi các quy tắc trên thực tế sẽ phụ thuộc vào việc thiết lập một mối liên hệ rõ ràng giữa các hiệp định có thể áp dụng và các truyền thống hay tập quán địa phương.

Các quan điểm xung đột liên quan đến khả năng áp dụng của Luật Nhân đạo quốc tế



Trong khi các nguyên tắc của Luật Nhân đạo quốc tế nhận được sự ủng hộ hầu như trên toàn thế giới thì những vấn đề rắc rối liên quan thực thi lại xuất hiện do những ý tưởng mâu thuẫn nhau về vấn đề là những biểu hiện nào của bạo lực thì nó trở thành xung đột vũ trang. Việc xác định mức độ xung đột ở cấp độ vũ trang trở nên quan trọng hàng đầu vì đó là tiêu chuẩn cơ bản để áp dụng Luật Nhân đạo quốc tế. Khi đối diện với những hành vi bạo lực trên lãnh thổ của mình, các quốc gia thường muốn giải quyết nội bộ. Điều này thậm chí xảy ra ngay cả khi một quốc gia khác tham gia một cách gián tiếp vào các vấn đề rắc rối thừa nhận tình trạng xung đột vũ trang nghĩa là thừa nhận những ai có trách nhiệm tiến hành bạo lực vẫn có thể xứng đáng được bảo vệ theo các quy tắc của Luật Nhân đạo quốc tế, bao hàm sự bảo vệ cơ bản mà luật quyền con người đặt ra. Không có gì phải ngạc nhiên khi các chính quyền mô tả những thủ phạm đó như tội phạm, cướp biển hay khủng bố, thay vì là những binh sĩ, do đó để trốn tránh áp dụng các quy tắc của Luật Nhân đạo quốc tế.

“Chúng ta có thể biết được một người bất kể quốc tịch nào, dễ dàng bị mắc kẹt bởi tâm lý tàn bạo khi tham chiến. Sự tàn bạo đó thường có nguồn gốc từ sự thù hận những người khác, và rõ ràng được thể hiện trong các hành vi phân biệt chủng tộc. Vấn đề căn bản nhất chúng ta phải giải quyết khi xử lý tội ác chiến tranh là nỗi sợ hãi tột cùng cái chết mà các binh sĩ phải trải qua. Nhằm vượt qua nỗi sợ hãi trong chiến tranh, con người thường dựa vào bạo lực, mà

điều đó thì ngược lại, hạ thấp đạo đức của họ và thể hiện ra ngoài như một sự bộc phát tàn bạo.”

Yuki Tanaka, học giả Nhật Bản

Một trong những cách thức mà các quốc gia có thể áp dụng Luật Nhân đạo quốc tế trong những tình huống như vậy là thông qua việc đảm bảo khả năng áp dụng các nguyên tắc sẽ không trao tính hợp pháp cho các nhóm tham gia chiến sự. Cách tiếp cận thực tế và thực dụng của Luật Nhân đạo quốc tế được sử dụng để bảo vệ nạn nhân của xung đột, bất kể họ thuộc phe nào. Quan trọng là cần lưu ý rằng Luật Nhân đạo quốc tế thể hiện sự cân bằng giữa các khái niệm mâu thuẫn nhau: một mặt là nhu cầu về quân sự, mặt kia là các mối quan ngại nhân đạo.

4. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT

Do khó khăn khi đảm bảo luật pháp trong xung đột vũ trang, đại diện các quốc gia soạn thảo những hiệp định thuộc phạm vi Luật Nhân đạo quốc tế đã nghĩ ra những cơ chế thực thi cụ thể và làm cho các cơ chế luật quốc tế chung thích nghi với những nhu cầu cụ thể của nạn nhân trong xung đột vũ trang. Điều không may là dù các cơ chế chung và cụ thể được kết hợp lại, nhưng vẫn không thể bảo đảm thậm chí là sự tôn trọng tối thiểu đối với cá nhân con người trong xung đột vũ trang. Điều đó chỉ có thể đạt được nếu có sự giáo dục và đào tạo để giúp mọi người nhận thức rằng kể cả trong xung đột vũ trang thì kẻ thù vẫn là con người đáng được tôn trọng.

Nói rộng ra, có 3 loại chiến lược mà Luật Nhân đạo quốc tế sử dụng để đảm bảo thực thi:

- Các biện pháp phòng ngừa;
- Các biện pháp đảm bảo sự tuân thủ trong xung đột vũ trang;
- Các biện pháp cưỡng chế.

Các biện pháp phòng ngừa



Những quốc gia tham gia Công ước Geneva - tức là hầu hết các quốc gia trên thế giới - có nghĩa vụ

phổ biến kiến thức về Luật Nhân đạo quốc tế càng rộng rãi càng tốt. Nếu chỉ giảng dạy cho lực lượng vũ trang của một quốc gia về Luật Nhân đạo quốc tế thì chưa đủ: xã hội dân sự và thanh niên cũng cần được nhận thức về vấn đề nhân đạo trong xung đột vũ trang. Tâm điểm của Luật Nhân đạo quốc tế lúc này là nhằm bảo vệ tính mạng và nhân phẩm trong thời điểm chiến tranh, tuy nhiên, suy rộng ra, đó là còn là vấn đề bảo vệ các giá trị đó trong mọi sự kiện mà ta trải qua.

Như vậy, đồng thời với giáo dục quyền con người, Luật Nhân đạo quốc tế là ngành duy nhất đóng góp cho nền giáo dục về quyền công dân ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế. Giáo dục và đào tạo phải bắt đầu ngay cả trong hòa bình, để in đậm vào tâm khảm con người lòng nhân đạo thực sự.

Các biện pháp giám sát sự tuân thủ

Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC) đóng vai trò chính trong việc nhắc nhở để quốc gia ghi nhớ rằng họ phải chịu trách nhiệm phổ biến những điều khoản nhân đạo và rằng họ phải thực hiện

mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm luật pháp được áp dụng hiệu quả và được tôn trọng đầy đủ.

Các biện pháp cưỡng chế

Luật Nhân đạo quốc tế đòi hỏi các quốc gia phải nghiêm cấm vi phạm. Những vi phạm quyền con người trầm trọng nhất định, còn gọi là tội ác chiến tranh, bị Luật Nhân đạo quốc tế coi là phạm tội. Thực chất, các quốc gia được yêu cầu ban hành đạo luật trong nước nhằm trừng phạt tội ác chiến tranh, tìm những người bị cáo buộc là thực hiện những tội ác đó, và tiến hành xét xử hoặc dẫn độ họ đến nước khác để xét xử. Những biện pháp cưỡng chế như trên có thể ngăn chặn và ngăn ngừa các vi phạm quyền con người tái diễn.

Cộng đồng quốc tế gần đây đã thành lập Tòa án hình sự quốc tế thường trực (ICC) có khả năng xét xử tội ác chiến tranh, tội ác chống lại loài người và tội diệt chủng. Không giống các tòa án đặc biệt thiết lập riêng cho những xung đột ở Nam Tư và Rwanda, Tòa án ICC có thẩm quyền trên toàn cầu.

ĐIỀU NÊN BIẾT

Hội Chữ thập đỏ quốc tế và Phong trào Trăng lưỡi liềm đỏ được thành lập gồm Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC), Hội Chữ thập đỏ quốc gia và Trăng lưỡi liềm đỏ ở khoảng 180 nước, và Liên đoàn Chữ thập đỏ quốc tế và các hiệp hội Trăng lưỡi liềm đỏ. Các hiệp hội quốc gia hoạt động phụ trợ cho chính quyền nước họ trong lĩnh vực nhân đạo và cung cấp các dịch vụ bao gồm cứu trợ thiên tai và các chương trình y tế, xã hội. Liên đoàn là tổ chức thúc đẩy hợp tác giữa các hiệp hội quốc gia và tăng cường năng lực.

Là người bảo trợ và thúc đẩy Luật Nhân đạo quốc tế, Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC) đóng vai trò lãnh đạo trong việc tìm kiếm duy trì biện pháp nhân đạo trong bối cảnh xung đột vũ trang.

1. KINH NGHIỆM TỐT



Bảo vệ thường dân

Luật Nhân đạo quốc tế dựa trên nguyên tắc miễn trừ đối với thường dân. Những người không tham gia chiến sự không thể bị tấn công trong bất cứ tình huống nào; phải tránh tấn công và bảo vệ dân thường. Tuy nhiên trong các xung đột hiện nay, người dân thường xuyên phải chịu đựng bạo lực tàn khốc, đôi khi lại là những mục tiêu trực tiếp. Các cuộc thảm sát, bắt con tin, tấn công tình dục, càn quét, trục xuất, ép di dời, cướp phá và cố ý không cho tiếp cận với nước uống, thức ăn và chăm sóc y tế, là những thực tế khiến dân chúng sợ hãi và khổ sở.

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế luôn có mặt tại những nơi mà dân thường đặc biệt bị nguy hiểm. Người ta bắt đầu quan tâm đặc biệt đến phụ nữ và trẻ em kể từ khi Luật Nhân đạo quốc tế đặt ra vấn đề bảo

vệ cụ thể đối với những đối tượng này.

“Sự ly tán các gia đình trong chiến tranh khiến phụ nữ và trẻ em gái đặc biệt dễ bị tổn thương bởi bạo lực. Gần 80% trong số 53 triệu dân ly tán do chiến tranh hiện nay là phụ nữ và trẻ em. Khi cha, chồng, anh em, con trai bị buộc phải ra chiến trường, phụ nữ, con trẻ và người già ở lại phía sau, tự bảo vệ bản thân. Các gia đình bị nạn cho biết hiệp dân và nỗi sợ hãi bị hiệp dân là những yếu tố chủ yếu khiến họ quyết định đi tỵ nạn.”

Tình trạng trẻ em trên thế giới. Năm 1996

Phụ nữ phải gánh chịu xung đột vũ trang ở nhiều khía cạnh - từ tham gia chủ động như những người lính đến bị tấn công dù là dân thường hay không, hoặc bởi vì họ là phụ nữ. Sự chịu đựng đó thể hiện ở nhiều mặt - là sự chia tách, mất thành viên trong gia đình và việc kiếm sống, tăng nguy cơ bị tấn công tình dục, bị thương, đói và cái chết.

Cách giải quyết thực tế trên liên quan đến việc:

- Giáo dục những người cầm vũ khí về quyền của phụ nữ.
- Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ khoa cho các cơ sở y tế và điểm y tế dành cho nạn nhân của chiến sự.
- Buộc các nhà chức trách giam giữ người ghi nhớ rằng những người tạm giam là nữ phải được phụ nữ giám sát ngay lập tức và nơi tạm giam, khu vệ sinh dành cho họ phải biệt lập với nam giới.
- Nỗ lực liên hệ giữa các thành viên gia đình ly tán do xung đột vũ trang.
- Hỗ trợ các gia đình có người mất tích.

Trẻ em thường xuyên bị trở thành những nhân chứng đầu tiên của tội ác sát hại cha mẹ các em hay các thành viên khác trong gia đình. Các em bị giết hại, bị thương hay bị cầm tù hoặc bị tách khỏi gia đình. Các em bị tách khỏi môi trường quen thuộc, thậm chí với những em đã cố trốn

thoát khỏi môi trường chiến sự đều thiếu bảo đảm về tương lai và thậm chí cả tương lai của những người các em yêu thương. Các em thường buộc phải chạy trốn, bỏ lại nhà cửa, bị từ chối và không có giấy tờ tùy thân. Bên cạnh đó, những em sống với gia đình hay bị bỏ rơi lại ở vùng chiến sự thường dễ trở thành những đối tượng dễ gọi nhập ngũ và tham gia như những binh lính thực thụ. Bị tước đoạt gia đình, các binh lính trẻ em này hầu như không thể hình dung sẽ sống thế nào nếu không tham chiến. Tham gia một nhóm vũ trang là cách để đảm bảo bản thân có thể sống sót. Cách giải quyết thực tế trên liên quan đến những vấn đề:

- Tăng cường tôn trọng quyền của trẻ em cho những người cầm vũ khí.
- Cấm tuyển mộ và cho phép trẻ em tham gia xung đột vũ trang.
- Hỗ trợ thích đáng về y tế, tâm lý và xã hội đối với các nạn nhân xung đột là trẻ em.
- Nỗ lực liên hệ với gia đình thông qua việc bảo vệ các em không có người đi cùng và tìm kiếm người mất tích.
- Giám sát các điều kiện giam giữ với trẻ em - đảm bảo các em được giam riêng, tách khỏi người lớn trừ khi họ là các thành viên trong gia đình - và cố gắng giúp các em rời khỏi nơi giam giữ.

“Có những em tham gia với những lý do mà người ta gọi là tự nguyện. Nhưng tôi nghĩ ai cũng cần phải suy nghĩ thận trọng mới nhận thấy rằng không có sự tham gia nào là tự nguyện, theo nghĩa là đa số trẻ em phải tự nguyện mà không thể không thấy cần thiết phải tham gia hay bị ngược đãi, sợ hãi hay cảm giác an toàn.

Những em không có người đi cùng không có cha mẹ bảo vệ, các em sợ sẽ chết đói hay không được chăm sóc y tế đầy đủ có thể buộc phải tham gia chiến sự.”

Tiến sĩ Mike Wessells

Bảo vệ tù nhân



Một trong những hệ quả của xung đột vũ trang là bắt và giam giữ tù nhân. Bị tước đi tự do đẩy con người vào trạng thái dễ bị tổn thương trước các nhân viên quân giáo và trong môi trường nhà tù. Tính dễ bị tổn thương đó đặc biệt trở nên sâu sắc vào thời điểm chiến sự và bạo lực nội bộ khi việc sử dụng vũ lực bất hợp pháp và thái quá trở nên phổ biến và khi bị thiếu hụt cơ sở, thiết bị giam giữ. Luật Nhân đạo quốc tế bao gồm các biện pháp cụ thể bảo vệ tù nhân. Các cách thức bảo đảm tôn trọng tính mạng và nhân phẩm của tù nhân bao gồm:

- Đảm bảo những người quản lý nhà tù được đào tạo về các quy tắc bảo vệ tù nhân và bị trừng phạt nếu họ không tuân thủ các quy tắc đó.
- Đảm bảo rằng nơi quản lý tù nhân có đủ ngân quỹ và thiết bị cho nhà tù.
- Cho phép các tổ chức nhân đạo trung lập như Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế thăm tù nhân và giám sát cách đối xử với tù nhân.
- Tìm cách để họ liên hệ với gia đình, vốn bị cắt đứt bấy lâu.
- Hỗ trợ các tổ chức quyền con người như Tổ chức ân xá quốc tế và Tổ chức theo dõi quyền con người hay các tổ chức quyền con người địa phương công bố những gì họ biết được về việc người bắt giam ngược đãi tù binh.

Nối lại liên lạc với gia đình



Trong hầu hết các tình huống khẩn cấp - xung đột vũ trang, di dời lượng lớn dân cư và các tình huống khủng hoảng khác - trẻ em bị tách khỏi cha mẹ, gia đình và những người lớn có trách nhiệm. Vì địa vị của các em hiếm khi rõ ràng ngay tại thời điểm đó, nên các em thường bị coi là “những trẻ bị ly tán hay không có người đi kèm” thay vì “trẻ mồ côi”. Những người khác như người già hay người khuyết tật có thể cũng gặp khó khăn trong xung đột. Họ có thể bị bỏ lại, bị cô lập và bị tách khỏi người thân và không thể tự chăm sóc bản thân. Trước tính đặc biệt dễ bị

tổn thương như vậy, Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế khi cần thiết sẽ thực thi các biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ họ và giúp họ tìm gia đình. Một số biện pháp là:

- Chuyển tải thông tin về gia đình của họ thông qua tin báo của Hội Chữ thập đỏ, qua sóng phát thanh, điện thoại, internet, qua Hội Chữ thập đỏ quốc tế và Phong trào Trăng lưỡi liềm đỏ.
- Tổ chức hồi hương và đoàn tụ gia đình.
- Hỗ trợ các chuyến thăm của gia đình đối với những người bị bắt giam hay qua chiến tuyến.
- Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế phát hành tài liệu về sự di chuyển của những người không có hoặc không còn giấy tờ tùy thân do chiến sự, và chuẩn bị hồi hương hoặc định cư ở nước thứ ba.
- Thông báo và hỗ trợ các gia đình có người mất tích.

Về các biểu trưng

Các công ước Geneva đề cập đến 3 biểu trưng: Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ và Pha lê đỏ (từ năm 2006). Luật Nhân đạo quốc tế quy định việc sử dụng, kích cỡ, mục đích và việc đặt biểu trưng đó, người và tài sản mà nó bảo vệ, ai có thể sử dụng biểu trưng, biểu trưng đó thể hiện sự tôn trọng điều gì và sử dụng sai mục đích sẽ bị trừng phạt thế nào.

Trong những thời điểm xung đột vũ trang, biểu trưng có thể được sử dụng như một công cụ bảo vệ chỉ bởi:

- Đơn vị y tế của một lực lượng vũ trang;
- Hội Chữ thập đỏ quốc gia và các hiệp hội Trăng lưỡi liềm đỏ thường được chính phủ thừa nhận và cho phép hỗ trợ cho các đơn vị y tế của lực lượng vũ trang;
- Bệnh viện dân sự và các cơ sở y tế khác được chính phủ thừa nhận là dân sự;
- Các cơ quan cứu trợ tự nguyện tùy thuộc vào những điều kiện giống như các hiệp hội quốc gia.

Ba kiểu sử dụng sai biểu trưng:

1. **Bắt chước:** một tổ chức nhân đạo sử dụng sai chữ thập đỏ làm biểu tượng cho mình, gây nhầm lẫn.
2. **Tiếp quyền:** một được sĩ tuyên bố có quyền đối với cờ chữ thập đỏ.
3. **Gian trá:** các lực lượng vũ trang sử dụng xe cứu thương có chữ thập đỏ để chở vũ khí.

Các quốc gia phải thực hiện mọi biện pháp để ngăn ngừa và ngăn chặn việc sử dụng sai biểu trưng. Những trường hợp nghiêm trọng nhất của việc sử dụng sai biểu trưng bị coi là tội ác chiến tranh.

Các nguyên tắc làm việc đối với hành động nhân đạo

Để được coi là nhân đạo, một tổ chức phải tuân theo các nguyên tắc chủ chốt. Nguyên tắc quan trọng nhất là tính trung lập và tính công tâm. Tính trung lập có thể được hiểu là không theo phe nào. Nguyên tắc này cho phép những học viên hoạt động nhân đạo có được và duy trì sự tin tưởng của mọi học viên chiến sự. Tính công tâm nghĩa là ưu tiên được xem xét dựa trên cơ sở các nhu cầu. Thực chất, nhân viên nhân đạo không được phân biệt dựa trên các yếu tố như quốc tịch, chủng tộc, niềm tin tôn giáo, tầng lớp xã hội hay quan điểm chính trị. Họ chỉ nghe theo các nhu cầu của cá nhân và phải ưu tiên cho các trường hợp khẩn cấp nhất.

Các nguyên tắc cơ bản của Chữ thập đỏ và Phong trào trăng lưỡi liềm đỏ

Tính nhân đạo - bảo vệ tính mạng, sức khỏe và đảm bảo tôn trọng con người.

Tính công tâm - không phân biệt đối xử xét trên cơ sở quốc tịch, chủng tộc, niềm tin tôn giáo, tầng lớp hay quan điểm chính trị: chỉ nghe theo các nhu cầu.

Tính trung lập - không xem xét đến phe phái trong chiến sự.

Độc lập - hoàn toàn tự chủ khỏi mọi dạng quyền lực bên ngoài.

Tự nguyện - tổ chức phi lợi nhuận.

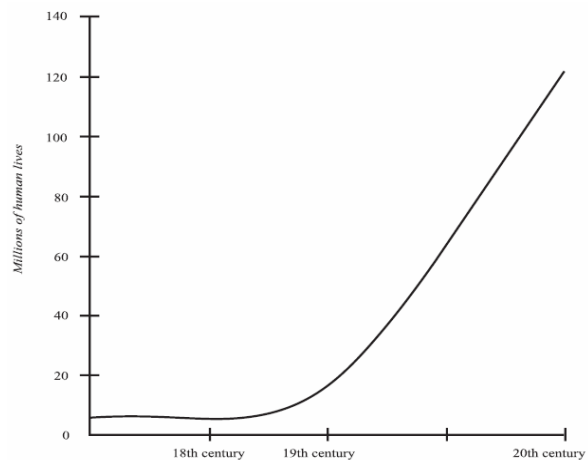
Đoàn kết - chỉ có một Hội chữ thập đỏ hay Trăng lưỡi liềm đỏ ở một quốc gia.

Tính phổ quát - là một tổ chức toàn cầu.

Do công việc của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế nhạy cảm về chính trị, liên quan đến các cuộc thăm viếng tù binh hoặc làm trung gian giữa các bên tham chiến, và do sự hiện hữu của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế đòi hỏi ít nhất sự khoan dung từ các bên, tính bí mật đóng vai trò quan trọng trong công tác của tổ chức này. Nguyên tắc trên cùng với các nguyên tắc trung lập và công tâm tạo nên tình thế tiến thoái lưỡng nan về mặt đạo đức đối với các nhà hoạt động nhân đạo, những người không thể lên án các hành vi ngược đãi khi việc lên án đó có thể gây nguy hiểm đến tính mạng nạn nhân hay hạn chế khả năng tiếp cận với những người cần được giúp đỡ.

2. XU HƯỚNG

Thiệt hại về người



Thế kỷ XVIII: 5,5 triệu

Thế kỷ XIX: 16 triệu

Chiến tranh thế giới thứ nhất: 38 triệu

Chiến tranh thế giới lần thứ 2: hơn 60 triệu

Năm 1949-1995: 24 triệu

Nguồn: “Thế kỷ XX, thế kỷ chết chóc nhất”. Sổ tay nghị sĩ.

Việc cấm sử dụng mìn sát thương

Trong suốt thập kỷ 90 của thế kỷ trước, Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, các tổ chức quốc tế và liên minh rộng lớn những tổ chức phi chính phủ đã đấu tranh không mệt mỏi để biến việc nghiêm cấm sử dụng mìn sát thương thành hiện thực và nhằm cứu trợ nạn nhân do mìn và những cộng đồng bị ảnh hưởng của mìn. Công việc này đã đem lại kết quả là Hiệp định Ottawa năm 1997 được thông qua, Công ước cấm sử dụng, tàng trữ, sản xuất và vận chuyển mìn sát thương và về sự huỷ diệt của nó, có hiệu lực ngày 01/3/1999. Đó là công ước đầu tiên của Luật Nhân đạo quốc tế, nghiêm cấm, một loại vũ khí được sử dụng phổ biến và trở thành luật nhanh hơn bất cứ thỏa thuận nào liên quan đến vũ khí đa phương trước đó.

Từ tháng 1/2006, 149 quốc gia đã phê chuẩn Hiệp định Nghiêm cấm mìn 1997, và có thêm 5 nước ký kết hiệp định này. Các quốc gia thành viên của mạng lưới an ninh con người nằm trong số những người khởi xướng nhiệt tình nhất của công ước này và mạng lưới đã trở thành một trong những liên minh quốc tế đi đầu trong việc thực thi hiệp định đầy đủ và kịp thời.

Một số số liệu hỗ trợ của Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế trong năm 2004

Thăm viếng nhà tù

Thăm 571.503 tù binh tại 2.435 trại giam trên gần 80 quốc gia, bao gồm 29.076 tù binh được đăng ký và được thăm viếng lần đầu tiên.

Phát hành 39.743 giấy chứng nhận giam giữ

Tìm cách liên lạc với gia đình

1.362.358 thông điệp của Hội chữ thập đỏ được thu thập và phát đi

6.166 người có gia đình đệ đơn yêu cầu tìm kiếm được xác định

2.782 người được đoàn tụ với gia đình

9.695 người được cung cấp giấy tờ thông hành để có thể về nhà hoặc định cư ở nơi khác.

Hỗ trợ

Tại 34 nước, 1.324.000 người được nhận lương thực và 2.239.000 vật dụng gia đình và vệ sinh, 19,4 triệu người ở 40 quốc gia được hưởng lợi từ những chương trình nước và nhà ở

2722000 người được hưởng lợi từ những thiết bị y tế do Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế hỗ trợ

Hơn 10576 người bị thương do chiến tranh được nhập bệnh viện của Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế

(Nguồn: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế: www.icrc.org)

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

Một số xung đột vũ trang có ít nhiều tác động ngay lập tức đối với sự phát triển của Luật Nhân đạo quốc tế.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) đã chứng kiến việc sử dụng các phương pháp chiến tranh, nếu chưa hoàn toàn mới, thì ít nhất cũng đã được triển khai ở một cấp độ chưa từng có. Những phương pháp đó bao gồm sử dụng khí độc, đánh bom bằng máy bay lần đầu tiên và việc bắt giữ hàng trăm nghìn tù binh. Hiệp định năm 1925 cấm sử dụng một số phương pháp chiến tranh nhất định và các hiệp định năm 1929 đề cập đến vấn đề đối xử với tù binh chiến tranh được thông qua sau những bước phát triển trên.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945) chứng kiến thường dân và những học viên quân đội bị giết hại với số lượng tương đương nhau, khác với tỷ lệ 1:10 như trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Năm 1949, cộng đồng quốc tế đã đáp lại những con số bi thảm trên và đặc biệt hơn là với những tác động khủng khiếp mà chiến tranh gây ra đối với dân thường, thông qua việc sửa đổi các công ước có hiệu lực khi đó và thông qua văn kiện mới: Công ước Geneva thứ 4 về bảo vệ dân thường.

Năm 1977, các nghị định thư bổ sung được thông qua ứng phó với những thách thức mới trong việc bảo vệ dân thường trong các cuộc chiến tranh phi thực dân hóa cũng như sự phát triển của công nghệ quân sự mới.

Đặc biệt, Nghị định thư bổ sung II bao gồm những lực lượng vũ trang chống đối hay nhóm vũ trang có tổ chức, nằm dưới sự chỉ huy có trách nhiệm rõ, quản lý một phần lãnh thổ.

Các văn kiện chính của Luật Nhân đạo quốc tế và các văn kiện khác liên quan

1864	Công ước Geneva về cải thiện tình hình của người bị thương trong quân đội trên chiến trường
1868	Tuyên bố St. Petersburg (cấm sử dụng các loại đạn nhất định trong chiến tranh)
1899	Các Công ước Hague về tôn trọng luật và tập quán chiến tranh trên đất liền và gắn các nguyên tắc của Công ước Geneva 1964 với chiến tranh trên biển
1906	Đánh giá và phát triển Công ước Geneva 1864
1907	Đánh giá các Công ước Hague năm 1899 và thông qua các Công ước mới
1925	Nghị định thư Geneva về việc cấm sử dụng trong chiến tranh các khí gây ngạt, khí độc hay các khí khác và các phương pháp chiến tranh sử dụng vi khuẩn
1929	Hai công ước Geneva
*	Đánh giá và phát triển Công ước Geneva 1906
*	Công ước Geneva liên quan đến cách đối xử với tù binh (mới)
1949	Các công ước Geneva:
I	Cải thiện tình hình người bị thương và người ốm trong xung đột vũ trang trên chiến trường
II	Cải thiện tình hình người bị thương, người ốm và thành viên lực lượng vũ trang bị đắm thuyền trên biển
III	Cách đối xử với tù binh
IV	Bảo vệ dân thường trong chiến tranh (mới)
1954	Công ước Hague về bảo vệ tài sản văn hóa trong xung đột vũ trang
1972	Công ước về cấm phát triển, sản xuất,

	tàng trữ các vũ khí sinh học và độc hại và về sức tàn phá của chúng
1977	Hai nghị định thư bổ sung với 4 Công ước Geneva 1949 tăng cường bảo vệ các nạn nhân của xung đột vũ trang quốc tế (nghị định thư I) và phi quốc tế (Nghị định thư II)
1980	Công ước về cấm hoặc hạn chế sử dụng các loại vũ khí thông thường có thể gây ra thương tật thái quá hoặc có tác dụng bừa bãi (CCW), bao gồm:
*	Nghị định thư (I) về các mảnh vỡ không thể phát hiện được
*	Nghị định thư (II) về cấm hoặc hạn chế sử dụng mìn, bẫy người không biết và các thiết bị khác
*	Nghị định thư (III) về cấm hoặc hạn chế sử dụng các vũ khí gây cháy
1993	Công ước nghiêm cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng các vũ khí hóa học và sức tàn phá của chúng
1995	Nghị định thư liên quan đến vũ khí laser gây mù mắt (Nghị định thư IV [mới] của Công ước năm 1980
1996	Nghị định thư sửa đổi về cấm hoặc hạn chế sử dụng mìn, bẫy người không biết và các thiết bị khác (Nghị định thư II (sửa đổi) của Công ước 1980
1997	Công ước cấm sử dụng, tàng trữ, sản xuất và vận chuyển mìn sát thương và sức tàn phá của chúng
1998	Quy chế Rome của Tòa án tội phạm quốc tế
1999	Nghị định thư của Công ước năm 1954 về tài sản văn hóa
2000	Nghị định thư có thể lựa chọn của Công ước về quyền trẻ em, xử lý sự tham gia của trẻ trong xung đột vũ trang
2001	Sửa đổi Điều 1 Công ước CCW, mở rộng với xung đột phi quốc tế
2002	Quy chế Rome có hiệu lực, thiết lập tòa án hình sự quốc tế thường trực đầu tiên

2002	Nghị định thư có thể lựa chọn của Công ước về quyền trẻ em có hiệu lực, giải quyết vấn đề tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang
2003	Nghị định thư về chất nổ còn sót lại sau

chiến tranh (Nghị định thư V của Công ước 1980)
(Nguồn: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế: www.icrc.org/ihl)

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I: **1** TẠI SAO PHẢI TÔN TRỌNG LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ

Phần I: Giới thiệu

Đối với nhiều người, ý tưởng rằng có thể có các nguyên tắc trong chiến tranh có vẻ ngớ ngẩn vì họ tin rằng chính ý tưởng về chiến tranh đã mâu thuẫn với khái niệm Luật quyền con người. Nhưng thực tế, hầu hết các quốc gia trên thế giới chấp nhận và thực thi các quy tắc của Luật nhân đạo quốc tế. Tại sao như vậy? Trong thảo luận được đề xuất, học viên đặt câu hỏi, qua đó hiểu được một số nguyên nhân chính khiến các quốc gia tuân thủ những cam kết nhân đạo của mình trong thời điểm xung đột vũ trang.

Loại hoạt động: thảo luận

Câu hỏi thảo luận:

Nếu thắng trong chiến tranh, tại sao tôi lại cần tuân thủ những quy tắc giới hạn hành vi?

Nếu những quy tắc đó luôn bị phá vỡ, tại sao chúng ta lại cần chúng?

Liệu chúng ta có thực sự cần Luật nhân đạo quốc tế khi có các văn kiện quyền con người khác không? Tại sao các quốc gia lại không gây khó dễ đối với vấn đề bảo lưu những nghĩa vụ quyền con người của mình trong thời chiến?

Làm thế nào để luật nhân đạo quốc tế có thể yêu cầu cải thiện triển vọng hòa bình và an ninh con người nếu nó chấp nhận thực tế chiến tranh?

Phần II: Thông tin chung

Mục tiêu:

Nhằm hiểu được một số lý do tại sao lại cần

những nguyên tắc cho xung đột vũ trang.

Có thể nhận thức được các vấn đề khó trả lời mà ý tưởng của Luật nhân đạo quốc tế đặt ra.

Quen thuộc hơn với những lý do khiến các quốc gia tôn trọng Luật nhân đạo quốc tế.

Hiểu được tính bổ sung giữa Luật quyền con người và Luật nhân đạo quốc tế.

Biết được một số quy tắc cơ bản của Luật nhân đạo quốc tế.

Đối tượng: người đã trưởng thành.

Số lượng: 12 - 20 người

Thời gian: 90 phút

Chuẩn bị và dụng cụ cần thiết:

Phân phát các bản sao các quy tắc cơ bản của Luật nhân đạo quốc tế cũng như đồ thị thể hiện tính bổ sung của Luật nhân đạo quốc tế và Luật quyền con người; nên có một tấm bảng dễ nhìn để viết một số ý tưởng chính được đưa ra trong quá trình thảo luận; phân phát các câu hỏi thảo luận khoảng 1 tuần trước buổi học để học viên suy nghĩ về các câu hỏi cần thận và tự thảo luận chúng hoặc thảo luận với bạn bè và gia đình

Những kỹ năng liên quan:

Khả năng phát triển lập luận;

Khả năng tư duy phê bình;

Khả năng giao tiếp hiệu quả;

Khả năng xử lý các ý kiến mâu thuẫn.

Phần III: Thông tin cụ thể

Giới thiệu về chủ đề:

Thảo luận này giải quyết một số câu hỏi khó, vốn không có câu trả lời dễ dàng. Học viên cần được khuyến khích suy nghĩ sáng tạo và kín kẽ; không lãng phí thời gian tìm câu trả lời đúng. Quan trọng là không bỏ qua các câu trả lời mang tính

hoài nghi vì mấu chốt của hoạt động là để học viên phát hiện ra rằng các quốc gia có những động cơ tôn trọng Luật nhân đạo quốc tế hơn cả các lý do đạo đức và pháp lý khi làm như vậy. Các bình luận mang tính hoài nghi có thể được sử dụng để làm nổi bật những động cơ này và làm rõ tính thực dụng của Luật nhân đạo quốc tế.

Tiến trình thảo luận:

Học viên được chia thành 4 nhóm nhỏ, mỗi nhóm nhỏ được giao thảo luận 4 vấn đề. Mỗi nhóm thảo luận trong 30 phút, trong khi đó người hướng dẫn có thể đi xung quanh và hỗ trợ thảo luận thông qua việc gợi ý một số vấn đề được đưa ra sau đây. Mỗi nhóm nhỏ cần chỉ định một báo cáo viên có nhiệm vụ báo cáo lại với tất cả học viên sau 30 phút. Thời gian còn lại để mở cho toàn nhóm thảo luận theo câu hỏi và xem xét những vấn đề mà các báo cáo viên đã trình bày.

Vấn đề 1

Hãy suy nghĩ về lợi ích lâu dài của đất nước
Điều gì xảy ra nếu phe của bạn bắt đầu thua trận?
Vai trò của ý kiến công chúng như thế nào?

Vấn đề 2

Tuân thủ các nguyên tắc có gì là mới mẻ không?
Làm thế nào chúng ta biết được các nguyên tắc luôn bị phá vỡ?

Sự tôn trọng nguyên tắc tuy không hoàn hảo vẫn có thể bảo vệ một số người

Điều gì xảy ra nếu áp dụng sự trừng phạt kiên quyết hơn khi phá vỡ nguyên tắc?

Vấn đề 3

Hãy suy nghĩ về các lý do phù hợp để trì hoãn một số quyền nhất định trong xung đột vũ trang
Luật nhân đạo quốc tế có bảo vệ quyền con người không?

Liệu bạn có thể yêu cầu binh sĩ tôn trọng quyền được sống khi họ chiến đấu không?

Các văn kiện quyền con người có nói bất cứ điều gì về các công cụ và phương pháp chiến đấu không?

Vấn đề 4

Khi xung đột chấm dứt, bạn có nghĩ rằng các bên

có thể quên được những điều đã xảy ra trong chiến sự?

Liệu việc ngăn ngừa sự phá hủy trên phạm vi rộng có góp phần đem lại hòa bình?

Hãy nghĩ về các biện pháp cưỡng chế có thể áp dụng để đảm bảo công lý sau xung đột. Những biện pháp này có thể góp phần đem lại hòa bình như thế nào? Hay chúng có góp phần đem lại hòa bình không?

Phản hồi:

Cần dành 10 phút cuối cùng của thảo luận để xem xét phản hồi của nhóm: họ thích hay không thích điều gì về cuộc thảo luận. Nếu đặt ra các câu hỏi khác trong quá trình thảo luận, các câu hỏi cần được ghi lên bảng và có thể sử dụng để thảo luận trong tương lai.

Gợi ý về phương pháp:

Khuyến khích học sinh tiến xa hơn ý nghĩ điều gì là đúng, là sai và hướng họ tìm hiểu tại sao tôn trọng Luật nhân đạo quốc tế là lợi ích quốc gia.

Gợi ý làm đa dạng vấn đề:

Sau khi thảo luận nhóm nhỏ, tổ chức hoạt động nhập vai, trong đó mỗi nhóm có 10 phút để sử dụng những câu trả lời mà các nhóm tìm được để thuyết phục chính phủ là mỗi nhóm cần phê chuẩn các hiệp định liên quan đến Luật nhân đạo quốc tế. Một học viên có thể được yêu cầu đóng vai Nguyên thủ quốc gia đầy ngờ vực và không nhìn nhận mấu chốt của Luật nhân đạo quốc tế.

Phần IV: Tiếp theo

Đánh giá tin tức thế giới trên báo chí gần đây và xác định những vi phạm Luật nhân đạo quốc tế trong các xung đột khác nhau. Liệu giới truyền thông, chính phủ và Liên hiệp quốc có coi các vi phạm đó là một thực tế của chiến tranh hay bạn có thấy là hành vi như vậy bị lên án?

Các lĩnh vực cần tiếp tục xem xét:

Mối quan hệ bổ sung giữa quyền con người và Luật nhân đạo quốc tế

(Nguồn: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế. Năm 2002. *Tìm hiểu Luật nhân đạo, các chuyên đề giáo dục cho thanh niên.*)

HOẠT ĐỘNG II: 2

ĐẠO ĐỨC CỦA HÀNH ĐỘNG NHÂN ĐẠO

Phần I: Giới thiệu

Sự tiến thoái lưỡng nan về mặt đạo đức có thể được xác định như là một tình thế trong đó việc theo đuổi một mục tiêu đáng giá mâu thuẫn với mục tiêu đáng giá khác, hoặc dẫn đến tác hại hay kết quả tốt. Các nhân viên nhân đạo thường trải qua những tình thế tiến thoái lưỡng nan về mặt đạo đức trong khi làm việc. Hệ quả là có nhiều sự chỉ trích hơn với hoạt động nhân đạo. Quan trọng là cần hiểu được các tình thế tiến thoái lưỡng nan liên quan đến hỗ trợ nhân đạo và thảo luận xem các lựa chọn thay thế bền vững có tồn tại hay không. Trong hoạt động được đề xuất, học viên sẽ phải phân tích các tình huống thể hiện một tình thế tiến thoái lưỡng nan và quyết định cần hành động như thế nào. Qua đó, phát triển các lập luận để thoái thác sự phê phán.

Dạng hoạt động: nghiên cứu tình huống

Phần II: Thông tin chung

Các mục tiêu:

- Nhận thức được các nguyên tắc như tính trung lập và tính công tâm, hướng dẫn hành động nhân đạo.
- Hiểu được một số tình thế tiến thoái lưỡng nan mà nhân viên nhân đạo có thể đối diện khi làm việc. hiểu rằng thậm chí trong các tình thế không thể chiến thắng, nhân viên nhân đạo cũng không thể tránh được sự lựa chọn: không làm gì là một lựa chọn cũng tương tự như thực hiện một hành động cụ thể vậy.

Đối tượng: người đã trưởng thành

Số người: từ 12 - 20 người

Thời gian: 60 phút

Chuẩn bị và tài liệu:

Phân phát các bản sao 4 trường hợp được mô tả dưới đây và đặt các câu hỏi miêu tả mỗi tình huống mà mọi người có thể thấy.

Những kỹ năng liên quan:

Khả năng nhìn nhận vấn đề từ các góc độ

khác nhau;

Khả năng phát triển ý kiến cá nhân;

Khả năng giải quyết các vấn đề;

Khả năng thấu cảm.

Phần III: Thông tin cụ thể

Giới thiệu chủ đề:

Hỏi học viên xem liệu họ có biết các bộ luật ứng xử ràng buộc hành vi khi hành nghề hay không. Câu trả lời có thể bao gồm các quy tắc và nghĩa vụ một bác sĩ phải tuân theo hay lương tâm nghề nghiệp của phóng viên, yêu cầu không được tiết lộ tên tuổi của người cung cấp thông tin nếu điều đó có thể gây nguy hiểm với người cung cấp thông tin, hoặc mong muốn được giữ kín. Đánh giá một phần của chuyên đề với tiêu đề “Các nguyên tắc cần thiết của hành động nhân đạo” và đảm bảo để học viên hiểu được các nguyên tắc trung lập và công tâm. Viết lên bảng lý do chính để nhân viên nhân đạo thực hiện việc hỗ trợ: hỗ trợ và bảo vệ những ai cần.

Quá trình nghiên cứu tình huống:

Giao từng trường hợp cho học viên đọc to trước mọi người. Tình thế tiến thoái lưỡng nan về đạo đức phải được học viên xác định. Tranh luận nên tập trung vào vấn đề: liệu có cần tiếp tục các nỗ lực nhân đạo khi gặp phải tình thế lưỡng nan đã được xác định như vậy hay không?

A. Các cơ quan viện trợ thường tuyệt vọng trong việc cứu trợ dân ở vùng bị chiến tranh tàn phá. Vì các cơ quan hỗ trợ chỉ cung cấp sự hỗ trợ từ bên ngoài cho những người sống sót, nên các nhóm gây chiến có thể bỏ qua nhu cầu của chính nhân dân họ. Sự viện trợ từ bên ngoài này chỉ giúp cho các bên tham chiến sử dụng mọi nguồn lực của đất nước để nuôi quân. Và điều đó làm cho chiến tranh tiếp diễn.

Chúng ta có kéo dài chiến tranh không?

B. Những người dân thường trốn đến Khu vực được bảo vệ vốn được thiết lập làm nơi trú ẩn cho nạn nhân của “nạn thanh trừng sắc tộc” trong nước. Từ khu vực này, nhân viên nhân đạo giúp họ sơ tán đến các trung tâm tị nạn ở nước ngoài. Hoạt động nhân đạo này, do vậy lại góp phần

thêm cho thanh trừng sắc tộc thông qua việc đưa các nạn nhân dời khỏi quê hương.

Chúng ta có hỗ trợ các chính sách li khai sắc tộc không?

C. Hai quốc gia tiến hành chiến tranh, thương vong trong dân thường rất lớn. Có một số người ở nước khác lên tiếng về sự bi thảm mà các nạn nhân phải trải qua, nhưng không chính phủ nước ngoài nào sẵn sàng can thiệp hoặc buộc hai bên tham chiến ngừng chiến hoặc gây áp lực với họ để họ tránh tấn công vào dân thường. “Trợ giúp nhân đạo có ý nghĩa gì khi mà chúng ta biết rất rõ rằng điều đó chỉ là “muối bỏ biển” và rằng nếu không có áp lực chính trị của nước ngoài hay can thiệp quân sự thì các tổ chức nhân đạo chỉ có thể tạo ra được lương tri tốt cho thế giới” – lời than vãn của một nhân viên cứu trợ nhân đạo

Hành động nhân đạo liệu có bị coi là nguyên nhân khiến các chính trị gia không dành chú ý vào hay không?

D. Nhằm tăng cường kiểm soát một làng ở khu chiến sự nơi lực lượng phiến loạn ẩn náu, dân thường bị buộc phải đến ở trong một doanh trại cách nhà họ 30 km. Các cơ quan viện trợ nhân đạo được yêu cầu hỗ trợ thực phẩm và y tế cho trại. Tuy nhiên, làm như vậy sẽ khuyến khích việc di dời cưỡng bức đối với dân thường.

Chúng ta có đang khuyến khích việc di dời cưỡng bức đối với dân thường hay không?

Để giúp học viên suy nghĩ về các tình huống trên, người hướng dẫn cần đặt câu hỏi xem liệu không hành động gì trong các trường hợp trên có là một giải pháp thay thế có giá trị.

Phản hồi:

Dành 10 phút cuối buổi thảo luận để mọi người trong toàn nhóm có thể bày tỏ suy nghĩ là họ thích hay không thích hoạt động này. Nếu đặt ra

các câu hỏi liên quan đến việc làm của các tổ chức cụ thể trong suốt quá trình thảo luận, cần ghi lại các câu hỏi đó và tạo cơ sở phân chia nhiệm vụ.

Gợi ý phương pháp:

Hoạt động này có thể khiến học viên thất vọng vì nó không đem lại câu trả lời rõ ràng nào. Điều quan trọng là sự phân tích tập trung vào tình cảnh mà các nhân viên nhân đạo phải đối diện và rằng học viên thường phải quay lại cân nhắc giữa hoạt động bảo vệ và hỗ trợ cho những ai đang cần, cũng như các nguyên tắc trung lập và công tâm. Nếu thảo luận đi chệch hướng các điểm mấu chốt đó, người hướng dẫn có thể phải chỉ ra rằng có nhiều bên tham gia xung đột vũ trang có hành động hỗ trợ cho các hành động của nhân viên nhân đạo.

Gợi ý thay đổi:

Sau thảo luận, yêu cầu một số học viên đóng các vai trong tình huống sau:

Một nhân viên viện trợ đứng trước cổng một trại tị nạn. Anh ta gặp một gia đình muốn vào nhưng sợ kẻ thù ở trong trại. Người cha van xin được giữ súng để bảo vệ người vợ ốm đau và con của họ. Gia đình đó cũng quá sợ bị li tán.

Sau khi diễn kịch, học viên thảo luận các nguyên tắc mà nhân viên viện trợ kia phải cân nhắc và xem các nguyên tắc đó có mâu thuẫn với các nguyên tắc khác trong tình huống này hay không.

Phần IV: Tiếp theo

Các lĩnh vực khác cần tiếp tục tìm hiểu:

Liệu các nhà hoạt động quyền con người có phải đối diện với tình thế tiến thoái lưỡng nan khi làm việc không?

(Nguồn: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế. Năm 2002. Tìm hiểu Luật nhân đạo, các chuyên đề giáo dục dành cho thanh niên.)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bouvier, Antoine. Năm 2000. *Luật nhân đạo quốc tế và Luật xung đột vũ trang*. Khóa đào tạo từ xa dành

cho Viện nghiên cứu và đào tạo của Liên hiệp quốc, UNITAR POCI.

Breau, Susan. Năm 2005. *Can thiệp nhân đạo: Liên hiệp quốc và trách nhiệm tập thể*. London: Cameron May.

Cahill, Kevin M. (chủ biên). Năm 2004. *An ninh con người cho tất cả: tỏ lòng tôn kính với Sergio Vietra de Mello*. New York: Nhà xuất bản Đại học Fordham.

Ủy ban An ninh con người. Năm 2003. *An ninh con người hiện nay*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.humansecurity-chs.org/finalreport/English/FinalReport.pdf>

Doswald-Beck, Louise và Jean-Marie Henckaerts (chủ biên). Năm 2005. *Luật nhân đạo quốc tế mang tính tập quán*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Dunant, Henry. Năm 1986. *Ký ức Solferino*. Geneva: Xuất bản của Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế.

Fleck, Dieter. Năm 2000. *Sổ tay về Luật nhân đạo trong xung đột vũ trang*. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Forest Martin, Francisco. Năm 2006. *Luật nhân đạo và quyền con người quốc tế: Các hiệp định, các trường hợp và phân tích*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Henckaerts, Jean-Marie và Louise Doswald-Beck. Năm 2005. *Luật nhân đạo quốc tế mang tính tập quán*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Huyse, Luc và các tác giả khác. Năm 2003. *Hòa giải sau xung đột bạo lực: một cuốn sổ tay*. Stockholm: Ý tưởng quốc tế.

Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế: <http://www.icrc.org>

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC). Năm 2002. *Luật nhân đạo quốc tế: lời giải đáp cho các câu hỏi của bạn*. ICRC. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.icrc.org/Web/Eng/siteeng0.nsf/htmlall/section_ihl_in_brief?OpenDocument

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC). Năm 2003. *Quyền con người và Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế: Luật nhân đạo quốc tế*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.icrc.org/Web/Eng/siteeng0.nsf/iwpList314/D0C698167B4EE9C1256C5A0033235D>

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC). Năm 2005. *Tìm hiểu Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế*. Tài liệu có tại địa chỉ

[http://www.icrc.org/Web/Eng/siteeng0.nsf/htmlall/p0790/\\$File/ICRC_002_0790.PDF!Open](http://www.icrc.org/Web/Eng/siteeng0.nsf/htmlall/p0790/$File/ICRC_002_0790.PDF!Open)

Sassoli, Marco và Antoine Bouvier. Năm 2005. *Luật pháp bảo vệ như thế nào trong chiến tranh? Các trường hợp và tài liệu thực thi Luật nhân đạo quốc tế*. Xuất bản lần 2. Geneva: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Action Centre la Faim:

<http://www.actioncontrelafaim.org>

CARE International: <http://www.care.org>

Caritas Internationalis: <http://www.caritas.org>

Hội nghị các NGO trong mối quan hệ tham vấn với Liên hiệp quốc (CONGO):

<http://www.ngocongo.org/>

Ủy ban thẩm họa khẩn cấp: <http://www.dec.org.uk>

Văn phòng nhân đạo cộng đồng châu Âu (ECHO):
http://europa.eu.int/comm/echo/index_en.htm

Tổ chức Nông lương của Liên hiệp quốc (FAO):
<http://www.fao.org>

Diễn đàn chính sách toàn cầu (GPF):

<http://www.globalpolicy.org>

Tổ chức Người khuyết tật quốc tế:

<http://www.handicap-international.org>

Tổ chức theo dõi quyền con người:

<http://www.hrw.org>

Trung tâm An ninh con người. Năm 2006. *Báo cáo an ninh con người: chiến tranh và hòa bình trong thế kỷ XXI*. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.humansecurityreport.info/>

InterAction. Hội đồng hành động quốc tế tình nguyện châu Mỹ: <http://www.interaction.org>

Hội đồng quốc tế các tổ chức tình nguyện (ICVA):
<http://www.icva.ch>

Ngân hàng phát triển liên Mỹ (IDB):

<http://www.iadb.org>

Sáng kiến nghiên cứu Luật nhân đạo quốc tế:

<http://www.ihlresearch.org/ihl/>

Liên minh cứu trợ trẻ em quốc tế:

<http://www.savethechildren.net>

Mc Coubrey, Hilaire. Năm 1990. Luật nhân đạo quốc tế. Quy tắc của các xung đột vũ trang. Aldershot: Dartmouth Pub Co.

Mesdecins du Monde:

<http://www.medecinsdumonde.org>

Médecins sans Frontières (MSF):

<http://www.msf.org>

Văn phòng Cao ủy về người tị nạn Liên hiệp quốc (UNHCR): <http://www.unhcr.ch>

Tổ chức Đoàn kết châu Phi (OAU):

<http://www.africa-union.org>

Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS):

<http://www.oas.org>

Tổ chức Hội nghị hội giáo (OIC):

<http://www.oic-oci.org>

OXFAM quốc tế: <http://www.oxfam.org>

Provost, René. Năm 2002. Luật nhân đạo và quyền con người quốc tế. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Save the children: <http://www.savethechildren.org.uk>

Cao ủy Liên hiệp quốc về quyền con người (UNHCHR): <http://www.unhchr.ch>

Văn phòng điều phối các vấn đề nhân đạo Liên hiệp quốc (OCHA): <http://www.ochaonline.un.org>

Ủy ban gìn giữ hòa bình Liên hiệp quốc:

<http://www.un.org/Depts/dpko/dpko/home.shtml>

Chương trình lương thực thế giới của Liên hiệp quốc (WFP): <http://www.wfp.org>

Các tổ chức tình nguyện hợp tác trong các tình huống khẩn cấp (VOICE): <http://www.ngovoice.org>

Tổ chức Tầm nhìn thế giới quốc tế:

[Http://www.wvi.org](http://www.wvi.org)

QUYỀN LÀM VIỆC

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI VIỆC LÀM QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC VÀ CÁC QUYỀN CON NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC LÀM

“...Hòa bình lâu dài trên thế giới chỉ có thể được thiết lập khi nền hòa bình ấy dựa trên công bằng xã hội...”

Văn kiện thành lập Tổ chức Lao động Quốc tế. Năm 1919.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Điều kiện lao động khủng khiếp tại các khu vực tự do thương mại

Xiao Shen, một em gái nhỏ sống tại một ngôi làng ở nông thôn có tên gọi là Zhongyuan thuộc miền Trung Trung Quốc, đã phải vượt qua bao khó khăn để có thể tồn tại. Em hầu như không có gạo để ăn và cũng chẳng có hy vọng gì ở tương lai. Ngày này qua ngày khác, em phải ngậm mình trong nước giúp cha em cấy lúa.

Cuối cùng, một ngày em quyết định ra đi. Em đã nghe về một chỗ làm việc của nước ngoài tốt hơn, cách xa vùng núi hẻo lánh quê em. Một buổi sáng nọ trước lúc bình minh, em và một số bạn cùng giấc mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn đã rời bỏ gia đình ra đi. Sau 2000 km với những ngày mệt mỏi, sợ hãi với bao nước mắt, các em đã đến nơi - một thành phố tên là Shenzhen, một khu tự do thương mại ở miền Nam Trung Quốc, gần biên giới Hồng Kông. Ở đây các em đã hy vọng tìm được việc làm, kiếm tiền và thực hiện giấc mơ của mình.

Xiao Shen tình cờ biết hai thương nhân tên là Huang Guoguang và Lao Zhaoquan, thuê công nhân cho “nhà máy Thủ công Zhili”, một công ty sản xuất đồ chơi. Xiao Shen là 1 trong 472 công nhân và chẳng bao lâu sau em cảm thấy cuộc sống còn tồi tệ hơn trước khi ở làng. Từ đêm khuya đến mờ sáng, em phải làm việc trong nhà máy để đổi lấy đồng lương chết đói - chỉ đủ để tồn tại (26-40 EURO mỗi tháng!). Mấy thương nhân đều sợ công nhân ăn cắp hàng nên nhà máy được thiết kế như một nhà tù nơi mà công nhân sống 24 giờ mỗi ngày. Mọi cửa sổ đều có chấn song và mọi cửa thoát hiểm đều bị chặn. Các giám thị của nhà nước đều được hối lộ giả mù giả điếc với những điều kiện trên. Ngày ngày, Xiao Shen sống sau song sắt, không thể ra khỏi tòa nhà, không thể sống bình thường, không có không gian riêng. Vào chiều ngày 19/11/1993, có hỏa hoạn, lửa lan khắp tòa nhà với tốc độ không

thể kiểm soát được.

Các hóa chất dễ cháy lại được chứa trong khắp tòa nhà, khiến lửa càng bốc cao như địa ngục vậy. Xiao Shen và những người khác đã cố gắng vô vọng để chạy trốn khỏi hỏa hoạn - nhưng bằng cách nào? Mọi cửa sổ đều có chấn song và mọi cửa ra vào đều đóng. 200 đàn ông, phụ nữ, nhiều người chưa đến 16 tuổi, la hét kêu cứu. Xiao Shen đã phá được một trong những cửa sổ có chấn song ở tầng hai và em phải lựa chọn hoặc nhảy xuống hoặc bị thiêu sống. Em đã quyết định nhảy xuống và gãy cả hai mắt cá chân - nhưng dù sao em đã sống sót.

Tổng cộng có 87 người thiệt mạng trong buổi chiều hôm ấy và hơn 47 người bị thương nặng.

(Nguồn: Trích từ: Klaus Werner và Hans Weiss. Năm 2002. Schwarzbuch Markenfirmen.)

Câu hỏi thảo luận

1. Những quyền con người nào bị vi phạm xét từ những điều kiện mà Xiao Shen phải làm việc?
2. Những vấn đề lớn nào liên quan đến quyền làm việc?
3. Biện pháp nào có thể được tiến hành ở cấp độ quốc tế để cải thiện triển vọng hoặc ít nhất các điều kiện làm việc của những người làm thuê như Xiao Shen?
4. Các tập đoàn xuyên quốc gia sản xuất hàng hóa trong các khu tự do thương mại có trách nhiệm gì?
5. Người tiêu dùng cần hành động gì để thay đổi những tình hình như trong câu chuyện trên?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. THẾ GIỚI LAO ĐỘNG TRONG THẾ KỶ XXI

Những công nghệ mới và xa lộ dữ liệu toàn cầu có khả năng biến đổi thế giới lao động thành một thứ còn hơn cả Cách mạng công nghiệp.

Do quá trình công nghiệp hóa, thế kỷ XX đã chứng kiến sự suy giảm hơn nữa của ngành nông nghiệp và tăng vai trò của ngành dịch vụ. Với quá trình tự do hóa thị trường thế giới và “cuộc cách mạng số”, các cơ hội trong nền kinh tế toàn cầu đã trở nên rộng rãi hơn.

Nền kinh tế toàn cầu mới cần có công dân chuyên môn hóa cao độ, những người được đào tạo lành nghề, linh hoạt và nhanh nhẹn cũng như sẵn sàng thích nghi nhanh hơn với các yêu cầu của thị trường. Công nhân phải đối phó với áp lực ngày càng lớn và các điều kiện lao động thay đổi do sự thay đổi về cấu trúc và công nghệ liên tục. Càng ngày càng có nhiều người làm thêm, tự lập nghiệp hay phải đối diện với những điều kiện lao động bất ổn. Về khía cạnh này, toàn cầu hóa đã thể hiện khoảng cách xã hội giữa những người có giáo dục, kỹ năng và linh hoạt, phát triển được trong một nền kinh tế thế giới hội nhập và những ai không có các yếu tố trên. Những bất bình đẳng và mất an ninh mới mẻ đó dẫn đến sự căng thẳng giữa các khu vực khác nhau trong xã hội.

Sự cạnh tranh ngày một tăng vốn là kết quả của tự do hóa thương mại và các thể chế tài chính đã gây sức ép lớn đối với các công ty đòi giảm chi phí sản xuất. Nhằm đạt được các mục tiêu đó, các công ty hoặc giảm nhân tố chi phí cao của sản xuất “lao động” thông qua tự động hóa, tạo nên lao động dư thừa, hoặc chuyển sản xuất đến các nước có lương thấp, nơi mà các tiêu chuẩn xã hội thấp hơn nhiều. Về mặt tổng thể, lương và các điều kiện lao động có thể phải chịu áp lực bị giảm sút.

Hậu quả của những vấn đề trên đã luôn là bóc lột, lao động trẻ em và cưỡng bức lao động.

Hiện tượng “toàn cầu hóa” tác động đến con

người trên khắp thế giới, nhưng những kết quả tích cực của hiện tượng này lại không được phổ biến một cách đồng đều. Tuy nhiên, các chính phủ bị giảm khả năng giảm thiểu những tác động tiêu cực của việc cắt giảm hàng rào thương mại, chủ yếu là do những “bên tham gia toàn cầu” mới là các công ty đa quốc gia.

Khía cạnh xã hội của toàn cầu hóa đã trở thành một mối quan tâm lớn của các chính sách quốc tế. Hơn bao giờ hết, điều quan trọng là phải thúc đẩy các tiêu chuẩn xã hội và quyền con người ở cấp độ quốc tế nhằm bảo đảm ổn định xã hội, hòa bình và phát triển, đem lại tính nhân văn cho nền kinh tế toàn cầu. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã thành lập Ủy ban thế giới về khía cạnh xã hội của toàn cầu hóa. Ủy ban này đã ban bố một báo cáo có tiêu đề: *Một quá trình toàn cầu hóa công bằng: Tạo cơ hội cho mọi người* vào tháng 2/2004

(Tham khảo thêm thông tin tại địa chỉ: <http://www.ilo.org/public/english/fairglobalization/index/htm>)

Việc làm và an ninh con người

An ninh kinh tế và xã hội là những khía cạnh quan trọng của an ninh con người. Về góc độ này, quyền về việc làm và các quyền ở nơi làm việc đóng vai trò chủ chốt trong việc đạt được an ninh con người. Những người không được làm việc thì hoặc phụ thuộc vào trợ cấp xã hội hoặc chẳng có chút xui tương lai nào. Quyền được làm việc với tư cách là một chuẩn mực của quyền con người đã vượt xa sự đơn thuần là đảm bảo sự tồn tại, bởi lẽ thỏa mãn các nhu cầu cơ bản sẽ không thể đủ để đáp ứng việc tăng cường an ninh con người.

Các quyền của người lao động bảo đảm các điều kiện lao động tốt, nhưng cũng bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử và bóc lột tại nơi làm việc. Lao động sẽ không chỉ bảo đảm sự tồn vong và sức khỏe mà còn liên quan đến mối quan hệ và sự

tham gia của một cá nhân trong xã hội. Điều đó còn quan hệ mật thiết với sự tự quyết, tự trọng, tự ý thức và do đó, liên quan đến nhân phẩm. Ngoài việc dẫn đến mất an ninh con người, các điều kiện lao động nguy hiểm, không lành mạnh, hoặc không công bằng, thất nghiệp hay bị từ chối không được tham gia các công đoàn dễ gây ra bất ổn và do đó, dẫn đến mất an ninh và không ổn định trong xã hội. Vì những lí do trên, việc thúc đẩy các tiêu chuẩn lao động tốt không có sự bóc lột là một tiền đề và có lợi cho sự tăng cường an ninh con người.

Để hiểu được khía cạnh con người của vấn đề lao động có tầm quan trọng như thế nào, cần phải:

“NHÌN LẠI LỊCH SỬ”

Cần phải đánh giá đúng vai trò của công bằng xã hội và các điều kiện lao động công bằng trong việc thúc đẩy hòa bình và phát triển. Bất công, khổ cực và tình cảnh thiếu thốn liên quan đến việc làm có thể dễ dàng gây ra bất ổn. Thừa nhận rằng việc làm tốt là một tiền đề của nhân phẩm, là kết quả của những cuộc đấu tranh của người lao động đòi quyền lợi. Hệ quả là các quyền lao động của mọi người lao động được ghi nhận trong văn kiện của Tổ chức Lao động thế giới ILO từ năm 1919 và trong việc hình thành tiêu chuẩn sau Chiến tranh thế giới lần thứ II của Liên hiệp quốc.

Thế kỷ XVIII: Ý tưởng cho rằng lao động là một quyền cơ bản của mọi thành viên trong xã hội chính là một yêu sách đầu tiên thúc đẩy Cách mạng Pháp. Charles Fourier, một nhà triết học xã hội không tưởng, là người đầu tiên sử dụng cụm từ “quyền làm việc” và nhấn mạnh tầm quan trọng của lao động không chỉ đối với sự toàn vẹn về mặt xã hội mà cả tâm lý của cá nhân. Ông yêu cầu các quốc gia có nghĩa vụ đem lại những cơ hội đồng đều và kết luận rằng việc hiện thực hóa quyền này đòi hỏi tái tổ chức xã hội hoàn toàn.

Chúng ta cũng gặp quan điểm này về quyền lao

động trong các học thuyết xã hội chủ nghĩa; các chính phủ cộng sản sau đó cũng đã thúc đẩy quyền đó. Do vậy, có thể nói rằng, quyền làm việc đã có hơi hướng của “truyền thống xã hội chủ nghĩa”.

Thế kỷ XIX: Cách mạng công nghiệp dẫn đến sự xuất hiện tầng lớp lao động, một nhóm xã hội phụ thuộc vào làm công ăn lương do thiếu công cụ sản xuất. Người công nhân bị bóc lột và phải chịu đựng những điều kiện lao động nguy hiểm trong các nhà máy, xưởng dệt và hầm mỏ. Sự bản cùng hóa công nhân tạo nên tình đoàn kết giữa họ và họ bắt đầu hành động có tổ chức (Karl Marx trong “Người lao động toàn thế giới đoàn kết lại”).

Dần dần, tiếng nói của người lao động trở nên mạnh mẽ hơn và tình hình của họ được công luận quan tâm hơn. Do áp lực trước hết từ phía công đoàn, luật cải cách liên quan đến giờ làm việc và điều kiện làm việc được thông qua tại một số quốc gia. Sự bất ổn về lao động liên tiếp gây áp lực với các nhà công nghiệp và các chính phủ buộc họ phải xem xét các biện pháp bổ sung.

Thế kỷ XX: một số nhà công nghiệp gợi ý thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến nhằm tránh tạo ra các lợi thế so sánh của các quốc gia không quan tâm đến các tiêu chuẩn lao động. Năm 1905 và 1906, hai công ước quốc tế về lao động được thông qua. Những sáng kiến soạn thảo và thông qua thêm các công ước sau này bị ngừng lại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Hiệp định Versailles, chấm dứt Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, sau cùng thừa nhận tính phụ thuộc lẫn nhau giữa điều kiện lao động, công bằng xã hội và hòa bình thế giới ở cấp độ quốc tế, dẫn đến sự thành lập ILO như là một cơ chế thiết lập tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực lao động và việc làm.

Trong bối cảnh đó, khái niệm lao động như là một giá trị nhân bản, nhu cầu xã hội và công cụ phát triển năng khiếu bản thân đã phát triển và được tăng cường.

Từ năm 1919 đến năm 1933, ILO đã soạn thảo 40 công ước giải quyết hàng loạt các vấn đề liên

quan đến lao động.

Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán năm 1929, được biết đến là “ngày thứ Năm đen”, dẫn đến sự thụt lùi nghiêm trọng. Nó gây ra suy thoái kinh tế rộng khắp cùng với nạn thất nghiệp trên diện rộng. Các cuộc biểu tình và nổi loạn của công nhân diễn ra sau đó. Ở Đức, khủng hoảng kinh tế thế giới dẫn đến khủng hoảng chính trị nghiêm trọng, góp phần giúp Adolf Hitler lên cầm quyền và về sau gây ra Chiến tranh thế giới lần thứ II.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ II: Liên hiệp quốc đã đưa các mối quan tâm kinh tế và xã hội vào mục đích và các chương trình của tổ chức này nhằm thiết lập một trật tự thế giới ngăn ngừa chiến tranh tái diễn.

Mối liên kết giữa việc làm và nhân phẩm được nhấn mạnh trong Tuyên bố liên quan đến các mục tiêu và mục đích của Tổ chức Lao động Quốc tế thông qua tại Philadenphia năm 1944 (được biết đến là “Tuyên bố Philadenphia”; kết hợp trong Văn kiện thành lập ILO năm 1946), trong đó tuyên bố rằng “mọi người ... có quyền theo đuổi sự đảm bảo về vật chất và sự phát triển về mặt tinh thần trong các điều kiện tự do và phẩm giá, điều kiện an ninh kinh tế và cơ hội bình đẳng.”

Điều này cũng được nêu trong Thông tri của Giáo hoàng “Laborem Exercens” năm 1981 là tăng cường vị thế của người lao động như là các chủ thể, chứ không phải là các đối tượng xét từ góc độ tôn giáo và triết học.

Người ta đã làm rất nhiều việc để cải thiện số phận của người lao động trên toàn thế giới, thông qua ILO cũng như Liên hiệp quốc. Tuy nhiên, ngày nay dưới tác động của nền kinh tế toàn cầu hóa, những thách thức và mất an ninh mới đòi hỏi có các giải pháp mới phức tạp hơn.

“Việc làm tốt hiện là một nhu cầu mang tính toàn cầu, thách thức nền lãnh đạo chính trị và doanh nghiệp. Phần lớn tương lai chung của chúng ta phụ thuộc vào cách chúng ta đối phó với thách thức trên.”

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 1999.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ

Các ví dụ về vi phạm quyền con người trong lao động bao gồm việc trẻ em phải làm việc trong các mỏ than, đến công đoàn viên bị tù đày trong chủ nghĩa nô lệ hiện đại chẳng hạn như lao động ràng buộc bởi nợ hoặc bóc lột tình dục vì mục đích thương mại đối với trẻ em. Quyền con người từ góc độ này cũng xét đến các điều kiện làm việc tồi tệ, ví dụ như môi trường làm việc không lành mạnh hay nguy hiểm, giờ làm việc mang tính bóc lột. Các vấn đề đưa ra trong chủ đề này bao gồm việc bảo vệ những nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương trong thế giới việc làm, ví dụ như phụ nữ hay người dân di cư.

Sau cùng nhưng không kém phần quan trọng, cần phải thảo luận về mối liên kết giữa nhân phẩm, an ninh con người và các nhu cầu về điều kiện làm việc tốt. Phần dưới đây sẽ phân tích hai cơ chế quốc tế chủ chốt bảo vệ quyền lao động và quyền của người lao động, đó là hệ thống ILO và Bộ luật Quyền con người quốc tế.

Luật lao động quốc tế: Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)



Tổ chức Lao động quốc tế được thành lập năm 1919. Tổ chức này thành lập chủ yếu nhằm phổ biến mối quan tâm ngày một tăng đối với cải cách xã hội sau Chiến tranh thế giới lần thứ I. Dựa trên niềm tin mạnh mẽ rằng nghèo đói là mối nguy hiểm đối với sự thịnh vượng và an ninh ở khắp mọi nơi, ILO nhằm mục đích cải thiện điều kiện cho người dân lao động trên khắp thế giới, không phân biệt chủng tộc, giới tính hay nguồn gốc xã hội.

Năm 1947, ILO trở thành một cơ quan chuyên trách của Liên hiệp quốc và năm 1969, tổ chức này được trao giải Nobel Hòa bình vì những hoạt động mà tổ chức này đã thực hiện được.

Trong số các cơ quan của Liên hiệp quốc, ILO là cơ quan duy nhất có cấu trúc ba bên, theo đó những quyết định được thông qua tại các cơ quan của tổ chức này thể hiện quan điểm của chủ lao động và người lao động, cũng như chính phủ.

Các công ước quyền con người cơ bản của ILO

Phê chuẩn các Công ước cơ bản của Tổ chức lao động quốc tế

(từ 17/1/2006)

Nguyên tắc	Công ước	Số quốc gia phê chuẩn
Tự do lập hội và bảo vệ quyền được tổ chức và đàm phán tập thể	Công ước 87 (năm 1945)	145
	Công ước 98 (năm 1949)	154
Tuổi lao động tối thiểu và cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất	Công ước 138 (năm 1973)	142
	Công ước 182 (năm 1999)	158
Cấm lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc	Công ước 29 (năm 1930)	168
	Công ước 105 (năm 1957)	165
Các quyền được trả lương bình đẳng và cấm phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp	Công ước 100 (năm 1951)	162
	Công ước 111 (năm 1958)	163

(Nguồn: ILO: www.ilo.org)

Tổ chức ILO

- Hình thành các chính sách và chương trình thúc đẩy các quyền con người cơ bản, cải thiện điều kiện sống, lao động và tăng cường cơ hội việc làm;
- Thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế (các công ước và khuyến nghị) trong những lĩnh vực trên và giám sát thực hiện ở cấp độ quốc gia;
- Thực hiện chương trình mở rộng về hợp tác kỹ thuật nhằm giúp các quốc gia hữu hiệu hóa chính sách của mình.

ILO đã soạn thảo khoảng 180 công ước, thiết lập các tiêu chuẩn trong những lĩnh vực như điều kiện làm việc, an toàn lao động và sức khỏe, an ninh xã hội, chính sách việc làm và đào tạo nghề, bảo vệ phụ nữ, người di cư và người dân bản xứ.

Tuy nhiên chỉ một số công ước của ILO thường xuyên được đề cập đến như là các công ước quyền con người nền tảng. Những công ước này được nhiều quốc gia phê chuẩn.

Ứng phó với các thách thức mới đặt ra do toàn cầu hóa, ngày 18/6/1998, ILO đã thông qua Tuyên bố về các nguyên tắc và các quyền lao động cơ bản và Văn bản tiếp theo. Tuyên bố này xác định một cách chính xác những nguyên tắc và quyền lợi của người lao động là cơ bản, cụ thể

là các công ước chủ chốt của ILO được liệt kê ở trên. Đây là bước đầu tiên, quan trọng hướng một cách thận trọng các nỗ lực quốc tế đáp ứng những thách thức trên. Nó phản ánh cam kết của các quốc gia đối với một loạt các giá trị chung thể hiện trong một số quy tắc nhất định hình thành nên một “mức tối thiểu về mặt xã hội”.

Tuyên bố khẳng định rằng mọi thành viên của ILO, bất kể phê chuẩn công ước hay không, có nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và hiện thực hóa các quyền cơ bản được đặt ra trong các công ước. Các quốc gia chưa phê chuẩn những công ước chủ chốt được yêu cầu đệ trình các báo cáo thường niên về tiến bộ trong việc thực hiện các nguyên tắc ghi nhận trong Tuyên bố. Thực tế, Tuyên bố đã góp phần làm tăng đáng kể các công ước quyền con người nền tảng. Vào cuối năm 2005, 117 trong số 178 thành viên ILO đã phê chuẩn toàn bộ 8 công ước.

ILO cũng phát hành báo cáo toàn cầu thường niên, tập trung vào những tiến bộ đạt được trong việc thực hiện các nguyên tắc nền tảng của mọi quốc gia thành viên trong vòng 4 năm. Những báo cáo đó được coi là cơ sở để đánh giá hiệu quả hành động trong thời gian thực hiện trước đó.

3. CÁC QUYỀN CON NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG TRONG BỘ LUẬT NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ



Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR)

Tuyên ngôn thế giới về quyền con người bao gồm hàng loạt các quyền con người liên quan đến việc làm. Tất cả các quyền đó được phát triển hơn nữa trong hai công ước của Liên hiệp quốc ràng buộc với những quốc gia ký kết công ước. Sau đây là một đoạn trích trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người liệt kê các quyền được bàn đến, những quyền này sẽ được đề cập chi tiết ở phần sau.

“Không ai bị bắt làm nô lệ hay bị cưỡng bức làm việc như nô lệ; [...] Mọi người có quyền tự do hội họp và tham gia hiệp hội một cách hòa bình [...] Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn công việc, được hưởng điều kiện việc làm công bằng và thuận lợi và được bảo vệ chống lại tình trạng thất nghiệp. Mọi người đều có quyền được trả công ngang nhau cho công việc như nhau, không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào. Mọi người lao động đều có quyền được hưởng chế độ thù lao công bằng và thuận lợi, bảo đảm cho sự tồn tại của bản thân và gia đình xứng đáng với nhân phẩm và được hỗ trợ thêm từ các hình thức bảo trợ xã hội khác nếu cần. Mọi người đều có quyền thành lập và tham gia các tổ chức công đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình. Mọi người đều có quyền nghỉ ngơi, giải trí, kể cả quyền được hạn chế hợp lý về số giờ làm việc... Mọi người đều có quyền được hưởng mức sống đủ để đảm bảo sức khỏe và phúc lợi của bản thân và gia đình [...] cũng như quyền được bảo hiểm trong trường hợp thất nghiệp, ốm đau, tàn tật [...] hoặc thiếu phương tiện sinh sống...”

Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Điều 4, 20, 23, 24 và 25

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)

Tự do khỏi sự nô dịch

Theo Điều 8 Công ước ICCPR, “Không ai bị bắt làm nô lệ [...] Không ai buộc phải lao động cưỡng bức hay bắt buộc...”

Mặc dù thế giới lên án, nhưng nô dịch và lao động cưỡng bức hiện vẫn tồn tại ở nhiều dạng thức. Chúng thường có nguồn gốc sâu xa từ những tính toán về ý thức hệ hay là hệ quả của mô thức văn hóa truyền thống. Theo ILO, chúng có mối liên kết rõ ràng với các cấu trúc phi dân chủ. Hàng triệu đàn ông, đàn bà, trẻ em trên khắp thế giới bị buộc phải sống như nô lệ. Mặc dù sự bóc lột này thường không được gọi chính xác là nô lệ, nhưng các điều kiện thì không có gì khác. “Nô lệ là người:

- bị ép buộc phải lao động - thông qua những đe dọa về thể xác và thần kinh;
- bị sở hữu hay kiểm soát bởi một “người chủ”, thường bằng cách ngược đãi thân thể và tinh thần hay đe dọa;
- bị đối xử vô nhân đạo, như một loại hàng hóa hay bị mua và bán như “tài sản”;
- bị giam cầm về mặt thân thể hay giới hạn về tự do đi lại.”

(Nguồn: **Quốc tế chống chủ nghĩa nô lệ:**

<http://www.antislavery.org/>

[homepage/antislavery/modern.htm](http://homepage.antislavery/modern.htm))



Các loại hình nô lệ nào hiện đang tồn tại?

Lao động phụ thuộc do nợ ảnh hưởng tới ít nhất 20 triệu người trên khắp thế giới. Con người trở thành những lao động bị phụ thuộc do nợ thông qua việc bị lừa vay nợ chỉ vì: ví dụ như chi phí thuốc thang cho con ốm. Để trả nợ, họ bị buộc

phải làm việc nhiều giờ đồng hồ, 7 ngày một tuần, 365 ngày một năm. Họ chỉ được nhận thức ăn và chỗ ngủ như “sự chi trả” cho công sức lao động, nhưng có thể không bao giờ trả được hết nợ, và để khoản nợ đó lại cho vài đời sau.

Lao động cưỡng bức ảnh hưởng đến những người do cá nhân, chính phủ hay các đảng chính trị thuê một cách bất hợp pháp và bị buộc phải làm việc - thường là dưới sự đe dọa bạo lực hay các hình phạt khác.

Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất liên quan đến trẻ em làm việc trong các điều kiện bóc lột hay nguy hiểm. Hàng chục nghìn trẻ em trên khắp thế giới phải làm việc cả ngày, không được đi học hay vui chơi, vốn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển cá nhân và xã hội của các em.

Bóc lột tình dục nhằm mục đích thương mại đối với trẻ em: trẻ em bị bóc lột nhằm mục tiêu thương mại thông qua mãi dâm, buôn bán và khiêu dâm. Các em thường bị bắt cóc, mua hay ép buộc phải tham gia thị trường tình dục.

Buôn bán liên quan đến việc vận chuyển và bán người, thường là phụ nữ và trẻ em, vì lợi ích kinh tế, bằng việc sử dụng bạo lực hay lừa đảo. Thường phụ nữ di dân hay bị lừa và ép phải làm việc trong các gia đình hay hành nghề mãi dâm.

Tảo hôn và kết hôn cưỡng bức: buộc phụ nữ và các em gái phải kết hôn mà không được lựa chọn và buộc phải sống phục dịch, thường gắn với bạo hành. Nô dịch truyền thống hay “chiếm hữu” liên quan đến việc mua và bán người. Nạn nhân thường bị bắt cóc khỏi gia đình, bị thừa kế hay tặng như món quà.”

(Nguồn: Cách mạng thế giới: <http://www.worldrevolution.org/Projects/Webguide/GuideArticle.asp?ID=1412>)

Theo Báo cáo toàn cầu năm 2005 của ILO “Liên minh chống lao động cưỡng bức”, có ít nhất 12,3 triệu người là nạn nhân của lao động cưỡng bức trên thế giới. Trong số đó có 9,8 triệu người bị các nhân viên tư nhân bóc lột, bao gồm hơn 2,4

triệu người lao động cưỡng bức do nạn buôn bán người. 2,5 triệu người khác bị các quốc gia hay các nhóm vũ trang phiến loạn buộc phải làm việc.

Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR)

Quyền làm việc

Theo Điều 6 Công ước, “quyền làm việc, bao gồm quyền của mọi người về cơ hội kiếm sống bằng việc làm mà người đó được tự do lựa chọn hay chấp thuận [...]. Thực hiện các biện pháp [...] nhằm đạt được sự thừa nhận đầy đủ quyền này sẽ bao gồm hướng nghề, hướng dẫn kỹ thuật và các chương trình đào tạo...”

Làm việc: Quyền hay nghĩa vụ?

Tại sao chúng ta cần có quyền con người đối với nghĩa vụ, liên quan đến nỗ lực về sức khỏe, thần kinh hay sự căng thẳng? Vì những tác động tiêu cực trên, thường có sự nhầm lẫn đối với quan niệm về quyền làm việc. Tuy nhiên, làm việc có quan hệ chặt chẽ với nhân phẩm và với sự tham gia của một cá nhân trong xã hội, trong đó thất nghiệp có thể dẫn đến sự thất bại nghiêm trọng hay thậm chí là suy nhược. Làm việc cũng có thể có nghĩa là một công cụ phát triển năng khiếu bản thân và đóng góp cho sự phát triển nhân cách.

Quyền làm việc đảm bảo để không ai bị loại trừ khỏi thế giới việc làm về bản chất, nghĩa là quyền này chủ yếu đề cập đến sự tiếp cận việc làm, và liên quan đến việc bảo vệ người lao động khỏi sự sa thải không công bằng. Tuy nhiên, quyền đó lại không bao hàm một sự đảm bảo lao động và thực tế, tình trạng thất nghiệp vẫn tồn tại ở khắp các quốc gia. Tuy nhiên các chính phủ phải thực hiện những biện pháp thông qua các công cụ phù hợp để đạt được tiến bộ trong việc hiện thực hóa đầy đủ quyền này (Điều 2 Công ước), chủ yếu bằng cách thông qua và thực hiện các chính sách việc làm quốc gia.

Quyền hưởng các điều kiện lao động công bằng và thuận lợi

Theo Điều 7 của Công ước, “Các quốc gia ký kết [...] thừa nhận quyền của mọi người đối với [...] các điều kiện việc làm bình đẳng và thuận lợi, đảm bảo [...] trả lương bình đẳng và thù lao công bằng với việc làm có giá trị tương đương mà không có sự phân biệt đối xử [...]; có cuộc sống tốt [...]; điều kiện làm việc an toàn và mạnh khỏe; cơ hội bình đẳng cho mọi người được thúc đẩy [...]; nghỉ ngơi, vui chơi và giới hạn giờ làm việc hợp lý...”

Điều khoản này không bao hàm các điều khoản khác, đặt ra mức trả thù lao tối thiểu đảm bảo một cuộc sống tốt cũng như điều kiện lao động công bằng và thuận lợi. Điều đó liên quan mật thiết với rất nhiều công ước mà ILO thông qua, được Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa sử dụng để cụ thể hóa nghĩa vụ của các quốc gia, xuất phát từ điều khoản này.

Quyền thành lập và tham gia công đoàn

Điều 8 Công ước: “Các quốc gia ký kết (thừa nhận) quyền của mọi người thành lập công đoàn và tham gia công đoàn một cách tự nguyện [...] đối với việc thúc đẩy và bảo vệ lợi ích kinh tế và xã hội [...]; quyền được đình công...”

Tập hợp trong các tổ chức đã luôn là một cách thức để mọi người tăng cường sự an toàn, dù là ở chỗ làm hay trong cộng đồng hoặc quốc gia.

Điều 8 Công ước liên quan mật thiết với quyền tự do lập hội hữu hiệu trong thế giới việc làm. Những quyền đó được coi là quan trọng vì chúng thường nắm giữ chìa khóa đối với vấn đề hiện thực hóa các quyền cơ bản khác và các quyền ở nơi làm việc. Tuy nhiên, chúng lại thường không

nhận được sự cam kết công cộng tương tự hay được xác định, ví dụ như là cuộc đấu tranh chống lại lao động trẻ em.

Đối xử công bằng và các quyền không bị phân biệt đối xử

Khi thảo luận các quyền liên quan đến việc làm, không thể không đề cập đến những điều khoản về các nguyên tắc không phân biệt đối xử và bình đẳng trong đối xử. Các quy tắc về không phân biệt đối xử và đối xử công bằng ảnh hưởng đến toàn bộ luật về các quyền xã hội. Cần phải quan tâm đặc biệt đối với những quy tắc bảo đảm sự đối xử bình đẳng với phụ nữ trong thị trường lao động.

Các quyền con người của phụ nữ

Một sự kiện quan trọng trong vấn đề ghi nhận các quyền bình đẳng của phụ nữ liên quan đến tiếp cận với các cơ hội kinh tế là sự thông qua Công ước về việc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên hiệp quốc (CEDAW), một văn kiện quốc tế đề cập đến cả quyền sinh sản của phụ nữ. Nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử với phụ nữ dựa trên cơ sở hôn nhân hay sinh con và để đảm bảo quyền lao động của họ, các quốc gia ký kết nghiêm cấm sa thải vì lý do mang thai, hay nghỉ thai sản và phân biệt đối xử trên cơ sở hôn nhân. Hơn nữa, các quốc gia bước đầu làm quen với chế độ nghỉ thai sản có trả lương hoặc các phúc lợi xã hội tương ứng mà không mất việc trước đó.

Các cấp độ nghĩa vụ

Mức độ hiệu quả cao nhất của các văn kiện quốc tế thường đồng hành với các biện pháp mà các chính phủ thực hiện nhằm đem lại hiệu lực cho các nghĩa vụ luật pháp quốc tế của họ.

Nghĩa vụ của các quốc gia liên quan đến những quyền được đề cập trên đây bao gồm:

- *Nghĩa vụ tôn trọng:*

Nghĩa vụ cơ bản nhất là các quốc gia tôn trọng tự do không bị nô dịch hay lao động cưỡng bức. Một khía cạnh rất quan trọng khác là tôn trọng tự do lập hội, tham gia và thành lập công đoàn. Các quyền này luôn bị vi phạm do chúng có khả năng gây áp lực với một quốc gia buộc phải

thực hiện các quyền quan trọng khác của người lao động.

- **Nghĩa vụ bảo vệ:**

Các quốc gia ký kết có nghĩa vụ đặt ra các tiêu chuẩn tối thiểu, không để các điều kiện lao động của người lao động tụt xuống dưới mức đó. Hơn nữa, quyền lao động đòi hỏi có sự bảo vệ khỏi việc sa thải không công bằng, và trong mọi trường hợp các quốc gia phải đảm bảo bảo vệ chống lại sự phân biệt đối xử trong tiếp cận với việc làm.

- **Nghĩa vụ thúc đẩy**

Liên quan đến việc làm, nghĩa vụ này có thể hiểu là nghĩa vụ tạo điều kiện tiếp cận việc làm thông qua hoạt động hướng nghiệp và các cơ sở đào tạo.

- **Nghĩa vụ thực thi**

Mặc dù quyền lao động thường bị hiểu sai về khía cạnh này, nhưng nghĩa vụ này không yêu cầu các quốc gia phải đảm bảo việc làm cho mọi người, tuy nhiên kêu gọi các quốc gia theo đuổi những chính sách nhằm đạt được sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa ổn định và việc làm đầy đủ, hữu ích.

4. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI



Trong khuôn khổ luật pháp quốc tế này, các hoạt động thực thi phải tính đến sự đa dạng về phát triển và thiết chế của những người trải nghiệm trong thế giới chung về việc làm, vốn ngày càng trở nên phổ biến theo những cách thức khác nhau. Câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng về một ngư ông là ví dụ minh họa phù hợp với thực tế là “việc làm” có giá trị khác nhau ở những mô thức văn hóa khác nhau và rằng các biện pháp thay đổi mô típ việc làm phải mang tính cân bằng.

Truyện ngụ ngôn: Ngư ông

Một buổi sáng nọ, ngư ông nằm trên bãi biển đẹp,

lười quăng lung tung trên cát, ngư ông đang tận hưởng ánh nắng ấm áp của mặt trời, ngắm nhìn những đám mây trôi lững lờ trên bầu trời xanh.

Lúc ấy, một du khách đi xuống bãi biển. Ông ta nhìn thấy ngư ông ngồi trên bãi biển và quyết định tìm hiểu xem tại sao ngư ông lại nghỉ ngơi thay vì lao động chăm chỉ để kiếm sống nuôi bản thân và gia đình.

“Ông không đi bắt cá nhiều như trước nữa nhỉ,” người khách du lịch hỏi. “Ông nên làm việc chăm chỉ hơn thay vì nằm lười trên bãi biển!”.

Ngư ông nhìn lên, mỉm cười và bảo: “Thế tôi sẽ được thưởng gì nhỉ?”

“À, ông sẽ có được những tấm lưới to hơn và bắt được nhiều cá hơn!”, người khách trả lời.

“Thế thì tôi sẽ lại được thưởng gì nữa?”, ngư ông hỏi, miệng vẫn mỉm cười.

Người khách du lịch bảo, “Ông sẽ kiếm tiền và sau đó sẽ lại bắt được nhiều cá hơn nữa!”.

“Và sau đó thì lại được thưởng gì tiếp?” ngư ông hỏi.

Ông khách kia bắt đầu hơi bức mình với những câu hỏi của ngư ông. “Ông có thể mua thuyền lớn hơn, và thuê ai đó làm việc cho ông!”

“Thế sau đó tôi sẽ lại được thưởng gì nhỉ?”

Người khách thực sự tức giận. “Ông không hiểu gì à? Ông có thể lập thành một đội tàu đánh cá, đi khắp thế giới và để người làm thuê của ông đánh cá cho ông!”

Một lần nữa ngư ông lại hỏi: “Thế tôi sẽ được thưởng gì?”

Người khách đỏ cả mặt vì tức tối và hét lên với ngư ông, “Ông không hiểu rằng ông có thể trở nên giàu có đến mức ông không bao giờ phải làm việc kiếm sống nữa! Ông có thể dành cả ngày ngồi trên bãi biển, ngắm mặt trời lặn. Ông sẽ chẳng phải quan tâm gì đến thế giới này!”

Ngư ông vẫn mỉm cười, nhìn lên và bảo: “Thế theo ông tôi đang làm gì?”

5. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT

Các công ước khi được phê chuẩn sẽ mang tính

ràng buộc với các quốc gia. Tuy nhiên, tính hiệu quả của các văn kiện quốc tế phụ thuộc vào sự sẵn sàng của những quốc gia trong việc pháp điển hóa chúng trong luật quốc gia và tuân thủ theo các kết quả mà các cơ quan giám sát phát hiện được. Chỉ có một số khả năng hạn chế cấm vận đối với quốc gia vi phạm nghĩa vụ của mình, thông thường sự thực thi phụ thuộc vào “việc vận động lòng tự tôn”. Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, các cơ chế thực thi yếu kém đã dẫn đến những lời kêu gọi kết nối quyền con người, đặc biệt là các quyền lao động với thương mại. Điều đó mở ra khả năng cấm vận thương mại đối với các quốc gia vi phạm chuẩn mực quốc tế. Cấm vận thương mại có thể buộc các quốc gia phải thực thi những biện pháp, ví dụ như cấm lao động trẻ em, nhưng thông thường, các vấn đề cần những giải pháp phức tạp hơn nhiều.

Đối với việc thực thi các tiêu chuẩn quốc tế, ILO và Liên hiệp quốc đặt ra các thủ tục khiếu nại và giám sát.

Những quốc gia ký kết các công ước ILO phải nộp báo cáo thường kì được phân tích và bình luận bởi Ủy ban các chuyên gia về việc áp dụng công ước và các khuyến nghị. Các báo cáo của Ủy ban thường được nộp lên Hội nghị Lao động quốc tế thường niên. Hàng năm, Hội nghị tiến hành đánh giá và đưa ra kết luận liên quan đến việc áp dụng các công ước của một số quốc gia thành viên. Mặc dù thủ tục này có thể là công cụ thực thi không hữu hiệu lắm, nhưng đã có khoảng 2000 thay đổi trong luật xã hội và lao động quốc gia của hơn 130 nước từ năm 1967 đến nay.

Ngoài cơ chế giám sát này, ILO còn có hai thủ tục khiếu nại đối với việc thực hiện các tiêu chuẩn lao động. Thủ tục thứ nhất, cho phép chủ lao động hoặc tổ chức của người lao động nộp đơn khiếu kiện đối với quốc gia thành viên. Thủ tục thứ hai, cho phép một quốc gia thành viên và các đoàn đại biểu tại Hội nghị lao động quốc tế (các đoàn chính phủ, người lao động hay chủ lao động) khiếu nại đối với

một quốc gia thành viên khác. Sau đó một ủy ban điều tra sẽ được chỉ định.

Bên cạnh các cơ chế trên, cũng cần đề cập đến Ủy ban tự do lập hội đặc biệt có nhiệm vụ điều tra những cáo buộc vi phạm quyền công đoàn. Các khiếu nại có thể được tiến hành đối với bất kể chính phủ nào dù chính phủ đó đã phê chuẩn công ước liên quan hay chưa. Kể từ khi thành lập năm 1950, Ủy ban đã đạt được nhiều thành công, từ việc bổ sung luật và phục hồi việc làm cho những người lao động bị sa thải, đến việc trả tự do cho các công đoàn viên bị bỏ tù.

Cơ quan Liên hiệp quốc được chỉ định giám sát việc thực thi phù hợp Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa là Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Không giống các cơ quan công ước quyền con người khác, Ủy ban này không được thành lập bởi một văn kiện tương ứng, tuy nhiên, năm 1985, Ủy ban được ECOSOC giao cho nhiệm vụ giám sát công ước. Ủy ban này có 18 chuyên gia độc lập. Tháng 11/2005 Ủy ban ban bố Chú giải chung về quyền lao động, giải thích và phân tích chi tiết nội dung của quyền này và những biện pháp mà các quốc gia cần tiến hành để hiện thực hóa quyền đó.

Các quốc gia thành viên của Công ước phải trình báo cáo 5 năm 1 lần, phác họa luật pháp, chính sách và các biện pháp khác được thực hiện để đảm bảo các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Sau khi phân tích các báo cáo thông qua Ủy ban và thảo luận với phái đoàn của các quốc gia liên quan, Ủy ban đưa ra các đánh giá của mình trong “các nhận xét kết luận”. Trong một số trường hợp, Ủy ban nhận thấy có sự vi phạm Công ước thì có thể yêu cầu các quốc gia không được tiếp tục vi phạm các quyền như trước nữa.

Tuy nhiên, các cá nhân và nhóm vẫn chưa thể đệ trình khiếu nại chính thức về các vi phạm quyền của họ lên Ủy ban. Nghị định thư lựa chọn của Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa vẫn còn đang trong thời gian thảo luận.

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT



Chương trình quốc tế về xóa bỏ lao động trẻ em (IPEC)

ILO đã phát triển một Chương trình quốc tế về xóa bỏ lao động trẻ em (IPEC). Chương trình này hợp tác với chính phủ các quốc gia, đối tác xã hội cũng như NGO, ILO để phát triển các chương trình đặc biệt, nghiên cứu tính phức tạp của vấn đề và nhu cầu về các phương pháp giải quyết vấn đề thận trọng và phù hợp. ILO phải tìm ra các biện pháp thay thế cho lao động trẻ em, ví dụ như phát động các chương trình đưa trẻ em khỏi nơi làm việc và cho các em đi học, cũng như cung cấp cho gia đình các em những nguồn thu nhập thay thế và đảm bảo an toàn. Kể từ khi thành lập năm 1992, IPEC đã có thể mở rộng các hoạt động của mình từ 6 quốc gia lên đến tổng cộng 87 quốc gia.

Ước tính toàn cầu về trẻ em tham gia làm kinh tế ở độ tuổi từ 5-17 năm 2000

Nhóm tuổi	Tỉ lệ trẻ em làm việc trong tổng số dân (%)
5-9	12,2
10-14	23,0
Tổng (5-14)	17,6
15-17	42,4
Tổng (5-17)	23,0

Nguồn: ILO: www.ilo.org

Phối hợp với Liên đoàn bóng đá châu Phi và các nhà tổ chức Cúp quốc gia châu Phi, IPEC tiến hành một chiến dịch lớn nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề lao động trẻ em nhân dịp Giải vô địch 2002 tại Mali. Với một thông điệp đơn giản và thẳng thắn: “Thê đỏ với lao động trẻ em”, dễ hiểu với tất cả những ai quen với môn thể thao bóng đá, chiến dịch thiết lập truyền thông đa dạng - video, nhạc thịnh hành, bản in, qua ti vi,

đài phát thanh, hai hãng hàng không quốc tế và các trận đấu bóng đá - đến với hàng triệu người ở châu Phi và ngoài châu lục này. Các hoạt động được tiến hành tại 21 quốc gia châu Phi và báo chí quốc gia ở một số nước đã tuyên truyền rộng rãi cho chiến dịch này. Ước tính có 12 triệu người nhận được thông điệp trên ở Kenya và 5 triệu người ở Zambia. Tại một số quốc gia như Ai Cập, Ghana, nhiệt huyết dành cho chiến dịch này cao đến mức nó tiếp tục trở thành một phần của nhiều giải bóng đá tiếp theo đó ở cấp địa phương và quốc gia cũng như các sự kiện cộng đồng lớn.

Bạn có biết :

- Khoảng 250 triệu trẻ em trong độ tuổi từ 5 đến 14 làm việc hoặc cả ngày hoặc bán thời gian. Điều đó có nghĩa là cứ 100 trẻ em trên thế giới có đến 16 em phải lao động kiếm sống.
- Gần 1 nửa số đó, khoảng 120 triệu em, làm việc cả ngày, mọi ngày và suốt cả năm.
- 70% con số đó làm việc trong ngành nông nghiệp.
- 70% các em làm trong môi trường nguy hiểm.
- Trong số 250 triệu trẻ em liên quan, có khoảng 50 - 60 triệu em từ 5 - 11 tuổi và theo định nghĩa, làm việc trong các điều kiện cực khổ, so với tuổi tác và tính dễ bị tổn thương của các em.
- Lao động trẻ em cũng phổ biến ở các nước phát triển. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, hơn 230.000 em làm việc trong ngành nông nghiệp và 13.000 em làm trong công xưởng.

(Nguồn: **Liên hiệp quốc** - Dự án dạy và học toàn cầu xe buýt trường học số :

<http://www.un.org/cyber-schoolbus/briefing/labour/labour.pdf>)

Các bộ quy tắc ứng xử của công ty liên quan đến các quyền con người và quyền lao động

Các công ty đa quốc gia ngày nay không thể chối bỏ trách nhiệm đối với các hoạt động của mình. Người tiêu dùng và các NGO gây áp lực đáng kể với các công ty đa quốc gia nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các công ty này. Áp lực này dẫn đến việc thông qua các bộ quy tắc ứng xử công ty, bao gồm các quyền con người, tiêu chuẩn lao động cũng như mối quan ngại về môi trường. Xem thêm ví dụ trên trang [http://www1.umn.edu/humanrts/ links/sicc.html](http://www1.umn.edu/humanrts/links/sicc.html)

Các ví dụ điển hình ở đây là Công ty Gap với Bộ quy tắc ứng xử bán hàng tự động, công ty Levi Strauss và Công ty nguồn toàn cầu với các hướng dẫn hoạt động và Chính sách trách nhiệm xã hội của Johnson & Johnson. Các ví dụ này nhằm vào người lao động và/hoặc đối tác đầu thầu của công ty và các nhà cung cấp. Đồng thời, chúng cũng bao quát các vấn đề về an toàn, sức khỏe lao động, tự do hội họp, lương bổng và các phúc lợi, thời gian làm việc, lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và các thông lệ thuê lao động không phân biệt đối xử.

Những nỗ lực đó tất nhiên có tác dụng tích cực đối với các điều kiện xã hội, tuy nhiên chúng thường không nhằm vào mức tiêu chuẩn cao, như được đưa ra trong các văn kiện quyền con người quốc tế, thay vào đó, chúng lại nhằm vào các tiêu chuẩn quốc gia. Hơn nữa, những nỗ lực đó thiếu hệ thống giám sát hiệu quả, đặc biệt khi bộ quy tắc ứng xử công ty không chỉ định rõ giám sát bên ngoài. Do đó, có thể lập luận rằng thường thì các nỗ lực sẽ không đem lại điều gì ngoài những lời dối bói đối với các tiêu chuẩn được thiết lập. Tuy nhiên, những nỗ lực đó là một bước đi đúng hướng đối với việc tăng cường trách nhiệm xã hội.

Dán mác hàng hóa

Ngày nay người ta ngày càng thúc đẩy việc dán

mác hàng hóa sản xuất phù hợp với thực tiễn xã hội, hợp lý, nhằm góp phần đem lại các thực tiễn xã hội tốt hơn và để bảo vệ quyền con người. Điều đó cho phép người tiêu dùng gây ảnh hưởng đến thực tế sản xuất thông qua việc sử dụng quyền lực của mình khi mua hàng hoá hỗ trợ cho thực tế tốt. Hiện nay, có các sáng kiến dán nhãn mác ở nhiều quốc gia, chủ yếu là ở châu Âu và Bắc Mỹ, và các loại hàng hóa bao gồm cà phê, chè, cô ca, mật ong, đường, gạo, hoa quả tươi và nước ép hoa quả.



Các tổ chức dán nhãn mác thương mại công bằng quốc tế (FLO) ra đời nhằm đảm bảo thỏa thuận tốt hơn cho các nhà sản xuất phải chịu bất lợi và bị gạt ra ngoài lề ở Thế giới 3.

FLO đưa ra nhãn mác người tiêu dùng, mác FAIRTRADE gắn vào các hàng hóa đạt tiêu chuẩn thương mại công bằng mà thế giới thừa nhận. Mác này được bán ở hầu hết các hệ thống siêu thị lớn ở châu Âu. Tại Mỹ, nhãn hiệu chứng nhận Thương mại công bằng (FAIRTRADE) do TransFair Hoa Kỳ, một tổ chức thành viên của FLO cấp.



Ví dụ, Rugmark, là một tổ chức phi lợi nhuận toàn cầu hoạt động nhằm chấm dứt lao động trẻ em trong ngành sản xuất thảm. Nhãn hiệu này đem lại các cơ hội giáo dục cho trẻ em ở Ấn

Độ, Nepal và Pakistan. Nhãn hiệu RUGMARK đảm bảo không có lao động trẻ em phi pháp được sử dụng trong việc sản xuất thảm.

Thỏa thuận toàn cầu

“Thỏa thuận toàn cầu “ (GC) dựa trên ý tưởng do Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kofi Annan phát động trong bài phát biểu tại Diễn đàn Kinh tế thế giới ngày 31/01/1999, kêu gọi cộng đồng doanh

ngành tuân thủ các giá trị được ủng hộ và thông qua trên toàn thế giới và nhằm gắn kết các công ty với các cơ quan của Liên hiệp quốc, xã hội dân sự và lao động.

“Hãy để chúng tôi lựa chọn đoàn kết các sức mạnh của thị trường bằng quyền lực của các nguyên tắc toàn cầu”.

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc.



Xu hướng về trách nhiệm của công ty mới xuất hiện đang thiếu một khuôn khổ quốc tế để hỗ trợ công ty trong quá trình phát triển và thúc đẩy quản lý toàn

cầu, dựa trên các giá trị. GC chấm dứt khoảng cách đó và nó đã nhận được sự chấp thuận rộng rãi từ phía cộng đồng doanh nghiệp.

Tổ chức này đề ra 10 nguyên tắc chủ chốt, bao gồm các vấn đề về quyền con người, lao động và môi trường và cam kết chống lại mọi hình thức tham nhũng. Về lao động, thỏa thuận này đề ra các cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn lao động cơ bản nhất của ILO.

- Tự do hội họp và thừa nhận hiệu quả quyền thỏa thuận tập thể;
- Xóa bỏ mọi hình thức lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức;
- Xóa bỏ một cách hiệu quả lao động trẻ em; xóa bỏ sự phân biệt đối xử liên quan đến việc làm và nghề nghiệp.

ILO hỗ trợ hình thành các biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hiệu quả các tiêu chuẩn này. Các thông tin về các nguyên tắc của sáng kiến này và danh sách các thực thể tham gia có tại địa chỉ: <http://www.unglobal-compact.org>. Kể từ khi phát động, hàng trăm công ty, cơ quan Liên hiệp quốc, hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức lao động, xã hội dân sự, những người tham dự về khoa học và các

thành phố đã tham gia Thỏa thuận toàn cầu.

Thỏa thuận toàn cầu là một tập hợp các nguyên tắc tự nguyện. Mặc dù được tổ chức rộng rãi như một bước tích cực trong việc khuyến khích các tập đoàn nhằm hành động một cách có trách nhiệm, tổ chức này vẫn phải đối mặt với một số vấn đề như liệu việc thực hiện các nguyên tắc đó có hiệu quả hay không. Các nhà phê bình cho rằng việc thiếu các tiêu chuẩn hiệu quả về mặt pháp lý, cơ chế thực thi và giám sát độc lập, cũng như tính minh bạch về ý nghĩa của chính các tiêu chuẩn đó là những thách thức đối với tính hiệu quả của sáng kiến trên.

2. CÁC XU HƯỚNG

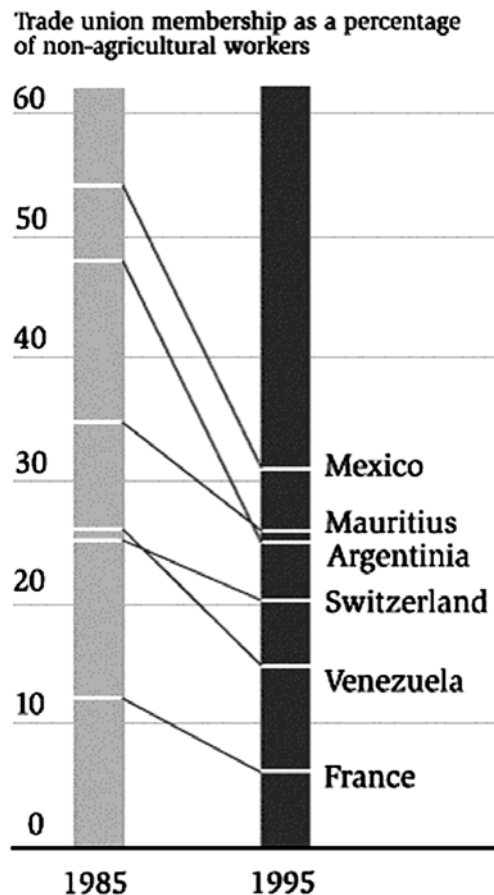
Các khu chế xuất (EPZs)

Nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, ngày càng có nhiều quốc gia thành lập các khu tự do thương mại, miễn không chỉ thuế mà còn cả nghĩa vụ tuân thủ pháp luật bảo vệ quyền lợi của công nhân. ILO đã phân biệt các loại khu chế xuất khác nhau: cảng tự do (về thương mại), đặc khu kinh tế, khu công nghiệp tự do, khu doanh nghiệp (mọi vấn đề liên quan đến sản xuất), khu xử lý thông tin, khu dịch vụ tài chính, khu tự do thương mại (về dịch vụ). Chủ yếu các công ty đa quốc gia được hưởng lợi từ chi phí lao động thấp, tuy nhiên, công nhân vẫn đổ xô vào các khu này do lương vẫn cao hơn so với các công việc khác bên ngoài. Ngược lại, các điều kiện lao động có thể ít thỏa đáng hơn, ví dụ như độ an toàn và các vấn đề sức khỏe. Bỏ qua các quy tắc chống cháy nổ, không lắp đặt các thiết bị sơ cứu và máy móc không an toàn chỉ là một số vấn đề có thể xảy ra ở các khu chế xuất. Các điều kiện có thể được cải thiện khi cộng đồng biết về tình hình đó; tuy nhiên, các vấn đề vẫn tồn tại.

Các khu chế xuất tồn tại ở ít nhất 100 quốc gia. Tất cả các khu chế xuất trên thế giới thuê khoảng 42 triệu công nhân, trong đó khoảng 30 triệu công nhân làm việc ở các khu chế xuất của Trung Quốc.

(Nguồn: ILO: www.ilo.org; UNDP. Năm 2005. Báo cáo phát triển con người năm 2005. UNDP. Năm 2000. Báo cáo phát triển con người năm 2000.)

Sự suy giảm vai trò của công đoàn



Source: ILO 1997c

Tại một số nước phát triển, việc tham gia công đoàn hiện ở mức thấp chưa từng có. Ví dụ, tại Hoa Kỳ, chỉ có khoảng 12,5% số công nhân tham gia công đoàn trong năm 2004. Sức mạnh của công đoàn yếu hơn trước kia rất nhiều. Tại hầu hết các nước đang phát triển, tự do hội họp, thành lập công đoàn là rất hiếm; những trở ngại tồn tại ở nhiều dạng khác nhau thể hiện ở cách tổ chức công nhân và tại một số quốc gia, nạn bạo lực, tra tấn, giết hại và bắt bớ vô lý vẫn được sử dụng thường xuyên để ngăn chặn công nhân đoàn kết đấu tranh vì quyền lợi của họ.

Tính lưu động quốc tế gia tăng: sự di cư của người lao động

Ngày nay, nghèo đói và bạo lực là các lý do

khiến hàng triệu người phải rời bỏ quê hương đi tìm một tương lai tốt đẹp hơn. Diễn tiến này tăng lên cùng với khoảng cách về phát triển kinh tế. Người lao động di cư thường xuyên là đối tượng của mọi dạng phân biệt đối xử và bóc lột.

Tổng số toàn thế giới có 175 triệu người dân di cư, chiếm 2,5% dân số thế giới. Theo số liệu của ILO năm 2004, khoảng 86 triệu dân di cư hoạt động kinh tế, có việc làm hoặc tham gia các hoạt động được trả thù lao, phần đông là phụ nữ (47,5%). Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều dân di cư không công khai, ví dụ không có giấy tờ (chiếm đến 10-16% tổng số dân di cư). Những con số này có xu hướng ngày càng gia tăng, trừ phi những bất bình đẳng trong thế giới toàn cầu hóa của chúng ta được giải quyết thỏa đáng.

Đáng tiếc là các Công ước về lao động di cư của ILO (Công ước 97 và 143) được ít quốc gia phê chuẩn do các nước lo sợ bị quốc tế soi xét chính sách nhập cư của mình. Một tiến triển tích cực là Công ước Liên hiệp quốc bảo vệ quyền của người lao động di cư và thành viên của gia đình họ năm 2002 đã có hiệu lực, mở ra những triển vọng mới cho người dân di cư trên khắp thế giới.

Nạn thất nghiệp trong giới trẻ

Một trong các vấn đề khiến người ta thấy nản lòng nhất đối với cả các nước phát triển và đang phát triển là số lượng thanh niên thất nghiệp lớn và ngày càng tăng.

“Thanh niên chiếm hơn 40% tổng số người thất nghiệp trên thế giới. Có khoảng 66 triệu thanh niên thất nghiệp trên thế giới hiện nay - tăng gần 10 triệu người kể từ năm 1965. Vấn đề dưới chuẩn lao động cũng là một mối lo ngày một lớn khác. Đa số việc làm mới được trả lương thấp và không an toàn. Ngày càng có nhiều thanh niên tìm kế mưu sinh ở khu vực không chính thức, có ít hoặc không có sự bảo vệ về việc làm, lợi ích hay triển vọng tương lai.”

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

Năm 2001.

... Theo ước tính của Liên hiệp quốc, trên thế giới có hơn 510 triệu phụ nữ trẻ và 540 triệu nam thanh niên.

... Điều này nghĩa là có gần 1 trong 5 người trong độ tuổi từ 15-24, hay thanh niên, chiếm gần 18% dân số thế giới.

... Thế giới ngày nay rất trẻ, gần ½ dân số dưới 25 tuổi.

... Ở cấp độ toàn cầu, thanh niên có xu hướng bị thất nghiệp nhiều gấp 3,5 lần so với người trưởng thành năm 2003.

... Theo ước tính của ILO, năm 2003 có khoảng 88 triệu thanh niên thất nghiệp trên toàn thế giới.

... Tại những nước như Colombia, Ai cập, Italy, Jamaica, cứ 3 người thì có hơn 1 người được xét vào dạng “thất nghiệp”- tự họ tuyên bố họ không có việc làm, đang tìm việc và/hoặc chờ việc.

(Nguồn: **Liên hiệp quốc**. Năm 2005. Báo cáo Thanh niên thế giới năm 2005.)

Theo ILO, thất nghiệp trong thanh niên tăng nhanh kể từ năm 1993, khi đó tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên là 11,7%. Năm 2003, tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên đạt đỉnh cao lịch sử là 14,4%. Tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên năm 2003 cao nhất ở các khu vực Trung Đông và Bắc Phi (25,6%), châu Phi cận Sahara (21%) và thấp nhất ở Đông Á (7%) và các nền kinh tế công nghiệp (13,4%). Tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên tổng thể ở các nước G8 cũng trong năm này là 15,1%, tăng 3,4% so với 10 năm trước đó.

Bất kể điều gì tương tự như thất nghiệp dài hạn

gây ra cảnh cùng quẫn trong xã hội và hậu quả của thất nghiệp trong thanh niên đều có thể rất nghiêm trọng. Thất nghiệp trong thanh niên thường đi kèm với các vấn đề xã hội nghiêm trọng như bạo lực, phạm tội, tự tử, lạm dụng ma túy và rượu, do đó, dẫn đến vòng luẩn quẩn.

Các chính sách và chương trình thanh niên hiệu quả cần có mục đích chặt chẽ để có thể cân nhắc những khả năng, nhu cầu và khác biệt cụ thể. Liên hiệp quốc, ILO và Ngân hàng thế giới đã thành lập Mạng lưới việc làm thanh niên nhằm giải quyết vấn đề này ở cấp độ toàn cầu.

(Nguồn: **Việc làm thanh niên**: Công: <http://www.youthemploymentgateway.org>)

HIV/AIDS và thế giới việc làm

AIDS là vấn đề ở nơi làm việc, không chỉ do nó ảnh hưởng đến lao động và năng suất lao động, mà còn do nơi làm việc đóng vai trò sống còn trong cuộc đấu tranh rộng hơn nhằm hạn chế sự lan rộng và tác động của đại dịch này. HIV/AIDS đe dọa kế sinh nhai của nhiều người lao động và những ai sống dựa vào họ (chịu ảnh hưởng bởi họ như gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp). Nó còn làm nền kinh tế quốc gia yếu kém đi. Sự phân biệt đối xử và kỳ thị đối với cả nam giới và nữ giới nhiễm HIV đe dọa các nguyên tắc và quyền lợi cơ bản ở nơi làm việc và làm suy yếu những nỗ lực phòng chống và chăm sóc.

ILO đã công bố Bộ quy tắc thực hành về HIV/AIDS và thế giới việc làm nhằm hướng dẫn cách giải quyết các vấn đề này tại doanh nghiệp, trong cộng đồng và ở cấp quốc gia.

(Xem thêm thông tin: <http://www.ilo.org/public/english/protection/trav/aids>)

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG 1: **1**

PHỤ NỮ - TRẺ EM - VIỆC LÀM!

Phần 1: Giới thiệu

Hoạt động này là hoạt động về các vấn đề liên quan đến quyền sinh sản của phụ nữ tại nơi làm

việc. Các quyền sinh sản bao gồm quyền được lựa chọn sinh hay không sinh con.

Dạng hoạt động: đóng vai

Phần II: Thông tin chung về hoạt động đóng vai

Các mục đích và mục tiêu:

Hoạt động đóng vai nhằm tăng cường kiến thức về các quyền sinh sản của phụ nữ, hoạt động này nhằm giúp học viên cảm nhận được bị phân biệt đối xử là như thế nào và nhằm thúc đẩy sự bình đẳng, công bằng và trách nhiệm.

Đối tượng: người trưởng thành

Số lượng: 15-25

Thời gian: khoảng 1,5 tiếng

Các kỹ năng liên quan: Tư duy phê phán, xây dựng quan điểm, kỹ năng ngôn ngữ và cảm thán.

Phần III: các thông tin cụ thể về hoạt động đóng vai

Giới thiệu chủ đề:

- Đọc to kịch bản nền để diễn xuất

“Maria bị thất nghiệp gần 1 năm và vẫn cố công tìm việc. Cách đây 10 ngày, cô đi phỏng vấn xin làm công việc mà cô mơ ước. Mọi thứ đều thuận lợi và cô nhận được vị trí đó. Công ty yêu cầu cô gặp ông W., một nhân viên nhân sự, để ký hợp đồng. Cô đã thảo luận nhiệm vụ và các vấn đề khác liên quan đến việc làm tại buổi phỏng vấn, nhưng mãi khi Maria chuẩn bị ký hợp đồng mới biết một điều kiện làm việc là cô phải ký vào một tuyên bố là cô không được có con trong vòng 2 năm tới.”

Đóng vai:

- Chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 - 6 người mỗi nhóm)
- Đọc kịch bản và cho mỗi nhóm 20 phút để quyết định về phần kết cho câu chuyện và phát triển thành một vở kịch. Đóng kịch cần bắt đầu bằng cuộc gặp giữa Maria và ông W. và không được kéo dài hơn 5 phút.
- Mời mỗi nhóm nhỏ trình diễn - có thể sử dụng các phương pháp sau:
 - Đối vai: ngừng diễn không báo trước, yêu cầu các diễn viên đối vai cho nhau và tiếp tục diễn. Phỏng vấn kỹ lưỡng.
 - Diễn lại: sau mỗi lần diễn, thay đổi tình huống (Ví dụ: bạn không thể có thai, hoặc bạn đã có thai...) và yêu cầu các diễn viên diễn lại cảnh đó theo sự thay đổi như vậy.

- Bình luận sau, cùng lúc đặt câu hỏi

Phản hồi:

- Bắt đầu bằng phản hồi của từng nhóm nhỏ (xem họ phát triển vở kịch như thế nào?; có khó không?), sau đó nói về các gợi ý và điều gì cần làm để giải quyết hình thức phân biệt đối xử này.
 - Có ai ngạc nhiên về tình huống đặt ra không?
 - Các nhóm quyết định kết quả như thế nào (thực tế; điểm mạnh - điểm yếu? cần khẳng định, hung hăng hay nghe theo?)
 - Ở nước bạn phụ nữ có quyền gì (đặc biệt khi họ có thai?)
 - Tại sao công ty lại phản ứng như vậy - có công bằng không?
 - Có quyền con người nào bị vi phạm không? Nếu có, thì quyền nào bị vi phạm?
 - Nếu Maria là nam giới, chuyện đó có xảy ra hay không?
 - Nam giới nhìn nhận vấn đề này như thế nào; có khác với phụ nữ không?
 - Điều gì có thể làm để thúc đẩy và bảo vệ các quyền sinh sản của phụ nữ?

Gợi ý phương pháp

- Giải thích cho nhóm hiểu thế nào là các quyền sinh sản
- Bạn có thể hình thành các nhóm theo giới, dẫn đến những phản ứng mang tính khiêu khích nhiều hơn
- Ghi nhớ rằng có thể thảo luận về việc phá thai, đòi hỏi học viên gạt sang một bên các khuôn mẫu và quan điểm có từ trước.

Gợi ý làm đa dạng vấn đề

- Bắt đầu với hai người xung phong diễn kịch, những người còn lại là khán giả
 - Ngừng diễn và hỏi ý kiến bình luận
 - Yêu cầu người xem đối vai với diễn viên
 - Thêm các nhân vật khác vào tình huống (chồng, đại diện công đoàn)
- Yêu cầu nhóm nghiên cứu các quyền sinh sản trong nước bạn (phỏng vấn, tham gia các vở

kịch về quyền con người tại nơi công cộng - mời người xem tham gia)

Phần IV: Tiếp theo

Các quyền liên quan/lĩnh vực xem xét thêm: các quyền xã hội, bình đẳng giới, phân biệt đối xử, bài ngoại.

(Nguồn: trích từ: **Ủy ban châu Âu. Năm 2002.** Phạm vi: sổ tay giáo dục quyền con người dành cho thanh niên. Strasbourg: Ủy ban châu Âu)

HOẠT ĐỘNG II **2**

SỰ CÔNG BẰNG VỀ KINH TẾ

Phần I: Giới thiệu

Sự phân chia của cải và quyền lực trong xã hội thường tác động đến các cơ hội của mỗi cá nhân trong việc đạt được các quyền con người đầy đủ và sống xứng đáng với phẩm giá. Trong trường hợp này, học viên xem xét khái niệm về “sự công bằng” và phản ánh lại khái niệm đó trong các tình huống của chính mình. Họ đưa ra sự liên hệ giữa quần áo của mình với người sản xuất ra chúng.

Loại hoạt động: nghiên cứu tình huống

Phần II: Thông tin chung về tình huống

Mục đích và mục tiêu:

Hoạt động này giúp học viên đưa ra sự liên hệ giữa quần áo họ mặc với những người sản xuất ra chúng. Bên cạnh đó, nó đặt ra các vấn đề về trách nhiệm của chúng ta.

Nhóm hướng đến: Người đã trưởng thành

Số lượng: khoảng 25 người

Thời gian: khoảng 1,5 giờ

Đồ dùng: giấy bảng hoặc bảng đen, bút đánh dấu hoặc phấn; các câu hỏi thảo luận, phát: phép toán tính áo thun

Các kỹ năng liên quan:

Phân tích, phản ánh, tư duy phê phán, kỹ năng ngôn ngữ; kỹ năng viết.

Phần III: Thông tin cụ thể về tình huống

Giới thiệu tình huống:

Một chiếc áo thun bán được 20 USD tại Mỹ do một tập đoàn quốc tế sản xuất tại một trong các nhà máy của tập đoàn này ở El Salvador. Nhà

máy này là một ví dụ về một công ty thuộc sở hữu nước ngoài lắp ráp hàng hóa xuất khẩu. Công nhân Salvado sản xuất áo được trả 0,56 USD/giờ. Trung bình, một công nhân có thể may khoảng 4,7 chiếc áo mỗi giờ.

Sử dụng thông tin trên, thực hiện các phép tính sau:

- Một công nhân có thể nhận được bao nhiêu tiền cho mỗi chiếc áo?

Năm 1994, chính phủ Salvado tính rằng mất khoảng 4 lần lương mà một công nhân kiếm được mới có thể đơn thuần nuôi sống gia đình.

- Nếu lương công nhân tăng gấp 4 lần, họ kiếm được bao nhiêu mỗi giờ?
- Họ có thể kiếm được bao nhiêu tiền một chiếc áo?
- Nếu công ty thông qua việc tăng phí vào người tiêu dùng, thì một chiếc áo thun có giá bao nhiêu?

Hãy hình dung lương công nhân được tăng lên 10 lần

- Như vậy lương theo giờ của họ là bao nhiêu?
- Họ kiếm được bao nhiêu tiền cho mỗi chiếc áo?
- Nếu công ty thông qua việc tăng chi phí như trên vào người tiêu dùng, bạn sẽ phải trả bao nhiêu tiền để mua chiếc áo đó?

Hướng dẫn nghiên cứu tình huống:

Khởi động:

Yêu cầu nửa số người trong nhóm kiểm tra mác áo của họ. Sau đó liệt kê trên giấy, trên bảng và ghi lại mọi thông tin trên các nhãn mác và quốc gia nơi sản xuất. Liệt kê xong danh sách, yêu cầu học viên phân tích kết quả. Trong hầu hết mọi trường hợp, phần lớn các loại quần áo được sản xuất tại các nước nghèo. Thảo luận trong nhóm các vấn đề sau:

Ai:

- Bạn nghĩ ai may quần áo, sản xuất kính, giày, cúc áo, khóa kéo, các phụ kiện trang trí khác cho bạn...?
- Người đó là một người đàn ông, phụ nữ hay trẻ em?

CÁI GÌ:

- Bạn có hình dung ra công nhân được trả bao nhiêu tiền không?
- Công nhân phải chịu đựng các điều kiện làm việc như thế nào?

Liệt kê các kết quả trên bảng giấy/bảng.

Đánh giá tình huống:

- Giải thích cho nhóm rằng trường hợp dưới đây có cần đánh giá tính hợp lệ của một yêu sách do người bán lẻ quần áo đưa ra, khi biết được thông tin tăng lương cho công nhân sản xuất quần áo. Họ thường nói rằng lương phải thấp để người tiêu dùng có được các sản phẩm rẻ.
- Cho mọi người biết tình huống, trả lời câu hỏi theo mỗi nhóm 2 người
 - Bạn có sẵn lòng trả thêm tiền để mua một chiếc áo không? Nếu có - bao nhiêu?
 - Có những quyền con người nào trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người bị vi phạm? hãy nói các điều cụ thể.
 - Tại sao các nhà sản xuất bán sản phẩm ở các nước phương Tây nhưng lại sản xuất ở tận El Salvador?
 - Ai có trách nhiệm khi cho rằng công nhân Salvado nhận lương như vậy có thể đủ để nuôi sống bản thân và gia đình họ?
- Thảo luận các câu hỏi trên theo cả nhóm.

Phản hồi:

- Đặt vấn đề tóm tắt:
 - Trong những nhận xét bạn được nghe hôm nay, bạn thấy nhận xét nào đặc biệt

có ý nghĩa với bạn?

- Hãy nghĩ một từ hay một cụm từ mô tả tóm tắt cảm xúc của bạn?

- Yêu cầu học viên trả lời lần lượt.

Gợi ý phương pháp:

Các tình huống nghiên cứu thường được sử dụng để bắt đầu các tranh luận hiệu quả. Trong trường hợp đặc biệt, cần tạo môi trường đáng tin cậy và tôn trọng để học viên cùng thảo luận. Do đó, toàn nhóm cần suy nghĩ một số nguyên tắc thảo luận mà mọi người cần tuân theo. Hãy liệt kê các gợi ý và viết chúng lên chỗ tất cả có thể đọc được.

Gợi ý làm hoạt động đa dạng:

Yêu cầu cả nhóm làm một bài tập (thú vị). Phân phát các mác áo quần có ghi giới tính, tuổi tác và mức lương mà người đó nhận được (ví dụ 10 chiếc kẹo cho 5 phút làm việc: 2 chiếc cho 10 phút...). Khi làm xong, trả mỗi người theo độ tuổi, giới tính và như trong mác ghi. Đếm “tiền” (tính = kẹo) đọc to để mọi người biết được người kia được trả *bao nhiêu* với *cùng* một việc làm. Miêu tả cảm giác của mình. Thực hiện bài toán áo thun.

Phần IV: Tiếp theo

Các quyền liên quan/lĩnh vực khác cần xem xét: các quyền xã hội, chính trị và kinh tế

(Nguồn: trích từ: David A. Shiman. Năm 1999. Công bằng kinh tế và xã hội. Một khía cạnh quyền con người. Minnesota: Trung tâm nguồn quyền con người của Trường đại học Minnesota.)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chống nô lệ và ICFTU. Năm 2001. *Lao động cưỡng bức trong thế kỷ XXI*. London: Tổ chức Chống nô lệ quốc tế.

Tổ chức Chống nô lệ quốc tế:

<http://www.antislavery.org>

Auer, Peter, Geneviève Besse và Dominique Mesda chủ biên. 2006. *Ra khơi và quốc tế hóa lao động. Một thách thức đối với toàn cầu hóa công bằng?* Tài liệu

của hội thảo Pháp/ILO. Geneva: Viện Nghiên cứu lao động quốc tế/Văn phòng lao động quốc tế.

Bartram, David. Năm 2005. *Di cư lao động quốc tế. Lao động nước ngoài và chính sách công*. Houndmills: Palgrave Macmillan.

Bhargava, Pramila H. Năm 2003. *Việc xóa bỏ lao động trẻ em: trách nhiệm thuộc về ai? Sổ tay thực tế*. New Delhi: Sage Publications Ltd.

Cingo, Alessandro và Fruio Camillo Rosati. Năm 2005. *Kinh tế học lao động trẻ em*. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Craven, Matthew. Năm 2002. *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Nhìn từ góc độ phát triển công ước*. Oxford: Nhà xuất bản Clarendon.

Xã hội Đức đối với Liên hiệp quốc. Năm 2001. *Quyền con người và sự phát triển con người gợi ý cho công tác của UNDP. Báo cáo của UNDP về phát triển con người. Năm 2000. tại Schulen. Bonn: DGVN.*

Dore, Ronald. Năm 2004. *Các dạng thức và ý nghĩa mới của lao động trong một thế giới ngày càng toàn cầu hóa*. Geneva: Ấn phẩm của ILO.

Drzewicki, Krzystof. Năm 2001. *Quyền làm việc và quyền tại nơi làm việc. Trong: Eide, Asbjorn, Catarina Krause và Allan Rosas. Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Giáo trình*. Dordrecht: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Goldewijk, Berma Klein, Adalid Contreras Baspineiro và Paulo César Carbonari. Năm 2002. *Nhân phẩm và quyền con người. Thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*. Antwerp: Intersentia.

Trung tâm tư liệu về quyền con người. Chu trình của các quyền. Tuyên truyền cho các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa: Một nguồn đào tạo. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hrusa.org/hrmaterials/IHRIP/circle/toc.htm>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2005. *Liên minh chống lại lao động cưỡng bức. Báo cáo toàn cầu sau hội nghị tiếp theo của tuyên bố ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc*. Geneva: ấn phẩm của ILO.

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2005. *Nguyên tắc của trò chơi - giới thiệu qua về các tiêu chuẩn lao động quốc tế*. Geneva: Ấn phẩm của ILO. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.ilo.org/public/english/standards/norm/download/resources/rulesofthegame.pdf>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2004. *Các xu hướng lao động toàn cầu dành cho thanh niên*. Geneva: Ấn phẩm ILO. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.ilo.org/trends>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2004. *Một quá*

trình toàn cầu hóa công bằng: tạo cơ hội cho tất cả. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.ilo.org/public/english/wcsdg/docs/report.pdf>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2003. *Hướng tới thỏa thuận công bằng cho lao động di cư trong nền kinh tế toàn cầu*. Geneva: Ấn phẩm của ILO. Tài liệu có tại địa chỉ

<http://www.ilo.org/public/english/standards/relm/ilc/ilc92/reports.htm>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2003. *Cơ sở dữ liệu ILO về các khu chế xuất*. Geneva: ấn phẩm ILO. Tài liệu có tại địa chỉ

<http://www.ilo.org/public/english/dialogue/sector/themes/epz/epz-db.pdf>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2002. *HIV/AIDS và thế giới lao động: Bộ luật thực tiễn ILO*. Geneva: Ấn phẩm ILO

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2000. *Tiếng nói của bạn tại nơi làm việc. Báo cáo toàn cầu theo hội nghị tiếp sau Tuyên bố ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc*. Geneva: Ấn phẩm của ILO

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 1999. *Việc làm tốt. Hội nghị lao động quốc tế, phiên thứ 87 năm 1999*. Geneva: ấn phẩm ILO.

Jenkins, Rhys, Gill Seyfang và Ruth Pearson. chủ biên. Năm 2002. *Trách nhiệm và quyền lao động. Bộ luật ứng xử trong nền kinh tế toàn cầu*. London: Ấn phẩm Earthscan

Leary, Virginia và Daniel Warner. Năm 2006. *Các vấn đề xã hội, toàn cầu hóa và các thiết chế quốc tế: quyền lao động và EU, ILO, OECD và WTO (các nghiên cứu quốc tế về quyền con người)*. Hague: Martinus Nijhoff.

Leary, Virginia A. Năm 1998. *Một cách tiếp cận các vi phạm về quyền lao động. Trong: Viện quyền con người SIM Hà Lan. Hướng dẫn Maastricht về các vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*. Utrecht: Viện quyền con người Hà Lan.

Leary, Virginia A. Năm 1998. *Toàn cầu hóa và quyền con người. Trong: Symonides, Janusz. chủ biên. Quyền con người: sức mạnh mới và thách thức*. Aldershot: Công ty xuất bản Dartmouth.

Levin, Leah. Năm 2005. *Hỏi - Đáp về Quyền con*

người. Paris: UNESCO xuất bản.

Lieten, Georges Kristoffel. Năm 2005. *Lao động trẻ em: những vấn đề nóng bỏng.* Amsterdam: Aksant Academic xuất bản

McChesney, Allan. Năm 2000. *Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.* New York: Hiệp hội vì sự tiến bộ khoa học Mỹ.

Richter, Judith. Năm 2002. *Buộc các tập đoàn có trách nhiệm: ứng xử của công ty, các bộ luật quốc tế và hành động của công dân.* London: Sách Zed

Shiman, David A. Năm 1999. *Công bằng kinh tế và xã hội. Một khía cạnh quyền con người.* Minneapolis: Trung tâm nguồn quyền con người.

Stalker, Peter. Năm 2004. *Công nhân không biên giới: tác động của toàn cầu hóa đối với di cư quốc tế.* Geneva: Ấn phẩm ILO.

Cách mạng thế giới: <http://www.worldrevolution.org>

Cyberschoolbus Liên hiệp quốc:

<http://www.un.org/cyberschoolbus/briefing/labour/labour.pdf>

UNDP. 2005. *Báo cáo phát triển con người năm 2005.* New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hdr.undp.org/reports>

Liên hiệp quốc. Năm 2005. *Tình trạng bất bình đẳng, Báo cáo về tình hình xã hội thế giới năm 2005.* New York: Liên hiệp quốc

Liên hiệp quốc. Năm 2005. *Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Bình luận chung về Điều 6 (quyền lao động) của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.* Geneva: Liên hiệp quốc. Tài liệu có tại địa chỉ

<http://www.ohchr.org/english/bodies/cescr/docs/gc18.doc>

Liên hiệp quốc. Năm 2005. *Báo cáo thanh niên thế giới năm 2005. Thanh niên ngày nay và năm 2015.* New York: Liên hiệp quốc xuất bản. Tài liệu có tại địa chỉ :

<http://www.un.org/esa/socdev/unyin/documents/wyr05book.pdf>

Liên hiệp quốc. Năm 2001. *Chúng ta các dân tộc: vai trò của Liên hiệp quốc trong thế kỷ XXI, Văn bản tóm tắt cho sinh viên.* New York: Liên hiệp quốc.

Liên hiệp quốc. Năm 1998. *Liên hiệp quốc trong*

cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Miêu tả tóm tắt về Liên hiệp quốc và các cơ quan chuyên trách. Geneva: Liên hiệp quốc.

Liên hiệp quốc. Năm 1996. *Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Báo cáo thực tế số 16.* Geneva: Liên hiệp quốc

Werner, Klaus và Hans Weiss. Năm 2001. *Schwarzbuč Markenfirmen.* Vienna: Deuticke.

Cổng lao động Thanh niên:

<http://www.youthemploymentgateway.org>

Các báo cáo toàn cầu của ILO bằng tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha: <http://www.ilo.org>

THÔNG TIN BỔ SUNG

Nhóm chống nô lệ Mỹ: <http://www.iabolish.com>

Chống nô lệ quốc tế: <http://www.antislavery.org>

Dự án văn hóa bánh mì và hoa hồng:

<http://www.bread-and-roses.com>

Tổ chức theo dõi lao động Trung Quốc:

<http://www.chinalabourwatch.org>

Lao động trẻ em tại châu Á:

<http://www.cwa/tnet.co.th>

Tổ chức nhân mác thương mại công bằng quốc tế:

<http://www.fairtrade.net>

Thỏa thuận toàn cầu:

<http://www.unglobalcompact.org>

Toàn thế giới chống lao động trẻ em:

<http://www.globalmarch.org>

Liên đoàn các hội tự do thương mại quốc tế:

<http://www.icftu.org>

Tổ chức lao động quốc tế: <http://www.ilo.org>

Tổ chức di cư quốc tế: <http://www.iom.int>

Quyền lao động từ bây giờ:

<http://www.laborrightsnow.org>

Những người quan ngại về trẻ em lao động (CWC):

<http://www.workingchild.org/html/cwc.htm>

Quý thương mại công bằng:

<http://www.fairtrade.org.uk>

UNICEF: <http://www.unicef.org/crc>

TỰ DO NGÔN LUẬN VÀ TỰ DO BÁO CHÍ

“Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm; kể cả tự do bảo lưu ý kiến không phụ thuộc vào bất cứ sự can thiệp nào, cũng như tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào và không giới hạn về biên giới.”

Điều 19 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Năm 1948.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Sri Lanka: Tiến sĩ Manorani Saravanamuttu là mẹ của Richard de Zoysa, một phóng viên bị bắt cóc và sát hại tại Sri Lanka tháng 2/1990. Tiến sĩ Saravanamuttu đã chiến đấu để đưa sự thật về cái chết của con trai bà ra ánh sáng. Bà đã cung cấp cho chính quyền thông tin để điều tra vụ sát hại nhưng điều duy nhất mà bà nhận được là một lá thư viết rằng: “Vô cùng thương tiếc cho cái chết của con trai bà. Là một người mẹ bà phải làm vậy. Bất cứ biện pháp nào khác sẽ khiến bà có thể bị sát hại bất ngờ... chỉ có sự im lặng mới bảo vệ được bà.”

(Nguồn: Jan Bauer. Năm 1996. Chỉ có sự im lặng mới bảo vệ được bạn, Phụ nữ. Tự do ngôn luận và ngôn ngữ của quyền con người. Trung tâm quyền con người và phát triển dân chủ quốc tế.)

Belgrade: Ngày 6/9/2005, biên tập viên thời sự Đài tiếng nói OK, Sasa Stojkovic bị chửi bới và đe dọa tấn công bởi hai thành viên của Đảng Serbia cấp tiến của Hội đồng thành phố Vranje. Một vài ngày sau, một cú điện thoại của Chủ tịch Hội đồng, Nenad Stosic, đe dọa bắt biên tập viên này vì một cuộc trưng cầu dân ý, kết quả không được công bố nhưng Stosic biết là đã bị cố tình giấu diếm.



ĐIỀU CẦN BIẾT

1. SỰ KẾT HỢP CỦA QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

Tự do ngôn luận và biểu đạt - bao gồm “tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào

*“Chúng ta có quyền tự nhiên
được sử dụng ngòi bút nói thay lời,
dù nguy hiểm, khó khăn đến mấy.”*

Voltaire. Năm 1764. Tự do báo chí

Hiệp hội truyền thông điện tử tự do (ANEM) kêu gọi các cơ quan hữu quan, đặc biệt Bộ Nội vụ và Bộ Văn hóa thông tin bảo vệ các phóng viên và biên tập viên của Đài tiếng nói OK.

(Nguồn: mediawatch@lists.opennet.org ngày 16/9/2005)

Croatia: Theo thông tin của SEEMO, ngày 6/9/2005, Drago Hedl, biên tập viên Tuần báo Croatia, Feral Tribune, bị đe dọa sát hại qua thư. Hedl cho biết lá thư được chuyển thẳng tới ông và người cung cấp hàng loạt các bài báo mà ông đăng tải trên Feral Tribune về việc tra tấn và sát hại dân thường Serbia tại Osijek năm 1991. Đây không phải là lần đầu Hedl nhận được lời đe dọa sát hại.

(Nguồn: seemo@freemedia.at ngày 12/12/2005)

Câu hỏi thảo luận

1. Các quyền con người nào bị vi phạm và ai vi phạm trong các câu chuyện trên?
2. Những lý do nào có thể biện minh cho sự giới hạn tự do ngôn luận và tự do báo chí?
3. Cần phải làm gì để bảo vệ các quyền tự do đó tốt hơn?
4. Nạn nhân của sự vi phạm tự do có thể làm gì?
5. Đây là các nghĩa vụ mà phóng viên có trách nhiệm phải thực hiện?

và không giới hạn về biên giới” (Điều 19 Tuyên bố quyền con người thế giới năm 1948) - là một quyền chính trị và dân sự cơ bản, được quy định trong mọi văn kiện quyền con người liên quan. Nó có nguồn gốc từ cuộc đấu tranh vì các tự do

cá nhân trong thế kỷ XVIII và XIX và được ghi nhận trong Hiến pháp Mỹ và các nước châu Âu. Triết gia Anh John Stuart Mill gọi tự do báo chí là “một trong các đảm bảo chống lại chính phủ tham nhũng và độc tài” (“Về tự do”. Năm 1859). Đó cũng là một quyền cơ bản trong một hệ thống dân chủ, trong đó mọi người, không chỉ là các công dân của một quốc gia, đều có quyền được nói lên suy nghĩ của mình và chất vấn chính phủ. Tháng 1/1941, Tổng thống Roosevelt tuyên bố quyền tự do ngôn luận và biểu đạt là một trong bốn tự do đặt cơ sở cho thế giới tương lai sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Sự tiếp cận và tự do truyền bá thông tin qua biên giới là một thành tố chính trong một xã hội mở cửa và đa nguyên.

An ninh con người, tự do ngôn luận và tự do báo chí

“Tự do không bị sợ hãi” cũng bao gồm tự do bày tỏ quan điểm và tự do báo chí. Vì rằng khái niệm an ninh con người được dựa trên cơ sở quyền của các cá nhân được tìm kiếm và tiếp nhận bất kỳ dạng thông tin và ý kiến nào, kể cả việc phê phán lực lượng cầm quyền nên việc đe dọa nhà báo và kiểm soát báo chí là những mối đe dọa chính đối với an ninh con người. Các mối đe dọa mới đối với an ninh con người lại đi cùng với các cơ hội mới với sự xuất hiện với “công nghệ mới”. “Sự liên kết” mới này có thể được sử dụng vì mục đích giáo dục cũng như vì mục đích tội phạm có tổ chức. Các chiến dịch quốc tế chống mìn và thành lập Tòa án tội phạm quốc tế trở nên dễ dàng hơn, nhưng các nguy cơ mới cũng xuất hiện dưới dạng “các tội phạm số”. Khi các nền kinh tế và dịch vụ trở nên phụ thuộc hơn vào những công nghệ mới, các dạng bao hàm và loại trừ mới phát triển. Ví dụ, Tổ chức báo chí Đông-Nam Âu đặt tại Vienna (SEEMO) khiếu nại rằng Telekom Serbia đã áp dụng các “giới hạn” về đường truyền internet cho thuê nhằm ép báo chí và người khác thay đổi từ nhà cung cấp internet tư nhân sang dùng dịch vụ internet của Telekom Serbia.

“Nhân tố CNN” đưa bất cứ quyền xung đột nào vào các gia đình đã thay đổi vai trò của báo chí. Do tầm quan trọng của ý kiến cộng đồng, báo chí đã trở thành một phần quan trọng của chiến tranh như ta thấy trong trường hợp Iraq. “Chiến tranh thông tin” và “thông tin giải trí” đứng trước xu hướng là thông tin bị phụ thuộc vào các mục tiêu khác. Cải thiện tiếp cận thông tin được coi là một mục tiêu chính của của Hội nghị thượng đỉnh về Xã hội thông tin 2003/2005.2003/2005.

“Thưa ngài, tôi không chia sẻ quan điểm với ngài nhưng tôi sẽ sẵn sàng đối diện với nguy hiểm tính mạng vì quyền được thể hiện ra các quan điểm đó.”

Voltaire (1694-1778).

Các thách thức mới và cũ

Tự do thông tin, ngôn luận và báo chí chứng tỏ có tầm quan trọng đặc biệt trong thời kỳ Chiến tranh lạnh khi người dân ở các nước xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu không được tiếp cận với các báo và tạp chí độc lập hay nước ngoài. Chính phủ Trung Quốc đã cố gắng hạn chế việc sử dụng các đĩa vệ tinh để ngăn người dân tiếp cận các kênh của phương Tây, và hiện nay một số quốc gia vẫn hạn chế tiếp cận internet nhằm ngăn chặn công dân của mình tiếp cận với các trang web mà họ cho là không phù hợp về lý do chính trị hay tôn giáo.

Báo chí có thể có vai trò kép vừa là người được thụ hưởng vừa là người vi phạm tự do ngôn luận. Vai trò của họ có thể là cung cấp thông tin về các vấn đề toàn cầu, tăng cường đoàn kết toàn cầu, nhưng cũng có thể là công cụ tuyên truyền của một quốc gia hay vì các lợi ích kinh tế đặc biệt hoặc lợi ích nào khác. Theo Ủy ban văn hóa và phát triển của UNESCO, các công nghệ truyền thông hiện đại quản lý lưu lượng thông tin khó khăn hơn, do đó, tạo nên các cơ hội mới và cả các nguy cơ mới, đặc biệt nếu báo chí trở thành một mục tiêu hoặc tấn công hoặc giám sát về chính trị. Tính đa dạng và chất lượng của các chương

trình có thể bị giảm đi do thương mại hóa, sẵn sàng tìm kiếm người xem nhiều hơn hay ganh đua vì chia sẻ lượng bạn đọc và người xem lớn hơn bằng cách tập trung vào các câu chuyện về tình dục và tội phạm.



Một thực tế liên quan đến tự do báo chí là sự tập trung báo chí, tồn tại ở cả cấp độ địa phương và toàn cầu. Do đó, tại nhiều quốc gia và tại Liên minh châu Âu, có Luật phi tập trung báo chí nhằm bảo vệ sự đa dạng của báo chí. Ngày càng có nhiều hơn nữa các thách thức mới phức tạp hơn về tự do thông tin và tự do báo chí do các tiến triển mới về công nghệ, ví dụ như sự lan rộng của truyền thông vệ tinh và sự gia tăng tiếp cận với Internet. Thường thì các quốc gia cố gắng giới hạn tiếp cận báo chí mới do các quan điểm đối địch hay các nội dung mà họ sợ là phê bình chính sách quốc gia của họ, cụ thể là dựa trên cơ sở tôn giáo hay đạo đức. Do có nhiều trang web truyền bá thông tin phân biệt chủng tộc và bài ngoại hay khiêu dâm trẻ em, những mối quan ngại đó thực sự cũng đủ để biện minh. Tuy nhiên, vấn đề nổi lên là làm thế nào để duy trì sự cân bằng mỏng manh giữa tự do ngôn luận và sự bảo vệ chính đáng các lợi ích của một xã hội dân chủ. Theo bản chất không biên giới của Internet, các câu hỏi được tìm thấy chủ yếu ở cấp độ quốc tế. Trong Công ước về tội phạm mạng năm 2001, Hội đồng châu Âu đã chỉ trích khiêu dâm trẻ em và cố gắng tăng cường trách nhiệm hình sự trong nước cũng như hợp tác quốc tế trong truy tố tội phạm với một số đảm bảo về hạn chế quyền con người. Nghị định thư bổ sung liên quan đến các hành vi phân biệt chủng tộc và bài ngoại thông qua hệ thống máy tính đã được thông qua năm 2003. Công ước có hiệu lực năm 2004.

Hội nghị thượng đỉnh về xã hội thông tin (WSIS) tại Geneva năm 2003 và tại Tunis năm 2005 đưa ra một vấn đề nữa có tầm quan trọng to lớn là:

bao hàm và loại trừ trong thời đại truyền thông, còn được gọi là “thời đại số”. Tự do ngôn luận chịu tác động cần thiết của vấn đề tiếp cận cơ sở hạ tầng thông tin. (Điều cần biết 7). Một mục đích chính là phát triển kế hoạch hành động làm thế nào để giảm bớt khoảng cách số và kiến thức giữa “người có” và “người không có” tiếp cận thông tin và công nghệ truyền thông, gọi là “khoảng cách số”. WSIS cho thấy có xung đột sâu sắc tồn tại giữa cách tiếp cận hướng về quyền con người và giá trị với cách tiếp cận công nghệ. Các văn kiện cuối cùng chỉ gồm có một số thông tin tham khảo về quyền con người. Các tổ chức phi chính phủ đã đóng góp cho “Tuyên bố về quyền con người, nhân phẩm và xã hội thông tin”. (Nguồn: Hội nghị thượng đỉnh về xã hội thông tin:

<http://www.pdhre.org/wsisis/statement.doc>).

2. NỘI DUNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA



Tự do ngôn luận là một quyền mang tính khung bao gồm một số thành tố, như tự do thông tin và tự do báo chí nói chung. Tự do ngôn luận dựa trên tự do ý kiến và thực chất gắn kết với nó. Các biểu hiện của nó có thể là biểu hiện quan điểm cá nhân, tự do báo chí mang tính thể chế. Tự do quan điểm là một quyền dân sự tuyệt đối còn tự do ngôn luận là một quyền chính trị nên có thể bị hạn chế.

Tự do ngôn luận là một quyền kép theo nghĩa tự do truyền bá, ví dụ, thể hiện quan điểm, ý tưởng và tự do tìm kiếm, tiếp nhận thông tin và ý tưởng ở mọi dạng thức - bằng miệng, viết hay văn bản, dưới dạng nghệ thuật hay thông qua báo chí, bao gồm các công nghệ mới. Biên giới không được sử dụng để can thiệp vào quyền này. Hệ quả là tự do ngôn luận là một phần không thể thiếu được của “quyền giao tiếp”. Tuy nhiên, một tuyên bố dự thảo về quyền này, được hoàn thiện trên cơ sở riêng tư, cho đến nay vẫn chưa được các quốc gia ủng hộ.

Các thành tố chính của tự do ngôn luận:

- Tự do có quan điểm mà không bị can thiệp (tự do quan điểm);
- Tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá thông tin và ý tưởng (tự do phát ngôn, tự do thông tin);
- Bằng miệng, viết, hay văn bản, dưới dạng nghệ thuật;
- Thông qua báo chí (tự do báo chí);
- Không biên giới (tự do giao tiếp quốc tế)

(Nguồn: Điều 19 Tuyên ngôn quyền con người thế giới; Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; Điều 10 Công ước châu Âu về quyền con người; Điều IV Tuyên ngôn quyền và nghĩa vụ của con người châu Mỹ; Điều 13 Công ước quyền con người châu Mỹ; Điều 9 Hiến chương về các quyền của con người và các dân tộc châu Phi)

Những thành tố nhất định của quyền tự do ngôn luận cũng liên quan đến các quyền con người khác ví dụ như:

- Quyền tự do suy nghĩ, tự do tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 18 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị)

 *Tự do tôn giáo.*

- Quyền của tác giả được hưởng lợi từ việc bảo vệ các lợi ích về đạo đức và vật chất từ tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật, ví dụ như bản quyền (Điều 15(1) Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa).
- Liên quan đến quyền giáo dục của con người (Điều 13 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa), tự do ngôn luận đem lại tự do học thuật và tự quyết cho các cơ quan giáo dục cao hơn nhằm bảo vệ các tự do này.

Một đặc điểm chính của tự do ngôn luận được ghi nhận tại Điều 20 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị là sự nghiêm cấm tuyên truyền

về chiến tranh và mọi loại vận động hằn thù dân tộc, chủng tộc hay tôn giáo, tạo nên sự kích động phân biệt đối xử, thù địch hay bạo lực. Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm các điều cấm trên thông qua luật pháp quốc gia.

 *Không phân biệt đối xử*

Vi phạm quyền, các đe dọa và nguy cơ

Thực tế, chúng ta chứng kiến sự vi phạm tràn lan quyền con người cơ bản này thông qua những hạn chế tự do ngôn luận và tự do báo chí ở nhiều quốc gia trên thế giới, có thể thấy trong các báo cáo thường niên của Tổ chức Ân xá Quốc tế hay Tổ chức Theo dõi quyền con người. Theo tổ chức Phóng viên không biên giới, có 63 phóng viên và nhân viên báo chí bị giết hại và hơn 1000 tờ báo bị kiểm duyệt hay bị cấm hoạt động trong năm 2005. Số lượng này thể hiện mức độ tăng đến 60% so với năm trước. Do đó, tổ chức này đề xuất có các văn kiện luật pháp đặc biệt, như “Hiến chương vì sự an toàn của phóng viên làm việc tại vùng chiến sự hay các khu vực nguy hiểm.”

“Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố” sau sự kiện 11/9/2001 đã đem lại những đe dọa mới đối với tự do thông tin bởi chính các chính phủ. Ví dụ, Hiệp hội các tác giả, PEN, đòi hỏi xem xét lại Điều khoản PATRIOT của Mỹ về khía cạnh này. Tự do ngôn luận và tự do báo chí có thể bị sử dụng sai nhằm xúi bẩy sự hằn thù và xung đột như được ghi trong Liên bang Quốc tế Helsinki trong ấn phẩm “Phát ngôn mang tính gây hấn cho người dân Balkans”.

Nguy cơ kiểm duyệt, có thể là kiểm duyệt nhà nước hoặc kiểm duyệt thông qua biện pháp kinh tế hay các công cụ khác cũng xuất hiện. Điều này có nghĩa là các bài báo chỉ được phát hành chỉ khi chính quyền thông qua, như tại hầu hết các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa trước khi Chiến tranh lạnh kết thúc năm 1989. Điều này cũng có thể có nghĩa là các lợi ích kinh tế cản trở việc công bố các quan điểm nhất định, ví dụ như khi ngành công nghiệp quân sự cản trở các bài báo có quan điểm chỉ trích chiến tranh. Các dạng quản lý

chính trị đa dạng của báo chí công và báo chí tư nhân là phổ biến trên khắp thế giới hiện nay. Các bộ luật mang tính chuyên môn cần bảo vệ sự độc lập của phóng viên cũng như đảm bảo tính chuyên nghiệp trong công việc của họ.

Việc kiểm duyệt có thể thông qua chế độ tự kiểm duyệt, khi các lợi ích chính trị hay các lợi ích khác được các phóng viên và giám đốc cơ quan báo chí đó cân nhắc. Sau cùng, quyết định điều gì đáng đăng tin và “có thể phát hành” có thể loại trừ thông tin không được coi là thích hợp, được coi là các quan điểm thiểu số hoặc không bán chạy. Các quyết định phát hành cái gì và như thế nào thông thường sẽ gây tranh cãi. *Các quy tắc hành nghề tốt* có thể đưa ra định hướng. Nếu không thì mục đích đa dạng về báo chí sẽ chỉ để đảm bảo rằng các quan điểm khác nhau có thể được đọc, được nghe hay được nhìn thấy.

Các hạn chế quyền mang tính hợp pháp

Không có tự do mà không có trách nhiệm, bởi vì các tự do không hạn chế có thể dẫn đến các vi phạm quyền con người khác, như quyền riêng tư. Nhưng những hạn chế cần được các chính phủ biện minh bằng những lý do hợp pháp, thông qua ý kiến của công chúng và sau cùng là các thiết chế tư pháp.

Theo Điều 29 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, việc thực hiện các quyền và tự do của mọi người có thể hạn chế khi được luật pháp cho phép, đặc biệt, “vì mục đích đảm bảo việc thừa nhận và tôn trọng nhất định đối với các quyền và tự do của người khác...”. Điều 19(3) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị cho thấy các quyền đưa ra phải đi cùng các nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Điều này thể hiện ở chỗ tự do ngôn luận và tự do báo chí có thể là một quyền rất nhạy cảm phải được xử lý đúng đắn. Các nghĩa vụ và trách nhiệm không được thể hiện trong Công ước nhưng thường được thấy trong các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp hay luật pháp quốc gia, tuy nhiên với điều kiện là không xâm phạm đến nội dung của quyền con người này. Các nghĩa vụ và trách nhiệm điển hình liên quan đến nghĩa vụ về thông tin khách quan, đặc biệt,

nghĩa vụ báo cáo một cách trung thực và ở mức tối thiểu, cho phép có các quan điểm khác nhau, ...

Một số trách nhiệm trùng hợp với các lý do để hạn chế tự do ngôn luận nhưng không có giới hạn nào là hợp pháp đối với tự do quan điểm.

Theo Điều 19(3) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, có thể có ba dạng hạn chế, với điều kiện chúng được áp dụng thông qua luật pháp và cân nhắc tính cần thiết:

- “...tôn trọng các quyền và thanh danh của người khác; hoặc
- Bảo vệ an ninh quốc gia hay trật tự công cộng; hay
- Bảo vệ sức khỏe cộng đồng hay đạo đức.”

Theo các quy tắc về giải thích pháp luật, những giới hạn về quyền có thể được giải thích một cách giới hạn. Quyền chính yếu không được làm suy yếu còn hạn chế không được phép mở rộng hơn khi cần thiết để bảo vệ các quyền của người khác và những lợi ích cộng đồng cơ bản được đề cập ở trên.

Điều 10 Công ước quyền con người châu Âu ghi nhận danh sách các hạn chế có thể được phép dài hơn, nhưng phải là chính xác hơn. Điều này cho thấy việc thực hiện tự do ngôn luận có thể là đối tượng của “...các điều kiện, giới hạn, hay hình phạt như trong luật và cần thiết trong một xã hội dân chủ”. Những giới hạn đó có thể được biện minh bởi:

- “...các lợi ích của an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ hay an toàn công cộng,
- Ngăn ngừa rối loạn, tội phạm, bảo vệ sức khỏe hay đạo đức,
- Bảo vệ danh tiếng hay quyền của người khác,
- Ngăn ngừa tiết lộ thông tin mật, hay
- Duy trì quyền lực và tính công bằng của tư pháp.”

Không có quyền nào khác có một loạt lý do loại trừ. Tuy nhiên, hai tiền đề chủ yếu phải được đáp ứng nhằm giới hạn quyền một cách hợp pháp. Loại trừ phải được:

- ghi nhận trong luật pháp và
- cần thiết trong một xã hội dân chủ.

“Quy định bởi pháp luật” nghĩa là giới hạn phải là một điều luật của Quốc hội và không phải là một lệnh thực thi của chính phủ. Điều quan trọng đặc biệt là: “... cần thiết trong một xã hội dân chủ”. Điều này kết nối tự do ngôn luận và tự do báo chí với khái niệm về một xã hội mở và đa nguyên, được quản lý bởi những biện pháp dân chủ. Tòa án quyền con người châu Âu rất nghiêm khắc về yêu cầu này thể hiện ở vụ án Lingens. Năm 1986, Tòa án quyền con người châu Âu quyết định một chính trị gia phải chấp nhận bị chỉ trích ở mức độ cao hơn một người bình thường và không được cấm phóng viên phát ngôn nhằm bảo vệ danh dự của bản thân. Theo đó, luật về tội phỉ báng cho phép truy tố các phóng viên chỉ trích cá nhân ở nơi công cộng phải được cân đối với tự do báo chí. Do vậy, nguyên tắc cân đối luôn cần được cân nhắc.

Theo Điều 4 Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965, việc truyền bá các ý tưởng phân biệt chủng tộc, kích động phân biệt chủng tộc hay cấp tiền cho các hoạt động phân biệt chủng tộc cần phải bị các quốc gia thành viên trừng phạt, cần tuyên bố là bất hợp pháp và cấm các tổ chức và các hoạt động truyền bá thúc đẩy và kích động phân biệt chủng tộc.

Không phân biệt.

3. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT



Một loạt các văn kiện và các thủ tục tồn tại nhằm thực hiện quyền con người về tự do ngôn luận và các quyền cấu thành. Trước hết, các quốc gia có nghĩa vụ đưa các tự do vào luật trong nước và đưa ra các giải pháp về luật trong những trường hợp có cáo buộc vi phạm. Theo đó, có thể thấy quyền này được ghi ở hầu hết các hiến pháp như là danh mục các quyền và tự do cơ bản.

Các tiêu chuẩn tối thiểu xuất phát từ các nghĩa vụ quốc tế ở cấp độ toàn cầu và tồn tại cả ở cấp độ khu vực.

Nhiều loại quy định và luật báo chí và truyền thông cũng rất quan trọng. Chúng xác định cụ thể hơn quyền này và những giới hạn trong hoạt động hàng ngày phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc gia. Chúng có thể tạo nên các cơ quan giám sát quốc gia quản lý hay tự quản lý báo chí và báo điện tử, ví dụ như các hội đồng báo chí hay truyền thông, thường bao gồm các chuyên gia và/hoặc các đại diện của xã hội dân sự. Nhằm quản lý ngành báo chí, để đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng và kích thích cạnh tranh, quốc gia có thể phát hành giấy phép cung cấp không phân biệt.

Nhiệm vụ của một số cơ chế quản lý hay giám sát là giám sát sự thực thi của quốc gia. Ví dụ, theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, các quốc gia có nghĩa vụ nộp báo cáo quốc gia định kỳ (5 năm) về việc thực thi nghĩa vụ quốc gia, và Ủy ban quyền con người xem xét các báo cáo này. Điều này giải thích Điều 19 trong Bình luận chung số 10 năm 1983. Ủy ban có thể nhận được các kháng thư, ví dụ khiếu nại cá nhân, nếu quốc gia liên quan đã phê chuẩn Nghị định thư bổ sung thứ nhất của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (105 trong số 155 quốc gia vào tháng 01/2006).

Các cơ chế giám sát khu vực như các hệ thống Liên Mỹ và châu Phi cho phép cá nhân liên lạc với các Ủy ban mà các Ủy ban này có thể đưa ra các kết luận và khuyến nghị. Trong trường hợp hệ thống liên Mỹ và châu Âu, Tòa án có thể đưa ra những quyết định mang tính ràng buộc với các quốc gia và yêu cầu đền bù. Bên cạnh đó, có “thủ tục giám sát của Ủy ban các bộ trưởng” của Hội đồng châu Âu, bao quát cả tự do ngôn luận và tự do thông tin tại các quốc gia thành viên.



Ngoài các thủ tục thông thường, còn có những thủ tục dựa trên hiến chương tương tự như Báo cáo viên đặc biệt về vấn đề thúc đẩy và bảo vệ tự do quan điểm và tự do ngôn luận, Báo cáo viên

này báo cáo với Hội đồng quyền con người Liên hiệp quốc về tình trạng tự do ngôn luận trên khắp thế giới, giám sát, khuyến nghị và giải thích về các thành tố của quyền con người này.

Đối với 55 thành viên của Tổ chức an ninh và hợp tác tại châu Âu (OSCE), đại diện cho Tự do báo chí được bổ nhiệm năm 1997. Nhiệm vụ của đại diện này là lần theo các tiến triển của ngành báo chí của các nước tham gia nhằm thúc đẩy báo chí tự do, độc lập và đa nguyên, điều cần thiết đối với một xã hội tự do và cởi mở và một hệ thống chính phủ có trách nhiệm, dựa trên các cam kết quốc tế và các tiêu chuẩn OSCE thông qua trong một loạt những hội nghị tiếp theo và các hội nghị chuyên gia kể từ sau Đạo luật cuối cùng Helsinki năm 1975.

Vai trò của các hiệp hội nghề nghiệp và các NGO khác

Các hội nghề nghiệp như Liên đoàn phóng viên quốc tế, Viện Báo chí quốc tế (IPI), PEN quốc tế, Hiệp hội các nhà xuất bản quốc tế (IPA) hay Trao đổi tự do ngôn luận quốc tế (IFEX) tập hợp thông tin tổng hợp ở cấp độ quốc gia về tự do báo chí tại các quốc gia hay khu vực khác nhau trên thế giới và ủng hộ các thành viên chống lại những hạn chế. Các tổ chức này lưu ý đến các tình huống, trong đó tự do bị vi phạm, chỉ trích các hạn chế, tiến hành các chiến dịch hay kêu gọi hành động khẩn cấp và chuẩn bị các báo cáo về các vấn đề đặc biệt như tập trung báo chí, tham nhũng, bí mật và minh bạch quốc gia theo các quy định về Tự do thông tin. Làm như vậy, họ nhận được sự ủng hộ của các NGO chuyên bảo vệ tự do báo chí, cũng như tổ chức “Điều 19” hay Phóng viên không biên giới ( *Thông tin bổ sung*) cũng như các NGO về quyền con người nói chung như Tổ chức Ân xá quốc tế hay Hội đồng chính sách quyền con người quốc tế. Ngoài ra, họ còn hợp tác với các tổ chức liên chính phủ và các thiết chế đặc biệt như Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về tự do ngôn luận và đại diện của OSCE về tự do báo chí.

Ở cấp độ quốc gia, các cơ quan giám sát mang tính thiết chế như Ủy ban báo chí độc lập hay hiệp hội nghề nghiệp và NGO đặt ra mục tiêu ngăn chặn các vi phạm quyền con người, luật và thực tiễn pháp luật và phi báng thái quá có thể buộc phóng viên phải im lặng. Các cơ quan này cũng theo dõi vấn đề tôn trọng các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực này.

4. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA



Những khác biệt về văn hóa dẫn đến sự đa dạng trong việc thực hiện tự do ngôn luận. So sánh với Mỹ, châu Âu và các quốc gia khác, có quan điểm khác biệt liên quan đến phát ngôn mang tính gây hấn, tấn công vào phẩm giá của một nhóm. Châu Âu không tha thứ cho sự vận động chính sách mang tính hằn thù dân tộc, chủng tộc hay tôn giáo, đặc biệt chủ nghĩa bài Do Thái, tuyên truyền về phát xít hay phủ nhận nạn tàn sát người Do Thái và bất cứ các hình thức cực đoan nào. Điều này ít nhất một phần cũng thể hiện tự do ngôn luận (Lần sửa đổi thứ nhất) trong Hiến pháp Mỹ.

Ví dụ, việc kết tội nhà văn Anh David Irving tại Áo 3 năm tù vì phủ nhận nạn bài Do Thái năm 2006 đã bị chỉ trích thậm chí bởi chính các nhà văn Do Thái tại Mỹ như là sự vi phạm hiểu biết về tự do ngôn luận mà tự do này vốn bao hàm cả “tự do đối với những tư tưởng mà ta ghét” (Jeff Jacoby. Ngày 03/3/2006. Toàn cầu Boston).

Những khác biệt đôi khi tế nhị đã được minh họa trong vụ ECHR Jersild kiện Đan Mạch khi Tòa án phát hiện ra là việc trừng phạt một phóng viên đăng tải bài phỏng vấn những thanh niên phân biệt chủng tộc đưa ra các phát ngôn mang tính phân biệt chủng tộc đã vi phạm tự do thông tin theo Điều 10 ECHR, trong đó những người đưa ra các phát ngôn đó không được bảo vệ bởi Điều 10.

Theo “học thuyết ngoài lề nhận thức” của Tòa án quyền con người châu Âu, vẫn có chỗ cho sự

khác biệt giữa các quốc gia châu Âu. Điều này liên quan đến việc bảo vệ đạo đức gắn với vấn đề phát ngôn, văn học hay đăng tin bị coi là mang tính khiêu dâm. Vấn đề khuôn phép hay bảo vệ người vị thành niên cũng như những nội dung gây hại khác, thuộc về quốc gia, vốn thường sử dụng các thiết chế độc lập để chỉ đạo báo chí về khía cạnh này.

Các tiêu chuẩn khác nhau cũng tồn tại liên quan đến việc chỉ trích công khai các chính trị gia hay thể chế tôn giáo. Ví dụ, điều được xem là tự do nghệ thuật đôi khi có thể bị coi là sự báng bổ với người khác. Hậu quả là tự do ngôn luận và tự do báo chí là một quyền rất nhạy cảm, phải tôn trọng những giới hạn nhất định, nhưng cũng phải được bảo vệ chống lại xu hướng nhà nước và các nhân vật có ảnh hưởng ép buộc những nhà phê bình phải im lặng.

Các bức biếm họa nhà tiên tri Muhammad, lần đầu tiên được đăng trên 1 tờ báo của Đan Mạch năm 2005 và sau đó được nhiều báo chí phương Tây in lại, đã gây ra những phản ứng mang tính bạo lực tại một số quốc gia Hồi giáo cũng như việc tẩy chay hàng của Đan Mạch. Chính phủ Đan Mạch buộc phải xin lỗi. Điều này dẫn đến một cuộc tranh luận trên khắp thế giới về những giới hạn của tự do báo chí và tự do ngôn luận không tôn trọng các cảm xúc tôn giáo như là một phần của tự do tín ngưỡng, có liên quan không chỉ ở cấp độ quốc gia mà hiện nay còn có sức mạnh ở cấp độ toàn cầu. Tại châu Á, những vi phạm tự do ngôn luận và tự do báo chí đã được biện minh trên cơ sở duy trì sự ổn định đất nước, bị đe dọa bởi “báo cáo vô trách nhiệm” của báo chí, gây kích động xung đột chính trị. Tuy nhiên, hội thảo ASEM tổ chức năm 2000, liên quan đến chủ đề trên trong đối thoại Á - Âu cho thấy các chính phủ thường hành động phản ứng thái quá và hạn chế tự do báo chí nhiều hơn mức cần thiết. Các vấn đề phổ biến như tập trung báo chí hay thiếu độc lập của phóng viên trên diện rộng và hơn cả những khác biệt về khu vực. Trong các trường hợp mâu thuẫn, đó là trách nhiệm của cơ quan tư pháp độc lập, rút ra kết luận giữa tự do

ngôn luận và tự do báo chí với những giới hạn cho phép vì lợi ích ổn định của một quốc gia dân chủ và tính toàn vẹn về đạo đức của một cá nhân, vốn trở thành đối tượng bị cáo buộc một cách không căn cứ trên báo chí.

Ví dụ, tại Banja Luka ở Bosnia và Herzegovina, vài năm sau khi chiến tranh kết thúc, một tờ báo đã đăng danh sách những người bị cáo buộc phạm tội ác chiến tranh. Điều này đã bị chính quyền cấm do có thể gây nguy hiểm cho những người này, những người chưa bị chính thức kết tội, có thể bị trả thù cá nhân.

Trường hợp Dự án quyền hiến pháp, Tổ chức tự do dân sự và Chương trình nghị sự các quyền báo chí kiện Nigeria, Ủy ban các quyền con người và dân tộc châu Phi đã giải quyết vấn đề nghiêm cấm các báo thông qua một sắc lệnh hành pháp bởi chính phủ quân sự của Nigeria, hướng vào lực lượng chống đối.

*“Nói không phải là điều dễ dàng,
tiếp tục im lặng là nguy hiểm.”*

Thành ngữ Mali

Ủy ban nhận thấy:

“Các sắc lệnh như vậy gây đe dọa nghiêm trọng đối với cộng đồng về quyền được tiếp nhận thông tin, không phù hợp với những gì mà chính phủ muốn cộng đồng biết đến. Quyền tiếp nhận thông tin là quan trọng: Điều 9 Hiến chương các quyền con người và dân tộc châu Phi dường như không cho phép vi phạm, dù mục đích của thông tin hay quan điểm và tình hình chính trị của một quốc gia là như thế nào. Do đó, Ủy ban thấy việc cấm đoán các báo là vi phạm Điều 9(1)”.

Liên quan đến các biện pháp chống lại phóng viên sau cuộc chính biến tại Gambia, Ủy ban châu Phi nhận thấy:

“Sự đe dọa, bắt hay giam giữ phóng viên vì các bài báo và những câu hỏi mà họ đặt ra đã tước đi không chỉ được tự do phát ngôn và thể hiện quan điểm của phóng viên mà là quyền thông tin của

cả cộng đồng. Hành động này rõ ràng là sự vi phạm Điều khoản của Điều 9 Hiến chương.”

(Nguồn: Báo cáo hoạt động thứ 13 của Ủy ban quyền con người và các dân tộc châu Phi 1999-2000: http://www.chr.up.ac.za/hr_docs/documents/13th_Annual_Activity_Report-AHG.pdf)

Tuyên bố Marrakesh do Hội nghị “Vai trò và địa vị của báo chí trong xã hội thông tin tại châu Phi và Khu vực A-rập” thông qua ngày 24/11/2004 khẳng định lại rằng “tự do ngôn luận và tự do báo chí là điểm cốt lõi của vấn đề xây dựng xã hội thông tin ở châu Phi, khu vực A-rập và trên khắp thế giới” (Nguồn: *Soulbeat Africa - Giao tiếp để thay đổi*: <http://www.comminit.com/africa>)

Tổ chức NGO về Theo dõi tự do báo chí A-rập đã được thành lập nhằm hoạt động chủ động để bảo vệ tự do báo chí, quyền con người và thúc đẩy dân chủ gắn kết với Hiệp hội phóng viên A-rập.

5. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

1948	Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
1966	Công ước Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị
1978	Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của UNESCO liên quan đến đóng góp của

Báo chí đối với việc thúc đẩy hòa bình và Hiểu biết quốc tế, thúc đẩy quyền con người và chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, Apartheid và kích động chiến tranh

1983	Bình luận chung của Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc về Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
1993	Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về việc bảo vệ và thúc đẩy quyền tự do quan điểm và tự do ngôn luận
1997	Đại diện của OSCE về tự do báo chí
1999	Nghị quyết của Ủy ban quyền con người về tự do quan điểm và ngôn luận (1999/36)
2001	Công ước CoE về tội phạm số và Nghị định thư bổ sung 2003
2003	Hội nghị thượng đỉnh về thông tin thế giới, phần một, tại Geneva: Tuyên bố về các nguyên tắc và Kế hoạch hành động
2005	Hội nghị thượng đỉnh thông tin thế giới, phần 2, tại Tunis: Cam kết Tunis và Chương trình nghị sự Tunis về một xã hội thông tin

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. VAI TRÒ CỦA TỰ DO BÁO CHÍ TRONG XÃ HỘI DÂN CHỦ

Đa dạng báo chí là một thành tố không thể thiếu trong một nền dân chủ. Vai trò quan trọng của báo chí hay còn gọi là “quyền lực thứ tư”, bên cạnh các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt và trách nhiệm của phóng viên và chủ báo không được vi phạm quyền con người của người khác khi thực hiện các tự do của mình.

 Quyền dân chủ

Tự do của một xã hội cụ thể có thể dễ dàng xác

định bởi tự do của báo chí và truyền thông. Bước đầu tiên mà các chính phủ độc tài hay các chế độ chuyên chính thường thực hiện là giới hạn hay xóa bỏ tự do ngôn luận và tự do báo chí. Nhằm tái thiết và hòa nhập các xã hội dân chủ sau chiến tranh và xung đột, một hệ thống báo chí đa dạng, làm việc dựa trên sự tôn trọng và khoan dung các quan điểm khác và hạn chế kích động hận thù và bạo lực, là quan trọng nhất.

“Thông tin là ô xy của nền dân chủ”

Điều 19 - Chiến dịch toàn cầu vì tự do ngôn luận.

“Phóng viên là người bảo vệ nền dân chủ.”

**Maud de Boer - Buquico, Phó Tổng thư ký
Hội đồng châu Âu. Năm 2002.**

Điều này đòi hỏi phải có một khuôn khổ pháp lý phù hợp, đảm bảo tính độc lập của báo chí công và tính đa dạng trong báo chí tư nhân và giám sát các hoạt động báo chí liên quan đến những tiêu chuẩn khách quan, tính công bằng và nghiêm túc.

2. BÁO CHÍ VÀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ



Các dân tộc thiểu số thường gặp phải những vấn đề liên quan đến tiếp cận với báo chí và có báo chí trong ngôn ngữ của họ. Tại châu Âu, các tiêu chuẩn ràng buộc cụ thể dựa trên Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Điều 10 Công ước châu Âu về quyền con người hiện hữu. Trong số đó, đáng lưu ý là Điều 9 Công ước khung châu Âu về việc bảo vệ các dân tộc thiểu số của Hội đồng châu Âu năm 1995. Theo đó, các cá nhân thuộc các dân tộc thiểu số cũng có tự do quan điểm và tự do ngôn luận. Tự do tìm kiếm, tiếp nhận hay truyền bá thông tin hay ý kiến bằng các ngôn ngữ thiểu số bất kể biên giới nào cũng phải được các cơ quan chính quyền tôn trọng. Các chính phủ phải đảm bảo các dân tộc thiểu số không bị phân biệt đối xử liên quan đến việc tiếp cận báo chí, cần được tạo điều kiện thuận lợi trên thực tế.

Các dân tộc thiểu số không bị ngăn cản ra báo in của riêng mình cũng như báo chí điện tử trong khuôn khổ pháp luật. Các tiêu chuẩn tiếp theo cũng được ghi nhận trong khuôn khổ OSCE. Tuy nhiên, tình hình trở nên phức tạp hơn liên quan đến cái được gọi là “các nhóm thiểu số mới” bắt nguồn từ việc di dân. Trái ngược với các dân tộc thiểu số hay dân tộc thiểu số “cũ”, các nhóm thiểu số này thường không có các quyền được pháp luật bảo vệ để tiếp cận với báo chí. Điều này đặc biệt đáng lo ngại khi xem xét vấn đề bài ngoại trong đó các dân

tộc này đôi khi vẫn bị báo chí truyền thống miêu tả theo khía cạnh bài ngoại, trong khi có thể là tự do biểu đạt của họ lại bị hạn chế.

Điều 11 Hiến chương châu Âu về ngôn ngữ thiểu số và khu vực của Hội đồng châu Âu cam kết các nước thành viên đảm bảo thích đáng rằng các báo đài làm những chương trình sử dụng ngôn ngữ thiểu số hoặc khu vực hoặc đảm bảo, khuyến khích và/hoặc hỗ trợ việc thành lập ít nhất một kênh phát thanh và kênh truyền hình bằng ngôn ngữ thiểu số hoặc khu vực.

“Báo chí có vai trò trung tâm trong nền dân chủ, cung cấp thông tin cho công chúng và đánh giá việc thực thi các vấn đề công mà không sợ hãi việc bị truy tố, kiện tụng hay đàn áp.”

Kevin Boyle. Năm 2000. Giới hạn tự do ngôn luận.

3. TỰ DO BÁO CHÍ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tự do báo chí và phát triển kinh tế chủ yếu được coi là tự do không bị sợ hãi và tự do mong muốn. Tính độc lập và không thể phân chia của các quyền con người đòi hỏi cách tiếp cận mang tính chính thể luận đối với các quyền con người, thể hiện bởi tầm quan trọng của tự do ngôn luận và tự do báo chí vì sự phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và đáp ứng các quyền kinh tế và xã hội cơ bản của người dân. Không có thông tin của báo chí, chẳng ai có thể biết tới những hạn chế trong tiếp cận hay phân bổ lại các nguồn lực và tham nhũng.

“Chưa bao giờ có một nạn đói lớn tại một quốc gia có chính phủ dân chủ và tự do báo chí tương đối.”

Amartya Sen, Nhà kinh tế học đạt giải Nobel

4. TUYÊN TRUYỀN CHIẾN TRANH VÀ KÍCH ĐỘNG SỰ THÙ HẬN

Theo Điều 20 (1) của Công ước quốc tế về các

quyền dân sự và chính trị, bất kỳ sự tuyên truyền cho chiến tranh nào đều phải bị luật pháp nghiêm cấm, trong khi đó Điều 20 (2) nghiêm cấm kích động sự phân biệt đối xử, thù địch hay bạo lực thông qua vận động gây thù hằn dân tộc, chủng tộc hay tôn giáo. Báo chí có vai trò thực hiện phần nào trách nhiệm đối với các cuộc chiến tranh tại Nam Tư cũ khi tuyên truyền về chiến tranh hay kích động sự căm thù và thanh trừ sắc tộc. Sự phát sóng của Đài truyền thanh Mille Collines có vai trò chủ yếu trong vấn đề diệt chủng tại Rwanda năm 1994 trong đó hơn 1 triệu người bị giết hại. “Đừng giết những inyenzi đó (những con gián) bằng một phát súng - hãy băm chúng thành muôn mảnh bằng dao rựa” là một trong những tuyên bố được phát sóng, kêu gọi người Hutu giết hại người Tutsi và những người Hutu đồng cảm với sự nghiệp của người Tutsi. Đài phát thanh này do các thành viên gia đình của Tổng thống Habyarimana người Hutu thành lập năm 1993. Cái chết của vị Tổng thống này chính là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự bùng nổ nạn diệt chủng. Trách nhiệm của đài phát thanh đã được xác lập tại Tòa án hình sự quốc tế về vấn đề Rwanda tại Arusha.

*“Khi tuyên bố chiến tranh,
sự thật trước hết là thương vong.”*

**Arthur Ponsonby, Chính trị gia
và nhà văn Anh. Năm 1928**

5. KINH NGHIỆM TỐT

- * UNESCO đã khởi xướng Ngày Tự do báo chí thế giới - ngày 3/5 và Giải tự do báo chí thế giới.
- * Dự án tội ác chiến tranh đã nhóm họp các phóng viên, luật sư và các học giả, nâng cao nhận thức về luật chiến tranh của giới báo chí, chính phủ, các NGO nhân đạo và quyền con người.
- * Trong trường hợp Kosovo, một Ủy ban Báo chí độc lập và một Hội đồng báo chí được thành lập, giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn trong các quy tắc và luật báo chí. Các cơ quan này cũng có

trách nhiệm cấp phép. Năm 2001, các thanh tra viên của Liên bang Bosnia và Herzegovina báo cáo rằng họ theo sát tiến trình cấp giấy phép của Cơ quan quản lý truyền thông (CRA) và một số trường hợp can thiệp liên quan đến tính minh bạch và các điều kiện bình đẳng đối với mọi đối tượng nộp đơn xin cấp phép. CRA chấp nhận những khuyến nghị của các thanh tra.

*“Ngôn từ giết hại trước,
sau mới đến mũi tên hòn đạn.”*

Adam Mihnuk, Nhà văn Ba Lan.

6. TỰ DO BÁO CHÍ VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

“Trong báo chí tồn tại tình trạng thiếu kiến thức nghiêm trọng về quyền con người. Nhiều phóng viên - giống như các chính trị gia và các đối tượng khác hoạt động trong xã hội dân sự - không biết tới Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và các công ước và cơ chế quyền con người quốc tế. Thường thì các đối tượng này không hiểu sự khác biệt giữa luật quyền con người và luật chiến tranh. Hậu quả là có sai lầm rõ ràng vì quyền con người thường bị coi là chỉ liên quan đến việc báo cáo lại xung đột.”

*Hội đồng quyền con người quốc tế. Năm 2002.
Báo chí, truyền thông và thách thức của việc báo cáo quyền con người.*

Trong các bình luận về Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hiệp quốc, Hiệp hội các nhà xuất bản quốc tế (IPA) đại diện cho 78 thiết chế tại 66 quốc gia, đã nhấn mạnh tầm trọng của các hoạt động nâng cao nhận thức liên quan đến tự do ngôn luận và tự do phát hành.

(Nguồn: **Hội đồng kinh tế và xã hội Liên hiệp quốc. Năm 2003.** Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người: thông tin và giáo dục. Thực hiện Kế hoạch hành động của Thập kỷ giáo dục quyền con người

7. CÁC XU HƯỚNG

Báo chí và mạng internet

Theo Báo cáo phát triển con người của Liên hiệp quốc năm 2001 và Báo cáo của UNESCO năm 2005 “Hướng tới các xã hội tri thức”, mạng internet đã phát triển theo hàm mũ trong suốt những năm qua, từ 16 triệu người sử dụng năm 1995 lên đến hơn 500 triệu năm 2004. Tuy nhiên, số người được tiếp cận internet chỉ dưới 11% trên toàn thế giới và dưới 1% ở châu Phi. Điều này đặt ra vấn đề “đoàn kết số”. Tuy nhiên, việc phát triển mạng toàn cầu đã có tác động quan trọng đối với báo chí, mở ra những lựa chọn mới đối với cả phóng viên và các nhà xuất bản. Thậm chí các doanh nghiệp truyền thông nhỏ hơn cũng có cơ hội tiếp cận với cộng đồng dân cư toàn cầu. Tuy vậy, một số quốc gia áp dụng việc kiểm soát và kiểm duyệt internet bằng cách chặn sự tiếp cận những trang web cụ thể. Năm 2005, các NGO ủng hộ cho Chính phủ Trung Quốc tiến hành theo dõi các đối tượng chống đối về chính trị tấn công một số công cụ tìm kiếm như Yahoo! và Google.

Hướng tới các xã hội tri thức ở phương Nam

Việc chuyển đổi xã hội thông tin thành các xã hội tri thức được dựa trên sự gia tăng tính sẵn có của thông tin và công nghệ truyền thông. Trong bối cảnh tự do ngôn luận, quốc gia có nghĩa vụ tích cực đem lại sự tiếp cận công nghệ thông tin, vốn là vấn đề không thể thiếu đối với việc tiếp cận tri thức.

Vì mục đích này, nhân sự kiện Hội nghị thượng đỉnh thế giới về xã hội thông tin năm 2003, một sáng kiến được phát động nhằm thiết lập các Trung tâm đa truyền thông cộng đồng (CMCs) nhằm thu hẹp khoảng cách số đối với các cộng đồng vẫn chưa được tiếp cận với công nghệ thông tin. Cách tiếp cận thông qua đường kết nối, tìm hiểu và phối hợp các công nghệ cũ và mới bằng cách kết hợp đài phát thanh khu vực địa phương với các cơ sở hạ tầng trung tâm viễn thông cộng đồng như các máy tính nối mạng internet, dịch vụ thư điện tử, điện thoại, fax, và phổ-tô. Mục tiêu là cho phép các thành viên trong cộng đồng trở thành những người sử dụng thường xuyên các công nghệ mới và tiếp cận thông tin sẵn có trên toàn thế giới.

(Nguồn: UNESCO. Năm 2005. Hướng tới các xã hội tri thức. Paris)

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I: TRANG ĐẦU 1

Phần I: Giới thiệu

Đây là diễn xuất của một nhóm các nhân viên tư vấn để hoàn thành trang đầu của một tờ báo in. Học viên thảo luận việc nhập vai qua khảo sát các vấn đề về kiểm duyệt, khuôn mẫu và tính khách quan trong báo chí.

Loại hoạt động: đóng vai

Phần II: Thông tin chung về việc đóng vai

Mục đích và mục tiêu:

- Phản ánh trên báo chí và cách tiếp cận đối với các vấn đề quyền con người.
- Khảo sát và phản ánh xu hướng giằng co

khách, khuôn mẫu và tính khách quan trong báo chí

- Xác định các cơ chế kiểm duyệt và các vấn đề của tự do ngôn luận và tự do báo chí.

Đối tượng: người đã trưởng thành

Số lượng: 8 - 25

Thời gian: khoảng 90 phút

Chuẩn bị: chọn trang chủ của các báo địa phương hay quốc tế.

Các kỹ năng liên quan: kỹ năng truyền thông, phân tích và tư duy phê phán

Phần III: Thông tin cụ thể về việc đóng vai

Thể hiện đóng vai:

Giải thích rằng đây là việc khuyến khích nhóm

làm việc về tự do báo chí và các giới hạn của tự do báo chí, sẽ được truyền phát trên đài truyền hình địa phương.

Thông báo cho học viên về thảo luận dựa trên một số trang đầu được thu thập để miêu tả cụ thể hơn các quan điểm và phổ biến các quan điểm đó.

Chỉ định một nhóm 4 học viên nhập vai:

- Một nhà hoạt động quyền con người: người này chỉ ra tính chất hai mặt của báo chí. Một mặt, báo chí báo cáo các vi phạm quyền con người, mặt khác báo chí lại thực hiện các vi phạm quyền con người, ví dụ truyền bá các cáo buộc không đúng hay kích động thù hận. Nhà hoạt động quyền con người này sẽ nhấn mạnh tuyên bố của mình thông qua các câu chuyện từ một trang mẫu của báo.
- Một phóng viên: phóng viên có cam kết quyền con người được tự do ngôn luận và tự do báo chí. Phóng viên này sẽ nói về tính cần thiết của tự do báo chí và thông qua một số câu chuyện từ các trang đầu báo để phân tích cho quan điểm của mình. Điều gì sẽ xảy ra nếu người ta không bao giờ đọc được những câu chuyện đó? Các phóng viên có nghĩa vụ khảo sát và đem lại thông tin cho bạn đọc.
- Nhà quản lý báo chí của quốc gia: người này chỉ ra những giới hạn của tự do ngôn luận và tự do báo chí. Những giới hạn này xuất hiện khi mâu thuẫn với các quyền khác như quyền riêng tư. Nhà quản lý nhắc lại trách nhiệm của quốc gia là người bảo vệ và vai trò đặc biệt của chính quyền cụ thể như nguyên thủ quốc gia, các nhà lãnh đạo tôn giáo, đảng cầm quyền hay cảnh sát.
- Người điều hành: người này dẫn dắt thảo luận về tự do báo chí và đặt ra các câu hỏi cho học viên. Người điều hành sẽ đề cập đến trang đầu của các báo để có những câu trả lời cụ thể.

Yêu cầu học viên nhập vai đứng thành vòng tròn và để người điều phối bắt đầu cuộc thảo luận. Người điều phối sẽ kết thúc thảo luận sau 30 phút.

Phản hồi:

Đề mọi người quay lại vị trí. Tiếp theo là phân tích việc đóng vai thông qua các câu hỏi thảo luận:

- Bạn nghĩ các vấn đề chính của tự do ngôn luận và tự do báo chí là gì?
- Có các dạng kiểm duyệt nào, bao gồm kiểm duyệt công cộng và kiểm duyệt tư nhân?
- Bạn đã bao giờ phải chấp nhận dạng kiểm duyệt hay tự kiểm duyệt nào trong đời chưa?
- Tại sao tự do quan điểm, tự do báo chí và tự do truyền thông lại quan trọng đến vậy?
- Có thể làm gì để bảo vệ các tự do đó một cách tốt hơn nữa?
- Có người nào hay thiết chế nào có thể không bị chỉ trích?
- Có các dạng thức kiểm duyệt nào cần được cho phép nhằm bảo vệ sự ổn định (dân chủ), hòa bình tôn giáo, tự tin giữa các dân tộc...?

Gợi ý về phương pháp:

Bạn càng lựa chọn các trang chủ cẩn thận, việc nhập vai và thảo luận sẽ càng sôi nổi hơn. Quyết định trước hết lựa chọn báo quốc tế hay báo địa phương. Cố gắng lựa chọn một số trang có tranh ảnh, có thể viết theo kiểu giật gân, câu khách.

Làm đa dạng thảo luận:

Sử dụng các bài báo có hình ảnh. Tách hình ảnh khỏi tiêu đề và yêu cầu học viên suy nghĩ xem hình nào thuộc về bài báo nào. Dẫn dắt họ thảo luận.

Phần IV: Tiếp theo

Nhiều đài phát thanh và truyền hình địa phương đem lại cơ hội cho các nhóm trong cộng đồng truyền phát thông tin. Thực hiện dự án theo nhóm nghiên cứu và truyền tải thông tin về các vấn đề mà người dân quan tâm. Sử dụng tiêu đề như “Hãy suy nghĩ một cách toàn cầu, hành động ở cấp địa phương” hay tương tự như thế.

Các quyền liên quan/lĩnh vực khác cần khảo sát:

Quyền tự do tư tưởng, quan điểm và ngôn luận, quyền phát triển, quyền sống, quyền về sức khỏe, quyền riêng tư.

HOẠT ĐỘNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA INTERNET

Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này bao gồm cả thảo luận theo nhóm nhỏ và thảo luận tổng thể, phân tích các khía cạnh tích cực và tiêu cực của việc sử dụng Internet, ảnh hưởng của nó đối với tự do ngôn luận và thách thức đối với tương lai của internet.

Loại hoạt động: thảo luận

Phần II: Thông tin chung về thảo luận

Mục đích và mục tiêu:

- Nâng cao nhận thức về tác động của internet và tiếp cận thông tin toàn cầu.
- Xác định ảnh hưởng của Internet đối với quyền con người.
- Khảo sát những hiện tượng liên quan đến Internet.

Nhóm mục tiêu: người trưởng thành

Số học viên: bất kỳ

Thời gian: khoảng 45 phút

Chuẩn bị: phô-tô nhiều bản, phân phát cho các nhóm (xem ở dưới)

Dụng cụ: các bản sao tài liệu phân phát, bảng dính

Kỹ năng liên quan: kỹ năng phân tích, biểu đạt các quan điểm khác nhau về một vấn đề, kỹ năng xây dựng nhóm ở cấp độ địa phương. Nếu có thể tiếp cận internet, hãy in những trang web của các tổ chức và phát các bản sao. Yêu cầu mọi người cho biết thông tin của mình về các tổ chức này. So sánh hoạt động của các tổ chức và việc thúc đẩy các tổ chức này thông qua internet. Dựa trên các kết quả tìm kiếm ở trên, thảo luận những lợi thế quan trọng nhất hay việc sử dụng internet để thúc đẩy quyền con người.

Phần III: Thông tin thảo luận cụ thể

Giới thiệu chủ đề: giới thiệu hoạt động thông qua việc cung cấp một số kiến thức chung, cung cấp cho nhóm một số thông tin cơ bản về internet đưa ra trong chuyên đề này; yêu cầu học viên thảo luận theo cặp về kinh nghiệm của bản thân sử dụng internet, các thuận lợi và bất lợi của việc sử dụng/không sử dụng internet. Thảo luận trong khoảng 10 phút.

Quá trình thảo luận:

Phân phát các bản sao tài liệu. Dựa trên cơ sở tài liệu, thảo luận tác động của internet, bất lợi và thuận lợi, sử dụng những câu hỏi sau:

- Học viên có biết về vi phạm quyền con người qua internet không (ví dụ như khiêu dâm trẻ em, tội phạm số)?
- Tại sao những vi phạm như vậy lại ngày càng tác động tới xã hội?
- Internet có thể làm gì để ngăn cản những việc như vậy xảy ra?
- Yêu cầu một hoặc hai học viên viết các điểm chính lên bảng.

Phản hồi:

Bắt đầu với những gì mà học viên biết được về mạng internet.

- Người ta đã biết được những gì về internet? Họ sử dụng internet ở mức nào? Họ sử dụng để làm gì? Nghiên cứu dạng lợi thế được ghi trên bảng.
- Lợi thế của việc sử dụng internet có vượt xa so với bất lợi không?
- Cần làm gì để giải quyết các bất lợi đó?

Gợi ý về phương pháp

Đánh giá xem học viên cảm thấy quen thuộc với internet ở mức độ nào trước khi tổ chức hoạt động, để có thể xác định cấp độ và cách tiếp cận tổng quát. Trong phần phản hồi, cần tập trung vào các vấn đề toàn cầu và địa phương liên quan đến tiếp cận công nghệ thông tin mới, đảm bảo rằng những người hoàn toàn không được tiếp cận hay gặp khó khăn khi tiếp cận internet có thể lên tiếng.

Gợi ý hoạt động đa dạng:

“Internet vì quyền con người” có thể thực hiện như một sự thay đổi hoặc tiếp nối hoạt động. Thu thập thông tin về các tổ chức quyền con người ở cấp độ quốc tế và/hoặc địa phương. Nếu có thể tiếp cận internet, in trang web và phân phát các bản sao. Yêu cầu mọi người cho biết thông tin mà họ có về các tổ chức này. So sánh các hoạt động và việc thúc đẩy các hoạt động đó thông qua internet. Dựa trên kết quả có được, thảo luận các thuận lợi quan trọng nhất hay việc sử dụng internet nhằm thúc đẩy quyền con người.

Phần IV: Tiếp theo

Khuyến khích học viên vào các trang web của các tổ chức quyền con người. Học viên có thể tiếp tục phản ánh về dự án nhằm:

- Sử dụng các nguồn internet sẵn có để nâng cao nhận thức về các vấn đề quyền con người trong khu vực.
- Tạo trang web riêng và kết nối với các tổ chức thanh niên khác đấu tranh vì một quyền con người đang bị đe dọa trong cộng đồng.

Các quyền liên quan/các lĩnh vực cần khảo sát khác:

Bất cứ quyền con người nào

(Nguồn: Trích từ: Hội đồng châu Âu. Năm 2002. Phạm vi: Sách hướng dẫn về giáo dục quyền con người cho thanh niên. Strasbourg: Hội đồng châu Âu.)

TÀI LIỆU PHÁT TAY CHO HỌC VIÊN:

Cân bằng web: Gây thù hận trên mạng

Mạng internet, đặc biệt là mạng toàn cầu, đã phát triển mạnh mẽ sau khi trang mạng *Mặt trận bảo tập* - một trang mạng mang tính hằn thù cực đoan đầu tiên - ra đời vào năm 1995. Trang mạng này phát triển mà không có bất cứ sự suy giảm nào. Số người lên mạng ngày càng tăng, có nhiều người dễ bị lôi kéo, tin mù quáng, quan điểm và hành vi của họ bị tác động bởi sự hiện hữu của điều ác và những lời kêu gọi quỷ quyệt.

Sự xuất hiện của một loạt các trang web gây hận thù với nội dung do những phụ nữ cực đoan xác lập như *Chủng tộc của cô ấy*, *Phụ nữ vì sự đoàn kết* Aryan và *Nhà thờ thế giới* của người sáng tạo biên giới của phụ nữ, báo trước sự phát triển của tính hận thù trên mạng. Thông qua việc nói và làm để xác định vai trò của mình trong “phong trào” ủng

hộ thuyết cho rằng người da trắng là ưu việt, những nhân vật nữ cực đoan này đã lợi dụng đấu tranh cho thuyết bình quyền đòi hỏi lắng nghe tiếng nói của phụ nữ, vì mục tiêu hèn hạ là kích động rộng rãi lòng không khoan dung. Một số phụ nữ gây thù hận trên trang web này khẳng định vị trí mà nam giới thúc đẩy: chống đối người không phải là da trắng, thù hận hôn nhân dị chủng, và phần nộ đối với sự kiểm soát báo chí “chống da trắng”.

Trang web *Chủng tộc của cô ấy*, tại Stormfront nêu rõ: “Gaia: Mẹ của mọi người”. Trang web tuyên bố “Người da trắng đối diện với sự tuyệt chủng khi có nhiều người không phải là da trắng được sinh ra và xâm lược đất đai của chúng ta.” Trang web khẳng định “Người da trắng có quyền có nhiều con cái hơn là người không phải là da trắng.”

Những người bài Do Thái và phân biệt chủng tộc đã không đơn độc trong việc tuyên truyền sự thù hận trên internet. Các trang web chống người đồng tính, các trang web chống phá thai và sự hiện diện chống chính phủ của lực lượng dân quân và phong trào tòa án của luật thông lệ đã tham gia cùng những lực lượng trên trên mạng, như có các trang web làm bom, thúc đẩy chủ nghĩa cực đoan bạo lực dưới mọi hình thức.

Việc chống lại chủ nghĩa cực đoan trên mạng cho thấy những khó khăn to lớn về công nghệ và luật pháp. Thậm chí nếu có thể loại bỏ các trang web trên, thì tính chất của phương tiện truyền thông tin quốc tế này vẫn khiến cho quy định của luật pháp hầu như là không khả thi.

(Nguồn: **Đầu độc mạng: sự thù hận trên mạng:** http://www.adl.org/poisoning_web/poisoning_toc.asp)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ủy ban các quyền con người và dân tộc châu Phi. Năm 2000. *Báo cáo hoạt động thứ 13 của Ủy ban các quyền con người và dân tộc châu Phi 1999 - 2000.* Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.chr.up.ac.za/hr_docs/documents/13th_Ann

[ual_Activity_Report-_AHG.pdf](#)

Trung tâm truyền thông và thông tin báo chí châu Á. Năm 2000. *Báo chí và quyền con người ở châu Á.* Singapore. AMIC.

Barendt, Eric. 2005. *Tự do phát ngôn. Phát hành lần*

2. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Boyle, Kevin. Năm 2000. *Hạn chế đối với tự do ngôn luận*. Trong: Quỹ Á - Âu (ASEF). Hội thảo về quyền con người nội bộ ASEM lần thứ 3. Singapore. Trang 27-37.

Burnheim, Sally. Năm 1999. *Quyền giao tiếp - Mạng internet ở châu Phi*. London. Điều 19.

Byerly, Carolyn M. và Karen Ross. Năm 2006. *Phụ nữ và báo chí: Giới thiệu phê bình*. Oxford: Blackwell.

Carver, Richard. Năm 1995. *Ái thống trị sóng radio-phát ở châu Phi*. London: danh mục kiểm duyệt.

Chrétien, Jean-Pierre; năm 1995. *Rwanda - Les Mesdias du Gesnocide*. Paris: Karthala.

Cohen, Stanley. Năm 1995. *Sự phủ nhận và thừa nhận: tác động của thông tin về vi phạm quyền con người*. Jerusalem: Trung tâm quyền con người. Đại học Hebrew Jerusalem.

Hội đồng châu Âu. Năm 2005. *Bảo vệ phát ngôn tự do và quyền thông tin: báo chí trong thời điểm khủng hoảng*. Hội nghị. Strasbourg. 13-14/10/2005.

Hội đồng châu Âu. Năm 2004. *Hướng dẫn thực hiện Điều 10 Công ước về quyền con người châu Âu*. Xuất bản lần 2. Strasbourg.

Hội đồng châu Âu. Năm 2002. *Báo chí trong xã hội dân chủ: hòa hợp tự do ngôn luận với bảo vệ quyền con người*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.coe.int/MediaLuxembourgE>

Dự án tội ác chiến tranh: www.crimesofwar.org

Trung tâm các tiểu vương quốc nghiên cứu và học tập chiến lược. Năm 1998. *Cách mạng thông tin và Thế giới A-rập - tác động đối với Nhà nước và xã hội*. London: I.B.Tauris.

Fallows, James. Năm 1997. *Báo tin - Báo chí làm suy giảm nền dân chủ Mỹ như thế nào*. New York: Vintage.

Ngôi nhà tự do. Năm 2005. *Tự do báo chí 2005. Điều tra toàn cầu về tính độc lập của báo chí*. Lanham: Rowman và Littlefield.

Freire, Antonio. Năm 1999. *El Kike, La Checchi, La*

Elvira, El Gonzato y El Malo: La Tevedécada de los Noventa. Santiago de Chile: Ediciones Eace.

Goff, Peter (chủ biên). Năm 1999. *Tin tức Kosovo và chiến tranh tuyên truyền*. Vienna: Viện báo chí Quốc tế.

Gutman, Roy và David Rieff chủ biên. Năm 1999. *Tội ác chiến tranh - công chúng cần biết điều gì*. New York: W. W. Norton.

Hammond, Philip và Edward Herman (chủ biên). Năm 2000. *Năng lực suy giảm - báo chí và khủng hoảng Kosovo*. London: Nhà in Pluto.

Heyns, Christof. Năm 2002. *Các quyền dân sự và chính trị trong Hiến chương châu Phi*. Trong: Evans, Malcolm D.; Muray, Rachel. *Hiến chương các quyền con người và dân tộc châu Phi. Hệ thống thực thi. 1986 - 2000*. Cambridge: Nhà in Đại học Cambridge. Trang 137-177; trang 164ff.

Hill, Michael W. Năm 2005. *Tác động của thông tin đối với xã hội. Xuất bản lần 2*. London: Bowker Saur.

Tổ chức theo dõi quyền con người. Năm 1998. *Los Limites de la Tolerancia: Libertad de Expresión y Debate Publico en Chile*. LOM.

IFEX. Năm 2005. *Vận động vì tự do ngôn luận. Sổ tay dành cho người vận động*. Toronto.

Hội đồng chính sách quyền con người quốc tế. Năm 2002. *Báo chí, truyền thông và thách thức của việc đưa tin về quyền con người*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.protectionline.org/IMG/pdf/journalism_media.pdf

Keane, John. Năm 1991. *Báo chí và dân chủ*. Cambridge: Nhà in chính thể.

Lenkova, Mariana (chủ biên). Năm 1998. *Phát ngôn thù hận giữa những người Balkans*. Athens: Liên đoàn Helsinki quốc tế.

Mansell, Robin. Năm 2005. *Điểm yếu của các xã hội tri thức: sự mập mờ, giảm chi phí và tiếp cận tại các nước đang phát triển*. Trong: Milward-Oliver, G. (chủ biên). *Maitland + 20 - hàn gắn đường nối bị mất*. Bradford: Trung tâm Anima. Trang 83-97.

McRae, Rob. Năm 2001. *An ninh con người, kết nối và xã hội dân sự toàn cầu mới*. Trong: McRae, Rob và Don Hubert (chủ biên). *An ninh con người và ngoại*

giao mới. Montreal: Nhà in Đại học McGill-Queen. Trang 236-249.

Mill, John Stuart. Năm 1859. *Về tự do*.

Moeller, Susan D. Năm 1999. *Sự mệt mỏi của lòng thương hại - báo chí đưa tin về bệnh tật, nạn đói, chiến tranh và cái chết thế nào*. New York: Routledge.

Nowak, Manfred. Năm 2005. *Bình luận của Công ước Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị. Xuất bản lần 2*. Kehl và Rhein: N.P.Engel.

Pritchard, David (chủ biên). Năm 2000. *Buộc báo chí có trách nhiệm - công dân, đạo đức và luật pháp*. Bloomington: Nhà in Đại học Indiana.

Rantanen, Terhi. Năm 2005. *Báo chí và toàn cầu hóa*. London: Sage.

Phóng viên không biên giới. Năm 2004. *Internet bị giám sát. Các thách thức đối với luồng thông tin tự do*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.rsrf.org/rubrique.php3?id_rubrique=433

Rothberg, Robert I. và Thomas G. Weiss. Năm 1996. *Từ tàn sát đến diệt chủng - báo chí, chính sách công và các cuộc khủng hoảng nhân đạo*. Washington, D.C.: Nhà in Viện Brookings.

Said, Edward. Năm 1997. *Viết về Đạo Hồi: báo chí và các chuyên gia xác định như thế nào về cách nhìn nhận của chúng ta đối với phần còn lại của thế giới*. London: Vintage.

Spencer, Graham. Năm 2005. *Báo chí và hòa bình. Từ Việt Nam đến “Cuộc chiến chống khủng bố”*. Basingstoke: Palgrave Macmillan.

Soulbeat châu Phi - Giao tiếp để thay đổi: <http://www.comminit.com/africa>

Ủy ban quyền con người Nam Phi. Năm 2000. *Faultlines - điều tra chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong báo chí*. Johannesburg.

Todorovic, Mirjana. Năm 2003. *Tự do ngôn luận và quyền đối với phẩm giá và danh dự*. Trong: *Todorovic, M. (chủ biên). Văn hóa quyền con người*. Trung tâm quyền con người Belgrade. Trang 161-175.

UNESCO. Năm 2005. *Báo cáo thế giới UNESCO. Hướng tới các xã hội tri thức*. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.unescodoc.unesco.org/images/0014/001418/141843e.pdf>

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc. *Báo chí và quyền trẻ em - giới thiệu thiết thực đối với báo chí chuyên nghiệp*. London: PressWise.

Hội đồng kinh tế và xã hội Liên hiệp quốc. Năm 2003. *Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người: thông tin và giáo dục. Thực hiện Kế hoạch hành động của Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hiệp quốc, 1995-2004*. Tài liệu có tại địa chỉ:

[http://www.unhchr.ch/Huridocda/Huridoca.nsf/0/4a13d09cd91c4ebbc1256cd200509750/\\$FILE/G0310042.pdf](http://www.unhchr.ch/Huridocda/Huridoca.nsf/0/4a13d09cd91c4ebbc1256cd200509750/$FILE/G0310042.pdf)

Uribe, Hernán. Năm 1999. *La Invisible Mordaza: El Mercado Contra la Prensa*. Santiago: Cuarto Propio.

Voltaire (francois Marie Arouet). Năm 1764. *Tự do báo chí. Trong: Từ điển triết học. Tái bản năm 1984*. London: Sách kinh điển Penguin.

Von Dohnanyi, Johannes và Christian Moller. Năm 2003. *Tác động của tập trung báo chí đối với báo chí chuyên nghiệp*. Vienna: OSCE.

Welch, Claude E. Năm 1998. *Hiến chương châu Phi và tự do ngôn luận ở châu Phi. Đánh giá 4 về Luật Quyền con người Buffalo*.

White, Aidan. Năm 2002. *Báo chí, tự do dân sự và cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố, Báo cáo cuối về hậu quả sự kiện 11/9 và tác động đối với báo chí và tự do dân sự*. Brussels: Liên đoàn nhà báo quốc tế.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Trung tâm báo chí phụ nữ châu Phi:

<http://www.awmc.com>

Thông tin báo chí châu Á và Trung tâm truyền thông: <http://www.amic.org.sg>

Dự án tội ác chiến tranh:

<http://www.crimesofwar.org>

Cơ quan quản lý truyền thông (CRA) của Bosnia-Herzegovina: <http://www.cra.ba>

Hội đồng châu Âu - Bộ phận báo chí:

http://www.coe.int/t/e/human_rights/media

Liên đoàn nhà báo quốc tế: www.ifj.org

Trao đổi tự do ngôn luận quốc tế: www.ifex.org

PEN quốc tế - một hiệp hội nhà văn thế giới:

<http://www.internationalpen.org.uk>

Hiệp hội các nhà xuất bản quốc tế (IPA):

<http://www.pa-uie.org>

Quỹ báo chí Tây Phi: <http://www.mfwaonline.org>

OSCE - Đại diện về tự do báo chí:

<http://www.osce.org/fom>

Phóng viên không biên giới: <http://www.rsf.fr>

Tổ chức báo chí Đông Nam Á (SEEMO):

<http://www.seemo.org>

Nhóm tư vấn UNESCO về tự do báo chí: [http://](http://www.unesco.org/webworld/wpfd/group.html)

www.unesco.org/webworld/wpfd/group.html

QUYỀN DÂN CHỦ

QUYỀN ĐẠI DIỆN VÀ QUYỀN THAM GIA THUYẾT ĐA NGUYÊN VÀ TÍNH BAO HÀM PHẨM GIÁ CON NGƯỜI VÀ TỰ DO

“Mọi người đều có quyền tham gia vào chính quyền của đất nước mình, một cách trực tiếp hay thông qua các đại diện được tự do lựa chọn. Mọi người đều có quyền được hưởng các dịch vụ công cộng của đất nước mình một cách bình đẳng. Ý chí của nhân dân là cơ sở tạo nên quyền lực của chính quyền; ý chí đó được thể hiện qua các cuộc bầu cử định kỳ, thực chất, theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bình đẳng và được thực hiện thông qua bỏ phiếu kín hoặc thông qua các thủ tục bỏ phiếu tự do tương tự”.

Điều 21 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người 1948

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Thiết lập nền dân chủ ở Đông Timo

Vào năm 1999, sau 450 năm bị nước ngoài cai trị và 25 năm bị Indonesia chiếm đóng, người Đông Timo đã đi bầu cử cho nền độc lập trong cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc dưới sự giám sát của Liên hiệp quốc. Lời kêu gọi độc lập tách khỏi Indonesia ngay lập tức bị đàn áp. Với sự quay trở lại của lực lượng vũ trang Indonesia, các nhóm dân quân thân Indonesia đã ứng trả lại bằng cách giết chết ít nhất là 1.000 người và trục xuất hàng trăm nghìn người sang Tây Timo Indonesia. Các thị trấn và làng mạc bị quân đội phá hủy.

Để đối phó với cơn khủng hoảng, Liên hiệp quốc đã triển khai quân đội vào ngày 20 tháng 9 năm 1999 và thành lập Cơ quan Quản lý chuyển tiếp Đông Timo (UNTAET) vào ngày 26 tháng 10.

Với sự giúp đỡ của Liên hiệp quốc, Nước Cộng hòa Dân chủ Đông Timo chính thức được thành lập vào ngày 20 tháng 5 năm 2002. Một hội đồng lập hiến gồm 88 thành viên đã được bầu cử vào ngày 30 tháng 8 năm 2001 trong lần bầu cử dân chủ tự do đầu tiên ở Đông Timo. Hội đồng đã soạn thảo hiến pháp quốc gia, thành lập nước cộng hòa dân chủ cùng nghị viện, thủ tướng chính phủ và tổng thống.

Cuộc tuyển cử tổng thống đầu tiên được tổ chức vào ngày 14 tháng 4 năm 2002. Người được bầu là Xanana Gusmao, cựu lãnh đạo du kích trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Gusmao là một huyền thoại trong dân chúng và mọi người hy vọng rằng sự nổi tiếng của ông sẽ giúp ổn định đất nước. UNTAET được thay thế bằng Phái đoàn hỗ trợ Liên hiệp quốc tại Đông Timo (UNMISSET). Cơ quan này tồn tại đến tháng 5 năm 2003. Với 5.000 quân lính và 1.250 sĩ quan cảnh sát, UNMISSET đã hỗ trợ chính phủ đảm bảo an ninh cho công dân của đất nước trong suốt năm đầu tồn tại. Ngày 27 tháng 9 năm 2002, Đông Timo đã trở thành thành viên thứ 191 của Liên hiệp quốc.

Công lý và hòa giải

Sự chuyển đổi sang nền dân chủ của Đông Timo đã bị che phủ bởi thực tế là phần lớn những người phạm tội hung bạo vào năm 1999 đã không được đưa ra giải trình tội ác của họ. Hầu hết thủ phạm sống ở Indonesia, và chính phủ từ chối dẫn độ những kẻ tình nghi này cho chính quyền Đông Timo.

Sau áp lực mạnh mẽ từ phía cộng đồng quốc tế, Chính phủ Indonesia đã thành lập Tòa án quyền con người ở Jakarta để khởi tố những kẻ phạm tội chống lại loài người vào năm 1999. Tòa án được thiết lập để xét xử các quan chức chính phủ và các thành viên của lực lượng an ninh.

Nhiều quan sát viên đã chỉ trích sự thất bại của Tòa án trong việc kết tội kẻ tình nghi chính, Tổng tư lệnh Wiranto, người đứng đầu lực lượng vũ trang Indonesia trong thời gian diễn ra cuộc tàn sát. Ngoài ra, các sĩ quan bị đưa ra xét xử đều được tuyên bố trắng án hay chỉ bị án nhẹ.

Cả Ủy ban quyền con người của Liên hiệp quốc và các tổ chức quyền con người như Tổ chức Ân xá quốc tế và Tổ chức Theo dõi quyền con người đã tranh luận rằng các phiên tòa xử đã có những sai lầm nghiêm trọng ngay từ đầu.

Những người vận động cho quyền con người cho rằng cần thành lập một tòa hình sự quốc tế về Đông Timo do Liên hiệp quốc bảo trợ để xét xử các hành động bạo lực giống như ở Yugoslavia và Rwanda trước đây.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Đông Timo có sự phân chia quan điểm đối với số phận của các dân quân vi phạm các tội ác tàn bạo.

Với nỗ lực thúc đẩy tinh thần thống nhất và hòa giải quốc gia, Tổng thống Gusmao đã bày tỏ chủ trương là những người phạm tội dùng bạo lực nên được khoan hồng. Tuy nhiên, Thủ tướng chính phủ Mari Alkatiri lại cho rằng công lý phải được bảo vệ.

Những thách thức trước mắt

Chính phủ cũng phải đối mặt với thách thức hồi hương của hàng nghìn người tị nạn. Nhiều thử thách còn nằm phía trước quốc gia non trẻ này, đó là cách giải quyết đối với những thủ phạm gây ra hành vi bạo lực, hàng trăm nghìn người tị nạn, nghèo đói và tất nhiên cả việc thúc đẩy chế độ dân chủ mới giành được.

Với sự giúp đỡ của Liên hiệp quốc, nền dân chủ độc lập mới của Đông Timor (hay Timor Leste bằng tiếng Bồ Đào Nha là một trong hai ngôn ngữ quốc gia cùng với tiếng Tetun) sẽ có thể đối mặt và vượt qua những thử thách này. Một số lượng dự trữ khổng lồ dầu và khí trong lãnh hải của đất nước cũng cung cấp cho quốc gia trẻ này những nguồn tài nguyên thiết yếu cần để xây dựng và duy trì xã hội công dân và nền văn hóa

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. DÂN CHỦ CÓ TIỀN LÊN KHÔNG?

Quyền tham gia là trung tâm của quyền con người và là nền tảng của các nguyên tắc, tầm nhìn và các giá trị của Mạng An ninh con người. Chương trình nghị sự chính sách cụ thể được các nước thành viên làm theo, sự tiến bộ của an ninh con người phụ thuộc vào cả sự tham gia của người dân và dân chủ.

Dân chủ thường được hiểu là quyền lực của nhân dân. Tuy nhiên, khái niệm dân chủ phức tạp hơn là định nghĩa về nó. Đó là một hình thức của chính phủ, cũng là một ý tưởng nhấn mạnh tới việc tổ chức pháp lý, chính trị - xã hội của nhà nước, dân chủ có thể được xem như là một hệ tư tưởng, nó xuất hiện dưới hình thức của nhiều mô hình khác nhau cả trong thực tế và trong lý thuyết khoa học - nói chung dân chủ bao hàm cả những ý nghĩa khác nhau, không kể hết được.

Nhưng về bản chất, dân chủ liên quan chặt chẽ tới các nguyên tắc quyền con người và không thể thực hiện chức năng nếu không đảm bảo đầy đủ việc tôn trọng và bảo vệ phẩm giá con người. Ngoài quyền tham gia và quyền đại diện, dân chủ

dân chủ được thành lập dựa trên nguyên tắc bao hàm, có sự tham gia của người dân và phẩm giá con người.

(Nguồn: phỏng theo BBC World Service: <http://www.bbc.co.uk/worldservice/people/features/ihavearightto/index.shtml>)

Các câu hỏi thảo luận

- Công lý và hòa giải có phụ thuộc lẫn nhau không hay chúng loại trừ nhau?
- Bạn có biết các quốc gia khác đang đấu tranh dành dân chủ không? Các vấn đề họ đang gặp phải là gì?
- Các công dân tích cực có thể đóng góp vào quá trình dân chủ hóa ở đất nước họ như thế nào? Cố gắng đưa ra các gợi ý cụ thể.

còn có tính bao hàm, tức là quyền này có đầy đủ trong cuộc sống của công dân ở một cộng đồng, một khu vực hay một nhà nước. Cách thức để một cá nhân công dân có thể thực hiện đầy đủ quyền được tham gia là ở quyền được tự do làm theo ý mình. Đó là một quyền không thể bị từ chối. Cùng với tính bao hàm, khái niệm thuyết đa nguyên là trọng tâm của nền dân chủ. Thuyết đa nguyên có nghĩa là vượt qua “cái khác” và khẳng định rằng, mọi người với các kinh nghiệm hiện tại về con người khác nhau, có thể sống cùng nhau theo phẩm giá, pháp quyền, và ở đó tính đa dạng được xem như là một nguồn lực cho sức mạnh và tính kiên cường. Về cơ bản, không một người nào với một yêu cầu đúng đắn của công dân hay các hình thức của quá trình pháp lý lại có thể bị từ chối tính bao hàm và phẩm giá con người. Đây chính là thử thách của dân chủ.

Có một mối quan hệ rõ ràng giữa các cơ cấu không dân chủ và các vi phạm quyền con người. Nhưng những nền dân chủ chức năng có thể yếu đi nếu chúng phủ nhận quyền con người. Một vi phạm là có tính cụ thể nhưng sự phủ nhận quyền

con người - có thể thường là phủ nhận tính bao hàm và thuyết đa nguyên - là mang tính hệ thống và xã hội. Ví dụ, thậm chí một nền dân chủ tiến bộ như Canada, một quốc gia đi đầu về chỉ số Phát triển con người của Liên hiệp quốc thừa nhận rằng tính bao hàm của nền dân chủ nước này chưa đạt được vì liên quan đến người thổ dân. Ở nhiều nền dân chủ tiến bộ, tính bao hàm toàn diện của phụ nữ trong các vòng quyền lực và các khía cạnh thế lực tiếp tục bị từ chối. Ở Mỹ, tính bao hàm và thuyết đa nguyên là một cuộc đấu tranh không ngừng của các dân tộc thiểu số và các cộng đồng giới tính như những người đồng tính luyến ái và những người đồng tính nữ. Ngược lại, sự thất bại của tính bao hàm và những thiếu hụt trong thực tiễn của thuyết đa nguyên có thể tự chuốc lấy hậu quả. Người ta vẫn thấy

những vấn đề này xảy ra trên diện rộng và tình trạng bạo động dân sự bạo lực ở Pháp vào cuối năm 2005, bắt đầu trong cộng đồng dân tộc thiểu số và tình trạng căng thẳng kéo dài ở Đức với các vấn đề cư trú hợp pháp của tổ tiên người Thổ Nhĩ Kỳ.

Một cách hiểu đầy đủ hơn về nghĩa vụ của thuyết đa nguyên và tính bao hàm là cần thiết đối với sự lành mạnh của nền dân chủ. Đó là lý do tại sao cho đến nay, nền dân chủ là hệ thống không thể phủ nhận được và hầu như có lợi trong việc đảm bảo sự bảo vệ quyền con người và an ninh con người.

Dân chủ phụ thuộc vào mối quan tâm và sự tham gia tích cực của những người được hưởng lợi. Được thông báo và có cách tiếp cận với kiến thức là điều kiện quyết định đối với sự tham gia có ý nghĩa của người dân trong một hệ thống dân chủ.

TIẾN TRÌNH DÂN CHỦ TOÀN CẦU	PHÂN ĐOẠN TOÀN CẦU
Kể từ năm 1980, 81 quốc gia đã có những bước đi quan trọng hướng tới dân chủ, 33 chế độ quân đội được thay thế bằng chính quyền dân sự.	Trong số 81 nền dân chủ mới, chỉ có 47 là hoàn toàn dân chủ. Nhiều nền dân chủ khác dường như không chuyển sang dân chủ hay đã bị sụp đổ thành chủ nghĩa độc đoán hay mâu thuẫn.
140 trong số gần 200 quốc gia trên thế giới hiện đang tổ chức các cuộc tuyển cử đa đảng - nhiều hơn bất kỳ lúc nào trong lịch sử.	Chỉ có 82 quốc gia với 57% dân số thế giới là hoàn toàn dân chủ.
125 nước với 62% dân số thế giới được tự do báo chí hay tự do báo chí phần nào đó.	61 quốc gia với 38 % dân số thế giới vẫn không có tự do báo chí.
Số nước phê chuẩn sáu công ước cơ bản về quyền con người đã tăng lên một cách đáng kể kể từ năm 1990. Số quốc gia phê chuẩn ICESCR và ICCPR đã tăng từ 90 lên gần 150.	106 quốc gia vẫn hạn chế quyền tự do chính trị và dân sự quan trọng. 38 nước đã không phê chuẩn hay ký ICCPR, và 41 nước không phê chuẩn hay ký ICESCR.
Ở 10 nước, có hơn 30% nghị sĩ là phụ nữ	Trên toàn thế giới, chỉ 14% nghị sĩ là phụ nữ - và ở 10 quốc gia không có nghị sĩ nào là phụ nữ.
(Nguồn: UNDP 2002 . Báo cáo phát triển con người năm 2002.)	

Dân chủ thẳng thắn: (theo phần trăm của tất cả các chế độ chính quyền)		
	1990	2003
Chế độ chuyên chế	39%	18%
Ở cấp độ trung gian	22%	27%
Dân chủ	39%	55%
(Nguồn: UNDP 2005 . Báo cáo phát triển con người năm 2005)		

Chỉ những người có hiểu biết cơ bản về cách thức vận hành của hệ thống và có kiến thức về các cơ chế và các tổ chức trong một xã hội dân chủ thì mới có thể đóng góp và giúp ích cho xã hội. Truyền đạt thông điệp này là một trong các chức năng quan

trọng nhất của giáo dục dân chủ mà mục tiêu là để đào tạo nên những công dân có trách nhiệm.

Chuyên đề này nhằm phác họa một bức tranh về nền dân chủ và quyền con người, để thấy rõ là dân chủ không phải là một thứ gì đó mà đạt được một lần và

dành cho tất cả mọi người mà lại là một quá trình đòi hỏi việc hoạt động và cam kết lâu dài.

Dân chủ và an ninh con người

Chương trình nghị sự an ninh con người tập trung vào việc giành tự do không bị đe dọa xâm lăng tới cuộc sống hay mưu sinh của con người, đó là chính trị, xã hội hay kinh tế. Khái niệm tôn trọng quyền con người và tự do dân chủ cũng như trao quyền cho việc phát triển con người là điều không thể thiếu trong việc bảo vệ và tăng cường an ninh con người. Quá trình thúc đẩy quyền con người, phát triển con người và an ninh con người - ba khái niệm có liên quan mật thiết với nhau như là tầm nhìn cơ bản của một trật tự thế giới mới - có thể bắt nguồn từ những xã hội trong đó các giá trị dân chủ không chỉ được truyền bá mà còn được thực hiện.

Chỉ trong một nền dân chủ thì việc tôn trọng quyền con người thể hiện ở tự do thoát khỏi sợ hãi và các mối đe dọa đối với sự tồn tại cơ bản của một người; phát triển con người đặt ra yêu cầu về nguồn lực và tự do mà một người cần để phát triển tối đa tiềm năng của mình; an ninh con người đề cập đến tự do thoát khỏi nạn đói, chiến tranh, thảm họa sinh thái, sự sụp đổ của chính quyền và những trở ngại khác đối với một cuộc sống công bằng và đoàn kết với cơ hội công bằng cho tất cả mọi người.

Tóm lại, chỉ có sự tham gia công bằng, tự do và dân chủ vào đời sống chính trị, xã hội và kinh tế của một nhà nước hay một cộng đồng mới có thể tăng cường an ninh con người. Chỉ có đảm bảo đầy đủ các quyền con người, quản lý nhà nước có sự tham gia của người dân, pháp quyền, phát triển bền vững và tiếp cận công bằng đến các nguồn lực thì mới có thể đảm bảo để an ninh con người có thể chuyển từ một mô thức ngoại giao mới sang quá trình ra quyết định dân chủ và hợp tác quốc tế rộng rãi hơn...

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ

Dân chủ là gì và dân chủ đã phát triển như thế nào?



Dân chủ là hình thức cai trị trong đó chính quyền nhà nước xuất phát từ nhân dân. Thuật ngữ “dân chủ” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp cổ demos – có nghĩa là nhân dân - và kratos - có nghĩa là quyền lực. Các nguyên tắc dân chủ hiện đại dần được phát triển từ các phong trào tôn giáo của người theo thuyết Can-vin trong suốt thế kỷ XVII, đặc biệt là ở Scotland, nước Anh và Hà Lan những nơi mà cộng đồng bắt đầu hỗ trợ và chia sẻ không chỉ các ý tưởng tôn giáo mà còn các ý tưởng chính trị. Triết lý về tự do và công bằng cho tất cả mọi người đã xuất hiện và được tăng cường hơn nữa trong suốt thời kỳ Khai sáng để về sau trở thành những giá trị cốt lõi của dân chủ.

Nhà nước dân chủ hiện đại đầu tiên được thành lập ở Mỹ, còn nước Pháp là nước châu Âu đầu tiên được thành lập dựa trên các nguyên tắc dân chủ sau Cách mạng Pháp. Sau năm 1945, dân chủ tự do mở rộng cả ở châu Âu và trên khắp thế giới, thường là sự thay thế cho chính quyền tập trung. Sau khi đánh bại chính phủ phát xít, dường như dân chủ đã vượt qua khủng hoảng trong thế kỷ XX. Quá trình chống lại chế độ thuộc địa khó khăn và lâu dài trong đó quyền tự quyết định được các nước phương Tây thừa nhận, cuối cùng cũng mang dân chủ đến hầu hết các thuộc địa cũ. Chế độ độc tài ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Ac-ghen-ti-na và U-ru-guay tất cả đã trở thành các nước dân chủ trong vài thập kỷ trước. Với sự sụp đổ của Bức tường Berlin vào năm 1989 và sự sụp đổ của chế độ cộng sản ở Trung và Đông Âu thì dường như dân chủ đã thành công. Tuy nhiên, không phải tất cả những nước này, về mặt lý thuyết tán thành dân chủ như là một hình thức của chính phủ, hoàn toàn tôn trọng các nguyên tắc dân chủ hay dân chủ trong thực tiễn. Sự phát triển khá là nghịch lý

này chứng tỏ rằng, việc tổ chức một cuộc tranh luận quan trọng về dân chủ và dân chủ hóa vẫn rất cần thiết.

“Khái niệm về nền dân chủ của tôi là dưới chế độ dân chủ, kẻ yếu nhất nên có cơ hội giống như là kẻ mạnh nhất.”

Mahatma Gandhi. 1948.

Các yếu tố chính của nền dân chủ hiện đại



Thật khó để đo được mức độ dân chủ một xã hội. Tuy nhiên, có một số yếu tố chính tạo thành nền tảng của mọi xã hội dân chủ.

- **Bình đẳng:** Nguyên tắc bình đẳng có nghĩa là tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng, được hưởng các cơ hội bình đẳng và tham gia vào đời sống chính trị của cộng đồng cũng như là được quyền được đối xử công bằng trước pháp luật. Điều này bao gồm cả bình đẳng về xã hội và kinh tế giữa nam và nữ.

 **Quyền con người của phụ nữ.**

- **Quyền tham gia:** Dân chủ sẽ vô nghĩa nếu như không có quyền tham gia. Quyền tham gia vào cộng đồng và các hoạt động chính trị là một điều kiện tiên quyết trong việc xây dựng một hệ thống dân chủ. Tuy nhiên, dân chủ đòi hỏi phải có sự tham gia, tuy nhiên đây là một khái niệm rộng hơn và không chỉ có ý nghĩa chính trị mà còn có ý nghĩa kinh tế và xã hội. Tuy vậy, chỉ mỗi quyền tham gia thôi cũng không thể đảm bảo cho dân chủ.
- **Quy tắc đa số và các quyền thiểu số:** Mặc dù dân chủ trên định nghĩa là sự thống trị của nhân dân, nhưng trong thực tế, là sự thống trị của đa số. Điều này có nghĩa là đa số có nghĩa vụ với các quyền và nhu cầu khác nhau của các nhóm người thiểu số. Mức độ thực hiện nghĩa vụ này là một chỉ số cho việc tăng cường hơn nữa các giá trị dân chủ trong một xã hội.

 **Không phân biệt đối xử.**

- **Pháp quyền và xét xử công bằng:** Dân chủ có nghĩa là ngăn ngừa một cá nhân riêng lẻ hay một nhóm người nhỏ không được thống trị những người khác theo hình thức chuyên quyền. Pháp quyền đảm bảo rằng một nhà nước có trật tự pháp lý tự trị để đảm bảo bình đẳng trước pháp luật, hạn chế quyền lực của cơ quan công quyền và đưa ra cách tiếp cận công bằng đối với nền tư pháp độc lập và công bằng.

 **Pháp quyền và xét xử công bằng.**

- **Cam kết về quyền con người:** Chấp nhận rằng “tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng và tự do về nhân phẩm và các quyền” là nền tảng của một cộng đồng dân chủ hoạt động đúng chức năng. Một nhà nước dân chủ có nghĩa vụ phải bảo đảm việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện tất cả các quyền của con người để đảm bảo rằng công dân của nhà nước đó có thể sống “tự do không phải sợ hãi và tự do làm điều mình muốn.” Cùng với việc tôn trọng dân chủ, cần tập trung đặc biệt vào những quyền chủ yếu dành cho sự tham gia của người dân như là tự do hội họp, tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tôn giáo và tín ngưỡng. Tuy nhiên, chỉ có các quyền dân sự và chính trị không thể đảm bảo được hòa bình và an ninh con người. Chỉ khi các nhu cầu về văn hóa, xã hội và kinh tế cơ bản cũng được tính đến, thì một môi trường thuận lợi cho dân chủ có thể được thúc đẩy.
- **Thuyết đa nguyên chính trị:** Thông thường, nhiệm vụ của các đảng chính trị là củng cố tính đa dạng của các ý tưởng và quan điểm và trình bày chúng trong cuộc tranh luận công khai. Chỉ có thuyết đa nguyên chính trị mới có thể bảo đảm được các kết cấu linh hoạt đủ để thích nghi với sự thay đổi các nhu cầu nhưng vẫn duy trì một nền tảng vững chắc cho việc quản lý dân chủ. Tuy nhiên, tự do chính trị cũng có thể bị sử dụng sai để tuyên truyền tư tưởng hận thù, kích động bạo lực và do vậy sẽ gây nên mối đe dọa tới xã hội và trật tự dân

chủ. Thách thức là phải kiểm soát được các xu hướng như vậy một cách dân chủ mà không vi phạm tới tự do biểu đạt đồng thời bảo vệ được lợi ích của toàn xã hội. Ở một mức nào đó, dân chủ cũng cần phải tự bảo vệ.

Tự do biểu đạt.

- *Tuyển cử công bằng và tự do:* Tuyển cử là tính chất duy nhất và cơ bản nhất của một nền dân chủ. Không có loại chế độ khác lại trao quyết định về việc lãnh đạo chính trị cho những người bị ảnh hưởng trước tiên của hệ thống chính quyền - đó là nhân dân. Trong mọi cuộc tuyển cử, người dân có thể trình bày ước muốn thay đổi cũng như sự bằng lòng của họ với các chính sách hiện tại và tham gia thường xuyên vào quá trình đánh giá. Tuy nhiên, lịch sử cho thấy không thể tự thấy được ai có khả năng tham gia và ai không có khả năng. Ví dụ, phụ nữ đã bị loại khỏi quá trình này trong một thời gian rất dài. Ở Appenzell Innerrhoden, một phần của Thụy Sĩ, một miền đất nổi tiếng về các kết cấu dân chủ phát triển cao, phụ nữ mới chỉ giành được quyền bầu cử vào đầu những năm 1990. Cần phải đảm bảo rằng quyền bầu cử có tính toàn cầu, tự do, công bằng, bí mật và trực tiếp.
- *Phân chia quyền lực:* Phân chia quyền lực, một khái niệm được John Locke đưa ra (“Hai điều ước về Chính phủ” năm 1690) và được Charles de Montesquieu tiếp tục phát triển (“De l’esprit des lois” - “Linh hồn của pháp luật” năm 1748) trong đấu tranh chống lại nhà nước chuyên chế, là một nguyên tắc cơ bản của các nền dân chủ hiện đại. Theo nguyên tắc này, quyền lực nhà nước được chia thành các cơ quan hành pháp, lập pháp, và tư pháp đóng vai trò độc lập với nhau nhưng chịu trách nhiệm lẫn nhau và với nhân dân. Hệ thống kiểm tra và

cân bằng này cung cấp các cơ chế kiểm soát đầy đủ và nhờ đó ngăn chặn việc lạm dụng quyền lực nhà nước.

Các lý thuyết về dân chủ

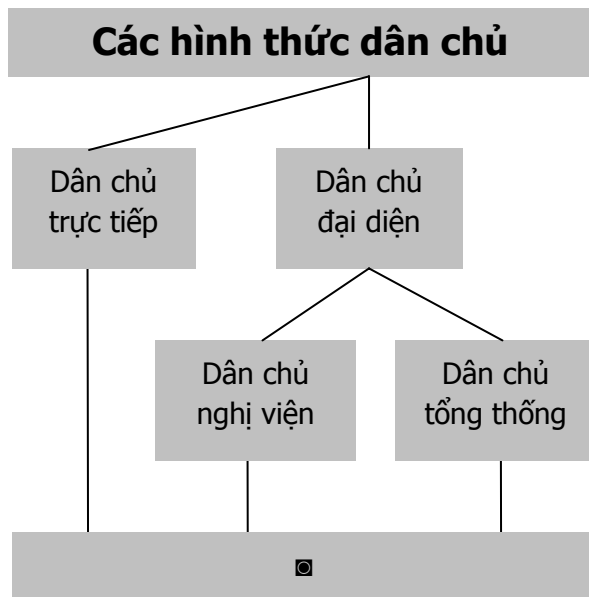
Thực tế dân chủ quá phức tạp đã sản sinh ra một loạt các lý thuyết và mô hình.

Sự khác biệt giữa các nhóm lý thuyết sẽ được đề cập do vai trò truyền thống của nó và mặc dù nó đã trở nên quá đơn giản trong các cuộc thảo luận hiện nay: đó là sự khác biệt giữa lý thuyết đồng nhất và cạnh tranh dân chủ. Nói ngắn gọn, khi coi dân chủ là cạnh tranh cho phép các quan điểm hợp pháp khác nhau cùng cạnh tranh (sự cạnh tranh các quan điểm thường đi cùng với các quy tắc đa số). Dân chủ đồng nhất xem xét sự đồng nhất giữa người cai trị và các quy tắc, phủ nhận sự tồn tại của những khác biệt hợp pháp khác cố gắng tìm kiếm cái mà Jean-Jacques Rousseau gọi là “volonté générale”, để sau đó được cho vào pháp luật.

Các hình thức dân chủ

Ngày nay, các nền dân chủ khác nhiều so với trong thiết kế và kết cấu của chúng. Sự khác biệt thông thường liên quan tới các nền dân chủ tự do giữa các mô hình *dân chủ trực tiếp* và *dân chủ đại diện*.

Dân chủ trực tiếp là một hình thức của chính phủ, trong đó quyền được đưa ra các quyết định chính trị được thực hiện một cách trực tiếp dưới các thủ tục của quy tắc đa số. Hình thức này chỉ khả thi đối với các thực thể nhỏ. Do đó, không có hệ thống dân chủ hiện đại nào là nền dân chủ hoàn toàn trực tiếp, mặc dù hầu hết trong đó đều có các yếu tố dân chủ trực tiếp. Các cơ quan dân chủ trực tiếp là các tổ chức quốc hội, các sáng kiến lập pháp phổ biến, các cuộc triệu tập, các cuộc trưng cầu dân ý, v.v...



(Nguồn: *Tổ chức dịch vụ giáo dục UNESCO quốc tế về giáo dục công dân, hòa bình và quyền con người*: <http://www.dadalos.org/>)

Hình thức cơ bản thứ hai là nền dân chủ đại diện. Đây là một hình thức của chính phủ trong đó người dân thực hiện quyền giống nhau nhưng không phải là theo từng cá nhân mà thông qua các đại diện do họ chọn ra và chịu trách nhiệm với họ. Hai yếu tố cần thiết của nền dân chủ đại diện là sự tách rời những người thống trị và quy tắc thống trị và các lần tuyển cử định kỳ là phương tiện để kiểm soát những nhà thống trị bằng luật lệ.

Dân chủ đại diện có liên quan đến hai hệ thống chính quyền cơ bản: dân chủ nghị viện và dân chủ tổng thống.

- *Dân chủ nghị viện*: Dưới hình thức chính quyền này, nghị viện có vai trò trung tâm, thủ tướng hay người lãnh đạo nội các đứng đầu cơ quan hành pháp và phụ thuộc vào sự tin cậy của nghị viện; người đứng đầu nhà nước thường có ít hay không có quyền lực hành pháp mà chỉ đóng vai trò đại diện.
- *Dân chủ tổng thống*: Hành pháp là người đứng đầu nhà nước, người trực tiếp được dân bầu ra và không phụ thuộc vào sự tin cậy của nghị viện.

Khi hai mô hình này trái ngược nhau, những sự khác biệt sau sẽ nảy sinh:

- Trong một hệ thống tổng thống, các cuộc tuyển cử riêng biệt được tổ chức cho chính phủ và hội đồng nghị viện, trong khi ở các nền dân chủ nghị viện thì một cuộc tuyển cử quyết định cả hai (mặc dù người đứng đầu nhà nước có thể được bầu riêng).
- Trong các hệ thống nghị viện, Chính phủ do nghị viện ủy quyền và nghị viện có thể triệu hồi. Khả năng này không được chấp nhận đối với các nghị viện trong các hệ thống tổng thống nhưng hệ thống tổng thống thường đưa ra các thủ tục buộc tội.
- Mặt khác, người đứng đầu nhà nước trong hệ thống nghị viện trong điều kiện nào đấy có thể giải tán quốc hội.
- Ở nhiều hệ thống nghị viện thì tư cách thành viên nghị viện là một điều kiện để có tư cách thành viên trong chính phủ, trong khi đó điều này lại không phù hợp trong hầu hết các hệ thống tổng thống.
- Nghị viện và chính phủ thường có liên kết chặt chẽ hơn trong các nền dân chủ nghị viện, trong khi đó ở các hệ thống tổng thống lại có sự phân chia quyền lực rõ ràng hơn. Tuy vậy, trong các hệ thống nghị viện, quyền lực hành pháp tự nó thường được phân chia một mặt giữa người đứng đầu nhà nước và mặt khác là thủ tướng chính phủ.
- Sáng kiến lập pháp trong dân chủ nghị viện hiểu theo nghĩa rộng là trách nhiệm của chính phủ.
- Các đảng, đặc biệt là các đảng đối lập đóng một vai trò mạnh hơn nhiều trong nền dân chủ đại diện.

Các hình thức dân chủ trong thực tế

Hầu hết các nền dân chủ đang tồn tại là sự kết hợp của những loại hình lý tưởng và có các yếu tố, đặc điểm của tất cả các hình thức dân chủ. Ngày nay, hình thức phổ biến nhất trong đa số các mô hình hỗn hợp là dân chủ nghị viện, với vai trò nổi bật của người đứng đầu nhà nước.

Ví dụ: Dân chủ Nghị viện là mô hình tồn tại dưới các hệ thống của Vương quốc Anh và hầu hết các nước Tây Âu; mặt khác, Hoa Kỳ là ví dụ nổi tiếng về dân chủ tổng thống. Tuy nhiên, thậm chí ở Tây Âu, các ví dụ về các mô hình riêng biệt cũng khá nhiều: gồm Thụy Sĩ, Pháp (dân chủ nửa tổng thống) và Bồ Đào Nha. Đặc điểm khác biệt này cũng có thể được áp dụng cho tất cả các nền dân chủ khác trên khắp thế giới, mặc dù chúng không nhất thiết sử dụng hết được những truyền thống giống nhau có nguồn gốc từ chủ nghĩa tự do.

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRANH CÃI



Dân chủ dưới nhiều hình thức, có nhiều hình thức thể hiện và được hiểu khác nhau giữa các nền văn hóa. Trong khi một số nền dân chủ tập trung vào việc phân chia quyền lực và thống trị bằng pháp luật, thì những nền dân chủ khác lại chủ yếu được xây dựng trên cơ sở khái niệm sự tham gia của người dân. Những khác biệt chủ yếu xuất phát từ sự ảnh hưởng khác nhau của các yếu tố chính cấu thành nền dân chủ.

Phần lớn sự phê bình trong bối cảnh này tập trung vào “đường lối ôn hòa của châu Âu” có liên quan nhiều tới tư tưởng chính trị, lý thuyết và thực tiễn về dân chủ. Tuy nhiên, bản thân thực tiễn dân chủ là tính đa nguyên. Có nhiều hình thức dân chủ tồn tại mà không phải chỉ tập trung ở châu Âu. Ví dụ, một nước cực nghèo và quá đông đúc như Bangladesh tham gia vào dân chủ công khai khi phải đương đầu với những cám dỗ hấp dẫn để lựa chọn các hình thức độc tài hơn; tuy nhiên nền dân chủ của nước này lại mang tính kết cấu và bản địa hơn là một sự áp đặt bên ngoài.

Không có gì cái gọi là một “nền dân chủ hoàn hảo”, cả ở Đông hay Tây bán cầu. Một số yếu tố hình thành nên dân chủ có thể được toàn

thể mọi người trên thế giới thừa nhận các nền văn hoá khác nhau lại nhận thức khác nhau về tầm quan trọng và việc thực hiện chúng. Nhận thức của người phương Tây về dân chủ nói chung dựa trên quan niệm cá nhân những người có được tự do và tiếng nói tối đa trong một xã hội dân chủ. Việc nhấn mạnh quá mức các quyền dân sự và chính trị của mô hình này là một vấn đề đối với một vài nước khác.

Cuộc tranh luận về “các giá trị châu Á”

Trung Quốc là nước đề xướng mô hình xã hội gia trưởng và cổ đại dựa trên các khái niệm các quyền tập thể và phúc lợi xã hội, vốn rất khác so với khái niệm về các quyền cá nhân của dân chủ phương Tây. Các khái niệm này dựa trên quan điểm về các khái niệm truyền thống và hướng tới cộng đồng của sự lãnh đạo gia trưởng hơn là về ý tưởng tự do cá nhân tối đa. Thực vậy, hầu hết các nền dân chủ đều tồn tại ở đâu đó giữa những mức độ tự do cá nhân mở rộng tối đa này và một xã hội có trật tự tốt. Ví dụ, Canada có “chính phủ tốt, hòa bình và trật tự” như chủ đề hiến pháp của nước này trong khi nước Mỹ được thành lập trên nguyên tắc “sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc”.

Các mô hình châu Á không nhất thiết phải mâu thuẫn với quyền tham gia của người dân và dân chủ. Các mô hình ở Đông Á như các mô hình áp dụng ở Singapore, Malaysia và trong một phạm vi nhỏ hơn một chút ở Nam Triều Tiên và Nhật Bản, xuất phát từ tư tưởng Khổng giáo và đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực của người dân theo một nguyên tắc đạo đức và lý trí hành động vì điều tốt đẹp. Cuốn “Đại học” của Khổng tử thừa nhận rằng một cá nhân hài hòa sẽ dẫn tới một gia đình hài hòa, một gia đình hài hòa sẽ dẫn tới một cộng đồng hài hòa, một cộng đồng hài hòa sẽ sinh ra một chính sách có trật tự tốt, chính sách có trật tự tốt lại sinh ra một quốc gia hài hòa. Cái gọi là sự bất đồng trong các giá trị và các khái niệm về dân chủ giữa “châu Á” và “Tây phương” xuất phát từ cách hiểu sai về dân chủ và quyền

tham gia của người dân. Thay vì phê bình chính sự dân chủ, nhà lãnh đạo và nhà triết học người Singapore Lý Quang Diệu và bài phê bình của những người khác có định hướng chống lại trật tự văn hóa và xã hội của Mỹ và một vài nước phương Tây khác.

Thử thách của dân chủ trong thế giới Hồi giáo

Việc xác định mối quan hệ giữa Đạo Hồi và xã hội dân chủ là vấn đề khó khăn đối với cả những tín đồ Hồi giáo và cả những người không theo Đạo Hồi. Dựa trên những tranh luận về hiểu biết về Đạo Hồi của quyền lực tối cao của chúa trời, các quan sát viên phương Tây quả quyết rằng Đạo Hồi và nền dân chủ không tương thích với nhau. Chúa trời là người có quyền lực chính trị duy nhất và tất cả các điều lệ cai quản cộng đồng tín đồ đều có nguồn gốc từ điều luật thiêng liêng của chúa trời. Nhận thức này là quá đơn giản bởi vì sự phân quyền không phù hợp với Đạo Hồi. Đạo Hồi và nền dân chủ đã được chứng minh là thực sự phù hợp với nhau, trong khi đó một vài quốc gia phương Tây cũng tỏ lòng tôn kính chính trị thần quyền. Mặc dù có sự phân cách giữa nhà thờ và nhà nước, Hoa Kỳ vẫn tuyên bố rằng Hoa Kỳ là một quốc gia do chúa tạo ra, là một phần kiệt tác của chúa trời. Tương tự như vậy, trong lời mở đầu của Hiến chương về quyền và tự do của người Canada - văn bản bảo hộ về quyền con người trong Hiến chương Canada - quy định: *“Trong khi đất nước Canada được thành lập dựa trên nguyên tắc quyền tối cao của chúa trời và pháp quyền...”*

Các quốc gia Hồi giáo có sự phân chia sâu sắc về nhận thức các cách tiếp cận hướng đến xã hội dân chủ. Phủ nhận dân chủ là điều phổ biến nhất ở các nước Trung Đông. Trong khi các nhà lãnh đạo phong trào Hồi giáo và nhiều học giả cho rằng Đạo Hồi và nền dân chủ tương thích với nhau, và họ cho rằng việc xây dựng các quy định thiêng liêng này tốt hơn là cách thức xã hội loài người truyền bá điều ngược lại. Quan điểm phản đối dân chủ cho rằng khái niệm chủ quyền nhân dân phủ nhận tín ngưỡng cơ bản của Đạo Hồi, đó

là chủ quyền tối cao của chúa trời. Họ tin rằng khung lập pháp cơ bản là do Thánh Allah ban hành và không thể sửa đổi, chỉ đại diện của ngài mới có quyền thực thi luật của ngài. Cách tiếp cận truyền thống và thủ cựu này mâu thuẫn với các giá trị dân chủ cơ bản như sự cởi mở, thuyết đa nguyên, và sự phân quyền.

Tuy nhiên, mặc dù sự phân quyền là rõ ràng nhưng vẫn có những điển hình tốt đẹp về nền dân chủ trong thế giới Hồi giáo. Indonesia, đất nước có số lượng tín đồ Hồi giáo lớn nhất thế giới, là một xã hội dân chủ trẻ, đầy sức sống và nghị lực được thành lập theo cam kết về tính bao hàm (inclusion) và tính đa nguyên (pluralism). Ấn Độ, đất nước Hồi giáo đông dân thứ hai thế giới xây dựng xã hội dân chủ từ năm 1947. Bangladesh, đất nước có số người Hồi giáo lớn thứ tư thế giới là một nước dân chủ. Thực vậy, ba trong số bốn quốc gia Hồi giáo đông dân nhất thế giới là các nước dân chủ và đất nước Hồi giáo đông thứ ba thế giới, Pakistan, đã thiết lập kế hoạch quay trở về nền dân chủ. Cuối năm 2005, Nghị viện dân chủ đã được thành lập sau cuộc bầu cử ở Afghanistan, mà trước đây thuộc sự giám sát của Taliban bảo thủ và truyền thống với phương châm “quyền tối cao thuộc chúa trời” của người Hồi giáo.

Châu Phi là một ví dụ tiếp theo trong số các quốc gia có số đông dân số là người Hồi giáo áp dụng nhiều hình thức quản lý dân chủ khác nhau. Thực vậy, tại thời điểm viết bài này vào cuối năm 2005, hầu hết người Hồi giáo trên thế giới đều được sống tại các xã hội dân chủ hoặc các xã hội đang trong quá trình quá độ lên xã hội dân chủ. Chỉ tính riêng ở Nam Á và Đông Nam Á đã có hơn 500 triệu tín đồ Hồi giáo sống trong xã hội dân chủ tại Ấn Độ, Bangladesh, Afghanistan, Indonesia, Malaysia và Maldives. Đặc biệt ở Trung Đông, nơi có số lượng người theo Đạo Hồi ít hơn nhiều so với các nước châu Á còn lại thì người ta lại nhận thấy sự thiếu vắng của xã hội dân chủ.

Một trong những viễn cảnh của sự dân chủ là hội nghị Shura, khái niệm Đạo Hồi trong việc quản lý công việc chung. Hội nghị yêu cầu rằng trong các công việc chung có ảnh hưởng tới đời sống

của cả tập thể, do đó mọi người nên có đầy đủ quyền tự do ngôn luận. Tuy nhiên, Hội nghị Shura bị hạn chế bởi luật lệ của Thánh Allah, dẫn đến sự tham gia của Đạo Hồi khác với nền dân chủ theo quan niệm phương Tây.

 *Tự do tôn giáo.*

Câu hỏi thảo luận

- Tại sao một số yếu tố của xã hội dân chủ quan trọng hơn các yếu tố khác trong các nền văn hoá khác nhau?
- Liệu có thể chấp nhận các quan niệm khác nhau về xã hội dân chủ trong các nền văn hoá khác nhau?
- Nếu các cách giải thích khác nhau về xã hội dân chủ là hiển nhiên và chấp nhận được, đâu là các hạn chế, nghĩa là các yếu tố then chốt nào phải được giữ lại trong bất kỳ trường hợp nào để một quốc gia được coi là “xã hội dân chủ”?
- Vai trò của phương tiện thông tin đại chúng trong việc tạo ra quan niệm xã hội dân chủ trong các nền văn hoá khác nhau là gì?

Một vài điểm cần suy nghĩ thêm

- Mọi quan hệ giữa đa số và thiểu số, đặc biệt việc bảo vệ nhóm thiểu số về mặt chính trị là một vấn đề quan trọng. Việc tổ chức các cuộc bầu cử tự do và công bằng trên cơ sở bầu cử đa số nghĩa là nhóm thiểu số thường bị gạt ra khỏi quá trình ra quyết định chính trị. Nhìn chung, nhóm thiểu số phải tuân theo quyết định của đa số. Do đó, nhóm thiểu số đòi hỏi sự bảo vệ đặc biệt để đảm bảo quyền lợi và sự công bằng trong việc đánh giá ý chí chính trị của họ.
- Xã hội dân sự đã trở thành một trong những chủ đề quan trọng trong các cuộc tranh luận và thực tiễn xã hội dân chủ. Xã hội dân chủ cần những con người tự do, năng động và có trách nhiệm. Bertolt Brecht đã từng mỉa mai rằng nếu chính phủ quá bất mãn với người dân thì nên giải tán dân chúng và bầu ra một

cơ quan mới. Chỉ những công dân tự do và tích cực mới có thể thách thức chính phủ của họ và xây dựng chính phủ chịu trách nhiệm về các cam kết trước bầu cử.

- Các phương tiện truyền thông đại chúng tự do và độc lập đóng vai trò quan trọng trong mọi xã hội dân chủ. Ngày nay, việc kiểm soát các phương tiện thông tin đồng nghĩa với việc kiểm soát quá trình ra quyết định trong xã hội dân chủ. Các phương tiện truyền thông đại chúng đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày trong xã hội dân chủ. Các phương tiện này có thể là báo chí, ti vi, đài, hoặc ngành công nghiệp giải trí và tất nhiên là cả Internet. Các cá nhân, xã hội và cả nước phải có khả năng giao tiếp với nhau. Để quá trình ra quyết định của khu cử tri trở nên dễ dàng hơn, toàn bộ cử tri phải được thông báo về mục đích và mục tiêu của những người được bầu. Do đó, tự do ngôn luận là quyền con người cơ bản và nhạy cảm cần thiết cho việc thực hiện chức năng của một xã hội dân chủ chức năng.

 *Tự do ngôn luận và tự do thông tin.*

- Mọi quan hệ không thể tách rời giữa xã hội dân chủ và quyền con người. Đó là mối quan hệ chuyển từ sự tác động lẫn nhau đến đồng nhất. Theo đó, tất cả các quyền con người đóng vai trò quan trọng trong một xã hội dân chủ. Hệ thống pháp luật của một số quốc gia có sự phân biệt giữa quyền công dân và quyền con người, nghĩa là một vài quyền, đặc biệt là quyền chính trị nào đó chỉ đảm bảo giữa quyền lợi cho công dân và các quyền khác đảm bảo quyền lợi cho toàn bộ loài người.

Quyền con người chỉ có thể được đảm bảo thông qua một xã hội dân chủ chức năng, nhưng một mình xã hội dân chủ không thể đảm bảo vấn đề quyền con người và an ninh con người. Do đó, việc nhận thức vấn đề quyền con người là chỉ số đánh giá khả năng tồn tại của một xã hội dân chủ.

4. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Từ trước đến nay, chưa bao giờ tồn tại xã hội dân chủ hoàn hảo. Về một khía cạnh nào đó, các xã hội dân chủ hiện đại hoà nhập vào nhau, tất cả các yếu tố then chốt của xã hội dân chủ trong đời sống cộng đồng là thước đo về sự bình đẳng, không phân biệt đối xử và công bằng xã hội. Dân chủ là một quá trình tương tác, hoàn thiện và điều chỉnh liên tục giữa các nhu cầu cơ bản của xã hội và kết cấu xã hội sẵn có để phục vụ cho các nhu cầu đó.

Ở cấp độ khu vực, đã có nhiều cơ chế bảo vệ nguyên tắc dân chủ. Điển hình là Công ước châu Âu về quyền con người đã thành lập Tòa án thường trực châu Âu về quyền con người với cơ hội gửi đơn kiện chống lại các quốc gia thành viên vi phạm điều ước. Vì dân chủ là hình thức chính phủ duy nhất được xem xét trong Công ước nên nó cũng là hình thức duy nhất phù hợp với Công ước. Vào năm 1967, Đan Mạch, Na Uy và Thụy Điển đã quyết định nộp đơn kiện Hy Lạp sau khi chế độ quân đội hà khắc giành quyền kiểm soát đất nước này. Sau đó, Chính phủ Hy Lạp tuyên bố bãi bỏ điều ước này nhưng phiên tòa vẫn được tiếp tục và đã kết thúc bằng việc Hy Lạp phải rời khỏi Hội đồng châu Âu để tránh bị phế truất. Với sự tái thiết lập của một chính phủ dân chủ vào năm 1974, Hy Lạp đã gia nhập lại điều ước và phải trả bồi thường cho các nạn nhân của chế độ quân đội.

Rõ ràng là không phải tất cả các cơ chế đều có hiệu quả như các cơ chế do Hội đồng châu Âu thiết lập, nhưng cũng có một số tổ chức khác đang đấu tranh để bảo vệ dân chủ. Vào năm 1990, OSCE đã thành lập Văn phòng dành cho các cơ quan dân chủ và quyền con người (ODIHR) ở Vác-sa-va, với nhiệm vụ là giúp đỡ các quốc gia thành viên của OSCE xây dựng, tăng cường và bảo vệ các cơ quan dân chủ. Văn phòng có trách nhiệm quan sát các cuộc tuyển cử quốc gia, do đó, bảo đảm việc tôn trọng các nguyên tắc dân chủ của các quốc gia thành viên OSCE.

Ở cấp độ quốc tế, Liên minh nghị viện quốc tế đóng một vai trò quan trọng. Liên minh này bao

gồm nghị viện của các quốc gia có chủ quyền và với mong muốn thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các dân tộc để tăng cường dân chủ trên toàn thế giới. Liên minh được thành lập vào đầu năm 1889 và cho đến nay vẫn là tổ chức thúc đẩy mạng lưới của các nghị viện quốc gia và tăng cường dân chủ.

Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc đưa ra một số chỉ số khách quan để đánh giá sự tiến bộ của dân chủ trong Báo cáo phát triển con người năm 2002. Những chỉ số này gồm:

- Ngày tuyển cử gần đây nhất;
- Số cử tri;
- Năm phụ nữ được quyền bầu cử;
- Các ghế trong nghị viện do phụ nữ nắm giữ;
- Số hội viên của Công đoàn;
- Các tổ chức phi chính phủ;
- Sự phê chuẩn của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị;
- Sự phê chuẩn công ước của ILO về quyền tự do lập hội thương lượng tập thể.

Ngoài ra, một số chỉ số chủ quan như tự do dân sự và các quyền chính trị, tự do báo chí và trách nhiệm giải trình, ổn định chính trị và không có bạo lực, pháp quyền và chỉ số nhận thức về tham nhũng là những biện pháp hữu ích để đánh giá sự quản trị dân chủ. Tất cả các chỉ số này phản ánh mức độ, trong đó các yếu tố then chốt hình thành nên sự tương tác và phát triển dân chủ theo thời gian. Chúng đưa ra một cơ sở để so sánh chế độ dân chủ với các chế độ khác và đánh giá tiến trình hướng tới dân chủ, cũng như biện pháp đánh giá định tính và định lượng mức độ cải thiện đã đạt được hay các mối đe dọa mà một đất nước đang phải đương đầu.

Trong tất cả các nền dân chủ tiến bộ nhất, phổ thông đầu phiếu ở cấp độ quốc gia và địa phương là cơ chế giám sát mạnh nhất ở cùng với phương tiện truyền thông đại chúng độc lập và sự cảnh báo của xã hội dân sự. Sự thay đổi của các chương trình nghị sự chính phủ và các kết cấu nắm giữ quyền lực có thể là kết quả của lá phiếu

phổ thông như vậy nhằm kiểm soát một cách độc lập mức độ thực hiện các cam kết do các đại diện được bầu một cách dân chủ đảm nhận.

Không phải tất cả các tiêu chuẩn dân chủ nói ở trên đều được toàn thể nhân dân trên thế giới đồng tình. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn được nhất trí rộng rãi có thể đạt được là các tiêu chuẩn về quyền con người. Do vậy, bảo đảm quyền con người đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm dân chủ. Do đó, những nhà bảo hộ quyền con người thực sự là những nhà bảo lãnh dân chủ.

Việc thực hiện dân chủ trên khắp thế giới phụ thuộc vào mỗi cá nhân và tất cả mọi người cũng như các thể chế nhà nước và quốc tế nhằm thổi sức sống vào dân chủ và giúp dân chủ chống lại

được với sự phát triển của chế độ độc tài. Để tận dụng được quyền bầu cử của mỗi người, quyền bày tỏ quan điểm và quyền tham gia vào đời sống chính trị và đưa ra quyết định đóng vai trò vô cùng quan trọng. Nói chung, việc tham gia vào một xã hội dân sự tích cực có ích cho dân chủ. Giáo dục đóng vai trò chính trong quá trình này vì giáo dục mang lại kiến thức để giúp cho việc tham gia của người dân một cách hiệu quả và có thể thực hiện được ngay từ đầu. Dựa trên các thành tố từ cơ sở của quá trình xây dựng dân chủ mà đặt ra yêu cầu phải chú ý và tiếp tục phát triển hơn nữa nền dân chủ thịnh vượng và mang lại thành quả cho tất cả mọi người một cách công bằng và bình đẳng.

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT



Trên đường hướng tới dân chủ

Vào tháng 02 năm 1990, trong một bài diễn thuyết lịch sử, Fredrik Willem de Klerk đã nói về việc kết thúc chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi và về một đất nước Nam Phi dân chủ. Chính sách của ông đã được xác định trong một cuộc trưng cầu dân ý, trong đó 70% dân số da trắng đã ủng hộ những cải cách của ông. Các cuộc tuyển cử dân chủ đầu tiên ở Nam Phi đã được tổ chức vào tháng 4 năm 1994 và vào tháng 5 năm 1994, Nelson Mandela đã trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của Nam Phi. Một chương mới trong sự phát triển của đất nước đã được mở ra.

Tại Trung và Đông Âu: Trong những năm sau 1989, các nước theo mô hình cộng sản cũ đã trải qua một làn sóng dân chủ hóa. Các đảng dân chủ và tự do mới được hình thành ở Phần Lan, Bulgari, Cộng hòa Séc, Đông Đức, Hungary, Romania, Slovakia và một số các nước Cộng hòa Xô-viết, và một sự chuyển biến hòa bình, dân chủ đã bắt đầu thay đổi mỹ quan chính trị quốc gia của những nước này. Sau đó, các cuộc tuyển cử nghị viện và

tổng thống dân chủ đã liên tục diễn ra theo hệ thống đa đảng. Sự thành công của các nền dân chủ mới phụ thuộc vào sự tồn tại của một xã hội dân sự sôi nổi với những công dân tích cực. Do đó, Hội đồng châu Âu đã tuyên bố năm 2005 là Năm giáo dục dân chủ công dân của châu Âu và một phần cùng với “Civitas” - một tổ chức do Mỹ tài trợ tham gia vào các chương trình lớn về giáo dục dân chủ, quyền con người và quyền công dân ở các trường học, ví dụ như ở Bosnia - Herzegovina.

Tại Chi Lê: Không giống như các nước Nam Mỹ khác, Chi Lê có lịch sử hơn 150 năm là một nước cộng hòa lập hiến với các chính phủ được bầu một cách dân chủ. Việc tái thiết dân chủ ở Chi Lê vào năm 1990, sau 17 năm quân đội thống trị dưới thời của Tướng Augusto Pinochet đã tạo ra sự thúc đẩy mới cho cuộc đối thoại dân chủ và hợp tác khu vực và quốc tế. Ngày nay, nước Cộng hòa Chi Lê đang củng cố nền dân chủ và tích cực thúc đẩy quyền con người và an ninh con người trên toàn khu vực.

Chế độ độc tài Ferdinand Marco của Phillipine đã kéo dài từ năm 1965 cho đến năm 1986. Vào năm 1986, Corazon Aquino đã trở thành Tổng thống và khôi phục lại các quyền tự do dân sự cơ bản (tự do ngôn luận, tự do hội họp, và tự do báo chí)

- Phillippine đã mở đường cho việc thiết lập một nền dân chủ thực sự.

2. XU HƯỚNG

Sự gia tăng của các nền dân chủ

Theo Báo cáo an ninh con người năm 2005, việc giảm số cuộc chiến tranh và các mâu thuẫn dân sự trong những năm 90 đã xảy ra đồng thời với việc tăng gần một nửa số nền dân chủ. Điều này dường như củng cố quan niệm thông thường là các nền dân chủ thực sự hầu như không phải trải qua chiến tranh chống lại nhau và cũng có ít nguy cơ có nội chiến hơn. Tuy nhiên, việc tăng số lượng “các chế độ chuyên quyền”, các cơ chế không phải là dân chủ lẫn chuyển quyền cùng một lúc là một vấn đề cần lưu tâm.

(Nguồn: Báo cáo an ninh con người. 2005.)

Sự tham gia chính trị của phụ nữ

Ngày nay, sự tham gia vào đời sống chính trị của phụ nữ vẫn còn ở mức hết sức không cân đối so với nam giới, mặc dù phụ nữ chiếm hơn một nửa dân số thế giới. Sự không cân bằng này rõ ràng cho thấy những thiếu hụt của một số thể chế quốc gia được coi là dân chủ.

Việc đưa ra các chỉ tiêu để khuyến khích và ủng hộ quyền tham gia của phụ nữ vào đời sống chính trị đã từng được sử dụng như một công cụ để cải thiện tình hình, được thể hiện ở tính đại diện không cân xứng và địa vị bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các nghị viện quốc gia.

Câu hỏi thảo luận: Bạn có nghĩ đến bất kỳ động cơ và công cụ nào để khắc phục khoảng cách hiện hữu giữa nam giới và nữ giới trong đời sống chính trị không?

Phụ nữ trong nghị viện

- Số lượng nhà nước tối cao có nghị viện đã tăng gấp 7 lần.
- Phần trăm các nghị sĩ là phụ nữ trên khắp thế giới đã tăng hơn 40% trong 10 năm qua.
- Nếu như tỷ lệ gia tăng hiện tại tiếp tục lớn lên, thì đến năm 2040 sẽ có sự cân bằng giới trong tất cả các nghị viện.
- Số các nghị viện với thành viên là nữ giới ít hơn 10% đã giảm một cách đáng kể từ 63% trong năm 1995 xuống còn 37% hiện nay.
- Thụy Điển có sự hiện diện của phụ nữ cao nhất với 45,3% các nghị sĩ là phụ nữ (vào tháng 10 năm 2005), tiếp theo là Na Uy, Phần Lan, Đan Mạch và Ireland. Ngược lại, phụ nữ vẫn hiện diện rất ít ở các nước Ả-Rập, như vào tháng 10 năm 2005, tỷ lệ nữ trung bình ở các hạ viện trong khu vực là 8,2%. Trong khi con số này bằng một nửa trung bình toàn cầu, trong thực tế, con số này đã tăng gấp đôi tỷ lệ của 8 năm về trước.

(Nguồn: **Liên minh nghị viện Thế giới. 2006.** Phụ nữ hoạt động chính trị: hồi tưởng lại 60 năm trước.)

Phụ nữ trong Nghị viện 1945 - 2000							
Năm	1945	1955	1965	1975	1985	1995	2000
Số nghị viện	26	61	94	115	136	176	177
% đại diện phụ nữ (hạ viện)	3.0	7.5	8.1	10.9	12.0	11.6	13.4
% đại diện phụ nữ (thượng viện)	2.2	7.7	9.3	10.5	12.7	9.4	10.7
(Nguồn: Liên minh Nghị viện quốc tế. 2006. Phụ nữ hoạt động chính trị: hồi tưởng lại 60 năm trước.)							

Sự tham gia chính trị của phụ nữ						
	Số năm phụ nữ nhận được quyền bầu cử	Số năm phụ nữ nhận được quyền đứng ra tuyển cử	Số năm đầu tiên phụ nữ được bầu vào nghị viện	Phụ nữ trong chính phủ ở cấp Bộ trưởng (% tổng số) 2005	Các ghế ở Nghị viện-Hạ viện 2005	Các ghế ở Nghị viện - Thượng viện 2005
Úc	1902, 1962	1902, 1962	1943	20.0	24.7	35.5
Áo	1918	1918	1919	35.5	33.9	27.4
Burkina Faso	1958	1958	1978	14.8	11.7	
Trung Quốc	1949	1949	1954	6.3	20.2	
Cuba	1934	1934	1940	16.2	36.0	
Georgia	1918, 1921	1918, 1921	1992	22.2	9.4	
Đức	1918	1918	1919	46.2	32.8	18.8
Ấn Độ	1950	1950	1952	3.4	8.3	11.6
Mali	1956	1956	1959	18.5	10.2	
Thụy Điển	1862, 1921	1862, 1921	1921	52.4	45.3	
Vương Quốc Anh	1918, 1928	1918, 1928	1918	28.6	18.1	17.8
Hoa Kỳ	1920, 1965	1788*	1917	14.3	15.0	14.0
Zimbabwe	1919, 1957	1919, 1978	1980	14.7	10.0	
* Không có thông tin nào hiển thị về năm tất cả phụ nữ nhận được quyền đứng ra tranh cử. Theo quyền này, Hiến pháp không đề cập tới giới tính. (Nguồn: UNDP. 2005. Báo cáo phát triển con người năm 2005)						

Quyền con người của phụ nữ.

Dân chủ trực tuyến

Khi việc sử dụng mạng Internet bắt đầu phổ biến vào giữa những năm 1990, giấc mơ về một thế giới tốt hơn được một số người ủng hộ - một thế giới, trong đó, mọi người có thể tham gia vào các quá trình ra quyết định chính trị bằng cách sử dụng thông tin trực tuyến, một thế giới gần với các lý tưởng dân chủ Hy Lạp hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, trong thực tế, những giấc mơ này chưa bao giờ trở thành sự thật. Thực vậy, người ta thậm chí còn nghi ngờ là nó sẽ mãi mãi không bao giờ trở thành sự thật.

Tính sẵn có của Internet không phải là một sự thay thế của các kết cấu dân chủ và tự nó không tạo ra nhận thức về chính trị - nhưng nó vẫn có

những mặt thuận lợi. Người ta có thể tìm kiếm và lấy thông tin trên khắp thế giới trong thời gian thực tế, và điều quan trọng hơn nhiều, đó là thông tin có thể được trao đổi và sử dụng để hình thành các kết cấu tổ chức thông tin. Lấy các cuộc tuyển cử Tổng thống Mỹ làm ví dụ. Ở một số tiểu bang (còn được gọi là “các tiểu bang dao động”) kết quả bầu cử là hoàn toàn mở. Nhân tố chính là số phiếu bầu cho ứng viên Ralph Nader của Đảng Xanh. Bản thân Nader đã không có cơ hội được bầu vào chức tổng thống và về sau khi được hỏi, phần lớn dân chúng đã bầu cho Nader điều thích ứng viên Al Gore của Đảng Dân chủ hơn George Bush của Đảng Cộng hòa; tuy nhiên, họ đã không được hỏi. Điều này dẫn tới một tình huống rất lạ

trong tất cả các tiểu bang dao động, cử tri của Nader đã miễn cưỡng góp phần tăng cơ hội cho George Bush. Để tránh tác động không mong muốn này, trong việc đảm bảo hệ thống bỏ phiếu kín, một người dùng mạng Internet đã có một ý tưởng đáng ghi nhớ là tạo ra các trang Internet dựa trên phần mềm loại Napster cho phép dân chúng trao đổi các phiếu bầu của họ. Một cử tri của Nader từ một tiểu bang dao động có thể trao đổi lá phiếu của mình với một cử tri của Gore sống ở một tiểu bang của Bush; cử tri của Nader sẽ bỏ phiếu cho Gore trong một bang nơi ông ta thực sự có cơ hội chiến thắng, trong khi cử tri của Gore sẽ bỏ phiếu cho Nader ở một bang mà Gore sẽ không có ảnh hưởng gì cả. Mặc dù hệ thống này có vẻ hơi phức tạp (và không được coi là hợp pháp ở tất cả các tiểu bang của Mỹ), nhưng hiện tượng “trao đổi phiếu” là một ví dụ tuyệt vời cho các tiềm năng dân chủ mới thông qua các tổ chức công dân không chính thức.

Điều này không chỉ dừng lại ở các ví dụ. Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ trên khắp thế giới ngày càng tăng nhờ vào thông tin liên lạc trực tuyến trên cơ sở thiết lập các đường dẫn giữa các phong trào trên tất cả mọi miền của thế giới. Các chiến dịch có thể có nhiều người tham gia hơn bao giờ hết, huy động các hình thức hợp tác định hướng mới về các vấn đề xuyên quốc gia. Các chế độ chuyên chế chỉ có các biện pháp hạn chế để ngăn chặn việc trao đổi các ý tưởng “mang tính cách mạng” trên mạng. Cá nhân có thể biểu đạt quan điểm của họ một cách dễ dàng hơn và phổ biến quan điểm đó lên mạng, do vậy sẽ được nhiều người cùng ý kiến hỗ trợ.

Có nhiều tiềm năng dân chủ mới nhưng cũng có các nguy cơ mới. Sự thiếu hiểu biết về chính trị và các kết cấu dân chủ trong thế giới ngắt mạng (offline) cũng được phản ánh trên thế giới nối mạng (online).

Hiện nay, gần 400 triệu người trên khắp thế giới đã quen với việc sử dụng mạng Internet. Vẫn còn 5.8 tỷ người chưa sử dụng Internet. Cái được gọi là thế giới số được phân chia theo các nước phát triển và đang phát triển (cũng như giữa các khu

vực nông thôn và thành thị trong các nước phát triển) có ảnh hưởng sâu sắc tới mọi mô hình dân chủ - nếu phần lớn dân số là những người không biết gì về máy tính thì điều đó có thể không dễ dàng gì, thậm chí không thể cùng tham gia vào các hoạt động trực tuyến được.

Những thách thức dân chủ không chỉ là về việc bảo đảm tiếp cận mà còn cả về nội dung nữa. Ví dụ, tên phân biệt chủng tộc Ku-Klux-Klan đến từ Mỹ khẳng định rằng vì có mạng nên số thành viên của hội cũng tăng đáng kể và trình độ tổ chức cũng tiếp tục tăng. Ở Pháp, công mạng “Yahoo!” bị kiện vì đã đưa ra những hình ảnh gợi nhớ về Tân đảng quốc xã lên các trang bán đấu giá - thế nhưng những hành động này lại được thực hiện ở Mỹ, nơi mà hành vi này không bị coi là bất hợp pháp. Trong khi đó “Yahoo!” tuyên bố sẵn sàng giám sát và ngăn cấm những hành động này trên cơ sở tự nguyện.

Dân chủ là một quá trình phức tạp, và để hoạt động một cách phù hợp, dân chủ đòi hỏi phải có sự cam kết hoàn toàn của chúng ta. Mạng Internet có thể là một phương tiện truyền thông nhưng nó sẽ không bao giờ là phương tiện thay thế cho việc thiếu cam kết trong thế giới không trực tuyến (offline).

 *Tự do biểu đạt và tự do thông tin.*

Toàn cầu hóa và dân chủ

Thông thường, quyền tham gia chính trị có đường ranh giới phân chia tại các đường biên giới quốc gia, và các quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân được thực hiện ở các vùng lãnh thổ cụ thể.

Trong thời đại toàn cầu hóa, nhiều quyết định và kết quả của các quyết định đó đã vượt ra ngoài lãnh thổ quốc gia. Hơn nữa, những tổ chức toàn cầu có sức mạnh mới như các công ty đa quốc gia và các tổ chức quốc tế có trách nhiệm đối với những thay đổi sâu rộng về kinh tế, xã hội trong thế giới của chúng ta.

Sự thiếu vắng dân chủ trong thế giới toàn cầu hóa, khi mà việc ra quyết định nằm trong tay của các lực lượng kinh tế hay các tổ chức phản dân

chủ quyền lực được sự hưởng ứng của một trong những phong trào xã hội quốc tế có quy mô lớn nhất trong thời gian gần đây đó là phong trào chống lại quá trình toàn cầu hóa. Phong trào chống lại quá trình toàn cầu hóa xuất hiện vì các mục đích khác nhau gồm bảo vệ môi trường, giảm nợ, quyền của động vật, bảo vệ trẻ em, chống lại chủ nghĩa tư bản, hòa bình và quyền con người. Điểm chung của các phong trào này là ở sự cảm nhận rằng thế giới đã toàn cầu hóa nhưng đang thiếu vắng một diễn đàn dân chủ.

Phương thức tham gia các chiến dịch này là các cuộc biểu tình của quần chúng. Lần đầu tiên, cuộc biểu tình gây sự chú ý của các phương tiện truyền thông đại chúng quốc tế là vào năm 1999 khi 100.000 người biểu tình đã diễu hành trong buổi khai mạc lễ kỷ niệm cuộc họp bộ trưởng lần thứ 3 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ở Seattle. Về sau, các cuộc biểu tình khác đã diễn ra tại các cuộc họp của Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) ở Washington, D.C., Diễn đàn kinh tế thế giới ở Davos (Thụy Sĩ), cuộc họp thượng đỉnh của Liên minh châu Âu ở Gothenburg (Thụy Điển) và tại cuộc họp thượng đỉnh của khối các nước G8 ở Genoa (Ý).

Trong khi phần lớn những người phản đối là phi bạo lực, cũng có phái những người phản đối cấp tiến đã kích động bạo lực tại các cuộc biểu tình bằng cách phóng tên lửa hay phá hủy tài sản. Họ chuyển hướng tập trung vào chương trình nghị sự của phong trào bằng việc chú ý đến phương tiện truyền thông đại chúng nói về chính bản thân họ, điều mà nhiều người cho là đáng tiếc. Do đó, vào tháng 02 năm 2001, các nhà hoạt động chính trị đã tổ chức diễn đàn xã hội thế giới đầu tiên tại Porto Alegre, Brazil như là một sự thay thế cho các cuộc biểu tình quần chúng dễ bùng nổ. 60.000 người đã tham gia vào Diễn đàn mà sau đó đã trở thành một sự kiện hàng năm, để thảo luận về những mô hình thay thế cho chủ nghĩa tư bản toàn cầu chống lại chủ nghĩa quân phiệt và ủng hộ hòa bình và công bằng xã hội dưới khẩu hiệu “Một thế giới khác có thể tồn tại”.

Để thực hiện quyền được lập hội, xã hội dân sự

đã đưa ra một cuộc tranh luận công khai về quản trị toàn cầu dân chủ, dân chủ hóa các mối quan hệ kinh tế toàn cầu và quyền tham gia của xã hội dân sự trong các thiết chế quốc tế. Phong trào kêu gọi sự quan tâm tới nguy cơ thường xuyên của chủ nghĩa tự do kinh tế làm ảnh hưởng đến nền tảng riêng của nó đối với các quyền tự do dân sự và chính trị bằng việc chế nhạo tầm quan trọng của các quyền kinh tế và xã hội.

Mặc dù những thay đổi của hoàn cảnh, trong đó có việc đưa ra quyết định mang tính quốc tế và phương thức mới của sự tham gia dường như là những giấc mơ xa vời. Các bên tham gia toàn cầu đang ngày phải có trách nhiệm với những gì mình làm, do sự quan tâm của quần chúng ngày càng tăng và họ buộc phải nghĩ về các cách thức mới của tính đại diện dân chủ, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

 *Tự do khỏi đói nghèo, quyền làm việc.*

Thiếu dân chủ trong các tổ chức quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia và các tổ chức phi chính phủ.

Vai trò của nhà nước ở cấp độ khu vực và toàn cầu đang thay đổi. Các tổ chức quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia (MNCs) và các tổ chức phi chính phủ ngày càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động chính trị thế giới. Các quyết định và quy định của họ có ảnh hưởng tới các chính sách của nhà nước và cuộc sống của hàng triệu người. Do đó, một trong những câu hỏi quan trọng cần phải được trả lời là: các thể chế nhà nước và phi nhà nước dân chủ/ không dân chủ như thế nào? Tìm ra câu trả lời cho câu hỏi này có nghĩa là phải tìm hiểu thực tiễn và chính sách cũng như các quy trình ra quyết định của mọi tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia và các tổ chức phi chính phủ đã tham gia và đánh giá liệu các nguyên tắc dân chủ như trách nhiệm giải trình, tính hợp pháp, quyền được tham gia, tính đại diện và tính minh bạch có được thực hiện hay không. Những đề xuất cho việc dân chủ hóa các thể chế này được thảo luận rộng rãi. Điển hình là: cải cách của Hội đồng Bảo an; sự ra đời của Hội Nhân dân toàn cầu và một hệ thống ra quyết định

hiệu quả và dân chủ hơn của các tổ chức WTO, IMF và Ngân hàng Thế giới; thành lập một nghị viện cho tổ chức WTO; và giới thiệu các quy tắc

ứng xử và quy tắc đạo đức cho các tổ chức phi chính phủ và các công ty đa quốc gia.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỌN LỌC

HOẠT ĐỘNG I : CHIẾN DỊCH VẬN ĐỘNG



Phần I: Giới thiệu

Đây là hoạt động dựa trên thảo luận, đề cập tới các quyền và trách nhiệm liên quan tới dân chủ và tranh luận về vấn đề dân chủ.

Loại hoạt động: Thảo luận

Phần II: Thông tin chung về thảo luận

Mục đích và mục tiêu:

Thảo luận:

- Để xem xét một số khía cạnh có thể gây tranh cãi trong một xã hội dân chủ.
- Để thực hành và phát triển các kỹ năng được yêu cầu trong quá trình nghe, thảo luận và thuyết phục.
- Để khuyến khích hợp tác và làm việc theo nhóm.

Đối tượng: Người đã trưởng thành

Số lượng: Bất kỳ

Thời gian: 60 phút

Tài liệu:

Giấy và bút màu để chuẩn bị các ký hiệu, băng ghi âm, giấy và bút để viết các lưu ý.

Chuẩn bị:

- Đưa ra hai ký hiệu, “Đồng ý” và “Không đồng ý” và dán chúng vào cuối của một bức tường dài hoặc là dán lên sàn.
- Đặt hai chiếc ghế vào giữa phòng, để chừa ra khoảng trống xung quanh để mọi người có thể di chuyển xung quanh.

Các kỹ năng liên quan

Giao tiếp, hợp tác, thể hiện các quan điểm khác nhau về một vấn đề, tôn trọng các ý kiến khác.

Phần III: Thông tin cụ thể về thảo luận

- Chỉ ra hai ký hiệu ở cuối tường/sàn và giải thích rằng bạn đang đọc một lời tuyên bố theo đó học viên có thể đồng ý theo một chừng mực cao hay thấp nhất định.
- Chọn một lời tuyên bố từ danh sách bên dưới và đọc to cho cả nhóm.
- Thông báo cho học viên vị trí của họ dọc trên bức tường giữa hai ký hiệu theo mức độ mà họ đồng ý hay không đồng ý.
- Khi mọi người đã đánh dấu được vị trí, mời hai người ở xa nhất ngồi vào hai ghế. Bây giờ, những người khác nên tập trung xung quanh ghế ở vị trí phía sau người có quan điểm là đồng ý với một mức độ cao hơn; hoặc đứng ở giữa khi họ không quyết định.
- Để cho hai học viên đang ngồi trên ghế một phút nói rõ nguyên nhân vì sao họ không đồng ý hay đồng ý với lời tuyên bố ban đầu. Mọi người nên giữ yên lặng.
- Sau khi tuyên bố, yêu cầu những người khác trong nhóm di chuyển ra phía sau một trong hai người nói (Họ không thể vẫn chưa quyết định), do đó có một nhóm “ủng hộ” và một nhóm “phản đối” lại lời tuyên bố. Cho cả hai nhóm 10 phút để chuẩn bị những luận cứ bảo vệ lập trường của mình và để lựa chọn một người phát ngôn khác sẽ trình bày những luận cứ này
- Cho những người phát ngôn mới 3 phút để trình bày luận cứ của họ. Sau khi trình bày, những người hỗ trợ cho nhóm này hay nhóm kia có thể thay đổi lập trường và di chuyển vào nhóm đối diện nếu luận cứ của nhóm đối diện thuyết phục họ.

Phản hồi:

Triệu tập nhóm lại để lấy thông tin phản hồi. Bây giờ chuyển sang phản ánh quá trình và mục đích

thảo luận như một hình thức và phản ánh nguyên nhân khi xem xã hội đa nguyên như một giá trị cao. Cố gắng không đi sâu vào thảo luận chính vấn đề đó.

- Có ai thay đổi ý kiến của họ trong suốt quá trình thảo luận không? Nếu vậy, luận cứ gì đã thuyết phục họ?
- Những người tham gia có nghĩ rằng có bất kỳ yếu tố nào khác ngoài các luận cứ có ảnh hưởng tới họ không? Ví dụ có thể do áp lực, ngôn ngữ cảm xúc hay cảm giác ganh đua.
- Đối với những người không thay đổi quan điểm của mình, có bất kỳ mục đích nào đằng sau thảo luận này và trong hoạt động thực hành này không? Họ có thể tưởng tượng bất kỳ bằng chứng nào có thể thuyết phục họ thay đổi ý kiến không?
- Tại sao mọi người lại có những ý kiến khác nhau? Điều này có thể chấp nhận được không hay cần phải làm điều gì đó trong một xã hội dân chủ không?
- Tất cả những quan điểm này có nên được khoan dung trong một nền dân chủ không?

Gợi ý về phương pháp:

Không nên mất quá vài phút cho phần đầu tiên của hoạt động trong đó học viên tự xác định vị trí của mình. Hoạt động khởi động này là để mọi người xác lập “điểm xuất phát” và biết được mình đang đứng ở đâu. Mục đích của hoạt động vừa để thực hành các kỹ năng giao tiếp và thuyết phục và vừa tự mình suy nghĩ thông qua các vấn đề của chính mình. Học viên nên được khuyến khích để không chỉ xem xét nội dung và cách thuyết trình các ý kiến của riêng họ mà còn cả các loại và hình thức tranh luận thuyết phục nhất.

Chú ý: Sẽ mất khoảng 30 phút để thảo luận một tuyên bố với các vòng thảo luận khác nhau. Nên có sự linh hoạt về trật tự chính xác của các sự kiện. Nói chung, sự xáo trộn trong nhóm sẽ làm mất thời gian thảo luận.

Gợi ý tạo sự đa dạng:

Bạn có thể đưa ra vấn đề về liệu có nên đưa ra hạn chế đối với “thuyết đa nguyên” hay tự do

ngôn luận trong một xã hội dân chủ hay không. Ví dụ, các cuộc biểu tình của người theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc hay người theo chủ nghĩa dân tộc có nên được cho phép không? Ở đâu và làm thế nào để phân định ranh giới dân chủ thành chấp nhận được và không thể chấp nhận được? Trong bối cảnh này, bạn có thể thảo luận khái niệm “lòng khoan dung” và cách hiểu của mọi người về khoan dung.

Phần IV: Tiếp theo

Chọn các bức ảnh từ báo và tạp chí thể hiện các vấn đề hiện đang gây tranh cãi. Cố gắng đề cập đến các chủ đề như phân biệt đối xử với các nhóm nào đó (trẻ em, phụ nữ, người nước ngoài, các tổ chức tôn giáo, những người khuyết tật, v.v...), ô nhiễm, thất nghiệp, nghèo đói, sự áp bức qua nhà nước và các vi phạm quyền con người nói chung.

Cắt các bức tranh ra và cho học viên xem. Yêu cầu mỗi người chọn một bức tranh mà họ cho rằng có thể khoan dung và một bức hình mà họ không thể nào khoan dung được. Học viên giải thích lý do tại sao họ lại chọn những bức hình đặc biệt đó mà không yêu cầu phải thảo luận. Giải thích cho những người khác rằng họ phải tôn trọng ý kiến của những học viên khác.

(Nguồn: **Phần bổ sung được phỏng theo: Susanne Ulrich. 2000.** Cởi mở, cách tiếp cận hài hoà để giải quyết các vấn đề xung đột dân chủ.

Các quyền liên quan/vấn đề cần tiếp tục khám phá

Tự do ngôn luận và bất kỳ quyền con người nào khác

Những lời tuyên bố có thể sử dụng trong thảo luận:

- Chúng ta có nghĩa vụ đạo đức khi sử dụng lá phiếu bầu cử của chúng ta
- Chúng ta phải tuân thủ tất cả các luật, thậm chí cả những đạo luật không công bằng.
- Trong xã hội dân chủ, chỉ những người có quyền lực mới là chính trị gia.
- Mọi người cần có những nhà lãnh đạo xứng đáng.
- “Trong xã hội dân chủ, mọi người có quyền được có đại diện, thậm chí cả những kẻ ngốc nghếch.” (Chris Patten, Chính khách Anh và Thống đốc Hồng Kông).

- 51% của một quốc gia có thể thiết lập chế độ chuyên chế, đàn áp những người dân tộc thiểu số và văn dân chủ.
- “Công việc của một công dân là phải luôn biết lên tiếng.” (Günter Grass, nhà văn)
- “Luận cứ tốt nhất chống lại dân chủ là một cuộc nói chuyện năm phút với cử tri trung bình.” (Winston Churchill, Chính khách và nhà văn Anh)

Chú ý: Bạn có thể tìm thấy những lời tuyên bố khác liên quan tới bất kỳ quyền con người nào. Những lời tuyên bố nên được nêu ra theo cách để mọi người thể hiện được các ý kiến khác nhau.

(Nguồn: Hoạt động thảo luận được phỏng theo: Hội đồng châu Âu. 2002. Compa - Tài liệu về giáo dục quyền con người cho thanh niên. Strasbourg: Nhà xuất bản Hội đồng châu Âu.)

HOẠT ĐỘNG II : MỘT TÒA THÁP TRONG CỘNG ĐỒNG CHÚNG TA?



Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này mô phỏng một cuộc họp hội đồng mở trong cộng đồng của bạn hay là một ngôi làng nhỏ do mình tưởng tượng ra. Trong cuộc họp này, có sự xung đột được gọi là “chủ đề nóng” giữa mỗi quan tâm và những mối quan ngại khác nhau của các cuộc vận động chính trị và xã hội khác nhau. Giới báo chí cũng tham dự và lấy tin về cuộc họp này.

Loại hoạt động: Trò chơi mô phỏng

Phần II: Thông tin chung về hoạt động mô phỏng

Mục đích và mục tiêu

- Để trải nghiệm các quá trình xảy ra khi mọi người/ một cộng đồng cố gắng cảm nhận điều gì đó đang xảy ra;
- Để nhận biết và hiểu được các bối cảnh và các cơ chế chính trị;
- Để làm rõ và thúc đẩy các quan điểm khác nhau;
- Để xác định các giới hạn của dân chủ và thái độ tôn trọng;
- Để thúc đẩy sự cảm thông của tất cả các bên tham gia xung đột.

Nhóm mục tiêu: Người đã trưởng thành

Qui mô nhóm: 15 - 30

Thời gian: 2 - 3 giờ

Chuẩn bị: Biển tên cá nhân, bảng và giấy

Các kỹ năng liên quan:

Giao tiếp, hợp tác, diễn đạt các quan điểm khác nhau về vấn đề, tôn trọng ý kiến người khác.

Phần III: Thông tin cụ thể về hoạt động mô phỏng

Giới thiệu chủ đề:

Bắt đầu giới thiệu hoạt động bằng cách giải thích tình huống hư cấu mà nhóm sẽ tham gia.

Cộng đồng của bạn dự định xây dựng một tòa tháp. Bằng một thông báo ngắn, hội đồng cộng đồng mở rộng được triệu tập để đưa ra quyết định về đề nghị của cộng đồng Hội giáo để xây dựng tòa tháp cao nhất, sẽ cao hơn cả gác chuông nhà thờ.

Liệt kê lên bảng vai trò khác nhau mà bạn sẽ giao cho học viên. Những người sau có thể tham gia vào hội đồng mở rộng:

- Thị trưởng của cộng đồng là Chủ tịch của hội đồng;
- Các thành viên hội đồng thị trấn (3 - 5 người) đại diện cho các đảng khác nhau;
- Các thành viên của nhóm công tác “Vì một thế giới chống lại chế độ bài ngoại” (3 - 6 người);
- Các thành viên của Ủy ban hành động công dân “Chào mừng đến với cộng đồng đáng yêu của chúng tôi!” (3 - 5 người);
- Các thành viên của cộng đồng Hội giáo (3 - 5 người);
- Báo chí: Nhà báo của hai tờ báo địa phương có cách tiếp cận chính trị trái ngược nhau (mỗi tờ 1 - 2 người);
- Những công dân sẽ tham gia vào hội đồng (nếu có đủ học viên).

Lưu ý rằng, nên mô tả các nhân vật một cách linh hoạt, thì hoạt động mô phỏng sẽ hiệu quả hơn. Nếu muốn, bạn có thể viết ra một vài đặc điểm của các nhân vật lên bảng. Cố gắng đưa ra các vai trò phù hợp với các nhân vật trái ngược nhau để khuyến khích thảo luận sôi nổi hơn. Tiếp đó đưa ra một thời gian biểu: Trước khi mô

phòng bắt đầu, những người tham gia sẽ phát triển tính cách của họ và viết ra các từ khóa (khoảng 15 phút). Tất cả những người tham gia phải bám sát vào các vai trò mà họ được giao và giảm nhẹ yếu tố cá nhân.

Mô phỏng:

Các yếu tố được tính đến và ước tính thời gian cần thiết

Giai đoạn 1: Chuẩn bị (20 phút)

Yêu cầu học viên tập hợp theo nhóm mình đã chọn. Nếu có thể, tất cả nên ra khỏi phòng học và đảm bảo có đủ không gian cho mình. Các nhân vật sẽ phải quen biết nhau và quyết định, chuẩn bị chiến lược của họ cho hội đồng mở rộng. Nhà báo bắt đầu biên tập các bài báo và bắt đầu phỏng vấn. Trong lúc này cần chuẩn bị phòng cho buổi họp: các nhóm nên ngồi ở bốn bàn khác nhau. Biển tên cũng được đặt lên từng bàn. Thị trưởng nên ngồi ở vị trí cao và có một cái chuông và một chiếc đồng hồ trên bàn của mình. Giải thích các quy định về thủ tục trong cuộc họp cho người đóng vai thị trưởng.

Giai đoạn 2: Mở cuộc họp Hội đồng (45 phút)

Thị trưởng là người đứng đầu và là Chủ tịch hội đồng, sẽ khai mạc cuộc họp với bài phát biểu nhỏ để giới thiệu chủ đề và chào mừng những người tham gia. Nhiệm vụ chính của Thị trưởng là điều khiển phiên họp. Các nhóm lần lượt được yêu cầu đưa ra ý kiến và mục đích của họ. Cần sử dụng các hồ sơ đóng vai đã được chuẩn bị để làm hướng dẫn. Sau đó, Thị trưởng sẽ kêu gọi bỏ phiếu để quyết định xem cộng đồng Hồi giáo có được phép xây dựng một tòa tháp giữ đúng kích thước thật không.

Giai đoạn 3: Thông tin phản hồi (45 phút)

Yêu cầu học viên xếp thành vòng tròn để thảo luận và bắt đầu phân thông tin phản hồi theo vòng tròn bằng cách chào hỏi mọi người bằng tên thật của họ. Điều này đặc biệt quan trọng để giúp cho học viên từ bỏ vai diễn mà họ đã diễn và quay lại là chính mình.

Về mặt cá nhân, hỏi học viên về:

- Kết quả mô phỏng có phản ánh được mục đích,

vai trò của bạn không?

- Bạn có ảnh hưởng như thế nào đến kết quả (trong vai của bạn)?
- Phần trao đổi ý kiến với những người khác có dẫn tới những thay đổi trong chiến lược của bạn không?

Cố gắng tránh đưa mô phỏng và quá gắn với việc tự phản ánh.

Để phân tích mô phỏng bằng cách so sánh với một hội đồng mở rộng trong thực tế, hỏi học viên xem:

- Trong vai của mình, bạn thấy dễ hay khó nhận biết?
- Mô phỏng gần với tình huống thực tế như thế nào?

Gợi ý về phương pháp:

Nếu có thể, bạn nên tiến hành hoạt động này cùng một giảng viên khác để có thể đồng thời trả lời các câu hỏi và cùng phối hợp cùng các bước của hoạt động. Khi phân vai, chú ý vai thị trưởng có yêu cầu cao nhất, vì vai này tổ chức tiến trình mô phỏng. Do đó, bạn nên nói qua về nhiệm vụ với người tham gia đóng vai thị trưởng trước khi mô phỏng. Chú ý là bạn vẫn đang chỉ đạo hoạt động và có thể cần thiết phải can thiệp vào quá trình mô phỏng nếu học viên bắt đầu không tôn trọng lẫn nhau. Ngoài ra, cũng có thể ngừng lại nếu mô phỏng ngoài vòng kiểm soát (phát sinh các số liệu mới, thay đổi chủ đề). Nếu như hội đồng mở rộng không đi đến thỏa thuận, thì cũng cần chỉ ra rằng điều đó có thể phản ánh tới kết quả trong thực tế và như thế không có nghĩa là hoạt động đã thất bại.

Gợi ý thay đổi:

Phụ thuộc vào bối cảnh cộng đồng, giảng viên có thể và nên thay đổi chủ đề thành “Một nhà thờ trong cộng đồng của chúng ta” hay một “Ngôi chùa Phật giáo trong cộng đồng của chúng ta” thay cho một tòa tháp Hồi giáo.

Phần IV: Tiếp theo

Nếu có thể, những người thể hiện vai “báo chí” trong mô phỏng sẽ ghi âm hay quay phim lại cuộc họp hội đồng mở rộng và có thể sử dụng tài liệu

này như một tài liệu cơ bản cho việc phân tích thảo luận và luật lệ của nó trong ngày tiếp theo.

Theo cách tiếp cận đối với chủ đề dân chủ địa phương trong các môi trường khác nhau, học viên có thể nhìn vào môi trường xung quanh họ, tìm các sự việc thực tế và dẫn chứng các sự việc đó. Kết quả của họ có thể được trình bày trong một bản đồ hoặc một triển lãm nhỏ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Annan, Kofi. 2000. *Chúng tôi - tất cả các dân tộc. Vai trò của Liên hiệp quốc trong thế kỷ XXI.* New York: Liên hiệp quốc. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.un.org/millennium/sg/report>

Beetham, David and Kevin Boyle. 1995. *Giới thiệu về dân chủ: 80 câu hỏi và đáp.* Cambridge: Nhà xuất bản Polity Press.

Boutros, Boutros-Ghali. 2002. *Mối tương quan giữa dân chủ và phát triển.* Paris: UNESCO.

Cotran, Eugene and Adel Omar Sherif (chủ biên). 1999. *Dân chủ, luật lệ của pháp luật và Đạo Hồi.* London/The Hague/Boston: Kluwer.

Dự án Liên minh dân chủ:

<http://www.demcoalition.org/html/home.html>

Fox, Jonathan. 1999. *Ban Giám sát Ngân hàng thế giới: Liệu có làm tăng trách nhiệm giải trình của ngân hàng không?* Santa Cruz: Trường Đại học California.

Gould, Carol C. 2004. *Toàn cầu hóa dân chủ và quyền con người.* Cambridge: Trường Đại học Cambridge.

Held, David. 1995. *Dân chủ và trật tự toàn cầu. Từ nhà nước hiện đại cho đến sự quản trị toàn cầu.* Oxford: Nhà xuất bản Polity.

Inoguchi, Takashi, Edward Newman và John Keane. 1998. *Bản chất hay biến đổi của dân chủ.* Tokyo: Trường Đại học Liên hiệp quốc.

Viện Dân chủ và trợ giúp bầu cử quốc tế (IDEA): www.idea.int

Tổ chức dịch vụ giáo dục UNESCO quốc tế về giáo dục công dân, hòa bình và quyền con người: <http://www.dadalos.org>

Liên minh liên nghị viện: www.ipu.org

Các quyền liên quan/các lĩnh vực cần tiếp tục khám phá:

Phân biệt đối xử, tự do tôn giáo, tự do ngôn luận và tự do thông tin

(Nguồn: **Susanne Ulrich. 2000.** *Achtung (+) Toleranz - Wege demokratischer Konfliktlösung.* Verlag Bertelsmann Stiftung.)

Liên minh nghị viện quốc tế. 2006. *Phụ nữ trong chính trị: hồi tưởng lại 60 năm trước.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.ipu.org/english/surveys.htm>

Keohane, Robert O. 2002. *Quản trị toàn cầu và trách nhiệm giải trình dân chủ.* Durham: Trường đại học Duke. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.lse.ac.uk/collections/LSEPublicLecturesAndEvents/pdf/20020701t1531t001.pdf>

Kovach, Hetty, Caroline Neligan và Simon Benall. 2003. *Báo cáo trách nhiệm giải trình toàn cầu năm 2003. Quyền lực không có trách nhiệm giải trình?.* London: One World Trust. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.wto.org/english/news_e/news03_e/gar2003_e.pdf

Locke, John. 1690. *Luận thuyết về chính quyền.*

Mack, Andrew (chủ biên). 2005. *Báo cáo an ninh con người năm 2005, chiến tranh và hòa bình trong thế kỷ 21. Trung tâm An ninh con người, Trường Đại học Columbia Anh.* New York: Trường Đại học Oxford.

Montesquieu, Charles de. 1748. *Tinh thần pháp luật* Nayyar, Deepak và Julius Court. 2002. *Cai trị Quá trình toàn cầu hóa: Vấn đề và thể chế.* Helsinki: UNU/WIDER.

Newman, Edward và Roland Rich. 2004. *Vai trò của Liên hiệp quốc trong việc tăng cường dân chủ: giữa ý tưởng và hiện thực.* Tokyo: Trường Đại học Liên hiệp quốc.

Nye, Joseph S. 2001. *Sự thiếu hụt dân chủ của quá trình toàn cầu hóa: Làm thế nào để các tổ chức quốc tế chịu trách nhiệm nhiều hơn.* Trong: *Đối ngoại (Cuốn 80, số 4. Tháng 7/Tháng 8 năm 2001).* New York: Hội đồng Đối ngoại.

O'Shea, Karen. 2003. *Giáo dục quyền dân chủ công dân: Các chính sách và khuôn khổ điều tiết.* Strasbourg: Hội đồng Châu Âu.

Porter, Tony. 2001. *Thiếu dân chủ trong xếp đặt thiết chế điều chỉnh tài chính toàn cầu.* Trong: Quản trị toàn cầu. Cuốn 7 Số 427.

Reinalter, Helmut. 2002. *Tương lai của nền dân chủ.* Innsbruck: Studien Verlag.

Saikal, Amin and Albrecht Schnabel (chủ biên). 2003. *Dân chủ hóa ở Trung Đông: Kinh nghiệm, các cuộc đấu tranh, thử thách.* Tokyo: Trường Đại học Liên hiệp quốc.

Scholte, Jan Aart. 2002. *Xã hội dân sự và dân chủ trong quản trị toàn cầu.* Trong: Quản trị toàn cầu. Cuốn 8. Vấn đề 3.

UNDP. 2005. *Báo cáo phát triển con người.* Oxford: Trường đại học Oxford. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hdr.undp.org/reports>

UNDP. 2002. *Báo cáo phát triển con người.* Oxford: Trường Đại học Oxford. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hdr.undp.org/reports>

Woyke Wichard. 2000. *Từ điển chính trị quốc tế* Opladen: Leske + Budrich.

Zacharia, Fareed. 2004. *Tương lai của tự do. Dân chủ phi tự do trong nước và ngoài nước.* New York: WW Norton.

www.undp.org

Ngân hàng Thế giới: www.worldbank.org

Tổ chức Thương mại thế giới: www.wto.org

THÔNG TIN BỔ SUNG

Dự án Bretton Woods: www.brettonwoodsproject.org

Hiến chương 99: <http://www.oneworldtrust.org/documents/charter99g.pdf>

Hội đồng châu Âu, giáo dục dân chủ của công dân: www.coe.int/edc

Chính sách ngoại giao trọng tâm:

www.foreignpolicy-infocus.org

Mạng quốc tế “Giáo dục dân chủ, quyền con người và lòng khoan dung”:

<http://www.tolerance-net.org>

Ban thanh tra của Ngân hàng thế giới:

www.inspectionpanel.org

Một thế giới đáng tin cậy (One World Trust):

www.oneworldtrust.org

Viện Xã hội mở và mạng lưới tài trợ Soros:

www.soros.org

Liên hiệp quốc: www.un.org

Chương trình phát triển Liên hiệp quốc:

III. NGUỒN TÀI LIỆU BỔ SUNG

TÀI LIỆU
NGUỒN TÀI LIỆU
ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
PHƯƠNG PHÁP
BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

“Quá trình học tập và giáo dục quyền con người có thể đóng vai trò rất quan trọng đối với an ninh con người bằng cách thể hiện các mục tiêu của an ninh con người trong khuôn khổ quyền con người. Theo hướng này, việc cộng tác giữa các thành viên của mạng lưới an ninh con người sẽ được phát triển”.

Tuyên ngôn của Graz về các nguyên tắc giáo dục quyền con người và an ninh con người. 2003.

A. CÁC CUỘC ĐẤU TRANH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TOÀN CẦU ĐANG DIỄN RA - NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

CÁC CUỘC ĐẤU TRANH VÀ CÁC SỰ KIỆN LỊCH SỬ	HỘI NGHỊ, TÀI LIỆU VÀ TUYÊN NGÔN	CÁC TỔ CHỨC
TỐI THẾ KỶ XVII		
Có nhiều tài liệu tôn giáo nhấn mạnh tới tầm quan trọng của bình đẳng, nhân phẩm và trách nhiệm giúp đỡ người khác Cách đây hơn 3.000 năm trước có kinh Vệ đa Đạo Hindu, Đạo Agamas, và Đạo Upanishads; văn kiện Do Thái, tài liệu Torah Cách đây 2.500 năm có Bộ kinh tam giác của tín đồ Phật giáo, Kinh Tăng Chí và cuốn Analect của Khổng Tử, Học thuyết đạo học của người quân tử và kẻ tiểu nhân Cách đây 2.000 năm có kinh Tân ước của Đạo cơ đốc và cách đây 600 năm có kinh Qur'an của Hồi giáo	Bộ quy tắc ứng xử của Menes, Asoka, Hammurabi, Draco, Cyrus, Moses, Solo và Manu 1215 Đại hiến chương Magna Carta được ký và ghi nhận rằng ngay cả đức vua cũng không bằng pháp luật 1625 luật gia người Hà Lan, Hugo Grotius đánh dấu sự ra đời của luật quốc tế 1690 John Locke phát triển ý tưởng về quyền tự nhiên trong Luật thuyết thứ hai về Chính phủ 1776 Dự luật Virginia về các quyền 1789 Dự luật về các quyền: Tu chính án I-X của Hiến pháp Hoa Kỳ	
THẾ KỶ XVIII - XIX		
1789 Cách mạng Pháp, Tuyên ngôn quyền con người và quyền công dân 1815 Người nô lệ nổi dậy ở Mỹ La Tinh và ở Pháp Những năm 1830: Các phong trào đòi quyền kinh tế và xã hội - Ramakrishna ở Ấn Độ, các phong trào tôn giáo ở phương Tây 1840 Tại Ai-len, phong trào Hiến chương đòi quyền bầu cử phổ thông và các quyền cho người lao động và những người nghèo	1792 Phong trào chứng minh quyền phụ nữ của Mary Wollstonecraft Những năm 1860 Ở Iran, có Mirza Fath Ali Akhundzade và ở Trung Quốc, có Tôn Trung Sơn đấu tranh cho bình đẳng giới Những năm 1860 Tạp chí La Camelia định kỳ của Rosa Guerra đấu tranh cho quyền bình đẳng nữ giới nổi lên khắp châu Mỹ La Tinh	1809 Cơ quan Thanh tra được thành lập ở Thụy Điển 1815 Ủy ban về vấn đề buôn bán nô lệ quốc tế tại Đại hội Vienna 1839 Hội chống chế độ nô lệ ở Anh, sau đó là Confed-eracão Abolicionista ở Braxin vào những năm 1860 1863 Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế 1864 Hiệp hội các công nhân quốc tế 1898 Liên minh quyền con người,

1847 Cách mạng giải phóng 1861 Phong trào giải phóng khỏi thân phận nô lệ ở Nga	Những năm 1860 Ở Nhật Bản, Toshiko Kishida xuất bản bài luận, về chủ đề “Tôi kể cho các bạn nghe, hỡi các chị em gái của tôi” 1860-80 Hơn 50 điều ước song phương bãi bỏ việc buôn bán nô lệ trên tất cả các khu vực	một Tổ chức phi chính phủ, chống lại Dreyfus Affair

THẾ KỶ XX: 1900 - 1929

1900-15: Các dân tộc thuộc địa nổi dậy chống lại chủ nghĩa đế quốc ở châu Á và châu Phi 1905: Phong trào công nhân ở châu Âu, Ấn Độ và Mỹ; ở Moscow 300.000 công nhân biểu tình 1910: Các tá điền tập hợp đòi quyền chia ruộng đất ở Mexico 1914-18 Chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 Các phong trào và các cuộc dấy loạn hướng tới độc lập ở châu Âu, châu Phi và châu Á 1915 Các cuộc thảm sát của những người Armenia do Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện 1917 Cách mạng Nga 1919 Phản kháng chống lại nạn kỳ thị chủng tộc rộng khắp từ Hiệp ước của Hội quốc liên Những năm 1920 Các chiến dịch đòi quyền phụ nữ đối với thông tin về phòng ngừa thai do Ellen Key, Margaret Sanger, Shizue Ishimoto lãnh đạo Những năm 1920 Các cuộc tổng tấn công và xung đột vũ trang giữa công nhân và chủ doanh nghiệp trong thế giới công nghiệp hóa	1900 Đại hội liên Phi lần đầu tiên ở Luân Đôn 1906 Điều ước quốc tế về nghiêm cấm việc bắt phụ nữ làm việc ban đêm trong lĩnh vực công nghiệp 1907 Hội nghị hòa bình Trung Mỹ quy định quyền của người nước ngoài trước tòa án nơi họ cư trú 1916 Quyền tự quyết được đề cập trong cuốn Chủ nghĩa đế quốc - sự phát triển cao nhất của Chủ nghĩa Tư bản của Lenin 1918 Quyền tự quyết được đề cập trong “14 điểm” của Wilson 1919 Điều ước Versailles nhấn mạnh vào quyền tự quyết và quyền của các dân tộc thiểu số 1919 Đại hội liên Phi đòi quyền tự quyết ở các thuộc địa thực dân 1923 Hội nghị lần thứ 5 của nước Cộng Hòa Mỹ ở Santiago, Chile đề cập tới quyền của phụ nữ 1924 Thông qua Tuyên bố Geneva về quyền trẻ em, Đại hội Mỹ năm 1924; Quốc hội thông qua Đạo luật Snyder công nhận quyền công dân của người Mỹ bản địa 1926 Hội nghị Geneva thông qua Công ước về chế độ nô lệ	1902 Liên đoàn quốc tế về công bằng trong quyền bầu cử và quyền công dân 1905 Công đoàn trở thành nghiệp đoàn quốc tế 1910 Liên minh công nhân dệt của Hội phụ nữ quốc tế 1919 Liên hiệp quốc và Tòa công lý quốc tế 1919 tổ chức Lao động quốc tế (ILO) tán thành các quyền con người trong luật lao động 1919 Hội liên hiệp phụ nữ thế giới vì hòa bình và tự do 1919 Các tổ chức phi chính phủ ủng hộ quyền phụ nữ bắt đầu quan tâm tới quyền trẻ em; Tổ chức cứu trợ trẻ em (Anh quốc) Những năm 1920 Quốc hội của Tây Phi thuộc địa của Anh ở Accra, đẩy mạnh quyền tự quyết 1922 14 liên đoàn quyền con người quốc gia thành lập liên đoàn quốc tế về quyền con người 1925 Các đại diện của 8 nước đang phát triển thành lập quốc tế da màu để chấm dứt nạn phân biệt chủng tộc 1928 Ủy ban phụ nữ Liên Mỹ đảm bảo quyền chính trị và dân sự của phụ nữ

1930 - 1949

1930 Ở Ấn Độ, Gandhi lãnh đạo hàng trăm người diễu hành tới Dandi để phản đối thuế muối 1939-45 Chế độ Đảng Quốc xã của Hitle giết 6 triệu người Do Thái, tống họ vào các trại tập trung và tàn sát những người La Mã, Sintí, những người cộng sản, những người ủng hộ đoàn lao động, những người chống đối chính trị, những người tàn tật, những nhân chứng của Johvah, những người đồng tính và những người khác 1942 René Cassin của Pháp kêu gọi thành lập Tòa án quốc tế để trừng phạt tội phạm chiến tranh 1942 Chính phủ Mỹ giam giữ khoảng 120.000 công dân Mỹ gốc Nhật trong suốt thế chiến thứ 2 1942-45 Các cuộc đấu tranh chống phát xít ở nhiều nước châu Âu 1949 Cách mạng Trung Quốc	1930 Công ước về Lao động cưỡng ép hay bắt buộc 1933 Công ước quốc tế về vấn đề ngăn cấm buôn bán phụ nữ tuổi thành niên 1941 Tổng thống Mỹ Roosevelt tán thành 4 quyền tự do thiết yếu về ngôn luận và tôn giáo, tự do mong muốn và thoát khỏi sợ hãi 1945 Hiến chương Liên hiệp quốc nhấn mạnh các quyền của con người 1948 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người 1948 Công ước ILO về tự do hội họp và bảo vệ quyền tổ chức 1949 Công ước ILO về quyền tổ chức và thương lượng tập thể	1933 Tổ chức người tị nạn 1935-36 Ủy ban cải cách và hình sự quốc tế xúc tiến các quyền cơ bản của tù nhân 1945 Các phiên tòa ở Nuremberg và Tokyo 1945 Liên hiệp quốc 1946 Ủy ban Liên hiệp quốc về quyền con người 1948 Tổ chức các quốc gia châu Mỹ 1949 Hội đồng châu Âu
1950 - 1959		
Những năm 1950 Các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và các cuộc khởi nghĩa ở châu Á; một số nước châu Phi dành được độc lập 1955 Phong trào đòi quyền dân sự và chính trị ở Mỹ; Martin Luther King Jr. lãnh đạo phong trào tẩy chay xe bus ở Montgomery (381 ngày)	1950 Công ước châu Âu về quyền con người 1951 Công ước ILO về việc tái thiết lập quyền bình đẳng 1957 Hiệp định ILO liên quan tới vấn đề xóa bỏ lao động cưỡng bức 1958 Công ước ILO về phân biệt đối xử trong lao động và việc làm	1950 Ủy ban tìm hiểu sự thật ILO giải quyết các vi phạm về quyền công đoàn 1951 Ủy ban ILO về quyền tự do lập hội 1954 Ủy ban quyền con người châu Âu 1959 Tòa án quyền con người châu Âu
1960 - 1969		
Những năm 1960, ở châu Phi, 17 nước giành được quyền tự quyết giống như ở các nước ở	1965 Công ước quốc tế Liên hiệp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc	1960 Ủy ban liên Mỹ về quyền con người tổ chức kỳ họp đầu tiên 1961 Tổ chức ân xá quốc tế

châu lục khác 1962 Hội công nhân làm việc ở các đồn điền quốc gia (Liên minh công nhân làm việc ở các đồn điền ở Mỹ) tổ chức bảo vệ những công nhân nhập cư ở Mỹ Những năm 1960-70 Các phong trào nữ quyền	1966 Công ước quốc tế Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị 1966 Công ước quốc tế Liên hiệp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1968 Hội nghị thế giới thứ nhất về quyền con người, ở Tehran	1963 Tổ chức thống nhất châu Phi 1967 Ủy ban Giáo hoàng về vấn đề hòa bình và công lý quốc tế
1970 - 1979		
Những năm 1970 Các vấn đề quyền con người thu hút nhiều sự chú ý - nạn phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, việc đối xử với những người Palestini ở các lãnh thổ bị chiếm đóng, việc tra khảo các phe đối lập về chính trị ở Chilê, chiến tranh phi nghĩa ở Argentina, tội diệt chủng ở CamPuChia Những năm 1970 nhân dân biểu tình chống lại xung đột giữa Ả Rập - Ixazen, chiến tranh Việt Nam và nội chiến ở Nigeria -Biafra 1976 Tổ chức ân xá quốc tế đoạt giải Nobel hòa bình	1973 Công ước quốc tế của Liên hiệp quốc về vấn đề cấm và trừng phạt tội Apatheid 1973 Hiệp định ILO về tuổi tối thiểu 1974 Hội nghị Lương thực thế giới ở Rome 1979 Công ước Liên hiệp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)	1970 Các Ủy ban đầu tiên về hòa bình và công lý ở Paraguay và Braxin 1978 Tổ chức theo dõi Helsinki (Tổ chức theo dõi quyền con người) 1979 Tòa án liên Mỹ về quyền con người
1980 - 1989		
Những năm 1980 chế độ độc tài Mỹ La Tinh kết thúc ở Argentina, Bolivia, Paraguay, Uruguay 1986 Ở Philippine, Phong trào nhân dân vì hòa bình loại bỏ chế độ độc tài Marcos 1989 Quảng trường Thiên an môn 1989 Sự sụp đổ của Thành Beclin	1981 Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền các dân tộc 1984 Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt vô nhân đạo, hạ nhục 1986 Tuyên bố của Liên hiệp quốc về quyền phát triển 1989 Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em	1983 Tổ chức quyền con người Ả Rập 1985 Ủy ban Liên hiệp quốc về quyền kinh tế, văn hóa, xã hội 1988 Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền các dân tộc

Những năm 1990 Nền dân chủ lan rộng khắp châu Phi; Nelson Mandela được thả và được bầu làm Tổng thống Nam Phi

Những năm 1990 Thanh trừ sắc tộc ở Nam Tư cũ, và nạn diệt chủng, các vi phạm quyền con người nghiêm trọng ở Rwanda

1998 Tây Ban Nha khởi kiện các vụ kiện chống lại Tướng Pinochet của Chile

1999 Giải Nobel Hòa bình được trao cho Tổ chức Bác sỹ xuyên biên giới

2000 Tòa án ở Sê-nê-gan buộc tội Hissene Habre, kẻ độc tài người Chadian với tội danh “tra tấn và cực hình dã man”

2000 Sự leo thang bạo lực giữa những người Ixrael và Pa-lex-tin kể từ năm 2000 (Khởi nghĩa của người Pa-lex-tin - Al-Aqsa Intifada)

2001 Giải Hòa bình được trao chung cho Liên hiệp quốc và Kofi Annan

2001 Các vụ tấn công khủng bố vào Trung tâm thương mại thế giới và Lầu năm góc, Tổng thống Bush phát động phong trào “chiến tranh chống khủng bố” nhằm hướng tới mục tiêu “các cơ sở hạ tầng của bọn khủng bố” ở Afghanistan

Tháng 3 năm 2003 Mỹ tấn công Iraq

Tháng 12 năm 2003: Nhà cựu độc tài Saddam Hussein của Iraq đã bị bắt ở Tikrit; Sérgio Vieira de Mello, Cao Ủy quyền con người của Liên hiệp quốc và Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký Liên hiệp quốc tại

1990-96 Hội nghị toàn cầu của Liên hiệp quốc và các Hội nghị thượng đỉnh về các vấn đề trẻ em, giáo dục, môi trường và phát triển, quyền con người, dân số, nữ giới, phát triển xã hội và ổn định
1998 Quy chế Rome về vấn đề thiết lập Tòa hình sự quốc tế
1999 Nghị định thư bổ sung của CEDAW về các khiếu kiện cá nhân

1999 Công ước về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất của ILO

2000 Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ: “Vai trò của Liên hiệp quốc trong thế kỷ XXI” (New York, ngày 06-08 tháng 9)

2000 “Bắc Kinh + 5” - Hội nghị về quyền phụ nữ

2000 Nghị định thư bổ sung của Công ước chống tra tấn của Liên hiệp quốc (hệ thống viếng thăm toàn cầu)

2002 Tháng 5 năm 2002: Đại hội đồng Liên hiệp quốc: Phiên họp đặc biệt về vấn đề trẻ em

2004 Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 4 về vấn đề sức khỏe và môi trường; Cuộc gặp thượng đỉnh Nairobi về Thế giới không có mìn
2005 “Beijing+10” Hội nghị về quyền phụ nữ

Hội nghị Bộ trưởng WTO - Hồng Kông

Hội nghị thượng đỉnh thế giới của Liên hiệp quốc - New York

2006 Hội nghị về vấn đề giải trừ quân bị - Geneva/Thụy Sĩ

Ủy ban về các chất ma túy - Vienna/Áo

Diễn đàn thế giới về tài nguyên nước lần thứ 4 - Thủ đô

1992 Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE) lần đầu tiên, Cao ủy các dân tộc thiểu số quốc gia

1993 Cao ủy đầu tiên của Liên hiệp quốc về quyền con người, được bổ nhiệm tại Hội nghị thế giới về quyền con người ở Vienna

1993-94 Các Tòa hình sự quốc tế dành cho Nam Tư cũ và Rwanda

1995 Ủy ban sự thật và hòa giải Nam Phi

1995-99 10 nước phát động các kế hoạch hành động quốc gia bảo vệ và thúc đẩy quyền con người

1999 Mạng lưới an ninh con người được thành lập

2002 Quy chế Rome về thành lập Tòa hình sự quốc tế (ICC) đã có hiệu lực (01 tháng 7 năm 2002)

2003 Tòa án hình sự quốc tế bắt đầu hoạt động vào ngày 01 tháng 1 năm 2003

2006 Đại hội đồng thành lập Hội đồng quyền con người

Iraq đã bị chết trong một vụ tấn công ở Bát Đa
 2004 Các vụ tấn công khủng bố ở Madrid và Beslan; Bản sao tài liệu tả chi tiết việc lạm dụng tù nhân ở Iraq được công bố
 2004/2005 Tsunami và thảm họa động đất ở Đông Nam Á, khoảng 300.000 người chết
 2005 Các vụ tấn công khủng bố ở London

Mexico/Mexico
 Hội nghị các thành viên của Công ước đa dạng sinh học - Curitiba/Braxin
 Diễn đàn thành thị thế giới - Vancouver/Canada
 Hội Nghị đánh giá tiến bộ thực hiện Chương trình hành động về ngăn chặn, chiến đấu và xoá bỏ tình trạng buôn bán trái phép vũ khí và quân chủng hạng nhẹ. New York

(Nguồn: Tổng quan này được lấy từ Báo cáo phát triển con người UNDP năm 2000 và đã được các biên tập viên cập nhật và biên soạn lại theo tuần tự)

B. GIỚI THIỆU CÁC TÀI LIỆU VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Các cuốn sách sau cung cấp thông tin từ cơ bản đến cụ thể về Hệ thống quyền con người quốc tế và nguồn của chúng. Các tài liệu này cung cấp thông tin hữu ích cho những ai quan tâm tới quyền con người và đặc biệt là cho các nhà giáo dục quyền con người cũng như thông tin và các công cụ cho việc nghiên cứu tiếp theo. Phần giới thiệu thường được lấy từ tài liệu do các nhà xuất bản cung cấp.

TẬP HỢP SÁCH

Tiêu đề: Luật quốc tế về quyền con người

Tác giả/Biên tập: Michael K. Addo

Nơi xuất bản: Aldershot

Nhà xuất bản: Ashgate Publishing Ltd.

Năm xuất bản: 2006

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Luật quốc tế là một cơ cấu xã hội do nỗ lực của con người nhằm đạt được hay ít nhất góp phần để đạt mục tiêu có giá trị hay cần thiết cho các mối quan hệ xã hội đang tồn tại. Khi có hiệu lực, luật quốc tế không chỉ là một thủ tục

pháp lý thuận tiện và tự nó cũng không thể có các câu trả lời và kết luận nào khác ngoài những gì có trong mong muốn mạnh mẽ của những người xác định được các giới hạn của thủ tục pháp lý. Các bài viết thu thập được ở đây thể hiện cách mà luật quốc tế dễ dàng biến mong muốn lâu dài về các lý tưởng và ước muốn xoay quanh vấn đề quyền con người thành hiện thực.

Tiêu đề: Nghiên cứu quyền con người

Tác giả/Biên tập: Todd Landman

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Routledge

Năm xuất bản: 2006

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách đề cập đến các lý thuyết và phương pháp cơ bản của khoa học xã hội để xây dựng khuôn khổ cho việc nghiên cứu có hệ thống các vấn đề về quyền con người. Cuốn sách cho rằng sự phân tích mang tính thực nghiệm về các vấn đề quyền con người còn dựa vào việc xem xét thực tiễn qua quan sát của các thể chế nhà nước và tư nhân vốn là nhân tố gây nên các vi phạm quyền con người nhằm đưa ra lời giải thích hợp lý cho những sự việc xảy ra và giúp cho người đọc hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa của chúng.

Tiêu đề: Từ điển quyền con người

Tác giả/Biên tập: David Robertson

Nơi xuất bản: Luân Đôn

Nhà xuất bản: Europa Publications

Năm xuất bản: 2005

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Tác phẩm tham khảo chính này cho thấy sự phát triển của mỗi quan tâm quốc tế về quyền con người và đưa ra sự giải thích về mặt thuật ngữ, các vấn đề, các tổ chức và các bộ luật về chủ đề nhạy cảm này. Trong lần xuất bản thứ hai của cuốn từ điển đã đưa ra các định nghĩa rõ ràng cùng với các thông tin cập nhật. Nội dung chính gồm: giới thiệu về các nhà tư tưởng lỗi lạc như Locke, Cardozo và Nozick; các giải thích và ví dụ về các thuật ngữ cơ bản; các mục từ mở rộng; một phụ lục gồm các văn bản và đoạn trích của các tài liệu hàng đầu như Tuyên ngôn quyền con người và quyền công dân, và bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người; một hệ thống tham khảo để sử dụng. Điểm mới của lần xuất bản này là các bài viết về quyền con người ở Đông và Trung Âu, Nga và Hồng Kông; Hiến chương Liên minh châu Âu (EU) về các quyền cơ bản; và Đạo luật về quyền con người của Anh

Tiêu đề: Trách nhiệm toàn cầu. Ai phải thực hiện quyền con người?

Tác giả/Biên tập: Andrew Kuper (chủ biên)

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Routledge

Năm xuất bản: 2005

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Andrew Kuper đặt câu hỏi: “Ai phải làm gì cho ai?” và đã được các nhà tư tưởng hàng đầu thế giới về đạo đức, chính trị quốc tế, và kinh tế trả lời. Câu trả lời được chia làm bốn phần: Bản chất của trách nhiệm, phân chia trách nhiệm, trách nhiệm cá nhân trong việc thoát khỏi nghèo, và trách nhiệm giải trình của các bên tham gia trong nền kinh tế toàn cầu, bài viết đưa ra một tập hợp đầy đủ các bài viết về bộ luật đạo đức toàn cầu mới

Tiêu đề: Từ điển ngôn ngữ về quyền con người quốc tế

Tác giả/Biên tập: Susan Marks, Andrew Clapham

Nơi xuất bản: Oxford

Nhà xuất bản: Oxford

Năm xuất bản: 2005

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách này đưa ra một cái nhìn tổng quát về phạm vi và tầm quan trọng của luật quốc tế về quyền con người. Được sắp xếp từng chủ đề theo bảng chữ cái, cuốn từ điển không phân loại luật quyền con người theo các nhóm truyền thống để nghiên cứu tỉ mỉ các quyền theo các ngữ cảnh cụ thể mà chúng được bàn tới, tranh luận, và xem xét. Cuốn sách này là sổ tay hướng dẫn và thông tin về các vấn đề cốt yếu mà luật quốc tế về quyền con người ngày nay đang gặp phải.

Tiêu đề: Đấu tranh quyền con người toàn cầu: Các nguyên tắc toàn cầu về hoạt động chính trị trên thế giới

Tác giả/Biên tập: Debra L. DeLaet

Nơi xuất bản: Belmont

Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Wadsworth

Năm xuất bản: 2005

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách này kết hợp khả năng áp dụng quyền con người tốt nhất với vấn đề bình đẳng giới, tiếp cận nữ quyền, và định hướng giới tính với chủ đề tiếp cận phổ biến về quyền con người, một vấn đề nhạy cảm do những khác biệt và đa dạng về văn hóa trong các quốc gia và giữa các quốc gia với nhau. Cuốn sách cũng thể hiện tính toàn diện và để tiếp cận đối với các thảo luận về quyền con người và vấn đề liệu quyền con người có mang tính phổ quát hay không. DeLaet cũng đề cập tới những vấn đề thời sự như chủ quyền quốc gia và quyền con người, tội diệt chủng, các quyền về kinh tế, và các khái niệm khác về công lý vì chúng đều liên quan đến sự thúc đẩy các quyền cơ bản cho con người.

Tiêu đề: Vai trò bảo vệ của các cơ quan quyền con người quốc gia

Tác giả/Biên tập: Bertrand G. Ramcharan (chủ biên)

Nơi xuất bản: Leiden/Boston

Nhà xuất bản: Brill Academic

Năm xuất bản: 2005

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Một trong những phát triển có triển vọng trong nỗ lực toàn cầu để bảo vệ quyền con người trong thập kỷ qua là vai trò đang ngày càng tăng của các cơ quan quyền con người quốc gia. Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên hiệp quốc đã nhận thấy vai trò của các cơ quan quyền con người quốc gia ngay từ đầu năm 1946 và kể từ khi thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người vào năm 1948. Văn phòng Thư ký Liên hiệp quốc và Ủy ban quyền con người đã cố gắng tăng cường vai trò của các cơ quan này. Cuốn sách này đưa ra lượng thông tin dồi dào về chức năng bảo vệ của các cơ quan quyền con người quốc gia ở nhiều quốc gia từ châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ La tinh cho đến châu Đại Dương. Các bài viết trong cuốn sách cũng làm rõ thêm nỗ lực thực sự của Ủy ban quyền con người quốc gia khi hoạt động bảo vệ quyền con người ở các quốc gia, và một loạt các mô hình bảo vệ mà có thể hoặc đang được áp dụng ở cả các nước phát triển lẫn đang phát triển.

Tiêu đề: Các thủ tục đặc biệt của Liên hiệp quốc trong lĩnh vực quyền con người

Tác giả/Biên tập: Ingrid Nifosi

Nơi xuất bản: Antwerp

Nhà xuất bản: Intersentia

Năm xuất bản: 2005

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Ủy ban quyền con người của Liên hiệp quốc bắt đầu thiết lập các thủ tục đặc biệt vào cuối những năm 1960. Kể từ đó, cơ chế Liên hiệp quốc đã phát triển và trở thành các công cụ bảo vệ và giám sát quyền con người thực sự. Cuốn sách này cố gắng ghi lại quá trình phát triển của hoạt động về quyền con người do các thủ tục đặc biệt tiến hành đồng thời đánh giá tầm quan trọng và ảnh hưởng của các thủ tục này. Sách cung cấp cách nhìn thấu suốt và cập nhật về lịch sử tổ chức các thủ tục đặc biệt, phân tích khuôn khổ pháp lý của chúng, đưa ra định nghĩa khái niệm, giải thích quá trình phát triển và đánh giá hiệu quả của chúng.

Tiêu đề: Liên hiệp quốc và quyền con người. Sách hướng dẫn dành cho một kỷ nguyên mới

Tác giả/Biên tập: Julie Mertus

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Routledge

Năm xuất bản: 2005

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Đây là cuốn sách hướng dẫn toàn diện và phù hợp về bộ máy quyền con người của Liên hiệp quốc. Ngày nay, hầu như các cơ quan của tổ chức Liên hiệp quốc và các tổ chức chuyên môn đều đang nỗ lực để lồng ghép quá trình thúc đẩy và phát triển quyền con người vào các chương trình và hoạt động của mình. “Liên hiệp quốc và quyền con người” xem xét những sáng kiến gần đây trong bối cảnh thực tiễn quyền con người rộng hơn. Sách cung cấp các phân tích cập nhật và sâu sắc nhất về lĩnh vực chính trị toàn cầu đang ngày càng trở nên quan trọng này.

Các vấn đề được nghiên cứu gồm: - quá trình phát triển lịch sử và triết học của hệ thống quyền con người Liên hiệp quốc - Cấu trúc và các thủ tục Liên hiệp quốc về quyền con người - những thay đổi của bộ máy quyền con người Liên hiệp quốc sau ngày 9/11 - quản lý xung đột quốc tế - thúc đẩy quyền cá nhân - cải tiến các chương trình nghị sự về các phong trào xã hội.

Tiêu đề: Quyền con người. Giữa Lý tưởng và Hiện thực

Tác giả/Biên tập: Christian Tomuschat

Nơi xuất bản: Oxford

Nhà xuất bản: Trường đại học Oxford

Năm xuất bản: 2004

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách giới thiệu về quyền con người trong hành động, tập trung vào tính hiệu lực khi các công cụ pháp lý được thiết kế để mang lại lợi ích cho con người. Bằng cách kết hợp phân tích lý thuyết với nhấn mạnh vào các thủ tục và cơ chế thực hiện, cuốn sách này đưa ra sự khái quát đa diện về quyền con người.

Tiêu đề: Lịch sử quyền con người: Từ thời kỳ cổ đại cho tới kỷ nguyên toàn cầu

Tác giả/Biên tập: Micheline R. Ishay

Nơi xuất bản: Berkeley

Nhà xuất bản: Trường Đại học California

Năm xuất bản: 2004

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Nội dung: Micheline Ishay kể lại chi tiết cuộc đấu tranh quyền con người đầy kịch tính qua các thời đại trong một cuốn sách tổng hợp những phát triển rực rỡ về trí tuệ và lịch sử từ các Bộ luật Mesopotamian của Hammurabi cho tới kỷ nguyên toàn cầu ngày nay. Khi đề cập lại các mâu thuẫn của các phong trào xã hội, các ý tưởng, và quân đội đóng vai trò trong cuộc đấu tranh này, Ishay đưa ra sự minh họa về cách thức phát triển của lịch sử quyền con người từ kỷ nguyên này đến kỷ nguyên tiếp theo thông qua các văn bản, truyền thống văn hóa, và thành ngữ sáng tạo. Viết theo những cảm hứng và phong cách khác thường, tác giả phát triển một khuôn khổ cho việc hiểu các vấn đề tạm thời từ cuộc đấu tranh toàn cầu cho tới sự kiện can thiệp vào Kosovo và tới hoàn cảnh quyền con người sau sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001. Chỉ có lịch sử quyền con người toàn diện, cuốn sách sẽ rất cần thiết đối với bất kỳ ai liên quan tới việc tìm kiếm công bằng và phẩm giá cho nhân loại. Ishay trình bày các chương trong cuốn sách của mình xoay xung quanh 6 câu hỏi cốt lõi hình thành nên cuộc tranh luận và am hiểu quyền con người: Nguồn gốc quyền con người là gì? Tại sao tầm nhìn châu Âu về thắng lợi của quyền con người qua những cuộc khai hóa văn minh khác đó? Chủ nghĩa xã hội đã đóng góp lâu dài vào di sản quyền con người chưa? Quyền con người toàn cầu hay có ranh giới về văn hóa? Quyền con người có phải hy sinh cho những nhu cầu về an ninh quốc gia không? Toàn cầu hóa thúc đẩy hay kìm hãm quyền con người? Khi khám phá những câu hỏi này, Ishay cũng kết hợp chặt chẽ những tài liệu bằng văn bản, các bài thuyết giảng, và các báo cáo chính trị của những nhà hoạt động chính trị, các tác giả và các nhà tư tưởng có tiếng trong lịch sử.

Tiêu đề: Quyền con người

Tác giả/Biên tập: Jack Donnelly

Nơi xuất bản: Cambridge

Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Giáo dục độc lập

Năm xuất bản: 2003

Nội dung: Quyền con người là gì và quyền con người được bảo vệ như thế nào? Hội nghị Quyền trẻ em đã có ảnh hưởng tích cực chưa? Cuốn sách này khám phá một loạt các vấn đề quan trọng liên quan tới quyền con người và quyền công dân. Một số lĩnh vực được thảo luận gồm: quyền trẻ em, quyền phụ nữ, vấn đề nô lệ, lao động trẻ em, khai thác giới tính, quyền khi được sinh ra, quyền riêng tư và tự do thông tin. Thông tin trong sách này xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau và gồm các báo cáo và thống kê của chính phủ, các báo cáo tin tức của báo, phim truyện, các bài báo, tạp chí, các nghiên cứu khảo sát, và các tác phẩm văn học của các nhóm vận động hành lang và các tổ chức từ thiện.

Tiêu đề: Giới thiệu về chế độ quyền con người quốc tế

Tác giả/Biên tập: Manfred Nowak

Nơi xuất bản: Leiden

Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff

Năm xuất bản: 2003

Cuốn sách giáo khoa này cố gắng cung cấp phần giới thiệu đầu và toàn diện cho tới ý tưởng và tầm quan trọng của quyền con người, các cơ sở lý thuyết và triết học của nó, sự phát triển lịch sử, các cấu trúc chính và các thủ tục về việc bảo vệ quyền con người quốc tế của Liên hiệp quốc và các tổ chức địa phương, và các xu hướng hiện đại như các cơ chế ngăn ngừa, luật hình sự quốc tế, quyền con người là các yếu tố thiết yếu để giữ vững hòa bình và các hoạt động xây dựng hòa bình...

Tiêu đề: Bảo vệ quyền con người. Các văn kiện và các tổ chức

Tác giả/Biên tập: Tom Compbell và những người khác

Nơi xuất bản: Oxford

Nhà xuất bản: Trường Đại học Oxford

Năm xuất bản: 2003

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Nội dung: Cái gì nên và cái gì không nên được coi là một quyền của con người? Một quyền được coi là một quyền của con người có nghĩa là gì? Và các phương tiện hiệu quả và chính đáng nhất khi thúc đẩy quyền con người là gì? Cuốn sách này đề cập tới các câu hỏi này và quan hệ phức tạp giữa các câu trả lời.

Tiêu đề: Quyền con người: Toàn cầu trong lý thuyết và thực tiễn

Tác giả/Biên tập: Jack Donnelly

Nơi xuất bản: Ithaca/London Nhà xuất bản: Trường Đại học Cornell

Năm xuất bản: biên tập lần thứ 2 năm 2003, (in lại năm 2005)

Nội dung: Jack Donnelly đưa ra lý thuyết về quyền con người, đề cập tới các tranh luận về thuyết tương đối văn hóa, và khám phá tính hiệu quả của hoạt động quốc tế song phương và đa phương.

Các chương mới hoàn thiện đề cập tới các vấn đề nổi bật sau Chiến tranh lạnh gồm sự can thiệp nhân đạo, dân chủ và quyền con người, “các giá trị châu Á”, quyền lập tổ chức, và vấn đề phân biệt đối xử với các cộng đồng giới tính.

Tiêu đề: Quyền con người: Công bằng xã hội trong thời đại kinh tế thị trường

Tác giả/Biên tập: Koen de Feyter

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Zed Books

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Kinh tế thị trường trên thế giới ngày nay phát triển như vũ bão dẫn tới các hành vi vi phạm quyền con người. Tác giả đặt ra câu hỏi hệ thống quyền con người quốc tế đi được bao xa khi hệ thống này hoạt động trong các cuộc hội nghị pháp lý và được bộ máy nhà nước thi hành - thực sự tạo ra lớp bảo vệ mạnh chống lại các tác động có hại của quá trình toàn cầu hóa. Tác giả đưa ra một vài đề xuất để cải thiện hệ thống quyền con người gồm việc xem xét lại nghĩa vụ của Nhà nước, đưa ra trách nhiệm quyền con người cho các công ty lớn và các cơ quan tài chính quốc tế, và phát triển nghĩa vụ quyền con người cho các nước ngoài lãnh thổ quốc gia mình.

Tiêu đề: Toàn cầu hóa và quyền con người

Tác giả/Biên tập: Alison Brysk (chủ biên)

Nơi xuất bản: Berkeley

Nhà xuất bản: Trường Đại học California

Năm xuất bản: 2002

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Nội dung: Ban biên tập đã thu thập ý kiến hội thẩm án tượng của các học giả đưa ra các câu hỏi mới về toàn cầu hóa và quyền con người. Toàn cầu hóa có làm phát sinh cả các cơ hội lẫn các vấn đề không? Các vấn đề mới có thay thế hay tăng cường sự trấn áp của Nhà nước không? Các hình thức trách nhiệm giải trình quyền con người mới có hiệu quả không? Các bài viết gồm các phân tích về mặt lý thuyết của Richard Falk, Jack Donnelly, và James Rosenau.

Các chương giới thiệu về du lịch giới tính, các thị trường quốc tế, và công nghệ thông tin liên lạc mang lại những tiền đề mới cho các vấn đề đang phát sinh.

Các tác giả nghiên cứu một số nước như Cộng hòa Dominican, và Philippines. Toàn cầu hóa định nghĩa là thế giới hiện đại. Trong khi các tiêu chuẩn và các thể chế được thiết lập thì các cuộc tấn công vào phẩm chất con người vẫn tiếp tục. Các bài viết nhận định những thử thách mới chúng ta phải đối mặt, và đưa ra các hướng giải quyết mới để cứu chữa cái giá của toàn cầu hóa.

Tiêu đề: Bảo vệ quyền con người: Các biện pháp và hiệu lực

Tác giả/Biên tập: Frances Butler

Nơi xuất bản: The Hague

Nhà xuất bản: Kluwer Law International

Năm xuất bản: 2002

ISBN: 90-411-1702-4

Nội dung: Cuốn sách này khám phá cách mà quyền con người được cho là có ai đầy bảo vệ, và tới một mức mà điều đó xảy ra trong thực tế. Có nhiều bằng chứng cho thấy việc bảo vệ quyền con người quan trọng hơn bao giờ hết và cuốn sách này xem xét những gì được yêu cầu để đạt được điều này một cách hiệu quả.

Tiêu đề: Chỉ dẫn hướng tới quyền con người. Các thể chế, tiêu chuẩn, thủ tục

Tác giả/Biên tập: Janusz Symonides, Vladimir Volodin

Nơi xuất bản: Paris

Nhà xuất bản: UNESCO

Năm xuất bản: 2003

Nội dung: Lần xuất bản này cung cấp thông tin chính về các văn kiện, thủ tục và cơ chế chính để bảo vệ quyền con người, các sự kiện chính (Các cuộc hội nghị quốc tế, hàng thập kỷ, hàng năm, ngày,...), và các thể chế giải quyết các vấn đề quyền con người. Lễ kỷ niệm quyền con người quốc tế được tổ chức rất đặc biệt ở Áo vào năm 1993. Đây cũng là một đóng góp cho Thập kỷ Liên hiệp quốc vì giáo dục quyền con người (1995 - 2004), với mục đích hướng tới việc xây dựng văn hóa quyền con người toàn cầu.

Tiêu đề: Quyền con người: Khái niệm và các tiêu chuẩn

Tác giả/Biên tập: Janusz Symonides (chủ biên)

Nơi xuất bản: Aldershot

Nhà xuất bản: Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất bản Dartmouth

Năm xuất bản: 2000

ISBN: 92-3-103589-4

Nội dung: Cuốn sách này thể hiện những suy nghĩ về các quan điểm lịch sử và cơ sở triết học của quyền con người. Cuốn sách đưa ra sự phân tích chi tiết về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa cũng như các quyền cá nhân thuộc các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, dân tộc thiểu số, người bản địa, và lao động nhập cư, và mối tương quan giữa Luật nhân đạo và quyền con người

Tiêu đề: Bách khoa toàn thư quốc tế về quyền con người. Tự do, lạm dụng, và biện pháp khắc phục

Tác giả/Biên tập: Robert L. Maddex

Nơi xuất bản: Washington, D.C.

Nhà xuất bản: CQ Press

Năm xuất bản: 2000

ISBN: 1-56802-490-8

Nội dung: Tài liệu tham khảo có minh họa mô tả các khái niệm và thuật ngữ, các thỏa thuận, con người, và các tổ chức hỗ trợ đảm bảo quyền con người trên toàn thế giới.

Tiêu đề: Quyền con người quốc tế trong ngữ cảnh: Pháp luật, chính trị, đạo đức

Tác giả/Biên tập: Henry J. Steiner; Philipp Alston

Nơi xuất bản: Oxford

Nhà xuất bản: Trường Đại học Oxford

Năm xuất bản: 2000

ISBN: 0-19-829849-8

Nội dung: Cuốn giáo trình này giới thiệu một loạt các tài liệu quan trọng và thứ yếu được biên tập cẩn thận cùng với ngữ cảnh mở rộng, lời bình của biên tập viên, và các câu hỏi để nghiên cứu. Cuốn sách gồm các đề tài lớn về quyền con người quốc tế như: Các đặc điểm cơ bản của Luật quốc tế, sự phát triển của phong trào quyền con người; các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, và xã hội; Luật nhân đạo về chiến tranh; toàn cầu hóa; quyền tự quyết; quyền của phụ nữ; quá trình thực hiện và thi hành.

Tiêu đề: Giới thiệu về bảo vệ quyền con người quốc tế

Tác giả/Biên tập: Hanski Raija/Sukski Markku (chủ biên)

Nơi xuất bản: Turku/Åbo

Nhà xuất bản: Trường Đại học Åbo Akademi: Viện quyền con người

Năm xuất bản: 1999, biên tập lần thứ 2

ISBN: 952-12-0247-5

Nội dung: Cuốn sách nhằm mục đích cung cấp một cái nhìn bao quát, và toàn diện về vấn đề bảo vệ quyền con người quốc tế. Cuốn sách giới thiệu về hệ thống và tiêu chuẩn chính với ý định bổ sung bằng nhiều nghiên cứu chuyên sâu hơn. Cuốn sách sẽ là niềm yêu thích đặc biệt đối với các bạn sinh viên đại học và cũng có thể được những người đang hành nghề, các nhân viên của Tổ chức phi chính phủ, những nhà hoạt động chính trị, xã hội cùng tất cả những người quan tâm tới quyền con người sử dụng trong các khóa đào tạo quyền con người.

Tiêu đề: Quyền con người: Những hướng đi và thách thức mới. Tài liệu về quyền con người

Tác giả/Biên tập: Janusz Symonides

Nơi xuất bản: Brookfield/Aldershot

Nhà xuất bản: UNESCO, Ashgate

Năm xuất bản: 1998

ISBN: 1-84014-426-2

Nội dung: Cuốn sách này trình bày mối tương quan và phụ thuộc lẫn nhau giữa quyền con người và hòa bình, dân chủ, môi trường và phát triển. Sách phân tích những trở ngại và các mối đe dọa tới quyền con người, đưa ra các hướng giải quyết và các phương tiện để vượt qua, thảo luận về tác động tiêu cực và tích cực tới quyền con người trong quá trình toàn cầu hóa, cách mạng thông tin và phát triển khoa học và kỹ thuật.

Tiêu đề: Tài liệu về báo cáo quyền con người

Tác giả/Biên tập: Liên hiệp quốc

Nơi xuất bản: Geneva

Nhà xuất bản: Nhà Xuất bản Liên hiệp quốc

Năm xuất bản: 1997

ISBN: 92-1-100752-6

Nội dung: Mục đích chính của cuốn tài liệu này là để cung cấp một công cụ thực tế cho các quan chức chính phủ trong quá trình chuẩn bị và đệ trình báo cáo theo yêu cầu của các điều ước quốc tế về quyền con người của Liên hiệp quốc.

Tiêu đề: Hướng dẫn của Liên minh châu Âu (EU) về quyền con người

Tác giả/Biên tập: Hội đồng Liên minh Châu Âu

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Cuốn sách nhỏ này biên soạn 5 hướng dẫn về án tử hình, tra tấn, đối thoại với các nước thứ ba, ảnh hưởng của xung đột vũ trang tới trẻ em, và những người bảo vệ quyền con người. Đây là những vấn đề được Hội đồng Liên minh châu Âu đưa ra. Mục đích của việc xuất bản các hướng dẫn này là để đảm bảo rằng các vấn đề trên có thể được thực hiện một cách đầy đủ và có hiệu quả bằng cách nâng cao nhận thức về các cam kết của Liên minh châu Âu về quyền con người trong cộng đồng quốc tế, và đặc biệt là giữa những người tham gia hoạt động vì quyền con người.

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUYỀN CON NGƯỜI

Tiêu đề: Báo cáo theo dõi quyền con người năm 2006

Tác giả/Biên tập: Tổ chức Theo dõi quyền con người

Nơi xuất bản: New York

Năm xuất bản: 2006

Nội dung: Báo cáo thể giới của Tổ chức Theo dõi quyền con người năm 2006, gồm thông tin về sự phát triển của quyền con người ở hơn 60 quốc gia trong năm 2005. Báo cáo này có thể tiếp cận trên Internet bằng cách kích chuột vào bản đồ hoặc xem danh sách theo khu vực dưới để có thêm thông tin về quốc gia.

Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.hrw.org/wr2k6/wr2006.pdf>

Tiêu đề: Báo cáo của Tổ chức Ân xá quốc tế năm 2005. Tình hình quyền con người trên thế giới

Tác giả/Biên tập: Tổ chức Ân xá quốc tế

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Báo cáo của Tổ chức Ân xá quốc tế này về 149 quốc gia, nhấn mạnh đến thất bại của chính phủ quốc gia và các tổ chức quốc tế khi giải quyết các vi phạm quyền con người, và kêu gọi trách nhiệm giải trình quốc tế lớn hơn.

Tiêu đề: Các báo cáo về thực tiễn quyền con người quốc gia năm 2005

Tác giả/Biên tập: Bộ Ngoại giao Mỹ: Vụ dân chủ, quyền con người, và lao động

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Hàng năm, các báo cáo về thực tiễn quyền con người của các quốc gia được Bộ Ngoại giao Mỹ trình lên Quốc hội. Các báo cáo này đề cập đến các quyền đã được quốc tế thừa nhận như đã được ghi trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người gồm các quyền cá nhân, dân sự, chính trị, và quyền của người lao động.

Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.state.gov/g/drl/rls/hrrpt/2005/index.htm>

Tiêu đề: Báo cáo phát triển con người năm 2005

Tác giả/Biên tập: Liên hiệp quốc

Nơi xuất bản: New York/Oxford

Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Liên hiệp quốc, Trường Đại học Oxford

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Báo cáo phát triển con người năm 2005 đề cập đến quá trình phát triển con người gồm những tiến bộ trong việc thực hiện Các mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ (MDGs). Xem xét số liệu thống kê, nhấn mạnh đến cái giá phải trả của con người nếu bỏ lỡ các mục tiêu và không thực hiện cam kết. Bất bình đẳng tồn tại giữa các quốc gia và trong chính mỗi quốc gia được coi là một trong những rào cản chính của quá trình phát triển con người - và là sự cản trở lớn đối với việc đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hdr.undp.org/reports>

Tiêu đề: Báo cáo thường niên về quyền con người của EU năm 2005

Tác giả/Biên tập: Hội đồng Liên minh châu Âu

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Báo cáo thường niên về quyền con người của EU lần thứ 7 này ghi lại các hoạt động và các chính sách do EU đảm nhận từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 tới 01 tháng 7 năm 2005 trong quá trình thực hiện các mục tiêu của Liên minh để thúc đẩy sự tôn trọng quyền con người và tự do cơ bản trên toàn cầu.

Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://bookshop.eu.int/eGetRecords>

Tiêu đề: Báo cáo tình hình các quyền cơ bản ở Liên minh châu Âu năm 2004

Tác giả/Biên tập: Mạng chuyên gia độc lập về các quyền cơ bản của EU.

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Mạng chuyên gia độc lập về các quyền cơ bản của EU được Ủy ban châu Âu thành lập theo yêu cầu của Quốc hội châu Âu. Mạng giám sát tình hình các quyền cơ bản trong các quốc gia thành viên và trong Liên minh dựa trên Hiến chương về các quyền cơ bản. Mạng này đưa ra các báo cáo thường niên về tình hình thực hiện các quyền cơ bản của các quốc gia thành viên và Liên minh cũng như các báo cáo cụ thể về các vấn đề liên quan.

Tài liệu có tại địa chỉ: <http://europa.eu.int/>

comm/justice_home/cfr_cdf/doc/report_eu_2004_en.pdf

Tiêu đề: Quyền con người ở châu Á Thái Bình Dương

Tác giả/Biên tập: James T. Lawrence

Nơi xuất bản: Huntington

Nhà xuất bản: Nova Science Pub Inc.

Năm xuất bản: 2004

Nội dung: Sự tồn tại của quyền con người sẽ giúp giữ vững hòa bình, ngăn chặn xâm lược, thúc đẩy pháp quyền, chống tội phạm và tham nhũng, và ngăn chặn các cuộc khủng hoảng nhân đạo. Các quyền con người là tự do không bị tra tấn, tự do biểu đạt, tự do báo chí, quyền phụ nữ, quyền trẻ em, và bảo vệ các dân tộc thiểu số. Cuốn sách khảo sát tình hình của các nước ở châu Á Thái Bình Dương và với một thư mục và chú giải hữu ích được sắp xếp theo chủ đề, tiêu đề, và tác giả.

Tiêu đề: Quyền con người ở châu Phi. Từ Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) tới Liên minh châu Phi

Tác giả/Biên tập: Rachel Murray

Nơi xuất bản: Cambridge

Nhà xuất bản: Đại học Cambridge

Năm xuất bản: 2004

Nội dung: Công trình này nghiên cứu vai trò của Tổ chức thống nhất châu Phi mà ngày nay gọi là Liên minh châu Phi và cách Tổ chức này giải quyết các vấn đề liên quan tới quyền con người kể từ khi bắt đầu thành lập vào năm 1963. Sách xem xét vai trò của thể chế chính của Tổ chức dưới OAU và Liên minh châu Phi hiện nay. Sách được chia thành các chương nghiên cứu các chủ đề khác nhau gồm quyền phụ nữ, quyền trẻ em, khái niệm dân chủ, và quyền phát triển. Do một học giả hàng đầu về quyền con người viết, cuốn sách này là một tài liệu tham khảo cần thiết đối với các luật gia đang làm việc cho các quốc gia của châu Phi, Chính phủ nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ hoạt động ở châu Phi cũng như các học giả quan tâm về quyền con người và so sánh quốc tế về quyền con người.

C. CÁC NGUỒN TÀI LIỆU VỀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

Phần sau đây gồm thông tin về sách và các tài liệu khác về giáo dục quyền con người từ các phần giới thiệu phương pháp luận tới các sách hướng dẫn về giáo dục quyền con người một cách đầy đủ.

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tiêu đề: Quyền con người trên toàn thế giới: Sổ tay hướng dẫn tham khảo

Tác giả/Biên tập: Zehra F. Kabasakal Arad

Nơi xuất bản: Oxford

Nhà xuất bản: ABC-Clio

Năm xuất bản: 2006

Nội dung: Công trình này đưa ra một hướng dẫn rõ ràng cho cuộc đấu tranh quyền con người toàn cầu, các vấn đề và nhược điểm của hệ thống quyền con người và là nguồn tài liệu cần thiết cho các nghiên cứu quyền con người.

Tiêu đề: Các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa: Sổ tay dành cho các tổ chức quyền con người quốc gia

Tác giả/Biên tập: Liên hiệp quốc

Nơi xuất bản: New York/Geneva

Nhà xuất bản: Liên hiệp quốc

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Mục đích của cuốn sổ tay này là hỗ trợ cho các cơ quan quốc gia về quyền con người trong việc xây dựng chính sách, các thủ tục và kỹ năng lồng ghép các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội trong công tác của họ. Công trình này cũng nghiên cứu các đường lối mà các nhiệm vụ pháp lý của các cơ quan quốc gia về giải thích quyền này trong phạm vi thẩm quyền của mình và cách thức để thực hiện quyền con người một cách thích hợp theo chức năng và quyền lực của các cơ quan này

Tiêu đề: Giảng viên, quyền con người và tính đa dạng: Giáo dục công dân trong các xã hội đa văn hóa

Tác giả/Biên tập: Audrey Osler (chủ biên)

Nơi xuất bản: Luân Đôn

Nhà xuất bản: Trentham Books

Năm xuất bản: 2005

Nội dung: Chúng ta nên giáo dục công dân như thế nào trong xã hội đa văn hóa? Câu hỏi này đang ngày càng nhận được nhiều chú ý ở các quốc gia trên thế giới. Trong cuốn sách này, các tác giả từ Anh quốc, Bắc Ireland, Cộng hòa Ireland và Hoa Kỳ đưa ra các nghiên cứu gần đây trong lĩnh vực này để cho các giảng viên, nhà giáo dục và các giáo viên có thể vận dụng. Các tình huống nghiên cứu cho thấy cách thức các công dân trẻ có thể học cách áp dụng các nguyên tắc quyền con người và bình đẳng trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp và gây tranh cãi

Tiêu đề: Sổ tay quyền con người: Tiếp cận toàn cầu về giáo dục

Tác giả/Biên tập: Liam Gearon

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Trentham Books

Năm xuất bản: 2003

Nội dung: Một hướng dẫn đáng tin cậy về quyền con người giành cho giáo viên, sinh viên, và các nhà nghiên cứu. Cuốn sổ tay đề cập đến một lĩnh vực đang ngày càng phức tạp theo cách dễ hiểu và dễ tiếp cận. Các chương được thiết kế theo định dạng thân thiện với người dùng. Chương tổng kết nằm ngay sau phần giới thiệu chung về các chủ đề. Các chuẩn mực pháp lý quốc tế được đưa ra trong một tập hợp các văn kiện cơ bản. Phần giới thiệu về các tổ chức về quyền con người gồm: Liên hiệp quốc, tổ chức khu vực, tổ chức chính phủ và phi chính phủ (NGO). Vì Sổ tay không đặt ra yêu cầu phải đề cập chi tiết, mỗi chương kết thúc bằng lựa chọn ngắn gọn các nguồn tài liệu bổ sung để đọc và nghiên cứu sâu hơn.

Tiêu đề: Quyền con người: Bảo vệ, giám sát, thực thi trên toàn thế giới

Tác giả/Biên tập: Janusz Symonides

Nơi xuất bản: Ashgate

Nhà xuất bản: Nhà xuất bản UNESCO

Năm xuất bản: 2003

Nội dung: Đây là một bộ tài liệu gồm nhiều cuốn do UNESCO chuẩn bị để giảng dạy về quyền con người ở trình độ giáo dục cao hơn và sau đó đã xuất bản. Tập hợp “Quyền con người: Bảo vệ, giám sát, thực thi trên toàn Thế giới” đưa ra cách tiếp cận, tổ chức về việc bảo vệ quyền con người trên toàn thế giới, bắt đầu bằng việc nghiên cứu hệ thống Liên hiệp quốc - một hệ thống mang tính toàn cầu, sau đó phân tích các hệ thống bảo vệ khu vực. Là một nguồn thông tin hữu ích về bảo vệ quyền con người, cuốn sách cũng có thể được coi là một hướng dẫn thực tiễn cho việc sử dụng các thủ tục pháp lý hiện hành trong việc bảo vệ quyền con người.

Tiêu đề: Phương pháp giáo dục quyền con người

Tác giả/Biên tập: Richard Pierre Claude

Nơi xuất bản: New York

Nhà xuất bản: Thập kỷ giáo dục quyền con người toàn dân (PDHRE)

Năm xuất bản: 1998

Nội dung: Cuốn sách giới thiệu về phương pháp giáo dục quyền con người bao gồm cả bài viết về quyền được biết quyền của mình. Sách đưa ra hướng dẫn về kế hoạch chương trình giảng dạy, các đề xuất dành cho việc trao quyền và các nhóm đối tượng mục tiêu, và phương pháp đánh giá.

Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.pdhre.org/materials/methodologies.html>

Tiêu đề: Giáo dục quyền con người trong thế kỷ XXI

Tác giả/Biên tập: George J. Andreopoulos và Richard Pierre Claude (chủ biên)

Nơi xuất bản: Philadelphia

Nhà xuất bản: Trường Đại học Pennsylvania

Năm xuất bản: 1997

Nội dung: Giáo dục quyền con người gồm cả quá trình dạy cho con người về quyền của họ là một công việc khó. Để giúp cho các nhóm quan tâm đáp ứng được nghĩa vụ này, cuốn sách này gồm các bài viết chưa được xuất bản trước đây đề cập đến các vấn đề và thách thức cả về mặt khái niệm và thực tiễn. Sách được thiết kế để dành cho các nhà hoạt động thực tiễn nên không chỉ đưa ra hướng dẫn lý thuyết mà còn đưa ra những lời khuyên “chắc như đinh đóng cột” liên quan tới việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình giáo dục quyền con người chính quy (hay dựa trên trường học) và không chính quy (hay ngoài nhà trường).

Tiêu đề: Quyền con người ngày nay: Tổ chức kỷ niệm Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Tác giả/Biên tập: Nancy Flowers

Nơi xuất bản: Trường Đại học Minnesota

Nhà xuất bản: Trung tâm nguồn tài liệu quyền con người

Năm xuất bản: 1997

Nội dung: Đây là cuốn sách vỡ lòng dành cho giáo dục quyền con người gồm thông tin cơ bản, các chiến lược giảng dạy quyền con người và các hoạt động giành cho các lứa tuổi và tình huống khác nhau.

Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www1.umn.edu/humanrts/edumat>

Tại địa chỉ này cũng có thêm:

Sách chủ đề 1: Công bằng kinh tế và xã hội: Tiếp cận quyền con người

Sách chủ đề 2: Nuôi dạy trẻ em về nguồn gốc, quyền và trách nhiệm: Kỷ niệm công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em

Sách chủ đề 3: Các quyền của người đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng tính và người chuyển đổi giới tính: Một khía cạnh của quyền con người

Sách chủ đề 4: Sổ tay Giáo dục quyền con người: Thực hành hiệu quả trong học tập, hành động động và thay đổi

Sách chủ đề 5: Nâng cao tinh thần: Quyền con người và tự do tín ngưỡng tôn giáo

Tiêu đề: Các gợi ý cho lớp học

Tác giả/Biên tập: Felisa Tibbitts

Nơi xuất bản: Cambridge, US/Amsterdam

Nhà xuất bản: HREA

Năm xuất bản: 1996

Nội dung: Cuốn sách gồm các bài tập thực hành có thể được sử dụng trong các chương trình đào tạo giảng viên. Sách giới thiệu cách hướng dẫn các cuộc thảo luận, thiết lập các quy tắc thảo luận, làm việc theo cặp và nhóm nhỏ, phát triển bài học và đánh giá bài học.

Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.hrea.org/pubs/tips.html>

SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIÁO DỤC**Trẻ em****Tiêu đề: Sách giảng dạy quyền con người ABC: Các hoạt động thực hành cho các trường tiểu học và trung học**

Tác giả: Sérgio Vieira de Mello

Nơi xuất bản: New York/Geneva

Nhà xuất bản: Liên hiệp quốc

Năm xuất bản: 2004

Nội dung: Cuốn sách nhằm mục đích cung cấp một công cụ thân thiện với người dùng về giáo dục quyền con người và được coi là một chiếc ô nhiều màu sắc đề cập đến các lĩnh vực quyền con người cơ bản. Sách đưa ra lời khuyên thực tế cho giảng viên và các nhà giáo dục muốn thúc đẩy nhận thức và hoạt động quyền con người cho trẻ từ tiểu học tới trung học. Sách gồm các chỉ dẫn để xây dựng các hoạt động học tập. Sách không có chủ ý đặt thêm gánh nặng cho chương trình giáo dục vốn đã quá tải mà chỉ nhằm hỗ trợ để giúp truyền đạt các vấn đề quyền con người vào các môn học đã được dạy ở trường học.

Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.un.org/events/humanrights/2004/education.htm>

Tiêu đề: Tại sao người ta lại lạm dụng quyền con người?

Dành cho trẻ từ 9 tới 11 tuổi

Tác giả/Biên tập: Alison Brownlie

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Hodder Wayland

Năm xuất bản: 2004

Nội dung: Cuốn sách này chú ý đến vấn đề tại sao quyền con người lại bị lạm dụng. Sách đề cập đến cách thức mà các quyền trong các nhóm xã hội khác nhau có thể bị lạm dụng như trẻ em và người lao động, cũng như ảnh hưởng của chiến tranh và các cuộc xung đột đối với quyền con người. Sách tiếp tục giải thích rằng việc chúng ta phải đấu tranh tích cực vì quyền con người - và cách tốt nhất để thực hiện điều này là qua giáo dục. Sách cũng đưa ra các tình huống nghiên cứu và trích dẫn sự việc của mọi người trên khắp thế giới.

Tiêu đề: Thời đại của quyền: Hoạt động giành cho công dân và Chiến lược giảm nghèo (PSHE) dành cho trẻ từ 9 đến 13 tuổi

Tác giả/Biên tập: UNICEF

Nơi xuất bản: Geneva

Nhà xuất bản: UNICEF

Năm xuất bản: 2002

Nội dung: Khám phá quyền công dân và các quyền liên quan tới Hội nghị Liên hiệp quốc về quyền trẻ em. Qua hoạt động đóng vai, phim hoạt hình, các câu chuyện, các bài thơ và một loạt các hoạt động khác, cuốn sách cho thấy các quyền gì là có nghĩa đối với từng trẻ em trong gia đình, nhà trường và cộng đồng.

Tiêu đề: Hãy đứng lên vì quyền của các bạn

Tác giả/Biên tập: Tổ chức Quốc tế trẻ em của Hòa Bình

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: TwoLuoondoo

Năm xuất bản: 2001

Nội dung: Cuốn sách do chính các trẻ em trên thế giới biên soạn và biên tập. Sách đề cập đến các

vấn đề về quyền con người. Sách gồm các câu chuyện, bài thơ, các hồi ức cá nhân để bày tỏ hy vọng và nỗi sợ hãi về cách mà chúng ta đối xử với nhau. Đó là sự tưởng niệm để biết chúng ta đang ở đâu trong quá trình phát triển của quyền con người, tiếp đó là phần tìm kiếm định nghĩa về ý nghĩa của điều đó trong tương lai.

Tiêu đề: Tất cả loài người... Sổ tay Giáo dục quyền con người

Tác giả/Biên tập: UNESCO

Nơi xuất bản: Paris

Nhà xuất bản: UNESCO

Năm xuất bản: 1998

Ngôn ngữ: Tiếng Anh, tiếng Ả Rập

Nội dung: Được xuất bản nhân dịp lễ kỷ niệm lần thứ 50 ngày ra đời của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Cuốn sổ tay này dành để giúp các học sinh và giảng viên tiểu học và trung học hiểu các thành tố phổ biến của quyền con người. Sách cung cấp tài liệu cơ bản, các tài liệu giảng dạy cụ thể, và các bài tập thực hành. Các tài liệu trong sách được hoàn thiện và phát triển nhằm đưa ra khám phá đầy đủ về ý nghĩa của quyền con người trong cuộc sống hàng ngày trong từng bối cảnh văn hóa riêng biệt.

Tiêu đề: Giáo dục nhân phẩm: Tìm hiểu về quyền và trách nhiệm

Tác giả/Biên tập: Betty A. Reardon

Nơi xuất bản: Philadelphia

Nhà xuất bản: Các nghiên cứu Pennsylvania về quyền con người

Năm xuất bản: 1995

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Đây là một trong những quyển sách đầu tiên về giáo dục quyền con người dành cho bậc tiểu học và trung học cơ sở. Sách được viết cho cả giáo viên và những nhà giáo dục quyền con người. Đây là nguồn tài liệu đầu tiên cung cấp cả hướng dẫn và tài liệu hỗ trợ cho các chương trình giáo dục quyền con người từ mẫu giáo cho tới trung học. Sách mở ra khả năng tiếp cận chính thể luận vấn đề quyền con người trực

tiếp giải quyết các vấn đề giá trị phát sinh từ các vấn đề quyền con người trong bối cảnh tương quan toàn cầu.

Tiêu đề: Các bước đầu tiên: Tài liệu bắt đầu giáo dục quyền con người

Tác giả/Biên tập: Tổ chức Ân xá quốc tế

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Tổ chức Ân xá quốc tế

Năm xuất bản: 1996

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách này được Tổ chức Ân xá quốc tế biên soạn giành riêng để sử dụng ở Trung và Đông Âu. Sách đã từng được sử dụng ở nhiều nước trong khu vực. Nó được coi là một công cụ học tập dành cho giáo viên cũng như là một nguồn tài liệu dành cho các hoạt động tổ chức tại các môi trường giáo dục. Sách gồm 27 bài học dành cho trẻ nhỏ (tới 12 tuổi) và 18 bài học dành cho trẻ lớn hơn.

Tiêu đề: Quyền con người dành cho trẻ em: Chương trình dạy quyền con người cho trẻ từ 3 đến 12 tuổi

Tác giả/Biên tập: Virginia Hatch, Patsy Hegstad, Norman Heimgartner

Nơi xuất bản: Alameda, Mỹ

Nhà xuất bản: Hunter House, Inc.

Năm xuất bản: 1992

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách này dành cho giáo viên bao gồm 10 nguyên tắc cơ bản đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc. Cuốn sách cung cấp các chiến lược và các hoạt động giảng dạy cho giáo viên.

Tiêu đề: Nuôi dạy trẻ em về nguồn gốc, quyền và trách nhiệm: Kỷ niệm Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em

Tác giả/Biên tập: Lori Dupont, Joanne Foley và Annette Gagliardi

Nơi xuất bản: Minneapolis

Nhà xuất bản: Trung tâm Nguồn tài liệu về quyền con người; Quỹ tài trợ Stanley

Năm xuất bản: 1999

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách này nhằm đáp ứng trách nhiệm đặt ra trong lời nói đầu của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Tuyên ngôn kêu gọi mọi cá nhân và mọi tổ chức xã hội “thông qua dạy và giáo dục để thúc đẩy sự tôn trọng các quyền và tự do này”.

Tiêu đề: Siniko. Hướng tới văn hóa quyền con người ở châu Phi

Tác giả/Biên tập: Văn phòng Tổng thư ký Quốc tế - Tổ chức Ân xá quốc tế

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Tổ chức Ân xá quốc tế

Năm xuất bản: 1999

Ngôn ngữ: Tiếng Anh và tiếng Pháp

Nội dung: Cuốn sách này dành cho giáo viên và các nhà giáo dục ở châu Phi làm việc với trẻ em trong môi trường giáo dục chính quy và phi chính quy cũng như những người muốn giới thiệu quyền con người trong các hoạt động giảng dạy thực tiễn. Sách đưa ra sự giới thiệu cơ bản với hướng dẫn về phương pháp, hoạt động cho trẻ em bé và trẻ lớn hơn và các ý tưởng hành động.

Tài liệu có trên mạng tại:

<http://web.amnesty.org/library/index/engAFR010031999?open&of=eng326>

Tiêu đề: Lòng khoan dung - ngưỡng cửa của hòa bình. Sách dành cho trường tiểu học

Tác giả/Biên tập: Betty A. Reardon

Nơi xuất bản: Paris

Nhà xuất bản: UNESCO

Năm xuất bản: 1997

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Đây là một trong ba cuốn sách do UNESCO xuất bản nhân kỷ niệm Năm khoan dung của Liên hiệp quốc 1995, thập kỷ Liên hiệp quốc về giáo dục quyền con người (1995 - 2004). Sách nằm trong khuôn khổ hội nhập của UNESCO về hoạt động giáo dục vì hòa bình, quyền con người và dân chủ.

Tiêu đề: Một thế giới, một trái đất. Giáo dục trách nhiệm xã hội cho trẻ em

Tác giả/Biên tập: Rob Collins và Meryll Hammond

Nơi xuất bản: Đảo Gabriola, Columbia, Anh

Nhà xuất bản: Nhà xuất bản New Society (xã hội mới)

Năm xuất bản: 1993

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Một thế giới, một trái đất là cuốn sổ tay dành cho người lớn, những người muốn làm việc với trẻ em để khám phá các vấn đề hòa bình, môi trường, và công bằng xã hội. Sách gồm những bài thảo luận nhạy cảm về việc làm thế nào để cùng học và cùng lãnh đạo với những người trẻ tuổi. Sách cũng đưa ra các chỉ dẫn chi tiết để tổ chức nhóm trong các cơ sở hiện hành (trường học, lính trinh sát, nhà thờ), tạo ra một môi trường học tập có tính cộng tác, liên quan tới cộng đồng rộng hơn, và vẫn duy trì được niềm say mê.

Tiêu đề: Bản tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Tài liệu phỏng theo dành cho trẻ em

Tác giả/Biên tập: Ruth Rocha và Otavio Roth

Nơi xuất bản: New York

Nhà xuất bản: Liên hiệp quốc

Năm xuất bản: 1990

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Mang tính giáo dục và vui nhộn, cuốn sách được minh họa rất đẹp này sẽ làm tất cả say mê, đặc biệt là trẻ em. Được viết bởi Ruth Rocha, nhà văn nổi tiếng thế giới về truyện trẻ em và phần minh họa hình ảnh sinh động của họa sĩ người Bra-xin, Otavio Roth, cuốn sách giúp tất cả chúng ta hiểu hơn tầm quan trọng của quyền con người.

Thanh thiếu niên

Tiêu đề: Thế giới của chúng ta. Quyền của chúng ta

Tác giả/Biên tập: Tổ chức Ân xá quốc tế

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Những nhà giáo dục trong Mạng lưới quyền con người

Năm xuất bản: 2006

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách vỡ lòng giành cho giáo viên với phần minh họa đẹp giới thiệu Tuyên ngôn thế giới về quyền con người cho các lớp tiểu học. Cuốn sách bài tập với chương giới thiệu kỹ về vai trò của quyền con người trong nhà trường, gồm nhiều kế hoạch giảng dạy, chỉ dẫn, hoạt động, trò chơi, câu đố và các tình huống nghiên cứu đã được kiểm tra theo các chủ đề và các lĩnh vực trong chương trình giảng dạy từ lịch sử, và địa lý tới tiếng Anh.

Tiêu đề: Phạm vi hiểu biết - Tài liệu về giáo dục quyền con người dành cho những người trẻ tuổi

Tác giả/Biên tập: Hội đồng châu Âu

Nơi xuất bản: Strasbourg

Nhà xuất bản: Hội đồng châu Âu

Năm xuất bản: 2003, Biên soạn lần thứ hai
Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Ả Rập, tiếng Bosnia, tiếng Croatia, Tiếng Hà Lan, tiếng Hungari, tiếng Italia, tiếng Romani, tiếng Nga và tiếng Slovenia.

Nội dung: Cuốn sách hướng dẫn mang tính giáo dục này trình bày một loạt cách tiếp cận các chủ đề và các phương pháp, truyền cảm hứng cho bất kỳ ai quan tâm tới quyền con người, dân chủ và quyền công dân. Cuốn sách hướng dẫn này cũng có một loạt 49 bảng dành cho các hoạt động thực hành trọn vẹn, với khung chi tiết cho các hoạt động học tập ở trường cũng như nhiều tài liệu và các văn bản liên quan.

Tiêu đề: Quyền con người trong chương trình giảng dạy: Lịch sử

Tác giả/Biên tập: Margot Brown và Sarah Slater
Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Tổ chức Ân xá quốc tế/Giáo dục trọng Mạng lưới quyền con người

Năm xuất bản: 2002

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách này gồm các hoạt động và các ý tưởng bài học hấp dẫn dành cho các giáo viên dạy lịch sử. Sách sẽ tạo cơ hội cho các học sinh học tập các lĩnh vực trong chương trình giảng dạy theo một cách mới và sâu sắc. Cùng với việc khuyến khích học sinh xem xét vấn đề nô lệ, lao động trẻ em, đấu tranh cho quyền phụ nữ và nạn tàn sát người Do Thái vào thời Hitle từ khía cạnh quyền con người, sách giáo khoa cũng giới thiệu các nhân vật lịch sử đầy cảm hứng từ Bartolomé de las Casas tới Eleanor Roosevelt. Bằng cách nghiên cứu các giai đoạn lịch sử theo cách này, học sinh sẽ phát triển hiểu biết về quyền con người và nhu cầu thúc đẩy chúng.

Tiêu đề: Tự do!: Bộ sách giáo dục quyền con người

Tác giả/Biên tập: Tổ chức Ân xá quốc tế

Nơi xuất bản: London

Nhà xuất bản: Tổ chức Ân xá quốc tế

Năm xuất bản: 2001

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Một nghiên cứu thú vị về quyền con người là gì và quyền con người được phát triển, bị phủ nhận, và được thử thách như thế nào. Bộ sách này thích hợp cho những học sinh từ 14 đến 19 tuổi. Được minh họa ấn tượng, bộ sách cung cấp thông tin, những gợi ý và những chỉ dẫn cho giáo viên cũng như các nghiên cứu tình huống, các hoạt động, các dự án nghiên cứu và các bài tập thực hành cho học sinh. Sách có thể sử dụng tốt trong các khóa học về công dân, giáo dục tôn giáo, các nghiên cứu nói chung, địa lý, lịch sử, tiếng Anh, PSHE, nghiên cứu truyền thông đại chúng, pháp luật và xã hội học.

Tiêu đề: Sổ tay Giáo dục quyền con người. Các bài tập thực hành hiệu quả cho việc học tập, hoạt động, và thay đổi

Tác giả/Biên tập: Nancy Flowers và những người khác.

Nơi xuất bản: Minneapolis

Nhà xuất bản: Trung tâm nguồn tài liệu quyền con người; Quỹ tài trợ Stanley

Năm xuất bản: 2000

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sổ tay này được sử dụng để giúp cho những người quan tâm tới quyền con người trở thành những nhà giáo dục có hiệu quả, có thể chia sẻ niềm say mê và kiến thức của mình. Đề giáo dục quyền con người chuyên sâu hơn nữa theo tất cả các hình thức của nó, cuốn sách này đặt ra những câu hỏi cơ bản: tại sao, cho ai, cái gì, ở đâu, ai, và như thế nào. Sách dựa trên kinh nghiệm của nhiều nhà giáo dục và các tổ chức nhằm minh họa các bài thực hành có hiệu quả và sàng lọc những hiểu biết tích lũy của họ.

Tiêu đề: Các quyền của người đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng tính và người chuyển đổi giới tính: Tiếp cận quyền con người

Tác giả/Biên tập: Dave Donahue

Nơi xuất bản: Minneapolis

Nhà xuất bản: Trung tâm nguồn tài liệu quyền con người, Trường Đại học Minnesota

Năm xuất bản: 2000

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Chương trình này dành cho việc nghiên cứu sâu hơn và hành động trách nhiệm của các học sinh trung học về các vấn đề đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng tính và chuyển đổi giới tính.

Tiêu đề: Công bằng kinh tế và xã hội. Tiếp cận quyền con người

Tác giả/Biên tập: David A. Shiman

Nơi xuất bản: Minneapolis

Nhà xuất bản: Trung tâm nguồn tài liệu quyền con người; Quỹ tài trợ Stanley

Năm xuất bản: 1999

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sách này cung cấp thông tin, các ý tưởng cơ bản cho việc đưa ra hành động và các hoạt động tương tác để giúp mọi người nghĩ về quyền con người theo cách rộng hơn và bao quát hơn. Sách giúp chúng ta hiểu rõ các vấn đề như là vô gia cư,

nghèo, đói, và không được chăm sóc sức khỏe đầy đủ không chỉ là “các vấn đề xã hội hay kinh tế” mà còn là những thử thách quyền con người.

Tiêu đề: Lòng khoan dung - ngưỡng cửa hòa bình. Sách dành cho trường trung học.

Tác giả/Biên tập: Betty A. Reardon

Nơi xuất bản: Paris

Nhà xuất bản: UNESCO

Năm xuất bản: 1998

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Đây là một trong ba cuốn sách do UNESCO xuất bản nhân Năm khoan dung của Liên hiệp quốc 1995, thập kỷ Liên hiệp quốc về Giáo dục quyền con người (1995 - 2004). Sách nằm trong khuôn khổ hội nhập của UNESCO về hoạt động giáo dục vì hòa bình, quyền con người và dân chủ.

Tiêu đề: Bộ sách Giáo dục: Các ý tưởng, nguồn tài liệu, phương pháp và các hoạt động giáo dục liên văn hóa không chính quy giữa thanh thiếu niên và người lớn (Tất cả khác biệt - tất cả chiến dịch bình đẳng)

Tác giả/Biên tập: Mark Taylor, Pat Brander, Carmen Cardenas, Rui Gomes, và Juan de Vincente Abad

Nơi xuất bản: Strasbourg

Nhà xuất bản: Hội đồng châu Âu

Năm xuất bản: 1995

Ngôn ngữ: Tiếng Anh, tiếng Pháp

Nội dung: Cuốn sách “Tất cả khác biệt, tất cả giáo dục bình đẳng” do Youth Directorate của Hội đồng châu Âu biên soạn, là một phần của Chiến dịch thanh niên châu Âu chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bài ngoại, chủ nghĩa bài Do Thái, và chủ nghĩa không khoan dung. Bộ sách giáo dục này được dành cho việc sử dụng trong các môi trường giáo dục không chính quy nhưng các hoạt động cũng có thể được kết hợp thành môi trường lớp học. Cuốn sách có hai phần chính, phần thứ nhất giải quyết các khái niệm cơ bản liên quan đến giáo dục liên văn hóa, và phần thứ hai là hướng dẫn các hoạt động, phương pháp và các nguồn tài liệu.

Tiêu đề: Quyền con người dành cho Tất cả mọi người

Tác giả/Biên tập: Edward O'Brien, Eleanor Greene, và David McQuoid-Mason

Nơi xuất bản: Minneapolis

Nhà xuất bản: Viện Giáo dục công dân quốc gia theo pháp luật (NICEL)

Năm xuất bản: 1996

Ngôn ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Romani, Tiếng Hungari, tiếng Tây Ban Nha

Nội dung: Quyền con người dành cho tất cả mọi người là cuốn sách giáo khoa do Viện Giáo dục công dân quốc gia theo pháp luật (Mỹ) xuất bản để sử dụng cho chương trình giáo dục cả năm. Bộ sách gồm có sách giáo khoa dành cho học sinh và sách hướng dẫn cho giáo viên. Bộ sách này do một tổ chức phi chính phủ Nam Phi phối hợp với một tổ chức của Mỹ xây dựng, và được thiết kế để thích ứng với việc sử dụng ở các môi trường quốc gia khác nhau. Cuốn sách giáo khoa dành cho việc sử dụng ở các trường trung học (lứa tuổi từ 12 - 18 tuổi), nhưng cũng có thể được một bộ phận người lớn sử dụng. Các bài học bắt đầu hợp lý từ nguồn gốc và phân loại quyền con người cho tới nội dung các quyền chính trị, xã hội, kinh tế và các thủ tục giải quyết vấn đề lạm dụng quyền con người.

Tiêu đề: Đó chỉ là Quyền! Hướng dẫn thực tiễn để tìm hiểu về Công ước quyền trẻ em

Tác giả/Biên tập: Susan Fountain

Nơi xuất bản: New York

Nhà xuất bản: UNICEF

Năm xuất bản: 1993

Ngôn ngữ: Các ngôn ngữ khác nhau

Nội dung: Cuốn sách này do UNICEF xuất bản và được viết dành cho giáo viên dạy các em lứa tuổi 13 và lớn hơn. Sách được phát triển với dữ liệu đầu vào từ các chuyên gia đến từ Mỹ La tinh, châu Á, châu Phi, Tây Âu, và Bắc Mỹ và dành cho các môi trường quốc gia khác nhau. Điểm mạnh chính của sách hướng dẫn này là cách tiếp cận đa văn hóa. Các ví dụ được rút ra từ nhiều

quốc gia, khuyến khích học sinh sử dụng phương pháp tiếp cận so sánh để hiểu tình hình trẻ em. Một đặc điểm thú vị nữa của cuốn sách là phần đưa ra hành động, dẫn dắt học sinh qua việc xác định, nghiên cứu vấn đề, và lập kế hoạch.

Người lớn

Tiêu đề: Kêu gọi công lý

Tác giả/Biên tập: PDHRE

Nơi xuất bản: New York

Nhà xuất bản: PDHRE

Năm xuất bản: 2000

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Những cam kết và nghĩa vụ đối với quyền con người của chính phủ đã tạo ra khuôn khổ quyền con người để trao quyền hợp pháp cho hoạt động của các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng người lao động, và tất cả những ai quan tâm:

CÁC NHÓM: Người cao tuổi, trẻ em và thanh niên, những người có khả năng đặc biệt, cộng đồng dân tộc và sắc tộc, người tị nạn, phụ nữ.

CÁC VẤN ĐỀ: Phát triển, phân biệt đối xử, giáo dục, môi trường, sức khỏe, nhà cửa, sinh kế và đất đai, sự tham gia; hòa bình và giải trừ quân bị, nghèo, chủng tộc, tôn giáo, xu hướng giới tính, việc làm.

Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.pdhre.org/justice.html>

Tiêu đề: Tìm hiểu về Phản xạ và Hành động: 149 hoạt động được sử dụng trong quá trình học tập quyền con người

Tác giả/Biên tập: PDHRE

Nơi xuất bản: New York

Nhà xuất bản: PDHRE

Năm xuất bản: 2000

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Đây là cuốn tài liệu biên soạn từ các chương trình đào tạo trên khắp thế giới.

Tiêu đề: Đảm bảo cho phẩm giá

Tác giả/Biên tập: PDHRE

Nơi xuất bản: New York

Nhà xuất bản: PDHRE

Năm xuất bản: 2001

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Sách hướng dẫn và sách bài tập dày 536 trang đưa ra minh chứng về bản chất chính thể luận của quyền con người là một công cụ mạnh mẽ cho quá trình hành động để đạt được bình đẳng trọn vẹn, hạnh phúc, và quyền tham gia vào các quyết định quyết định tới cuộc sống của phụ nữ.

Tiêu đề: Giáo dục quyền con người phổ biến. 24 bài tập tham gia tình huống dành cho người hướng dẫn và giảng viên

Tác giả/Biên tập: Richard Pierre Claude

Nơi xuất bản: Amsterdam

Nhà xuất bản: Các cộng sự giáo dục quyền con người

Năm xuất bản: 2000

Ngôn ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, và tiếng Hà Lan

Nội dung: Cuốn sổ tay đào tạo với các bài tập được thiết kế giành cho giáo dục cơ sở không chính quy đề cập đến nhiều vấn đề bao gồm: các vấn đề của phụ nữ và trẻ em và được tổ chức theo các giá trị cụ thể, ví dụ như tôn trọng phẩm giá và các luật lệ công bằng, các mối quan hệ giữa quyền con người và trách nhiệm, xây dựng xã hội dân sự, đương đầu với định kiến, và “thông tin về việc trao quyền”,... Tài liệu được thiết kế theo phương pháp tham gia tích cực nhưng có thể điều chỉnh cho phù hợp với các môi trường và văn hoá khác nhau. Sách cũng đã được sử dụng thành công trong cả các chương trình giáo dục chính quy. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.hrea.org/pubs/claude00.html>

Tiêu đề: Sổ tay tự hướng dẫn về giáo dục quyền con người

Tác giả/Biên tập: J. Paul Martin

Nơi xuất bản: New York

Nhà xuất bản: Trung tâm Nghiên cứu quyền con người, Trường Đại học Columbia

Năm xuất bản: 1996

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung: Cuốn sổ tay trực tuyến này được thiết kế để hỗ trợ cho những nhà giáo dục quyền con người đã có kinh nghiệm và có triển vọng, và để thiết lập các mục tiêu giáo dục rõ ràng cho các chương trình quyền con người, để cải thiện khả năng lên kế hoạch và đánh giá chương trình của họ, và để sử dụng hầu hết các nguồn tài liệu sẵn có cũng như sáng tạo ra tài liệu của riêng họ khi cần thiết hay khi có thể.

Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.hrea.org/erc/>

[Library/curriculum_methodology/SELFHELP.html](http://www.hrea.org/erc/Library/curriculum_methodology/SELFHELP.html)

Tiêu đề: Lòng khoan dung - ngưỡng cửa hòa bình. Sách dành cho quá trình đào tạo giáo viên

Tác giả/Biên tập: Betty A. Reardon

Nơi xuất bản: Paris

Nhà xuất bản: UNESCO

Năm xuất bản: 1998

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Nội dung:

Đây là một trong ba cuốn sách do UNESCO xuất bản nhân Năm khoan dung của Liên hiệp quốc 1995, thập kỷ Liên hiệp quốc về giáo dục quyền con người (1995 - 2004). Sách nằm trong khuôn khổ hội nhập của UNESCO về hoạt động giáo dục vì hòa bình, quyền con người và dân chủ.

GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN MẠNG INTERNET**Tài liệu giáo dục****Cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo quyền con người của Cao uỷ quyền con người Liên hiệp quốc (UNHCHR):**

<http://www.unhchr.ch/hredu.nsf>

Cơ sở dữ liệu này của Cao uỷ quyền con người Liên hiệp quốc (UNHCHR) cung cấp thông tin về các tổ

chức, các tài liệu và các chương trình cho giáo dục quyền con người. Cơ sở dữ liệu là một phần đóng góp cho Thập kỷ vì giáo dục quyền con người của Liên hiệp quốc (1995 - 2004) và nhằm mục đích chia sẻ thông tin về nguồn tài liệu có sẵn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quyền con người cho tất cả đối tác quan tâm.

Có thể tham khảo tại:

<http://193.194.138.190/education/main.htm>

Đây là trang chính của UNHCHR về giáo dục và đào tạo quyền con người. Ngoài các tài liệu khác, trang web còn cung cấp các tài liệu của UNHCHR về các hoạt động và các mối quan hệ liên quan đến giáo dục quyền con người.

Hội đồng châu Âu: <http://www.coe.int>

Trang web của Hội đồng châu Âu đưa ra hai đường dẫn ở thư mục quan hệ công chúng: Cẩm nang về quyền con người và giáo dục. Cẩm nang cung cấp thông tin cơ bản về lịch sử của Hội đồng, lịch sử châu Âu, văn hóa, và ngôn ngữ, đồng thời cung cấp cả thông tin về quyền con người và việc bảo vệ quyền con người. Cẩm nang về quyền con người đề cập đến việc bảo vệ quyền con người, đưa ra nội dung đã được đơn giản hóa của Hội nghị châu Âu về quyền con người với nhiều bài tập và trò chơi.

UNICEF: <http://www.unicef.org>

Theo đường dẫn “giáo dục quyền con người”, UNICEF cung cấp một loạt các chủ đề về giáo dục quyền con người và các đường dẫn tài liệu. Ví dụ, bạn có thể tìm thấy đường dẫn tới phim hoạt hình dành cho các quyền trẻ em để minh họa cho quyền của trẻ em.

Chương trình Xe buýt trường học số (Cyber School Bus) của Liên hiệp quốc: <http://www.cyberschoolbus.un.org>

Chương trình Cyber School Bus của Liên hiệp quốc đã được sáng lập vào năm 1996, như là một hợp phần về giáo dục trực tuyến của Dự án học và giảng dạy toàn cầu với nhiệm vụ thúc đẩy giáo dục các vấn đề quốc tế và về Liên hiệp quốc. Dự án đưa ra các tài liệu giảng dạy chất lượng cao và các hoạt động được thiết kế sử dụng trong giáo dục

(ở trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông) và dành cho các giáo viên. Trên trang này, có một số các hoạt động và dự án giới thiệu cho học sinh các vấn đề toàn cầu theo cách tương tác, hấp dẫn và vui nhộn.

Hiệp hội giáo dục về quyền con người: <http://www.erc.hrea.org>

Hiệp hội giáo dục về quyền con người (HREA) là một tổ chức phi chính phủ quốc tế hỗ trợ quá trình học tập, đào tạo quyền con người của các nhà hoạt động chính trị - xã hội và các giáo sư, phát triển các tài liệu giáo dục và lập chương trình, và xây dựng cộng đồng qua các công nghệ trực tuyến. Trung tâm nguồn tài liệu giáo dục quyền con người là một kho chứa trực tuyến các tài liệu giáo dục và đào tạo quyền con người, các diễn đàn trực tuyến, cơ sở dữ liệu và các đường dẫn tới các tổ chức và các nguồn tài liệu khác. Trung tâm Học quyền con người trực tuyến là một phần mới của trang web giáo dục quyền con người cho mọi người (HREA).

Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người của con người: <http://www.pdhre.org>

Trang web của tổ chức giáo dục quyền con người này được thiết kế để tìm hiểu về quyền con người nhằm thay đổi tình hình kinh tế và xã hội. Trang web đưa ra đường dẫn giới thiệu về phương pháp và các tài liệu học tập về giáo dục quyền con người. Đây cũng là một nguồn tài liệu hữu ích cho tất cả những ai quan tâm muốn biết thêm về sáng kiến thành phố vì quyền con người.

Internert và quyền con người: <http://www.hri.ca>

Được sáng lập vào năm 1976, HRI đứng đầu trong việc trao đổi thông tin trong cộng đồng quyền con người trên toàn thế giới. HRI được thiết kế nhằm nâng cao quyền năng cho các nhà hoạt động và các tổ chức về quyền con người cũng như để việc giáo dục các tổ chức chính phủ và liên chính phủ, các viên chức, và các nhà hoạt động trong lĩnh vực công và tư. Hơn nữa, trang web cũng nhằm thúc đẩy vai trò của xã hội dân sự trong việc nâng cao nhận thức về các vấn đề quyền con người.

Trung tâm giáo dục quyền con người quốc gia: <http://www.nchre.org>

Nhiệm vụ của Trung tâm giáo dục quyền con người quốc gia (NCHRE) tạo ra một phong trào vận động về quyền con người ở Mỹ bằng cách đào tạo các nhà lãnh đạo cộng đồng và các nhà hoạt động vì sinh viên để giúp họ áp dụng các tiêu chuẩn quyền con người trong các vấn đề gây bất công. Các chương trình NCHRE cho thấy rằng cách tiếp cận nhiều mặt đối với sự thay đổi xã hội sẽ giúp tạo ra một phong trào quyền con người mạnh mẽ.

Chương trình giáo dục quyền con người: <http://www.hrep.com.pk>

Chương trình giáo dục quyền con người (HREP) được thiết lập vào tháng 8 năm 1995 như là một tổ chức phi lợi nhuận độc lập. HREP chủ yếu làm việc với trẻ em và giáo viên nhà trường, sử dụng lăng kính quyền làm cơ sở hoạt động. Mục đích trên hết của HREP là góp phần phát triển xã hội dân sự và nhân văn bằng cách cung cấp cho trẻ và thanh thiếu niên một nền giáo dục quyền con người nhạy bén và gắn với xã hội.

Trung tâm nguồn tài liệu quyền con người: <http://www.hrusa.org>

Trung tâm nguồn tài liệu quyền con người là phần không thể thiếu của Trung tâm quyền con người thuộc Trường Đại học Minnesota và phối hợp với thư viện quyền con người của trường để tạo ra và phân phối các nguồn tài liệu giáo dục quyền con người qua phương tiện truyền thông điện tử và in ấn, các nhà đào tạo, các giáo sư và học sinh, xây dựng các mạng lưới ủng hộ tích cực để khuyến khích các hoạt động thực tiễn hiệu quả trong giáo dục quyền con người cũng như hỗ trợ Thập kỷ Liên hiệp quốc cho giáo dục quyền con người (1995 - 2004).

Trung tâm đào tạo và nghiên cứu quyền con người và dân chủ châu Âu (ETC): <http://www.etc-graz.at>

Trên trang web của mình, ETC cung cấp cuốn tài liệu về giáo dục quyền con người “Tìm hiểu về

quyền con người” bằng vài ngôn ngữ khác nhau, đồng thời cung cấp các bài thuyết trình trên Power Point theo từng chuyên đề cũng như các nguồn tài liệu bổ sung và các công cụ cho người học và các nhà giáo dục quyền con người.

Giáo dục quyền con người của Tổ chức Ân xá quốc tế ở Mỹ:

<http://www.amnestyusa.org/education>

Trang này cung cấp đường dẫn tới các tài liệu lớp học và các nguồn tài liệu, các bài học mẫu, chương trình học quyền con người, thông tin về các tài liệu khác, quyền trẻ em (với các nghiên cứu tình huống).

Giảng dạy quyền con người trực tuyến: <http://www.oz.uc.edu/thro/index.html>

Dạy quyền con người trực tuyến nhằm tăng cường lý luận đạo đức và thông tin so sánh giữa các nền văn hóa dành cho các sinh viên đại học cũng như các nghiên cứu xã hội ở trường trung học. Trang web này gồm các bài tập về tư duy phê phán dành cho việc học tập của cá nhân, một thư viện tình huống và sách hướng dẫn giành cho các nhà giáo dục.

BBC World Service. Tôi có quyền... giúp bạn hiểu các quyền của bạn:

<http://www.bbc.co.uk/worldservice/people/features/ihavearightto/index.shtml>

“Tôi có quyền ...” là một dự án giáo dục toàn cầu do BBC World Service Trust phát triển. Dự án “Tôi có quyền...” của The World Service nhằm giúp mọi người đưa ra các lựa chọn có thông tin về cuộc sống của họ và tham gia vào các thảo luận và tranh luận. Dự án gồm các chương trình radio được phát ra bằng 25 thứ tiếng, các sự kiện nâng cao nhận thức quốc tế, các cuộc thảo luận, và nội dung trang web có tiêu đề “Tôi có quyền ...”. Trang web hoạt động như một trung tâm thông tin về quyền con người toàn cầu này được thành lập vào tháng 10 năm 2000.

Các bên tham gia trong giáo dục quyền con người:

<http://www1.umn.edu/humanrts/education/partners>
Các bên tham gia trong giáo dục quyền con

người là một dự án Giáo dục cộng đồng để giúp các học sinh tìm hiểu về quyền con người và thực tiễn biết tôn trọng những người khác cả trong và ngoài nhà trường. Dự án bắt đầu được thiết lập vào năm 1992 như là sự liên kết của dự án về vận động quyền con người Minnesota và Trung tâm quyền con của Trường Đại học Minnesota. Hiện nay nó thuộc dự án Vận động Minnesota. Các bên tham gia nhóm Giáo dục quyền con người gồm các nhà đại diện cộng đồng, luật gia, và giáo viên ở các Thành phố đôi (Twin Cities), Greater Minnesota, Wisconsin, và Bắc Dakota.

Nghiên cứu và Giảng dạy quyền con người, các Vấn đề về giới tính và dân chủ ở Nam Phi:

http://www.hrdc.unam.na/teaching_resources.htm.

Trang web do Trung tâm Tài liệu và quyền con người (HRDC - Trường Đại học Namibia), Chương trình khoa học xã hội và nhân văn ở Nam Phi (Windhoek, Namibia), và Mạng quyền con người (HRI-Ottawa, Canada) cùng hợp tác với các trường đại học và các tổ chức trên khắp Nam Phi tạo ra. Trang web được thiết kế để trở thành một diễn đàn tập hợp và phổ biến thông tin liên quan tới quyền con người, các vấn đề về giới và dân chủ liên quan tới 14 nước thành viên của Cộng đồng phát triển Nam Phi (SADC). Trang web này cung cấp các nguồn tài liệu giảng dạy đã được lựa chọn về giáo dục quyền con người. Các nguồn tài liệu trực tuyến cung cấp chương trình giảng dạy, các đường dẫn và thông tin cơ sở để trợ giúp việc truyền đạt quyền con người tới nhiều khán giả.

Thư viện trực tuyến

Tài liệu âm thanh - hình ảnh:

<http://www.hrea.org/pubs/HRE-resourcebook/2nd>

Viện Quyền con người Áo:

<http://www.2.sbg.ac.at/home.htm>

Sách hướng dẫn đầy đủ về quyền con người trên

mạng internet: <http://www.derechos.org/human-rights/manual.htm>

Tòa án quyền con người châu Âu:

<http://cmiskp.echr.coe.int/tkp197/search.asp?skin=hudoc-en>

HURIDOCS - Hệ thống tài liệu và thông tin về quyền con người: <http://www.huridocda.org>

Trang mạng tài liệu của Viện Quyền con người Hà Lan: <http://sim.law.uu.nl/SIM/Dochoome.nsf?Open>

OHCHR - Cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo quyền con người: <http://www.unhchr.ch/hredu.nsf>

Viện Xã hội mở. Chương trình hỗ trợ giáo dục: <http://public.soros.org/initiatives/esp/re-sources>

Kho trữ quyền con người trực tuyến của Dự án DIANA: <http://www.yale.edu/lawweb/avalon/diana/index.html>

Stephen A. Hansen, đưa quyền con người lên mạng. các câu hỏi và đáp thường gặp về sử dụng mạng internet trong hoạt động quyền con người: <http://shr.aaas.org/Online/cover.htm>

Thư viện châu Âu:

<http://www.theeuropeanlibrary.org/portal/index.htm>

Các cơ sở dữ liệu trực tuyến của Liên hiệp quốc: https://unp.un.org/online_online_databases.aspx

Thư viện quyền con người của Trường Đại học Minnesota: <http://www.umn.edu/humanrts>

D. CÁC ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

Bạn có thể tìm thấy thông tin về các tổ chức chính phủ và phi chính phủ quốc tế trong lĩnh vực quyền con người và giáo dục quyền con người bên dưới đây. Trong đó có các thông tin về các tổ chức xuất bản tài liệu quyền con người, các hội thảo và thông tin tư vấn về quyền con người. Phần này còn cung cấp danh mục các chương trình thạc sĩ thích hợp.

CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

Liên hiệp quốc (UN)

Trụ sở của Liên hiệp quốc

Đại lộ đầu tại Đường số 46

New York, NY 10017

Mỹ

Trang chủ: www.un.org

Email: inquiries@un.org

Ngôn ngữ: tiếng Ả-rập, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Trung

Trang chủ của Liên hiệp quốc có tất cả các thông tin về các tổ chức chuyên môn hay các tiểu ban được liệt kê dưới đây. Tuy nhiên, có thể gặp khó khăn khi tìm các đường dẫn. Do vậy, cuốn sách này giới thiệu tổng quan về các trang web của hầu hết các Tổ chức quyền con người và tổ chức giáo dục quyền con người liên quan.

Văn phòng Cao ủy Liên hiệp quốc về quyền con người (OHCHR)

Số 8-14 Đại lộ Paix

1211 Geneva 10

Thụy Sĩ, châu Âu

Số điện thoại: + 41 22 917 9000

Trang chủ: <http://www.unhchr.ch>

Email: xem: <http://www.unhchr.ch/html/hchr/contact.htm>

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha

Loại chương trình: phát triển các kế hoạch hành động quốc gia, hỗ trợ cho các tổ chức phi chính phủ, đào tạo các nhóm chuyên gia khác nhau, báo cáo công ước và nghĩa vụ quốc tế, xây dựng chương trình giảng dạy, v.v....

Nhóm mục tiêu: các nhà lập pháp, thẩm phán, luật sư, quan tòa, cảnh sát, quan chức coi ngục, giáo viên, quan chức chính phủ, phương tiện thông tin đại chúng, các công chức. Cơ sở dữ liệu của trang web này cung cấp thông tin về các tổ chức, các tài liệu và các chương trình về quyền con người. Cơ sở dữ liệu là một đóng góp cho thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hiệp quốc (1995 - 2004) tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ thông tin về nhiều nguồn tài liệu sẵn có trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quyền con người. Khi tìm kiếm bạn có thể tìm thấy 5 phần theo khu vực địa lý, các nhóm mục tiêu, tập trung vào nội dung, đất nước/khu vực, thể loại và ngôn ngữ. Thông tin trong cơ sở dữ liệu có thể tiếp cận được bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha.

Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO)

Số 7 đường Fontenoy

75352 PA-RI 07 SP

Nước Pháp, châu Âu

Số điện thoại: +33 1 45 68 10 00

Trang chủ: www.unesco.org

Email: geneva@unesco.org

Ngôn ngữ: tiếng Pháp, tiếng Anh

Loại chương trình: Hoạch định, xuất bản chính sách về giáo dục quyền con người; xuất bản; đẩy mạnh mạng lưới quyền con người và giáo dục quyền con người trong trường học; đào tạo các nhóm chuyên gia (các nghị sĩ, các chính trị gia trong nước, các đại diện tổ chức phi chính phủ); giáo dục quyền con người ở trình độ đại học.

Nhóm mục tiêu: Trình độ trung học và đại học; các nhóm chuyên gia.

Mục tiêu chính của UNESCO là đóng góp vào hòa bình và an ninh trên thế giới bằng cách đẩy mạnh sự cộng tác giữa các quốc gia thông qua giáo dục, khoa học, văn hóa và thông tin để công lý, pháp quyền và tự do cơ bản được khẳng định trong Hiến chương Liên hiệp quốc là thuộc về mọi người ngày càng được tôn trọng trên toàn cầu mà không có sự phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hay tôn giáo.

Cao uỷ Liên hiệp quốc về người tị nạn (UNHCR)

P.O. Box 2500,
1211 Geneva 2 Depot 2
Thụy Sĩ, châu Âu
Số điện thoại: +41 22 739 8111
Trang chủ: www.unhcr.ch
Email: towle@unhcr.ch
Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp

Loại chương trình: giáo dục cộng đồng; nâng cao nhận thức công cộng; xây dựng văn bản
Nhóm mục tiêu: giáo viên; người tị nạn; các tổ chức chính phủ.

Văn phòng Cao uỷ Liên hiệp quốc về người tị nạn có nhiệm vụ dẫn dắt và phối hợp hành động quốc tế để bảo vệ những người tị nạn và giải quyết các vấn đề tị nạn trên khắp thế giới. Mục tiêu chính của văn phòng là bảo vệ các quyền và hạnh phúc của người tị nạn. Văn phòng cố gắng đảm bảo rằng mọi người có thể thực hành quyền tìm kiếm nơi ẩn nấp và tìm thấy nơi trú ẩn an toàn ở nước khác, cùng với việc lựa chọn tự nguyện trở về nhà, hòa nhập với người địa phương hay tái định cư ở một nước thứ ba.

Quỹ nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF)

UNICEF House (địa chỉ thư)
Số 3 Plaza Liên hiệp quốc
New York, 10017
New York, U.S.A.
Số điện thoại: +1 212 326 7000
Trang chủ: www.unicef.org
Email: info@unicef.org
Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, UNICEF được Đại hội đồng Liên hiệp quốc

ủy quyền để ủng hộ việc bảo vệ quyền trẻ em, giúp đỡ đáp ứng các nhu cầu cơ bản và mở rộng cơ hội được phát huy đầy đủ tiềm năng của trẻ em. UNICEF định hướng theo Công ước về quyền trẻ em hướng dẫn và cố gắng xác lập quyền trẻ em khi áp dụng các nguyên tắc đạo đức và các tiêu chuẩn hành vi quốc tế đối với trẻ.

Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)

Số 4 đường Morillons
CH-1211 Geneva 22
Thụy Sĩ, châu Âu
Số điện thoại: +41 22 799 6111
Trang chủ: www.ilo.org
Email: ilo@ilo.org
Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Tổ chức Lao động quốc tế là cơ quan chuyên môn của Liên hiệp quốc về thúc đẩy công bằng xã hội, các quyền lao động và quyền con người được thừa nhận ở cấp độ quốc tế. ILO đưa các tiêu chuẩn lao động quốc tế trong các công ước và khuyến nghị về thiết lập tiêu chuẩn tối thiểu về quyền con người. Tổ chức này cũng thúc đẩy sự phát triển các tổ chức của những người lao động và người sử dụng lao động độc lập đồng thời tiến hành đào tạo và cung cấp dịch vụ tư vấn cho các tổ chức này.

CÁC TỔ CHỨC KHU VỰC

Châu Phi

Ủy ban về quyền con người và quyền của các dân tộc châu Phi (ACHPR)

Đại lộ Kairaba, P.O. Box 673
Banjul, Gambia
Số điện thoại: + 220 4392962 Fax: + 220 4390764
Trang chủ: www.achpr.org
E-mail: achpr@achpr.org, idoc@achpr.org
Ngôn ngữ: tiếng Anh and tiếng Pháp, tiếng Ả Rập và tiếng Tây Ban Nha
Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc (ACHPR) là tổ chức chính của hệ

thống quyền con người châu Phi. Nhiệm vụ chủ yếu là thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Trên lĩnh vực thúc đẩy quyền con người, Ủy ban phổ biến thông tin về hệ thống quyền con người châu Phi và tổ chức các cuộc hội thảo và hội nghị. Trên lĩnh vực bảo vệ quyền con người, Ủy ban tiếp nhận “kháng thư” từ các cá nhân hay các nhóm về các vi phạm quyền con người. Trụ sở của Ủy ban ở Banjul, Gambia. Sau khi nghị định thư bổ sung của Hiến chương châu Phi có hiệu lực, Tòa án châu Phi về con người và quyền con người sẽ được thành lập để hỗ trợ cho công việc của Ủy ban châu Phi bằng cách đưa ra các quyết định mang tính ràng buộc. Các quyết định này có thể gồm cả vấn đề bồi thường thiệt hại.

Châu Mỹ

Ủy ban quyền con người liên Mỹ (IACHR)

1889 F Street, N.W. Washington D. C., 20006
Washington, DC., USA

Số điện thoại: +1 202 458-6002

Trang chủ: www.cidh.oas.org/DefaultE.htm

Email: cidhoea@oas.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha

Loại chương trình: giám sát; các khóa học về quyền con người; học bổng sau đại học về quyền con người.

Nhóm mục tiêu: các trường đại học; các dân tộc bản địa.

Ủy ban quyền con người liên Mỹ (IACHR) là một trong hai cơ quan trong hệ thống liên Mỹ về việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Ủy ban có trụ sở chính ở thủ đô Washington. Một cơ quan nữa về quyền con người là Tòa án quyền con người liên Mỹ có trụ sở tại San José, Costa Rica. IACHR là một cơ quan tự trị thuộc Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS). IACHR có chức năng chính là tăng thúc đẩy việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người nói chung và các khiếu kiện

cá nhân. Bất kỳ cá nhân, nhóm người hay tổ chức phi chính phủ nào cũng có thể gửi khiếu kiện lên Ủy ban để cáo buộc các vi phạm quyền được ghi nhận trong Công ước hay Tuyên ngôn châu Mỹ về quyền con người.

Viện quyền con người liên Mỹ (IIDH)

P.O. Box 10081-1000

San José, Costa Rica

Số điện thoại: +506 234 04 04

Trang chủ: www.iidh.ed.cr

Email: cre@iidh.ed.cr

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha

Loại chương trình: giám sát; xuất bản; tổ chức các khóa học và chương trình đào tạo khác về cơ chế bảo vệ quyền con người khu vực và quốc tế; giáo dục quyền con người cho các trường trung học

Nhóm mục tiêu: các nhà hoạt động của tổ chức phi chính phủ, các nhóm chuyên gia, các quan chức chính phủ, giáo viên IIDH hoạt động để thúc đẩy và đạt được các quyền ghi nhận trong Công ước châu Mỹ về quyền con người và để hỗ trợ củng cố nền dân chủ thông qua giáo dục, nghiên cứu, hòa giải chính trị, các chương trình đào tạo, trợ giúp kỹ thuật cho các vấn đề liên quan tới quyền con người, và phổ biến kiến thức thông qua các ấn phẩm chuyên môn. Hoạt động của IIDH tuân thủ theo các nguyên tắc về dân chủ đại diện, pháp quyền, tư tưởng đa nguyên và tôn trọng các quyền và tự do cơ bản. IIDH hoạt động cùng với Tòa án liên Mỹ và Ủy ban quyền con người liên Mỹ, khu vực xã hội dân sự và các nước ở bán cầu tây và các tổ chức quốc tế.

Châu Âu

Hội đồng châu Âu (CoE)

F-67075 Strasbourg Cedex

Strasbourg, Pháp

Số điện thoại: +33 3 88 412 000

Trang chủ: www.coe.int

Email: dh@coe.fr

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp

Loại chương trình: các trung tâm tài liệu; sách xuất bản; các chương trình đào tạo giáo viên.

Nhóm mục tiêu: tiểu học và trung học; các nhóm nghề nghiệp.

Ngoài chức năng bảo vệ, Hội đồng châu Âu quan tâm đến tất cả các vấn đề mà xã hội châu Âu đang phải đương đầu. Chương trình hoạt động của Hội đồng gồm các lĩnh vực sau: quyền con người, truyền thông đại chúng, hợp tác hợp pháp, liên kết xã hội, sức khỏe, giáo dục, văn hóa, di sản, thể thao, thanh niên, dân chủ địa phương và hợp tác xuyên biên giới, môi trường, và quy hoạch vùng. Cần tránh sự nhầm lẫn giữa Hội đồng châu Âu với Liên minh châu Âu. Hai tổ chức này khá khác nhau. Tuy nhiên, 15 thành viên của Liên minh châu Âu đều là thành viên của Hội đồng châu Âu.

Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE)

Kärntner Ring 5-7

1010 Vienna, Austria

Số điện thoại: +43-1 514 36 180

Trang chủ: www.osce.org

Email: info@osce.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh

OSCE là tổ chức an ninh khu vực lớn nhất trên thế giới với 55 thành viên trên khắp châu Âu, Trung Á và Nam Mỹ. Tổ chức hoạt động tích cực trong việc đưa ra cảnh báo sớm, ngăn chặn xung đột, quản lý khủng hoảng và phục hồi sau xung đột. Phương thức tiếp cận an ninh của OSCE mang tính toàn diện trong việc giải quyết hàng loạt các vấn đề liên quan tới an ninh bao gồm cả việc kiểm soát quân đội, ngoại giao phòng ngừa, các biện pháp xây dựng an ninh và bí mật, quyền con người, khuyến khích dân chủ, giám sát bầu cử, an ninh kinh tế và môi trường.

OSCE - Văn phòng các thể chế dân chủ và quyền con người (ODIHR)

Al. Ujazdowskie 19

00-557 Warsaw, Poland

Số điện thoại: +48 22 520 0600

Trang chủ: www.osce.org/odihr

Email: office@odihr.pl

Ngôn ngữ: tiếng Anh

ODIHR là cơ quan chính của OSCE, có trách nhiệm về khía cạnh con người. ODIHR tăng cường bầu cử dân chủ qua một chu kỳ theo dõi sâu sát các cuộc bầu cử quốc gia và các dự án trợ giúp nhằm tăng cường dân chủ, quản trị hiệu quả và nâng cao tính ổn định. Cơ quan này cũng cung cấp hỗ trợ thực tiễn để củng cố các thể chế dân chủ và tôn trọng quyền con người cũng như tăng cường xã hội dân sự. Ngoài ra, tổ chức đóng vai trò là đầu mối liên lạc của OSCE cho các vấn đề ở Roma và Sinti và là tổ chức góp phần đưa ra cảnh báo sớm và ngăn chặn xung đột thông qua quan sát quá trình thực hiện các cam kết về con người của OSCE.

CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

Lưu ý: các tổ chức phi chính phủ được thành lập trên cơ sở quốc gia thành viên của Mạng an ninh nhân loại sẽ được liệt kê trong phần tiếp theo.

Tổ chức Ân xá quốc tế (AI)

Số 1 Đường Easton, Luân Đôn WC1X 8DJ

Vương Quốc Anh, Châu Âu

Số điện thoại: +44 20 741 355 00

Trang chủ: www.amnesty.org

Email: jluck@amnesty.org;

cthomas@amnesty.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Ả-Rập, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha

Loại chương trình: phát triển tài liệu về giáo dục quyền con người, chương trình đào tạo giáo viên; các chương trình đào tạo cảnh sát, quân đội và các nhóm nghề nghiệp khác.

Nhóm mục tiêu: tiểu học và trung học; các nhóm nghề nghiệp.

Ân xá quốc tế là một phong trào vận động chiến dịch rộng khắp toàn cầu để thúc đẩy việc ghi nhận quyền con người ở cấp độ quốc tế. Nhiệm vụ của tổ chức là nghiên cứu và hành động tập trung vào việc

ngăn ngừa và chấm dứt tình trạng lạm dụng nghiêm trọng các quyền liên quan tới sự toàn vẹn về thể chất và tinh thần, tự do tín ngưỡng và tự do ngôn luận, tự do không bị phân biệt đối xử. Tổ chức Ân xá quốc tế có trên một triệu thành viên và đã hỗ trợ cho hơn 140 quốc gia.

Viện quyền con người Ả Rập (AIHR)

10, rue Ibn Masoud

El Manzah, 1004 Tunis, Tunisia

Số điện thoại: +216 1 767 889/767 003

Trang chủ: www.aihr.org.tn

Email: aihr.infocenter@gnet.tn

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ả - Rập

Loại chương trình: các chương trình đào tạo khác nhau dành cho các tổ chức phi chính phủ về quyền con người; các khóa học quyền con người dành cho sinh viên trường đại học; tài liệu; nghiên cứu.

Nhóm mục tiêu: các thành viên của các tổ chức phi chính phủ; các nhóm chuyên gia; giáo viên, học sinh, trẻ em; phụ nữ.

Viện quyền con người Ả-Rập là một tổ chức phi chính phủ độc lập được thành lập vào năm 1989. Viện hướng tới việc nâng cao nhận thức về các quyền dân sự, chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế của con người. Viện cũng tập trung phổ biến và tăng cường giáo dục quyền con người thông qua các hội thảo, hội nghị chuyên đề, nghiên cứu, điều tra về quyền phụ nữ, quyền trẻ em, v.v...

Trung tâm nguồn tài liệu khu vực châu Á về giáo dục quyền con người (ARRCHR)

2738 Ladprao, 128/3 Klongchan, Bangkok

Bangkok 10240, Thái Lan

Số điện thoại: +66 2 377 5641

Trang chủ: www.arcc-hre.com

Email: arcc@ksc.th.com

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Loại chương trình: trao đổi tài liệu về giáo dục quyền con người ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương; đào tạo giảng viên kiêm chức về giáo dục quyền con người; giáo dục phổ thông cho các nhóm mục tiêu: giáo dục chính quy; giáo dục

không chính quy; các nhóm nghề nghiệp.

ARRCHR nhằm phổ cập và thể chế hóa giáo dục quyền con người trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trung tâm hoạt động hướng tới huy động mọi người tham gia vào việc tạo ra một xã hội nhạy cảm với quyền con người và tạo lập nền văn hóa hòa bình, dân chủ và công bằng. ARRCHR đóng vai trò là một viện và mạng lưới giáo dục quyền con người ở khu vực châu Á Thái Bình Dương, cung cấp chương trình đào tạo quyền con người, tổ chức hội thảo, xây dựng và trao đổi tài liệu hướng dẫn và các tài liệu liên quan khác, nghiên cứu và tổ chức các chiến dịch về giáo dục quyền con người.

Ủy ban quyền con người châu Á (AHRC)

Ủy ban quyền con người châu Á và Trung tâm nguồn tài liệu pháp luật châu Á

Nhà D, tầng 7, Trung tâm thương mại Mongkok, 16-16B Argyle Street, Kowloon

Hồng Kông, Cộng hòa Trung Quốc

Số điện thoại: +852 2698-6339

Trang chủ: <http://www.ahrchk.net>

Email: ahrchk@ahrchk.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Hungari

Loại chương trình: giáo dục ở các cấp địa phương để nâng cao nhận thức về quyền con người; báo cáo, giám sát, các chương trình thực tập.

Nhóm mục tiêu: các nhóm cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ, các nhóm nghề nghiệp, sinh viên.

AHRC được một nhóm các luật gia và các nhà hoạt động quyền con người xuất chúng ở châu Á thành lập vào năm 1986. AHRC là tổ chức phi chính phủ độc lập nhằm tăng cường nhận thức và hiện thực hoá quyền con người ở khu vực châu Á, huy động ý kiến của cộng đồng châu Á và quốc tế nhằm đạt được sự trợ giúp và bồi thường cho các nạn nhân của các vi phạm quyền con người. AHRC tăng cường các quyền dân sự và chính trị cũng như các quyền văn hóa và xã hội. AHRC cố gắng đạt được các mục đưa ra trong Hiến chương châu Á.

Viện Nghiên cứu quyền con người Cairo (CIHRS)

P.O. Box 117

Maglis El Shaab

Cairo, Ai Cập

Số điện thoại: +202 354-3715

Trang chủ: <http://www.cihrs.org>

Email: cihrs@idsc.gov.eg

Loại chương trình: nghiên cứu; đào tạo giảng viên kiêm chức, tập huấn về CEDAW và Công ước về quyền trẻ em; Câu lạc bộ phim về quyền con người; ra các ấn phẩm; tổ chức các khóa đào tạo ở vùng Ả-Rập hàng năm, tổ chức khóa học về giáo dục quyền con người vào mùa hè hàng năm dành cho sinh viên đại học.

Nhóm mục tiêu: Tổ chức phi chính phủ về quyền con người, nhà thờ, phụ nữ, giáo viên.

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Ả - Rập

CIHRS là một trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực quyền con người. Nhiệm vụ chính của trung tâm là phân tích và giải thích những khó khăn trong quá trình thực hiện luật về quyền con người trong thế giới Ả Rập. Trung tâm cố gắng thúc đẩy quyền con người ở các nước Ả - Rập qua việc phát triển các cách tiếp cận mới lạ và có tính trí tuệ cao để giải quyết các vấn đề trong quá trình thực hiện.

Ủy ban bảo vệ quyền con người Trung Mỹ (Comisión para Defensa de los Derechos Humanos en Centroamérica (CODEHUCA))

189-1002, San José, Costa Rica

Số điện thoại: +506 224 5970

Trang chủ: www.codehuca.or.cr

Email: codehuca@codehuca.or.cr

Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh Ủy ban bảo vệ quyền con người ở Trung Mỹ (CODEHUCA) là một hiệp hội khu vực độc lập phi tôn giáo, phi chính phủ, và phi lợi nhuận. Kể từ khi được sáng lập vào năm 1978, hiệp hội đã trở thành một cơ quan vững chắc trong xã hội dân sự Trung Mỹ. Mục tiêu quan trọng nhất của CODEHUCA là thúc đẩy việc tôn trọng quyền con người ở Trung

Mỹ. Để đạt được mục tiêu này, hiệp hội phát triển và đưa vào thực hiện quan niệm mang tính hoà nhập về quyền con người làm sâu sắc thêm quan niệm về quyền con người ở Trung Mỹ, nhấn mạnh việc ngăn ngừa các vi phạm quyền, hỗ trợ các khu vực dễ bị tổn thương nhất trong xã hội Trung Mỹ.

Quỹ Helsinki về quyền con người (HFHR)

18 Bracka street apt. 62

00-028 Warsaw, Poland

Số điện thoại: +48 22 828 10 08/828 69 96

Trang chủ: www.hfhrpol.waw.pl/En/index.html

Email: hfhr@hfhrpol.waw.pl

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Loại chương trình: giáo dục và đào tạo quyền con người cho các nhóm nghề nghiệp; trường học về quyền con người; các chiến dịch giáo dục cộng đồng; giám sát; các sáng kiến lập pháp.

Nhóm mục tiêu: các luật gia, nghị sĩ, những nhà lãnh đạo của các tổ chức phi chính phủ, nhà báo, thẩm phán, cảnh sát, cán bộ trại giam.

Quỹ Helsinki về quyền con người (HFHR) là một tổ chức phi lợi nhuận độc lập với nhà nước và các đảng chính trị, tham gia vào các hoạt động quốc tế trong việc giáo dục quyền con người, pháp quyền và chủ nghĩa hiến pháp của những người cộng tác với các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng. HFHR cũng giảng dạy về các hoạt động hiệu quả để bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Trong nhiều năm nay, cơ quan này là trung tâm hàng đầu thế giới trong việc giáo dục các chuyên gia và các nhà hoạt động quyền con người.

Hiệp hội giáo dục về quyền con người (HREA)

P.O. Box 382396

Cambridge, MA 02238-2396, USA

Số điện thoại: +1 617 625-0278

Trang chủ: <http://www.hrea.org>

Email: info@hrea.org

Loại chương trình: đánh giá các chương trình giáo dục quyền con người; trợ giúp về khái niệm,

phát triển và tăng quỹ xây dựng chương trình; cố vấn chương trình giáo dục và phát triển tài liệu; đào tạo các nhóm chuyên gia; phát triển tổ chức; Trung tâm nguồn tài liệu giáo dục quyền con người trực tuyến.

Nhóm mục tiêu: cấp tiểu học và trung học, các tổ chức phi chính phủ, các nhóm nghề nghiệp.

HREA là một tổ chức phi chính phủ quốc tế hỗ trợ việc học tập về quyền con người; đào tạo các nhà hoạt động và các chuyên gia; phát triển tài liệu giáo dục và lên chương trình; và xây dựng cộng đồng qua các công nghệ trực tuyến. HREA được thành lập để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhằm thúc đẩy nhận thức, thái độ và hành động để bảo vệ nhân quyền, thúc đẩy phát triển cộng đồng hòa bình, tự do và công bằng.

Tổ chức theo dõi quyền con người (HRW)

350 Fifth Avenue, 34th Floor
New York, NY 10118-3299, USA
Số điện thoại: +1 212 290 4700

Trang chủ: www.hrw.org

Email: hrwnyc@hrw.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Theo dõi quyền con người là một tổ chức quyền con người lớn nhất ở nước Mỹ. Những nhà nghiên cứu của tổ chức tiến hành điều tra tìm hiểu sự thật của các lạm dụng về quyền con người ở tất cả các khu vực trên thế giới. Sau đó, hàng năm Tổ chức theo dõi quyền con người xuất bản hàng loạt sách và báo cáo về những phát hiện của mình và công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông địa phương và quốc tế. Việc quảng bá thông tin này là để ngăn chặn các chính quyền lạm dụng thông qua sự theo dõi của công dân nước đó và toàn thế giới. Tổ chức theo dõi quyền con người cũng tiếp xúc với các quan chức chính phủ để kêu gọi những thay đổi trong chính sách và thực tiễn.

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC)

19 Đại lộ Paix
1202 Geneva, Thụy Sĩ/Châu Âu

Số điện thoại: +41 22 734 60 01

Trang chủ: www.icrc.org

Email: webmaster.gva@icrc.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha ICRC là một tổ chức không thiên vị, trung lập và độc lập, có nhiệm vụ nhân đạo đặc biệt là bảo vệ cuộc sống và phẩm giá các nạn nhân của chiến tranh và xung đột quốc tế và giúp đỡ những nạn nhân này. Tổ chức chỉ đạo và phối hợp các hoạt động trợ giúp quốc tế được tiến hành trong tình huống cuộc xung đột. Tổ chức cũng cố gắng giảm nhẹ đau thương bằng cách thúc đẩy và tăng cường các nguyên tắc và luật nhân đạo.

Liên bang quốc tế Helsinki về quyền con người (IHF)

Rummelhardtgasse 2/18

A-1090 Vienna, Austria

Số điện thoại: +43-1-408 88 22

Trang chủ: www.ihf-hr.org

Email: office@ihf-hr.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Loại chương trình: đào tạo các nhóm chuyên gia; theo dõi tình hình nhân quyền.

Nhóm mục tiêu: các tổ chức thành viên của IHF; tư pháp, các nhà hoạt động vì quyền con người quốc gia; các quốc gia thành viên của OSCE.

Liên bang quốc tế Helsinki về quyền con người là một nhóm tự quản lý gồm các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận hoạt động để bảo vệ quyền con người trên toàn châu Âu, Bắc Mỹ, và các nước cộng hòa ở Trung Á ra đời từ lãnh thổ của Liên bang Xô Viết cũ. Mục tiêu cụ thể đầu tiên là giám sát sự phù hợp của các điều khoản về quyền con người trong Đạo luật cuối Helsinki và các tài liệu tiếp theo của Đạo luật. IHF dựa trên sự hỗ trợ của Vienna và giữ liên hệ giữa 41 thành viên của “Ủy ban Helsinki” và các nhóm cộng tác về quyền con người, và thể hiện chúng ở mức độ chính trị quốc tế. IHF cũng có các đường dẫn trực tiếp với các nhóm và các cá nhân hỗ trợ nhân quyền ở các nước mà Ủy ban Helsinki không tồn tại.

Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người (PDHRE)

526 West 111th Street, Suite 4E

New York, NY 100025, USA

Số điện thoại: +1 212 749-3156

Trang chủ: <http://www.pdhre.org>

Email: pdhre@igc.apc.org

Loại chương trình: trung tâm nguồn tài liệu nghiên cứu và phát triển các tài liệu giáo dục, đào tạo cho người lớn, mở các cuộc hội thảo và xây dựng liên minh.

Nhóm mục tiêu: các bộ phận giáo dục chính quy và không chính quy PDHRE coi quyền con người là một hệ thống giá trị giúp tăng cường các cộng đồng và các quốc gia dân chủ qua việc tập trung vào trách nhiệm giải trình, trao đổi lẫn nhau, và việc tham gia công bằng và có thông tin của quần chúng trong các quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của họ. PDHRE là cơ quan vận động Liên hiệp quốc thành lập thập kỷ giáo dục quyền con người, dự thảo và vận động nhiều nghị quyết khác nhau trong Hội nghị thế giới về quyền con người, của Đại Hội đồng Liên hiệp quốc, các cơ quan điều ước của Liên hiệp quốc, và Hội nghị thế giới lần thứ tư về phụ nữ.

Hiệp hội trường học thế giới - công cụ về hoà bình (EIP)

5, Rue de Simplicon

CH-1207 Geneva

Thụy Sĩ

Số điện thoại: +41 22 7352422 (fax)

Trang chủ: <http://www.eip-cifedhop.org>

Email: cifedhop@mail-box.ch

Loại chương trình: Trung tâm đào tạo quyền con người và vì hòa bình quốc tế (CIFEDHOP); với các phần nói bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha.

Nhóm mục tiêu: các nhà giáo dục về quyền con người.

EIP tiến hành hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nhân quyền, hòa bình và công dân. EIP đã từng đóng góp trong việc lập ra các chu trình giáo dục,

giúp cho các cấp chính quyền và công chúng nhận thức được sự cần thiết của giáo dục trong nhà trường và trong cộng đồng trên khắp thế giới. Do vậy, EIP đề ra các hoạt động đào tạo giáo viên, chiến lược và nội dung chương trình giảng dạy cũng như các hoạt động cụ thể đóng góp vào sự phát triển các thái độ, kỹ năng và kiến thức nhằm nâng cao quyền con người, các tự do cơ bản, và giải quyết xung đột không bạo lực.

CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Chương trình thạc sĩ về quyền con người và dân chủ hóa ở châu Phi

Trung tâm Quyền con người, Trường Pretoria

Pretoria 0002, Nam Phi

Số điện thoại: +27 12 420 3228

E-mail: chheyns@hakuna.up.ac.za

<http://www.up.ac.za/chr/newmasters/masters.html>

Các chương trình thạc sĩ về quyền con người CEU- (Thạc sĩ luật quốc tế (LLM), thạc sĩ (MA))

Trường đại học Trung Âu, Khoa nghiên cứu pháp luật

1051 Budapest, Nador U. 9

Hungary

Số điện thoại: + 361 327-3023

Fax: + 361 327-3198

Email: legalst@ceu.hu

Trang chủ: <http://www.ceu.hu/legal>

Bằng thạc sĩ châu Âu về quyền con người và dân chủ hóa

Trung tâm liên trường châu Âu (EIUC) về quyền con người và dân chủ hóa

Văn phòng E.MA: Monastery của San Nicolò, Riviera San Nicolò, 26

I-30126 Venice - The Lido, Italy

Số điện thoại: + 39 041 2720 923 (direct)

Số điện thoại: + 39 041 2720 911 (Văn phòng)

Email: ema-info@venis.it, secretariat@ema-humanrights.org

Trang chủ : www.ema-humanrights.org

Chương trình thạc sĩ châu Âu về dân chủ và quyền con người ở Đông Nam châu Âu

Trung tâm Nghiên cứu liên ngành sau đại học

Trường đại học Sarajewo, Obala Kulina bana 7/I
71 000 Sarajewo, Bosnia và Herzegovina

Số điện thoại: + 387 33 668 685

Email: coordination@cps.edu.ba, law@cps.edu.ba

Trang chủ: <http://www.eurobalk.net>,

<http://www.cps.edu.ba>

Chương trình sau đại học về luật quốc tế và các nghiên cứu quyền con người

Trường đại học Hòa Bình, Apdo. 138-6100,
Ciudad Colon, Costa Rica

Số điện thoại: + 506-205-9000

Email: acadmin@upeace.org

http://www.upeace.org/academic/masters/int_law.htm

Chương trình thạc sĩ luật về quyền con người của Viện Raoul Wallenberg

Khoa Luật, Trường đại học Lund Box 207, SE-221 00 LUND, Thụy Điển

Số điện thoại: + 46 46 222 1249

Email: frida.ericmats@jur.lu.se or Frida.nilsson@jur.lu.se

Trang chủ: <http://www.rwi.lu.se>

Bằng thạc sĩ về quyền con người và dân chủ hóa ở Địa Trung Hải

Trường đại học Malta

Tòa nhà Trường Đại học cũ, St. Paul đường
Valletta VLT 07, Malta

Số điện thoại: +356 242791, 234121 ext 242

Email: hrights@maltanet.net

Trang chủ: <http://home.um.edu.mt/laws/test/hrd>

E. MẠNG LƯỚI AN NINH CON NGƯỜI - CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ (NGOs)

Trong phần này, bạn sẽ tìm được những thông tin hữu ích về các NGO được chọn lựa tại các quốc gia thuộc Mạng lưới An ninh con người có các chương trình trong lĩnh vực quyền con người, giáo dục quyền con người và an ninh con người

ÁO

Tên tổ chức: Trung tâm nghiên cứu và đào tạo quyền con người và dân chủ (ETC)

Địa chỉ: Schubertstraße 29, A-8010 Graz, Áo

Số điện thoại/Fax: +43 (0)316 322 888 1/+43 (0) 316 322 888 4

Trang chủ: www.etc-graz.at

Email: office@etc-graz.at

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Đức

Loại chương trình: các chương trình giáo dục và đào tạo về quyền con người cấp địa phương, khu

vực và quốc tế; khóa học hè hàng năm về quyền con người; khái quát hóa và phối hợp các chương trình giáo dục quyền con người tại Đông Nam Âu thông qua Mạng lưới các trung tâm quyền con người của trường đại học tại Đông Nam Âu; hội thảo, hội nghị, các dự án nghiên cứu.

Nhóm mục tiêu: sinh viên, giáo viên trung học, nghiên cứu viên trẻ, giảng viên đại học, các nhà đào tạo về giáo dục quyền con người, đại diện NGO, quan chức chính phủ, các cơ quan quyền con người quốc gia độc lập, công an...

Tên tổ chức: Viện quyền con người Ludwig Boltzmann - Vienna (BIM)

Địa chỉ Heßgasse 1, A-1010 Wien, Áo

Số điện thoại/Fax: +43 (0) 1 4277 27420/+43 (0) 1 4277 27429

Trang chủ: www.univie.ac.at/bim

Email: bim.staatsrecht@univie.ac.at

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Đức

Loại chương trình: chương trình nghiên cứu, BIM chủ trì Trung tâm dịch vụ giáo dục quyền con người và tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo và hội nghị thường xuyên.

Nhóm mục tiêu: sinh viên, giáo viên, xã hội dân sự...

Tên tổ chức: Viện quyền con người Áo

Địa chỉ: Monchsberg 2, Edmundsburg, A5020 Salzburg, Áo

Số điện thoại/Fax: +43 (0) 662 84 25 21 181/+43 (0) 662 84 25 21 182

Trang chủ: www.sbg.ac.at/oim/home.htm

Email: human.rights@sbg.ac.at

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Đức

CANADA

Tên tổ chức: Quỹ quyền con người Canada (CHRF)

Địa chỉ: 1425 René- Lesvesque Blvd. West, Phòng 407, Montréal, Quesbec. H3G 1T7, CANADA

Số điện thoại/Fax: +1 514 954-0382/+1 514 954-0659

Trang chủ: www.chrf.ca

Email: chrf@chrf.ca

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Indonesia

Loại chương trình: Chương trình đào tạo quyền con người quốc tế (IHRTIP): khóa đào tạo thường niên nhằm tăng cường năng lực của các tổ chức quyền con người thực hiện các nỗ lực giáo dục quyền con người; các chương trình giáo dục quyền con người tại châu Á, châu Phi và Trung - Đông Âu, Trung Á; các hội nghị, hội thảo.

Nhóm mục tiêu: xã hội dân sự, đặc biệt các NGO tham gia giáo dục quyền con người, các quan chức chính phủ, cơ quan quyền con người quốc gia độc lập.

Tên tổ chức: Trung tâm John Humphrey

Địa chỉ: Box/PC 11661, Edmonton, AB, T5J3K8, CANADA

Số điện thoại/Fax: +1 780 453-2638/+1 780 482-1519

Trang chủ: www.johnhumphreycentre.org

Email: info@johnhumphreycentre.org

Loại chương trình: trại hè và các chương trình thanh niên về quyền con người, các ấn phẩm về

quyền con người.

Nhóm mục tiêu: đặc biệt hướng vào trẻ em và thanh niên.

CHILE

Tên tổ chức: Programa Interdisciplinario de Investigaciones en Educación (PIIE)

Địa chỉ: Enrique Richard 3344, Nunoa, Santiago de Chile, CHILE

Số điện thoại/Fax: +56-2-209 66 44 + 56-2-2204 74 60

Trang chủ: www.piie.cl

Email: piie@academia.cl

Loại chương trình: các khóa học và dự án về giáo dục quyền con người, hội thảo, các xuất bản phẩm quyền con người, ...

COSTA RICA

Tên tổ chức: Viện quyền con người liên Mỹ (IIDH)

Hòm thư 10081 - 1000

San José, Costa Rica

Số điện thoại: +506 234 04 04

Trang chủ: www.iidh.ed.cr

Email: cre@iidh.ed.cr

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha

Loại chương trình: giám sát; ấn phẩm; các khóa học và đào tạo về các cơ chế bảo vệ quyền con người khu vực và quốc tế và luật pháp quốc tế; giáo dục quyền con người tại các trường trung học cơ sở.

Nhóm mục tiêu: các nhà hoạt động NGOs, các nhóm chuyên nghiệp, quan chức chính phủ, giáo viên.

HY LẠP

Tên tổ chức: Quỹ quyền con người Marangopoulos

Địa chỉ: Số 1, Đường Lycavittou, Athens 106 72, Hy Lạp

Điện thoại/Fax: +3-010 3637455, +3-010 3613527/+3-010 3622454

Trang chủ: www.mfhr.gr

Email: info@mfhr.gr

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Hy Lạp, tiếng Italia

Loại chương trình: các khóa học và hội thảo về giáo dục quyền con người, học bổng dành cho sinh viên chuyên ngành quyền con người, các ấn phẩm và bài giảng liên quan đến giáo dục quyền con người.

Tên tổ chức: Trung tâm bảo vệ quyền con người

Địa chỉ: số 3, đường Lempessi, Makrygianni, Athens 117 42, Hy Lạp

Số điện thoại/Fax:

+30210-92 10 977/+30210-92 46 056

Trang chủ: www.kepad.gr

Email: info@kepad.gr

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Loại chương trình: giáo dục quyền con người

Nhóm mục tiêu: thanh niên, tuổi từ 20-30 (sinh viên đại học, tốt nghiệp đại học, đại diện NGO, phóng viên và các thành viên khác trong xã hội) từ các nước Đông - Nam Âu (trong tương lai gần bao gồm cả từ Trung Đông và Đông Âu)

IRELAND

Tên tổ chức: Trung tâm quyền con người Ireland

Địa chỉ: Đại học quốc gia Galway Ireland, Galway, IRELAND

Điện thoại/Fax: +353 91 750464/+353 91 750575

Trang chủ: www.nuigalway.ie/human_rights

Email: humanrights@nuigalway.ie

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Loại chương trình: hội thảo về quyền con người, khóa học hè, các chương trình đào tạo, các chương trình học tập, ấn phẩm và các dự án về những chủ đề liên quan đến quyền con người.

Nhóm mục tiêu: sinh viên, nhà nghiên cứu...

JORDAN

Tên tổ chức: Trung tâm nghiên cứu quyền con người Amman (ACHRS)

Địa chỉ: Amman - 1121, Hòm thư 212524, JORDAN

Số điện thoại/Fax: +962-6-4655043

Trang chủ: www.achrs.org

Email: achrs@joinnet.com.jo

Ngôn ngữ: tiếng Ả - Rập

Loại chương trình: các khóa đào tạo về quyền con người, quyền trẻ em, quyền phụ nữ và công tác tình nguyện, công tác thanh niên, cải cách tư pháp và hình sự; các chương trình phổ biến quyền con người trên lĩnh vực xã hội, giáo dục và kinh tế.

Nhóm mục tiêu: phụ nữ, trẻ em, thiếu niên, tình nguyện viên, giáo viên, phóng viên, luật sư, thẩm phán...

MALI

Tên tổ chức: Hiệp hội quyền con người (AMDH)

Địa chỉ: đường Mamadou KONATE, Porte 400, Bamako-Coura, Bamako, B.P. 3129

Số điện thoại/Fax: +223-222-34-62

Trang chủ: www.afrdh.org/amdh

Email: amdhd@malinet.ml

Loại chương trình: hội thảo, hội nghị, tọa đàm về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, lưu trữ tài liệu, giáo dục quyền con người.

Tên tổ chức : Phong trào nhân dân giáo dục quyền con người (PDHRE/DPEDH-MALI), Viện giáo dục quyền con người châu Phi (INAFEDH/ALIHRE)

Địa chỉ: B.P.E 5168 Bamako Mali

Điện thoại/Fax: +223 220 41 73/+223 220 41 74

Email: phdre@afribone.net.ml

Loại chương trình: các chương trình giáo dục quyền con người, Thành phố Quyền con người (Kati)

NA-UY

Tên tổ chức: Trung tâm quyền con người Na-uy (tên trước kia: Viện quyền con người Na-uy)

Địa chỉ: Đại học Oslo - khoa luật, Trung tâm quyền con người Na-uy (NCHR), P.b.6706 đường Olavs plass, 0130 Oslo, Na-uy

Điện thoại/Fax: +47-22842001/+47-22842002

Trang chủ:

<http://www.humanrights.uio.no/english>

Email: admin@nchr.uio.no

Ngôn ngữ: tiếng Na-uy, tiếng Anh

Loại chương trình: các chương trình, khóa học giáo dục quyền con người, các hoạt động khác liên quan đến giáo dục quyền con người bao gồm các dự án in sách giáo khoa.

Nhóm mục tiêu: sinh viên đại học, giáo viên trung học, giáo viên tiểu học.

Tên tổ chức: Hội đồng người tị nạn Na-uy

Địa chỉ: hòm thư 6758, đường Olavs Plass, N-0130 Oslo, NA-UY

Điện thoại/Fax: +47-23 10 98 00/+47-23 10 98 01

Trang chủ: www.nrc.no

Email: Eldrid.Midttun@nrc.no

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Bồ Đào Nha và các ngôn ngữ địa phương Armenia, Azerbaijan, Georgia và Burundi

Các loại chương trình: hỗ trợ xã hội trong các tình huống khẩn cấp hay trong giai đoạn chuyển giao. Các mục tiêu chính: giáo dục quyền con người, hội thảo, soạn tài liệu giảng dạy bằng chữ quốc ngữ.

Nhóm mục tiêu: cơ quan và tổ chức giáo dục quốc gia, cán bộ ngành giáo dục khu vực, những người hoạch định chính sách quốc gia và hiệu trưởng; các giáo viên và người đào tạo giáo viên; học sinh và phụ huynh.

SLOVENIA

Tên tổ chức: Viện nghiên cứu giáo dục (ERI)

Địa chỉ: Gerbiceva 62, 1000 Ljubljana, SLOVENIA

Điện thoại/Fax: +386 1 420 12 40/+386 1 420 12 66

Trang chủ: www2.arnes.si/~uljpeins

Email: pedagoski.institut@guest.arnes.si

Loại chương trình: các dự án cơ bản, nghiên cứu, phát triển và áp dụng về giáo dục và các lĩnh vực liên quan; đào tạo và giáo dục sau đại học dành cho các nhà nghiên cứu; tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên ngành và các hội thảo quốc tế.

Tên tổ chức: Quỹ "Cùng nhau" - Trung tâm khu vực vì sức khỏe tâm lý của trẻ

Địa chỉ: Resljeva 30, 1000 Ljubljana, SLOVENIA

Số điện thoại/fax: +386 1 430 12 99/+386 1 430 12 98

Trang chủ: www.together-foundation.si

Email: Eva.Marn@together-foundation.si

Loại chương trình: các chương trình tăng cường cấu trúc địa phương trong lĩnh vực chăm sóc trẻ và phát triển các mô hình bảo vệ tâm lý và trao quyền cho trẻ bị ảnh hưởng bởi chiến tranh và bởi những nghịch cảnh xã hội tại Đông Nam Âu.

Nhóm mục tiêu: giáo viên, nhân viên tại các trường học, nhân viên y tế, NGO...

Tên tổ chức: Viện nghiên cứu dân tộc (IES)

Địa chỉ: Erjavceva 26, 1000 Ljubljana, SLOVENIA

Số điện thoại/Fax: +386 1 200 18 70/+386 1 251 09 64

Trang chủ: www.inv.si

Email: INV@inv.si

Loại chương trình: các chương trình và dự án nghiên cứu về dân tộc, các nghiên cứu chuyên sâu đặc biệt dành cho các thể chế quốc gia liên quan đến chính sách về dân tộc thiểu số và văn hóa.

Tên tổ chức: Viện hòa bình - Mirovni institut

Địa chỉ: Metelkova ulica 6, 1000 Ljubljana, SLOVENIA

Số điện thoại/fax: +386 1 234 77 20/+386 1 234 77 22

Trang chủ: www.mirovni-institut.si

Email: info@mirovni-institut.si

Loại chương trình: hội thảo, hội nghị, nghiên cứu và dự án trong lĩnh vực quyền con người, dân chủ hóa, hòa bình và chiến tranh, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, giới và nghiên cứu văn hóa....

Tên tổ chức: HUMANITAS

Địa chỉ: Gosposka 10, 1000 Ljubljana, SLOVENIA

Số điện thoại: +386 1 34 00 343

Trang chủ: www.humanitas-slovenia.org

Email: humanitas@siol.net

Loại chương trình: dự án hỗ trợ và bảo vệ những thành viên ít được đặc quyền hơn trong xã hội trong nước và trên thế giới; đại diện cho quyền lợi của họ, đặc biệt là quyền trẻ em; thúc đẩy, giáo dục, tư vấn về các quyền con người cơ bản

NAM PHI

Tên tổ chức: Trung tâm quyền con người - Đại học Pretoria

Địa chỉ: Đại học Pretoria, 0002, Pretoria, NAM PHI

Số điện thoại/fax: +27 12 420-4111/+27 12 362-5168

Trang chủ: www.up.ac.za/chr

Email: scs@up.ac.za

Loại chương trình: tọa đàm, hội thảo, hội nghị, đào tạo chuyên sâu, các chương trình giáo dục, dự án về giáo dục quyền con người và luật quyền con người tại châu Phi, các tòa án của sinh viên, án phẩm.

Nhóm mục tiêu: nhân viên xã hội, giáo viên, luật sư, sĩ quan cảnh sát, NGO...

Tên tổ chức: Chủ tịch UNESCO 'Oliver Tambo' về quyền con người

Địa chỉ: Đại học Fort Hare, Private Bag X1314, Alice 5700, NAM PHI

Số điện thoại/Fax: +27-40 602 2220/+27-40 602 2544

Trang chủ: <http://www.ufh.ac.za> (tìm: departments/research)

Email: nrembe@ufh.ac.za

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Loại chương trình: giáo dục quyền con người, đào tạo chuyên môn, nghiên cứu, tài liệu... trong lĩnh vực quyền con người, dân chủ, các giá trị, hòa bình và lòng khoan dung.

Nhóm mục tiêu: các nhóm chuyên gia, cơ quan quyền con người quốc gia, NGOS, sinh viên và các nhà giáo dục từ trường phổ thông đến đại học, cơ quan về biến đổi xã hội, các cấu trúc xã hội dân sự.

THỤY SĨ

Tên tổ chức: Các hệ thống thông tin tư liệu về quyền con người, quốc tế - HURIDOCS

Địa chỉ: 48, chemin du Grand-Montfleury, CH-1290 Versoix, Thụy Sĩ

Điện thoại/Fax: +41-22 755 52 52/+41-22 755 52 60

Trang chủ: <http://www.huridocs.org>

Email: info@huridocs.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha (dịch các ấn phẩm tiếng A-rập, tiếng Nga và các ngôn ngữ khác)

Loại chương trình: hội nghị khu vực và đào tạo về xử lý và tạo lập dữ liệu thông tin về quyền con người, đào tạo giảng viên kiêm chức.

Nhóm mục tiêu: nhân viên thông tin và tư liệu của các tổ chức liên quan đến quyền con người.

Tên tổ chức: Trung tâm đào tạo quốc tế về quyền con người và giảng dạy về hòa bình (CIFEDHOP)

Địa chỉ: 5, rue du Simplon, 1207 Geneva, Thụy Sĩ

Số điện thoại/Fax: +41-22 735 24 22/+41-22 735 06 53

Trang chủ: www.eip-cifedhop.org

Email: cifedhop@mail-box.ch

Ngôn ngữ: tiếng Pháp, tiếng Anh

Loại chương trình: các phiên họp quốc tế về giáo dục quyền con người; các khóa đào tạo quốc gia và khu vực tại một số nước; các ấn phẩm và phân phát các tài liệu liên quan đến giáo dục quyền con người; hỗ trợ nghiên cứu, học tập và chuẩn bị các tài liệu giáo dục.

Nhóm mục tiêu: giáo viên tiểu học, trung học, trường dạy nghề và trường cao đẳng đào tạo giáo viên về giáo dục quyền con người và hòa bình.

Tên tổ chức: Menschenrechte Schweiz MERS (Quyền con người Thụy Sĩ)

Địa chỉ: Gesellschaftsstraße 45, 3012 Bern, Thụy Sĩ

Số điện thoại/Fax: +41-31 302 01 61/+41-31 302 00 62

Trang chủ: www.humanrights.ch

Email: info@humanrights.ch

Ngôn ngữ: tiếng Đức

Loại chương trình: thông tin trực tuyến dành cho người trưởng thành.

Nhóm mục tiêu: chính quyền, nhân viên xã hội, cảnh sát...

THÁI LAN

Tên tổ chức: Trung tâm nguồn khu vực châu Á về giáo dục quyền con người (ARRC)

Địa chỉ: 2738 Ladprao, 128/3 Klongchan, Bangkok, Thái Lan

Bangkok 10240, THÁI LAN

Điện thoại/Fax: +66 2 377 5641/+66 1 642 7278

Trang chủ: www.arrc-hre.com

Email: arrc@ksc.th.com

Ngôn ngữ: tiếng Anh

Loại chương trình: tổ chức các hoạt động đào tạo về giáo dục quyền con người ở cấp khu vực và quốc gia, báo cáo và các ấn phẩm về giáo dục quyền con người.

Nhóm mục tiêu: giảng viên về giáo dục quyền con người.

HÀ LAN

Tên tổ chức: Viện quyền con người Hà Lan (SIM)

Địa chỉ: Đại học Utrecht, Janskerkhof 3, 3512 BK Utrecht, Hà Lan

Điện thoại/Fax: +31 30 2538033/+31 30 2537168

Trang chủ: www2.law.uu.nl/english/sim

Email: sim@law.uu.nl

Loại chương trình: các đề án và nghiên cứu, phân bổ thông tin quyền con người cấp quốc gia và

quốc tế, các khóa học, hội nghị, hội thảo và thuyết trình.

Tên tổ chức: Hiệp hội giáo dục về quyền con người

Địa chỉ: Postbus 59225, 1040 KE Amsterdam, Hà Lan

Điện thoại/Fax: +1-31-20 524 1404/+1-31-20 524 1498

Tên tổ chức tại Mỹ: Hiệp hội giáo dục về quyền con người

Địa chỉ: Hòm thư 382396, Cambridge, MA

02238, Hoa Kỳ

Điện thoại/Fax: +1 617 625 0278/+1 617 249 0278

Trang chủ: www.hrea.org

Email: info@hrea.org

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Hà Lan

Loại chương trình: ủng hộ các cá nhân, NGO, chính phủ và các tổ chức liên chính phủ trong việc thực hiện giáo dục quyền con người và các chương trình học tập.

Nhóm mục tiêu: nhà giáo dục, nhà hoạt động, các nhóm chuyên môn, sinh viên và những người quan tâm...

F. NHẬN XÉT CHUNG

VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC NHÂN QUYỀN

GIỚI THIỆU

Giáo dục quyền con người hoàn toàn là việc học tập nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và giá trị quyền con người. Giáo dục quyền con người đòi hỏi trách nhiệm của cả nhà nước và cá nhân phải tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy các quyền của mọi người, không phân biệt chủng tộc, giới tính, tuổi tác, nguồn gốc dân tộc và dân tộc hay tín ngưỡng. Tương tự như bất cứ lĩnh vực giáo dục nào khác, giáo dục quyền con người bao gồm một loạt những phương pháp phản ánh mục đích của cách tiếp cận giáo dục riêng như việc nhận thức các quyền và nhân phẩm của con người là điểm cốt lõi của giáo dục quyền con người, tiếp cận giáo dục phải tập trung vào con người: các khóa đào

tạo và hội thảo về quyền con người phải tuân theo các mối quan tâm và nhu cầu của người tham gia, các khóa đào tạo và hội thảo phải kết hợp giữa những thách thức về trí tuệ với sự phát triển các kỹ năng và hình thành các quan điểm. Điều đó không thể trở thành hiện thực nếu không có sự tham gia chủ động của tất cả mọi người và những kinh nghiệm cá nhân và chuyên môn của họ không được coi trọng.

Cần xem xét một số điểm để có thể hiểu các khóa đào tạo hay hội thảo về quyền con người. Trước khi một nhà giáo dục về quyền con người lựa chọn các hoạt động phù hợp, cần phải xác định mọi nhân tố và thông số để lập kế hoạch cho các tình huống đào tạo chung và từng trường hợp cụ

thể. Các nhân tố xác định chính là 4 yếu tố: nội dung, phương pháp, khuôn khổ tổ chức và quan điểm của giáo viên cũng như người tham gia.

- Về nội dung: Mỗi khóa đào tạo hay hội thảo về quyền con người phải cân nhắc đến lợi ích và nhu cầu của nhóm mục tiêu cụ thể, xem xét sắp xếp theo chuyên môn và các tiêu chuẩn, điều chỉnh quan niệm về nội dung theo những thông số đó. Tất nhiên, kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc về bảo vệ quyền con người là không thể tách rời nhau, nhưng điểm mấu chốt của đào tạo là luôn phải đáp ứng các nhu cầu của nhóm mục tiêu. Một số khía cạnh như tính đa dạng và quan điểm giới có thể hình thành nên chủ đề của một phần trong chương trình đào tạo nhưng trong mọi trường hợp chúng cũng phải luôn được xem là các vấn đề xuyên suốt cần thảo luận trong bối cảnh khác nhau. Cũng tương tự với các vấn đề như sức khỏe, tự do tôn giáo, luật lao động hay khía cạnh quyền con người của việc bố trí công việc tương xứng.
- Về phương pháp: Mỗi phương pháp giáo dục có thể được coi như là sự kết hợp cụ thể các thành tố cấu thành như số lượng người trong nhóm, tổ chức xã hội, các hoạt động của giáo viên và học viên, quá trình học và truyền thông. Do giáo viên thường không tự do kiểm soát được mọi nhân tố trên nên cần tập trung vào việc bố trí và phối hợp giữa những người chịu tác động của các hoạt động trên. Đặc biệt thông qua việc lựa chọn tổ chức xã hội và truyền thông phù hợp, giáo viên có thể kiểm soát quá trình học tập, tương tác xã hội và giao tiếp trong phòng học và thực hiện các biện pháp không mang tính áp đặt với các nhóm học viên. Khi đề cập đến các khía cạnh đa dạng và giới cần lưu ý rằng giáo dục quyền con người cần được tập trung vào học viên thay vì “các chuyên gia” hay “vấn đề học tập”. Khi kinh nghiệm, thái độ và kỹ năng được chia sẻ không chỉ bởi giáo viên mà cả người tham gia, dựa trên kinh nghiệm về chuyên môn và giáo dục của mỗi cá nhân, giáo viên sẽ phải từ bỏ ưu thế truyền thống của mình và dành chỗ cho việc thực hiện các yếu tố về

phương pháp và giảng dạy, từ đó, nhận được sự tham gia và khơi gợi được năng lực của mỗi học viên, không phân biệt giới tính, trình độ học vấn và văn hóa của học viên.

- Khuôn khổ tổ chức: nhằm đảm bảo khía cạnh trao quyền trong giáo dục quyền con người, cần đặt ra các quy định để tạo cơ hội cho mọi người tham gia vào các cuộc tập huấn hay hội thảo về quyền con người. Các điều khoản này có thể tác động đến việc giám sát thời gian và địa điểm của các khóa đào tạo cũng như các biện pháp hành động kiên quyết.
- Quan điểm của giáo viên và học viên: do giáo dục quyền con người phải vượt khỏi cấp độ đơn thuần là chuyển giao kiến thức, các nhà giáo dục quyền con người cần có một số khả năng như sau:
 - Khả năng chuyên môn (kiến thức về quyền con người và bảo vệ quyền con người, thực hiện quyền con người trong các cấu trúc xã hội và nghề nghiệp khác nhau)
 - Khả năng về phương pháp, sư phạm (kiến thức về quá trình học tập và giáo dục nói chung và trong giáo dục quyền con người nói riêng, các kỹ năng chuyên môn chuyển giao kiến thức trong thực tế)
 - Năng lực giao tiếp
 - Khả năng khẳng định hay thấu cảm (khả năng phản ánh định hướng tồn tại của bản thân và tiếp xúc gần gũi với các sinh viên và đồng nghiệp)
 - Khả năng tiếp cận liên văn hoá và giới (khả năng phản ánh sự quyết tâm trong các mô thức hành vi văn hóa và giới cụ thể, kiến thức về các điều kiện và bối cảnh xã hội, “tâm lý”, sự phân biệt...)

Các tiêu chuẩn này cũng như sự cần thiết phải xử lý tình huống với học viên khác nhau đòi hỏi phải tổ chức một khóa đào tạo hay hội thảo về quyền con người trong điều kiện tốt nhất có thể, do hai giáo viên có giới tính khác nhau và/hoặc có nguồn gốc sắc tộc khác nhau, đặc biệt khi giải

quyết các khía cạnh về tương tác văn hóa và giới, phổ biến các kỹ năng và quan điểm liên quan. Ngoài ra, cũng cần sự hợp tác giữa hai giáo viên, có tính cách khác nhau với những thói quen làm việc khác nhau (*Ví dụ:* theo xu hướng tập trung vào nội dung hay vào quy trình) nhằm đem lại hiệu quả giảng dạy cao hơn.

LÊN KẾ HOẠCH CHO KHÓA ĐÀO TẠO VỀ NHÂN QUYỀN

Chất lượng các khóa đào tạo hay hội thảo về giáo dục quyền con người chủ yếu phụ thuộc vào việc lên kế hoạch cho từng bước cụ thể. Dưới đây sẽ tóm lược sơ bộ về các yếu tố quan trọng nhất trong quá trình chuẩn bị.

• Mục tiêu học tập

Mục tiêu chung của giáo dục quyền con người là hiểu được hệ thống quyền con người và thừa nhận quyền con người là một phần quan trọng và hợp lý trong cuộc sống của mỗi người. Tiếp theo là việc thực hiện các nguyên tắc quyền con người trong hoạt động thường ngày. Để tổ chức các khóa đào tạo quyền con người thành công, quan trọng nhất là phải vạch rõ các mục tiêu học tập. Những mục tiêu đó nhằm đáp ứng các nhu cầu cụ thể của người tham gia. Mỗi khóa đào tạo quyền con người cần đem lại sự tiến bộ, thúc đẩy năng lực xã hội và chuyên môn của người tham gia. Cách tiếp cận về năng lực là đặc trưng của các khóa đào tạo và hội thảo.

Ba mục tiêu thiết yếu sau phải là nền tảng cho giáo dục quyền con người nói chung và là sợi chỉ xuyên suốt cho các khóa đào tạo và các hội thảo:

- Chuyển giao kiến thức và thông tin (thế nào là quyền con người, tiêu chuẩn quyền con người, bảo vệ quyền con người, quyền con người có ý nghĩa thế nào đối với cuộc sống thường nhật và hành động của học viên)

- Xây dựng kỹ năng (trao quyền cho người tham gia, sống, làm việc và hoàn thành các nhiệm vụ tôn trọng và thực thi quyền con người)
- Hình thành quan điểm (xác định giá trị, tìm ra các thái độ tiêu cực, sửa chữa chúng và chấp nhận các quan điểm mới)

Học tập và hiểu được các tiêu chuẩn quyền con người vẫn chưa đủ. Học viên cần được hỗ trợ thêm để có thể áp dụng các tiêu chuẩn này trong cuộc sống thường ngày. Sự hỗ trợ này phải thông qua việc đào tạo các kỹ năng cần thiết, vốn là một tiền đề. Các khóa đào tạo quyền con người luôn phải dựa trên các tiêu chuẩn được hình thành ngay từ đầu và đánh giá cuối khóa. Việc đặt câu hỏi “học viên cần nắm được vấn đề gì” trước khóa học là rất có lợi và không được phép đi lệch hướng khỏi vấn đề đó trong suốt khóa học. Các bài kiểm tra và phản hồi dưới hình thức vấn đáp và bài viết có thể cung cấp dữ liệu để đánh giá quá trình học tập.

• Nhóm mục tiêu

Khi tổ chức một khóa đào tạo quyền con người, trước tiên phải xác định cơ cấu của nhóm mục tiêu:

- Vì rằng mỗi nhóm mục tiêu nghề nghiệp (ví dụ: nhà quản lý, cảnh sát, thẩm phán, luật sư, nhân viên y tế và xã hội, sinh viên, giáo viên, quân đội...) có các nhu cầu cụ thể tùy theo nhiệm vụ chuyên môn của họ nên nhất thiết phải tránh tổ chức theo các nhóm “hỗn hợp”.
- Các nhu cầu cụ thể của nhóm mục tiêu phải được phản ánh trong quá trình lập kế hoạch. Tùy theo nhu cầu, quá trình đào tạo có thể tập trung vào các khía cạnh khác nhau - các tiêu chuẩn nào quan trọng đối với nhóm nghề nghiệp cụ thể, xu hướng về nội dung, xây dựng kỹ năng hay hình thành quan điểm, tạo xúc cảm...
- Phương pháp và các biện pháp đào tạo cần phản ánh các quan điểm thực dụng nhất của học viên là người trưởng thành -

tạo cơ hội thực hiện các ý tưởng và quan niệm, xem xét các vấn đề và trường hợp thực tế xuất phát từ cơ cấu nghề nghiệp của những người tham gia nên cần tính đến kinh nghiệm chuyên môn của họ.

Học viên về quyền con người cần nhận thức được trách nhiệm của mình - công việc thực sự bắt đầu khi quá trình đào tạo hoàn tất, kiến thức, kỹ năng, quan điểm đã thu nhận phải được thực thi trong cuộc sống và công việc hàng ngày.

Ngoài những nhu cầu cụ thể, các điều kiện tổ chức nhất định cần được hoàn tất nhằm hỗ trợ quá trình học tập (cơ sở, thiết bị và vật chất đầy đủ; khái quát từ đầu buổi, tóm tắt vào cuối buổi; khung thời gian với thời gian nghỉ giải lao hợp lý; có thể bao gồm đồ uống giữa giờ).

• Tham gia

Như mọi người vẫn nói, cách học hiệu quả nhất là “thực hành”, trong giáo dục quyền con người, cần mở rộng hơn cách tiếp cận theo phương pháp tham gia. Tham gia giáo dục được đặc trưng bởi các yếu tố như các quá trình tương tác, tính linh hoạt, đa dạng trong phương pháp và tổ chức xã hội cũng như tính phù hợp của các vấn đề và tài liệu. Nhằm đem lại một quá trình đào tạo hiệu quả và tích cực, cần thể hiện được các vấn đề sau đây.

○ Các chủ đề và giới thiệu tiêu chuẩn

Khi chuẩn bị tổ chức tập huấn quyền con người về một chủ đề cụ thể, cần mời các chuyên gia trong lĩnh vực này tham gia. Thông thường có thể tiếp cận các nhóm chuyên gia thông qua các dự án địa phương, trường đại học và chính quyền. Thay vì đưa ra một ban bộ những chuyên gia kinh viện và khoa học cần thiết lập một ban bao gồm các nhà khoa học và người thực thi để có thể khuyến khích thảo luận và đảm bảo khả năng ứng dụng vào thực tế.

Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn và văn kiện về quyền con người liên quan cần được đưa ra trong khóa học. Người điều hành

cần luôn ghi nhớ thảo luận tập trung vào các tiêu chuẩn liên quan đến nhóm mục tiêu và giải quyết vấn đề thực hiện các tiêu chuẩn đó trong hoạt động hàng ngày của người tham gia.

○ Cách tiếp cận tương tác

Học viên/người tham gia phải được hòa nhập vào quá trình đào tạo với mọi khả năng, kinh nghiệm cá nhân và kinh nghiệm chuyên môn. Trong quá trình giáo dục tương tác, mô hình vai trò của giáo viên từ vị trí ưu thế truyền thống đổi thành vai trò của người tạo điều kiện hoặc người điều tiết. Trong khi không thể bỏ qua các vấn đề nội dung và kiến thức, giáo viên cần duy trì hoạt động nhóm, tạo điều kiện và khuyến khích tìm hiểu mọi quan điểm và kỹ năng thông qua việc lập khung, chuẩn bị tài liệu và tổ chức nhóm, đồng thời hỗ trợ phương pháp chuyên môn (*Ví dụ: các kỹ năng dạy/học*).

Vai trò mới của giáo viên với tư cách là người điều hành cũng có thể góp phần mở ra cánh cửa từng bị đóng đối với những nhà giáo truyền thống. Đặc biệt, những người ít hoặc không có kinh nghiệm dạy học có thể được khuyến khích bởi chính cách tiếp cận thông qua tham gia trực tiếp mà điểm nhấn là kinh nghiệm thay vì những khiếm khuyết của học viên.

○ Cách tiếp cận thực tế

Mục đích của giáo dục quyền con người là phổ biến ý tưởng rằng quyền con người là/ít nhất có thể là một nhân tố chủ chốt trong cuộc sống hàng ngày. Về khía cạnh này, giáo dục quyền con người đáp ứng yêu cầu của người thực hành vốn không chỉ quan tâm đến ý tưởng trừu tượng về quyền con người mà còn chủ yếu quan tâm đến việc làm thế nào để tự giải quyết

được những vấn đề về quyền con người trong giới hạn kinh nghiệm cá nhân và chuyên môn của mình. Làm thế nào họ có thể làm tốt nhiệm vụ liên quan đến các tiêu chuẩn về quyền con người? Họ phải làm nhiệm vụ gì? Họ có lợi gì khi hiểu được và sống đúng với các quyền con người?

Theo đó, các nhà giáo dục về quyền con người phải đưa những thông tin thực tế vào chương trình giảng dạy, chuẩn bị lập luận, tài liệu và các trường hợp cụ thể liên quan đến thực tế ứng xử. Nếu một người đào tạo không có kinh nghiệm cá nhân với khuôn khổ chuyên môn của nhóm mục tiêu của mình, thì cần tham khảo ý kiến của người làm việc thực tế liên quan.

- **Hình thành nhận thức và xây dựng kỹ năng**

Giáo dục quyền con người không dựa trên ba trụ cột về chuyển giao kiến thức, hình thành quan điểm và xây dựng kỹ năng, sẽ dẫn tới một bức tranh chưa hoàn thiện. Hình thành quan điểm và xây dựng kỹ năng mà không có chuyển giao kiến thức thì thiếu cơ sở về thông tin. Chuyển giao kiến thức và hình thành quan điểm lại không có ý nghĩa gì nếu không có các kỹ năng cần thiết để thực hiện quyền con người. Sau cùng, chuyển giao kiến thức và xây dựng kỹ năng mà không có sự hình thành quan điểm thì có thể thậm chí bị lợi dụng để chống lại các quyền con người. Do đó, bên cạnh việc cung cấp thông tin và đào tạo kỹ năng, nhiệm vụ của giáo dục quyền con người là giúp cho người tham gia trở nên nhạy cảm và nhận thấy được tiềm năng trong chính mình để hỗ trợ các quyền con người hay vi phạm chúng. Các hoạt động nâng cao nhận thức và hình thành quan điểm đòi hỏi người tham gia phản ánh lại tính tương đối của các vai trò về văn hóa và giới của mình.

Việc xây dựng kỹ năng bao gồm các thành tố như giao tiếp, nghe, lập luận, tranh luận và phân tích, phê bình...

- **Phản hồi**

Không thể coi nhẹ việc đánh giá trong các khóa đào tạo và hội thảo mà ngược lại, phải được coi là một quá trình phản hồi tương tác thường xuyên. Phản hồi mang tính tích cực và xây dựng cần đảm bảo 3 nguyên tắc:

- Ưu tiên hàng đầu cho việc đánh giá tích cực và khen ngợi.
- Tập trung vào các hành động hay tuyên bố cụ thể.
- Phát biểu ý kiến và đưa ra lý do cho quan điểm của mình.

- **Tính linh hoạt**

Các khóa đào tạo về quyền con người phải được thiết kế theo thể thức là các khóa học dễ dàng thích nghi với các tình huống khác nhau, nhóm mục tiêu và hoàn cảnh khác nhau tùy theo những nhu cầu và kinh nghiệm văn hóa và giáo dục. Công tác chuẩn bị cũng cần xem xét các nhóm mục tiêu khác nhau trong cùng một khóa học hoặc các điều kiện khác nhau trong cùng một nhóm. Do đó, các nhà giáo dục về quyền con người cần thận trọng trong việc sử dụng các tài liệu “sẵn có” không phản ánh được các nhu cầu cụ thể của một nhóm mục tiêu. Họ cần sẵn sàng thích nghi hay cập nhật tài liệu sẵn có hoặc tìm kiếm dữ liệu mới, các tính huống v.v. Điều này cũng áp dụng với những người sử dụng cuốn sách “*Tìm hiểu về quyền con người*”, hay còn có nghĩa là một “*công việc đang được tiến hành*”. Ý nghĩa về mặt kỹ thuật đối với quá trình đó là trang web của ETC đã cung cấp tài liệu bổ sung, thông tin cập nhật và hoạt động cụ thể. Người sử dụng được đưa ra các sửa đổi theo chủ đề hoặc mang tính địa phương cho cộng đồng của mình.

Lựa chọn và chuẩn bị kỹ lưỡng tài liệu khiến công tác tổ chức một khóa học trở nên dễ

dàng hơn và việc cung cấp tài liệu và hoạt động rộng rãi hơn, góp phần đem lại tính linh hoạt cho giáo viên trên lớp để có thể phản ứng mau lẹ với các nhu cầu hay tính phức tạp của nhóm. Một cách thức hiệu quả khác nữa là tổ chức các vấn đề theo chủ đề thành các chuyên đề, để có thể giải quyết linh hoạt và sắp xếp lại nếu cần.

Mặc dù cần tạo một khung thời gian định hướng cho người tham gia, giáo viên không nên bám quá sát vào vấn đề đó, để tránh làm cho người tham gia cảm thấy thất vọng và thờ ơ. Họ cần tìm được sự thỏa hiệp tốt nhất giữa các nhu cầu về tri thức và vật chất của người tham gia (giải lao, điểm tâm, vận động).

- **Đánh giá**

Các câu hỏi kiểm tra với vai trò là công cụ để đánh giá có 3 chức năng chính, phụ thuộc khi nào sử dụng chúng: ban đầu khi khởi động khóa đào tạo, thông qua việc xem các nhu cầu, quan điểm và cấp độ kiến thức trước đó của học viên, chỉ ra tình trạng hiện có, vốn là cơ sở cho tiến bộ và thành tựu đạt được trong khóa học. Trong khóa học, các bài kiểm tra hỗ trợ giảng viên điều chỉnh chương trình của mình. Kiểm tra cuối cùng cho thấy thành tựu đạt được và là một công cụ quan trọng đối với việc sửa đổi và phát triển hơn nữa các khóa học và tài liệu.

- **Tính bền vững/sự tiếp nối**

Câu hỏi điều gì sẽ xảy ra sau khóa học để đạt được kết quả lâu dài cũng cần được coi là một phần của chương trình đào tạo. Các thành tố của kế hoạch và có cấu trúc tiếp theo có thể dưới hình thức hội nghị thường kỳ, các chuyến thực địa và thảo luận chuyên ngành, báo cáo về quá trình học tập của học viên sau khóa học (thành tựu và vấn đề) hay xây dựng các mạng lưới nhằm tăng cường trao đổi thông tin chuyên môn.

CÁC HOẠT ĐỘNG

Các hoạt động được đưa ra trong các chuyên đề

trong sách giúp học viên nâng cao hiểu biết của mình về các nguyên tắc cơ bản của quyền con người, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phê phán và phân tích, tính sáng tạo và kỹ năng thuyết phục, tất cả đều cần thiết đối với nền dân chủ. Các hoạt động đó đem lại cách tiếp cận đa văn hóa, kinh tế - xã hội và lịch sử trong cuộc đấu tranh rộng khắp vì công bằng và nhân phẩm. Chúng cũng nhằm mục đích kết nối con tim với trí tuệ và thách thức học viên nỗ lực tìm hiểu xem quyền con người có nghĩa thể nào với cá nhân họ và khuyến khích họ biến hiểu biết thành hành động có suy nghĩ và phi bạo lực. Sau cùng nhưng không kém phần quan trọng, các hoạt động nhằm mục đích kiểm tra những vấn đề quyền con người xét từ góc độ phức tạp của vấn đề, mà không thiên vị và từ các góc độ khác nhau thông qua hàng loạt các hoạt động giáo dục thực tế. Do đó, mục tiêu cao nhất của mọi hoạt động là chứng minh rằng mọi người có thể tạo nên thay đổi và góp phần hoàn thiện các quyền con người, công bằng và nhân phẩm cho mọi người.

Những hoạt động được lựa chọn trong sách là các thảo luận, trường hợp nghiên cứu, đóng vai và các hoạt động hành vi tự do. Đặc điểm chính của mỗi phương pháp được liệt kê dưới đây và kèm theo đó là các gợi ý hữu ích về phương pháp nhằm giúp điều hành phát triển cách tiếp cận sáng tạo và đổi mới đối với những vấn đề phức tạp được đưa ra trong mỗi hoạt động.

- **Động não**

Động não khuyến khích tính sáng tạo và nhanh chóng hình thành ý tưởng. Nó có thể được vận dụng để xác định các cách thay thế khi xử lý những vấn đề cụ thể, giải quyết một câu hỏi, giới thiệu một chủ đề mới, nâng cao mối quan tâm, khảo sát kiến thức và quan điểm.

Quá trình suy nghĩ về vấn đề có thể tiến hành dưới dạng thức sau:

- Đặt câu hỏi, nêu vấn đề hay chủ đề (vấn đáp và/hoặc viết);
- Mời các thành viên trong nhóm trả lời với

nhiều ý tưởng và gợi ý; lý tưởng nhất là những từ đơn lẻ hay các câu ngắn;

- Ghi lại các câu trả lời trên bảng dán (ghi nhớ rằng thông thường các gợi ý sáng tạo hay kỳ quặc nhất lại có ích và thú vị nhất);
- Sắp xếp ưu tiên, phân tích thông tin đưa ra, và tập hợp các giải pháp.

Quá trình động não là sự khởi đầu hữu ích giúp cho việc giới thiệu các chủ đề khác nhau và có thể được sử dụng như một yếu tố khuyến khích đối thoại, tiến hành trò chơi hay hoạt động nào khác.

● Thảo luận

Thảo luận khuyến khích phản hồi, phân tích và suy nghĩ phê phán, thảo luận giúp cho việc học tập mang tính dân chủ, hợp tác và không cần quan tâm đến thứ bậc đồng thời giúp người tham gia tôn trọng và thừa nhận một loạt các quan điểm và ý kiến. Để thảo luận được tập trung, bạn có thể đặt ra một số câu hỏi chủ chốt ngay từ đầu. Để đảm bảo mọi người có cơ hội nói chuyện, bạn có thể chia lớp thành các nhóm nhỏ hơn. Khi thảo luận kết thúc, tóm tắt các điểm chính bằng miệng hoặc bằng văn bản. Việc điều hành buổi thảo luận phải có mục đích rõ ràng; cần đưa ra các câu hỏi khuyến khích người tham gia và phân tích.

- Giả thiết: “bạn sẽ làm gì nếu...?”
- Nghiên cứu: “Chúng ta có thể giải quyết vấn đề như thế nào?”
- Xác định: “Bạn có thể cho chúng tôi biết bạn nghĩ ý tưởng đó sẽ có tác dụng như thế nào không?”
- Thăm dò: “Sao bạn lại nghĩ như vậy?”
- Làm rõ/tóm tắt: “Tôi có đúng khi nói rằng bạn nghĩ là...?”

Một cách giúp tạo môi trường tin cậy và tôn trọng lẫn nhau là người tham gia đưa ra “Các nguyên tắc thảo luận” của mình:

- Yêu cầu họ suy nghĩ về một số nguyên tắc thảo luận, mà họ nghĩ rằng

mọi người cần tuân thủ.

- Viết ra mọi đề xuất mà mọi người có thể nhìn thấy, kết hợp và đơn giản hóa khi cần. Nếu các nguyên tắc liệt kê dưới đây không được đề xuất, thì bổ sung vào những nguyên tắc mà bạn cho là cần thiết để thảo luận:
 - Lắng nghe khi người khác nói
 - Chỉ một người nói trong một thời điểm.
 - Nhất trí về dấu hiệu riêng để mọi người cùng biết khi muốn nói về một điều gì đó.
 - Tránh ngắt lời khi người khác đang nói.
 - Khi bạn không đồng ý với một người nào đó, đảm bảo là bạn phân biệt được việc phê bình ý tưởng của người đó với chỉ trích người đó.
 - Không được cười đùa khi người khác nói, trừ phi họ đang nói đùa; khuyến khích mọi người tham gia.

Sau cùng, nhưng cũng rất quan trọng, bạn cần sao chép lại danh sách các nguyên tắc và treo chúng ở chỗ mọi người có thể đọc được, bổ sung hay thay đổi nếu cần thiết.

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG

Các tình huống giúp cho việc khuyến khích phân tích, suy nghĩ phê phán, giải quyết vấn đề, kỹ năng lên kế hoạch cũng như hợp tác và xây dựng nhóm. Các tình huống có thể được sử dụng để tạo nên các cuộc tranh luận hiệu quả (*Ví dụ:* các nhóm được giao nhiệm vụ phân tích những quan điểm nhất định về một vấn đề) và so sánh (*Ví dụ:* phân tích khác nhau hay giải quyết các vấn đề theo tình huống). Tình huống bạn lựa chọn có thể là:

- Trường hợp có thật, rút ra từ các sự kiện trong lịch sử hoặc hiện tại;
- Trường hợp hư cấu hay giả thuyết, giải quyết các vấn đề đặc biệt hay chủ đề thảo luận. Các tình huống hư cấu có thể giải quyết các vấn đề nhạy cảm mà không kích động phản ứng về những cá nhân đặc biệt, các tổ chức, nhóm xã hội hay khu vực địa lý;

- Trường hợp thực địa có thể dẫn đến việc người học làm việc và phản ứng trong chính cộng đồng của họ.

• **Đóng vai**

Trong các lần đóng vai, người tham gia được đặt vào các hoàn cảnh hư cấu. Người hướng dẫn có thể hoặc phổ biến chi tiết hoạt động này, hoặc chỉ đưa ra ít thông tin, để người tham gia tự phát triển ý tưởng. Người đóng vai có thể đóng hoặc trong vai người khác hoặc thậm chí hành động như chính họ là nhân vật hư cấu. Tuy nhiên, cần nói rõ ngay từ đầu là hoạt động này không nên kéo dài quá hay quá tỉ mỉ để người xem và người đóng vai có cơ hội theo dõi dễ dàng. Thông thường, diễn xuất có kết thúc mở nhằm đạt được các mục tiêu học tập và khuyến khích thảo luận.

Tuy nhiên, việc đặt ra câu hỏi ở cuối buổi là cần thiết nhằm tạo điều kiện so sánh giữa những gì họ vừa đóng vai và tình huống trong thế giới thực tại. Người hướng dẫn cần nhạy cảm đối với thực tế là một số người cảm thấy không thoải mái, không dễ chịu hay thậm chí là không làm gì được trong tình huống nêu ra.

GIỚI THIỆU/KHỞI ĐỘNG

Để bắt đầu một hoạt động, yêu cầu mọi người giới thiệu về bản thân và tạo cho họ cảm giác mình được hoan nghênh. Nếu cần, có thể sử dụng biện pháp “phá băng”, một hoạt động giúp người tham gia hiểu lẫn nhau và thấy thoải mái được thể hiện mình trong nhóm.

• **Các ví dụ về hoạt động “phá băng”:**

- Tập hợp cá thể: mỗi người mang một đồ vật có ý nghĩa từ nhà đến đóng góp cho một buổi trình diễn, giới thiệu một điều gì đó thực sự có ý nghĩa với họ.
- Xếp hàng: yêu cầu mọi người xếp hàng theo thứ tự cao thấp, độ tuổi, tháng sinh, cỡ giày...

- Phỏng vấn: hai người một nhóm đặt câu hỏi với nhau. Sau đó, mỗi người giới thiệu người kia với cả nhóm.
- Tôi cũng vậy!: Một người giới thiệu tên của mình và nói về bản thân. Ngay khi người khác nghe thấy người này có điểm chung với mình, thì ngắt lời và cũng giới thiệu tên, kể về bản thân. Tiếp tục tới khi tất cả mọi người trong nhóm giới thiệu bản thân.
- Ngồi vòng tròn: xếp ghế theo vòng tròn sát nhau và yêu cầu người tham gia ngồi xuống. Đứng giữa vòng tròn, giới thiệu tên và bản thân. Khi mọi người thấy lời nói của bạn đúng, thì đổi ghế (Ví dụ: Tôi là X, tôi có 2 con; tôi là X và tôi ghét chuột...). Khi đó mỗi người phải tự tìm ghế cho mình. Người không có ghế lại giới thiệu bản thân (như ví dụ ở trên) để người xung quanh có thể tìm được điểm chung với họ.
- Năm tay: Mọi người đứng áp sát nhau thành một vòng tròn, hai tay đưa ra trước. Năm tay người đối diện, không nắm tay người bên cạnh. Yêu cầu người tham gia gỡ vòng tròn mà không bỏ tay nhau ra.

• **Nguyên tắc nhóm**

Sau khi mọi người đã biết về nhau, người điều hành chỉ ra một số điểm mà cả nhóm cần đạt được sau hoạt động chung:

- Thông báo khung thời gian hoạt động và mong muốn tôn trọng thời gian của học viên bằng cách bắt đầu và kết thúc sớm. Bạn thậm chí có thể đề nghị một người theo dõi thời gian, đặc biệt là đối với các hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Giải thích phạm vi hoạt động và yêu cầu người tham gia nói lên những điều mà họ mong muốn; ghi lại những điều đó trên bảng dán. Sau đó kiểm tra lại danh sách và đánh giá một cách trung thực xem buổi học có đáp ứng những nhu cầu như vậy hay không.

- Yêu cầu nhóm cho biết họ không cần điều gì và lập danh sách những điều đó. Điều này tạo nền tảng tốt cho việc thiết lập các nguyên tắc cơ bản đối với nhóm.
- Cùng với nhóm, thiết lập các nguyên tắc cơ bản giúp bạn tạo nên môi trường tin cậy và đem lại sự tôn trọng, tin cậy và hữu hiệu đối với hoạt động tương tác.

• Phản hồi

Phản hồi là một phần thiết yếu của toàn bộ hoạt động. Có nhiều cách để nhận được sự phản hồi và phản hồi lại với người tham gia, do vậy người hướng dẫn cần tự đặt ra các câu hỏi với bản thân như sau:

- Mọi người cảm thấy hoạt động này thế nào?
- Hoạt động đó khó khăn hơn hay dễ hơn so với họ tưởng tượng ban đầu?
- Những yếu tố nào là khó khăn nhất hay những vấn đề nào là khó nhất được đặt ra?
- Mọi người học được điều gì mới về quyền con người?
- Có điểm chung hay điểm khác biệt nào giữa các nhóm?
- Có mâu thuẫn cơ bản nào về ý tưởng quyền con người hay không?

Khi nhận được phản hồi, quan trọng là phải tôn trọng người khác, tập trung vào những gì họ nói hay làm, và đưa ra lý do biện minh cho quan điểm của mình.

Một vài cách phản hồi:

- Bỏ phiếu: mỗi người tham gia viết quan điểm của mình về hoạt động đó trên mẫu giấy và bỏ vào hộp. Sau đó mọi người lấy mỗi mẫu giấy ra, đọc to và cả nhóm thảo luận về quan điểm được nêu ra.
- Hãy nói tiếp đi, tôi đang lắng nghe: mỗi người tham gia có 5 phút để cho mọi người biết về quan điểm cá nhân của mình đối với hoạt động đó.
- Cổ máy con người: mọi người tham gia xếp thành vòng tròn, nắm tay nhau và một người bắt đầu nói về điều mình thích/không thích.

Người bên cạnh nhắc lại quan điểm đó, đồng ý/không đồng ý với nó và đưa ra ý kiến về một vấn đề khác.

- Báo cáo về thời tiết: người tham gia mô tả họ cảm thấy thế nào về hoạt động đó như thể đó là một báo cáo về tình hình thời tiết.

• Kết luận

Điều quan trọng là kết thúc hoạt động vào thời điểm thích hợp. Đặc biệt, người tham gia cần có cơ hội tổng kết những gì họ đã học được, cá nhân cũng như tập thể. Nhìn chung, cách kết thúc vấn đề phụ thuộc nhiều vào các mục đích và tiến trình hoạt động. Sau đây là một vài ý tưởng:

- Truyền bóng: người tham gia truyền bóng cho nhau. Mỗi người đỡ được bóng nói ra 1 điều mà bản thân học được hoặc sử dụng trong buổi học.
- Tổng kết: đặt ra một câu hỏi tóm tắt (Nhận xét gì về những điều bạn biết được trong ngày hôm nay khiến bạn sẽ nhớ mãi?) hay một câu nói mở (hãy nghĩ về một từ hay cụm từ tóm tắt lại cảm xúc của mình). Yêu cầu người tham gia trả lời.
- Trình chiếu: người hướng dẫn đem một số ảnh đến buổi học, bao gồm cả ảnh người tham gia. Phản ánh lại hoạt động, người tham gia bình luận tóm tắt về sự đóng góp của mình, cảm xúc trước, trong và sau buổi học.

TẠI SAO CẦN CÓ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI?

Giáo dục quyền con người là cần thiết đối với việc thực hiện chủ động quyền công dân trong một xã hội đa nguyên và dân chủ. Các công dân cần có khả năng suy nghĩ sâu sắc, đưa ra được sự lựa chọn mang tính đạo đức, có quan điểm mang tính nguyên tắc về các vấn đề và sửa đổi các tiến trình hành động dân chủ. Chỉ những ai hiểu được quyền con người mới hành động để bảo vệ và duy trì các quyền con người cho bản thân họ và

người xung quanh. Tuy nhiên, để tham gia theo cách thức này, cần phải có thông tin. Giáo dục quyền con người hiệu quả cần có hai mục tiêu thiết yếu: học VỀ quyền con người và học VÌ quyền con người. Học về quyền con người thì chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, bao gồm lịch sử các quyền, tài liệu và cơ chế thực hiện.

Giáo dục vì quyền con người nghĩa là hiểu và nắm bắt được các nguyên tắc về bình đẳng và nhân phẩm và cam kết tôn trọng, bảo vệ các quyền của mọi người. Điều đó không chỉ đơn thuần là những gì ta biết mà là cách thức ta làm.

Quyền con người truyền cảm hứng mạnh mẽ và có tính thực tế cao. Đó là những hy vọng, lý tưởng của hầu hết tất cả mọi người, cần phải trao quyền để con người đạt được những hy vọng và lý tưởng đó. Giáo dục quyền con người chia sẻ những khía cạnh truyền cảm hứng và thực tế này. Nó đặt ra các tiêu chuẩn nhưng cũng đem lại nhiều thay đổi. Do đó giáo dục quyền con người có thể:

- Đem lại sự thay đổi về giá trị và quan điểm;
- Đem lại thay đổi trong hành vi;
- Đem lại việc trao quyền vì công bằng xã hội;
- Giúp phát triển quan điểm đoàn kết qua các vấn đề, cộng đồng và dân tộc;
- Giúp phát triển kiến thức và các kỹ năng phân tích;
- Khuyến khích giáo dục thông qua sự tham gia của học viên.

Trong lĩnh vực mới này, nhiều mục tiêu nổi lên và nội dung cần đạt được ở các mục tiêu này thông qua tranh luận liên tục và sáng tạo. Một số mục tiêu có động lực nhất là:

- phát triển phân tích sâu sắc tình huống thực của một người nào đó,
- thay đổi quan điểm,
- thay đổi hành vi,
- làm rõ các giá trị,
- phát triển tình đoàn kết,

- phân tích các tình huống với thuật ngữ quyền con người,
- lập chiến lược và có phản ứng phù hợp đối với sự bất công.

Cuốn sách “Tìm hiểu về quyền con người” có mục đích đóng góp cho cuộc tranh luận về giáo dục quyền con người hiện nay, xét về cả nội dung lẫn hình thức và đóng góp cho tiến trình hình thành một nền văn hóa quyền con người chân thực trên khắp thế giới. Mong muốn của chúng ta là hỗ trợ để học viên có thêm kiến thức và kỹ năng kiểm soát cuộc sống của mình. Chúng tôi tin rằng tìm hiểu về quyền con người, một quá trình trong đó giáo dục quyền con người có vai trò then chốt, nghĩa là trao quyền và mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho nhiều người. Chỉ khi tôn trọng các nguyên tắc của quyền con người trong cuộc sống của mình mới có thể tạo nên những nền tảng cơ bản cho sự cùng tồn tại và tôn trọng các quyền đối với người khác.

(Nguồn: **Hoa, Nancy. 2000.** *Sổ tay giáo dục quyền con người. Thực tế hiệu quả đối với việc học tập, hành động và thay đổi.* Bộ sách *Giáo dục quyền con người. Sách chủ đề tập 4*. Đại học Minnesota: Trung tâm nguồn quyền con người và Quỹ Stanley, trích và sửa đổi bởi ETC

G. TUYÊN BỐ GRAZ VỀ CÁC NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI VÀ AN NINH CON NGƯỜI

Lời mở đầu

Chúng tôi, thành viên của Mạng lưới An ninh con người (bao gồm Áo, Canada, Chile, Hy Lạp, Ireland, Jordan, Mali, Hà Lan, Na-uy, Slovenia, Nam Phi với tư cách là quan sát viên, Thụy Sĩ và Thái Lan).

Dựa theo các nguyên tắc cơ bản và phổ quát ghi trong Hiến chương Liên hiệp quốc và Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và tái khẳng định Điều 26 UDHR, trong đó nói rằng “giáo dục nhằm hướng tới việc phát triển toàn diện nhân cách con người và tăng cường tôn trọng các quyền con người và tự do cơ bản”,

Dựa theo các văn kiện quốc tế về quyền con người, cũng như các tài liệu, tuyên bố và báo cáo thông qua tại các hội nghị quốc tế và khu vực liên quan, đặc biệt là Hội nghị Thế giới về Quyền con người Vienna năm 1993 và văn kiện kết quả của Hội nghị này là “Tuyên bố Vienna và Chương trình hành động” và Đại hội Quốc tế về Giáo dục vì Quyền con người và Dân chủ của UNESCO tại Montreal năm 1993. Cả hai đều tái khẳng định tầm quan trọng của giáo dục quyền con người nhằm thực hiện hiệu quả các cơ chế về quyền con người và khuyến nghị các quốc gia phát triển chương trình và chiến lược cụ thể để đảm bảo giáo dục về quyền con người rộng rãi nhất,

Nhớ lại các nghị quyết liên quan do Đại hội đồng và Ủy ban quyền con người thông qua liên quan đến Thập kỷ quốc gia về giáo dục quyền con người, từ năm 1995 đến năm 2004, xác định giáo dục quyền con người là “các nỗ lực đào tạo, phổ biến và thông tin nhằm xây dựng một nền văn hóa quyền con người phổ quát”,

Hoan nghênh Tuyên bố San Jose về quyền con người ngày 02/12/2001 về Quyền con người là một thành tố thiết yếu của an ninh con người, chỉ rõ “các quyền con người và các thuộc tính bất nguồn từ nhân phẩm con người tạo nên một khuôn khổ quy chuẩn và điểm tham khảo về mặt

khái niệm cần thiết phải áp dụng cho việc xây dựng và thực hiện quan niệm về an ninh con người”, tái khẳng định rằng giáo dục quyền con người có thể là một công cụ quan trọng để thúc đẩy và tăng cường an ninh con người trong khi thừa nhận các quy phạm và nguyên tắc của Luật Nhân đạo quốc tế như là một phần không thể thiếu của an ninh con người,

Tin tưởng rằng giáo dục và học tập về quyền con người cần nâng cao kiến thức, làm rõ các giá trị, thúc đẩy đoàn kết, thay đổi quan niệm và phát triển tư duy sâu sắc cũng như các kỹ năng góp phần đem lại sự tôn trọng và thực thi quyền con người, thúc đẩy nhân phẩm, dẫn đến một cam kết chủ động và đấu tranh để bảo vệ các quyền đó, dẫn đến việc xây dựng một nền văn hóa quyền con người mang tính chính thể và tổng hợp,

Thừa nhận vai trò quan trọng và sáng tạo của các tổ chức cộng đồng và phi chính phủ trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, coi giáo dục quyền con người là một phần trong chương trình nghị sự của các tổ chức đó, phổ biến thông tin và tham gia đối thoại về quyền con người, đặc biệt ở cấp độ cơ sở và tại các cộng đồng vùng sâu vùng xa và nông thôn,

Khẳng định rằng giáo dục và học tập về quyền con người là trách nhiệm tập thể của các nhà nước, các dân tộc, cá nhân và các thành viên khác nhau của xã hội dân sự,

Quyết định thông qua các nguyên tắc của giáo dục quyền con người như sau,

Tăng cường an ninh con người thông qua giáo dục quyền con người

1. Các thành viên của Mạng lưới an ninh con người khẳng định rằng quyền con người và an ninh con người gắn bó chặt chẽ, bởi lẽ thúc đẩy và thực hiện quyền con người là một mục tiêu và phần không thể thiếu được của an ninh con người. Mỗi quan hệ gắn bó này được thực hiện thông qua sự

cam kết lâu dài của mọi thành viên trong Mạng lưới an ninh con người đối với Giáo dục và học tập về quyền con người mang tính chính thể luận. Giáo dục và học tập về quyền con người có thể đóng góp quan trọng đối với an ninh con người thông qua việc thể hiện các mục tiêu của an ninh con người trong khuôn khổ quyền con người. Về khía cạnh này, hợp tác sẽ được phát triển giữa các thành viên của mạng lưới.

2. Giáo dục và học tập về quyền con người là một công cụ mạnh mẽ ngăn ngừa xung đột và ngăn ngừa vi phạm quyền con người và còn là công cụ chuyển giao và củng cố hậu xung đột, do đó, giáo dục và học tập là một thành tố chủ chốt đối với việc đạt được an ninh con người. Giáo dục quyền con người có thể đem lại một nền tảng giá trị và tầm nhìn chung liên quan đến các quy phạm và tiêu chuẩn đối với giải pháp mang tính bền vững về xung đột. Các chiến lược ngăn ngừa xung đột và tái thiết hậu xung đột, do đó, cần được xây dựng trọn vẹn dựa trên các chiến lược thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.
3. Mạng lưới an ninh con người nhằm mục tiêu tái khẳng định Giáo dục và học tập về Quyền con người là một chiến lược phát triển hoạt động cần thiết hướng tới an ninh con người, sự phát triển xã hội và khẳng định nhân phẩm.
4. Giáo dục và học tập về quyền con người cần được kết hợp với các chương trình đào tạo dành cho mọi nhóm mục tiêu, và cùng với việc học tập về luật nhân đạo quốc tế, nâng cao nhận thức về các quan niệm đạo đức, chính trị và luật pháp về quyền con người của những người tham gia xung đột vũ trang và nhờ đó góp phần thực hiện an ninh con người. Hơn nữa, việc học tập các quyền con người của trẻ em, đặc biệt trong xung đột vũ trang, là một chiến lược then chốt của Mạng lưới an ninh con người trong các nỗ lực nhằm đạt được an ninh con người.

Quyền được biết về các quyền con người của chính mình

5. Các thành viên Mạng lưới an ninh con người nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề là mọi

người, nam, nữ, thanh niên, trẻ em đều có quyền được biết, hiểu và đòi hỏi các quyền con người của mình. Đây vốn là một phần của nhân phẩm mỗi cá nhân và hình thành nên một sức mạnh quan trọng đảm bảo an ninh con người.

6. Mạng lưới an ninh con người tái khẳng định là giáo dục và học tập về quyền con người là một mệnh lệnh đối với việc thực hiện và bảo vệ cũng như thụ hưởng đầy đủ mọi quyền con người.
7. Các thành viên Mạng lưới an ninh con người thừa nhận rằng Giáo dục và học tập về quyền con người là một phần không thể tách rời của quyền được giáo dục và của cuộc chiến chống lại nạn mù chữ, nhờ đó, đảm bảo nhân phẩm cho phụ nữ, nam giới, thanh niên và trẻ em cũng như các khả năng thực hiện vai trò hiệu quả của họ trong việc hiện thực hóa sự phát triển con người, xã hội và kinh tế.
8. Giáo dục và học tập về quyền con người bao gồm quyền được biết, tìm kiếm, đạt được, nhận được, nắm giữ và phổ biến thông tin về mọi quyền con người và tự do cơ bản, bao gồm thông tin về cách thức tác động của quyền con người và tự do trong các hệ thống lập pháp, tư pháp và hành pháp trong nước.

Củng cố xã hội và trao quyền cho cá nhân

9. Mạng lưới an ninh con người tái khẳng định rằng giáo dục và học tập về quyền con người là một tiến trình mang tính chủ động hướng tới tương lai nhằm đạt được các kiến thức, nâng cao nhận thức, chuyển giao kiến thức và xây dựng ý thức đem lại các kỹ năng đáp ứng các thách thức chung trong tương lai, đóng góp cho một nền văn hóa quyền con người.
10. Thành tố cốt lõi của giáo dục và học tập về quyền con người là:
 - Nhấn mạnh đặc tính phổ quát của quyền con người;
 - Tăng cường tôn trọng các quyền con người và tự do cơ bản;
 - Xây dựng năng lực cho xã hội và trao quyền cho cá nhân hay các nhóm nhằm

- tận dụng các quyền con người của mình;
 - Đẩy mạnh các nỗ lực chống lại sự phân biệt đối xử, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, bài ngoại và vấn đề liên quan đến sự không khoan dung;
 - Đảm bảo bình đẳng giới;
 - Phát triển đầy đủ nhân cách và nhận thức về chân giá trị;
 - Tạo điều kiện tham gia vào các tiến trình dân chủ;
 - Thúc đẩy sự hiểu biết, tôn trọng và đối thoại với nhau.
11. Các thành viên của Mạng lưới an ninh con người sẽ thúc đẩy Giáo dục và học tập về quyền con người như là một công cụ chuyển đổi xã hội một cách hòa bình xét đến khía cạnh giới và một khuôn khổ phát triển xã hội nhằm trao quyền và xây dựng các khả năng của phụ nữ, nam giới, thanh niên và trẻ em thông qua tư duy sâu, hiểu biết, áp dụng và đòi hỏi quyền con người, bao gồm các quyền về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa và quyền phát triển.

Tôn trọng sự đa dạng: về giới, văn hóa, bình đẳng và quản trị hiệu quả

12. Một thách thức chính đối với tương lai của giáo dục và học tập về quyền con người chính là tăng cường tính phổ quát của các quyền con người thông qua việc tìm hiểu nguồn gốc của các quyền đó trong các truyền thống văn hóa khác nhau, cân nhắc tính đa dạng văn hóa của các cộng đồng và xã hội. Tuy nhiên, sự đa dạng về văn hóa không được sử dụng để biện minh hay làm nguyên cơ của sự phân biệt đối xử hay vi phạm các nghĩa vụ về quyền con người.
13. Các thành viên thuộc Mạng lưới an ninh con người thừa nhận rằng, giáo dục và học tập về quyền con người cần tự do, không có thành kiến về giới, khuôn mẫu chủng tộc hay khuôn mẫu nào khác, nhạy cảm với các nhu cầu đặc biệt và dựa trên các nguyên tắc không phân

biệt đối xử và bình đẳng trong thụ hưởng mọi quyền con người, thừa nhận rằng mọi người sinh ra bình đẳng về nhân phẩm.

14. Thừa nhận tính phụ thuộc lẫn nhau và bản chất củng cố lẫn nhau của dân chủ, phát triển và quyền con người, các thành viên Mạng lưới an ninh con người sẽ hợp tác chặt chẽ nhằm đảm bảo rằng giáo dục và học tập về quyền con người là để tiếp tục tăng cường sự tham gia dân chủ hiệu quả trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Điều đó cần được coi như là một công cụ để thúc đẩy tiến bộ kinh tế và xã hội và sự phát triển bền vững với con người là trung tâm và do đó góp phần thúc đẩy pháp quyền và xây dựng năng lực cho quản trị hiệu quả. Đây được coi là một chiến lược quan trọng hướng tới dân chủ hóa, trách nhiệm và ổn định chính phủ toàn cầu.

Thực hiện các phương pháp giáo dục và học tập mới về quyền con người

15. Giáo dục và học tập về quyền con người phải giải quyết các quyền con người một cách chủ động, liên quan với nhau và logic, quan tâm một cách công bằng tới mọi phần và khía cạnh của khuôn khổ quyền con người, làm rõ bản chất phổ quát, không thể chia tách, phụ thuộc lẫn nhau và liên hệ lẫn nhau của các quyền con người.
16. Giáo dục quyền con người phải là một quá trình học tập có sự tham gia trực tiếp, sử dụng các biện pháp sư phạm chủ động trong việc giải quyết tình hợp lý của các quyền con người với cuộc sống và các mối quan tâm thường nhật của con người.
17. Giáo dục và học tập về các quyền con người phải đi cùng và hợp thành một tiến trình học tập suốt đời trong giáo dục chính quy, đặc biệt cần đưa vào trong chương trình học về lịch sử, giáo dục chính trị và dân chủ công dân và trong quá trình học tập không chính quy ở cấp độ cộng đồng, ví dụ như giáo dục bổ túc thông qua công cụ văn hóa. Hoạt động này phải nhạy cảm về văn hóa, thực tế và hướng

tới các kỹ năng, giải quyết đầy đủ các nhu cầu của học viên ở mọi tầng lớp trong xã hội.

Trách nhiệm đối với Giáo dục quyền con người

18. Các thành viên Mạng lưới an ninh con người nhận thức rằng nhà nước có trách nhiệm chính đảm bảo thúc đẩy Giáo dục quyền con người trong các thiết chế công ở mọi cấp - hành pháp, lập pháp và tư pháp ở cấp độ quốc gia và địa phương - thông qua phổ biến kiến thức về quyền con người và khuyến khích lồng ghép vào giáo dục ở mọi cấp, hình thành các văn kiện và thúc đẩy các mạng lưới đánh giá, hệ thống hóa và phổ biến các kinh nghiệm và tài liệu về Giáo dục quyền con người để xã hội tiếp nhận. Cần phối hợp với các NGO, các cơ quan nghiên cứu, Ủy ban quyền con người quốc gia và các thiết chế quyền con người quốc gia khác (ví dụ như thanh tra) cũng như các tổ chức quốc tế.
 19. Các thành viên của Mạng lưới an ninh con người tin tưởng rằng giáo dục và học tập về quyền con người cũng là trách nhiệm của mọi thiết chế công và xã hội dân sự cũng như báo chí. Đây là các thiết chế có vai trò quan trọng trong việc thông tin cho người dân, thông báo các vi phạm về quyền con người và đảm bảo các tiêu chuẩn báo cáo phản ánh các nguyên tắc của quyền con người (Ví dụ: không định kiến, tôn trọng mọi người và không phân biệt chủng tộc). Các công ty tư nhân được khuyến khích đóng góp cho giáo dục và học tập về quyền con người.
 20. Mạng lưới an ninh con người nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo để các nhà giáo dục và học viên về quyền con người được bảo vệ khỏi sự đàn áp hay khủng bố do các hoạt động mang tính giáo dục. Do vậy, các thành viên của Mạng lưới an ninh con người hoan nghênh sự hợp tác giữa đại diện đặc biệt của những người bảo vệ quyền con người, UNESCO và OHCHR trong việc phát triển các thủ tục giám sát và bảo vệ.
- Con đường phía trước: các bước đi tiếp theo**
21. Các thành viên của Mạng lưới an ninh con người sẽ giúp Văn phòng Cao ủy quyền con người phối hợp với các chương trình thông tin công cộng và giáo dục liên quan của Liên hiệp quốc trong lĩnh vực quyền con người như đã được xác định trong nhiệm vụ của Cao ủy.
 22. Các thành viên của Mạng lưới an ninh con người sẽ quan tâm tới việc thực hiện cụ thể thời gian còn lại của thập kỷ giáo dục quyền con người Liên hiệp quốc và tiếp tục tăng cường thúc đẩy các hoạt động giáo dục quyền con người sau tháng 12/2004, bao gồm phát triển các chiến lược quốc gia về giáo dục quyền con người có sự tham gia, mang tính tổng hợp và hiệu quả.
 23. Các thành viên Mạng lưới an ninh con người cần có đóng góp quan trọng để thúc đẩy các chương trình đào tạo về quyền con người tổ chức ở cấp độ địa phương, quốc gia và khu vực nhằm tăng số lượng các nhà giáo dục quyền con người ở cấp cộng đồng.
 24. Các thành viên Mạng lưới an ninh con người cũng sẽ xem xét hỗ trợ cho các cách tiếp cận đổi mới đối với giáo dục và học tập về quyền con người, như việc xây dựng các thành phố và cộng đồng quyền con người, đem lại các cơ hội mới để tôn trọng hơn các quyền con người ở cấp địa phương. Các cơ quan khu vực về Giáo dục quyền con người có thể đóng góp cho việc xây dựng năng lực trong giáo dục quyền con người và hình thành một cơ sở nguồn linh hoạt ở cấp khu vực.
 25. Về mục tiêu này, các thành viên Mạng lưới an ninh con người hoan nghênh cuốn sách “Tìm hiểu về quyền con người”. Đây là một đóng góp cụ thể đối với hoạt động của Mạng lưới an ninh con người dưới sự chủ trì của Áo và sẽ khuyến khích các cơ sở đào tạo liên quan sử dụng và phổ biến cuốn sách này, xem xét dịch cuốn sách sang các ngôn ngữ khác nhằm giới thiệu cuốn sách vào các khuôn khổ khu vực và văn hóa. Các thành viên Mạng lưới an ninh con người sẽ thúc đẩy và hỗ trợ hơn nữa việc thiết lập một mạng lưới các thiết chế xã hội dân sự trong lĩnh vực Giáo dục và học tập về quyền con người và khuyến khích các hoạt động dựa trên các tài liệu

H. TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Lời nói đầu

Xét vì, việc thừa nhận phẩm giá vốn có và các quyền bình đẳng bất di bất dịch của tất cả các thành viên trong gia đình nhân loại là nền tảng của tự do, công lý và hoà bình trên thế giới;

Xét vì, sự coi thường và xâm phạm các quyền con người dẫn đến những hành vi man rợ xúc phạm tới lương tâm nhân loại, và việc tạo lập một thế giới trong đó con người sẽ được hưởng tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng và tự do thoát khỏi nỗi sợ hãi và sự thiếu thốn đã được tuyên bố như là khát vọng cao cả của những người dân bình thường;

Xét vì, điều cốt yếu là các quyền con người phải được bảo vệ bằng nhà nước pháp quyền, nếu con người không bị bắt buộc phải nổi dậy chống lại sự độc tài và áp bức như là phương sách cuối cùng;

Xét vì, các dân tộc thuộc Liên hiệp quốc đã khẳng định trong Hiến chương niềm tin của mình vào các quyền cơ bản của con người, vào nhân phẩm và giá trị của mỗi con người, vào các quyền bình đẳng giữa nam và nữ đã quyết định thúc đẩy sự tiến bộ xã hội và xây dựng các điều kiện sống tốt hơn, sự tự do rộng rãi hơn;

Xét vì, các quốc gia thành viên đã tự cam kết hợp tác với Liên hiệp quốc, nhằm đạt được việc thúc đẩy sự tôn trọng chung và toàn diện các quyền và những tự do cơ bản của con người;

Xét vì, một nhận thức chung về các quyền và những tự do này là quan trọng bậc nhất để thực hiện đầy đủ cam kết này.

Do đó giờ đây,

Đại hội đồng Liên hiệp quốc công bố, bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người này là chuẩn mực chung cho tất cả các dân tộc và các quốc gia phấn đấu đạt tới để nhằm mục đích cuối cùng là mỗi cá nhân, mỗi tổ chức xã hội luôn luôn ghi nhớ bản Tuyên ngôn này, bằng giáo dục và giảng dạy, sẽ nỗ lực thúc đẩy sự

tôn trọng đối với các quyền và những tự do cơ bản, thông qua các biện pháp tiến bộ quốc gia và quốc tế, đảm bảo sự thừa nhận, tuân thủ chung và hữu hiệu, cả trong các dân tộc của các nước thành viên lẫn trong các dân tộc ở các lãnh thổ thuộc chủ quyền của các nước đó.

Điều 1. Mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền. Họ được phú cho lý trí và lương tri và phải đối xử với nhau trong tình anh em.

Điều 2. Mọi người sinh ra đều được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào như về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, nòi giống hay các tình trạng khác.

Hơn nữa, không được đặt ra sự phân biệt dựa trên địa vị chính trị, pháp lý hoặc quốc tế của quốc gia hoặc lãnh thổ mà một người tùy thuộc vào, dù đó là lãnh thổ độc lập, quản thác, không có hoặc bị hạn chế về chủ quyền.

Điều 3. Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an ninh cá nhân.

Điều 4. Không ai bị giữ làm nô lệ, hoặc bị nô dịch; chế độ nô lệ và buôn bán nô lệ dưới tất cả các hình thức đều bị cấm.

Điều 5. Không ai có thể bị tra tấn hoặc nhục hình, bị đối xử hoặc chịu hình phạt tàn nhẫn vô nhân đạo.

Điều 6. Mọi người đều có thể được công nhận về tư cách pháp lý của mình ở mọi nơi.

Điều 7. Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng, không có bất kỳ sự phân biệt nào. Tất cả mọi người đều bình đẳng về quyền, được bảo vệ chống lại bất kỳ sự phân biệt đối xử nào vi phạm bản Tuyên ngôn này, và chống lại bất kỳ sự kích động phân biệt đối xử nào như vậy.

Điều 8. Mọi người đều có quyền được bảo vệ

bằng các toà án quốc gia có thẩm quyền với phương diện pháp lý có hiệu lực để chống lại những hành vi vi phạm các quyền cơ bản của họ đã được hiến pháp hay pháp luật công nhận.

Điều 9. Không ai bị bắt bớ, giam cầm, đầy ải một cách vô cớ.

Điều 10. Mọi người đều được hưởng quyền bình đẳng hoàn toàn trong việc xét xử công bằng và công khai bởi một toà án độc lập và không thiên vị trong việc quyết định các quyền và nghĩa vụ của họ cũng như về bất cứ sự buộc tội nào đối với họ.

Điều 11.

Mỗi bị cáo, dù đã bị buộc tội, có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm tội theo luật pháp tại một phiên toà xét xử công khai với mọi đảm bảo biện hộ cần thiết.

Không ai bị coi là phạm tội vì bất cứ hành động hoặc không hành động nào đã xảy ra vào thời điểm mà theo luật quốc gia hay luật quốc tế không cấu thành một tội hình sự. Tương tự như vậy, không ai bị tuyên phạt hơn mức hình phạt được quy định vào thời điểm hành vi phạm tội được thực hiện.

Điều 12. Không ai phải chịu sự can thiệp vô cớ đến đời tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín, cũng như sự xúc phạm đến danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy.

Điều 13.

Mọi người đều có quyền tự do đi lại và tự do cư trú trong phạm vi quốc gia.

Mọi người đều có quyền lợi rời khỏi một nước, kể cả chính nước mình và có quyền trở lại nước mình.

Điều 14.

Mọi người đều có quyền tìm kiếm và được hưởng quy chế tị nạn tại nước khác để thoát khỏi sự săn đuổi.

Quyền này không thể được viện dẫn trong trường hợp bị truy nã về những hành động thực sự đi ngược lại với những mục đích, nguyên tắc của Liên hiệp quốc.

Điều 15.

Mọi người đều có quyền có một quốc tịch

Không ai bị tước quốc tịch một cách vô cớ và bị từ chối quyền được đổi quốc tịch.

Điều 16.

Nam và nữ khi đủ tuổi đều có quyền kết hôn và xây dựng gia đình, không có bất kỳ sự hạn chế nào về chủng tộc, quốc tịch và tôn giáo. Họ được hưởng mọi quyền bình đẳng như nhau khi kết hôn, trong quá trình chung sống và khi ly hôn.

Việc kết hôn chỉ được thực hiện với sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của hai người đính hôn.

Gia đình là đơn vị tự nhiên và cơ bản của xã hội, được xã hội và nhà nước bảo vệ.

Điều 17.

Mọi người đều có quyền sở hữu tài sản của riêng mình hoặc sở hữu chung với người khác.

Không ai bị tước đoạt tài sản một cách vô cớ.

Điều 18. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, nhận thức và tôn giáo. Quyền này bao gồm quyền tự do thay đổi tín ngưỡng hoặc tôn giáo của mình và tự do, hoặc một mình hoặc trong cộng đồng với những người khác, tại nơi công cộng hoặc riêng tư, thể hiện tín ngưỡng hay tôn giáo của mình bằng cách truyền giảng, thực hành, thờ phụng và tuân thủ các nghi lễ.

Điều 19. Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến. Quyền này bao gồm quyền tự do giữ quan điểm mà không bị can thiệp, và tự do tìm kiếm, tiếp nhận và chia sẻ các ý tưởng và thông tin bằng bất kỳ phương tiện nào và không có biên giới.

Điều 20.

1. Mọi người đều có quyền tự do hội họp và lập hội một cách ôn hoà.

2. Không ai bị ép buộc phải tham gia vào bất cứ tổ chức nào.

Điều 21.

Mọi người đều có quyền tham gia vào việc quản lý đất nước mình, trực tiếp hoặc thông qua các đại diện đã được tự do lựa chọn.

Mọi người đều có quyền tham gia bình đẳng vào các dịch vụ công cộng ở nước mình.

Ý chí của nhân dân phải là cơ sở của quyền lực của chính phủ. Ý chí này phải được thể hiện qua các cuộc bầu cử định kỳ và chân thực, phải được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, phổ thông đầu phiếu và bỏ phiếu kín hoặc bằng những tiến trình bầu cử tự do tương đương.

Điều 22. Là một thành viên của xã hội, mỗi người có

quyền được đảm bảo an ninh xã hội và được đảm bảo để được thực hiện các quyền không thể thiếu được về kinh tế, xã hội, văn hoá nhằm hướng tới phẩm giá và sự phát triển tự do nhân cách cá nhân qua những cố gắng của quốc gia và hợp tác quốc tế.

Điều 23.

Mỗi người đều có quyền làm việc, tự do chọn nghề, có những điều kiện làm việc thuận lợi, chính đáng và được bảo vệ chống lại nạn thất nghiệp.

Mỗi người, không có bất kỳ sự phân biệt nào, có quyền được trả lương ngang nhau cho những công việc như nhau.

Mỗi người đi làm được trả lương xứng đáng và hợp lý để đảm bảo cho bản thân và gia đình một cuộc sống có giá trị nhân phẩm và được trợ cấp khi cần thiết bằng các biện pháp bảo trợ xã hội.

Mỗi người đều có quyền thành lập hoặc gia nhập công đoàn để bảo vệ các quyền lợi của mình.

Điều 24. Mọi người đều có quyền nghỉ ngơi và giải trí, bao gồm được giới hạn hợp lý số giờ làm việc và thời gian nghỉ phép định kỳ có hưởng lương.

Điều 25.

Mọi người đều có quyền được đảm bảo một cuộc sống thích đáng, đủ cho sức khoẻ và sự yên vui của bản thân và gia đình, bao gồm có đủ ăn, đủ mặc, có nhà ở và được chăm sóc y tế, cũng như các dịch vụ xã hội cần thiết, và quyền được bảo hiểm trong trường hợp thất nghiệp, đau ốm, tàn phế hoặc góa bụa, khi về già hoặc gặp những thiếu thốn đời sống khác trong những hoàn cảnh vượt quá khả năng đối phó của họ.

Người mẹ và trẻ em phải được đảm bảo sự chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt. Tất cả trẻ em, dù trong hay ngoài giá thú, đều phải được hưởng sự bảo trợ xã hội như nhau.

Điều 26.

Mọi người đều có quyền được giáo dục. Giáo dục phải là miễn phí, ít nhất là ở các giai đoạn tiểu học và trung học cơ sở. Giáo dục tiểu học là phải bắt buộc. Giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp nhìn chung phải được mở rộng cho mọi người và giáo dục đại học phải là bình đẳng cho mọi người đều có thể tham gia tùy theo khả năng cá nhân.

Giáo dục phải nhằm phát triển đầy đủ nhân cách con người và tăng cường sự tôn trọng đối với các quyền và những tự do cơ bản của con người. Giáo dục phải thúc đẩy sự hiểu biết, lòng khoan dung và tình hữu nghị giữa tất cả các dân tộc, các nhóm tôn giáo hoặc chủng tộc và đẩy mạnh hơn nữa cho các hoạt động của Liên hiệp quốc nhằm duy trì hoà bình.

Cha mẹ có quyền ưu tiên được chọn hình thức giáo dục cho con mình.

Điều 27.

Mọi người có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hoá của cộng đồng, quyền được thưởng thức nghệ thuật và được chia sẻ những tiến bộ khoa học cũng như những lợi ích mà chúng mang lại.

Mỗi người đều có quyền được bảo vệ các quyền lợi vật chất và tinh thần phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học hay nghệ thuật nào của chính mình.

Điều 28. Mọi người đều có quyền được đảm bảo một trật tự xã hội và quốc tế, trong đó có các quyền tự do cơ bản nêu trong bản Tuyên ngôn này có thể được thực hiện một cách đầy đủ.

Điều 29.

Mỗi người đều có những nghĩa vụ đối với cộng đồng mà ở chính trong đó nhân cách của bản thân có thể phát triển tự do và đầy đủ.

Mỗi người, trong khi hưởng thụ các quyền và tự do cá nhân, chỉ phải chịu những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là việc thừa nhận sự tôn trọng đối với các quyền và tự do của những người khác và phù hợp với những đòi hỏi chính xác về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

Việc thực hiện các quyền tự do này trong mọi trường hợp không được mâu thuẫn với các mục tiêu và nguyên tắc của Liên hiệp quốc.

Điều 30. Không một điều nào trong Tuyên ngôn này có thể được giải thích với hàm ý cho phép bất kỳ nhà nước, nhóm hoặc cá nhân nào được quyền tham gia vào bất cứ hoạt động hoặc thực hiện bất cứ hành động nào nhằm mục đích huỷ hoại bất kỳ quyền hoặc tự do đã được nêu trong Tuyên ngôn này.

I. THUẬT NGỮ

Nhà nước chuyên chế: thuật ngữ dùng để chỉ nguồn quyền lực hợp pháp duy nhất ở các quốc gia có chế độ quốc vương. Đặc biệt, giai cấp thống trị tại các quốc gia đó cố gắng tước khả năng cạnh tranh với nhà vua của tầng lớp quý tộc và nhà thờ. Ý tưởng này hiếm khi đạt được. Thuật ngữ này không có nghĩa là nhà vua kiểm soát trực tiếp và kịp thời cuộc sống thường nhật.

Hành động kiên quyết: một loạt các hành động dứt khoát hay các chương trình được thiết kế nhằm nâng cao các cơ hội giáo dục và việc làm của các cá nhân hay các nhóm bị từ chối không được tham gia và tiếp cận trong các lĩnh vực đó.

Chủ nghĩa bài Do Thái: thù hằn, định kiến, đàn áp hay phân biệt đối xử với những người Do Thái hay đạo Do Thái. Thực tế, thuật ngữ này là dùng sai từ. Khái niệm “Sê-mít” ban đầu chỉ những hậu duệ của Shem, bao gồm cả người Do Thái và người theo Đạo Hồi ở Trung Đông. Ngày nay, thuật ngữ này dùng chủ yếu chỉ người Do Thái.

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi: chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi là một thuật ngữ của châu Phi chỉ sự phân biệt mang tính hệ thống và được hợp pháp hóa tồn tại ở Nam Phi từ năm 1948 đến năm 1994. Theo Đạo luật đăng ký dân số năm 1950, những người bị xét vào loại có chủng tộc khác chỉ được phép thụ hưởng nền giáo dục, cư trú và hôn nhân trong chủng tộc của mình. Sau khi ông Nelson Mandela được bầu làm Tổng thống năm 1994, hệ thống trên đã bị phá bỏ về mặt pháp lý, mặc dù những hành vi phân biệt chủng tộc tương tự vẫn còn tiếp diễn nhưng không còn mang tính chính thức như trước.

Bỏ đạo: là một thuật ngữ được sử dụng, thông thường mang tính miệt thị, nhằm miêu tả việc từ bỏ tôn giáo của một người.

Trọng tài: (Luật) việc điều trần và xác định một tranh chấp, đặc biệt là tranh chấp về công nghiệp do một trọng tài công minh được các bên liên quan lựa chọn hoặc nhất trí; (Luật quốc tế) là thủ tục đặt ra để giải quyết các tranh chấp quốc tế.

Xung đột vũ trang: tình huống trong đó hai hay nhiều nhóm có tổ chức tham gia xung đột sử dụng vũ khí, dù là nội bộ hay quốc tế. Bất cứ sự khác biệt nào xuất hiện giữa hai quốc gia và dẫn đến việc can thiệp của các lực lượng vũ trang được gọi là cuộc xung đột vũ trang, thậm chí kể cả khi một trong các bên tham chiến phủ nhận sự tồn tại tình trạng chiến tranh.

Đạo đức sinh học: là nghiên cứu về các vấn đề đạo đức xuất phát từ các nguyên tắc và thực tiễn của một loạt các ngành khoa học. Lĩnh vực đạo đức sinh học bao gồm việc nghiên cứu các vấn đề về đạo đức xuất phát từ các thực tế mang tính khoa học cũng như xem xét về mặt triết học các vấn đề về giá trị và các vấn đề thuộc chính sách công.

Lao động trẻ em: lao động trẻ em là việc làm tước đoạt tuổi thơ, tiềm năng và nhân phẩm của trẻ em và gây tổn hại cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của các em. Công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em năm 1989 kêu gọi bảo vệ để “chống lại sự bóc lột về kinh tế và chống lại việc thực hiện những việc làm có thể gây tổn hại tới thể chất hay các cơ hội học tập, hay ảnh hưởng tới sức khỏe hoặc sự phát triển về thể chất, tinh thần, tâm thần, đạo đức hay xã hội.” (Điều 32).

Khiêu dâm trẻ em: là đăng tải hình ảnh của một cá nhân dưới 18 tuổi, hoặc những người có thể dưới 18 tuổi, đang tham gia quan hệ tình dục. Việc đăng tải hình ảnh đó có thể cấu thành hành vi khiêu dâm trẻ em nếu nó được quảng cáo, xúc tiến hoặc thể hiện theo cách thức “truyền tải ấn tượng”, thể hiện tài liệu đó chứa đựng hình ảnh một người vị thành niên thực hiện hành vi giao cấu. Khiêu dâm trẻ em có thể ghi lại bằng băng video, ảnh, phim chưa rửa hay các tệp hình ảnh trên máy tính.

Trẻ em tị nạn: trẻ em tị nạn hay trẻ trốn ra nước ngoài là những người dưới 18 tuổi đang tìm kiếm tị nạn hay sự bảo vệ quốc tế khác, được coi là một người tị nạn theo luật pháp và các thủ tục trong nước và quốc tế, có hoặc không cha mẹ hoặc người lớn đi cùng, hoặc là người bị buộc phải trốn

qua biên giới quốc tế (ví dụ là hậu quả của chiến tranh, nội chiến hay bạo lực nói chung.)

Trẻ em: Công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em năm 1989 xác định trẻ em là “người dưới 18 tuổi, trừ khi đa số được áp dụng sớm hơn, theo luật pháp áp dụng với trẻ em”.

Xã hội dân sự: xã hội dân sự chỉ các thiết chế, tổ chức, hành vi giữa nhà nước, doanh nghiệp và gia đình. Đó là các tổ chức tình nguyện và phi lợi nhuận thuộc các dạng khác nhau, các cơ quan nhân đạo, các phong trào chính trị và xã hội, các hình thức tham gia và liên kết về mặt xã hội khác, các giá trị và khuôn mẫu văn hóa liên quan (định nghĩa của Trường Kinh tế Luân-đôn).

Mục tiêu dân thường: bất cứ mục tiêu nào không mang tính quân sự.

Dân thường: là người không phải là binh lính.

Thiệt hại phụ: thiệt hại hay mất mát do tình cờ gây ra trong một cuộc tấn công mặc dù đã cẩn thận hết mức để ngăn ngừa, hoặc trong mọi tình huống giảm thiểu, gây thiệt hại về tính mạng, thương vong và tổn hại tài sản của dân thường.

Binh lính: người tham gia trực tiếp chiến sự hay thành viên các lực lượng vũ trang của một quốc gia hay tổ chức tham gia xung đột vũ trang.

Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa: do ECOSOC thành lập năm 1985, chức năng ban đầu của Ủy ban là giám sát việc thực hiện Công ước (Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa) của các quốc gia. Ủy ban cố gắng thiết lập các cuộc đối thoại mang tính xây dựng với các quốc gia và theo đuổi việc xác định thông qua các phương tiện khác nhau bất kể các quy phạm ghi trong Công ước (liên quan đến các nhu cầu cơ bản của cuộc sống - việc làm, thực phẩm, nhà ở, y tế, giáo dục và văn hóa) có được áp dụng đầy đủ tại các quốc gia này hay không, và cách thức để nâng cao việc thực hiện và đảm bảo việc thực thi Công ước để mọi người được hưởng thụ đầy đủ các quyền ghi nhận trong Công ước.

Kháng thư: khiếu nại cá nhân hay tập thể với một cơ quan công ước liên quan đến một cáo buộc vi phạm quyền con người. Có thể gọi là “đơn tố cáo”, “khiếu nại” hoặc “đơn thỉnh cầu”.

Khiếu nại: là kháng thư của cá nhân hoặc tập thể với một cơ quan công ước, nhằm gây sự chú ý với một cáo buộc vi phạm quyền con người. (Xem thêm khái niệm kháng thư).

Tính bí mật: khả năng giữ bí mật một điều gì đó. Tính bí mật được lựa chọn là phương pháp làm việc mang tính tiêu chuẩn của Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (ICRC) nhằm có thể tiếp cận với các nạn nhân và bảo vệ họ thông qua đối thoại hiệu quả với cơ quan chức năng.

Công ước (Convention): một thỏa thuận đa phương có hiệu lực theo luật quốc tế đối với các bên. Trong trường hợp Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa thì thuật ngữ tiếng Anh được dùng là Covenant, cũng có nghĩa là Công ước.

Tội ác chống lại loài người: giết người, hủy diệt, nô dịch, trục xuất, tống giam hay tra tấn, được thực hiện như là một phần của một cuộc tấn công rộng khắp hoặc có hệ thống đối với bất cứ dân thường nào.

Tội ác chống lại hòa bình: lập kế hoạch, chuẩn bị, khởi động hoặc khiêu chiến xâm lược, hoặc một cuộc chiến tranh vi phạm các điều ước quốc tế.

Các quyền văn hóa: các quyền được bảo tồn và thụ hưởng bản sắc và phát triển văn hóa riêng.

Tuyên bố: là phát biểu mang tính trình trọng của một cơ quan công ước, có thể bao hàm các khuyến nghị không ràng buộc về mặt pháp lý. Tuyên bố có thể là lời phát biểu của các quốc gia riêng lẻ để giải thích một nghĩa vụ.

Các kỹ thuật tước đoạt: các phương pháp tra tấn tâm lý bao gồm tước đoạt về mặt xã hội hay giáo dục, biệt giam, tước đoạt việc làm và các hoạt động văn hóa, chính trị và tôn giáo, tước đoạt giác quan, tước đoạt không gian thể dục thể thao, không được ngủ, giao tiếp, vệ sinh, dinh dưỡng, y tế....

Vi phạm (Derogation): việc không thực hiện một nghĩa vụ liên quan đến một quyền con người trong các điều kiện xác định rõ ràng như trong trường hợp khẩn cấp mang tính cộng đồng.

Người bị tạm giam: một dân thường bị buộc tội và bị giữ làm tù binh trong xung đột vũ trang.

Phân biệt đối xử trực tiếp: xảy ra khi một cá nhân hoặc một nhóm người nhận được sự đối xử ít ưu đãi hơn người khác hoặc nhóm khác có cùng địa vị đáng được hưởng do chủng tộc, màu da, nguồn gốc hay xuất thân dân tộc, sắc tộc.

Phân biệt đối xử: việc từ chối đối xử công bằng, các tự do dân sự, hay cơ hội đối với những cá nhân hay nhóm liên quan đến giáo dục, chỗ ở, y tế, việc làm hay tiếp cận với các dịch vụ, hàng hóa hay thiết bị. Sự phân biệt đối xử có thể xảy ra trên cơ sở chủng tộc, quốc tịch, giới tính, tuổi tác, tôn giáo, chính trị hay sắc tộc, tình trạng hôn nhân hay gia đình, khuyết tật về thể chất, phát triển hay tâm thần.

Tỉ lệ bỏ học: phần trăm những người bỏ học trước khi hoàn thành khóa học.

Quy trình thích hợp: luật pháp theo quy trình thông thường quản lý thông qua tòa án tư pháp. Để đảm bảo quy trình này đòi hỏi mọi cá nhân được bảo vệ có một phiên tòa công bằng.

Hội đồng Kinh tế và Xã hội: một hội đồng của Liên hiệp quốc gồm 54 thành viên cơ bản giải quyết các lĩnh vực như dân số, phát triển kinh tế, quyền con người và xét xử tội phạm.

Các quyền kinh tế: các quyền con người liên quan đến việc sản xuất, phát triển và quản lý vật chất cần thiết với cuộc sống.

Giáo dục: trong bối cảnh này được hiểu là sự rèn luyện có liên quan chủ yếu với các phương pháp dạy và học trong trường hay các môi trường tương tự trường học, đối lập với các công cụ xã hội hóa không chính thức (Ví dụ: giữa phụ huynh và học sinh).

Giáo dục cơ bản: còn gọi là giáo dục tiểu học, thông thường, đây là giai đoạn đầu trong giáo dục chính quy, bắt đầu ở độ tuổi từ 5-7 và kết thúc vào độ tuổi 11-13.

Bệnh địa phương: sự tồn tại thường xuyên của một căn bệnh hoặc một tác nhân truyền nhiễm trong một khu vực địa lý nhất định; có thể đề cập đến sự phổ biến thường xuyên của một bệnh trong một khu vực nhất định.

Khai sáng: một phong trào tri thức khởi xướng tại nước Anh trong thế kỷ 17, bắt nguồn từ chủ nghĩa hoài nghi tri thức đối với các niềm tin và học thuyết truyền thống, thể hiện một sự “khai trí” trái ngược

với sự đen tối và mông muội - đặc điểm của thời kỳ Trung cổ. Ban đầu, phong trào Khai sáng tập trung vào quyền lực và lẽ phải của con người.

Nhập học: là hành vi chính thức tham gia một khóa học, trường học...

Bệnh dịch: là sự tấn công hoặc ảnh hưởng đến nhiều người cùng lúc trong một cộng đồng hoặc một khu vực.

Công bằng: cách đối xử bình đẳng hoặc không thiên vị, đòi hỏi các trường hợp giống nhau được đối xử giống nhau.

Thanh trừ sắc tộc: đuổi hoặc giết hại một dân tộc khỏi một vùng nhằm khẳng định đặc thù và quyền lực của một nhóm sắc tộc khác.

Chủ nghĩa coi châu Âu là trung tâm: là một tiến trình coi trọng các học thuyết và lý tưởng của châu Âu (và nói chung là phương Tây) hơn so với các nền văn hóa khác. Trong định nghĩa trên hàm ẩn quan niệm rằng các khái niệm của phương Tây khác về cơ bản với các quan niệm ở các nền văn hóa hay các nền văn minh khác. Một ẩn ý trái ngược nhưng quan trọng là quan niệm cho rằng các quan niệm của phương Tây mang tính phổ quát. Tức là họ đã phát triển ở mức tạo thành một dòng chảy văn hóa phổ quát làm cho các thành tố của các nền văn hóa khác có thể dễ dàng chuyển hóa thành. Có một số quan niệm phương Tây như vậy, chúng luôn trong tiến trình thay đổi liên tục. Thông thường, các tư tưởng được xác định là phương Tây về bản chất bao gồm chủ nghĩa cá nhân, quyền con người, quyền thể tục và luật pháp, sự tách rời tôn giáo với nhà nước. Có thể chủ nghĩa coi châu Âu là trung tâm phát triển từ những quan niệm như “gánh nặng của người da trắng” hay tính phổ quát của chủ nghĩa nhân đạo và các nguyên tắc xuất phát từ hệ thống đạo đức Thiên chúa-Judeo, được con người thuộc bất kể nguồn gốc nào thừa nhận.

Niềm tin: là một tôn giáo hay bất cứ tín ngưỡng tôn giáo nào được cộng đồng thừa nhận.

Cắt bỏ cơ quan sinh dục của phụ nữ (FGM/FGC): bao gồm mọi quá trình liên quan đến việc cắt bỏ một phần hoặc toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài hoặc/và gây tổn thương đến các bộ phận sinh dục

phụ nữ vì lý do văn hóa hay bất cứ lý do nào không thuộc về y học. (Định nghĩa của WHO năm 1995).

Mang thai ép buộc: là việc mang thai không hợp pháp của một phụ nữ do bị ép buộc phải có thai, nhằm gây ảnh hưởng về sự cấu thành sắc tộc của cộng đồng hay tiến hành các vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế khác. Định nghĩa này có thể không giống cách giải thích của pháp luật quốc gia.

Ép buộc mại dâm: buộc một người phải hành nghề mại dâm, coi nó như một công cụ trong xung đột vũ trang.

Khu vực tự do thương mại: một vùng công nghiệp trong một quốc gia cho phép các công ty nước ngoài nhập vật liệu để sản xuất và xuất khẩu thành phẩm mà không phải trả những khoản thuế (các lệ phí đối với chính phủ). Do vậy, khu vực tự do thương mại sẽ giúp giảm các chi phí sản xuất của công ty.

Giới: trong đoạn 3 Điều 7, Quy chế Viên về Tòa án hình sự quốc tế năm 1998 xác định giới tính là “hai giới, nam và nữ, trong bối cảnh xã hội. Thuật ngữ “giới” không biểu thị nghĩa nào khác ngoài hai giới tính ở trên.” Theo nghĩa rộng hơn, giới còn bao hàm địa vị xã hội của nam và nữ.

Biến đổi gen: là sự loại bỏ, thay đổi hoặc di chuyển các gen trong một cơ thể cũng như chuyển gen từ cơ thể này sang cơ thể khác. Biến đổi gen còn có nghĩa là sự biến đổi các gen hiện tại hay xây dựng các gen mới và đưa vào cơ thể khác.

Diệt chủng: việc phá hủy một cách có hệ thống và chủ động một nhóm chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo hay văn hóa, thông qua việc giết hại, làm bị thương hay biến đổi làm các điều kiện sống tồi tệ hơn, ngăn chặn việc sinh con hay chuyển trẻ con đi nơi khác.

Không còn tham chiến: chỉ các chiến binh bị bắt hoặc bị thương hoặc những người bị ốm, đắm tàu và không thể chiến đấu được.

Chỉ số nghèo: chỉ số nghèo do UNDP đưa ra để đo mức độ nghèo khổ vượt ra ngoài vấn đề phân chia thu nhập đơn thuần. Có năm thuộc tính của sự nghèo đói được xem xét là mù chữ, suy dinh dưỡng ở trẻ, chết non, y tế kém, hạn chế tiếp cận với nước sạch.

Tính nhân đạo: là sự coi trọng và tôn trọng mọi người không quan tâm họ là ai, bất kể quốc tịch,

chủng tộc, tín ngưỡng tôn giáo, tầng lớp xã hội, các quan điểm chính trị hay các nhóm hoặc các cá tính cá nhân khác.

Mù chữ: không biết đọc, biết viết.

Công tâm/không thiên vị: là việc phục vụ mọi người hoặc đưa ra các quyết định chỉ dựa trên nhu cầu của tất cả mọi người không phân biệt quốc tịch, chủng tộc, tín ngưỡng tôn giáo, tầng lớp xã hội hay quan điểm chính trị.

Phân biệt gián tiếp: bao gồm các hành vi hay chính sách có vẻ như “trung lập” hay “công bằng” nhưng lại gây tác động ngược lại với số lớn người thuộc một nhóm chủng tộc, dân tộc hay sắc tộc nào đó. Điều này có thể xảy ra thậm chí kể cả khi không cố ý.

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc cá nhân: một dạng phân biệt chủng tộc bắt nguồn từ định kiến cá nhân một cách có ý thức.

Đối thoại giữa những người có tín ngưỡng khác nhau: sự nỗ lực khởi động đối thoại, hợp tác và hiểu biết giữa những cá nhân thuộc các tôn giáo khác nhau. Đối thoại giữa các tôn giáo khác nhau cũng có ý nghĩa tương tự.

Những người phải di cư trong khu vực (IDP): là người phải rời bỏ nhà cửa, nhưng không rời khỏi quốc gia, vì sợ bị khủng bố nhằm tránh ảnh hưởng của xung đột vũ trang, bạo lực, các hành vi vi phạm quyền con người hay các thảm họa tự nhiên hoặc do con người gây ra.

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO): thành lập năm 1919, là một phần kết quả của các hiệp định hòa bình sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất nhằm cải thiện các điều kiện làm việc và thúc đẩy công bằng xã hội; ILO trở thành một cơ quan chuyên trách của Liên hiệp quốc năm 1946.

Người bị tạm giữ: là một dân thường hay binh lính không bị buộc tội nhưng bị tạm giữ như một biện pháp an ninh phòng ngừa trong một cuộc xung đột vũ trang.

Tính không khoan dung: không sẵn sàng chịu đựng và/hoặc tôn trọng các tín ngưỡng và thực thi tín ngưỡng khác. Sự không khoan dung về chủng tộc ngăn chặn thành viên của các nhóm chủng tộc khác được chia sẻ công bằng hoặc

hưởng lợi đầy đủ từ các cơ hội sẵn có trong một cộng đồng. Tính không khoan dung về tôn giáo là không chấp nhận hay tôn trọng các tín ngưỡng tôn giáo của người khác.

Chủ nghĩa bài Hồi giáo: một thuật ngữ mới đề cập đến nỗi sợ hãi và đi kèm với sự hằn thù đối với Hồi giáo và thành viên của tôn giáo này.

Tính hợp pháp: mức độ mà các thủ tục của chính phủ tiến hành và thực thi luật pháp có thể chấp nhận được với người dân. Một hệ thống hợp pháp phải mang tính pháp lý nhưng quan trọng hơn là các công dân phải tin ở tính hợp lý của nó và tuân thủ các quy tắc của nó. Tính hợp pháp gắn bó chặt chẽ với sự quản trị: tuân thủ tình nguyện với luật pháp và các quy định dẫn đến tính hiệu quả cao hơn là phụ thuộc vào sự trung thành cá nhân và sự ép buộc.

Maquiladora: một nhà máy, thường thuộc sở hữu nước ngoài, lắp ráp hàng hóa xuất khẩu. Có các điều kiện làm việc thường rất tồi tệ. Đôi khi người ta còn gọi tắt là maquila.

Hòa giải: tiến trình thảo luận giải quyết vấn đề trong đó bên thứ ba làm việc với các bên tranh chấp nhằm hỗ trợ họ đạt được thỏa thuận giải quyết hài lòng thông qua thảo luận. Người hòa giải không có quyền quyết định mâu thuẫn giữa các bên; thay vì thế, các bên trao quyền cho người hòa giải giúp họ giải quyết các vấn đề giữa họ.

Sự cần thiết về quân sự: là khái niệm được các bên tham chiến sử dụng để nói về mức độ vũ lực cần thiết nhằm đạt được mục tiêu của chiến tranh. Mục tiêu của chiến tranh là sự khuất phục hoàn toàn của kẻ thù càng sớm càng tốt với thiệt hại tối thiểu về người, vật chất và tài chính.

Các mục tiêu quân sự: bao gồm các đối tượng mà về bản chất, địa điểm, mục đích hay việc sử dụng chúng góp phần hiệu quả vào hành động quân sự và sự phá hủy mục tiêu đó đem lại thuận lợi về quân sự rõ ràng.

Tính trung lập: không theo phe nào trong một cuộc xung đột.

Tổ chức phi chính phủ (NGO): là bất kể nhóm phi lợi nhuận tự nguyện của các công dân được tổ chức ở cấp độ địa phương, quốc gia hay quốc tế. NGO được thành lập nhằm hướng tới và thúc đẩy một nhiệm vụ nhất định và vì lợi ích chung, NGO thực

hiện các chức năng nhân đạo và dịch vụ, đem các mối quan tâm của công dân tới các chính phủ, ủng hộ và giám sát chính sách và khuyến khích sự tham gia chính trị thông qua việc cung cấp thông tin.

Vô thần: các quan điểm và sự tin tưởng vào thế giới tự nhiên trong lĩnh vực tư duy con người gắn kết với tín ngưỡng và các nguyên tắc của lương tâm mà thông qua đó, các cá nhân sống cả cuộc đời.

Thanh tra: là một thiết chế, thường là một nhân viên chính phủ có nhiệm vụ kiểm tra và báo cáo lại các khiếu nại của dân thường về chính phủ hay các cơ quan công cộng.

Hồ sơ chiến lược giảm nghèo (PRSP): do Ngân hàng thế giới đề xuất (cùng với IMF) năm 1999, PRSP nhằm mô tả tình trạng kinh tế vĩ mô của một quốc gia, bao gồm các chính sách xã hội và cấu trúc. Các hồ sơ này do chính phủ chuẩn bị theo yêu cầu của tiến trình mới để có sự tham gia của các bên liên quan trong xã hội dân sự.

Nghèo: nghèo là một vi phạm quyền con người. Nghèo được thể hiện ở đặc trưng là: thiếu thu nhập/tiền và các nguồn lực sản xuất đủ để đảm bảo một cuộc sống bền vững; thiếu thực phẩm, đói và suy dinh dưỡng, sức khỏe kém; bệnh tật hoành hành; tiếp cận hạn chế hoặc thiếu tiếp cận với giáo dục, vô gia cư và phân biệt, loại trừ khỏi xã hội.

Định kiến: cách suy nghĩ có thiên hướng định kiến với một người hay một nhóm người một cách tiêu cực. Các đánh giá tiêu cực thường thiếu bằng chứng xác đáng. Những quan điểm tiêu cực đó thường không được thừa nhận là nhận định có cơ sở do chúng thường xuyên lặp đi lặp lại. Chúng trở thành các quan niệm “phổ biến” được thừa nhận rộng rãi, và được sử dụng để biện minh cho các hành vi phân biệt đối xử.

Tù binh chiến tranh: binh lính bị bắt trong một cuộc xung đột vũ trang quốc tế. Chỉ các binh lính đáp ứng được các điều kiện nhất định mới được trao địa vị này (chủ yếu là các thành viên của lực lượng vũ trang).

Tính cân đối: nguyên tắc theo đó những mất mát về tính mạng và tài sản dân sự đối với các mục tiêu dân sự không được vượt quá sự thuận lợi cần thiết về quân sự để đạt được mục tiêu quân sự.

Thuyết cải đạo: hành vi cổ thuyết phục một

người thay đổi từ quan điểm này sang quan điểm khác, thường là về tôn giáo. Khích lệ mọi người thay đổi tôn giáo có thể bị coi là không hợp pháp, nếu sử dụng các công cụ không phù hợp như cưỡng ép, đe dọa, sử dụng quyền lực của hệ thống giáo dục công cộng, tiếp cận y tế cộng đồng hay các công cụ khích lệ vật chất khác.

Chủng tộc: thuật ngữ “chủng tộc” do con người đặt ra để phân loại con người dựa trên cơ sở những đặc điểm tương đồng về thể chất và văn hóa xuất phát từ nguồn gốc chung của họ. Khoa học hiện đại cho biết loại chủng tộc về mặt sinh học không có nghĩa lý gì khi áp dụng cho loài người. Về mặt sinh học, loài người cùng chung nguồn gen, và có sự đa dạng gen trong mỗi nhóm vốn được gọi là chủng tộc, hơn là giữa các nhóm với nhau. Đôi khi, ý tưởng đó dựa trên cơ sở hành động xã hội, một nền tảng của chính sách chính phủ và thường được dùng để biện minh cho cách đối xử phân biệt đối với một nhóm người bởi một nhóm người khác.

Chủ nghĩa chủng tộc: một loạt các quan niệm, quan điểm và hành động sai lầm là hậu quả của niềm tin rằng có một nhóm người vốn cao siêu hơn nhóm khác. Chủ nghĩa chủng tộc đề cập tới không chỉ các quan điểm xã hội đối với các nhóm vị chủng văn hóa thiểu số, mà cả các cấu trúc xã hội vốn gạt bỏ những cá nhân và nhóm người đó. Chủ nghĩa chủng tộc có thể tồn tại trong các cấu trúc và chương trình tổ chức và thiết chế cũng như các quan điểm và hành vi của cá nhân.

Phê chuẩn: một thủ tục thông qua đó quốc gia tuyên bố chịu ràng buộc về mặt pháp lý của một hiệp định, sau khi đã nhận được sự nhất trí của quốc hội.

Bảo lưu: tuyên bố của quốc gia tại thời điểm phê chuẩn một công ước, loại bỏ hoặc sửa đổi hiệu lực pháp lý của một số điều khoản nhất định đối với quốc gia đó.

Pháp quyền: là sự quản lý bằng pháp luật bao trùm lên chính phủ để bảo vệ công dân khỏi hành vi độc đoán của nhà nước, và của xã hội nói chung, điều tiết các quan hệ giữa các lợi ích riêng. Nguyên tắc này đảm bảo mọi công dân được đối xử công bằng và là chủ thể của pháp

luật chứ không phải là máy móc của tầng lớp có quyền lực. Nguyên tắc pháp quyền là tiền đề thiết yếu đem lại tính trách nhiệm và khả năng dự đoán ở trong cả khu vực công và tư. Việc thiết lập và tồn tại nguyên tắc pháp quyền phụ thuộc vào thông tin rõ ràng về các quy định, áp dụng không phân biệt đối xử, thực thi hiệu quả các phương pháp có thể dự đoán và thực thi về mặt pháp luật đối với việc thay đổi nội dung của luật pháp và để toàn thể công dân nhận thức được các nguyên tắc công bằng, công tâm hay hợp pháp, và sẵn sàng tuân theo các nguyên tắc đó.

Thế tục: thuộc về hoặc mang tính chủ nghĩa thế tục; liên quan đến những điều trần tục, khác với những điều liên quan đến tôn giáo. Chủ nghĩa thế tục là niềm tin rằng tôn giáo và các vấn đề thuộc về giáo hội không nên can thiệp vào các chức năng của nhà nước, đặc biệt là trong giáo dục công.

Bạo lực giới: hành vi bạo lực dựa trên cơ sở giới, thường cố tình làm tổn thương hay giết hại ai đó.

Nô lệ: được xác định bởi yếu tố về sự sở hữu hay kiểm soát cuộc sống của một người khác, cưỡng ép, hạn chế đi lại và thực tế là người đó không được tự do hay thay đổi chủ lao động. Nô lệ đương đại không dễ xác định hay diệt tận gốc do phần lớn được thừa nhận trong một nền văn hóa. Ràng buộc về nợ là một thực tiễn ở nhiều nơi trên thế giới.

Các quyền xã hội và kinh tế: các quyền đem lại cho người dân an ninh xã hội và kinh tế, đôi khi được gọi là các quyền hướng đến an ninh hay các quyền thuộc thể hệ thứ hai. Ví dụ như quyền về lương thực, nơi ở và y tế. Có sự bất đồng ý kiến liên quan đến việc xem xét liệu chính phủ có bắt buộc phải cung cấp các quyền lợi đó hay không.

Biệt giam: việc một tù binh bị giam riêng và bị hạn chế hoặc rất hiếm khi được tiếp cận với người khác, với một môi trường trong đó bị tước bỏ mọi thứ ngoại trừ các nhu cầu cơ bản để duy trì cuộc sống và thường bị hạn chế ánh sáng, âm thanh, chế độ ăn uống, sách báo, thể dục thể thao và đôi khi là cả nhiệt độ.

Báo cáo viên đặc biệt: một cá nhân được một cơ quan ở cấp độ toàn cầu hay khu vực bổ nhiệm như Ủy ban quyền con người của Liên hiệp quốc, nay là Hội đồng Quyền con người, có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo thường kỳ về tình hình quyền con người ở một quốc gia cụ thể (“báo cáo viên quốc gia”), về một vấn đề cụ thể về quyền con người (“báo cáo viên chuyên đề”). Nếu vị trí này do Tổng thư ký chỉ định, thì được gọi là “đại diện đặc biệt”. Một chức năng tương tự như vậy cũng có thể được trao cho “chuyên gia độc lập”.

 Đại diện đặc biệt; Báo cáo viên đặc biệt

Các chương trình điều chỉnh cấu trúc: phần lớn các khoản nợ của IMF đều có điều kiện kèm theo, cụ thể hóa một loạt các yêu cầu đòi hỏi một quốc gia phải thực hiện để có thể nhận được tiền. Do những yêu cầu này - gọi là các chương trình điều chỉnh cấu trúc - hướng mạnh đến việc giảm chi phí dành cho khu vực xã hội và tự do hóa thị trường, nên chúng thường bị chỉ trích mạnh mẽ.

Chủ nghĩa chủng tộc cấu trúc: những bất bình đẳng bắt nguồn từ việc thực hiện hệ thống của một xã hội nhằm loại trừ số lượng lớn các thành viên của những loại sắc tộc đặc biệt, không được tham gia vào các thiết chế xã hội chính yếu.

Phụ nữ đòi quyền bầu cử: Thuật ngữ dùng để chỉ những người theo thuyết bình quyền ở Anh và Hoa Kỳ đấu tranh đòi quyền cho phụ nữ, đặc biệt là quyền bầu cử.

Thiên Su-ra: một phần bất kỳ trong 114 chương hoặc phần trong kinh Koran.

Phát triển bền vững: sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn thương đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ tương lai.

Phục hồi tra tấn: hành động trao quyền cho các nạn nhân tra tấn giành lại khả năng, sự tự tin và khả năng phục hồi cuộc sống tới mức có thể. Các trung tâm và chương trình phục hồi hoạt động thông qua việc thực hiện một loạt các cách tiếp

cận về đối xử khác biệt nhau; cân nhắc các nhu cầu về thể chất và tâm lý cụ thể của cá nhân nạn nhân bị tra tấn trong môi trường văn hóa, xã hội và chính trị.

Tra tấn: bất cứ hành vi nào gây nên sự đau đớn hay sự chịu đựng nghiêm trọng về thể chất hay tinh thần gây tổn thương cho cá nhân bị giam giữ hay người bị buộc tội; tra tấn không bao gồm nỗi đau hay sự chịu đựng do sự trừng phạt theo quy định của pháp luật, dù là cố ý hay không cố ý.

Công đoàn: một tổ chức công nhân được thành lập nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền lợi của các thành viên thông qua việc thảo luận các thỏa thuận với chủ lao động về tiền lương và điều kiện làm việc. Công đoàn có thể tư vấn luật, hỗ trợ tài chính, cũng như chăm sóc lúc ốm đau và giáo dục. Tổ chức công đoàn độc lập không nằm dưới sự thống trị hay kiểm soát của bất cứ một chủ lao động nào và độc lập về tài chính với chủ lao động.

Buôn bán người: là phong trào đưa người qua biên giới quốc gia và quốc tế bất hợp pháp và bí mật, chủ yếu từ các nước đang phát triển và một số quốc gia quá cảnh, với mục tiêu sau cùng là buộc phụ nữ, bé gái và trẻ em rơi vào các tình huống bị bóc lột, đàn áp về kinh tế hoặc tình dục vì lợi nhuận của chủ, những kẻ buôn bán, tổ chức tội phạm cũng như các hoạt động phi pháp khác liên quan đến buôn bán trái phép, như lao động cưỡng bức.

Những người lao động nghèo: nghèo khổ còn có các ý nghĩa khác ngoài cái dạ dày sôi réo và những cặp mắt trũng sâu. Nó còn nghĩa là những người lao động nghèo - những người có việc làm nhưng vẫn thấy không thể kiếm đủ để sống.

Sự bài ngoại: là sự thù hận, sợ hãi người nước ngoài. Khi những cảm giác như vậy được áp dụng với một dân tộc thiểu số rõ rệt, người ta thường dùng “chủ nghĩa chủng tộc” như là một trường hợp đặc biệt của sự bài ngoại. Nếu thường xuyên sử dụng, những thuật ngữ thể hiện sự khinh miệt sẽ sớm mất đi sức mạnh của chúng, và không còn làm tổn thương các mục tiêu mà thuật ngữ đó hướng tới.

